

VL00004046



VẬN DỤNG

TỰ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

**TRONG CÔNG CUỘC
CẢI CÁCH NỀN
HÀNH CHÍNH NHÀ
NƯỚC HIỆN NAY**

PGS TRẦN ĐÌNH HUỲNH & TS TRỊNH QUANG CẢNH

VL00004046



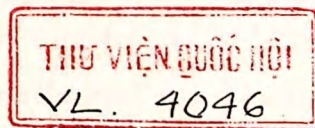
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
TRONG CÔNG CUỘC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC HIỆN NAY**

Bản sao lưu trữ

PGS. TRẦN ĐÌNH HUỖNH
TS. TRỊNH QUANG CẢNH

VẬN DỤNG
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
TRONG CÔNG CUỘC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC HIỆN NAY



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

UNESCO RA NGHỊ QUYẾT VỀ TỔ CHỨC KỶ NIỆM LẦN THỨ 100 NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Dưới đây là toàn văn Nghị quyết của tổ chức Liên hiệp quốc về giáo dục, khoa học và văn hóa (UNESCO):

Phiên họp toàn thể

Xét thấy việc tổ chức kỷ niệm trên quy mô quốc tế những nhà trí thức lỗi lạc và danh nhân văn hóa là góp phần vào việc thực hiện những mục tiêu của UNESCO và vào sự hiểu biết trên thế giới.

Nhắc lại Quyết định số 18C 4351 về việc tổ chức kỷ niệm những vĩ nhân và những sự kiện đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển nhân loại.

Ghi nhận rằng những năm 1990 sẽ được đánh dấu bằng lễ kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hóa lớn.

Xét thấy chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về lòng quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Xét thấy sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của nhân dân Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

1. Khuyến khích các quốc gia thành viên kết hợp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách tổ chức những hoạt động

đa dạng để tưởng niệm Người, để làm cho mọi người hiểu được tầm vóc to lớn của những tư tưởng và sự nghiệp của Người vì công cuộc giải phóng dân tộc;

2. Đề nghị ông Tổng giám đốc UNESCO tiến hành những bước đi phù hợp để kỉ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và giúp đỡ các hoạt động tưởng niệm chung được tổ chức trong dịp này, đặc biệt là các hoạt động diễn ra ở Việt Nam.

Bản sao lưu trữ

“Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số những người đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”.

Tiến sĩ Modgat Ahmét

Giám đốc UNESCO khu vực châu Á- Thái Bình Dương

(Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn”,
NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1990, trang 22).

Bản sao lưu trữ

“... Người là một trong số ít người châu Á lại thân thuộc với cả châu Á và phương Tây. Ít người châu Á nào lại được nhân dân yêu mến như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hiếm người châu Á nào lại đóng một vai trò quan trọng như vậy trong việc tạo dựng một dân tộc mới như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cả sự nghiệp của mình, Người luôn xuất phát từ tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, vừa bằng những kiến thức uyên bác, kinh nghiệm và tài nghệ của mình, vừa bằng sự tận tâm và liêm khiết để giành được sự kính trọng và biết ơn của nhân dân...”

Khó có thể có được một người châu Á khác như Người ở thời đại của chúng ta cũng như trong các thế hệ mai sau. Người thực sự là một người châu Á trong tất cả các thời đại với ý nghĩa đầy đủ nhất của nó...”

GS.TS Sêaphin Quysơn

Chủ tịch Viện nghiên cứu lịch sử dân tộc Manila- Philipin.

(Kỷ yếu Hội thảo quốc tế:

“*Chủ tịch Hồ Chí Minh –*

Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn”,

NXB Khoa học xã hội, H. 1990, trang 35).

Bản sao lưu trữ

LỜI TÁC GIẢ

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh được công bố ở nước ta và nhiều nước trên thế giới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã và ngày càng đi sâu vào đời sống chính trị và đời sống xã hội dân cư Việt Nam, nó ngày càng thực sự là ngọn cờ chỉ lối, là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong sự nghiệp chấn hưng dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Người là nguyên thủ quốc gia 24 năm (1945-1969) và trực tiếp làm chủ tịch Chính phủ 15 năm (1945-1960).

Di sản và sự nghiệp của Người là vô cùng to lớn, toàn diện, bao gồm nhiều lĩnh vực. Riêng trong lĩnh vực hành chính nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà tư tưởng, nhà lý luận mà Người còn là kiến trúc sư lỗi lạc của nền hành chính nhà nước Việt Nam về tất cả các nhân tố cấu thành của nó: xây dựng thể chế tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, công chức, lễ lối làm việc, kỹ thuật hành chính và cơ chế vận hành... Rèn luyện đạo đức, sửa đổi cách làm việc, chống quan liêu, lãng phí, tham ô, đảm bảo xây dựng một nền hành chính phục vụ, thực sự vì dân là tư tưởng, ý chí và hành động suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Di sản của Người để lại cho chúng ta là vô cùng quý báu. Càng đi sâu vào cải cách nền hành chính nhà nước hiện nay, chúng ta lại càng thấy những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh là thiết thực, nóng hổi tính thời sự cấp bách.

Rất tiếc là cho tới nay, vẫn chưa có một công trình chuyên biệt nghiên cứu “Tư tưởng Hồ Chí Minh về nền hành chính nhà nước”.

Để góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập ở bậc đại học, sau đại học, nhất là ở những cơ sở đào tạo chuyên viên hành chính trình độ cao; đồng thời phục vụ đồng đảo bạn đọc quan tâm đến vấn

đề cải cách hành chính nhà nước hiện nay; nhân dịp kỉ niệm lần thứ 115 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 60 năm thành lập nước Việt Nam dân chủ công hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam), chúng tôi mạnh dạn cho ra mắt bạn đọc cuốn sách “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước hiện nay”.

Sinh thời, thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: việc nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự nghiệp của nhiều người, nhiều thế hệ. Cuốn sách này của chúng tôi chỉ là sự cố gắng bước đầu trên con đường học tập và nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh của một cá nhân. Do đó khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được sự cảm thông và góp ý của bạn đọc gần xa.

Tác giả xin chân thành cảm ơn sự cổ vũ và góp ý của nhiều nhà nghiên cứu, của các nhà hoạt động thực tiễn và của một số vị lão thành cách mạng bằng nhiều hình thức khác nhau cho việc hoàn thành cuốn sách này.

Tác giả
TRẦN ĐÌNH HUỶNH

Chương I

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH – ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH TRỊ CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

I. SỰ THỐNG NHẤT VỀ MỤC TIÊU GIỮA CHÍNH TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Chính trị

Khái niệm chính trị ra đời cùng với sự phát triển của chế độ tư hữu và của nhà nước. Trong lịch sử, các nhà tư tưởng, triết học, luật học, quản lý... ở các thời đại khác nhau, đã có những kiến giải khác nhau về khái niệm chính trị. Đáng chú ý là quan niệm của Mác-Vâybe, ông cho rằng chính trị là khát vọng tham gia vào quyền lực hay ảnh hưởng đến sự phân chia quyền lực, định rõ vị thế của từng cá nhân trong một trật tự nhất định. Tuy không nói đến khái niệm giai cấp, song trong quan niệm của ông như trên đã cho thấy, ông mặc nhiên thừa nhận chính trị gắn liền với quyền lực, sự tranh đấu giành quyền lực trong xã hội có phân chia về lợi ích.

Nhiều học giả lại xem chính trị là khả năng con người đóng những vai trò khác nhau, đảm đương những chức năng khác nhau trong khuôn khổ một thể chế xã hội mà các tập đoàn, các nhóm, các dân tộc... đấu tranh và phân chia thẩm quyền, địa vị, trách nhiệm trong xã hội. Đồng quan điểm trên, nhà triết học Platon trong tác phẩm "*Chính trị*" đã nói rõ: Chính trị là "*nghệ thuật cung đình, liên kết trực tiếp các chuẩn mực của người anh hùng và sự thông minh, sự liên kết cuộc sống của họ được thực hiện bằng sự thống nhất tư tưởng và tinh thần hữu ái*".

Các học giả Mác-xít thì cho rằng, cái căn bản nhất của chính trị là chính quyền nhà nước, là nắm lấy quyền lực nhà nước, là giai cấp vô sản "phải trở thành dân tộc", tức là giai cấp vô sản sẽ là người đại biểu cho dân tộc, dùng chuyên chính vô sản để lãnh đạo xã hội, thực hiện sự

chuyển biến xã hội theo xu thế “khách quan” là xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, xóa bỏ giai cấp. Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ph. Ăng ghen đã viết: “Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp tư sản nhất định phải tổ chức thành giai cấp thống trị, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt chế độ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu thụ ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính ngay giai cấp mình...” (C.Mác, Ph.Ăng ghen, T1- tr 569).

V.I.Lênin tiếp tục quan điểm của C.Mác, ông cho rằng chính quyền nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội, là máu chốt của chính trị do giai cấp tiên tiến khởi xướng, rút cuộc là phải xác lập được quyền thống trị của giai cấp ấy. Chính quyền nhà nước là công cụ của giai cấp cầm quyền và pháp luật nhà nước ban hành chẳng qua chỉ là ý chí chính trị của giai cấp cầm quyền được đề lên thành luật mà thôi.

Trong cuốn “*Thường thức chính trị*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ nội hàm của khái niệm chính trị một cách rất cơ bản, phong phú và dễ hiểu, chính trị bao gồm:

- Quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội (giai cấp tư sản, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản...).
- Chế độ xã hội do giai cấp xác lập (chế độ phong kiến, chế độ tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chế độ nhà nước dân chủ công hòa, dân chủ chuyên chính...).
- Đấu tranh giữa các giai cấp trên cơ sở lợi ích kinh tế, động lực cách mạng và con đường giải phóng của những người nghèo khổ.
- Quyền và lợi ích của nhân dân.
- Nhiệm vụ của nhà nước.
- Đảng chính trị, quyền và nghĩa vụ của đảng viên.
- Quan hệ quốc tế và xu thế phát triển hợp quy luật của quốc gia, dân tộc.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh thì mấu chốt của vấn đề chính trị ở Việt Nam trong những năm đầu của thế kỉ XX là giành và giữ vững chủ quyền quốc gia, là thực hiện dân chủ kiểu mới, là làm cho nhân dân thực sự làm chủ (cả vật chất lẫn tinh thần), là Việt Nam dân chủ cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc, là làm cho nước mạnh, dân giàu và sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước trên tinh thần hòa hiếu, tôn trọng chủ quyền và hợp tác cùng có lợi ¹.

2. Hành chính nhà nước

Khái niệm hành chính nhà nước có nội hàm rộng. Trong cuốn “*Hành chính học đại cương*” (Giáo sư Đoàn Trọng Truyền chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997) và “*Hành chính công*” (tập thể tác giả của Học viện hành chính quốc gia, NXB Thống kê, Hà Nội, 2003) đã trình bày khá đầy đủ. Trong phạm vi đề tài này, chúng tôi chỉ xem xét nội hàm của khái niệm hành chính trên hai phương diện cơ cấu và nội dung với tư cách nó là một bộ máy thực thi quyền hành pháp (hành chính nhà nước), là cơ quan quản lý nhà nước của quốc gia.

- Về cơ cấu, hành chính (hành chính nhà nước) được cấu thành bởi một số pháp nhân hành chính: Chính phủ (Chính phủ vừa là cơ quan chính trị, vừa là cơ quan hành chính. Chính phủ ở đây là một tổ chức bộ máy bao gồm người đứng đầu Chính phủ (Thủ tướng), các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ. Chính trị và hành chính hòa quyện vào nhau. Chính phủ không chỉ có chức năng chấp hành pháp luật, mà còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng pháp luật. Dưới Chính phủ là những pháp nhân hành chính có tính cách địa phương (tỉnh, thành phố, huyện, thị xã...).

- Về nội dung, hoạt động hành chính rất rộng, nó thực hiện chức năng quản lý về mọi mặt của đời sống xã hội, đồng thời nó vừa phục vụ mọi lợi ích của nhân dân, vừa cung ứng các dịch vụ công cộng cho toàn xã hội về tất cả các mặt an ninh, xã hội, kinh tế, tài chính, giao thông vận tải, giáo dục, văn hóa, y tế

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, T7-tr201-252

Như vậy, hành chính nhà nước là toàn bộ hoạt động thực thi pháp luật, là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất (Quốc hội- người đại diện cao nhất của nhân dân), nó là tổ chức bộ máy từ trung ương đến địa phương được cấu thành bởi các pháp nhân hành chính, chịu trách nhiệm về mọi mặt trước nhân dân và trước cơ quan lập pháp. Nó thực chất là cơ quan chỉ huy, điều khiển mọi hoạt động của xã hội theo ý chí, mục tiêu chính trị của nhà nước bằng chức năng, hình thức và phương pháp hành chính.

3. Sự thống nhất về mục tiêu giữa chính trị và hành chính nhà nước

- Về mục tiêu: Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập ra nền chính trị cách mạng Việt Nam, đồng thời là người khai sinh nền cộng hòa dân chủ Việt Nam và đặt cơ sở vững chắc cho việc xây dựng nền hành chính hiện đại Việt Nam. Người đã thực hiện nguyên tắc quyền cho ý chí chính trị và nguyên tắc thống nhất giữa mục tiêu chính trị và mục tiêu hành chính trong một mục tiêu chung. Khi nói về mục tiêu chính trị của bản thân mình, ngay từ buổi đầu Lãnh tụ Nguyễn ái Quốc đã tuyên bố sẽ kêu gọi, thức tỉnh và tổ chức những người lao động “nhằm mục đích giải phóng những người bị áp bức khỏi các lực lượng thống trị, thực hiện yêu thương và bác ái”¹. Đến khi chủ trì hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Đông Dương và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930), Người đã soạn “*Chánh cương vắn tắt*”, “*Sách lược vắn tắt*”... của Đảng (Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam). “Chánh cương...” viết: “Về phương diện chính trị:

a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.

b) Làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập.

c) Dựng ra chính phủ công nông binh.

d) Tổ chức ra quân đội công nông”². Khi Đảng cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “Đảng không phải là một tổ

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T7-tr 456

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t3-tr1

chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”¹. Trước lúc qua đời, trong bản “*Di chúc*” lịch sử, Người đã dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi Đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”².

Tháng 10-1945, khi chính quyền nhân dân vừa mới được thành lập trong cả nước, nhân danh chủ tịch lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố: “Chính phủ là công bộc của dân”. Tiếp đó, Người gửi ngay công thư cho “ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng” dặn dò tỉ mỉ về tinh thần trách nhiệm và thái độ đối với nhân dân, trong đó Người đặc biệt chỉ rõ mối quan hệ giữa cơ quan chính phủ với nhân dân: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhưng nếu nước được độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lí gì

Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là đều gánh việc chung cho dân, chứ không phải là để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh.

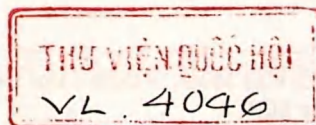
Chúng ta yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta.”³

Trong suốt cuộc đời mình, đặc biệt là 24 năm vừa giữ chức vụ cao nhất của Đảng, vừa là nguyên thủ quốc gia, trong đó 15 năm (1945-1960) trực tiếp đứng đầu Chính phủ, không những trên quan điểm, tư tưởng, lí luận mà quan trọng hơn trong là trong lãnh đạo, tổ chức và điều hành mọi hoạt động của Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều khẳng định: Sự

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sđd, T5 -tr 249

² Hồ Chí Minh toàn tập, sđd, T12 - tr 510

³ Hồ Chí Minh toàn tập, sđd, T4- tr 56-57



thống nhất giữa mục tiêu chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam và của cơ quan hành chính nhà nước là thực hành một chế độ dân chủ kiểu mới- dân chủ nhân dân ở Việt Nam, một chế độ mà “mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Điều của nhân dân lao động và của quốc gia, dân tộc Việt Nam. Giành và giữ vững nền độc lập, xây dựng nền dân chủ cộng hòa và mưu cầu tự do, hạnh phúc cho toàn dân là mục đích chính trị chung của cả Đảng Cộng sản- Đảng cách mạng chân chính cầm quyền và cả của nền hành chính nhà nước.

Lo cho dân, cho nước trong đời sống thường nhật cũng như trong hoạt động mưu cầu hạnh phúc, tự do là trách nhiệm chung của Đảng và Chính phủ. Sự thống nhất giữa mục tiêu chính trị của Đảng và mục tiêu của việc thực thi quyền hành pháp của cơ quan hành chính các cấp (từ Chính phủ đến xã) cũng chỉ là vì lợi ích của nhân dân. Tháng 12-1961, trong một lần nói chuyện với cán bộ, Đảng viên lâu năm ở tỉnh Nghệ An, Hồ Chủ tịch đã nói đại ý rằng: dân không đủ muối, không có gạo đủ ăn, không có vải mặc đủ ấm, các cháu bé không có trường để học, trẻ con mất choẹt, da búng... Đảng và Chính phủ phải lo... Từ việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất nước nhà đến công việc nhỏ nhất như tương cà, mắm muối cho Đảng và Chính phủ cũng phải lo (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, từ tr162- 464). Đó chính là mục tiêu lí tưởng của Đảng và cũng là mục tiêu chính trị của nền hành chính- một nền hành chính dân chủ, của dân và vì dân.

Sẽ là thiếu sót lớn nếu chúng ta chỉ nhấn mạnh tính thống nhất giữa mục tiêu chính trị và mục tiêu hành chính trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà không chú ý đến những chỉ dẫn của Người về sự khác biệt giữa nội dung và phương thức hoạt động của Đảng và Chính phủ để trong công việc tránh chông chéo, trùng lặp, du đẩy lẫn nhau dẫn tới tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Người lưu ý, trong khi tiến hành công tác phải có sự “phân công rành mạch” và lại phải có “sự phối hợp ăn khớp, chỉ đạo chặt chẽ và khéo léo”¹. Công tác ở cơ quan đảng hay công tác ở cơ quan hành chính nhà nước thì cũng đều là làm cách mạng. Song cách mạng bao gồm nhiều công việc, nhiều nghề nghiệp khác nhau. Do đó được

¹ Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, Nhà xuất bản Thông tấn Lý luận, Hà Nội, 1995, T13 – tr 508

phân công làm nghề gì, cần chuyên môn nào thì đều phải học tập thành thực nghề ấy. Bất cứ cán bộ hay công chức, ai cũng phải “vững về chính trị, giỏi về chuyên môn”. Người chỉ rõ, phải huấn luyện nghề nghiệp cho các loại cán bộ, “phải thực hành khẩu hiệu: làm việc gì, học việc ấy, vô luận ở quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, tổ chức, tuyên truyền, công an, ... cán bộ nào phải thạo công việc ở trong môn ấy”¹. Còn việc huấn luyện chính trị thì “môn nào cũng phải có. Nhưng phải tùy theo mỗi môn mà định nhiều hay ít. Thí dụ: cán bộ chuyên về y tế, về văn nghệ, v.v...thì ít hơn. Cán bộ tuyên truyền tổ chức, v.v... thì phải nghiên cứu chính trị nhiều hơn”².

Tóm lại, mục tiêu là thống nhất nhưng nội dung và phương thức tác nghiệp của Đảng chính trị và của hành chính nhà nước là có sự khác biệt. Tính thống nhất về mục tiêu chính là định hướng chính trị của việc xây dựng nền hành chính nhà nước- một nền hành chính phục vụ nhân dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

II. BẢN CHẤT CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Dân chủ và chuyên chính trong hoạt động hành chính nhà nước

Khi nói tới bản chất của nền hành chính nhà nước là nói tới bản chất của chế độ, tức là nói tới mối quan hệ giữa dân chủ và chuyên chính. Nền hành chính ấy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, là của nhân dân cử ra và như trên đã nói, bản chất của nó là dân chủ, là vì dân, là toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân và “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”³.

Chế độ nhà nước dân chủ cộng hòa là gì? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói một cách đơn giản, vắn tắt nhưng đã thể hiện rõ cái cốt lõi khái niệm nhà nước. Cũng giống như các học giả Mác-xít đã nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc lại một cách khái quát rằng: “Trải mấy ngàn năm, xã hội cộng sản nguyên thủy không có chế độ tư hữu, không có sự bóc lột, không có giai cấp thì không có nhà nước.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 – tr 270

² Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T5 – tr 271

³ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T5 –tr60

Từ khi có chế độ tư hữu, người giàu thành giai cấp bóc lột, người nghèo thành giai cấp bị bóc lột. Giai cấp người giàu xây dựng bộ máy thống trị gồm có Chính phủ, quân đội, tòa án, cảnh sát, v.v... Bộ máy ấy gọi là Nhà nước để thống trị giai cấp bị bóc lột. Nhà nước phong kiến là công cụ của địa chủ để thống trị nông dân. Nhà nước tư sản là công cụ của giai cấp tư sản để thống trị giai cấp nông dân”¹.

Về chế độ nhà nước của ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã đánh đổ nền thống trị tối tăm của đế quốc và phong kiến, đã đưa nhân dân ta lên con đường sáng sủa, vẻ vang. Nhà nước ta đã trở thành Nhà nước của nhân dân”².

Nhà nước tư sản cũng nhân danh nhân dân, cũng tự gọi là Nhà nước dân chủ, Nhà nước của dân, nhưng nhà nước đó là Nhà nước của một thiểu số, phục vụ chủ yếu lợi ích của một bộ phận nhân dân. Khái niệm nhân dân có nội hàm là nhân dân tư sản, nhân dân vận động dưới ngọn cờ và luật pháp tư sản.

Còn nhà nước của ta, cũng giống như nhà nước Xô Viết được xây dựng sau cuộc Cách mạng tháng 10 Nga, do Lênin lãnh đạo. Đó là một nhà nước của số đông. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là Nhà nước của đại đa số nhân dân.

Nền dân chủ của chúng ta là nền dân chủ nhân dân, khái niệm nhân dân của ta có nội hàm rộng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã định nghĩa: “Nhân dân là: bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng, các giai cấp ấy đoàn kết lại, bầu ra Chính phủ của mình. Đối với nội bộ nhân dân thì thực hành dân chủ. Đối với đế quốc phong kiến và lũ phản động thì thực hành chuyên chính chống lại chúng, đàn áp chúng”³.

Bản chất của nền hành chính luôn luôn phụ thuộc vào bản chất của nhà nước (trong nhiều trường hợp, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dùng khái niệm “tính chất” như là một từ đồng nghĩa với “bản chất”). Người viết: “Tính chất của một nhà nước là: trong Nhà nước ấy, giai cấp nào

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T7 – tr 216

² Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T7 – tr 216

³ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T7 – tr217

thống trị, giai cấp nào bị thống trị. Nhà nước ấy bảo vệ lợi ích của giai cấp nào...”¹. Rồi Người khẳng định: “Tính chất của nó là nhân dân dân chủ chuyên chính... trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân, tức là của các giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Bốn giai cấp ấy do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm nền tảng, đoàn kết các giai cấp dân chủ và các dân tộc trong nước để thực hành dân chủ chuyên chính”².

Bản chất nhà nước quyết định bản chất của tất cả các nhánh quyền lực của nó, trong đó có quyền hành pháp (bao gồm trong nó quyền lập quy và quyền hành chính).

Nhân dân dân chủ chuyên chính là bản chất của nền hành chính Việt Nam. Nó đã được quy định ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên (1946) của nước ta do đích thân Hồ Chủ tịch chủ trì soạn thảo và đã được Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thông qua.

Nhân dân dân chủ chuyên chính là bản chất của nền hành chính Nhà nước Việt Nam. Nó định hướng cho mọi hoạt động của Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp.

2. Bản chất của Chính phủ

Theo định nghĩa truyền thống, quyền hành chính là thực thi quyền hành pháp hay hành chính là hành pháp trong hành động. Lập pháp ở nước Việt Nam mới là ý chí, là quyền lực của nhân dân Việt Nam mới là ý chí, là quyền lực của nhân dân Việt Nam được ghi nhận thành Hiến pháp và các quy phạm pháp luật. Còn quyền hành pháp ở nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được giao cho Chính phủ. Ngay sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập (2-9-1945), trên báo Cứu quốc số 46 ra ngày 19-9-1945, Hồ Chủ tịch đã trình trọng tuyên bố bản chất của Chính phủ như sau: “Chính phủ là công bộc của dân”³. Đây là sự phân biệt về bản chất của nền hành chính nhà nước Việt Nam do Người đứng đầu với Chính phủ của bọn cướp nước và bọn bù nhìn tay sai bán nước. Trong bản Tuyên ngôn nói trên, Người đã chỉ rõ: “Non 2 tháng trước đây, trước cuộc khởi nghĩa 19-8-1945, nói tới

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T7 – tr 317

² Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T7 – tr217

³ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, t4 – tr 22.

Chính phủ, người ta nghĩ ngay tới bọn đầu đảng cướp nguy hiểm, xảo quyệt. Trái lại, ai ai đối với Chính phủ nhân dân hiện nay cũng đều có một cảm tình thân mật xen lẫn với một tôn kính sâu xa. Chính phủ đối với ta như người “anh cả” trong một gia đình, một đồng chí phụ trách trong một địa phương, một người đứng mũi, chịu sào, ta có thể vững lòng trông cậy và gửi số mệnh vào... Có thể nói: Chính phủ là công bộc của dân... Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu cầu tự do, hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm, việc gì có hại cho dân thì phải tránh”²¹.

3. Bản chất của ủy ban nhân dân các cấp

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, ở các làng xã Việt Nam có các “Hội đồng kì mục” cùng bọn hương lí, chúng là bọn tay sai cho quan thầy (Pháp, Nhật) hà hiếp, đánh đập, bắt bớ nhân dân, vơ vét tiền của, lương thực của nhân dân dưới hình thức sưu cao, thuế nặng. Chúng còn là bọn quan lại ở cơ sở thừa hành quyền lực của bọn thực dân và đại diện cho lợi ích của bọn địa chủ để áp bức, bóc lột dân nghèo một cách công khai, trắng trợn. Chính vì thế nhân dân ta vẫn nhắc nhở nhau, đời nối đời khắc cốt, ghi xương bộ mặt đều cáng của bọn quan lại đó:

*“Con ơi nhớ tới câu này
Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan”.*

Có thể nói bộ máy chính quyền cũ, tất thảy đều là lũ buôn dân, bán nước để làm quan “phát tài”, mưu vinh thân phì gia để “một người làm quan cả họ được nhờ”.

Còn dưới chính thể dân chủ cộng hòa “các ủy ban nhân dân làng, phủ là hình thức Chính phủ địa phương phải chọn trong những người có công tâm, trung thành sốt sắng với quyền lợi dân chúng, có năng lực làm việc, được đông đảo dân làng tín nhiệm. Không thể nhờ tiền tài hay một thế lực gì khác mà chui lọt vào các ủy ban đó.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, t4 – tr.22.

Ủy ban nhân dân làng trái với các Hội đồng kỳ mục thối nát sẽ làm những việc có lợi cho dân, không phạm vào công lý, vào tự do của dân chúng. Nó hết sức tránh các cuộc bắt bớ, đánh đập độc đoán, những cuộc tịch thu tài sản không đúng lí. Ủy ban nhân dân thì chú trọng hết sức trong chỗ chi dùng công quỹ, không dám tùy ý tiêu tiền vào những việc xa phí như ăn uống.

Những nhân viên ủy ban sẽ không lợi dụng danh nghĩa ủy ban để gây bè, tìm cánh, đưa người trong nhà, trong họ vào làm việc với mình.

Nói tóm lại, bao nhiêu những cái xấu xa, thối nát, bất công, áp bức của chế độ cũ, của các Hội đồng kỳ mục trước sẽ không thể tồn tại trong các ủy ban nhân dân bây giờ”¹.

Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp phải là đầy tớ thật trung thành của nhân dân, nghĩa là phải làm việc chung cho nhân dân và phải làm thật tốt, “nó có nhiệm vụ thực hiện tự do, dân chủ cho dân chúng. Nó phải hành động đúng tinh thần tự do, dân chủ đó”².

^{1, 2} Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, T4 – tr23.

Chương II

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – NGƯỜI SÁNG LẬP NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC DÂN CHỦ CỦA VIỆT NAM

I. KHÁI LƯỢC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước đã có một đề tài cấp nhà nước trong chương trình nghiên cứu quốc gia (KX.02) về tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong bộ giáo trình chuẩn quốc gia về tư tưởng Hồ Chí Minh và trong cuốn Danh nhân Hồ Chí Minh (NXB Lao Động, Hà Nội, 2000), đã trình bày tương đối chi tiết. Trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi chỉ đề cập một cách khái lược để đảm bảo tính logic và tính hệ thống khi trình bày tư tưởng của Người về nền hành chính nhà nước.

1. Cơ sở xã hội của nhà nước Việt Nam là dân tộc

Là một người cộng sản, đồng thời là một nhà văn hóa lớn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chú trọng trước tiên đến việc chăm lo lợi ích của giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động, nhưng bao trùm hơn là sự nhìn nhận chẳng những rất đúng đắn mà còn rất sáng tạo về dân tộc và đại đoàn kết dân tộc.

Dân tộc bao gồm nhiều tầng lớp, nhiều bộ phận dân cư. Trong khi xác định là cơ sở xã hội của nhà nước mới, chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng lớp trẻ, lớp thanh niên. Người coi họ là rường cột của nước nhà, là lớp người biết xẻ núi, lấp biển và sẽ đưa nước ta tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu. Tiếp đến là trí thức, tất cả các loại trí thức đích thực, bất kì từ nguồn gốc nào, được đào tạo từ đâu, đã và đang làm việc, sinh sống ở trong nước hay ở nước ngoài. Tiếp đến là phụ nữ. Người coi phụ nữ là lực lượng to lớn của quốc gia, họ hoàn toàn đủ khả năng sánh vai cùng nam giới trong mọi công việc kháng chiến, kiến quốc

nhưng họ lại bị đối xử bất công nhất trong xã hội. Vì vậy, nếu không có phụ nữ tham gia thì cách mạng cũng không thể thành công và nếu không thể giải phóng được phụ nữ thì chỉ là “cách mạng một nửa”. Người đánh giá cao vai trò của người phụ nữ trong lịch sử dân tộc: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp rực rỡ”¹.

Nói đến cơ sở xã hội của nhà nước còn phải đặc biệt lưu ý tới tư tưởng đại đoàn kết dân tộc anh em trong nước Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người chỉ rõ, các dân tộc đa số cũng như thiểu số đều đã cùng nhau chung sức, chung lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta. Đó là một cộng đồng “sống chết cùng nhau, no đói cùng nhau”...

Được ủy nhiệm của Quốc hội thành lập Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố trước quốc hội khóa I kỳ 2, ngày 31-10-1946 như sau: “Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân dân không Đảng phái”. Như mọi người đã biết, trong thành phần của chính phủ Liên hợp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời nhiều nhân sĩ, trí thức lớn, những người có danh vọng kể cả quan lại cao cấp của chế độ cũ tham gia.

Hiến pháp 1946 do Người chủ trì soạn thảo, đã được Quốc hội nhất trí thông qua, làm nức lòng các tầng lớp nhân dân cả nước, bởi lần đầu tiên trong lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc ta, nay mới có một văn bản pháp lý cao nhất trịnh trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và trước thế giới: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (Điều 1, Hiến pháp 1946).

“Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa” (Điều 6, Hiến pháp 1946).

“Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến thiết tùy theo tài năng và đức hạnh của mình” (Điều 7, Hiến pháp 1946).

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, TG-tr 432.

“Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung” (Điều 8, Hiến pháp 1946).

“Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” (Điều 9, Hiến pháp 1946).

Một khối đại đoàn kết dân tộc như trên là cơ sở sức mạnh vững chắc của nhà nước. Đương nhiên, khối đại đoàn kết dân tộc ấy phải được đặt trong một không gian lãnh thổ như cha ông ta đã từng tuyên bố: “Nam quốc sơn hà Nam đế cư”. Chính vì vậy mà Điều thứ hai của Hiến pháp 1946 đã khẳng định “Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất, Trung Nam Bắc không thể phân chia”.

Tư tưởng đoàn kết thống nhất quốc gia, dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhất quán, như sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình Người sáng lập, xây dựng và lãnh đạo nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đó là nhờ sức mạnh và niềm tin mãnh liệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sự bền vững của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, dù kẻ thù định bóp chết nó từ những ngày còn “trứng nước”. Bởi vì Người hiểu thấu và vững tin rằng, hễ là người Việt Nam thì ai cũng có “một lòng nồng nàn yêu nước”. Lòng yêu nước ấy cũng như của quý, người có nhiều, người có ít nhưng nhiều ít gì thì cũng như năm ngón tay, có ngón dài, ngón ngắn nhưng ngắn dài gì thì cũng đều ở nơi một bàn tay, Đảng và nhà nước phải biết phát huy, phát triển tinh thần yêu nước ấy. Trong thư trả lời bức thư của 300 ngụy binh công giáo bị bắt nay xin tha tội, cuối thư, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Ngụy binh cũng là con dân nước Việt, nhưng vì dại mà đi lầm đường, cho nên tôi và Chính phủ sẵn sàng tha thứ những người sớm biết lỗi quay về với đại gia đình kháng chiến”¹.

Đoạn văn sau đây đọc trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng thể hiện rõ tính nhất quán xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh về cơ sở xã hội của nhà nước là dân tộc, là đại đoàn kết của nhân dân các dân tộc Việt Nam:

“Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T6 – tr 305, 306

ngoài đến những đồng bào ở vùng bị tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến nhân dân miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào việc kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước”¹.

2. Quan niệm về dân chủ. Giải quyết sự lựa chọn giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Xử lí mối quan hệ giữa dân chủ hình thức và dân chủ thực tế

*** Quan niệm về dân chủ**

Ở phương Đông, năm 372 TCn, Mạnh Tử đã cho rằng ý dân là ý trời, làm trái ý dân thì trời cũng không ưng thuận. Dân với trời tương quan như thế thì trong thiên hạ dân là quý hơn cả. Ông nói “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”. Nhưng rút cuộc triết lí phương Đông cũng chỉ là tư tưởng thân dân của nhà cầm quyền. ở phương Tây, khi nền kinh tế hàng hóa phát triển, nó đã có cơ sở kinh tế xã hội cho sự xuất hiện một học thuyết về dân chủ. Nhưng về phương diện lý thuyết từ dân chủ hình thức đến dân chủ thực tế là một khoảng cách vô cùng tận. Cùng với tác phẩm của Montesquieu, Voltaire, Didrot... cuốn *Du Contrat Social (Khế ước xã hội)* của Jean Jacqy Rousseau đã trở thành tiền đề lí luận cho cuộc đại cách mạng Pháp và mở ra thời đại của nền dân chủ tư sản. Đã có biết bao giấy mực hết lời ca ngợi nền dân chủ ấy. Tuy vậy, chính trong tác phẩm nói trên (chương IV, quyển III), J. Ruosseau đã viết: “Nếu muốn hiểu thuật ngữ “Dân chủ” một cách thật chuẩn mực thì ta sẽ thấy từ trước tới nay chưa bao giờ có dân chủ và sau này cũng sẽ không bao giờ có dân chủ thực sự”².

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T6 – tr 172.

² Jean Jacqy Rousseau, *Khế ước xã hội*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr 103.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh hoa văn hóa Đông Tây, đặc biệt là tiếp thu một cách sáng tạo tư tưởng dân chủ của C. Mác, Ph Anghen, Lênin, Người đã có những kiến giải về dân chủ một cách thực tế và phù hợp với hoàn cảnh nước ta, một đất nước chưa qua chủ nghĩa tư bản, phải tự đứng lên làm cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ và thiết lập nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Người đã xác lập vị trí tối cao của dân chủ và gắn liền dân chủ với độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Người viết: “Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân”¹. Cũng như Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ chế độ dân chủ mới ở nước ta là dân chủ của số đông (công nhân, nông dân và những người lao động). Muốn có dân chủ thì giai cấp công nhân phải “từ làm chủ tư liệu sản xuất, họ phải được làm chủ việc quản lý kinh tế, làm chủ việc phân phối sản phẩm lao động”². Nước ta là một nước nông nghiệp, đại đa số cư dân sống ở nông thôn, vì vậy, “bao giờ ở nông thôn, nông dân thực sự nắm chính quyền, nông dân được giải phóng thì mới là dân chủ thực sự”³. Những người lao động trí óc cần được tự do sáng tạo và có vị trí to lớn trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới. “Lao động trí óc có nhiệm vụ rất quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong công cuộc hoàn thành dân chủ mới để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁴. Phụ nữ là một lực lượng đông đảo trong dân cư (trên 50% tổng số dân) cho nên chế độ dân chủ mới cần “giải phóng người đàn bà, đồng thời phải tiêu diệt tư tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản trong người đàn ông”⁵.

Một đặc điểm quan trọng trong tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh là quyền bình đẳng giữa các dân tộc, là phát triển kinh tế văn hóa ở vùng đồng bào các dân tộc ít người. Do đó, “phải làm cho các dân tộc anh em dần dần tự quản lý mọi công việc của mình, để mau chóng phát triển kinh tế và văn hóa của mình, để thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt”⁶.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T6 – tr 515.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T12 – tr 568.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T7 –tr 25.

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T6 –tr 203.

⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T8 – tr 524.

⁶ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T7 –tr 543.

Trong chế độ dân chủ của ta phải tôn trọng các quyền tự do của công dân. Các quyền đó cần được đảm bảo bằng pháp luật. Chính vì thế, Điều 10 Hiến pháp 1946 đã ghi “Công dân Việt Nam có quyền:

- Tự do ngôn luận;
- Tự do xuất bản;
- Tự do tổ chức và hội họp;
- Tự do tín ngưỡng;
- Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài”.

Về vấn đề tự do ngôn luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng quyền tự do tư tưởng, quyền được bày tỏ ý kiến của mình và quyền được thảo luận, tranh luận để tìm ra chân lý. Người đã giải thích “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó cũng là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người.

Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý¹.

**** Giải quyết sự lựa chọn giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp***

Các trường phái dân chủ trên thế giới đã từng có những cuộc tranh luận lớn về sự lựa chọn dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Người ta cho rằng nền dân chủ hiện đại phải là dân chủ gián tiếp chứ không thể trực tiếp như nền dân chủ của thành Aten ngày xưa, nơi mà tất cả công dân chỉ có độ chục ngàn người. Bây giờ quy mô các quốc gia hiện đại lớn quá, không thể có dân chủ trực tiếp mà chỉ có dân chủ đại diện mà thôi, rồi tổ chức dân chủ đại diện thế nào cho tốt nhất. Theo họ chủ yếu dựa theo kinh nghiệm của nước Anh mà Hobbes và Locke đã tổng kết, Montesquies và J. Rousseau đã tiếp nhận và bổ sung, Tocqueville đã phát triển thêm khi nghiên cứu về dân chủ kiểu Mỹ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp cả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T8 – tr 216.

Khi dùng dân chủ đại diện, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng không theo mô hình Xô Viết của Lênin. Đó là nền dân chủ mà cơ sở bầu cử tạo ra các Xô viết là nơi công tác, nơi sản xuất chứ không phải là nơi sinh sống của dân cư vì nhận định cơ bản của Lênin là nếu bầu cử theo đơn vị hành chính dân cư thì đây không phải là những cộng đồng vững chắc, có hiểu biết lẫn nhau, khó thực hiện sự theo dõi và kiểm tra thường xuyên người đại diện mình bầu ra. Vì thế Lênin chọn các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đơn vị quân đội, cơ quan bầu ra Xô viết theo hình tháp. Các Xô Viết bầu đại biểu của mình hợp thành Xô Viết quận, huyện; các Xô Viết quận huyện bầu ra Xô Viết tỉnh, các Xô Viết tỉnh bầu ra Xô Viết nước cộng hòa, các Xô Viết nước cộng hòa bầu ra Xô Viết tối cao Liên Xô.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất hiểu mô hình Xô Viết, nhưng Người đã dùng cách bầu cử nhà nước đại diện của phương Tây. Năm 1946, tình hình thế giới và trong nước lúc bấy giờ (như ta đã biết) mà thực hiện được một cuộc bầu cử tự do và dân chủ là tỏ rõ lòng tin mãnh liệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào lòng khát khao của nhân dân đối với chế độ mới. Số người ứng cử đông đảo nhất so với các kì bầu cử quốc hội của ta hiện nay. Số người đi bầu cũng thật hào hứng và đầy tinh thần trách nhiệm trong sự lựa chọn.

Khi bầu cử ra cơ quan nhà nước ấy rồi, thì quyền lực vẫn thống nhất ở nhân dân. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất chứ không phải là cơ quan được giao tất cả quyền lực. Rõ ràng “cao nhất” với “tất cả” (hay “toàn bộ”) là rất khác nhau.

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh thì “Toàn bộ quyền lực, hay “tất cả quyền bính” thì ở và chỉ ở nhân dân mà thôi.

Ở nước ta, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, toà án, Viện kiểm sát... mỗi cơ quan được giao một số quyền. Các tỉnh, cấp dưới cũng được giao một số quyền. Quyền của ai và ai giao? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời dứt khoát: quyền của dân và dân giao.

Làm thế nào mà dân giao quyền mà không mất quyền? Các cơ quan nhà nước được giao quyền mà không tiếm quyền? Đó là một trong những vấn đề lớn của loài người.

Trong nhà nước, tất nhiên cần có sự phân công giữa các loại quyền khác nhau (lập pháp, hành pháp và tư pháp) và các cấp quyền khác nhau (trung ương, địa phương, cơ sở).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chấp nhận sự phân công- nhưng cự tuyệt sự phân lập- và đã khéo kết hợp hài hòa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; quyền trung ương và địa phương, cơ sở.

Trong sự phân công ấy, mối quan tâm đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng một nền hành pháp mạnh, rất mạnh “thực hiện một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân” (Lời nói đầu Hiến pháp 1946). Điều này là một kinh nghiệm lớn của loài người mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận rõ và vận dụng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người chủ trì soạn thảo hai bản Hiến pháp 1946 và 1959. Trong hai bản Hiến pháp ấy mang rất rõ dấu ấn Chủ tịch Hồ Chí Minh và đậm nét Việt Nam. Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về nền dân chủ, về cách tổ chức nhà nước là sự vận dụng kinh nghiệm của Pháp, một phần của Mỹ và của Anh vào Việt Nam, với phương pháp biện chứng macxít và sự kế thừa kinh nghiệm lịch sử của cha ông ta.

Dân chủ trực tiếp, đồng thời phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, tăng cường sự giám sát, tố cáo, khiếu nại, chất vấn của nhân dân và quy định trách nhiệm giải trình, giải quyết, báo cáo của các cơ quan nhà nước.

Để đảm bảo cho nền dân chủ đại diện, kết hợp với dân chủ trực tiếp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và vai trò của mặt trận cũng như các tổ chức xã hội. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, vai trò của Đảng được nêu cao và được công nhận, được tín nhiệm một cách sâu sắc, tự nguyện. Một Đảng cầm quyền nhưng Đảng không cai trị. Điều đó cực khó, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm được. Một đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền mà không cai trị lại rất biết tôn vinh nhà nước (mặc dầu hai bản Hiến pháp 1946 và 1959 từ Điều 1 đến Điều cuối cùng đều không ghi “Đảng lãnh đạo nhà nước”).

**** Xử lý mối quan hệ dân chủ hình thức và dân chủ thực tế***

Nền dân chủ phương Tây, dưới con mắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không phải là nền dân chủ hình thức hoàn toàn. Nó có những mặt tiến bộ, tuy nhiên, đây là một nền dân chủ phiếm diện, có nhiều điều bị xuyên tạc, tô vẽ, lừa mị hoặc bị trắng trợn chà đạp. Chính vì thế, Chủ tịch Hồ Chí

Minh mới tiếp thu điều này, điều kia của họ, đưa những đoạn quan trọng trong Tuyên ngôn của họ vào Tuyên ngôn Độc lập của ta.

Phải qua mấy thế kỉ của nền dân chủ phương Tây, người ta mới đi tới chỗ nhìn nhận toàn bộ các quyền mà nhà nước phải đảm bảo cho công dân là ba loại quyền: quyền chính trị, quyền kinh tế và quyền xã hội.

Có học giả lại chia quyền đó thành hai loại: một là, những quyền tự do (droits-liberté); hai là, những quyền đòi hỏi (droits-céance). Quyền tự do (droits-liberté) là các quyền chính trị và một phần những quyền kinh tế. Quyền đòi hỏi (droits-céance) là những quyền người ta có quyền được hưởng. Đó là một phần những quyền kinh tế và các quyền xã hội. Người ta đòi có quyền sống đàng hoàng có công ăn việc làm để có thu nhập cho lao động của mình, có sự bảo đảm chống lại những tai họa có thể xảy ra trong cuộc sống xã hội như tai nạn lao động, các loại bệnh tật, các tệ nạn xã hội, sự bảo hiểm xã hội khi tuổi già, khi về hưu... đó không phải là những quyền tự do mà là những quyền được đòi hỏi ở xã hội, ở nhà nước.

Những quyền ấy (quyền tự do và quyền đòi hỏi) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ngay từ đầu và khá đầy đủ ở ngay buổi đầu của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Phương Tây đặt nền tảng là tự do kinh tế nhưng không phải là ưu tiên kinh tế đối với người lao động mà là tự do kinh tế trước hết và trên hết đối với các nhà kinh doanh, là tự do quyền tư hữu tài sản, thuê mướn sức lao động để làm giàu. Tự do kinh tế đối với Người trước hết và trên hết là được có công ăn việc làm, được có mức sống xứng đáng với con người, là đồng bào ta ai cũng có việc làm, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Quyền tự do kinh tế với Chủ tịch Hồ Chí Minh trước hết là cho số đông, tất nhiên Người cũng không quên quyền tự do của giới kinh doanh. Tất cả những vấn đề trên được ghi rất rõ trong bản Hiến pháp 1946. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt các quyền tự do chính trị, kinh tế, xã hội ngay từ đầu. Người đặt ra một cách thiết thực và đã làm được từng phần.

3. Phạm vi hoạt động của nhà nước

Đây là vấn đề đặt ra rất sớm trong lịch sử phát triển nhà nước.

Có một thời người ta đồng nhất nhà nước và xã hội, bằng cách tạo ra một hình thức cai trị, nhà nước bao trùm toàn xã hội.

Đến thời Phục Hưng, người ta dần dần phân biệt cộng đồng tôn giáo với cộng đồng chính trị, nhà thờ tách khỏi nhà nước. Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, sau các cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng dân chủ tư sản Pháp, nổi bật lên sự phân biệt giữa xã hội dân sự và xã hội chính trị (tức nhà nước). Hegel là một trong những người đầu tiên phân biệt giữa xã hội dân sự và nhà nước trong tác phẩm “*Nguyên lý triết học về pháp quyền*” của ông. Theo ông, xã hội dân sự ở ngoài nhà nước, là mạng lưới dây đặc các mối quan hệ tương tác và trao đổi giữa những cá nhân nhằm thừa nhận những nhu cầu cá nhân, mỗi người có thể theo cách của mình. Cũng cần có sự phân biệt giữa “xã hội dân sự” (société civile) với xã hội công dân là một tên gọi khác của xã hội chính trị, tức nhà nước (société d’État).

Nhà nước có một số luật lệ, tạo môi trường pháp lý tới một mức nào đó, chứ nhà nước không ôm trùm toàn bộ xã hội dân sự. Xã hội dân sự còn có những phần đời sống riêng tư, có thể như bí ẩn của từng con người mà nhà nước không xâm phạm tới.

C. Mác cho rằng, nhà nước chỉ phục vụ xã hội dân sự và con người, tạo cho con người phát triển chứ không áp đảo, lấn át hay “bao cấp” cho toàn bộ xã hội dân sự. Tất nhiên xã hội dân sự và nhà nước có sự tương tác thường xuyên mạnh mẽ như là một quy luật tự nhiên của đời sống xã hội con người.

Theo truyền thống của chủ nghĩa Mác (và do sự giới hạn của lịch sử, của đời sống thực tiễn, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa có những bước phát triển như bây giờ, chưa xuất hiện các loại hình nhà nước như nhà nước trọng tài, nhà nước cứu thế, nhà nước phúc lợi chung...), nên Người đã chọn một nhà nước có phạm vi hoạt động rất rộng (thể hiện trong những luật lệ mà Người chỉ đạo xây dựng trong suốt 24 năm với tư cách người đứng đầu nhà nước, cả trong lời nói và việc làm của Người, mà ở Chương I chúng ta đã đề cập tới trong một chừng mực nhất định).

Nhà nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh quản lí cả chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, đối nội, đối ngoại... điều này hoàn toàn có thể hiểu được bởi 24 năm làm Chủ tịch đảng cầm quyền và Chủ tịch nước, trên toàn cõi Việt Nam không một ngày im tiếng súng. Xã hội dân sự và xã hội công dân, nhà nước, Đảng, các tổ chức xã hội... tất cả đều phải ưu

tiên cho việc chống trả quân thù xâm lược, để giành độc lập thống nhất toàn vẹn non sông. Vì thế, ngay cả đời sống vợ chồng, là lĩnh vực tình cảm riêng tư của con người cũng phải hòa quyện vào đời sống chính trị, cũng phải “vui duyên mới không quên nhiệm vụ”. Còn các nhà thơ cũng cần phải ghi nhớ “Nay ở trong thơ nên có thép. Nhà thơ cũng phải biết xung phong” (thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh). Trong xã hội dân sự, vấn đề tự do ngôn luận được đặt ra một cách tất nhiên, tuy vậy, vì sự nghiệp kháng chiến các nhà văn hóa cũng cần phải tổ chức chặt chẽ, đi sâu vào quần chúng, phục vụ công nông binh, phải thiết thực và rộng rãi để giúp sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của toàn dân; các nhà văn, nhà báo, “mỗi khi viết nên tự hỏi: Viết cho ai xem? Viết để làm gì? Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn, dễ đọc”, bởi vì học cũng là chiến sĩ cách mạng. “Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”¹.

Mặc dầu vậy, trong cách xử lý của mình, thì từng lĩnh vực, nhà nước can thiệp có độ nông sâu khác nhau, rất có chừng mực. Ví dụ, trong lĩnh vực kinh tế, nhà nước làm với một độ sâu vừa phải, còn chủ yếu là tạo điều kiện để cho người dân làm, là phát huy sáng kiến và lòng hăng hái, dám nghĩ, dám làm và làm có hiệu quả của các tầng lớp dân cư.

Chúng tôi đồng tình với ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, trong việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự và cá nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy được truyền thống cộng đồng – một đặc điểm của Việt Nam, đồng thời Người cũng rất chú trọng vận dụng thành quả về cá nhân của phương Tây.

Có thể kết luận rằng trong tâm thế và hoạt động thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà chính trị, nhà văn hóa, người lãnh đạo quốc gia đã rất coi trọng cá nhân và coi trọng cộng đồng, phát huy cá nhân để phát huy cộng đồng và rồi để cùng “nâng cao dân chúng”, để cộng đồng và cá nhân cùng tiến bước tới “đài vinh quang”.

4. Đặt cơ sở vững chắc cho việc xây dựng một nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân

Học thuyết “Nhà nước pháp quyền” ra đời cùng với thời đại tư sản, đã được các nước phương Tây vận dụng và đã có những thành tựu đáng kể.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T10 –tr 613.

Đánh giá về sự thống trị của nhà nước tư sản, C. Mác và Angghen đã viết trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848) rằng: “Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỉ đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước cộng lại”. Nhưng cũng chính trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, các ông đã vạch ra những hạn chế của xã hội tư bản, tất yếu sẽ dẫn tới sự thay thế chiếm hữu tư bản, thay thế nhà nước tư sản với những pháp luật phiếm diện hẹp hòi của nó bằng một xã hội tiến bộ hơn. Giai cấp vô sản và những người bạn đồng minh của nó là giai cấp nông dân và những trí thức tiến bộ sẽ làm nhiệm vụ thay thế ấy. Tuy vậy, đó là một thời đại lịch sử, là “con đường muôn dặm”, như sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói. Trước hết giai cấp vô sản phải tiến hành một cuộc đấu tranh “lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc..”, “...giai cấp vô sản mỗi nước phải dành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc...”. Các ông cũng chỉ ra rằng “giai đoạn thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản tự xây dựng thành giai cấp thống trị, là giai đoạn giành lấy dân chủ.

Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để... tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất lên”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người hiểu thấu sâu sắc và đã vận dụng sáng tạo những tư tưởng bất hủ nói trên vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Người là nhà biện chứng duy vật lỗi lạc, một người học trò đáng coi là xuất sắc bậc nhất của C. Mác, đã biết chắt chiu, sàng lọc tinh hoa văn hóa loài người (cả phương Đông lẫn phương Tây) và không quên truyền thống của nước mình, một nước có hàng ngàn năm văn hiến.

Như mọi người đều biết, vì trân trọng tư tưởng “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” của cuộc cách mạng tư sản Pháp mà người thanh niên Nguyễn Tất Thành theo hướng trời Tây để tìm con đường cứu nước. Ngay trước khi tiếp xúc với chủ nghĩa Mác- Lênin, Người đã cùng với những người yêu nước Việt Nam ở Paris đề ra “*Yêu sách của nhân dân Việt Nam gửi Hội nghị Véc-xây*” (6-1919). Trong đó đã đòi hỏi về một nền pháp quyền (cho dù là nền pháp quyền tư sản) cho xứ Đông Dương như “cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những bảo đảm về mặt pháp luật như người châu Âu, xóa bỏ hoàn toàn

các tòa án đặc biệt... ban bố các quyền tự do” và “thay chế độ ra các Sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”¹.

Tên tuổi nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc được thế giới, nhất là bọn đế quốc biết tới và ráo riết theo dõi từ đây.

Năm 1922, trong một tài liệu viết tay (hiện còn lưu tại Viện Hồ Chí Minh) có tên là “Việt Nam yêu cầu ca”, diễn thành lời ca Bản yêu sách nói trên, ... trong đó có những câu sáng lấp lánh tư tưởng về một nhà nước pháp quyền:

“Hai xin phép luật sửa sang

Bảy xin Hiến pháp ban hành

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”².

Năm 1926, trong bản “Yêu sách gửi Hội Vạn Quốc”, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã gắn tư tưởng về một nhà nước pháp quyền với việc giải phóng dân tộc. Người đòi “phải trả quyền tự quyết cho dân Việt Nam”, “Chúng tôi yêu sách với Vạn Quốc quyền độc lập- hoàn toàn- tức khắc của dân tộc Việt Nam”. Và tuyên bố: “Nếu được độc lập ngay thì nước chúng tôi... xếp đặt một nền Hiến pháp theo những lý tưởng dân quyền” (Bản yêu sách này ký tên Nguyễn Ái Quốc, sáng lập viên báo Việt Nam hồn. Bên cạnh ghi tên: “Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hội viên danh dự Hội Phục Việt. Bản yêu sách này chưa có trong Hồ Chí Minh toàn tập, hiện đang lưu giữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam mang ký hiệu H.I.G.1).

Từ 2 bản yêu sách (1919 và 1926) nói trên nổi lên tư tưởng hiến chính của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Hiến pháp gắn với dân chủ. Đối với nước ta, khi còn mất chủ quyền quốc gia thì trước hết Hiến pháp gắn với độc lập, tự do.

Hiến pháp là linh hồn của độc lập, tự do, bảo vệ cho độc lập, tự do và đặt khuôn khổ pháp lý cho đời sống dân chủ, cho cuộc sống độc lập, tự do của người dân.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T1 – tr 436, 436.

² Hồ Chí Minh toàn tập, T1 –tr 438.

Hiến pháp mở lối cho phương thức quản lý bằng pháp luật cho việc hình thành các tổ chức của các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội; cho việc hình thành đội ngũ quan chức, viên chức và qui định họ phải làm và chỉ được làm những điều mà pháp luật cho phép; cho một xã hội mà công dân được hưởng các quyền lợi gì, phải làm nghĩa vụ gì đều do pháp luật qui định

Đó là những vấn đề cơ bản của một nhà nước pháp quyền.

Chính vì thế mà ngay sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ quyết định tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, lập Ban soạn thảo Hiến pháp do đích thân Người chủ trì. Và điều này, trước đây ít nói tới là trước khi có Hiến pháp 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh giữ lại nhiều luật lệ của chế độ cũ, chỉ trừ những điều trái với độc lập, tự do. Người đã giải thích: “Một xã hội không thể sống một ngày không có pháp luật”. Liên đó Người đã ký một loạt Sắc lệnh cấp bách: Sắc lệnh bãi bỏ thuế thân, tịch thu tài sản của thực dân và Việt gian, sắc lệnh tổ chức tòa án “độc lập với hành chính”, “các vị thẩm phán chỉ xử trong vòng pháp luật và công lý. Các cơ quan khác không được can thiệp vào việc tư pháp”.

Tư tưởng pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh, còn thể hiện rõ trong các quy định tổ chức bộ máy nhà nước, trong hoạt động hành chính mà từ buổi đầu (1945) đến năm 1959, Người vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa là người đứng đầu Chính phủ, vừa là lãnh tụ của Đảng và từ năm 1951 (sau Đại hội lần thứ 2 của Đảng) là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất nghiêm khắc đòi hỏi mọi tổ chức Đảng, Chính phủ và các đoàn thể, mọi Đảng viên, cán bộ, nhân viên nhà nước, tướng lĩnh, sĩ quan và binh sĩ trong quân đội, trong các lực lượng vũ trang đều phải tuân thủ pháp luật, không ai được đứng trên hay đứng ngoài pháp luật. Để hiểu rõ thêm xin đọc lại mấy bức Công thư sau đây của Người.

1. Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà ngày 17-9-1945
2. Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh huyện và làng ngày 17-10-1945
3. Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ ngày 1-3-1947
4. Thư gửi các đồng chí Trung Bộ 1947.

(Bốn bức thư này đều có trong Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ 2, tập 4 và tập 5).

Với các cơ quan tư pháp, Người đã chỉ rõ phải “Phụng công thủ pháp, chí công vô tư”. Tư pháp phải bảo vệ pháp luật, phải bảo vệ nhân dân, vì thế Người đòi hỏi bất kỳ ai cũng đều phải tuân thủ pháp luật và không một ai vi phạm pháp luật lại không bị nghiêm trị một cách công minh.

Tư tưởng pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất nghiêm khắc nhưng thấm đượm tính nhân văn sâu sắc, mang tính “trị bệnh cứu người” với phương châm “lý lẽ phân minh, nghĩa tình đầy đủ”. Nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều có một ý chung rằng: Với cương vị cao nhất của một Đảng duy nhất cầm quyền và của một nhà nước dân chủ công hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xử lý mọi công việc quốc gia một cách mẫu mực, cho thấy không mấy ai ở thời đại mình có sự nghiêm khắc như Người mà lại nhân từ, khoan dung, độ lượng như Người.

24 năm làm Chủ tịch nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phải dốc toàn bộ trí tuệ, tinh thần và sức lực vào lãnh đạo 2 cuộc chiến tranh gay go, khốc liệt nhất trong lịch sử của dân tộc, nhưng Người cũng đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng hai bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta, xây dựng 16 đạo luật, ký trên 1300 Sắc lệnh và văn bản luật. Đó không phải là một con số nhỏ, xét về số lượng. Mà còn là nền tảng vô cùng vững chắc cho việc xây dựng một nhà nước pháp quyền của chúng ta ngày nay, mặc dầu sinh thời Người không nhắc tới khái niệm “nhà nước pháp quyền”. Một đặc điểm phong cách dễ thấy ở Chủ tịch Hồ Chí Minh là nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều, thiết thực, giản dị, hiệu quả chứ không sinh chữ nghĩa theo kiểu “hàn lâm”.

5. Thiết kế cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của nhà nước

Chủ tịch Hồ Chí Minh không dùng thuật ngữ “hệ thống chính trị”. Nhưng cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của lãnh đạo chính trị (Đảng) và của nhà nước, cả hai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều là “kiến trúc sư”. Trên thực tế hiện hữu đã cho thấy rõ, đó chính là tính chất của một “hệ thống chính trị” như hiện nay chúng ta đang hiểu. Nhưng đó là một cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động sáng tạo, độc đáo, thích hợp, chắc chắn về nguyên tắc, cơ động mềm dẻo và linh hoạt trong hành động. Đó là một cơ

cấu và cơ chế nhất quán về chính trị học, triết học, xã hội học, luật học, tổ chức học, có sự tham khảo mô hình tổ chức các nước phát triển kể cả tham khảo Hiến pháp của các nước tư bản điển hình.

*** Về sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với nhà nước**

Đây là một vấn đề có tính nguyên tắc, là một nhân tố quyết định để xây dựng nhà nước dân chủ mới. ở Việt Nam trong điều kiện chính trị phức tạp của buổi đầu lập nền dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vừa giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản, vừa tôn vinh vai trò của nhà nước, làm cho nhà nước dân chủ mới trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết toàn dân tộc. Đây là một sáng tạo độc đáo của Việt Nam- Hồ Chí Minh. Nó không giống với bất kỳ một nhà nước xã hội chủ nghĩa nào. Trong bài “Trả lời các nhà báo nước ngoài” ngày 21-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố “Trong một nước dân chủ thì mọi người đều có tự do tín ngưỡng, tự do tổ chức. Nhưng vì hoàn cảnh và trách nhiệm, tôi phải đứng ra ngoài mọi đảng phái. Nay tôi chỉ có một tin tưởng vào dân tộc độc lập. Nếu cần có đảng phái thì sẽ là Đảng dân tộc Việt Nam. Đảng đó sẽ chỉ có một mục đích làm cho dân ta hoàn toàn độc lập. Đảng viên của đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô ra ngoài”¹.

Cùng với tinh thần ấy, trong lời tuyên bố trước Quốc hội khóa I, kỳ II ngày 31-11-1946 khi thành lập Chính phủ Liên hiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về bản thân mình. “Tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước Quốc dân, trước thế giới. Tôi chỉ có một Đảng, Đảng Việt Nam”². Đến khi Đảng ra công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam, trong Báo cáo chính trị đọc trước Đại hội Đại biểu toàn quốc (lần thứ II) của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”³.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 161, 162.

² Câu này không có trong Hồ Chí Minh toàn tập, chúng tôi sưu tầm văn bản lưu trữ tại Văn phòng Quốc hội.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, T6 – tr 163 – 176.

Năm 1955, khi cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn (giải phóng miền Bắc), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời một tờ báo của nước ngoài rằng: Đảng chúng tôi đã trở thành “hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc”¹.

Rõ ràng những tuyên bố nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là sách lược chính trị xuyên suốt một tư tưởng chỉ đạo chiến lược: Đảng cộng sản muốn giữ vững vai trò của Đảng cầm quyền, đảng ấy trước hết phải là một tổ chức “có tính quần chúng”, là “hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động” và quan trọng hơn cả, đảng ấy phải là “hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc”, phải “là đạo đức là văn minh”. Một Đảng như vậy sẽ hoàn toàn thống nhất về chính trị, tư tưởng, đường lối với một nhà nước đoàn kết, nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách sáng suốt: Đảng lãnh đạo nhưng Đảng không làm thay nhà nước, Đảng không cai trị mà tôn vinh nhà nước, đảm bảo để nhà nước có thực quyền làm chức năng cai trị (quản lý) mọi mặt của đời sống xã hội.

Làm thế nào để các tổ chức nhà nước, các đoàn thể nhân dân tin cậy, thừa nhận Đảng là người lãnh đạo? Câu trả lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “không phải bằng mệnh lệnh, đòi hỏi, bắt buộc nhà nước và mặt trận phải thừa nhận quyền lãnh đạo của mình mà “phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất”. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”². Người thường dặn, Đảng là mỗi Đảng viên, nhiều đảng viên hợp lại mà thành. Do vậy, Người đòi hỏi “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, phải tự cải tạo mình thành một công dân, một cán bộ gương mẫu. Nên nhớ, “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán hai chữ “Cộng sản” mà ta được họ yêu mến... Muốn làm cách mạng, phải cải cách tính nết của mình trước tiên”³.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, T7 – tr 517.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T3 – tr 139.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 – tr 552.

*** Về tổ chức bộ máy nhà nước**

- Chủ tịch Hồ Chí Minh rất am hiểu cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của nhà nước tư sản nhưng Người không theo chế độ cộng hòa tổng thống như Mỹ hay chế độ đại nghị như Anh. Người cũng không theo mô hình tổ chức bộ máy nhà nước Xô Viết. Hình thức chính thể của nước Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập là cộng hòa dân chủ nhân dân. Hình thức cấu trúc là nhà nước, đơn nhất, thống nhất, không có sự phân chia.

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chính thức được xác lập trong bản Hiến pháp 1946. Nghị viện nhân dân được Hiến pháp quy định là cơ quan có quyền lực cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và là cơ quan lập pháp. Quyền lực tối cao và quyền lập pháp thuộc Nghị viện nhân dân; nhưng khi Nghị viện không họp, Ban thường vụ có quyền biểu quyết những dự án, sắc luật của Chính phủ. Những sắc luật đó phải đem trình Nghị viện vào các phiên họp gần nhất để Nghị viện ưng chuẩn hoặc phế bỏ”.

- Chính phủ được Hiến pháp quy định là “cơ quan hành pháp cao nhất của toàn quốc”. Chính phủ gồm có Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Phó Chủ tịch và Nội các. Nội các có thủ tướng, các Bộ trưởng, thứ trưởng, có thể có Phó thủ tướng.

- Đến Hiến pháp 1959 có một số thay đổi: “Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp, nhưng ủy ban thường vụ quốc hội lại có quyền ra pháp lệnh. Chủ tịch nước không còn là người đứng đầu Chính phủ nhưng “khi xét thấy cần thiết có quyền tham dự và chủ tọa các phiên họp của hội đồng Chính phủ”.

“Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”.

- Về quyền tư pháp, Hiến pháp 1946 đã mạnh dạn vận dụng nguyên tắc tổ chức tư pháp của nhà nước tư sản “Trong khi xét xử các thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp. Quyền tư pháp đã có sự phân công rành mạch với hai quyền lập pháp và hành pháp

đã được xác định kỹ trong Hiến pháp 1959: “Khi xét xử tòa án có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

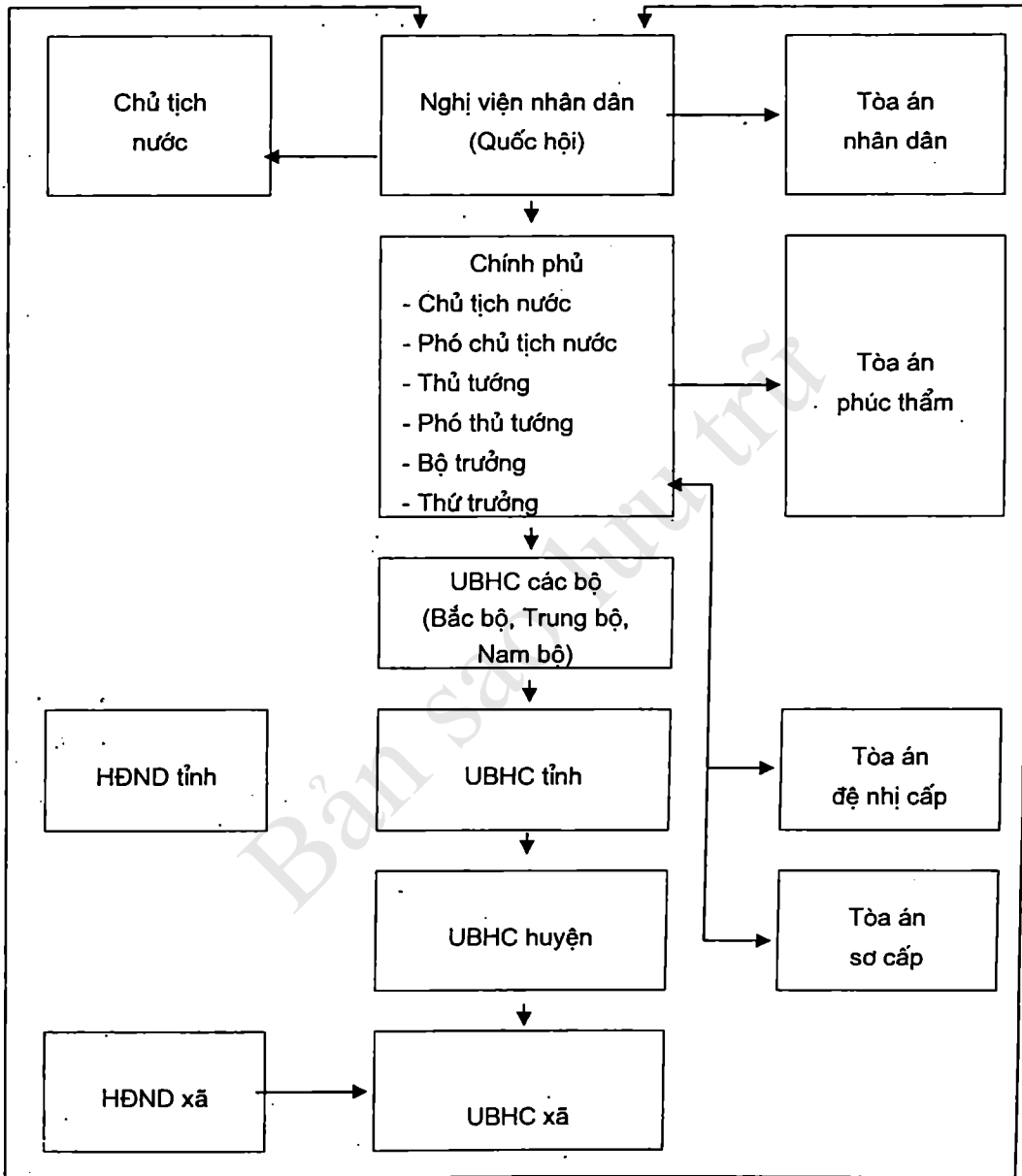
Tóm lại, ta có thể tìm thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất có phân công giữa các cơ quan thực thi quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thống nhất quyền lực chứ không phải tập trung quyền lực vào Quốc hội.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, như vậy vừa phát huy được quyền lực của cơ quan nhà nước cao nhất, vừa đảm bảo để cơ quan hành chính cao nhất có đủ quyền hành để thực thi quyền hành pháp.

Dưới đây là mô hình nhà nước được tổ chức theo Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959

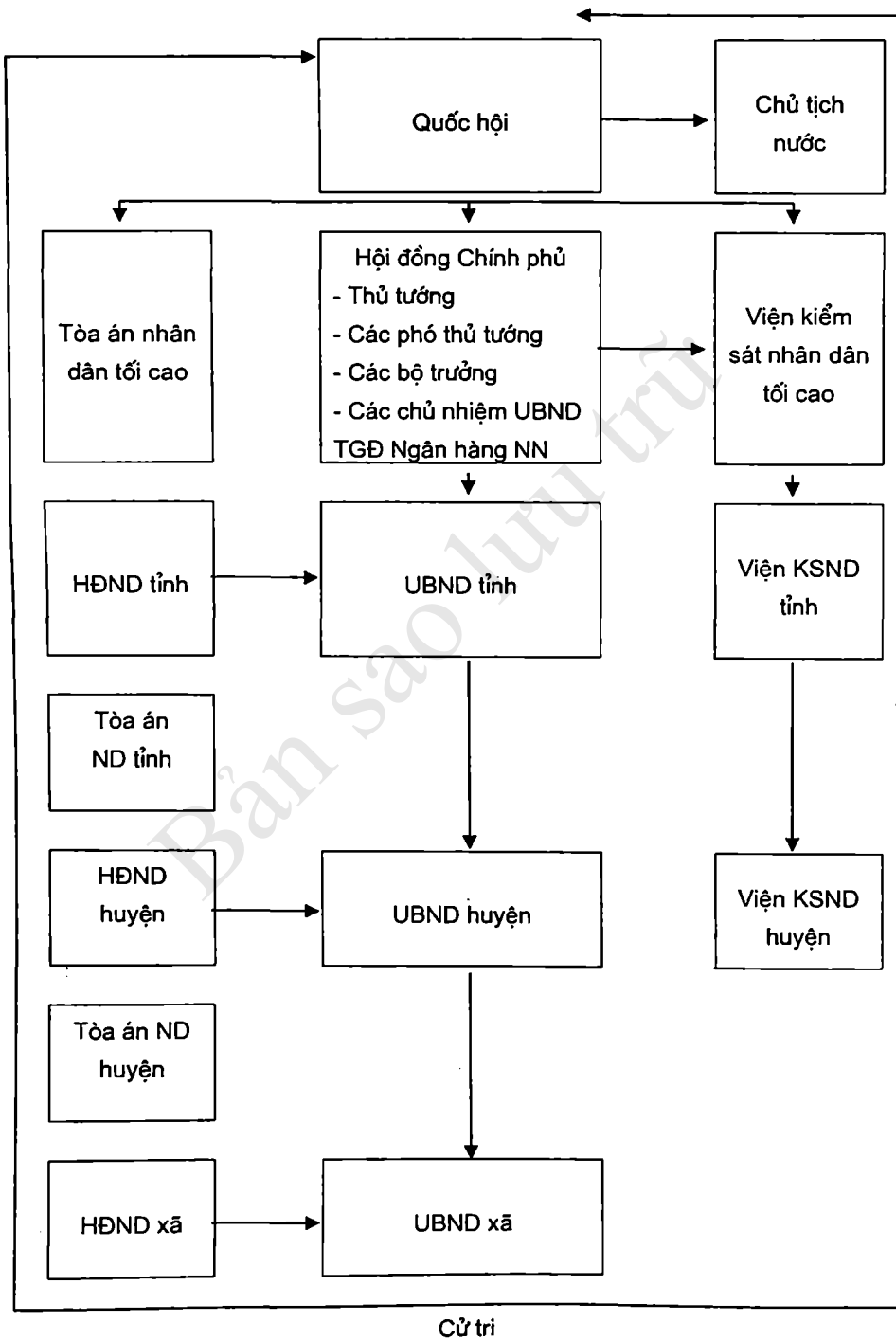
Bản sao lưu trữ

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
(THEO HIẾN PHÁP 1946)**



Cử tri

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
(THEO HIẾN PHÁP 1959)**



II. XÁC LẬP ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CỦA ỦY BAN HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

Cơ quan hành chính của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do cơ quan đại biểu của dân cùng cấp bầu ra và phải chịu trách nhiệm trước cơ quan đó.

Nền hành chính nhà nước non trẻ của Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh rất khó khăn (thù trong giặc ngoài đe dọa, lấn lướt); Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện tài trí của mình trong việc bảo vệ nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa bằng nhiều cách, trong đó việc xây dựng một nền hành pháp mạnh, một Chính phủ đoàn kết liên hiệp bao gồm “những người có danh vọng” trong mọi tầng lớp nhân dân- dân tộc Việt Nam- được nhân dân tín nhiệm là một công việc hết sức quan trọng và cấp thiết. Muốn vậy, Chính phủ ấy phải do cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân bầu ra (Nghị viện, quốc hội). Đó là đảm bảo vững chắc để xác lập địa vị pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước trước quốc dân Việt Nam và phù hợp với thông lệ pháp lý quốc tế. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì quyền lực hành pháp chỉ có thể được đảm bảo bằng sự đón nhận của nhân dân thông qua sự lựa chọn của những đại biểu của chính họ.

Sinh thời, dù trong lúc nguy nan nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn tin tưởng vào sự bảo vệ và ủng hộ của nhân dân. Và Chính phủ chỉ thực sự có sức mạnh khi nó biết xác lập địa vị pháp lý của mình trước hết và trên hết là ở trong lòng nhân dân. Vì sao vậy? Vì tư tưởng chủ đạo và nhất quán của Người về bản chất của nhà nước và của nền hành chính nhà nước là do dân, của dân và vì dân.

Người viết:

“Nước ta là nước dân chủ
Bao nhiêu lợi ích đều vì dân
Bao nhiêu quyền hạn đều của dân
Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân
Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân
Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra
Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên
Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 – tr 698.

Tìm hiểu tư tưởng và cách giải quyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc thành lập Chính phủ liên hiệp gồm “những người có danh vọng” ngoài tính “liên hiệp” nhằm đoàn kết mọi lực lượng vào việc xây dựng cơ quan mới trong hoàn cảnh hiểm nghèo của một nhà nước non trẻ, theo chúng tôi, còn là cách giới thiệu tế nhị nhằm làm nổi bật uy tín của một số thành viên Chính phủ, là người của mặt trận Việt Minh và những người yêu nước chân chính không đảng phái, đã có uy tín trước quốc dân. Đọc lại lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi thành lập Chính phủ mới ngày 3-11-1946, chúng ta sẽ hiểu rõ tư tưởng và cách giải quyết khéo léo, tài tình của Người.

Lời tuyên bố sau khi thành lập Chính phủ mới

“Thư quốc hội,

Theo ý Quốc hội, Chính phủ mới phải tỏ rõ cái tinh thần đại đoàn kết, không phân đảng phái. Sau khi được Quốc hội ủy nhiệm cho tổ chức Chính phủ, tôi đã thăm dò ý kiến của nhiều bậc lão thành, đại biểu các đoàn thể cùng các nhân sĩ các giới.

Kết quả là, có những vị có tài năng nhận lời tham gia Chính phủ: như cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu cụ, cụ cũng gắng ở lại. Lại có nhiều vị đứng ngoài sẵn sàng ra sức giúp đỡ: như cụ Bùi Bằng Đoàn, linh mục Phạm Bá Trực... dầu ở trong hay ở ngoài Chính phủ ai nấy đều hứa sẽ cố gắng làm việc, một lòng vì nước, vì dân.

Nhờ ở sự sốt sắng của anh em mà tôi chóng thành lập được Chính phủ, tuy không được mười phần như ý nguyện của Quốc hội, nhưng cũng theo gần đúng phương châm Quốc hội đã vạch ra.

Tôi có thể tuyên bố trước Quốc hội rằng, Chính phủ này tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nhà nước Việt Nam mới.

Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia. Đặc biệt là đồng bào Nam bộ không những ở tiền tuyến xung phong giữ gìn đất nước, mà còn hăng hái tham dự vào việc kiến thiết quốc gia.

Trong công việc của Chính phủ sẽ còn nhiều bước khó khăn, nhưng nhờ sức ủng hộ của Quốc hội và toàn thể quốc dân, Chính phủ sẽ cương quyết đi đến mục đích”¹.

Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, một Chính phủ liên hiệp rộng rãi vẫn đảm bảo tính pháp lý cơ bản của Chính phủ là: nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua những đại biểu do nhân dân ủy thác (dân chủ đại diện). Những đại biểu ấy trao quyền cho Chủ tịch Hồ Chí Minh để Người đứng ra thành lập Chính phủ. Chính phủ ấy phải được cơ quan đại diện của nhân dân (Nghị viện, Quốc hội) thông qua.

Tiến trình ra đời và phát triển của nền hành chính nhà nước Việt Nam, ngay từ buổi sơ khai, cho mãi tới sau này (khi có Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959) đều thể hiện sự nhất quán nói trên trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. Cơ quan hành chính nhà nước trước khi có bản Hiến pháp 1946

- Chính phủ

Ngay từ tháng 10-1941, trong Tuyên ngôn, Chương trình cứu nước Việt Minh (Việt Nam độc lập đồng minh viết tắt là Việt Minh- một mặt trận rộng rãi do Hội nghị lần thứ 8-khóa I của Đảng Cộng sản Đông Dương dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn ái Quốc, họp từ 10 đến 15-5-1941 quyết định thành lập) đã chỉ rõ, sau khi đánh đổ được đế quốc phát xít Pháp-Nhật “sẽ lập nên Chính phủ cách mạng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, theo tinh thần dân chủ, lấy cờ đỏ giữa có ngôi sao vàng 5 cánh làm cờ chung của cả nước. Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, do Quốc hội đại hội cử lên”².

Để chuẩn bị gấp rút cho cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 giành chính quyền trong cả nước cần phải gấp rút triệu tập quốc dân đại hội (Đại hội đại biểu của quốc dân Việt Nam) để đề ra các quyết sách chuyển xoay vận nước và thành lập ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam theo hình thức một Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam³. Ủy ban

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 430

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T3 – tr 198

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, T7 – tr 535.

này ở trung ương là một tổ chức tiền Chính phủ; ở địa phương là tiền thân của ủy ban nhân dân sau này. Nó có nhiệm vụ như là một hệ thống tổ chức chính quyền các cấp từ Trung ương đến cơ sở. “ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền Chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến hành lên giành chính quyền cách mạng”¹ “ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (toàn quốc) là Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam”² ở các địa phương, cơ sở đã được giải phóng thì thành lập ủy ban nhân dân cách mạng ở địa phương cơ sở đó. Những ủy ban này do Đại hội đại biểu các giới ở cơ sở bầu lên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến tính nhân dân chủ của ủy ban Dân tộc giải phóng. Mặc dù chưa có điều kiện tổng tuyển cử, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn cố gắng gấp rút triệu tập Quốc dân đại hội- tiền thân của Quốc hội sau này- trong hoàn cảnh rất khó khăn. Một nhân chứng lịch sử quan trọng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đã cho biết: “Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch, cuộc toàn quốc đại biểu đại hội phải khai hội chậm nhất là vào trung tuần tháng 7-1945. Hồ Chủ tịch đã từng cân nhắc giá trị của thời gian, của mỗi ngày, mỗi giờ trong đại chuyển biến. Cho nên khi thấy công việc chậm trễ, Chủ tịch đã từng dùng đủ mọi cách để động viên tinh thần của cán bộ phụ trách và thúc giục công cuộc khai hội.. Chủ tịch thấy rõ, lúc bấy giờ, chậm một tí, tức là lỡ nhiều cơ hội thuận lợi. Song vì liên lạc khó khăn, đường sá tắc trở mặc dầu anh em đại biểu đã hết sức đi nhanh chóng mà mãi đêm 14-8 các đại biểu mới lục tục kéo đến Tân Trào... Những đoàn đại biểu đi sau tính ra đêm 16,17 hoặc 18 mới tề tựu đông đủ³. Vì vậy không thể tiếp tục chờ đợi thêm được nữa nên Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định khai mạc Đại hội quốc dân trong ngày 16-8-1945 tại Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đại hội có khoảng 60 đại biểu đại diện cho các đảng phái yêu nước, các đoàn thể cứu quốc, các dân tộc, tôn giáo, đủ cả 3 miền Trung, Bắc, Nam, Việt kiều ở Thái Lan, Lào về dự. Đại hội đã quyết nghị những vấn đề trọng đại, khẩn cấp để khởi nghĩa, đập tan chính quyền cũ, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập. Đại hội cũng quyết nghị chính sách đối ngoại, đối nội của nước Việt Nam mới.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, T7 - 535.

³ Võ Nguyên Giáp, Đội quân giải phóng Bắc Bộ, NXB Hà Nội, 1974- tr 68.

Đại hội đã nhất trí cử ra ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam. ủy ban này như là Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam, trước khi thành lập một Chính phủ chính thức, thay mặt quốc dân để giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước.

Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam gồm có:

1. Hồ Chí Minh (Chủ tịch)
2. Trần Huy Liệu (Phó Chủ tịch)
3. Nguyễn Lương Bằng (ủy viên)
4. Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) (ủy viên)
5. Võ Nguyên Giáp (ủy viên)
6. Phạm Văn Đồng (ủy viên)
7. Dương Đức Hiền (ủy viên)
8. Chu Văn Tấn (ủy viên)
9. Nguyễn Văn Xuân (ủy viên)
10. Cù Huy Cận (ủy viên)
11. Nguyễn Đình Thi (ủy viên)
12. Lê Văn Chiến (ủy viên)
13. Nguyễn Chí Thanh (ủy viên)
14. Phạm Ngọc Thạch (ủy viên)
15. Nguyễn Hữu Đang (ủy viên)

Thường trực ủy ban là các đồng chí Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng và Dương Đức Hiền.

Archimedes L.A.Patti, một sĩ quan tình báo Mỹ có mặt ở Hà Nội lúc bấy giờ đã nhận xét về sự ra đời tổ chức ủy ban Dân tộc giải phóng do quốc dân Đại hội Tân Trào bầu như sau: “Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hành động một cách kiên quyết và nhanh chóng vì ông phải đảm bảo chiếm được một chỗ đứng chân vững chắc ở... Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Ông Hồ biết rằng ông phải làm cho mọi người thấy rõ được cả tính chất hợp pháp lẫn sức mạnh để giữ vai trò lãnh đạo và phát triển phong trào”¹.

¹ Archimedes L.A. Patti; Tại sao Việt Nam, NXB Đà Nẵng, 1995, tr 146.

Ủy ban dân tộc Giải phóng đã hoàn thành các nhiệm vụ do Quốc dân Đại hội giao phó.

Cuộc tổng khởi nghĩa 19-8-1945 thành công. Ngày 15-8 theo đề nghị của Hồ Chủ tịch, ủy ban dân tộc giải phóng đã tự cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhiều ủy viên Việt Minh trong ủy ban dân tộc giải phóng đã tự nguyện rút ra để mời thêm nhân sĩ Việt Minh tham gia. “Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân”¹. Chính phủ lâm thời có 15 thành viên:

1. Hồ Chí Minh: Chủ tịch Chính phủ lâm thời kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
2. Võ Nguyên Giáp: Bộ trưởng Bộ Nội vụ
3. Trần Huy Liệu: Bộ trưởng Bộ Thông tin tuyên truyền
4. Chu Văn Tấn: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
5. Dương Đức Hiền: Bộ trưởng Bộ Thanh niên
6. Nguyễn Mạnh Hà: Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia
7. Nguyễn Văn Tố: Bộ trưởng Bộ cứu tế xã hội
8. Vũ Trọng Khánh: Bộ trưởng Bộ tư pháp
9. Đào Trọng Kim: Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính
10. Lê Văn Hiến: Bộ trưởng Bộ Lao động
11. Phạm Ngọc Thạch: Bộ trưởng Bộ Y tế
12. Phạm Văn Đồng: Bộ trưởng Bộ Tài chính
13. Vũ Đình Hòe: Bộ trưởng Bộ Giáo dục
14. Cù Huy Cận: Bộ trưởng không giữ bộ nào
15. Nguyễn Văn Xuân: Bộ trưởng không giữ bộ nào

Ủy ban Dân tộc giải phóng do Quốc dân Đại hội bầu ra, làm nhiệm vụ của Chính phủ lâm thời. Nay đã giành được chính quyền, ủy ban này tự cải tổ là để mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và để

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T6 –tr 160.

chuẩn bị cho việc bầu cử Quốc hội để khi ấy Quốc hội – cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân cả nước- sẽ bầu ra Chính phủ chính thức. Trong tập san Dân quốc công báo ngày 29-9-1945 trang 2 đã đăng Tuyên cáo của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa nói rõ: “Nhiệm vụ của ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam hết sức nặng nề. Làm sao cho Chính phủ lâm thời tiêu biểu được mặt trận dân tộc thống nhất một cách rộng rãi và đầy đủ. Bởi vậy ủy ban dân tộc giải phóng đã quyết định tự cải tổ, mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ dựng cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó chớ. Chính phủ lâm thời... thật là một Chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách chỉ đạo cho toàn thể, đợi ngày triệu tập Quốc hội để cử ra một Chính phủ dân chủ cộng hòa chính thức”.

Trước ngày bầu cử Quốc hội (6-1-1946), vì lý do cần thiết thống nhất dân tộc bên trong và xúc tiến ngoại giao bên ngoài, dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Ban Thường vụ trung ương Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, Chính phủ lâm thời lại tự cải tổ thành Chính phủ liên hiệp lâm thời, mở rộng thêm một số thành viên của Việt quốc, Việt cách. Chính phủ liên hiệp lâm thời vẫn do Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao. Nguyễn Hải Thần (Việt cách) làm phó Chủ tịch. Nguyễn Tường Long (Việt quốc) làm Bộ trưởng Bộ Quốc dân kinh tế, Trương Đình Tú (Việt quốc) làm Bộ trưởng Bộ Y tế.

Sau khi thành lập, Chính phủ liên hiệp lâm thời đã ra tuyên bố: “Vì muốn tranh thủ hoàn toàn nền độc lập, muốn có sự hợp tác chặt chẽ giữa các đảng phái để làm cho Chính phủ mạnh mẽ thêm nên thay đổi thành Chính phủ liên hiệp lâm thời. Trong giai đoạn này các đảng phái đoàn kết thì Chính phủ mới vượt qua được các cơn sóng gió. Hết thảy quốc dân Việt Nam ai ai cũng mong chờ Chính phủ liên hiệp lâm thời giữ chức đến Quốc hội thì sẽ đổi thành liên hiệp chính thức”¹.

Sau ngày tổng tuyển cử (6-1-1946) thành công, Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã khai mạc ngày 2-3-1946 tại nhà hát Lớn thành phố Hà Nội. Quốc hội đã tuyên bố: “Chủ tịch Hồ Chí Minh xứng đáng với Tổ quốc” và nhất trí bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ mới, Nguyễn Hải Thần (Việt cách làm Phó

¹ Báo Sự Thật, số 10 ngày 9-11-1946.

Chủ tịch và giao cho 2 vị thành lập Chính phủ mới – Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Về thành phần Chính phủ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “...Chắc Quốc hội cũng biết rằng Chính phủ ra mắt gồm có các đại biểu đảng phái và các anh em không đảng phái, trước đây đã thương lượng và thỏa thuận với nhau, vì vậy sự tổ chức mới được nhanh chóng như thế.

Bây giờ tôi xin giới thiệu những Bộ trưởng cử ra đều là những người có tuổi tác, có danh vọng, đạo đức, một mặt có thể giúp ý kiến cho Chính phủ, một mặt có thể điều khiển quốc dân. Lại có thêm một ủy ban Kháng chiến”¹.

Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh giới thiệu đã được Quốc hội thông qua gồm:

1. Chủ tịch: Hồ Chí Minh
 2. Phó Chủ tịch: Nguyễn Hải Thần
 3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao: Nguyễn Tường Tam
 4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Huỳnh Thúc Kháng
 5. Bộ trưởng Bộ kinh tế: Chu Bá Phương
 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính: Lê Văn Hiến
 7. Bộ trưởng Bộ quốc phòng: Phan Anh
 8. Bộ trưởng Bộ xã hội, y tế, cứu tế và lao động: Trương Đình Tri
 9. Bộ trưởng Bộ giáo dục: Đặng Thai Mai
 10. Bộ trưởng Bộ tư pháp: Vũ Đình Hòe
 11. Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính: Trần Đăng Khoa
 12. Bộ trưởng Bộ canh nông: Bồ Xuân Luật
- Cố vấn đoàn do cố vấn tối cao Vĩnh Thụy đảm nhiệm.
 - Kháng chiến ủy viên hội do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch và Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 193.

Quốc hội đã công nhận Chính phủ liên hiệp kháng chiến, cố vấn đoàn, kháng chiến ủy viên và trao quyền cho Chính phủ mới: “Chính phủ liên hiệp kháng chiến có nhiệm vụ thực hiện triệt để sự thống nhất các lực lượng quốc dân về phương diện quân sự, tuyên truyền cũng như về phương diện hành chính, tư pháp, tổng động viên nhân lực và tài sản quốc gia theo như cầu của tình thế, để đưa kháng chiến đến thắng lợi và nước nhà đến độc lập hoàn toàn

Chính phủ liên hiệp kháng chiến phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội và toàn thể quốc dân”¹.

Sự ra đời của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Quốc hội thay mặt cho toàn dân cử ra và công nhận, tuy là kết quả tác động của nhiều nhân tố, nhưng nó vẫn phản ánh đậm nét tư tưởng và tài năng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng cơ quan hành pháp của Việt Nam.

Chính phủ Liên hiệp kháng chiến ra đời ngày 2-3-1946 là mốc son chói lọi của lịch sử đánh dấu sự ra đời chính thức của cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đó là một Chính phủ hợp pháp, phù hợp với thông lệ quốc tế, có đủ uy tín và hiệu lực để điều hành đất nước cả về đối nội lẫn đối ngoại, tiến hành kháng chiến kiến quốc giữ vững chủ quyền quốc gia Việt Nam.

- Về ủy ban hành chính ở các địa phương

Ngay sau ngày cách mạng thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân danh Chủ tịch Chính phủ lâm thời đã chỉ thị thành lập ủy ban nhân dân lâm thời ở các cấp kỳ, tỉnh, thành phố, huyện xã trong cả nước.

Ngày 22-11-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 63/SL về việc tổ chức các Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính. Sắc lệnh qui định Chính quyền nhân dân địa phương trong toàn quốc Việt Nam sẽ đặt thành 2 tổ chức là Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính. Hội đồng nhân dân do dân bầu ra theo lối phổ thông và trực tiếp là cơ quan thay mặt cho dân. Ủy ban hành chính do các Hội đồng nhân dân bầu ra là cơ quan hành chính vừa thay mặt cho nhân dân vừa đại diện cho Chính phủ.

¹ Hồ sơ số 1 – Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, khóa I, kì họp thứ nhất. Lưu trữ tại Văn phòng Quốc hội.

ở hai cấp xã và tỉnh có Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính. Sắc lệnh này có 4 chương, 115 điều qui định một cách toàn diện về tổ chức, quyền hạn, phân công trách nhiệm và cách làm việc của Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã coi trọng tổ chức chính quyền nhân dân ở các thị xã và thành phố.

Đây là văn bản pháp lý đầu tiên quy định địa vị pháp lý của cơ quan địa phương. Trừ các cấp huyện và kỳ, còn ủy ban hành chính các cấp đều do Hội đồng nhân dân- cơ quan đại biểu của dân bầu ra.

Việc quy định ở cấp huyện chỉ có ủy ban hành chính không có hội đồng nhân dân là vấn đề định chế tổ chức hành chính các cấp rất đáng để ngày nay nghiên cứu khi xác định rõ vai trò của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Cơ quan hành chính các cấp theo quy định của Hiến pháp 1946

Văn bản pháp lý cao nhất và quan trọng nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (Hiến pháp 1946) do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban soạn thảo chính thức quy định rõ địa vị pháp lý của Chính phủ và ủy ban hành chính các cấp như sau:

- Chính phủ gồm có: Chủ tịch Hồ Chí Minh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, phó Chủ tịch và nội các.

“Nội các có thủ tướng, các Bộ trưởng, thứ trưởng, có thể có phó thủ tướng”
(Điều 44 Hiến pháp 1946).

“Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chọn trong Nghị viện nhân dân và phải được hai phần ba tổng số nghị viện bỏ phiếu thuận.

Nếu bỏ phiếu lần đầu mà không đủ số phiếu ấy thì lần thứ nhì sẽ theo đa số tương đối...” (Điều 45 Hiến pháp 1946).

“Phó Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chọn trong nhân dân và bầu theo lệ thường...” (Điều 46 Hiến pháp 1946).

“Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chọn thủ tướng trong Nghị viện và đưa ra Nghị viện biểu quyết. Nếu được Nghị viện tín nhiệm, thủ

tướng chọn các Bộ trưởng trong Nghị viện và đưa ra Nghị viện biểu quyết toàn thể danh sách

(Điều 47 Hiến pháp 1946).

- Ủy ban hành chính các cấp

Điều thứ 58 Hiến pháp 1946 đã quy định “ở tỉnh, thành phố, thị xã và xã có Hội đồng nhân dân do bầu cử phổ thông và trực tiếp bầu ra.

Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, thị xã hay xã cử ra ủy ban hành chính.

Đơn vị hành chính ở nước ta lúc đó còn giữ 3 bộ là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. ở cấp bộ và cấp huyện chỉ có ủy ban hành chính (không có Hội đồng nhân dân). Tuy nhiên ủy ban hành chính ở 2 cấp này vẫn do đại biểu của nhân dân (Hội đồng nhân dân) bầu ra. Cụ thể là Hội đồng nhân dân các tỉnh và thành phố bầu ra ủy ban hành chính Bộ. Hội đồng nhân dân các xã (trong huyện) bầu ra ủy ban hành chính huyện. “ủy ban hành chính chịu trách nhiệm đối với cấp trên và đối với Hội đồng nhân dân địa phương mình” (Điều 60 Hiến pháp 1946).

Tóm lại, địa vị pháp lý của Chính phủ và ủy ban hành chính các cấp đã được quy định rõ trong văn bản pháp lý cao nhất đầu tiên của nước ta (Hiến định) Chính phủ và ủy ban hành chính các cấp đều do cơ quan đại biểu của dân bầu ra và phải chịu trách nhiệm trước cơ quan đó (xem sơ đồ Hiến pháp 1946, 1959).

Bản Hiến pháp thứ hai (Hiến pháp 1959) cũng do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng ban biên soạn thảo, đã được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thông qua ngày 31-12-1959. Về cơ bản, Hiến pháp 1959 vẫn quy định Chính phủ và ủy ban hành chính các cấp đều do cơ quan đại biểu của nhân dân bầu ra và phải chịu trách nhiệm trước các cơ quan bầu ra mình.

III. GIẢI QUYẾT THÀNH CÔNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VỚI CƠ QUAN LẬP PHÁP VÀ CƠ QUAN TƯ PHÁP TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Là người chủ trì xây dựng bản Hiến pháp đầu tiên (Hiến pháp 1946) Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà “kiến trúc sư trưởng” tài hoa ấy, đã thể hiện

sự kết hợp đặc sắc truyền thống văn hóa dân tộc với việc tiếp thu những điều hợp lý trong bản Hiến pháp của các nước phát triển (Pháp, Mỹ). Người đã giải quyết và thực thi có hiệu quả mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan lập pháp, tư pháp trong bộ máy nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhất quán trong tư duy và hành động: quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kịch liệt phản đối quan niệm quyền lực nhà nước tập trung vào trong tay một người hay một cơ quan. Người luôn luôn khẳng định việc nước “là công việc, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai”¹. Người rất chủ động ngăn ngừa các cơ quan nhà nước, các cán bộ phụ trách từ Chủ tịch nước đến Chủ tịch xã có thói xấu tự coi mình như “một ông vua con” để độc đoán chuyên quyền.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng không áp dụng mô hình phân công cứng nhắc giữa 3 nhánh quyền lực, không tạo ra sự phân lập giữa các quyền theo kiểu quyền lực đối chọi với quyền lực. Người quan niệm quyền lực nhà nước là thống nhất. Nó thống nhất ở nhân dân. Một nhân dân, một dân tộc Việt Nam thống nhất, tuy các nhóm dân cư, các tầng lớp, giai cấp, dân tộc có những lợi ích riêng khác nhau nhưng đều có chung một lợi ích là giành và giữ vững chủ quyền quốc gia và cùng nhau xây dựng đất nước để mọi người dân Việt Nam ai cũng có cơm ăn, ai cũng có áo mặc, ai cũng được học hành, để mọi người đều phấn đấu, an tâm làm ăn sao cho “nghèo trở nên đủ, đủ trở nên giàu, giàu trở nên giàu thêm”². Sự thống nhất quyền lực ấy được thực hiện chủ yếu theo một chế độ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là “ủy thác quyền lực” tức nhân dân ủy thác quyền lực của mình cho những đại biểu, đại diện ưu tú do chính nhân dân thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín bầu ra. Cơ quan đại biểu được nhân dân cả nước ủy thác là Nghị viện nhân dân (Hiến pháp 1946), là Quốc hội (Hiến pháp 1959).

- Hiến pháp 1946 được soạn thảo dưới quyền chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quy định “Nghị viện nhân dân là cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (Điều 22). “Nghị viện nhân dân do

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 57.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 – tr 62.

công dân Việt Nam bầu ra...” (Điều 24). “Nghị viện nhân dân không phải chỉ thay mặt cho địa phương mình mà còn thay mặt cho toàn thể nhân dân” (Điều 25). Trách nhiệm của Nghị viện nhân dân là “giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài” (Điều 22).

- Hiến pháp 1959 cũng do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban soạn thảo, đã khẳng định lại những điều nói trên một cách rõ ràng: “Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, do nhân dân bầu ra và chịu trước nhân dân..” (Điều 4). Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm quyền lực nhà nước tuy thống nhất vào nhân dân thông qua cơ quan đại biểu của nó do nhân dân bầu ra, nhưng các nhánh quyền lực, các cơ quan thực thi quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp lại không tập trung, không dồn lại làm một mà cần có sự phân công rành mạch.

Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào trước khi nổ ra cuộc Tổng khởi nghĩa 19-8-1945 là một hình thức cơ quan đại biểu của nhân dân cả nước. Đại hội quốc dân đã quyết định việc trọng đại của quốc gia là chủ trương xây dựng chiến khu, xây dựng vùng giải phóng, xây dựng lực lượng vũ trang, lãnh đạo toàn dân chớp lấy thời cơ giành thắng lợi: giành độc lập cho Tổ quốc. Đại hội quốc dân đã thành lập ủy ban Dân tộc giải phóng như là một Chính phủ lâm thời và trao cho nó thực hiện với tư cách như là cơ quan chấp hành của Quốc dân Đại hội.

Đến khi có bản Hiến pháp đầu tiên (1946) thì 3 nhánh quyền lực đều có sự phân công rành mạch.

+ Nghị viện nhân dân (Quốc hội) giải quyết những vấn đề chung của quốc gia và là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Nguyên thủ quốc gia (Chủ tịch nước đồng thời là Chủ tịch Chính phủ phải ban bố và thực thi các điều luật đó). Nhưng để đảm bảo tính khách quan cho các hoạt động lập pháp và hành pháp, Hiến pháp 1946 đã quy định “Nhân viên thường vụ Nghị viện không được tham dự vào Chính phủ (Điều 47). Điều 31 (Hiến pháp 1946) đã ghi “những luật đã được Nghị viện biểu quyết, Chủ tịch nước phải ban bố chậm nhất là 10 hôm sau khi nhận được thông tư. Nhưng trong ban ấy, Chủ tịch có quyền yêu cầu Nghị viện thảo

luận lại. Những luật đem ra thảo tịch có quyền yêu cầu Nghị viện thảo luận lại. Những luật đem ra thảo luận lại nếu vẫn được Nghị viện ưng chuẩn thì bắt buộc Chủ tịch nước phải ban bố”.

+ Chính phủ được xác định là cơ quan hành chính cao nhất của cả nước. Người đứng đầu Chính phủ là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cũng do Nghị viện bầu ra. Điều 23 (Hiến pháp 1946) ghi: “Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa...”

Điều đáng chú ý là Hiến pháp 1946 đã rất coi trọng hoạt động hành chính và đã chủ trương xây dựng một nền hành chính mạnh nên đã quy định Chủ tịch nước đồng thời là Chủ tịch Chính phủ có quyền hạn rất lớn. trong đó. Điều 50 (Hiến pháp 1946) ghi: “Chủ tịch nước Việt Nam không phải chịu trách nhiệm nào trừ khi phạm tội phản quốc”.

Điều này cho thấy uy tín tuyệt đối của Chủ tịch Hồ Chí Minh, công dân số một của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, một người “xứng đáng với Tổ quốc” (Tuyên dương của kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I), một người không những trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, có đạo đức cá nhân vô cùng trong sáng mà còn là một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một người “thủy thủ” dũng cảm tài ba đủ sức “chèo lái con thuyền” cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thác ghềnh, hiểm trở; một người mà toàn thể quốc dân hoàn toàn có thể tin cậy: một người có đủ phẩm chất và uy tín vượt trội hơn hẳn các chính khách, các lãnh tụ chính trị của các đảng phái cho dù là các đảng đối lập và các tầng lớp, các giai cấp trong xã hội. Điều này rọi ánh sáng cho các thế hệ, các nhà nước về sự cần thiết phải có tầm cao trí tuệ và đạo đức trong sáng của người đứng đầu nhà nước, đứng đầu cơ, một “Chính phủ sáng suốt” như Jean Jacques Rousseau đã viết trong cuốn *Du Contrat Social (Khế ước xã hội)*.

Chính phủ quản lý mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Cũng cần lưu ý thêm rằng, Hiến pháp 1946 phản ánh rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về trách nhiệm của từng thành viên Chính phủ. Điều 53 (Hiến pháp 1946) đã quy định “mỗi Sắc lệnh của Chính phủ phải có chữ ký của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và tùy theo quyền hạn các Bộ, phải có một hay nhiều vị Bộ trưởng trực tiếp ký. Các Bộ trưởng ấy phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện”.

Ở đây Sắc lệnh của Chính phủ có giá trị pháp lý cao. Chữ ký của Chủ tịch vừa với tư cách là nguyên thủ quốc gia vừa với tư cách là người đứng đầu Chính phủ. Việc các Bộ trưởng trực tiếp ký được hiểu như là hiệu lực pháp lý của hành chính vừa như là trách nhiệm thi hành của các Bộ trưởng. Từ vấn đề này, chúng ta cũng có thể suy nghĩ về các văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định, Nghị quyết...) của Chính phủ về việc chấp hành hiện nay ở nước ta.

+ Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp cũng được xác định rõ trong Chương V ở các Điều 57, 58, 59, 60 (Hiến pháp 1946). ở tỉnh, thành phố, thị xã và xã có Hội đồng nhân dân do bầu phiếu phổ thông và trực tiếp bầu ra. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, thị xã hay xã cử ra ủy ban hành chính. Hội đồng nhân dân quyết nghị về những vấn đề thuộc địa phương mình. Những Nghị quyết ấy không được trái với chỉ thị của cấp trên. ủy ban hành chính có 3 trách nhiệm chính:

a/ Thi hành các mệnh lệnh của cấp trên

b/ Thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân địa phương mình sau khi được cấp trên chuẩn y

c/ Chỉ huy công việc hành chính trong địa phương.

Ở đây đã quy định rõ, duy nhất chỉ có ủy ban hành chính là cơ quan chỉ huy công việc hành chính ở địa phương. Nó phải thi hành các mệnh lệnh của cấp trên (đảm bảo sự chỉ huy điều hành của các hệ thống hành chính thông suốt từ Trung ương (Chính phủ) xuống tới cơ sở. Nó phải chấp hành và thi hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp khi Nghị quyết đó đã được cấp trên chuẩn y. Do vậy mà ủy ban hành chính vừa phải chịu trách nhiệm trước cấp trên, vừa phải chịu trách nhiệm đối với Hội đồng nhân dân cấp mình.

+ Cơ quan tư pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo Hiến pháp 1946 (Điều 63) gồm có: Tòa án tối cao, các tòa án phúc thẩm, các tòa án đệ nhị cấp và sơ cấp. "Trong khi xét xử, các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp" (Điều 69). Như vậy là tòa án được quyền độc lập xét xử không phụ thuộc vào sự chỉ huy, điều hành hay gợi ý từ bất cứ cơ quan nào của nhà nước.

Với sự phân công như trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo, chỉ đạo và thực thi nhất quán quan điểm quyền lực nhà nước là thống nhất

nhưng có sự phân công (hiến định) giữa các cơ quan thực thi quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sự phân công này không có sự cứng nhắc dẫn tới phân lập, quyền lực đối trọng với quyền lực ngược lại có sự phối hợp “ăn khớp” (chữ dùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh). Cơ quan lập pháp có quyền giám sát tối cao đối với các hoạt động hành chính. Cơ quan hành chính thực thi quyền hành pháp và chịu trách nhiệm trước cơ quan lập pháp. Chủ tịch Chính phủ có quyền đề nghị những dự luật ra trước Nghị viện; trong trường hợp Nghị viện không hợp thì đề nghị những dự án luật ra trước ủy ban thường vụ Nghị viện. Chính phủ và các Bộ trưởng phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức. Các Bộ trưởng phải trả lời chất vấn của Nghị viện hoặc Ban thường vụ Nghị viện.

Với cơ quan tư pháp, trong xét xử hoàn toàn độc lập, các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật. Nhưng không phải là sự “độc lập tuyệt đối”, trong một số trường hợp lại cần có sự phối hợp và có sự quy định quyền hạn để bảo vệ pháp luật. Ví dụ “mỗi khi truy tố Chủ tịch, Phó Chủ tịch hay một nhân viên Nội các về tội phản quốc, Nghị viện sẽ lập thành một tòa án đặc biệt để xét xử.

Việc bắt bớ và truy tố trước tòa án một nhân viên Nội các về thường tội phải có sự ưng chuẩn của Hội đồng Chính phủ” (Điều 51, Hiến pháp 1946).

Để thống nhất các hoạt động hành chính trong cả nước, đảm bảo Chính phủ là “cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc” (Điều 43, Hiến pháp 1946). Vì thế tại Điều 64 chương VI (Hiến pháp 1946) đã quy định: “Các viên thẩm phán đều do Chính phủ bổ nhiệm”. Sự phối hợp ăn khớp trong các cơ quan nhà nước là để cho nhà nước (nói chung), đặc biệt là cơ quan hành chính (nói riêng) phải toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, lấy nhân dân làm mục tiêu hành động, làm tâm điểm của sự phối hợp, lấy nhân dân để giám sát mọi hoạt động của Chính phủ. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thực thi quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp là để cho mọi người, trước hết là hệ thống các cơ quan hành chính, “phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, chứ không phải là để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống

trị của Pháp, Nhật”¹; là để “Toàn cả nhân dân và Chính phủ đều nhất trí”². “Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc”³ và “cố gắng làm theo đúng 3 chính sách dân sinh, dân quyền và dân tộc”⁴.

IV. XÂY DỰNG THỂ CHẾ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Xây dựng thể chế của nền hành chính nhà nước

Thể chế quan trọng nhất của nền hành chính nhà nước là Hiến pháp và các Bộ luật, “Sắc luật” (từ dùng trong Hiến pháp 1946) và các Nghị quyết của Nghị viện.

Do đặc điểm của nước ta, một nước vừa mới giành được chính quyền, lại đứng trước tình thế nội trị và ngoại giao có nhiều khó khăn, mọi công việc rất bấp bênh, Chủ tịch Hồ Chí Minh giành ưu tiên số 1 cho Tổng tuyển cử, bầu ra một Nghị viện (Quốc hội) dân chủ, hợp pháp, phù hợp với thông lệ quốc tế để mau chóng soạn thảo và thông qua một bản Hiến pháp dân chủ làm cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động hành chính đất nước.

Bản Hiến pháp 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước ta, do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng ban soạn thảo, đã được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thông qua ngày 9-11-1946 đã được xây dựng trên những nguyên tắc dưới đây:

- Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo.

- Đảm bảo các quyền tự do dân chủ.

- Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân (Lời nói đầu Hiến pháp 1946).

* Hiến pháp 1946 gồm 7 chương 70 điều, trong đó đã thể hiện rõ chủ định và ưu tiên tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động hành pháp và cho việc xây

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 56.

² sdd, T4 –tr 441.

³ sdd, T4 – tr 430

⁴ sdd, T4 – tr 440.

dựng một chính quyền mạnh, rất mạnh của các cơ quan hành chính nhà nước cấp Trung ương (Chính phủ) mà người dẫn dắt là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hiểu rất rõ thời cuộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tính tới tình huống ngặt nghèo của cuộc kháng chiến chống Pháp mà nhà nước Việt Nam non trẻ cần phải đương đầu trong tương lai rất gần. Người đã tập trung sức lực vào việc ban hành các thể chế cho việc xây dựng tổ chức bộ máy của Chính phủ và chính quyền các cấp.

Trước khi bản Hiến pháp 1946 được thông qua, từ tháng 10-1945 đến 9-11-1946, nhân danh Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Người đã ký 59 Sắc lệnh tập trung vào việc xóa bỏ hệ thống các thể chế hành chính nhà nước của chế độ cũ, cho phép lưu dùng một số quan chức và bảo lưu một số điều luật do chế độ cũ để lại. Ví dụ: Sắc lệnh số 23 ký ngày 10-9-1945 cử ông Vĩnh Thụy làm cố vấn Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Sắc lệnh số 29B ký ngày 10-9-1945, về việc lưu dùng và cho nghỉ việc một số quan chức ngành tòa án ở Hà Nội. Sắc lệnh số 36 ký ngày 20-9-1945 về việc bãi bỏ các nghiệp đoàn nông sản, lâm sản, Kỹ nghệ, khoáng sản, thương mại (Nội thương, Ngoại thương), Vận tải, Ngân hàng. Sắc lệnh số 141 ký ngày 3-10-1945 về việc bãi bỏ các công sở và các cơ quan thuộc Phủ toàn quyền Đông Dương trước đây v.v

Phần lớn những Sắc lệnh còn lại ký trong thời gian này (9.1945-9.1.1946) đều tập trung vào việc tổ chức bộ máy, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan và của ủy ban hành chính các cấp, Hội đồng nhân dân các cấp và Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ví dụ: Sắc lệnh số 33A ký ngày 13-9-1945 quy định về quyền hạn của Ty liên phóng. Sắc lệnh số 44 ký ngày 10.10.1945 về việc thành lập Hội đồng cố vấn học chính. Sắc lệnh số 51B ký ngày 12.10.1945 cho phép Giám đốc ngân khố Trung ương Việt Nam trích một khoản cho phép Giám đốc ngân khố Trung ương Việt Nam trích một khoản ngân quỹ giao Bộ trưởng Bộ cứu tế mua gạo dự trữ. Sắc lệnh số 61 ký ngày 21.11.1945 chuyển Sở vô tuyến điện Việt Nam về Bộ quốc phòng. Sắc lệnh số 63 ký ngày 22.11.1945 về tổ chức quyền hạn, cách làm việc của Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp (xã, huyện, tỉnh, kỳ). Sắc lệnh số 67 ký ngày 28.11.1945 về

việc thành lập và quy định nhiệm vụ của ủy ban tối cao tiếp tế và cứu tế. Sắc lệnh số 77 ký ngày 21.12.1945 về việc thành lập thanh tra trực thuộc Chính phủ Trung ương hoặc kỳ; thị xã thuộc tỉnh hoặc kỳ. Sắc lệnh số 78 ký ngày 31.12.1945 về việc lập một ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết của Chính phủ. Sắc lệnh số 80 ký ngày 31.12.1945 về việc cử người vào Ban thanh tra đặc biệt v.v...

Sau khi Hiến pháp 1946 được Quốc hội chính thức thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng quyền hạn của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định trong điều 49 tập trung vào việc ban hành các thể chế hành chính về tổ chức hoạt động của các Bộ, các kỳ, tỉnh, huyện, xã trong cả nước. Tính từ 14.1.1946 (khi Hiến pháp 1946 có hiệu lực thi hành) đến hết năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký 122 Sắc lệnh, hầu hết tập trung vào việc xây dựng và kiện toàn cơ quan hành chính các cấp và thiết lập một hệ thống các quy phạm pháp luật để thực hành chức năng đối nội và đối ngoại, bảo vệ chủ quyền quốc gia và thống nhất quản lý mọi mặt của đời sống xã hội trong phạm vi toàn quốc.

Có thể thấy rõ, bằng sự nỗ lực của Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm 1946 là năm xây dựng và hoàn thiện cơ bản thể chế nền hành chính Việt Nam, một nền hành chính dân chủ và pháp quyền. Nhờ đó, nước Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến đã có một chính quyền mạnh, có kỷ cương, có hiệu lực, đủ sức chỉ huy, điều hành, dẫn dắt quốc dân trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc, đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi.

Chúng tôi xin chỉ dẫn ra dưới đây một tài liệu có thể coi là một thể chế hành chính quan trọng, nó là những quy phạm pháp luật để thưởng, phạt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

“Quốc lệnh

Trong một nước thường phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công. Vậy Chính phủ ra Quốc lệnh rõ ràng gồm có 10 điểm thưởng và 10 điểm phạt, cho quân dân biết rõ những tội nên tránh, những việc nên làm.

I- Thưởng

1. Nhà nào có 3 con tòng quân sẽ được thưởng.

2. Ai lập được quân công sẽ được thưởng.
3. Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng.
4. Ai ra trận can đảm phi thường sẽ được thưởng.
5. Ai làm việc công một cách trong sạch, ngay thẳng sẽ được thưởng.
6. Ai làm việc gì có lợi cho nước nhà, dân tộc và được dân chúng mến phục sẽ được thưởng.
7. Ai bỏ tiền ra xây đắp cầu cống, đê, đường sẽ được thưởng.
8. Ai bắt được những kẻ phản quốc sẽ được thưởng.
9. Ai liều mình về việc công sẽ được thưởng.
10. Ai cứu được người bị nạn sẽ được thưởng.

II- Phạt

1. Thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử.
2. Trái quân lệnh sẽ bị xử tử.
3. Ra trận tự ý rút lui sẽ bị xử tử.
4. Tự ý phá hoại giao thông sẽ bị xử tử.
5. Phá hoại quân khí sẽ bị xử tử.
6. Để cho bộ đội hại dân sẽ bị xử tử.
7. Vô cớ sát hại kiều dân ngoại quốc sẽ bị xử tử.
8. Trộm cắp của công sẽ bị xử tử.
9. Hãm hiếp, cướp bóc sẽ bị xử tử.
10. Can tội bắt cóc, ám sát sẽ bị xử tử.

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 1946

**Chủ tịch Chính phủ
Việt Nam dân chủ cộng hòa¹**

¹ Sđd, T4 – tr 163-164.

Quốc lệnh trên có 10 điều thưởng và 10 điều phạt, thật ngắn gọn, súc tích, đầy đủ, bao quát toàn diện các vấn đề quan trọng của quốc gia. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Quốc lệnh là một văn bản mẫu mực về cả nội dung và hình thức, bao quát đầy đủ cả hai mặt của cùng một tư tưởng nhất quán trong việc quản lý đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “Thưởng-phạt phải nghiêm minh”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người có công đầu trong việc xây dựng hệ thống thể chế hành chính của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mà Người còn là người thầy dạy bảo, hướng dẫn, khuyên răn các thế hệ cán bộ, công chức biết làm việc hành chính.

Vì vậy, sẽ là thiếu sót nếu nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng thể chế hành chính mà chỉ chú trọng tới các văn bản quy phạm pháp luật mà lãng quên những bức Công thư, những lời khuyên, những bài nói và viết cùng các hoạt động của Người xung quanh việc điều hành các hoạt động hành chính nhà nước.

2. Xây dựng tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và sửa đổi lối làm việc trong các cơ quan hành chính từ Trung ương xuống các địa phương

Ở những phần trên, chúng tôi đã đề cập trong một chừng mực nhất định về thiết kế tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cấp cao nhất (Chính phủ) trong thời kỳ đầu của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945-1946).

Dưới đây chúng tôi trình bày một số tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tổ chức bộ máy hành chính các cấp và xây dựng lề lối làm việc trong hoạt động hành chính.

+ Xây dựng bộ máy hành chính 5 cấp

Do đặc điểm hoàn cảnh nước ta thời kỳ đầu của chế độ mới: vừa mới thoát thai khỏi hệ thống cai trị của chế độ thực dân phong kiến, công việc nhà nước đứng trước nhiều khó khăn bề bộn lại phải đương đầu với âm mưu và hành động trở lại thống trị nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, thù trong giặc ngoài đe dọa từng ngày. Những nhiệm vụ cấp bách

đang đặt ra như là một thách thức đối với Chính phủ mới, trong khi đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thẳng thắn thừa nhận: “Sau 80 năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính...”. Do đó chúng ta phải cố gắng “vừa làm vừa học, vừa học vừa làm”¹.

Nhiệm vụ cấp bách của chính quyền lúc bấy giờ nổi lên nhiều vấn đề cần giải quyết là chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm và tập trung “giáo dục lại nhân dân chúng ta”².

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp bách đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương tổ chức nước ta thành một hệ thống chính quyền 5 cấp:

- Cấp trung ương (Chính phủ).
- Cấp Bộ (kỳ).
- Cấp tỉnh;
- Cấp huyện;
- Cấp xã;

*** Tổ chức bộ máy hành chính ở cấp Trung ương theo mô hình sau:**

“Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa” (Điều 43, Hiến pháp 1946).

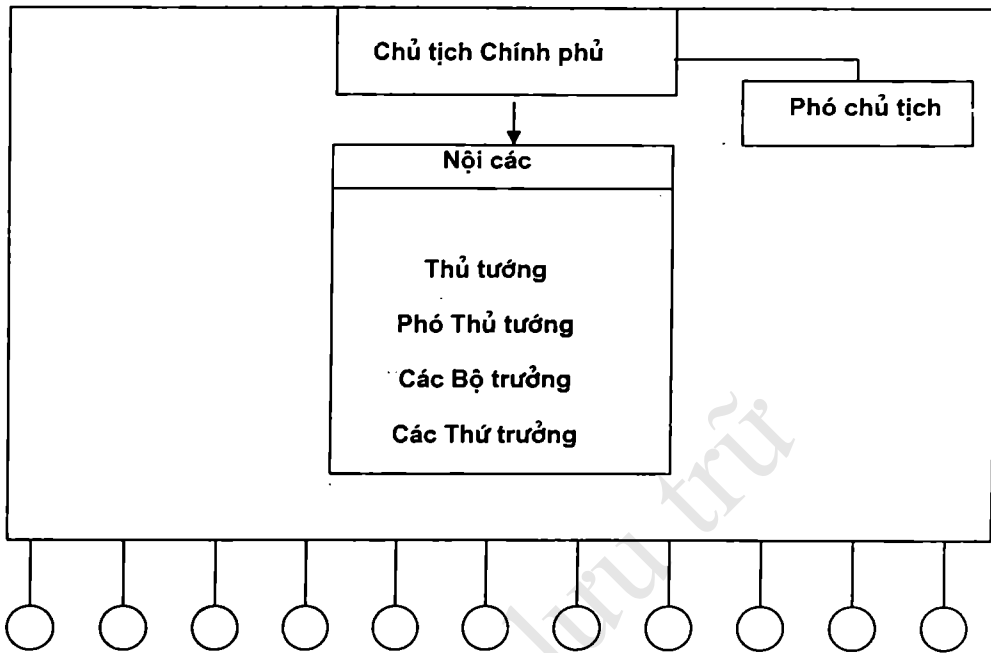
“Chính phủ gồm có Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Phó Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Nội các.

Nội các có thủ tướng, các Bộ trưởng, Thứ trưởng. Có thể có Phó Thủ tướng”. (Điều 44, Hiến pháp 1946).

¹ sdd, T4 -tr 7

² sdd, T4 -tr 8

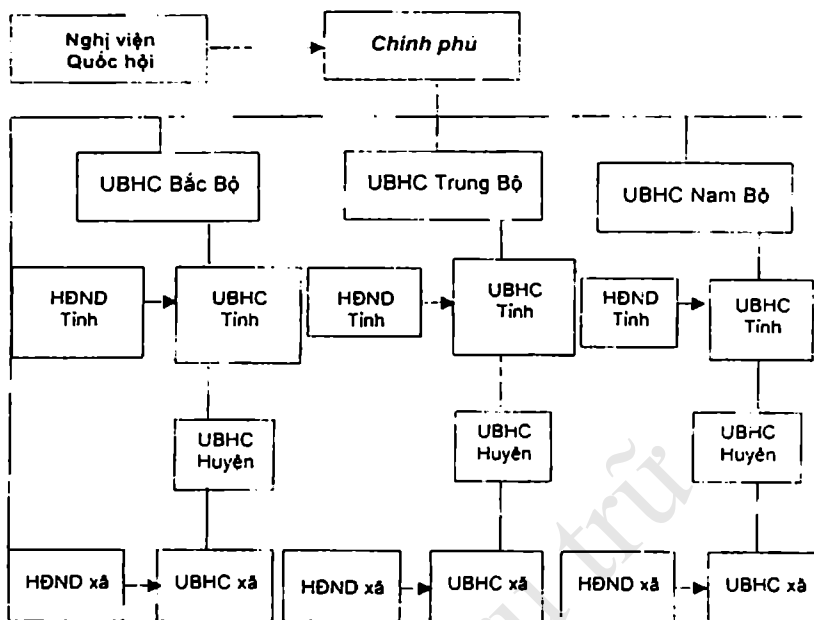
SƠ ĐỒ 3



*** Tổ chức bộ máy hành chính các địa phương theo mô hình sau:**

- Cấp kỳ (Bộ)
- + Ủy ban hành chính Bắc Bộ (Bắc kỳ)
- + Ủy ban hành chính Trung bộ (Trung kỳ)
- + Ủy ban hành chính Nam Bộ (Nam kỳ).

Sơ đồ 3 hệ thống tổ chức ủy ban hành chính các cấp



Ghi chú

- Thành phố trực thuộc Trung ương coi như Tỉnh.
- Thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã coi như huyện.

Không có Hội đồng nhân dân, ủy ban hành chính bộ (kỳ) do Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố bầu ra.

- Cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).
- + Cấp trực thuộc Bộ (kỳ).
- + Nhân dân trực tiếp bầu ra Hội đồng nhân dân theo chế độ đầu phiếu phổ thông.
- + Hội đồng nhân dân bầu ra ủy ban hành chính.
- Cấp huyện
- + Cấp trực thuộc tỉnh
- + Không có Hội đồng nhân dân
- + Ủy ban hành chính (do Hội đồng nhân dân các xã bầu ra)

- Cấp xã (cấp trực thuộc huyện)
- + Hội đồng nhân dân (do đầu phiếu phổ thông và trực tiếp bầu ra).
- + Ủy ban hành chính (do Hội đồng nhân dân bầu ra)

*** Xây dựng cơ chế hoạt động và sửa đổi lối làm việc trong các cơ quan hành chính**

Hoạt động hành chính nhà nước có đặc điểm là:

- Làm việc cai trị (quản lý);
- Làm việc ở bàn giấy;
- Làm việc trong công sở;
- Thực hiện trách nhiệm công vụ¹.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì khi Chính phủ điều hành cuộc kháng chiến chống giặc, đó là “công việc phá hoại” thì có phần dễ dàng hơn bởi vì “các lực lượng của toàn dân đoàn kết”. Tất cả các dân tộc, các giai cấp, các địa phương, các tôn giáo đều nổi dậy theo lá cờ Việt Minh để tranh lại quyền độc lập cho Tổ quốc

Công việc phá hoại xong rồi. Nay bước đầu công việc được dọn dẹp, sắp đặt, giữ gìn, kiến thiết...”² thì khó khăn, phức tạp hơn nhiều. Những nhiệm vụ của công cuộc kiến thiết quốc gia, xây dựng đời sống mới đang đặt ra trước chính quyền nhân dân, đòi hỏi phải có một khả năng và trình độ khác cao hơn. Trong khi đó “Chúng ta phải thật thà thừa nhận rằng kinh nghiệm chúng ta còn ít, tài năng chúng ta còn kém mà công việc thì nhiều; nào quân sự, nào ngoại giao, nào tài chính... trăm đầu mối, đều những việc mới lạ cho chúng ta”³.

Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú trọng đến việc phân công công việc trong hệ thống các cơ quan hành chính (quan hệ đồng cấp, quan hệ trên dưới, ngang dọc...), quan hệ nội bộ trong một cơ quan, giữa các bộ phận trong một công sở hành chính sao cho rõ ràng, rành mạch nhưng khi vận hành toàn bộ hệ thống lại không có sự chông chéo, ùn đùn,

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 38.

^{2,3} sdd, T4 – tr20.

ách tấc, phải phối hợp ăn khớp với nhau như một cái máy hoặc như giữa các bộ phận của một cái đồng hồ.

- Với tư cách là Chủ tịch nước, Người đã chỉ đạo xây dựng các quy phạm pháp luật về chức năng nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương. Đây là những văn bản đặt nền móng cho việc xây dựng quy chế hoạt động hành chính của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (chỉ tính trong 2 năm đầu của chế độ mới (1945-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành 181 Sắc lệnh hầu hết là về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành trung ương và ủy ban hành chính các cấp).

- Với tư cách là Chủ tịch Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương phải thường xuyên đổi mới phương pháp làm việc của các cơ quan Chính phủ cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ. Lời phát biểu sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 13-14 tháng 7 năm 1954 do Người chủ trì, có thể coi là định hướng cơ bản cho phương thức hoạt động hành chính, mà cho tới nay nó vẫn còn giữ nguyên tính thời sự: “Công tác mới nhiều, phức tạp, khó khăn. Muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ, về mặt nhận thức phải toàn diện, đồng thời lại phải có sự nghiên cứu tỉ mỉ từng bộ phận. Trong khi tiến hành công tác phải có sự “phân công rành mạch” nhưng lại phải có “phối hợp ăn khớp” chỉ đạo chặt chẽ và khéo léo, mỗi Bộ, mỗi ngành phải chuẩn bị kế hoạch hoạt động và cán bộ để thực hiện kế hoạch đó¹.

“Phân công rành mạch”, “Phối hợp ăn khớp”, “Chỉ đạo chặt chẽ khéo léo”, theo chúng tôi cần phải được coi là một triết lý hành động của hệ thống chính trị nói chung và hoạt động hành chính nhà nước nói riêng.

Phải chăng trong nhiều năm gần đây, chúng ta vẫn đang loay hoay, trở đi trở lại với những cụm từ “phân công”, “phối hợp”, rồi “phân công rành mạch” và “phối hợp chặt chẽ” rồi lại trở về “phân công” và “phối hợp”(?!)

Đúng là bất cứ một hoạt động xã hội nào mang tính hệ thống thì cũng phải có sự “phân công rành mạch” (tại sao lại chỉ nói “phân công” mà không nói “phân công rành mạch”?). Còn hoạt động của hệ thống chính

¹ Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, NXB Thông tin – Lý luận, 1995, T5 – tr 508.

trị, của nhà nước và hoạt động hành chính nhà nước tuy nội dung và cách thức khác nhau song cùng thống nhất ở mục tiêu chính trị (định tính), thì tất nhiên phải có sự “phối hợp”. Phối hợp tới mức nào là “định lượng” của sự thống nhất. Quả là chữ “chặt chẽ” cái “định lượng” ấy không rõ ràng, dễ gây ra “chặt”, “lỏng” một cách tùy tiện. Nhưng phối hợp “ăn khớp” vừa cho ta một ý niệm rõ ràng để hiểu về định lượng, vừa cho thấy hiệu quả của sự phối hợp : “ăn khớp”.

Ví như người thợ mộc tài hoa khi thiết kế và thi công một căn nhà gỗ, họ phải “phân công rành mạch” đâu là cột cái, cột con, đâu là kèo, là dốt... nhưng tất cả đều phải có ý thức “phối hợp chặt chẽ”, để lắp vào sao cho “ăn khớp”, nếu không sẽ vênh vác, khập khiễng, thậm chí làm hỏng cả cái nhà mà họ định thiết kế.

Làm thế nào để cho sự “phối hợp” ấy “ăn khớp” với nhau? Đó chính là “chỉ đạo chặt chẽ và khéo léo” của bác “thợ cả” tài ba. Nói một cách cụ thể là trách nhiệm của các thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền chung (Chính phủ, ủy ban hành chính các cấp) và thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền riêng (Bộ trưởng, Chủ nhiệm, Tổng giám đốc, Tổng cục trưởng) phải được chế định rõ ràng. Nói về “chỉ đạo chặt chẽ và khéo léo”, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ “Bộ trưởng, Giám đốc là người phụ trách; phong trào phải làm từ trên xuống, dưới lên, dân chủ phải trường kỳ Trung ương có hội, có nghị, có quyết mà không hành là do mình không cương quyết”¹.

- Trong chỉ đạo phải thấy ưu điểm mà phát huy, nhưng thấy khuyết điểm thì phải kiên quyết sửa, sửa tận gốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng trong chỉ đạo cũng giống như người thầy thuốc chữa bệnh, phải có thầy thuốc tài giỏi, công tâm, công minh, chỉ rõ căn nguyên của bệnh tật, tìm ra được căn nguyên rồi thì phải có thuốc đúng bệnh. Ngày 26-11-1962, dự Hội nghị bàn về thu chi tài chính năm 1963, Người đã phát biểu “mấy năm nay ta vừa làm vừa học. Điều rất tốt là ta đã thấy được khuyết điểm, thấy được các mặt không cân đối, thấy được sự lãng phí sức người, sức của, nhưng thấy được bệnh rồi, mấy người thầy thuốc lại phải ngồi lại tìm đơn thuốc mà chữa, chứ cứ nói mãi

¹ Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, NXB Thông tin – lý luận, 1995, T8 – tr 8.

mà cứ chấp chấp, vá vá thì không được. Cần có một số đồng chí cương quyết tìm ra bài thuốc cho bệnh, tìm ra được rồi thì phải cắt thuốc không thì năm nào cũng nói đi, nói lại mãi”¹.

Trong làm việc phải có tinh thần trách nhiệm cao, phải sát dân và vì dân, như giảng giải cho dân hiểu, để dân bàn bạc, qua đó dân tự giác chấp hành các quyết định hành chính. Đành rằng hoạt động quản lý là chỉ huy, điều hành, ra lệnh, là bắt buộc đối tượng quản lý phải phục tùng. Song nền hành chính dân chủ, vì dân thì trong hoạt động công vụ phải trả lời được 2 câu hỏi “Vì ai mà làm, đối ai mà phụ trách”. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, câu trả lời chỉ có một: nhân dân. Người đã chỉ ra rằng không ít cơ quan hành chính “khi gặp mỗi công việc không biết tìm đủ mọi cách giải thích cho dân hiểu. Cho nên những việc trực tiếp lợi cho dân như đắp đê, hộ đê, tăng gia sản xuất, bình dân học vụ v.v... cán bộ chỉ làm theo cách hạ lệnh, cách cưỡng bức. Kết quả dân không hiểu, dân oán; thì có lạ gì đâu? Một thí dụ rất tầm thường, dễ hiểu: bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt bắt người ta ăn, nhét vào miệng người ta, thì ai cũng chán”².

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn các cơ quan Đảng, nhà nước, mọi người “Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân là tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ. Nhưng trước hết cần phải chịu khó tìm đủ mọi cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì lợi ích của họ mà làm”³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu các cơ quan, Đảng, nhà nước, đặc biệt là các cơ quan hành chính phải sửa đổi thói không phụ trách “quá hữu” và thói không phụ trách “quá tả”.

+ Thói không phụ trách “quá hữu” là thói làm việc giáo điều, máy móc, không dám sửa đổi lối làm việc cũ lỗi thời “chỉ khư khư giữ nếp cũ. Cái không hợp cũng không dám sửa bỏ, cái cần thiết cũng không dám đặt nói”⁴.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T8 – tr 328.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 – tr 245-246

³ Hồ Chí Minh toàn tập, qqq 1995, T5 – tr 246.

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 –tr 246

+ Thói không phụ trách “quá tả” là không suy nghĩ chín chắn, so sánh kỹ càng, hôm nay đặt ra cái này, hôm sau sửa lại cái khác. làm cho quần chúng hoang mang”.

+ Thói không phụ trách cả “quá hữu” và “quá tả” là cứ làm theo ý muốn chủ quan của cơ quan hành chính rồi cột vào cho quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi đó là “khoét chân cho vừa giày. Chân là quần chúng. Giày là cách tổ chức và làm việc của ta”. Người chỉ ra một lẽ phải đương nhiên đơn giản mà các cơ quan, các nhà quản lý phải chú ý là: “Ai cũng đóng giày theo chân. Không ai đóng chân theo giày”¹.

- Một trong những vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là khuyết điểm lớn nhất trong các ủy ban hành chính là: “thiếu óc tổ chức”.

Trong các công sở hành chính, sự phân công phân nhiệm không rõ ràng, không đặt tâm lực vào những việc cơ bản mà chỉ quanh quẩn vào ra với những công việc vụn vặt, không phải chỉ ở cấp chuyên viên, cán sự, nhân viên mà ngay cả công chức lãnh đạo cũng loanh quanh, không biết cách tổ chức công việc một cách khoa học. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét “Vào trụ sở của một ủy ban nhân dân, người ta nhận thấy ngay sự lộn xộn trong việc xếp đặt bàn giấy... Nhiều ông Chủ tịch ủy ban thường không nhận định những công việc chính của mình phải đem hết tâm lực vào đó mà chỉ dùng thì giờ để xử những vụ kiện vớ vẩn, tiếp những ông khách vu vơ... Trong một ủy ban, nhiều khi có người rất rỗi rãi, cả ngày chỉ chạy ra, chạy vào cho có chuyện, có người lại bù đầu, rối óc vì một mình phải kiêm đến mấy việc

Chia công việc không khéo thành ra bao biện...Có kế hoạch làm việc nhưng sắp đặt công việc không khéo, phân công không sáng suốt thì việc cũng đến hỏng...”²

- Thiếu tinh thần tự động cũng là một khuyết điểm cần phải phê phán. Tự động không phải là tự tiện, ý mình sao thì làm vậy mà là năng động, sáng tạo theo phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến” nghĩa là trung thành với nguyên tắc: việc gì có lợi cho dân ta phải cố gắng làm, việc gì có hại cho dân thì ta phải hết sức tránh. Trong các cơ quan hành

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 – tr 248.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 39.

chính không ít nơi “khi có công tác thì đem thi hành một cách máy móc. Khi làm xong việc lại chỉ ngồi không, không chịu bởi việc ra làm nữa cứ y ra như xe bò lên dốc, không có người đẩy là y như đứng lại”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiêm khắc phê bình các ủy viên ủy ban hành chính, không biết tự động suy nghĩ, phát huy sáng kiến để giải quyết công việc sao cho có hiệu quả. Hễ gặp khó một tí là xin ý kiến cấp trên, là đưa đẩy cho người khác. Thấy khó thì tránh, thấy lợi cho cá nhân thì tìm cách “xoay xỏa” thành ra rơi vào tình trạng có khi không làm đúng chức trách của mình, không dám quyết định việc gì dứt khoát lại có khi lạm quyền, không coi kỷ luật chính trị vào đâu, muốn làm gì là cứ tự ý làm bừa bãi, chẳng hỏi bàn, thảo luận với ai, không theo pháp luật...². Tệ hại nhất là không có người phụ trách cá nhân, việc gì cũng chung chung, không phân công người trực tiếp để rơi vào tình trạng “ai cũng phụ trách mà không ai phụ trách”³.

Tóm lại, phải có óc tổ chức và tinh thần tự động để làm tròn chức trách của cơ quan hành chính.

Tinh thần phụ trách công việc, ra sức hoàn thành nhiệm vụ với hiệu lực và hiệu quả cao là thước đo tư cách của các cán bộ, công chức và cơ quan hành chính. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh thì bất cứ ai, bất cứ cơ quan nào, nếu không làm tròn nhiệm vụ cũng đều là xấu xa, đáng lên án. Người lên án thói chạy theo địa vị, nhưng không chịu gắng sức làm tốt nhiệm vụ được giao. Người tuyên bố: “Bộ trưởng mà không làm tròn nhiệm vụ là tội”⁴.

Công sở hành chính của ta vẫn hay quen thói tùy tiện “Công văn túi áo, báo cáo túi quần”. Ngay từ buổi đầu của chính quyền cách mạng, từ ông Bộ trưởng, ông Chủ tịch ủy ban hành chính cũng lơ là việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu cũ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phê bình việc tùy tiện, việc hủy bỏ những hồ sơ cũ là hành động phá hoại, có ảnh hưởng tới việc kiến thiết quốc gia. Đáng lưu ý là ngay từ ngày đầu xây dựng nền hành chính của

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 40.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 41.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T10 – tr 141.

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T10 – tr 166.

nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chủ tịch đã rất nghiêm khắc về vấn đề này nhưng cho tới nay công tác văn thư, lưu trữ trong các công sở hành chính của ta cũng còn rất tùy tiện. Thiết nghĩ bức “Thông đạt” của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các ông Bộ trưởng từ đầu năm 1946 nay vẫn còn giữ nguyên giá trị (trừ địa chỉ cơ quan lưu trữ thời kỳ 1946 chưa có cơ quan lưu trữ riêng nên vẫn tàng trữ tại Bộ quốc gia giáo dục).

V. NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH

Trong hoạt động hành chính, thực chất là hoạt động trong công sở, làm nhiệm vụ cai trị (hiểu theo nghĩa chân chính của từ này: Cai trị có nghĩa là quản lý theo những quy phạm nhất định làm cho xã hội ổn định và phát triển). Ngày 4 tháng 10 năm 1945, nghĩa là chỉ sau hơn 1 tháng giành được chính quyền trong cả nước (19-8-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định về thực trạng nhân sự hành chính của chính quyền nhà nước lúc đó như sau: “Về cán bộ hành chính, ta phải thú nhận là thiếu rất nhiều. Người đi tiên tuyến, người chiến đấu thì có. Người ngồi bàn giấy làm việc cai trị rất hiếm”¹.

Chính quyền đã về tay nhân dân. “Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra”². Nhưng nhân dân ta sau 80 năm bị nô lệ, bị bọn thực dân dùng chính sách ngu dân để cai trị dân ta, do đó như Bác Hồ đã nói với Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa: “...Các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính”³.

Do đó vấn đề nhân sự hành chính được đặt ra một cách rất cấp bách, cần phải giải quyết vấn đề một cách cơ bản và lâu dài trên cơ sở một triết luận, một phương pháp dùng người đúng đắn và sáng suốt.

Suy cho cùng sự thành bại, hưng thịnh hay suy vong của chế độ chính trị, của nhà nước nói chung và của nền hành chính nói riêng đều được quyết định bởi chính sách dùng người.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T5 –tr 38.

² Hồ Chí Minh toàn tập, sdd; T5 – tr 698.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T4 –tr 7.

1. Triết luận dùng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong lịch sử nhân loại, từ khi có nhà nước thì việc dùng người luôn luôn được đặt ra, nó quyết định sự thành bại của mọi chế độ chính trị, quyết định sự nghiệp của từng nhà chính trị, chính khách và tướng lĩnh.

Trong quan hệ xã hội, việc sử dụng và phát huy nhân tố con người ở mỗi quốc gia, ở phương Đông và phương Tây, mỗi nơi đều có những đặc điểm riêng nhưng cùng với sự chất lọc của thời gian, nó đều trở thành tinh hoa, cốt cách và tài sản văn hóa chung của loài người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng dân tộc của Việt Nam và danh nhân văn hóa kiệt xuất của loài người đã để lại cho Đảng và nhân dân ta những di sản vô cùng quý báu. Trong hệ thống tư tưởng chính trị và văn hóa Hồ Chí Minh thì phép dùng người là một bộ phận đặc sắc và quan trọng nhất; nó đang là kim chỉ nam cho Đảng và nhà nước Việt Nam trong việc đổi mới nhân sự- đặc biệt là nhân sự lãnh đạo và nhân sự hành chính trong tình hình hiện nay. Dưới đây chúng tôi nêu ra 10 nội dung trong triết luận dùng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

a/ Vô luận việc gì đều do người làm ra...

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân, con người không bao giờ là phương tiện của các nhà chính trị mà ngược lại, nhà chính trị, đảng chính trị... phải nhất quán trong nhận thức và hành động rằng: nhân dân là người chủ sở hữu của quyền lực chính trị, con người vừa là mục đích, vừa là động lực, vừa là lực lượng, là sức mạnh của mọi sự nghiệp chính trị.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói rằng nhiều khi đường lối, chính sách đúng nhưng “hoặc chưa làm được, hoặc làm được nửa chừng rồi lại nguội...” vì chúng ta quên một lẽ rất giản đơn, dễ hiểu là: “vô luận việc gì đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”¹.

Công việc nhà nước bao gồm nhiều lĩnh vực đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ, công chức tốt để thi hành công vụ. Từ quan niệm “vô luận việc gì đều do con người làm ra”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi tới kết luận “có cán bộ tốt, việc gì cũng xong. Muôn việc thành công hay thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý...”².

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 –tr 241.

² sdd, T5- tr 240.

“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, vì sao vậy?

- Vì công việc nhà nước được thể hiện ở các văn bản do nhà nước ban hành: Hiến pháp, các Bộ luật, các luật, Nghị quyết của Quốc hội, các Pháp lệnh, Nghị quyết của ủy ban thường vụ Quốc hội, các văn bản của nguyên thủ quốc gia và các văn bản của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, các quyết định của cơ quan nhà nước ở địa phương. Tất cả các văn bản ấy đều do một tập thể hoặc một cá nhân quyết định. Họ chính là những đảng viên, cán bộ, công chức có chức quyền, giữ vị trí cực kì quan trọng trong việc định đoạt mọi công việc của quốc gia.

- Công việc của quốc gia trước tiên là ở các văn bản nói trên, nó có vai trò quyết định đối với toàn bộ hoạt động của đất nước, nó là xuất phát điểm của sự thành bại, hưng vong..., song một nhân tố khác cũng có phần quyết định không kém quan trọng là ở nơi thực hiện, ở việc thi hành. Từ trước tới nay có không ít các quyết sách chính trị và các quyết định hành chính tuy rằng rất đúng đắn nhưng thực hiện kém hiệu quả vì thiếu cán bộ kiểu mẫu để quản lý, điều hành, thiếu người thực hiện và kiểm tra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra một ví dụ: “Chúng ta thường kêu gọi làm làng kiểu mẫu, trại kiểu mẫu, bộ đội kiểu mẫu, nhà máy kiểu mẫu... khẩu hiệu đó rất đúng. Nhưng đến nay, hoặc chưa làm được, hoặc làm được nửa chừng rồi lại nguội”¹. Sở dĩ như vậy là vì chúng ta không biết trước hết “phải tạo ra những người kiểu mẫu, để làm cán bộ cho làng đó, đội đó. Làm được một làng, một đội rồi lấy đó làm kiểu mẫu để khuyến khích và cổ động nơi khác.

Từ trước đến nay chúng ta làm ngược lại. Chúng ta nghĩ ra một làng, một đội kiểu mẫu trong tư tưởng mà không bắt bắt đầu từ một làng, một đội sẵn có, cho nên kế hoạch không ăn khớp với những hoàn cảnh thiết thực (khách quan)”². Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi đó là bệnh nói không đi đôi với làm, nói một đằng làm một nẻo, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. Tất cả đều do thiếu đảng viên, cán bộ, công chức có năng lực và đạo đức, biết làm việc và tận tụy với nhiệm vụ được giao.

- Muốn cho công việc được tiến hành, muốn biết các chỉ thị, Nghị quyết, quyết định hành chính đã được thi hành như thế nào thì phải có

^{1,2} Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T5 – tr 241.

lãnh đạo là kiểm tra. Không kiểm tra coi như không lãnh đạo và quản lý. Nhưng chính công tác kiểm tra đòi hỏi phải có người đi kiểm tra. Những người đó phải là những người thật tốt, phải biết việc, hiểu người và có lòng dũng cảm, kiên cường tức là phải có trí, dũng, liêm... do đó lãnh đạo phải biết sửa sai lầm uốn nắn công việc, biết chọn người và thay người.

Tóm lại, tư tưởng “vô luận việc gì đều do người làm ra” “mọi việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém” của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là quan điểm xuất phát của chiến lược về công tác cán bộ.

b/ Động cơ dùng người

Ai cũng hiểu rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đa tài. Ở Người tiềm ẩn những khả năng để có thể trở thành những tên tuổi lớn trong một số lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, thi ca, văn học, báo chí, kịch và hội họa...

Những động cơ thôi thúc Người là ở lĩnh vực chính trị - xã hội, là tiến hành một sự nghiệp giải phóng vĩ đại, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, trong đó độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, làm cho mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành... những điều đó trở thành ngọn lửa bất diệt trong trái tim của nhà cách mạng Hồ Chí Minh từ thời thiếu niên cho tới khi Người từ giã thế gian này.

Chính động cơ ấy đã trở thành triết lý nhân sinh, thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong toàn bộ chính sách dùng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Động cơ mang tính lý tưởng, khắc đậm chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh đã gặp gỡ những mong mỏi và lợi ích đời thường của tất cả mọi kiếp người lao khổ. Do vậy, ý chí của nhà lãnh đạo, của lãnh tụ với mong mỏi của đại đa số quần chúng trở nên đồng thuận một cách tự nhiên. Mọi người sẽ tập hợp dưới ngọn cờ của lãnh tụ, phấn khởi tự hào được là “lính” của cụ Hồ, “không gì vinh bằng chiến đấu dưới cờ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại” (Tố Hữu), tuân theo sự điều khiển của lãnh tụ: “Bác bảo đi là đi”, bởi họ tin rằng “Bác bảo thắng là thắng”.

Động cơ dùng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho ta cảm nhận tư tưởng của cha ông từ mấy ngàn năm trước vọng về. Xưa “Các vua Hùng

đã có công dựng nước” thì nay “Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Xưa Trần Hưng Đạo “Tướng sĩ một lòng phụ tử” thì nay “Bác cùng chúng cháu hành quân”. Những lời kêu gọi đánh Pháp, rồi đuổi Mỹ xâm lăng của Chủ tịch Hồ Chí Minh như hiện hữu thuở Hội nghị Diên Hồng với một cuộc đối thoại lịch sử giữa vua và dân chúng:

- Nên hòa hay nên đánh?

- Quyết đánh!

Nhưng rồi bản khoán của triều đình:

- Thế nước yếu lấy gì mà lo chiến binh.

Và nhân dân đã trả lời: “hy sinh”!

Một chân lý của muôn đời: nhân nào quả ấy. Dùng người vì chính lợi ích của mọi người thì đó chính là bí quyết của sự thành công. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đồng bào miền Nam nghe tôi, tin tôi vì suốt đời tôi đã tranh đấu chống chế độ thực dân, đấu tranh giành quyền độc lập cho nước nhà”¹.

c/ Yêu người, kính cần, thành tín và khoan dung

Người lãnh đạo ở bất cứ thời nào, đặc biệt là thời đại dân chủ, muốn tuyển chọn, sử dụng được người khác nhất là các bậc hiền tài thì phải được dân yêu mến, tin cậy. Nhưng đúng như Khổng Tử xưa đã từng nói: “Kỷ Sở bất dục, vật thi ư nhân” (Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác) và ngược lại mình phải trân trọng ý muốn của đại đa số nhân dân. Khổng Tử còn dạy:

“Cung kính thì không bị khinh nhờn;

Khoan hậu thì được lòng người;

Thành tín thì được người tín nhiệm;

Cần mẫn thì thành công;

Huệ ái thì sử dụng được người (Luận ngữ).

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 –tr 201.

Chính Các Mác cũng đã từng nói: Muốn mọi người đối xử với mình thế nào thì hãy đối xử với mọi người như vậy. Ông viết: “nếu anh giả định con người với tính cách là con người và quan hệ của con người và thế giới với tính cách là quan hệ của tính người, thì anh chỉ có thể đối tình yêu lấy tình yêu. tín nhiệm lấy tín nhiệm..”¹

Ngay sau khi nhà nước Việt Nam cộng hòa dân chủ ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi ngay một bức thư tới ủy ban nhân dân các cấp phê phán thói “kiêu ngạo, tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh, rồi coi khinh dân gian, nói phô, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng” lên. Không biết rằng, thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến oai tín của Chính phủ”². Rồi người căn dặn cán bộ, công chức các cấp: “Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh, chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là ngọn cờ tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, Người không những có sức cảm hóa, thu phục được những người cùng chí hướng, những tầng lớp, giai cấp cách mạng và những người có cảm tình với cách mạng mà còn cả những người không cùng chính kiến, quan điểm, thậm chí cả những kẻ thù của mình. Sở dĩ như vậy là vì ở Người luôn luôn toát ra sự thẳng thắn, trung thực, tôn trọng lẽ phải, tôn trọng con người và luôn luôn ứng xử với thái độ “lý lẽ phân minh, nghĩa tình đầy đủ”, luôn luôn giải quyết công việc “có lý, có tình”, luôn luôn xuất phát từ đời sống hiện thực. Chúng ta có thể tìm thấy những kiểu mẫu dùng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tất cả các giai đoạn, các thời điểm lịch sử, trong không gian và thời gian cụ thể. Thí dụ, năm 1923, khi cùng một số người đứng ra thành lập Hội Liên hiệp dân tộc các nước thuộc địa, Nguyễn ái Quốc (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã bày tỏ tình yêu thương đồng cảm với những con người, những dân tộc cùng chung cảnh ngộ: “Các bạn thân mến! Bao lâu nay chúng ta làm việc với nhau, mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em. Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ! Sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta...”⁴.

¹ C.Mác và Ph. Ăngghen, tuyển tập, NXB Sự Thật, 1980, T1 – tr 136

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 – tr 57,58.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T12 – tr 57.

⁴ Hồ Chí Minh- Biên niên tiểu sử, NXB Thông tin –Lý luận, 1995, T5 – tr 198.

Năm 1941, Người viết thư “Kính cáo đồng bào”, trong đó toát lên sự chân thành đồng cam cộng khổ, đồng sức, đồng lòng với đồng bào cả nước: “Hỡi đồng bào yêu quý! Việc nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do, độc lập, dẫu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề”¹.

Tháng 8 năm 1945, khi gửi cho Trung úy Phen, một sĩ quan Mỹ có thiện cảm đã giúp Việt Nam một số việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Chiến tranh đã kết thúc. Đây là một điều tốt cho mọi người. Tôi chỉ cảm thấy tiếc khi người bạn Mỹ phải rời chúng tôi quá nhanh...”. Cũng thời gian này, người cũng viết cho một quân nhân Mỹ khác tên là Ph. Tan một bức thư có đoạn: “Chiến tranh đã kết thúc. Mọi thứ đều thay đổi. Nhưng tình bạn của chúng ta vẫn thế, không bao giờ thay đổi... Tôi lấy làm tiếc vì những người bạn Mỹ đã rời chúng tôi quá nhanh và do đó mối quan hệ giữa chúng ta sẽ trở nên khó khăn hơn. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ông. Ông cũng đừng quên chúng tôi nhé! Ngày mai tươi sáng chúng ta sẽ gặp nhau, chúng ta trông chờ ngày đó...”².

Đối với các quan lại của chế độ cũ tham gia vào các vụ đàn áp phong trào cách mạng trước đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh, với cương vị Chủ tịch nước đã chỉ thị: “Các ủy ban địa phương cần phải tỏ rõ thái độ rộng lượng với các cựu công chức và quan lại ấy. Nếu không thấy nhân dân oán hờn họ thì cứ để họ sống yên ổn...Chính phủ muốn để cho họ có cơ hội được giác ngộ khiến họ tự ý tham gia vào phong trào kháng chiến, kiến quốc một cách thành thực và mong chuộc lại những lỗi lầm xưa”³.

Có thể kể ra không biết bao nhiêu sự kiện, bao nhiêu tình huống, bao nhiêu lớp người mà cuộc đời và số phận đã đưa tới sự tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tất cả, đều được Người cảm hóa, thuyết phục, thu phục với tấm lòng nhân ái bao dung hay kính trọng chân thành. Cố thủ tướng Ấn Độ Gia-Oa hác lan Nêru khi đọc diễn văn đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh (tháng 2 năm 1958) đã nói “ba năm rưỡi trước đây, tôi đã gặp vị thượng

¹ Hồ Chí Minh –Biên niên tiểu sử, NXB Thông tin- Lý luận, 1995, T3 –tr 266.

² Hồ Chí Minh –Biên niên tiểu sử, NXB Thông tin- Lý luận, 1995, T3 –tr 127.

khách này ở Hà Nội. Và tôi cảm thấy ngay tôi bị tấn công bởi tình yêu thương, thật khó mà chống lại một cuộc tấn công như thế”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có sức mạnh như vậy bởi vì người là một người cộng sản cầm hoa đến tặng tất cả mọi người, bởi vì Người là người mác xít Lêninnít với quan niệm “Hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin là phải sống với nhau sao cho có tình, có nghĩa”, phải có tình đồng chí thương yêu nhau”; bởi vì Người luôn tâm niệm rằng việc nước là việc chung của mọi người chứ không phải việc riêng của bất cứ ai; bởi vì Người tin rằng “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước... tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất dấu kín đáo trong rương trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải hết sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tình yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”¹.

d/ Hiểu mình và hiểu người

Xưa nay các vĩ nhân, những người anh hùng, làm nên sự nghiệp lớn đều có một tư tưởng “biết mình, biết người”, “biết địch, biết ta”. “Biết” chính là bí quyết của sự thành công.

Có biết người mới dùng đúng người. Nhưng để biết được người thì trước hết phải tự biết được mình. “Biết người cố nhiên là khó..., tự biết mình cũng không phải là dễ.

Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái ở người ta thì trước hết phải biết sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái của mình thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu”².

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra một số căn bệnh cơ bản làm của người cán bộ không tự biết được mình. Đó là:

- Bệnh cậy thế và kiêu ngạo.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T6 –tr 171-172..

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 –tr 277.

“Cậy thế mình ở trong ban này, ban nọ rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân chứ không phải là để cậy thế với dân

Kiêu ngạo, tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. Coi khinh dân gian, nói phô, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng” lên. Không biết rằng, thái độ kiêu ngạo đó là sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến oai tín của Chính phủ”¹.

- Bệnh ưa người ta phỉnh nịnh

Ai khen, tăng bốc mình thì vừa lòng, người có tài, có đức nhưng thẳng thắn, bộc trực không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Những người như vậy, lấy cái “tôi” làm chuẩn mực, “họ quên rằng việc là việc công”, là việc của quốc gia, đòi hỏi phải xuất phát từ yêu cầu khách quan, các quy phạm đạo đức và quy phạm pháp luật làm thước đo để xem xét đánh giá con người.

- Bệnh tư túng

“Kéo bè, kéo cánh bà con, bạn hữu của mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này hay chức nọ”². Chính vì thế mà nảy sinh dòng người theo dòng họ, quê hương... Họ “quên rằng việc là việc công chứ không phải việc riêng gì của dòng họ ai”³.

Chính vì các bệnh nói trên mà các cơ quan đơn vị phát sinh tình trạng chia rẽ, mất đoàn kết, người lãnh đạo cơ quan, đơn vị không còn công minh, khách quan mà luôn luôn “bênh vực lớp này, chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân dân thương lẫn nhau, hòa thuận với nhau...”⁴.

- Bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa, máy móc, giáo điều

Lúc nào và ở đâu cũng cho rằng các quy tắc, phương pháp đã định ra đều là đúng cả, không biết linh hoạt, năng động, biến đổi theo phương pháp “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”; không biết lắng nghe ý kiến người khác

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 -tr 57.

^{2 3} Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 -tr 57.

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T4 -tr 57.

làm cho người tốt, người có khả năng và giàu sáng kiến xa lánh không muốn cộng tác với mình.

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý mắc những bệnh tật ấy không hiểu được chính cái mạnh, cái yếu của mình, do vậy, không thể hiểu được người khác, tựa “mắt đã không có kính màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông. Muốn biết rõ cán bộ, muốn đối đãi một cách đúng đắn các hạng người trước hết phải sửa chữa những khuyết điểm của chính mình. Mình càng ít khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng”¹.

Trên cơ sở tự hiểu mình, cần phải có phương pháp xem xét để hiểu cán bộ một cách thấu đáo, “không chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ toàn bộ công việc của cán bộ”².

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn phải nhìn nhận người cán bộ với con mắt động, phát triển, không nên định kiến, “quyết không nên chấp nhận”, nên nhớ rằng “một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì sai lầm mãi, cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm nhưng chắc gì sau này không bị sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của con người không phải luôn luôn giống nhau.

Xem xét cán bộ không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính nết của họ. Không chỉ xem một việc một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ. Có người lúc phong trào cách mạng cao, họ vào Đảng, họ làm việc rất hăng. Nhưng lúc phong trào khó khăn thì đâm ra hoang mang”³.

đ/ Phải khéo dùng người

Vì mắc vào những khuyết điểm ở trên nên khi dùng cán bộ, người lãnh đạo, quản lý thường phạm vào “ba ham”:

- Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

- Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình mà chán ghét những người chính trực.

^{1, 2} Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 –tr 277-278.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 –tr 279.

- Ham dùng những người tính tình hợp với mình mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Chính vì “ba ham” nên nảy sinh “ô dù”. “che chắn”. “trù dập”. tóm lại là “yêu nên tốt, ghét nên xấu”. “Như thế cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo”¹.

Thế nào là cán bộ đúng?

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, muốn dùng cán bộ đúng thì người cán bộ lãnh đạo cần “năm phải”:

1. “Minh phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không có thành kiến, khiến cho cán bộ không bị bỏ rơi”.

2. “Phải có tinh thần rộng rãi mới có thể gần gũi với người mình không ưa”.

3. “Phải có tính chịu khó dạy bảo mới có thể nâng đỡ những đồng chí còn kém, giúp họ tiến bộ”.

4. “Phải sáng suốt mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây mà cách xa cán bộ tốt”.

5. “Phải có thái độ vui vẻ thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình”².

Khéo dùng cán bộ xuất phát từ việc tập hợp sức lực và tài năng của mọi người vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung. Nếu dùng cán bộ mà để họ “hoang mang, sợ hãi, buồn rầu, uất ức hoặc công tác không hợp” chắc chắn không thành công được.

Vì vậy muốn cán bộ làm được việc, phải khiến cho họ yên tâm làm việc, vui thú làm việc. Phải thực hành những việc sau:

- Làm cho người cán bộ mạnh dạn dám nghĩ, dám nói, dám đề xuất ý kiến.

“Người cán bộ muốn biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của mình, muốn biết công tác của mình tốt hay xấu, không gì bằng khuyên cán bộ mình

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 –tr 279.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5-tr 279.

mạnh dạn đề ra ý kiến và phê bình. Như thế, chẳng những không phạm gì đến uy tín của người lãnh đạo mà lại tỏ ra dân chủ thật thà trong Đảng.

Nếu cán bộ không nói năng, không đề xuất ý kiến, không phê bình, thậm chí tâng bốc mình, thế là một hiện tượng rất xấu. Vì không phải họ không có gì nói nhưng vì họ không dám nói, họ sợ. Thế là mất hết dân chủ trong Đảng. Thế là nội bộ của Đảng âm u, cán bộ trở nên những cái máy. trong lòng uất ức, không dám nói ra, do uất ức mà hóa ra oán ghét chán nản. Như thế mà muốn công tác cho giỏi thì sao được?”¹.

- Làm cho cán bộ có tinh thần chủ động, dám phụ trách (làm chủ) trong công việc.

Tất nhiên cán bộ mỗi người có trình độ, năng lực khác nhau. Song người lãnh đạo biết dìu dắt, giúp đỡ, dạy bảo, cổ vũ, động viên thì cán bộ có thể cố gắng “vượt trội” để hoàn thành tốt nhiệm vụ. “Năng lực của người không hoàn toàn tự nhiên mà có, mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có. Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hóa ra to. Lãnh đạo không khéo tài to cũng hóa ra nhỏ”².

Phải có lòng tin vào cán bộ, bởi công việc là công việc chung, một khi cán bộ có tinh thần phụ trách thì họ sẽ biết tháo gỡ khó khăn, tìm cách vượt lên để làm tốt nhiệm vụ được giao. Người lãnh đạo là người biết kiểm tra, uốn nắn, giúp đỡ cấp dưới chứ không phải là người bao biện làm thay. Mặt khác, người lãnh đạo phải biết tạo điều kiện cho cán bộ làm việc chứ không phải khoán trắng, ra lệnh, không biết đến những khó khăn mà người cán bộ đang vấp phải.

- Phải mạnh dạn cất nhắc cán bộ

Cất nhắc cán bộ là xuất phát từ yêu cầu của công việc. “Vì việc mà chọn người”, “công việc tìm người” chứ không thể “vì người mà tìm việc”, vì lòng yêu ghét thân thích, vì nể nang, cánh vế, dòng tộc, đồng hương... Làm như thế “nhất định không ai phục, mà gây nên môi lôi thôi trong Đảng. Như thế là có tội với Đảng, có tội với đồng bào”³.

Làm thế nào để cất nhắc (đề bạt) cán bộ một cách đúng đắn?

¹ sdd, T5 –tr 250.

² sdd, T5 –tr 280.

³ sdd, T5 –tr 281.

Trước khi cất nhắc phải nghiên cứu, nhận xét rõ ràng, khách quan, toàn diện “chẳng những xem xét công tác của họ mà còn phải xem cách sinh hoạt của họ. Chẳng những xem xét cách viết, cách nói của họ là còn phải xem xét việc làm của họ có đúng với lời nói, bài viết của họ hay không. Chẳng những xem xét họ đối với ta như thế nào mà còn phải xem xét họ đối với người khác như thế nào. Ta nhận họ tốt còn phải xét số nhiều đồng chí có nhận họ tốt hay không. Phải biết ưu điểm của họ cũng phải biết khuyết điểm của họ. Không nên chỉ xem xét công việc của họ trong một lúc mà phải xem xét công việc của họ từ trước đến nay”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến việc làm, đến hoạt động thực tiễn của người cán bộ. Nhiều lần người cho rằng không chỉ tin vào việc viết hay, nói giỏi mà phải xem một tổ chức, một cán bộ, bất cứ ở cấp bậc nào, họ có “nói đi đôi với làm” hay không. Đây là một tư tưởng đã trở thành nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong suốt cuộc đời cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1923, nhiều nhà hoạt động văn hóa, đặc biệt là những chiến sĩ cộng sản Pháp đã cảm kích khi đọc bức thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, phê bình đảng này tuy có tuyên bố ủng hộ phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa nhưng không có hành động cụ thể. Bức thư có đoạn: “mặc dầu là hảo huyên, những lời tuyên bố trong các Đại hội toàn quốc ủng hộ dân chúng các thuộc địa cũng đã góp phần củng cố mối cảm tình mà họ đã có đối với Đảng. Tuy nhiên, thật là không thích đáng, nếu cứ lặp đi lặp lại một điều mà không làm gì cả. Và những người bị áp bức khốn khổ thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đúng đắn hay là những tên lừa phỉnh”².

Xem vậy đủ thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi trọng đến hành động, đến hoạt động thực tiễn, đến nói phải đi đôi với làm như thế nào.

e/ Phải nuôi dạy cán bộ

Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Nhưng muốn cán bộ tốt thì cơ quan lãnh đạo, quản lý “phải nuôi dạy cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu”³.

¹ sdd, T5 –tr 282.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t5- tr 273.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 –tr 273.

Muốn dùng người thì phải quan tâm săn sóc, giúp đỡ nghĩa là phải “nâng cao” người cán bộ cả về đời sống vật chất và đời sống tinh thần, làm cho người cán bộ ngày càng “lớn lên” cùng với sự nghiệp cách mạng. Trước hết, phải tạo những điều kiện vật chất cho người cán bộ có thể an tâm sống và làm việc. Ngay trong cuộc kháng chiến chống Pháp gian khổ, khi đề cập đến vấn đề sửa đổi lối làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ thị phải giúp đỡ cán bộ “phải tạo cho họ điều kiện sinh sống đầy đủ mà làm việc. Khi họ đau ốm phải có thuốc thang. Tùy theo hoàn cảnh mà giúp đỡ họ giải quyết vấn đề gia đình. Những điều đó rất quan hệ đến tinh thần của cán bộ...”¹.

Đồng thời phải thường xuyên huấn luyện cán bộ để nâng cao trình độ giác ngộ, phương pháp tư tưởng, phẩm chất đạo đức và năng lực làm việc cho cán bộ: làm sao cho cán bộ ngành nào sẽ rất thành thực về chuyên môn, nghề nghiệp của ngành ấy; làm sao cho bất cứ cán bộ nào cũng đều phải “vững về chính trị, giỏi về chuyên môn”. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi “cán bộ là gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”².

Người còn phê phán cách huấn luyện hình thức, nặng về lý thuyết chung, ít mang tính thực hành, kém khả năng tác nghiệp: “Thí dụ, huấn luyện cho cán bộ trong các cơ quan hành chính mà không đụng đến công việc hành chính. Còn dạy chính trị thì mênh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được...”

Phải thực hành khẩu hiệu : “Làm việc gì học việc ấy”³.

Trước sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn lưu ý một vấn đề cốt tử của công tác cán bộ là: cán bộ, công chức phải là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Nhưng thế nào là đầy tớ thật trung thành? Người đã chỉ rõ: đó là những người làm việc chung cho nhân dân mà phải làm thật tốt.

Một vấn đề thật quan trọng, trong một thập niên gần đây các cơ quan chức năng của Đảng và nhà nước Việt Nam đã làm, đang làm và làm rất nhiều nhưng hiệu quả thì còn nhiều vấn đề chưa sát với thực tế. Đó là việc giáo dục lý luận. Lời chỉ dẫn sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần

¹ sdd, T5-tr 277.

² sdd, T5-tr 269.

³ sdd, T5- tr 269-270.

được đặc biệt lưu ý trong tình hình hiện nay: “Không nên đào tạo ra những con người thuộc sách lâu lâu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia nhưng nhiệm vụ của mình được giao cho quét nhà lại để cho nhà đầy rác. Đó là điều thứ nhất cần rõ.

Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống với nhau không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác -Lênin. Đó là điều thứ hai cần phải rõ”¹.

g/ Phải đổi mới và đan xen các thế hệ cán bộ

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhìn xã hội với sự phát triển, tiến hóa không ngừng, nhưng đời con người ta lại có giới hạn, ai cũng phải già, phải được nghỉ ngơi và tất nhiên phải có lớp cán bộ mới kế tiếp.

Mỗi thế hệ cán bộ sinh ra và trưởng thành trong những hoàn cảnh cụ thể khác nhau, mỗi người đều có sở trường và sở đoản, cái mạnh và cái yếu nhất định, tuyệt nhiên không ai giống ai. Chính vì thế Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những cách ứng xử khác nhau.

Thứ nhất, trân trọng con người, cố gắng phát huy những mặt mạnh, những sở trường của từng người, cố gắng tận dụng, sắp xếp hợp lý, theo quan niệm “dụng nhân như dụng mộc”, dùng người như dùng gỗ, gỗ nào cũng có thể dùng được, vấn đề quan trọng là biết dùng gỗ nào với việc nào, tuyệt đối không được nhầm lẫn, nhầm lẫn sẽ hỏng việc và hỏng người. Ví dụ như không thể dùng gỗ tạp để làm hoành phi câu đối, dầu có sơn son thiếp vàng thì cũng chỉ là đem cái mỹ miều che khuất cái mối mọt từ bên trong; cũng không thể phỉ phạm đem gỗ vàng tâm đi làm cầu ao, đem “tứ thiết” dùng làm chuồng bò, chuồng lợn. Quan điểm “dụng nhân như dụng mộc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh thống nhất với quan điểm tôn trọng con người, yêu quý cán bộ của Người bởi vì nếu biết khéo dùng thì ai cũng đều có ích cho công việc nước nhà. Người viết: “Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”².

Thứ hai, phải thấy cái giới hạn khắc nghiệt của thời gian để tạo nguồn đào tạo thay thế, bổ sung cho tổ chức những lớp người mới, đủ sức lực và

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T12 -tr 551.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 -tr 273.

tài năng đảm đương các nhiệm vụ theo những yêu cầu mới mà lớp già khó có thể đáp ứng. Tổ chức cần cán bộ già, đồng thời rất cần thiết cán bộ trẻ “Công việc ngày càng nhiều, càng mới. Đảng phải đào tạo, dìu dắt đồng chí trẻ. Một mặt, đảng viên già phải cố gắng mà học”¹. Mặt khác, cũng cần thấy giới hạn lịch sử đối với cán bộ già mà họ không thể vượt qua. Do vậy cần nâng niu, giúp đỡ và mạnh dạn trao nhiệm vụ cho cán bộ trẻ. Làm sao tạo lập được bầu không khí phấn khởi khi thấy lớp trẻ tiến bộ, trưởng thành. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Nếu thế hệ già mà khôn hơn thế hệ trẻ thì không tốt. Thế hệ già thua thế hệ trẻ mới là tốt. Các cháu khôn hơn là tốt. Bệt là không tốt. Người ta thường nói: “Con hơn cha là nhà có phúc”².

Thứ ba, nguồn cung cấp cán bộ là tất cả thanh niên, những người đã giáo dục và đào tạo để ai ai cũng có cơ hội đen tài đức, chí trai phục vụ Tổ quốc, nhân dân “con cháu mình là tất cả, là thanh niên Việt Nam chứ không phải như thời phong kiến, cha làm quan, con làm cậu ấm. Con mình xấu thì đề bạt sao được. Đảng là Đảng của giai cấp, của nhân dân... chứ không riêng con cháu mình”³.

Thứ tư, việc đan xen, kế tiếp các thế hệ cán bộ liên quan đến cách lựa chọn cán bộ cho đúng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiêu chí lựa chọn là:

*Những người tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

*Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ.

*Những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề trong những hoàn cảnh khó khăn. Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải là người lãnh đạo. Người lãnh đạo đúng đắn cần phải: khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo, khi thi hành các nghị quyết gan góc, không sợ khó khăn.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T11-tr 464-465.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T10-tr 465.

³ Hồ Chí Minh –Biên niên tiểu sử, NXB Thông Tin –Lý luận, 1995, T4- tr 165.

** Những người luôn luôn giữ đúng kỉ luật.*

Đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ, chúng ta phải theo cho đúng¹.

Việc đổi mới cán bộ phải rất khách quan, công minh, cần lấy việc hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn tôn vinh những cán bộ công tác ở cơ sở mà hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Về vấn đề này, Lenin trước đó cũng đã cho rằng nhiều khi các đồng chí công tác ở địa phương có những sáng kiến giải quyết tốt những công việc cụ thể mà thực tiễn cách mạng đặt ra, lại có ích hơn những cán bộ ngồi bàn giấy ở Trung ương, ví nó có tác dụng ảnh hưởng đến toàn cục. Người cho rằng niềm sung sướng, hạnh phúc của người cán bộ là làm tốt công việc được giao. Người viết: “có đồng chí tưởng là làm Chủ tịch, Bộ trưởng mới sướng. Đồng chí nào làm ở hợp tác xã, làm tốt là anh hùng. Bộ trưởng mà làm không tròn nhiệm vụ là tồi... Đảng ta còn cần nhiều cán bộ làm hợp tác xã tốt. Hợp tác xã tốt là làm cho dân giàu, nước mạnh”². Do vậy, cần phải tổng kết từ phong trào thực tiễn, phát hiện những nhân tố mới, những cán bộ trẻ có đức, có tài để trao nhiệm vụ cho họ. Mặt khác cũng cần tạo điều kiện cho cán bộ lớn tuổi, đã công tác quá lâu trong các văn phòng có điều kiện thâm nhập thực tế để khỏi lạc hậu. Vấn đề luân chuyển cán bộ hiện nay là một chủ trương đúng, phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Vấn đề quan trọng là ở việc thực hiện chủ trương đó sao cho khách quan, công tâm, lấy lợi ích của công việc làm điểm xuất phát.

h/ Vun trồng lòng tự trọng, tự tin cho cán bộ, giúp họ sửa chữa sai lầm, khuyết điểm

Đối với cán bộ, Hồ Chí Minh bao giờ cũng chăm chú phát huy, vun trồng nơi họ lòng tự trọng, tự tin bởi vì Người cho rằng: “Ai cũng có lòng tự trọng, tự tin. Không có lòng tự trọng, tự tin là vô dụng”³. Người khuyên việc cất nhắc cán bộ không nên làm như việc “giã gạo”, nghĩa là trước khi cất nhắc không xem xét kỹ, khi cất nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T10 –tr 275.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T10 –tr 466.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t5 –tr 282.

lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá lại cất nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên, thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời. Vì vậy phải xem xét kỹ trước khi cất nhắc, giúp đỡ, vun trồng, khuyến khích, khích lệ lòng tự tin, tự trọng; kiểm tra, uốn nắn thường xuyên không để tích tiểu thành đại, “tập dữ tính thành” đến mức sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát mới đem ra “chỉnh” một lần, thế là “đập” cán bộ. Cán bộ bị “đập” mất cả lòng tin, người hăng hái cũng hóa thành nản chí, từ nản chí đến vô dụng”¹.

Để có những cán bộ tốt, người lãnh đạo, người quản lý phải dày công kiên nhẫn và thương yêu. “Nhưng thương yêu không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc... thương yêu là luôn luôn chú ý đến công tác của họ, kiểm thảo họ. Hễ thấy khuyết điểm thì giúp họ sửa chữa ngay, để vun trồng cái thói có gan phụ trách, cả gan làm việc của họ. Đồng thời phải nêu gương những ưu điểm, những thành công của họ. Làm thế không phải là làm cho họ kiêu căng mà cốt là làm cho họ thêm hăng hái, thêm gắng sức. Phải vun đắp chí khí cho họ để bại cũng không nản, thắng cũng không kiêu”². Chủ tịch Hồ Chí Minh còn căn dặn khi phê bình phải có lý, có tình, chớ dùng phê bình như một thủ đoạn để làm mất thể diện của cán bộ. Nên nhớ, phê bình là hướng về cái chân, thiện, mỹ, là làm cho cán bộ tốt đẹp hơn.

Cần nhớ rằng, người đời ai cũng có khuyết điểm. Trừ những kẻ cố ý phá hoại, ngoài ra không ai cố ý sai lầm; sai lầm là vì không hiểu, không biết. “Vì vậy, đối với cán bộ sai lầm, ta quyết không nên nhận rằng họ muốn như thế để mà công kích họ. Trái lại, ta phải dùng thái độ thân thiết, giúp họ tìm ra cái cơ vì sao mà sai lầm? Sai lầm như thế sẽ có hại đến công việc như thế nào? Làm thế nào mà sửa chữa? Tóm lại, phải phê bình cho đúng”³. Nhiều lần Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: Phê bình việc chứ không phải phê bình người, phê bình phải thành tâm, thành ý, giải thích rõ ràng, làm cho người được phê bình tự trông thấy, tự nhận ra (như chỉ cho người ta thấy vết nhọ ở trên mặt) tự giác, vui vẻ mà sửa đổi chứ không phải bị “cưỡng bức” mà sửa đổi (C.Mác gọi đó là làm cho người ta vui vẻ đoạn tuyệt với quá khứ lầm lạc của mình).

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5- tr 282-283.

^{2, 3} Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5 -tr 283.

Sửa chữa khuyết điểm, một phần cố nhiên là của người cán bộ mắc khuyết điểm, nhưng một phần cũng là trách nhiệm của người quản lý, lãnh đạo. Cần lấy giải thích thuyết phục, cảm hóa, dạy bảo tận tình là chính. Song trong trường hợp cần thiết thì cũng phải xử phạt bởi vì lỗi lầm có việc ta, việc nhỏ, lòng tự giác của con người cũng không nhất loạt như nhau. Nếu “huê cả làng” không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, sẽ mở đường cho thói xấu phát triển, lây lan và bọn cố ý phá hoại lợi dụng. Xử phạt cũng là một hình thức giáo dục. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt cũng không đúng. Ngược lại, chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng. “Cần phải phân tích rõ ràng cái cơ sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng”¹.

1/ Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò người cán bộ cấp trên. Người đã nhiều lần nhắc nhở đảng viên, cán bộ cấp trên phải làm mực thước cho cán bộ cấp dưới và người ngoài Đảng. “*Thượng bất chính hạ tắc loạn*”, nếu cán bộ cấp trên không chân chính gương mẫu thì làm sao có thể bảo ban, hướng dẫn được cấp dưới, làm sao duy trì được kỷ luật Đảng và trật tự kỷ cương phép nước. Một cán bộ lão thành cách mạng kể lại rằng: Nhân dịp trò chuyện, đồng chí hỏi Bác về sự phân biệt giữa cán bộ cấp trên và Đảng viên với các cán bộ cấp dưới và người ngoài Đảng. Bác trả lời đại ý:

Ai cũng giống nhau là phải làm tốt nhiệm vụ được giao. Ai làm tốt là vinh quang, là anh hùng, làm đến Bộ trưởng mà không làm tốt nhiệm vụ là kém, là tồi. Còn giữa họ chỉ có một điểm khác nhau là nếu cán bộ cấp trên hay đảng viên mà mắc phải lỗi lầm tương đương như cán bộ cấp dưới hoặc người ngoài đảng thì cán bộ cấp trên, đảng viên phải chịu hình thức kỷ luật nặng hơn. Trong rất nhiều bài nói và viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịch liệt phê phán thói nể nang, bênh che cho nhau. Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải ghi nhớ rằng mình làm cách mạng để phục vụ nhân dân, phải luôn ghi tạc trong lòng: lo toan công việc chung trước mọi người, hưởng thụ sau mọi người. Chỉ có như vậy mới thu phục, cảm hóa, giáo dục được cấp dưới và mọi người.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sdd, T5-tr 284.

Ngày 9-12-1961, khi nói chuyện với những cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc tới những ưu điểm, những tấm gương của rất nhiều đồng chí “Lúc khổ sở, khó khăn thì đảng viên ta đi trước, khi sướng thì đảng viên ta hưởng sau... chắc chắn các đồng chí đều hiểu câu “Tiên thiên hạ tri ưu nhi ưu, hậu thiên hạ tri lạc nhi lạc” chứ không phải “Tiên thiên hạ tri lạc nhi lạc, hậu thiên hạ tri ưu nhi ưu”. Hiểu cả chứ?”¹.

Khi nhấn mạnh đến vai trò quyết định của cán bộ đối với sự thành bại của công việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh không nói cán bộ chung chung mà luôn luôn xem xét, quy trách nhiệm cụ thể và trách nhiệm cuối cùng bao giờ cũng thuộc về lãnh đạo cấp cao nhất của địa phương, đơn vị. Chúng ta có thể tìm thấy trong bài “Tự phê bình” gửi đồng bào cả nước, (đăng trên báo Cứu quốc số 153 ngày 28-1-1946), về sự chân thành và tinh thần tự chỉ trích của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi nêu lên những công việc đã làm được (từ 2-9-1945 đến tháng 1-1946) và những khuyết điểm tồn tại của Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Có thể nói rằng, những khuyết điểm đó vì thời gian còn ngắn ngủi, vì nước ta còn mới hoặc vì lẽ này, lẽ khác. Nhưng không, tôi phải nói thật. Những thành công là nhờ đồng bào cố gắng. Những khuyết điểm kể trên là lỗi tại tôi”.

Tháng 12-1961 khi về làm việc với tỉnh ủy Nghệ An, Người đã nói đại ý: Xét về nông nghiệp thì cố nhiên cấp ủy từ xã đến huyện đều có trách nhiệm nhưng trách nhiệm chính là đội tham mưu của tỉnh, là tỉnh ủy. Còn công nghiệp và thương nghiệp nếu phát triển tốt thì có công của tỉnh ủy, mà phát triển không tốt là hoàn toàn trách nhiệm của tỉnh ủy. Người còn nhấn mạnh cán bộ, đảng viên cấp trên phải phụ trách trực tiếp, rõ ràng, rành mạch chứ không chỉ nói phụ trách chung chung “ai cũng phụ trách mà không ai phụ trách”. Cán bộ cấp trên xét trong mọi hoàn cảnh từ công tác đến đạo đức, sinh hoạt, bao giờ cũng phải làm mực thước cho cấp dưới noi theo.

k/ Đổi mới cách lãnh đạo để dùng người

Vì việc mà dùng người. Công việc xây dựng và bảo vệ đất nước luôn

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T10- tr 462-463.

luôn biến đổi và phát triển. Do đó phải không ngừng đổi mới cách lãnh đạo để dùng người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra 4 cách tiếp cận và đổi mới cách lãnh đạo như sau:

Một là, phải khiêm tốn học hỏi quần chúng đó không chỉ còn là nội hàm của phạm trù đạo đức mà phải xác định như là điều kiện cần và đủ để lãnh đạo.

Lãnh đạo quần chúng đương nhiên là trách nhiệm của người lãnh đạo, nhưng để lãnh đạo được thì phải học hỏi quần chúng, điều đó có nghĩa là “người lãnh đạo không nên kiêu ngạo mà nên hiểu thấu”. Điều đó cũng có nghĩa là “một giây một phút không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng”. Điều đó có nghĩa là “phải biết lắng nghe ý kiến của những người không quan trọng”. “Hiểu thấu”, “Biết lắng nghe”, “học hỏi quần chúng”, “nâng cao nhân dân”, “đưa chính trị vào giữa nhân gian” đã hợp thành một hệ giá trị văn hóa chính trị và vấn đề đổi mới hàng đầu của đổi mới cách lãnh đạo.

Hai là, nhân dân là người thi hành quyết định của lãnh đạo. do đó nhân dân phải là người được tham gia vào quá trình ra quyết định. Đây là hướng tiếp cận đạt tới dân chủ trực tiếp, nó vừa mang tính nhân văn cao cả, vừa thể hiện trách nhiệm cao trước quyền lực mà người lãnh đạo được nhân dân ủy thác nắm và sử dụng quyền lực đó. Tuy nhiên, lãnh đạo cũng có lúc quyết định thiếu sót, sai lầm. Song, lãnh đạo chính trị - xã hội thì cần phải hạn chế đến mức tối thiểu những sai lầm có thể xảy ra, bởi không bao giờ được phép coi những quyết định chính trị - xã hội giống như các quyết định về khoa học công nghệ trong phòng thí nghiệm. Để khắc phục tình trạng này, chúng ta lại thấy trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh những chỉ dẫn mới mẻ, vừa giản dị, vừa sâu sắc. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, người ra quyết định thường chỉ “nhìn từ trên xuống”, còn người thi hành quyết định lại chỉ nhìn “từ dưới lên”. Cả hai đều có hạn chế. “Vì vậy, muốn giải quyết vấn đề cho đúng, ắt phải hợp kinh nghiệm cả hai bên lại”. Do đó, người lãnh đạo phải giữ mối liên hệ chặt chẽ và thường xuyên với cấp dưới, với nhân dân.

Ba là, kiểm soát được xác định là điều kiện bắt buộc của người lãnh đạo, nó như là tiêu chí xác định lãnh đạo và có biết lãnh đạo hay không? “Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bần giấy, muốn biết các nghị quyết có

được thi hành không, muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện chỉ có một cách là khéo kiểm soát". "Khéo kiểm soát" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra bao gồm các phương thức, các giải pháp tiến hành. Việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường xuyên. "Người đi kiểm soát phải là những người có uy tín" "phải đi tận nơi, xem tận chỗ" phải kiểm soát bằng hai cách, từ trên xuống và từ dưới lên. "Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của những người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó". Tóm lại, cách kiểm soát tốt nhất là thực hành triệt để "nguyên tắc dân chủ tập trung". Những tư tưởng này cũng góp phần không nhỏ vào việc bổ sung, hoàn chỉnh lý thuyết thanh tra mà V.I.Lênin đã từng đề cập trong thời kì Người lãnh đạo chính quyền Xô Viết.

Bốn là, hai cách liên hợp được coi là nguyên tắc phổ quát của phương pháp lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: bất kỳ công việc gì cũng phải dùng hai cách lãnh đạo sau đây: "Một là liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng. Hai là liên hợp người lãnh đạo với quần chúng". Liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng được Người coi là một cách "vừa lãnh đạo, vừa học tập". Vì vậy, "bất kỳ người lãnh đạo nào nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới để rút kinh nghiệm thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả bộ phận". Nếu không biết học và làm theo cách này thì có thể coi là không biết lãnh đạo. Liên hợp người lãnh đạo với quần chúng là phương pháp phân loại, xác định nhóm trung kiên và mối liên hệ của nhóm với đa số dân cư. Không có sự liên hợp đó ắt sẽ không tạo lập được phong trào quần chúng hăng hái, sôi nổi thực hiện thắng lợi các quyết định của lãnh đạo¹.

2. Xây dựng đội ngũ công chức hành chính

Từ 10 vấn đề có tính chất lí luận và phương pháp luận nói trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn cụ thể trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong từng lĩnh vực cụ thể: chính trị, quân sự, in ấn, ngoại giao, thanh niên, phụ nữ, công đoàn, hành chính, văn hóa, giáo dục...

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5-tr 288,289,297.

Riêng lĩnh vực công chức hành chính nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có rất nhiều chỉ thị cụ thể. Chúng ta có thể tìm thấy rất rõ trong các văn bản được tập hợp trong “Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ 2, NXB Chính trị quốc gia, 1995, ở 2 tập 4 và 5 (thời kì từ 1945-1949) cùng những sắc lệnh mà Người đã ký từ 1945 đến 1969.

Từ những tư liệu đã có cho ta hiểu rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh có yêu cầu rất cao đối với đội ngũ viên chức nhà nước nhằm xây dựng một Chính phủ liêm khiết, một nền hành chính kiểu mới, mạnh mẽ, trong sạch, làm “công bộc” cho nhân dân.

Mặc dù chính quyền nhà nước non trẻ vừa mới ra đời đã phải đảm đương sứ mệnh dẫn dắt toàn dân bước vào cuộc kháng chiến với không biết bao khó khăn, hiểm nghèo, Hồ Chủ tịch đã ký 2 sắc lệnh xây dựng đội ngũ công chức. Đó là Sắc lệnh số 188/SL ngày 29-5-1948 sửa đổi chế độ công chức và đặt các thang lương cho công chức; Sắc lệnh số 76/SL ngày 20-5-1950 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành quy chế công chức. Sắc lệnh 76/SL là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên của nước ta định rõ nghĩa vụ, quyền lợi của công chức cùng các thể lệ về việc tổ chức, quản trị và “sử dụng các ngạch công chức trong toàn quốc” (Điều 1 Sắc lệnh 76/SL). Bộ trưởng bộ Nội vụ Phan Kế Toại đã ký tiếp vào bản quy chế đó, và thể theo Sắc lệnh này, Bản quy chế được thi hành từ ngày 1-6-1950. “Những khoản chưa thi hành được vì tình thế kháng chiến sẽ thay thế bằng những thể lệ tạm thời, ấn định sau” (Điều 3, Sắc lệnh 76/SL).

Nội dung của bản quy chế công chức đã thể hiện rõ tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự tôn trọng tài năng của công chức và đòi hỏi họ phải có đủ yêu cầu về lòng trung thành với Tổ quốc, đạo đức và khả năng (tâm trí) để hoàn thành các công vụ được giao. Tư tưởng đó đã được thể hiện ngắn gọn, súc tích, trong Lời nói đầu Bản quy chế nêu trên: “Công chức Việt Nam là những công dân giữ một nhiệm vụ trong bộ máy nhà nước của chính quyền nhân dân, dưới sự lãnh đạo tối cao của Chính phủ.

Vậy từng công chức Việt Nam phải đem tất cả sức lực và tâm trí theo đúng đường lối của Chính phủ và nhằm lợi ích của nhân dân mà làm việc.

Đi đôi với nhiệm vụ trên, công chức Việt Nam cần có một địa vị xứng đáng với tài năng của mình. Địa vị ấy được đề cao trong quy chế này.

Thực tiễn Sắc lệnh 76/SL và Bản quy chế công chức, Bộ nội vụ đã hướng dẫn các cơ quan Chính phủ ấn định các kì thi tuyển viên chức vào các ngạch bậc của ngành hành chính.

Nội dung các kì thi tuyển công chức bắt buộc thí sinh phải thi 10 môn sau đây:

1. Về chính trị: Đại cương về Hiến pháp và cách tổ chức chính quyền các nước đế quốc và dân chủ như Anh, Mỹ, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Hung, Bảo Lỗ; về địa vị nước Việt Nam ở Đông Nam Á và thế giới.

2. Về kinh tế: So sánh kinh tế tư bản và kinh tế xã hội chủ nghĩa. Hình thái kinh tế Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945, vấn đề ruộng đất - hợp tác xã, nội thương, công kỹ nghệ, chăn nuôi.

3. Pháp luật: Chính thể cộng hòa dân chủ Việt Nam, chế độ bầu cử, tổ chức Nghị viện theo Hiến pháp 1946.

4. Tổ chức Chính phủ và Nội các, tổ chức các Bộ, các cơ quan chuyên môn, tổ chức chính quyền địa phương. Hội đồng nhân dân tỉnh, xã, ủy ban hành chính kỳ, liên khu, tỉnh, thành phố, huyện, xã.

5. Tổ chức tòa án.

6. Đặc điểm của chế độ thuế khóa mới.

7. Ngân sách - Thể lệ ngân sách - Duyệt y, thi hành, kiểm soát.

8. Địa lý: Địa thế nước Việt Nam: núi, sông, cao nguyên, bình nguyên, bờ biển, thảo mộc, khí hậu, dân số, mật độ canh nông, lâm sản, chăn nuôi, chài lưới, thương mại, giao thông, kỹ nghệ, khoáng sản. Các nước lân cận: Ai Lao, Cao Miên, Miến Điện, Xiêm, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ.

9. Lịch sử: Triều Nguyễn, sự xâm lăng của Pháp và việc thành lập chế độ bảo hộ của Pháp. Những phong trào xã hội, tư tưởng và học thuật đầu thế kỉ XX ở nước ta. Sự thành lập nền dân chủ cộng hòa. Cuộc kháng chiến toàn dân.

10. Ngoại ngữ cho phép tình nguyện; dịch một bài tiếng Anh ở trình độ trung học chuyên khoa, một bài tiếng Trung Hoa ở trình độ cao học của Trung Hoa, viết một thư bằng tiếng Pháp.

Nội dung của các kì thi tuyển đó đã được quy định rất chặt chẽ cụ thể và thiết thực với việc tác nghiệp hành chính. Nó đã thể hiện rõ tư tưởng

và chủ định của Hồ Chủ tịch và Chính phủ về xây dựng một nền hành chính kiểu mới, chính quy và hiện đại. Mặc dầu trong hoàn cảnh kháng chiến, sự thực hiện những nội dung thi tuyển đó gặp rất nhiều khó khăn nhưng dẫu sao, nó vẫn gợi nhiều suy nghĩ về việc thi tuyển công chức (có thể nói là còn tùy tiện, hình thức...) của chúng ta hiện nay.

VI. ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN VÀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG (ĐẠO ĐỨC CÔNG CHỨC)

1. Đạo đức công dân

Để trở thành người có đạo đức cách mạng thì trước hết phải có đạo đức làm người (tư đức) và đạo đức công dân (công đức- đạo đức xã hội).

Trong lời ghi trang đầu Sổ Vàng của trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương (nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), Hồ Chủ tịch đã viết theo thứ tự sau đây:

“Học để làm việc,
Làm người,
Làm cán bộ,
Học để phụng sự đoàn thể,
Giai cấp và nhân dân,
Tổ quốc và nhân loại...”¹.

Như vậy là bất kỳ ai nếu muốn làm người, muốn xứng đáng là con người thì phải học để biết làm việc (lao động), chỉ có biết làm việc mới biết làm người. Do đó phải học để biết làm việc (khả năng lao động), đồng thời phải học để có nhân cách làm người. Có biết làm việc và biết làm người (người công dân của một nước dân chủ mới có thể biết làm cán bộ. Do đó, bất cứ ai cũng đều phải có đạo đức công dân và trên cơ sở đó rèn luyện có đạo đức cách mạng.

Người có đạo đức công dân theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải tự ý thức được rằng mình là chủ nhân của nước nhà, tức là mình là thành viên của cộng đồng nhân dân của một nước dân chủ cộng hòa.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T5-tr 684.

“Nhân dân có quyền lợi làm chủ thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”¹.

Ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh đến phạm trù “bốn phận”, một phạm trù vừa của đạo đức, vừa của luật học và hành chính học, nó liên quan đến phạm trù “thân phận” trong tâm lý học. Khi con người đã trưởng thành về thể xác (thân thể), xét về mặt tâm lý, con người cảm nhận về bản thân mình chủ yếu là xuất phát từ quan hệ với người khác, song song với cảm nhận và nhận thức về người khác: nhận thức về mình, về bản thân, có một hình ảnh gồm những nét mà tự mình nhận ra là của mình, và một hình ảnh xã hội, mình nghĩ rằng người khác cảm nhận về mình như thế nào. Lúc đã thật rõ nét nhận thức rõ bản thân đối lập với đồ vật và người khác và thế giới xung quanh, mỗi cảm giác và hình ảnh đều quy về mình là đã hình thành cái tôi, lúc ấy mình cũng tự đánh giá lấy mình (trong tiếng Pháp: je, le moi đều có nghĩa là “tôi”, có thể dịch “ngã, bản ngã, cái tôi”). Đó là thân phận.

Con người biết rõ thân phận của mình nhờ có sự phát triển về sinh lý, tâm lý và quan hệ xã hội. Cái tôi chỉ xuất hiện trong quan hệ với cộng đồng (gia đình, đồng tộc, dân tộc, quốc gia...). Khi nhận biết được phải làm gì trong quan hệ ấy, có quyền lợi gì và nghĩa vụ gì trong mối quan hệ ấy tức là nó ý thức được “bốn phận” của mình.

Ở đây, khi nói về đạo đức công dân, Hồ Chủ tịch muốn mỗi người Việt Nam phải biết rõ thân phận của mình trong quan hệ với người, trong quan hệ với một nhà nước dân chủ, tức là thân phận của người làm chủ đất nước, tức là công dân của một nước Việt Nam mới: Việt Nam dân chủ cộng hòa. Mỗi người đều được hưởng quyền lợi là công dân một nước: độc lập, tự do, hạnh phúc, thì đồng thời cũng có nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ cái lợi ích chung ấy của xã hội, của quốc gia. Đó là đạo đức công dân. Khái niệm “bốn phận” ở đây là để nhấn mạnh đến khía cạnh nghĩa vụ như là một sự tất yếu của đạo đức công dân, nghĩa vụ của người làm chủ nước nhà.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra những nội dung cơ bản của nghĩa vụ công dân là:

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T7-tr 452.

- *Thứ nhất*, “tuân theo pháp luật nhà nước”. Một đất nước không có pháp luật, không sống và làm việc theo pháp luật là một đất nước còn trong tình trạng dã man. ở đây con người giải quyết, điều chỉnh các mối quan hệ với nhau bằng “luật rừng” nghĩa là mạnh được, yếu thua, đó là quy luật của lối sống hoang dã của các bầy thú. Đó là một xã hội không thể xác lập được đạo đức công dân.

Một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mọi người phải sống, học tập và làm việc theo pháp luật. Pháp luật chẳng qua là ý chí chung của nhân dân, được nhân dân đề ra, xác lập và phục tùng. Đó thực sự là một nghĩa vụ phục tùng chân lý, tức là nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi tự do của mình và của những người khác. Nếu như C.Mác định nghĩa: tự do là sự nhận thức được cái tất yếu thì Chủ tịch Hồ Chí Minh định nghĩa: tự do là sự phục tùng chân lý.

- *Thứ hai*, “tuân theo kỉ luật lao động”. Bản chất của cuộc sống con người là lao động. từ lao động trong nền sản xuất hàng hóa giản đơn đến lao động trong nền sản xuất hiện đại. Đó là quy luật tất yếu của “Kinh tế tự mở lấy đường đi” không ai ngăn cản được. Song chính cái quy luật thép ấy đòi hỏi một sự tổ chức lao động thật khoa học, có nề nếp mà ai cũng phải phục tùng. Đó chính là kỉ luật lao động. Thành ra “tuân theo kỉ luật lao động” lại chính là một nghĩa vụ đạo đức, một sự phục tùng theo nhận thức được cái tất yếu của lao động công nghiệp lại chính là nền tảng của xã hội văn minh.

- *Thứ ba* “giữ gìn trật tự chung”. Cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm phục vụ nhân dân, bảo đảm để nhân dân an tâm mà sống, học tập lao động, để ai ai cũng có cơ hội tự do tìm kiếm lợi nhuận, mưu cầu hạnh phúc. Vì vậy, trật tự chung đi liền với trị an, giữ gìn trật tự chung là trách nhiệm xã hội của cơ quan hành chính và giữ gìn trật tự chung cũng là nghĩa vụ đạo đức của công dân. của mỗi người để ai ai, trong đó có mỗi người đều được an cư, lạc nghiệp. Giữ gìn trật tự chung còn là một nội dung của một cộng đồng mang tính nhân văn, nhân bản. “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân” (Nguyễn Trãi) vừa là nghĩa vụ vừa là phẩm hạnh của con người có văn hóa, có giáo dục.

- *Thứ tư*, “Đóng góp (nộp thuế đúng kì cho nhà nước). Nhà nước dùng ngân sách đó để chi cho các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, xây dựng

những công trình kinh tế, văn hóa, giáo dục..., quốc dân, mang lại phúc lợi chung cho toàn xã hội. Mọi người được thụ hưởng bình đẳng các lợi ích xã hội do nhà nước mang lại, nhưng mọi người lại không phải nộp một khoản tiền bằng nhau mà là nộp thuế được tính theo tỷ lệ thu nhập của từng công dân. Đây là cách đóng góp mà nhà nước đã cân nhắc một cách hợp lý và được xác lập bằng văn bản luật. Do đó, nộp thuế là một biểu hiện cụ thể của việc “tuân theo pháp luật nhà nước”.

- *Thứ năm*, “Hăng hái tham gia công việc chung”: các xã hội có chế độ người bóc lột người, người ta sống bằng đạo lý “Ai lo phận nấy còn thương để lo cho tất cả”; “Cháy nhà hàng phố bình chân như vại”... Xã hội mới của chúng ta ngày càng có tính cộng đồng cao. Và lại, truyền thống văn hóa của người Việt Nam là có tính hợp quần, đoàn kết, chia sẻ. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ có nhiều loại công việc chung mà mọi người có nghĩa vụ tham gia. Ví dụ: việc nước, việc tham gia ứng cử, bầu cử và gánh vác các chức vụ này nọ, được Hồ Chủ tịch xác định là những công việc chung không riêng gì của cá nhân này hay dòng họ nào, ai ai cũng nên tự xét mình và có bốn phận hăng hái tham gia. Lại có việc liên quan đến chủ quyền quốc gia thì việc đánh giặc, bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ của mọi công dân, không phân biệt già trẻ, trai gái, giàu nghèo, dân tộc, ai ai cũng phải hăng hái tham gia giết giặc, cứu nước, cứu nhà. Có việc như chống lụt bão, cứu hỏa... là công việc liên quan đến lợi ích chung vì “Lụt thì lụt cả làng”, “Hăng hái tham gia công việc chung” phải trở thành đạo đức của mọi công dân trong một nhà nước dân chủ.

- *Thứ sáu*, “Bảo vệ tài sản công cộng”: Tài sản công cộng bao gồm những cơ sở phúc lợi xã hội và những cơ sở sản xuất, văn hóa, giáo dục, công sở hành chính và nhiều tài sản khác như rừng, biển, đất đai, nguồn nước... Tất cả đều là tiền của, xương máu, mồ hôi, nước mắt của nhiều thế hệ tạo lập ra để cho thế hệ hiện tại thụ hưởng. Bảo vệ tài sản công cộng là đạo đức công dân bởi nó vừa là tỏ lòng biết ơn đối với các thế hệ cha ông, biết quý trọng mọi người và là thái độ trách nhiệm đối với các thế hệ tiếp nối.

Thái độ vô trách nhiệm đối với tài sản công cộng cũng đồng nghĩa với thái độ của kẻ phá hoại, kẻ vô cảm và bất nhân.

- *Thứ bảy*, “Bảo vệ Tổ quốc”: Tổ quốc là nguồn cội vật chất, tinh thần của con người, của các thế hệ người Việt Nam dựng xây và bảo vệ. Mỗi tác

đất của Tổ quốc đều thấm đẫm máu và mồ hôi, nước mắt của cha ông. Con người có Tổ quốc như chim có tổ, nếu không nó sẽ là kẻ bơ vơ, lạc loài.

Bảo vệ Tổ quốc đã trở thành truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam. Yêu Tổ quốc đã trở thành bản sắc văn hóa, là tinh hoa cốt cách của người Việt Nam. Chính vì vậy mà khi Tổ quốc bị xâm lăng là nhân dân ta lại đoàn kết triệu người như một đánh bại mọi kẻ thù xâm lăng và bộn tay sai cướp nước để giữ gìn bờ cõi, non sông đất nước, để Việt Nam đời đời sống mãi.

Từ khi có Đảng và Hồ Chủ tịch lãnh đạo thì “Bảo vệ Tổ quốc” đã trở thành niềm tự hào và tinh thần tự giác của toàn thể nhân dân ta mặc dầu suốt những năm đầu kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới chỉ ra lời kêu gọi chứ nhà nước chưa có sắc luật nào về nghĩa vụ quân sự.

Mãi những năm sau, do nhu cầu của cuộc kháng chiến, do nhu cầu của nhân dân và yêu cầu của việc xây dựng nền hành chính, nhà nước ta mới ban hành luật Nghĩa vụ quân sự.

Như vậy, “bảo vệ Tổ quốc” đã là sự gắn kết của tinh thần yêu nước, tình cảm đạo đức và ý chí của pháp luật¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét “đại đa số nhân dân ta đã tự giác, tự động làm tròn nghĩa vụ của người chủ nước nhà.

Nhưng vẫn có một số ít người không làm đúng như vậy. Họ muốn hưởng quyền lợi mà không muốn làm nghĩa vụ. Thậm chí có những người phá hoại pháp luật (như tham ô, buôn gian, lậu thuế, trộm cắp, lưu manh...).

Cho nên chúng ta cần phải có giáo dục đạo đức công dân để mọi người hiểu rõ: lợi ích chung của nước nhà và lợi ích riêng của người dân là nhất trí, đã là người chủ của nước nhà thì phải phụ trách với Tổ quốc...”².

Đạo đức công dân được thực hiện vừa bằng giáo dục điều chỉnh bằng dư luận của quần chúng, vừa bằng cưỡng bức vừa trừng phạt tức là phải dùng tới pháp luật. Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “...lấy sự thật thà mà giải thích cho quần chúng rõ địa vị cao quý của người chủ nước nhà, lực lượng xây

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T7-tr 452-454.

² sdd, T7-tr 453.

dựng to lớn của ta, tương lai vẻ vang của dân tộc, nâng cao tinh thần yêu nước của mỗi người. Giáo dục là chính nhưng đối với kẻ ngoan cố không chịu sửa đổi chính quyền, phải dùng pháp luật. Pháp luật là pháp luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân”¹.

2. Đạo đức cách mạng (đạo đức công chức)

Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng nhất đạo đức cách mạng với đạo đức công chức, bởi Người coi hoạt động trong các cơ quan nhà nước, trong hệ thống hành chính các cấp cũng là làm cách mạng. Đạo đức cách mạng (= đạo đức công chức) là hệ thống các mối quan hệ cơ bản và nội dung của các mối quan hệ đó mà người cán bộ, công chức phải rèn luyện để ứng xử với bản thân, với người, với đoàn thể, với nhà nước và nhân dân. Tất cả các loại cán bộ, dù công tác Đảng hay công tác chính quyền, dù chiến đấu ở tiền phương hay lao động trên các công trường, nhà máy đều là làm cách mạng, đều có yêu cầu của công việc mà tổ chức phân công. Dù Chủ tịch nước, ủy viên cấp bộ Đảng hay các Bộ trưởng cho đến nhân viên lái xe, quét rác... tất cả đều phải rèn luyện đạo đức cách mạng, đều phải toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không bàn về đạo đức như một nhà đạo đức học, nhưng những khái niệm đạo đức và các phạm trù đạo đức cách mạng mà Người sử dụng và phát triển đều chứa đựng một nội dung cách mạng và khoa học trên cơ sở khẳng định những giá trị truyền thống, đồng thời tiếp thu, phát triển tinh hoa đạo đức của nhân loại. Với ý thức thực hiện một cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức và đòi hỏi người cách mạng phải lấy đạo đức cách mạng làm nền tảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo ra một hệ thống đạo đức mà Người gọi là đạo đức cách mạng.

Nội hàm khái niệm đạo đức cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện suốt trong cuộc đời của Người. Có thể nói, toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với quá trình phát triển tư tưởng đạo đức cách mạng mà Người vừa là tác giả sáng tạo lý thuyết vừa

¹ sdd, T7-tr 453.

là nhà thực hành mẫu mực. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng.

Lúc đầu Người dùng khái niệm “tư cách”. Năm 1925 khi viết Đường cách mệnh (xuất bản năm 1927), Người dành một chương viết về “Tư cách một người cách mệnh”. Đến năm 1947, khi viết tác phẩm “Sửa đổi làm việc”, Người dùng cả hai khái niệm “tư cách” và “đạo đức” với nội dung cơ bản giống nhau. Có khi Người lại nói “đạo đức cách mạng” là những “tính tốt” bao gồm: cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư hoặc nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Khi khuyên các đối tượng: du kích, bộ đội, công an..., Người cũng thường dùng khái niệm tư cách như “tư cách đội viên du kích”, “tư cách người công an cách mạng”. Lại có khi Người dùng khái niệm “nhân cách” cũng có nghĩa như “tư cách” hoặc “đạo đức”. Ví dụ, “muốn giữ vững nhân cách, tránh hủ hóa thì phải luôn luôn thực hành bốn chữ cần, kiệm, liêm, chính”¹.

Đến tháng 12 năm 1958, Người cho in một chuyên luận trên Tạp chí Học tập (bút danh Trần Lực) với tựa đề “Đạo đức cách mạng”. Có thể nói, ở tác phẩm này Người đã nêu ra một cách đầy đủ, hoàn chỉnh, chính xác nhất về nội hàm của khái niệm đạo đức cách mạng.

Về vai trò, ý nghĩa và biểu hiện của đạo đức cách mạng, Người viết: “có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước”.

“Có đạo đức cách mạng thì gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn luôn giữ vững được tinh thần gian khổ chất phác, khiêm tốn “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ” lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu, không hủ hóa. Đó cũng là biểu hiện của đạo đức cách mạng”².

- Về nội dung đạo đức cách mạng

Trong nhiều bài viết và nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh với những đối tượng khác nhau, cách diễn đạt và nhấn mạnh khác nhau nhưng tựu chung lại, đạo đức cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh bao gồm cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, trung, hiếu...

¹ Sdd, T7-tr 347.

² Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T9-tr 284.

Những phạm trù đạo đức nói trên đã được hình thành rất sớm, gắn liền với các tư tưởng chính trị của nhà nước Trung Hoa cổ đại. Đến Khổng Tử (551-479 tr CN) nó được xác lập thành hệ thống lý luận của Nho giáo. Học trò của Khổng Tử và những người kế thừa học thuyết của ông đã bổ sung phát triển, trở thành chuẩn mực đạo đức, thành phép cai trị (Đức trị) trong xã hội phong kiến.

Những tư tưởng đạo đức nói trên đã được các nhà Nho Việt Nam tiếp thu và vận dụng, nó cũng đã trở thành khuôn mẫu đạo đức trong xã hội Việt Nam trong nhiều thế kỉ cho tới trước năm 1945.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh hoa của những tư tưởng đạo đức Nho giáo, loại bỏ những nội dung hẹp hòi, lạc hậu, lỗi thời và đưa vào nội hàm các phạm trù nói trên những nội dung hoàn toàn mới phù hợp với thời đại cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo.

“Cần” tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai. Chữ “cần” chẳng những có nghĩa hẹp, như tay siêng làm thì hàm siêng nhai. Nó lại có nghĩa rộng là mọi người đều phải cần, cả nước đều phải cần.

Muốn cho chữ cần có nhiều kết quả hơn thì phải có kế hoạch cho mọi công việc. Nghĩa là phải tính toán cần thận, sắp đặt gọn gàng

Cần và chuyên phải đi đôi với nhau. Chuyên nghĩa là dẻo dai, bền bỉ. Nếu không chuyên, một ngày cần mà mười ngày không cần thì cũng vô ích...

Cần là luôn luôn cố gắng, luôn luôn chăm chỉ, cả năm cả đời. Nhưng không làm quá trớn. Phải biết nuôi dưỡng tinh thần và lực lượng của mình để làm việc cho lâu dài.

Lười biếng là kẻ địch của dân tộc.

... Người lười biếng là có tội với đồng bào Tổ quốc...”

“... Kiệm... là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi.

Cần với Kiệm, phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người.

Cần mà không kiệm... thì làm chừng nào xào chừng ấy... cũng như một cái thùng không đáy, nước đổ vào chừng nào chảy ra hết chừng ấy, không lại hoàn không.

Kiệm mà không cần thì không tăng thêm, không phát triển được. Mà vật gì không tiến tức phải thoái...

... Thời giờ cũng cần phải tiết kiệm như của cải nếu hết còn có thể làm thêm, khi thời giờ đã qua rồi không bao giờ kéo nó trở lại được. Có ai kéo ngày hôm qua được không?...

... Tiết kiệm thời giờ là kiệm, và cũng là cần...

... Tiết kiệm thời giờ của mình, lại phải tiết kiệm thời giờ của người. Không nên ngồi lê, nói chuyện phiếm, làm mất thời giờ người khác.

Tiết kiệm không phải bủn xỉn.

Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có việc đáng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng. Như thế mới là kiệm.

Tiết kiệm phải kiên quyết không xa xỉ.

Việc đáng làm một giờ mà kéo dài đến 2,3 giờ, là xa xỉ.

Hao phí vật liệu là xa xỉ.

Ăn mặc đẹp trong lúc đồng bào thiếu cơm, thiếu áo là xa xỉ.

Vì vậy, xa xỉ là có tội với Tổ quốc, với đồng bào"¹.

Cần và Kiệm là điều kiện để thực hành liêm chính. Trong "Lời khuyên anh em viên chức". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Có cần, có kiệm, không tiêu đến nhiều tiền, anh em viên chức mới có thể trở nên liêm, chính được"²

"Liêm" là trong sạch không tham lam.

Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, những người làm quan không đục khoét gọi là liêm, chữ liêm ấy chỉ có nghĩa hẹp.

Ngày nay, nước ta dân chủ cộng hoà, chữ liêm có nghĩa rộng hơn, là mọi người đều phải liêm...

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t5, tr 636-638.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t4, t.158.

Chữ liêm phải đi đôi với chữ kiệm. Cũng như chữ kiệm phải đi đôi với chữ cần.

Có kiệm mới liêm được. Vì xa xỉ mà sinh tham lam.

Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là bất liêm.

Người cán bộ cậy quyền thế mà đục khoét của dân, ăn của đút hoặc trộm của công làm của tư.

Người buôn bán mua 1 bán 10, hoặc mua gian bán lận chợ đen, chợ đỏ, tích trữ đầu cơ.

Người có tiền cho vay cắt cổ, bóp hầu bóp họng đồng bào.

Người cày ruộng, không ra công đào mương mà lấy cấp nước ruộng của láng giềng.

Người làm nghề (bất cứ nghề gì) nhân lúc khó khăn mà bắt chẹt đồng bào.

Người cờ bạc, chỉ mong xoay của người khác làm của mình đều là tham lam, đều là bất liêm.

Dìm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mình là đạo vị (đạo trộm).

Gặp việc phải mà sợ khó nhọc, nguy hiểm không dám làm là tham vật úy lao.

Gặp địch mà rút ra, không dám đánh là tham sinh úy tử đều là trái với chữ liêm.

Do bất liêm mà đi đến tội trộm cắp. Công khai hay bí mật, trực tiếp hay gián tiếp, bất liêm tức là trộm cắp.

Cụ Khổng Tử nói: *"Ai cũng tham lợi, thì nước sẽ nguy"*. Để thực hiện chữ liêm, cần có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên.

Trước nhất là cán bộ các cơ quan đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp dĩ công vị tư.

Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ liêm trước, để làm kiểu mẫu cho dân.

"Quan tham vì dân đại". Nếu dân hiểu biết, không chịu đút lót thì "quan" dù không liêm cũng hoá liêm.

Vì vậy, dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ để giúp cán bộ thực hiện chữ liêm. Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì.

Mỗi người phải nhận rằng tham lam là một điều rất xấu hổ, kẻ tham lam là có tội với nước, có tội với dân.

Cán bộ thi đua thực hành liêm khiết thì sẽ gây nên tính liêm khiết trong nhân dân.

*"Một dân tộc biết cần kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ"*¹¹

"Chính" nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn. Điều gì không đúng đắn, thẳng thắn tức là tà.

Cần kiệm, liêm là gốc rễ của chính. Nhưng một cây cần có gốc rễ, lại cần có cành, lá hoa quả mới đủ là hoàn toàn. Một người phải cần kiệm liêm nhưng phải chính mới là người hoàn toàn.

Trên quả đất, có hàng triệu người. Song số người ấy có thể chia làm hai hạng:

Làm việc "Chính" là người thiện.

Làm việc "tà" là người ác.

"Chính" là thiện.

Siêng năng (cần), tắn tiện (kiệm), trong sạch (liêm).

Lười biếng, xa xỉ, tham lam là tà, là ác.

*Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia,
1995, t5, tr 640-642.*

Bất kỳ ở tầng lớp nào, giữa địa vị nào, làm nghề nghiệp gì, sự hoạt động của một người trong xã hội có thể chia làm 3 mặt:

- Mình đối với mình.

...Chớ tự kiêu, tự đại... luôn luôn cầu tiến bộ... luôn luôn tự kiểm điểm, tự phê bình những lời mình đã nói, những việc mình đã làm, để phát triển điều hay của mình, sửa đổi khuyết điểm của mình.

Đồng thời phải hoan nghênh người khác phê bình mình.

- Mình đối với người. Chữ người nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người.

... chớ nịnh hót người trên, chớ xem khinh người dưới.

Thái độ phải chân thành, khiêm tốn, phải thật thà đoàn kết. Phải học người và giúp đỡ người tiến tới.

Phải thực hành chữ "Bác ái".

- Mình đối với công việc.

Phải để công việc nước lên trước, trước việc tư, việc nhà

Đã phụ trách việc gì, thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi đến chốn, không sợ khó nhọc, không sợ nguy hiểm.

Bất kỳ việc to việc nhỏ, phải có sáng kiến, phải có kế hoạch, phải cẩn thận, phải quyết làm cho thành công.

Việc thiện thì nhỏ mấy cũng làm. Việc ác thì nhỏ mấy cũng tránh.

Việc gì dù lợi cho mình, phải xét có lợi cho nước không? Nếu không có lợi mà có hại cho nước thì quyết tâm không làm¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cơ bản của con người cũng như trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông; Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc; thiếu một mùa thì không thành Trời, thiếu một phương thì không thành đất, thiếu một đức thì không thành người.

Chí công vô tư, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, là ý nghĩa (lòng mình) và hành động của con người khi họ hết lòng với sự nghiệp chung, sẵn sàng *"đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích*

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t5, tr 643-645.

của cá nhân mình". Người yêu cầu những người cách mạng, "vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng". Với tấm lòng ấy thì người cách mạng sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư¹.

"Trí là sáng suốt, biết địch, biết mình, biết người tốt thì nâng đỡ, biết người xấu thì không dùng, biết cái tốt của mình thì phát triển lên, biết cái xấu của mình để mà tránh.

Tín là nói cái gì phải cho tin - nói và làm nhất trí - làm thế nào cho dân tin, cho bộ đội tin ở mình.

Nhân là người có lòng bác ái - yêu nước, yêu đồng bào, yêu bộ đội của mình.

Dũng là phải mạnh dạn, quả quyết nhưng không phải làm liều. Phải có kế hoạch rồi kiên quyết làm ngay. Nguy hiểm cũng phải làm. Nghĩa là phải có lòng dũng cảm trong công việc"².

Trung hiếu theo quan điểm phong kiến là trung với vua, hiếu với cha mẹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở rộng khái niệm này. Người chỉ rõ "Trung là trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng, với Đảng"⁽³⁾.

Đã trung với nước thì tất nhiên phải hiếu với dân, phải phục vụ nhân dân, làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là nhân dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ nhân dân"³.

Nói tóm lại, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, người ta bất cứ ai cũng phải có đạo đức công dân, đạo đức công dân chính là đạo đức làm người trong một Nhà nước dân chủ. Đạo đức cách mạng, đồng nhất với đạo đức công chức. Bất kỳ cán bộ, công chức nào cũng phải xác định mình là một người đứng đầu trong hàng ngũ cách mạng, là làm cách mạng và phải có đạo

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t5 . tr 222-223.

² Sách đã dẫn, t5 - tr 480.

³ Sách đã dẫn, t5 . tr 515.

đức cách mạng là: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nhân, nghĩa, trí dũng, tín, trung với nước, hiếu với dân.

VII. CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA NÓ TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt toàn bộ sự quan tâm của Người vào việc xây dựng một nền hành chính làm "công bộc" của nhân dân.

Lý thuyết "Nhà nước pháp quyền" đã có tác dụng tích cực trong suốt một thời kỳ dài, đã thiết lập được trật tự kỷ cương trong phạm vi quỹ đạo của một nền dân chủ tư sản. Song cùng với thời gian nó bị lạm dụng, biến những tư tưởng tiến bộ của "Nhà nước Pháp quyền" thành "pháp quyền của Nhà nước" nghĩa là nhà nước lợi dụng quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thành công cụ cho việc thực hành một nền pháp trị quan liêu, xa dân, tách Nhà nước ra khỏi nhân dân, đứng trên nhân dân để duy trì trật tự xã hội.

Bước sang thời kì hậu công nghiệp, ở các nước tư bản phát triển, người ta đã nhận ra những khuyết tật nghiêm trọng của nền hành chính công quyền, đã buộc phải nghĩ tới việc "đổi mới chính phủ", mà một trong những tư tưởng chủ đạo của họ là xây dựng một nền hành chính dịch vụ, coi nhân dân là đối tượng, là khách hàng.

Ở nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ, ngay từ giữa thế kỉ XX trước khi nhân loại bước sang thời kỳ văn minh hậu công nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những tư tưởng tiến bộ có thể nói là đã đi trước thời đại, và quyết tâm thực hành một nền hành chính vì dân một "Chính phủ là công bộc của dân". Chủ tịch Hồ Chí Minh không dùng các thuật ngữ của nền kinh tế thị trường (dịch vụ, khách hàng) vào trong việc xây dựng và hoạt động hành chính. Người không chia tách Chính phủ và nhân dân là 2 thực thể đối lập hay theo kiểu kẻ mua (khách hàng) và người bán (dịch vụ). Người xác định nhân dân là lực lượng, là sức mạnh của Chính phủ, còn Chính phủ là người hướng dẫn, dẫn đường cho nhân dân "Vây Chính phủ và nhân dân kết thành một khối Chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho nhân dân"¹. Người nhấn mạnh lại trong một câu hỏi "Chính phủ cộng hào

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t4, tr 56.

Dân chủ là gì? Là đây tớ trung thành của nhân dân, từ Chủ tịch toàn quốc đến làng. Dân là chủ thì Chính phủ phải là đây tớ"¹. Nhiều lần khác, người luôn nhấn mạnh: Chính phủ làm đây tớ chung cho nhân dân, nghĩa là phải làm thật tốt.

Mục đích hoạt động (hay bản chất) của Chính phủ thì xác định như trên nhưng thực trạng của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà - một Chính phủ ra đời sau 80 năm đất nước bị nô lệ và với một trình độ phát triển kinh tế - xã hội rất thấp (thuộc địa, nửa phong kiến, trên 90% dân số cả nước mù chữ) thì rõ ràng đó là một Chính phủ vừa chưa có kinh nghiệm, vừa mang theo tất cả vết tích của một xã hội mà nó vừa thoát thai, các hình thức và tác phong của chính ngay các cơ quan chính quyền mà nó vừa đánh đổ.

Lại nữa, với tầm nhìn của một nhà chính trị được hình thành bởi một nhân cách văn hóa kiệt xuất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra cách để phòng và khắc phục căn bệnh trầm kha của tất cả các Nhà nước đã có trong lịch sử quan liêu, tham nhũng, động cơ của hầu hết quan lại "thăng quan phát tài", mưu "vinh thân phì gia" và luôn tự xác định là quan phụ mẫu của nhân dân (cha mẹ dân).

Có thể thấy rõ 24 năm ở cương vị cao nhất của quyền lực chính trị và quyền lực Nhà nước (1945-1969) là 24 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh kiên trì nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong hệ thống chính trị, đặc biệt là trong Đảng cầm quyền và trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

"Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân"² là tên một tác phẩm ngắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, công bố trên báo Nhân dân ngày 3-2-1969 (trước lúc qua đời 7 tháng). Có thể coi đây còn là một sự tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm sâu sắc và đó cũng là Di huấn quan trọng bậc nhất của Người cho việc xây dựng nền hành chính nhà nước của chúng ta hiện nay.

"Nâng cao đạo đức cách mạng" và "quét sạch chủ nghĩa cá nhân" là 2 mặt của cùng một vấn đề, quan hệ gắn bó, hữu cơ với nhau. Đó là quan hệ

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t4 , tr 60.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t12 - tr 438.

giữa "Xây" và "Chống", "Xây" để "Chống" và "Chống" để "Xây", "Xây" và "Chống" đồng thời với nhau.

Trên đây chúng tôi cố gắng tách ra để nghiên cứu phần "Đạo đức cách mạng" trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Sau đây chúng tôi trình bày khái lược tư tưởng của Người về "quét sạch chủ nghĩa cá nhân".

1. Chủ nghĩa cá nhân (individualism)

Chủ nghĩa cá nhân là những người sống và làm theo triết lý vị kỷ, đặt cái "tôi" lên trên hết, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo "mình vì mọi người" mà chỉ muốn "mọi người vì mình"¹.

Chủ nghĩa cá nhân là những người sống một cách thấp hèn, "không có dũng khí cách mạng, ít lo nghĩ về trách nhiệm của mình, không quyết tâm vươn lên phía trước. Họ hững hờ như những người không có lý tưởng, đến đâu hay đến đó, qua tháng qua ngày. Đối với công việc của cách mạng, không có thái độ người làm chủ tập thể, dám nghĩ dám làm, mà thường bị động ngồi chờ"².

"Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh.

Cũng do chủ nghĩa cá nhân mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân.

Tóm lại, do chủ nghĩa cá nhân mà phạm nhiều sai lầm"³.

Chủ nghĩa cá nhân là "kẻ thù bên trong mỗi chúng ta"⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên trong số các nhà lý luận cách mạng ở nước ta phân biệt rõ ràng nhất "cá nhân" và "chủ nghĩa cá nhân".

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t12 - tr 438.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t11- tr 373.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t12- tr439.

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t11- tr373.

Quyền và lợi ích cá nhân là vấn đề tự nhiên của con người mà. Người ta hay nói là vấn đề nhân quyền. Quyền được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc của con người đã được thể hiện rõ ràng trong Điều 10, Chương II, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người chủ trì đề xướng, như sau: "Công dân Việt Nam có quyền:

- Tự do ngôn luận;
- Tự do xuất bản;
- Tự do tổ chức và hội họp;
- Tự do tín ngưỡng;
- Tự do cư trú đi lại trong nước và ngoài nước."

Những ngày đầu tiên làm Chủ tịch Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố trước các nhà báo rằng "Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu mọi chủ nghĩa"¹.

Có thể nói cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh chiến đấu cũng vì quyền độc lập, tự do cho nhân dân, cho nước. "Không có gì quý hơn độc lập tự do" là lý tưởng cách mạng mà người theo đuổi, bởi vì hơn ai hết Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nếm trải sự đau khổ của thân phận những người bị nô lệ "Đau khổ chỉ bằng mất tự do". Giành độc lập cho dân tộc cũng chỉ là bước đầu tiên trên con đường muôn dặm để mang tự do, hạnh phúc cho con người. "Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"².

Người đã viết: "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giây xé lên lợi ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích tập thể thì không phải là xấu. Nhưng lại phải thấy rằng chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình"³. Người còn chỉ rõ:

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t4, tr 272.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t4, tr 56.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t9 - tr 291.

Trong các xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người được thoả mãn, còn lợi ích cá nhân của đại đa số nhân dân thì bị giầy xéo. Trái lại, chỉ có trong chế độ ta, một chế độ mà nhân dân lao động được sống trong một nước độc lập dân chủ thì mỗi người mới là một bộ phận của tập thể, của quê hương, đất nước, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao cho xã hội. "Cho nên lợi ích cá nhân nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được đảm bảo thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện được thoả mãn".

Tác hại của chủ nghĩa cá nhân là vô cùng to lớn bởi nó sản sinh ra những tệ nạn, những thói hư tật xấu khác. Trong một lần nói chuyện với cán bộ trung, cao cấp quân đội, Hồ Chủ tịch đã phân tích: chủ nghĩa cá nhân là "tư tưởng mẹ" nó đẻ ra tư tưởng xấu như công thần, kiêu ngạo, kèn cựa, địa vị, đòi hưởng thụ, xa xỉ, lãng phí¹. Trong tác phẩm "Đạo đức cách mạng", người đã nghiêm khắc chỉ ra rằng chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch, cần phải tiêu diệt nó. Người viết: "Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kì việc gì cũng xuất phát từ lòng ham muốn danh lợi địa vị cho cá nhân chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân.

Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác. Người cách mạng phải tiêu diệt nó"².

2. Những biểu hiện chính của chủ nghĩa cá nhân

***Quan liêu (Ph. Bureaucratie)**

Quan liêu là sự cai trị của những nhân viên hành chính chuyên nghiệp; một nhóm xã hội riêng biệt gồm những người nắm quyền cai trị áp đặt ý chí của mình lên toàn xã hội; những thói tật gắn liền với bộ máy hành chính như giấy tờ phiền nhiễu, hách dịch và thiếu trách nhiệm, thích phô trương³.

¹ Hồ Chí Minh-Biên niên tiểu sử, Nhà xuất bản Thông tin Lý luận, 1995, T6, tr464.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t9 , tr 292.

³ Từ điển giải thích thuật ngữ hành chính, Nhà xuất bản Lao Động, H 2002, tr 595.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: “Quan liêu là cán bộ phụ trách xa rời thực tế, không điều tra nghiên cứu đến nơi, đến chốn những công việc cần phải làm, việc gì cũng nắm không vững, chỉ đạo một cách đại khái chung chung. Quan liêu là xa rời quần chúng, không đi sâu đi sát, không hiểu rõ lai lịch, tư tưởng và công tác của cán bộ mình. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng, sợ phê bình và tự phê bình. Tác phong của những “ông quan liêu” là thiếu dân chủ, không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách”¹.

Tác hại của bệnh quan liêu là vô cùng nguy hiểm bởi vì nó đã từng làm tiêu vong sự nghiệp của không biết bao nhiêu chính khách và các chế độ chính trị. Bệnh quan liêu làm tiêu tan phẩm chất tốt đẹp của người cán bộ và cơ quan nhà nước, nó làm cho dân sợ, dân ghét và dân khinh. Quan liêu thường đi đôi với mệnh lệnh, hống hách, vì vậy có lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi chung là bệnh “quan liêu mệnh lệnh”. Người cho rằng những cán bộ quan liêu chỉ là những kẻ giả dối, những nhà dân chủ giả hiệu “miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái ngược với phương châm và chính sách của Đảng và Chính phủ”².

Có thể nói hầu hết các bài nói và viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ khi Người đứng đầu bộ máy nhà nước đến khi qua đời, đều đề cập hoặc toàn diện, hoặc một khía cạnh của vấn đề dân chủ và quan liêu.

Kẻ thù của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một là, bọn đế quốc cướp nước và bọn phản động bán nước, là bè lũ áp bức bóc lột nhân dân, hai là, chủ nghĩa cá nhân, mà con đẻ của nó là quan liêu, tham ô, lãng phí - những tên giặc “nội xâm”, không khác gì bọn Việt gian phản động.

Thế kỷ XX, trong số các vĩ nhân để lại nhiều dấu ấn trong lịch sử nhân loại, có lẽ chỉ có Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh là người nói kỹ và phê phán một cách gay gắt nhất, đồng thời hành động một cách quyết liệt nhất đối với bệnh quan liêu, đặc biệt là các ông nói và làm ngay từ buổi đầu của chính quyền cách mạng được thành lập và do các ông đứng đầu bộ máy nhà nước.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t10, tr 574.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995, t6, tr 292.

Người ta sẽ còn nhiều giấy mực để bàn về sự sụp đổ của Liên bang Xô viết và sự tan rã phe xã hội chủ nghĩa nhưng chắc chắn là có nguyên nhân từ chủ nghĩa quan liêu, tẻ hời. Cũng như hiện thời, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam đã và đang phải làm nhiều việc để chống các nguy cơ đe dọa sự sống còn của chế độ ta trong đó có nguy cơ từ chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu, tham nhũng và hời hợt.

Nhưng chắc không ai có thể quên được những gì Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói và đã làm để chống các căn bệnh quái ác và trầm kha đó ở trong Đảng cầm quyền và trong bộ máy nhà nước. Và chắc chắn người ta sẽ nhớ tới Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh như những nhà tiên tri lỗi lạc với những dự báo chính trị thiên tài.

- Ngày 22-11-1912, V.I. Lênin đã viết cho bộ trưởng Bộ dân ủy Tài chính nước cộng hoà Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô Viết Nga một bức thư, trong đó có đoạn như sau: "Đồng chí Xô-côn-ni-cốp!...

...Toàn bộ công việc của tất cả các cơ quan kinh tế của chúng ta bị khốn khổ trước hết vì bệnh quan liêu. Nếu có cái gì làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó. Chúng ta vẫn còn mãi mê nghĩ đến các sắc lệnh, các cơ quan. Sai lầm là ở chỗ đó. Toàn bộ thực chất ngày nay ở cán bộ thực tiễn và trong thực tiễn. Hãy biến các sắc lệnh của chúng ta từ trạng thái là giấy lộn đầy bụi bặm (hoàn toàn không khác gì vậy, cả sắc luật tồi cũng như sắc luật hay) thành thực tiễn sống động - Thực chất là ở đó."¹

- Năm 1952, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang bước vào giai đoạn quyết định, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rõ và chỉ ra muốn thắng "giặc ngoại xâm" thì trước hết và đồng thời phải chống "giặc nội xâm". Người viết: "Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát vông việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, báo cáo trên giấy chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn.

Nói tóm lại, vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết

¹ Lênin Toàn tập, Nhà xuất bản Tiến Bộ, Moscova, 1978, t54, tr 235.

quả là những người xấu, những cán bộ kém, tha hồ tham ô, lãng phí. Thế là bệnh quan liêu đã áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí.

Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu¹.

Tại sao Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh đều có chung một nhận định: Bệnh quan liêu là kẻ thù, nó có thể làm biến dạng chế độ chính trị và làm tiêu vong sự nghiệp cách mạng?

Thứ nhất: Sau khi giành được chính quyền, Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền. Vấn đề lúc này không còn là "đập cho tan tành" thể chế chính trị của chế độ cũ bằng nhiệt tình xông lên mà là quản lý đất nước, là xây dựng và kiến tạo một chế độ mới, một thể chế chính trị và một kiểu nhà nước chưa hề có tiền lệ trong lịch sử.

- Quản lý thì phải điều hành chỉ huy, ra lệnh bằng hai nguồn tri thức: Tri thức khoa học và sự hiểu biết thấu đáo tình hình thực tiễn. Cả hai nguồn ấy suy cho cùng đều là sự tiếp nhận thông tin. xử lý thông tin và cuối cùng là ra quyết định. Chính tệ quan liêu giấy tờ (Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là bệnh quan liêu bàn giấy, là thói quen đóng cửa phòng ra chỉ thị) đã làm cho người có quyền ra quyết định không sát với thực tế, trái với quy luật. Vì thế, lẽ ra "Bộ máy của chính quyền Xô Viết phải làm việc chu đáo, phân minh nhanh chóng"² thì lại rơi vào "tình trạng lộn xộn, làm cho toàn bộ công việc quản lý cũng mang tính chất giả tạo không thực tế"³.

- Lãnh đạo và quản lý đòi hỏi phải kiểm tra, phải nắm được tình hình xem những chỉ thị, quyết định đã được quán triệt và thi hành thế nào, tức là phải nắm được các thông tin phản hồi để kịp thời hoặc là điều chỉnh, sửa đổi những điều đã quyết định sai hoặc không còn phù hợp nữa, hoặc là chấn chỉnh việc thi hành của cấp dưới. Nhưng chính bệnh quan liêu đã làm cho người lãnh đạo, người quản lý chỉ có thể tiếp nhận được những "thông tin ảo". Chỉ dừng lại ở những bức phúc đáp tránh né, rỗng tuếch và đùn đẩy công việc cho các cơ quan khác⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lênin đều có tác phong tự mình nêu gương trong việc nắm bắt tình hình một cách thực tế, hiệu quả, chân thực. Các

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, t6, tr 489, 490.

² Lênin toàn tập, Nhà xuất bản Tiến Bộ, M. 1978, t5-1, tr 131.

^{3, 4} Lênin toàn tập, Nhà xuất bản Tiến Bộ, M. 1978, t5-1, tr 132.

ông đã xuống cơ sở "như một người bình thường" chứ không phải một "ông vua", một quan đại thần đi tới đâu cũng "tiền hô hậu ủng" để đề phòng những kẻ "làm láo, báo cáo hay", che dấu sự thật. Lênin đã kể lại rằng: "Lần đầu tôi đi bằng đường sắt, không phải với tư cách "là một ông quan" đánh thức mọi người dậy, làm cho mọi người chú ý, bằng hàng chục bức điện đặc biệt, mà với tư cách một người không tên tuổi đi cùng với ủy ban Đặc biệt toàn quyền Nga, và ấn tượng mà tôi nhận được là nặng nề vô cùng. Nếu nề nếp của một bánh xe nhỏ đặc biệt trong bộ máy dưới sự giám sát đặc biệt của bản thân ủy ban Đặc biệt toàn quyền Nga mà đã như vậy thì tôi có thể hình dung được tình hình trong Bộ Dân ủy Giao thông ở đó tất phải là cực kỳ hỗn loạn."¹.

Có thể nói tình trạng bê trễ, làm sai làm ẩu, làm hư hỏng, thất thoát tiền của và công sức của nhân dân trước hết là do tệ quan liêu, là thói vô trách nhiệm của người đứng đầu ngành, cấp có chức năng lãnh đạo và quản lý nhà nước về từng lĩnh vực cụ thể. Lênin đã chỉ rõ "một người có trách nhiệm, biết rõ công việc, chứ không phải là một ông quan liêu. Người đó sẽ nghiêm khắc chịu trách nhiệm về tình trạng bê trễ"².

Trên thực tế đã diễn ra biết bao nhiêu chuyện bi hài đầy nghịch lý. Một thủ tướng ngành quản lý tiền vàng của quốc gia để thất thoát hàng ngàn tỷ đồng, đến lúc vỡ lở ra thì tội lỗi lại thuộc về cấp dưới còn mình thì như người ngoài cuộc, không được một lời xin lỗi dân chúng! Hoặc những cây cầu lớn trên con đường huyết mạch của thành phố "tự nhiên" sập, làm tắc nghẽn giao thông, gây lộn xộn và tổn thất lớn cho quốc gia. Ấy vậy mà người đứng đầu ngành quản lý giao thông lại như "một người năng nổ, có tinh thần trách nhiệm", "Mất bò mới lo làm chuồng", vội vội, vàng vàng huy động tiền của, vật tư sức lực của toàn ngành vào việc khắc phục sự cố "do cấp dưới thiếu tinh thần trách nhiệm" còn thủ trưởng thì xuất hiện trước ống kính quay phim "như một người anh hùng" ra tay cứu vãn tình thế!

Lênin đã phê phán tình trạng không có địa chỉ rõ ràng, không chỉ ra chủ nhân đích thực" của các sự bê trễ. Người đã nói rằng, ở bất cứ đâu, bất

¹ Lênin toàn tập, Nhà xuất bản Tiến Bộ, M. 1978, t54, tr150.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện toàn tập, Nhà xuất Chính trị Quốc gia, 1995, t7, tr 150.

cứ cơ quan đơn vị nào, nếu có ưu điểm thành tích thì thường xuất hiện tình trạng tranh công, vơ vào. Vinh quang bao giờ cũng thuộc về người đứng đầu, ông ta "nhô cao đầu lên", nhưng khi có sai lầm khuyết điểm thì ông ta lại khéo léo "hạ thấp đầu xuống ẩn nấp, trà trộn vào tập thể, vào cấp dưới. Người viết: "Thảo luận thì thảo luận chung nhưng trách nhiệm là của từng người. Vì không biết vận dụng nguyên tắc này nên cứ mỗi bước đi chúng ta lại bị khốn đốn"¹. Tình trạng nhiều cơ quan, ban, bộ, ngành du đẩy trách nhiệm đã từng xảy ra ở Liên Xô nhiều năm trước đây, đã được Lenin phê phán, ngăn ngừa nhưng sau khi Người qua đời, tình trạng đó không những không được khắc phục mà còn nặng nề hơn và kết cục như thế nào thì mọi người đều đã rõ. Ở Việt Nam, tuy đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ bảo cặn kẽ, nhiều lần; Đảng ta cũng đã có nhiều Nghị quyết, Chỉ thị về sự phân công, phân nhiệm cần phải rành mạch, rõ ràng. Nhưng tiếc thay, việc chấp hành còn nhiều bất cập, nên khi sự việc xảy ra, việc quy trách lẫn cho nhau. Đứng trước công luận có việc quá rõ, không thể lảng tránh thì đành nhận khuyết điểm chung: "tập thể lãnh đạo" và "tập thể cùng chịu trách nhiệm". Năm 1922 chính Lenin đã phê phán tình trạng này như sau:

"Đáng lẽ phải chịu trách nhiệm về công việc của mình... với ý thức rằng chính mình là người chịu trách nhiệm thì người ta lại nấp sau các ban. Đến thánh cũng không biết đâu mà lẫn trong các ban đó, không làm thế nào mà tìm ra được người chịu trách nhiệm cả; mọi cái đều rối tung và cuối cùng, người ta đưa ra một Nghị quyết trong đó mỗi người đều cùng chịu trách nhiệm"².

Thứ hai, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Vô luận việc gì đều do người làm ra... ", mọi việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Chính tề quan liêu đã làm cho việc đặt người không đúng chỗ, năng lực và phẩm hạnh của cán bộ không tương xứng với chức quyền mà họ đảm nhiệm. Chính tề quan liêu đã làm cho "việc theo dõi, giúp đỡ đôn đốc, uốn nắn, ngăn ngừa... bị sao lãng, do vậy cán bộ làm việc ở đâu thì như "ông tướng, bà tướng" (lời Bác Hồ) ở đó, thói hư tật xấu như cỏ dại ngày một lây lan, lấn lướt cả những đức tính tốt đẹp của người cán bộ.

¹ Lenin Toàn tập, Nhà xuất bản Tiến Bộ, Moscow, 1978, t54, tr 207.

² Lenin Toàn tập, Nhà xuất bản Tiến Bộ, Moscow 1978, t45, tr 138.

Lênin đã chỉ ra "những điển hình về tệ quan liêu xấu xa và sự dấn độn của chúng ta, mà lại là những người ưu tú của chúng ta"¹

Lại nữa, lãnh đạo và quản lý thì phải kiểm tra. Lẽ ra người làm công tác kiểm tra phải là những người thật tốt, "những người thực sự biết cách kiểm tra, để tìm kiếm những tài liệu cần thiết và tìm ra bọn thủ phạm"², nhưng tiếc rằng trong các cơ quan kiểm tra, thanh tra có khi lại lẫn lộn có cả "bọn quan lại và bọn nhu nhược"³

Tệ quan liêu còn làm mất cán bộ, người có dũng khí đấu tranh, thẳng thắn, trung thực nhiều khi không được bảo vệ.

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước bao giờ và ở bất cứ thời đại nào cũng cần có những cán bộ, công chức trung thực, dũng cảm, những người có cá tính, có suy nghĩ độc lập nhiều khi trái ngược với ý kiến của nhà lãnh đạo. Lênin cho rằng chính bệnh quan liêu đã làm cho những cán bộ tốt bị "đày đọa". Trong thư gửi Lômôlôxốp để chuyển cho các ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga, ngày 30-3-1922. Lênin đã viết trôi đã nói chuyện với Cra - Xnô - Sécôp, Tôi thấy rằng chúng ta, Bộ Chính trị, đã mắc một sai lầm lớn.

Một con người chắc chắn là thông minh, cương nghị, hiểu biết công việc, có kinh nghiệm (nhưng chỉ vì có ý kiến bất đồng cả với Bộ Dân uỷ Ngoại thương cũng như Bộ Dân uỷ Tài chính vì đồng chí đó tán thành "tự do buôn bán" nhiều hơn đã bị chúng ta đày đọa đẩy đến một tình cảnh mà người ta có thể vứt bỏ tất cả và chạy trốn bất kỳ đến đâu cũng được"⁴.

Cuối cùng V. I. Lênin đã chỉ thị "Dù trong trường hợp nào cũng phải đạt cho kỳ được điều sau đây: Chúng ta không bỏ mất cán bộ, mà thoả mãn nguyện vọng rất chính đáng của đồng chí..."⁵

Thứ ba, tệ quan liêu làm cho nạn tham nhũng và hối lộ có đất tưng hoành. Mà trong một Nhà nước "nếu còn một hiện tượng như nạn hối lộ, nếu còn có thể hối lộ được thì cũng không thể nói đến chính trị được.

¹ Lênin toàn tập, t54 , tr 246.

^{2 3} Lênin toàn tập, t54 , tr 289.

⁴ Lênin toàn tập, t54 , tr 287.

⁵ Lênin toàn tập, t54 , tr 288.

Trong trường hợp này, thậm chí cũng không thể nói đến làm chính trị được, vì mỗi biện pháp đều sẽ lơ lửng trên không trung, sẽ hoàn toàn không mang lại kết quả gì. Một đạo luật chỉ có thể đưa đến kết quả xấu hơn nếu trên thực tiễn nó được đem áp dụng trong điều kiện nạn hối lộ còn được dung thứ và đang thịnh hành. Trong những điều kiện đó không thể làm một thứ chính trị nào hết, người ta không có cái điều kiện cơ bản có thể làm chính trị được"¹.

Thứ tư, nhiều khi chúng ta chỉ nhìn thấy hiện tượng hối lộ và tham nhũng mà không thấy căn nguyên của nó là do tệ quan liêu đẻ ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng của Lenin và căn cứ vào thực tiễn của Đảng ta, Người đã chỉ rõ "ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham nhũng"². Do vậy mà phải công khai lên án tệ quan liêu thẳng tay trừng trị tệ quan liêu. Thường người ta cứ cho rằng hình như tệ quan liêu ít xấu xa, tội lỗi hơn tội tham nhũng, nhận hối lộ. Vì vậy, ít khi anh chàng quan liêu bị ra tòa mà chỉ "con đẻ" của nó là "máy chủ" tham nhũng bị đứng trước vành móng ngựa!

Chính Lenin đã yêu cầu chính quyền Xô viết phải công khai lên án tệ quan liêu và hãy "tuyên bố là phạm tội quan liêu giấy tờ, dốt nát, dung túng tệ quan liêu và tuyên bố cảnh cáo nghiêm khắc và khiển trách trước công luận, để nhắc nhở cho họ biết rằng chúng tôi chỉ xử phạt khoan hồng như vậy lần đầu thôi, còn từ nay về sau nếu phạm tội đó chúng tôi sẽ bỏ tù không thương tiếc..."³.

Người cũng phê bình tòa án Xô viết "đã hết sức sơ sài về nguyên tắc. Chúng ta không biết phán xử công khai tệ quan liêu dư đáng. Vì sự bất lực đó mà tất cả chúng ta và Bộ Dân uỷ Tư pháp rất đáng bị treo cổ lên những chiếc thông lọng thối hoắc. Tôi vẫn chưa mất hết hy vọng rằng sẽ có một khi nào đó, vì khuyết điểm đó chúng ta sẽ bị treo cổ một cách đáng đời"⁴.

Rồi Người đặt ra câu hỏi "Liệu Bộ Dân uỷ Tư pháp yếu đuối của chúng ta có bắt đầu học tập được cách đưa ra và tiến hành những vụ án xử công khai về tệ quan liêu hay không?"

¹ Lenin toàn tập, t44 , tr 218.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, t11 , tr111.

³ Lenin toàn tập, t54 , tr225.

⁴ Lenin toàn tập, t54 , tr113 - 114.

Tôi không hiểu một uỷ viên công tố thông minh lại không thể nói hết mọi điều trước tất cả mọi người, lại không thể chế diễu và phỉ nhổ việc bênh vực tệ quan liêu giấy tờ... Và đồng thời không thể buộc tội một cách có lý, đúng đắn, đúng mực?"¹

Lênin cũng đã chỉ ra tình trạng các toà án Xô Viết thường e dè, nể nang, thiên vị đối với một số nhà quan liêu có "vai vế", làm cho pháp luật không được thực hiện một cách công minh. "Chúng tôi xin nhắc lại từ nay trở đi, sẽ trừng phạt về tội quan liêu cả những người thiêng liêng nhưng dốt đặc cán mai... Bởi vì chúng ta, nước Cộng hoà Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô Viết Nga, không cần sự thiêng liêng mà cần biết tiến hành công việc"²

Ở nước ta, vụ án Năm Cam đã được xét xử một cách công khai. Tên trùm xã hội đen, chỉ có học vấn mới lớp 3 đã không cần giấu giếm mà đã khai toẹt ra trước cơ quan điều tra rằng: Nếu tướng Nguyễn Việt Thành và cộng sự không sớm ra tay ngăn chặn, chụp bắt Năm Cam và đồng bọn thì - như lời hắn nói - cái thành phố này sẽ nát thành tương(?!). Nghe những lời lẽ ấy được thốt ra từ miệng lưỡi của một kẻ vô học, đại lưu manh như Năm Cam, chắc chắn chúng ta càng thêm thấm thía lời chỉ dẫn vô cùng sáng suốt của Lênin vĩ đại về công tác tổ chức và cán bộ.

"Cần phải truy tố và trừng phạt điển hình một cách nghiêm khắc đúng những người có trọng trách gây ra những khuyết điểm về tổ chức này chứ không trừng phạt người nào khác. Đồng chí chớ bao giờ kết tội quan liêu cho một tên phá hoại ngầm..."

Tôi đề nghị..., "đem truy tố trước toà án về tệ quan liêu và xử phạt hết sức nghiêm khắc"³ bởi vì "nếu có cái gì làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó"⁴.

Đồng tư tưởng với Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Để kháng chiến thắng lợi, để xây dựng nước nhà, chiến sĩ thì hy sinh xương máu, để đóng góp; mà những kẻ tham ô, lãng phí quan liêu thì phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của nhân dân. Tội lỗi

¹ Lênin toàn tập, t54, tr 114.

² Lênin toàn tập, t54, tr 114-115.

³ Lênin toàn tập

⁴ Lênin toàn tập, t54 - tr 235.

áy cũng nặng như tội Việt gian, mật thám. Vì những lẽ đó, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng cần kíp như "việc" đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị"¹.

Tham nhũng (Ph. Corruption), tham ô.

Theo Từ điển giải thích thuật ngữ hành chính: "Tham nhũng là hành vi vụ lợi (vì lợi ích của cá nhân hoặc một nhóm người) lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản không phải của mình..."².

Điều 1 Pháp lệnh Chống tham nhũng của nước ta ban hành ngày 9-3-1988 ghi "tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hối lộ, hoặc cố ý làm trái pháp luật vì trong cơ vụ lợi, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, tập thể và cá nhân, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan tổ chức" .

Chủ tịch Hồ Chí Minh ít dùng khái niệm tham nhũng, người thường dùng khái niệm tham ô. Theo chúng tôi hiểu thì tham ô, về cơ bản đồng nghĩa với tham nhũng, nhưng tham ô còn có nội hàm rộng hơn hai cách định nghĩa nói trên ở chỗ nó còn gọi được sự xấu xa, đê tiện của kẻ tham nhũng và kẻ tham nhũng không chỉ là người có chức vụ quyền hạn, lợi dụng để chiếm đoạt tài sản. . . mà người dân không có chức vụ gì cũng vẫn có thể tham ô. Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích. "Tham ô là gì?"

- Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân, ăn bớt của bộ đội. Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô.

- Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là ăn cắp của công, khai gian, trốn thuế"³. Với Chủ tịch Hồ chí Minh thì tham ô là hành động dối trá, là hành động xấu xa nhất, tội lỗi đê tiện nhất trong xã hội. "Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà, hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân, hại đến đạo đức của người cán bộ..."⁴ và Người khẳng định "Trộm cắp

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t6 , tr 490.

² Từ điển giải thích thuật ngữ hành chính, tr 674.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t6 , tr 488.

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập , sách đã dẫn, t11 , tr 110.

tiền bạc của nhân dân, tổn hại kinh tế của Chính phủ, cũng là mặt thám phản quốc, nếu không phải là tệ hơn nữa"¹.

Tham ô là con đẻ của chủ nghĩa quan liêu, do chủ nghĩa quan liêu mà có hàng trăm, hàng ngàn khe hở để nạn tham ô sinh trưởng và khuếch tán, lây lan tạo ra một bầu không khí xã hội xấu xa, mà tác hại hơn cả là dường như nó hình thành một triết lý nhân sinh, một "lý tưởng sống" "đớp", "vơ vét"; vơ vét được càng nhiều càng tốt, còn "sống chết mặc bay", mặc Nhà nước, mặc nhân dân, mặc đời sống lam lũ, cực nhọc của những người cần lao, thậm chí cả những người đồng chí, anh em đã có thời cùng nhau chia ngọt, sẻ bùi, đồng cam cộng khổ, chiến đấu hy sinh vì lý tưởng độc lập tự do của Tổ quốc.

Vì tham nhũng mà sinh ra hủ hoá (chữ "hủ hoá" được Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng với nghĩa rộng, nó đồng nghĩa với "tha hoá", là đánh mất bản chất tốt đẹp lương thiện của con người - TG ghi chú). Người viết: "Để phòng hủ hoá, cán bộ ta nhiều người "cúc cung tận tụy" hết sức trung thành với nhiệm vụ, với Chính phủ với quốc dân. Nhưng cũng có người hủ hoá, lên mặt. Làm quan cách mạng, hoặc là độc hành, độc đoán, hoặc là dĩ công vi tư: Thậm chí dùng pháp công để báo thù tư làm cho dân oán đến Chính phủ và đoàn thể"².

Tham ô đã làm biến dạng đời sống chính trị, xuống cấp đạo đức xã hội, nó như con quỷ lẩn lút gian kế nanh nọc, tinh quái. Từ tham ô tiền bạc mà người ta tham ô quyền lực tranh giành địa vị, gian dối, mua quan bán chức, chợ đỏ, chợ đen.

Chỉ mới có hơn 1 tháng sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nhà nước cộng hoà dân chủ Việt Nam, với cương vị là Chủ tịch Chính phủ Lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có công thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng khuyên răn cán bộ, công chức trong hệ thống hành chính như: nước các cấp cần khắc phục và ngăn chặn biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tệ quan liêu, tham ô. Có điều thật kỳ lạ là những lời khuyên răn ấy, tuy đã cách chúng ta 60 năm nhưng về cơ bản cầm quyền và Nhà nước pháp quyền Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân ,

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t6 ,tr 501.

² Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t4 , tr 21.

do dân và vì dân hiện nay, bởi nội dung của nó vẫn giữ nguyên tính thời sự cấp bách. Chúng ta hãy cùng nhau đọc kỹ và cùng nhau hiểu thấu:

"Hỡi các bạn!

Nhờ dân ta đoàn kết một lòng và Chính phủ lãnh đạo khôn khéo, mà chúng ta bẻ gãy xiềng xích nô lệ, tranh được độc lập - tự do. Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng.

Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để giành việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta.

Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ và rất được lòng nhân dân: Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi rất nặng nề. Những lầm lỗi chính là:

1. *Trái phép* - Những kẻ Việt gian phản quốc; chứng cứ rõ ràng thì phải trừng trị đã đành, không ai trách được. Nhưng cũng có lúc vì tư thù, tư oán mà bắt bớ và tịch thu làm cho dân ta thán.

2. *Cậy thế* - cậy thế mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân.

3. *Hủ hoá* - Ăn muốn cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng mạn, thử hỏi tiền bạc lấy ở đâu ra? Thậm chí lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức. Ông uỷ viên đi

xe hơi rồi bà uỷ viên, cho đến các cô các cậu uỷ viên, cũng dùng xe hơi của công. Thử hỏi những phao phí đó ai phải chịu?

4. *Tư túng* - kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai.

5. *Chia rẽ* - bênh vực lớp này, chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân nhượng nhau, hoà thuận với nhau. Thậm chí có đôi nơi để đất ruộng bỏ hoang, nông gia ta thán : Quên rằng lúc này ta phải toàn dân đoàn kết, không chia già trẻ, giàu nghèo để giữ nền độc lập, chống kẻ thù chung.

6. *Kiêu ngạo* - Tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh: Coi khinh dân gian, nói phô, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt "quan cách mạng" lên. Không biết rằng, thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến oai tín của Chính phủ.

... Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung.

Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà, mà tôi phải nói. Chúng ta phải ghi sâu những chữ "công bình, chính trực" vào lòng. Mong các bạn tiến bộ!

Lãng phí (waste dissipation)

Theo Từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học (Giáo sư Hoàng Phê chủ biên - NXB Đà Nẵng - 1995) "lãng phí là làm tổn kém, hao tổn một cách vô ích".

Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của nước ta ban hành ngày 9-3-1988: "lãng phí là sử dụng nguồn lực tài chính, lao động và các nguồn lực khác vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn,

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t4, tr 56 - 57 - 58.

chế độ, nhưng chất lượng đạt thấp hơn hoặc không đúng mục tiêu đã xác định".

Chủ tịch Hồ Chí Minh không đưa ra một định nghĩa ngắn gọn về lãng phí, nhưng người xem xét nó từ nhiều góc độ.

1/ Lãng phí là con đẻ của chủ nghĩa cá nhân "Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa..."¹ hoặc "Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí"²;

2/ Lãng phí là phạm trù đạo đức, nó đồng nghĩa với xa xỉ và đối lập với cần kiệm: "kiệm là tiết kiệm không xa xỉ, không hoang phí, bừa bãi.. thời giờ cũng cần phải tiết kiệm... Tiết kiệm phải kiên quyết không xa xỉ. Việc đáng làm trong một giờ mà kéo dài đến 2, 3 giờ là xa xỉ. Hao phí vật liệu là xa xỉ. ăn mặc đẹp trong lúc đồng bào thiếu cơm, thiếu áo là xa xỉ"³.

3/ Những biểu hiện của lãng phí: "Lãng phí có nhiều cách: lãng phí sức lao động... lãng phí thời giờ... lãng phí tiền của"⁴

4/ So sánh sự khác nhau giữa lãng phí và tham ô: "Lãng phí tuy khác với tham ô ở chỗ gây ra lãng phí không trực tiếp trộm cắp của công làm của riêng. Nhưng kết quả thì làm tổn hại rất nghiêm trọng cho nhà nước, cho nhân dân"⁵.

5/ Chỉ rõ nguyên nhân của bệnh lãng phí "lãng phí có nhiều nguyên nhân. Hoặc vì lập kế hoạch không chu đáo. Hoặc vì khi thực hiện kế hoạch tính toán không cẩn thận. Hoặc vì bệnh hình thức xa xỉ, phô trương. Hoặc vì thiếu tinh thần bảo vệ của công. Nói tóm lại là vì thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức quý trọng sức của, sức người của Nhà nước và của nhân dân"⁶.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm, phải chống lãng phí, nếu không sẽ như đổ nước vào một cái thùng có nhiều lỗ thủng ở đáy, công sức tiền của đầu tư vào nhiều nhưng kết quả

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t12, tr 438.

² Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t9, tr 292.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t5, tr 636-638.

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t6, tr 488-489.

⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t11, tr 11.

⁶ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t11, tr 111.

thu được thấp, có khi lại còn thâm hụt, lại gây tác hại, như vậy cũng không khác gì kẻ phá hoại.

Người lưu ý các cơ quan chính quyền, đoàn thể, các cơ quan kinh tế "cần phải dùng nhiều phương pháp để giữ gìn cho tiền bạc của ta khỏi bị lãng phí, bị phân tán, bị dùng vào những việc không cần thiết, bị dùng ra ngoài việc xây dựng căn bản"¹. Cơ quan có trách nhiệm, người có trách nhiệm không được định kế hoạch theo cách quan liêu, phải sát thực tế, tính tới hiệu quả thiết thực, ghi nhớ lời dạy của Lênin là "hãy tính toán tiền nong cho kỹ", hãy liên hệ chặt chẽ với tình hình kinh tế, nguồn của cải, nhân lực, vật lực với sự tính toán cân nhắc cẩn trọng. Cần lưu ý là ngay từ những năm còn chống Pháp (giữa thế kỷ XX) Hồ Chủ tịch đã nhắc nhở khi làm kế hoạch phải chú ý: "Nếu tăng phát triển công nghệ phải dựa trên sự cần thiết cho thị trường trong nước, trước hết là thị phần của nông dân và dựa trên phạm vi của cải của ta. Đó là nền tảng để liên hệ công nghệ với kinh tế của nông dân"² "không được" theo ảo tưởng của mình mà định kế hoạch... không cân nhắc lực lượng mà làm ẩu... đặt kế hoạch rất to tát, động viên hàng ngàn, hàng vạn công nhân, xem rất oai. Nhưng rồi vốn liếng không đủ kết quả là hao tổn rất nhiều, gây ra thất vọng cho công cuộc xây dựng, gây mỗi khó khăn cho chính trị... Các cơ quan chính quyền và đoàn thể, các cơ quan kinh tế phải nâng cao năng suất, giảm bớt số người (tinh giảm. Hiện nay, cơ quan của ta người nhiều, việc ít, xài phí lu bù"³. Nếu để mãi tình trạng này thì quần chúng, nhất là công nhân, nông dân không thể chịu đựng những cơ quan kênh cang và tốn kém như vậy. Vô luận thế nào cũng phải tìm đủ cách để biên chế các cơ quan lại... "⁵

Những lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ giữa thế kỷ trước mà như Người đang nghiêm khắc nhắc nhở Đảng và Nhà nước ta hiện nay vậy: "Chúng ta phải kiên quyết chống nạn lãng phí ở các cơ quan và trong sự sinh hoạt của chúng ta. Chống cách tiêu dùng bừa bãi tiền của của nhân dân và vốn liếng của Chính phủ.

Hiện nay, có những cuộc khai hội, những lễ kỷ niệm, những đám yến tiệc tốn hàng vạn, hàng chục vạn. Cần phải chấm dứt nạn phô trương

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t6, tr 498.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t6, tr 499.

lãng phí ấy. Trong lúc công nghệ cần phải xây dựng, đồng bào đang bị thiếu thốn, chúng ta không thể tha thứ những việc phô trương lãng phí như vậy"¹.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện đường lối kinh tế nhiều thành phần, đa sở hữu, lấy kinh tế quốc doanh làm chủ đạo. Đó là một chủ trương đúng. Lẽ ra các cơ quan nhà nước, các cơ sở kinh tế quốc doanh phải nêu tấm gương sáng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí xa hoa, để chủ đạo dẫn dắt các thành phần kinh tế khác noi theo. Song rất tiếc là tình hình đang diễn ra một cách ngược lại. Tiêu "tiền chùa" (ý nhân dân ám chỉ tiền Nhà nước) là một thói quen thích thú của những cán bộ, đảng viên vô trách nhiệm, họ rất "dũng cảm, kiên quyết" (chữ Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng để chế diễu những hành vi liều lĩnh phá hoại công quỹ của một số cán bộ, đảng viên) "âm thầm phớt qua pháp luật, trốn tránh và làm sai pháp luật. Về điều này, những người ngoài Đảng cẩn thận hơn. Vì đảng viên thường xem pháp luật, chính quyền là việc trong nhà. Vì vậy mà có đôi đảng viên như những con lợn (xin lỗi tiếng đó), họ rúc vào vườn rau của Nhà nước, chén một bữa no say, hoặc họ hy sinh lợi ích của nước nhà...".

3. Chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu) trong tổ chức; hoạt động của nền hành chính nhà nước

Chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu...) là bản chất cố hữu của các Nhà nước do giai cấp bóc lột thống trị. Nó lấy mục tiêu "thăng quan phát tài" làm mục tiêu phấn đấu như vậy là nó hoàn toàn đối lập với Nhà nước dân chủ cộng hoà lấy phục vụ nhân dân làm lý tưởng và phương châm hành động để "làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng"². Do đó, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu...) là dấu hiệu phân biệt bản chất của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà với Nhà nước dưới sự thống trị của đế quốc thực dân và bọn tay sai của chúng.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, t6, tr 500.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, t5, tr 249.

- Chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu...) là cuộc đấu tranh giữ gìn, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được. Đảng, Nhà nước, đảng viên, cán bộ và nhân dân ta cần phải thấm thía cái giá hy sinh gian khổ khó khăn để giành độc lập tự do, để có ngày hôm nay. "Nay tình hình đã khác trước. Đời sống nhân dân khá hơn xưa, cán bộ ta ăn ở cũng khá hơn, đi công tác có xe đạp, có ô tô nữa. Nhưng có một số người lại để cho chủ nghĩa cá nhân nảy nở. Đã có xe rồi lại "phấn đấu để có chiếc xe đẹp hơn, chiếm mất phần của người khác. Đã có nhà rồi, lại "phấn đấu theo kiểu như thế để có nhà đẹp hơn..."

... Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại có sức hấp dẫn lớn không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân..."¹

- Chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu...) là để giữ vững an ninh chính trị, ổn định xã hội, để kiến thiết quốc gia trong tình hình mới. Chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu...) là rất nguy hiểm, là kẻ thù bên trong của mỗi con người, nhất là người cách mạng, nó là nội xâm "chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó quậy phá, làm cho chế độ chính trị biến dạng, làm cho pháp luật bị lơ lửng trên không, làm giảm "oai tín" (chữ dùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh) của Chính phủ, làm cho lòng dân không yên, nó làm cho quyền lực nhà nước bị tha hoá từ chỗ Chính phủ là của dân đến trở thành kẻ đối lập với nhân dân. Mất nhân dân, là mất tất cả. Đúng như Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều lần ban hành các văn bản chỉ rõ tham nhũng đã và vẫn đang là, một nguy cơ và việc chống nó sẽ liên quan đến việc tồn vong của chế độ ta.

- Chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu...) Thực sự là cuộc đấu tranh cách mạng sâu sắc, khó khăn, thường xuyên và lâu dài, nó ẩn nấp tiềm tàng như "cái ác" trong lòng mỗi người, không loại trừ ai, kể cả cán bộ trung cấp, cao cấp, tóm lại, là những người nắm giữ chức quyền trong tay nếu lòng dạ không trong sáng nữa. Hồ Chủ tịch đã nói "... Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, t2 t tr 557-558.

thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp "dĩ công vi tư"¹

Do đó, để đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân thì cần phải có biện pháp đồng bộ: tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên trên"². Trong cuộc đấu tranh cách mạng này tính chất gay go, quyết liệt của nó diễn ra rất phức tạp, tinh vi và dai dẳng, nó khác hẳn cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược trước kia. Nó thoát ẩn, thoát hiện, lẫn lộn giữa trắng và đen, thiện và ác, nó ở trong mỗi chúng ta, là bạn ta, là cấp trên, cấp dưới của ta, nó cho ta "cái lợi" cụ thể, trước mắt có thể sờ mó "được", nó mơn man dụ dỗ, mua chuộc ta, nó chính là "cái bả vinh hoa" lôi cuốn mỗi chúng ta làm cho ta từng bước dần thân vào vòng tội lỗi. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân phải là một cuộc vận động cách mạng sâu rộng, lấy giáo dục làm chính (giáo dục ở đây bao gồm nhiều khâu: học - kiểm thảo, phê bình, tự phê bình - kế hoạch sửa chữa - giám sát kiểm tra và kết luận).

Học tập chống tham nhũng không phải là lên lớp về đạo lý, lý thuyết mà phải liên hệ - không phải là liên hệ chung chung mà là liên hệ với bản thân, cơ quan, đơn vị mình, phải có sự tác động nhiều chiều; lấy bản thân mình làm trung tâm (để liên hệ, giải quyết), làm đối tượng trực tiếp để tự chỉ trích, tự phê phán và phê phán. Tuyệt đối tránh! Một sự phê phán chung: ở đâu cũng có quan liêu tham nhũng chỉ trừ "ta". Ta đứng ra ngoài cuộc vận động, kiểu như một anh thi sĩ cuồng ngông "ngồi đây ta gõ mạn thuyền. Ta cả trái đất chỉ còn riêng ta", chỉ còn có "ta trong sạch". Cho nên "tự chỉ trích" phải đồng thời có sự, "chỉ trích" từ cấp dưới, cấp trên, đồng cấp và từ quần chúng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói đại bộ phận cán bộ đảng viên ta là tốt, và "phần nhiều do giáo dục mà nên". Cần lưu ý là "phần nhiều", số đông cán bộ đảng viên ta là tốt, có thể giáo dục được nếu "các nhà giáo dục cũng được giáo dục" (C. Mác, một sự giáo dục chân chính, đích thực. Nhưng trên thực tế vẫn còn một số ít, "phần nhỏ", khó giáo dục. Vậy nên, đồng thời "phải có kỷ luật thích đáng đối với những kẻ ngoan cố, không

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t5, tr 641.

² Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t5, tr 641.

chịu ăn năn, sửa chữa"¹. Nhiều lần Người nhắc nhở kỷ luật phải nghiêm, từ trên xuống. Trong công tác phải có khen thưởng và trừng phạt, không thể không trừng phạt đối với những người không tự giáo dục, không tiếp thu sự giáo dục của Đảng, Nhà nước và tập thể. Khoan dung không có nghĩa là bao che, xuề xoà, càng không thể "nhẹ trên, nặng dưới", phải công minh, công tâm, công bằng, minh bạch trong kỷ luật, trừng phạt đối với ai mắc sai lầm mà không chịu thật thà "cải tà quy chính". Với cương vị là Chủ tịch nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký lệnh ân xá cho nhiều người hối cải và có quyết tâm sửa chữa, nhưng Người cũng đã từng bác đơn và ký án tử hình đối với những kẻ tội phạm (kể cả cán bộ cao cấp) để giữ nghiêm phép nước. Suy cho cùng, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, trừng phạt cũng là một cách giáo dục bằng một phương pháp khác để bảo vệ "oai tín" của Chính phủ và để "yên lòng dân".

Giáo dục và trừng phạt lượng thời khuyến khích những người tốt càng tận tụy và càng gương mẫu trong việc phục vụ nhân dân"². Trên thực tế, từ xưa tới nay bao giờ đa số quần chúng nhân dân cũng vẫn là những người trung thực, thẳng thắn và dũng cảm đấu tranh với thói vô trách nhiệm, tệ tham ô lãng phí, quan liêu của những người lãnh đạo. Các cuộc thảo luận sôi nổi trong Quốc hội những năm gần đây và từ những thông tin của báo chí, cho thấy những người tốt dám đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện của nó, đặc biệt là tệ tham nhũng, có rất nhiều và hầu hết là đúng. Các vụ án tham nhũng làm thất thoát lớn đã được đưa ra xét xử đều do quần chúng "mở màn" rồi từ đó các cơ quan báo chí, các cơ quan lãnh đạo và bảo vệ pháp luật mới vào cuộc. Cuộc đấu tranh lôi ra ánh sáng một số quan chức lãnh đạo ở Thị uỷ và Uỷ ban nhân dân thị xã Đô Sơn (Hải Phòng) chiếm dụng đất đai của Nhà nước, của dân chia cho nhau là do một cán bộ đã về hưu cùng với tổ chức quần chúng ở cơ sở kiên trì đấu tranh mới lôi ra ánh sáng. Có thể kể ra rất nhiều vụ việc như thế. Điều đó chứng tỏ đồng thời với giáo dục là phải kỷ luật, trừng phạt bọn ngoan cố và tuyên dương, bảo vệ người biết giữ gìn đạo đức và dũng cảm đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện của nó. Những chỉ dẫn nói trên của Hồ Chủ tịch đã và vẫn đang được thực tế khẳng định

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, t10, tr 576.

² Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, t10, tr 576.

như là một "phương châm duy nhất để cứu vãn, (chữ của Lênin) tình thế trong cuộc đấu tranh chống tham ô lãng phí, quan liêu hiện nay.

Để chống chủ nghĩa cá nhân thắng lợi thì cơ quan bảo vệ pháp luật phải công minh và kiên quyết.

Trong các tác phẩm của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người rất ít trích dẫn các tác phẩm kinh điển, nếu có thì cũng rất ngắn. Nhưng trong tác phẩm "Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu" (viết năm 1952), Người đã trích một đoạn khá dài của Lênin trong tác phẩm "Nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô Viết" (24- 8- 1918). Có lẽ là một trích dẫn dài nhất trong tất cả các tác phẩm của Người đã in trong Hồ Chí Minh toàn tập, trọn bộ 12 tập. Theo chúng tôi, vốn nhân quan chính trị của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm thấy từ Lênin sự đồng cảm trong nhận xét về tình trạng yếu kém của pháp luật có tính phổ biến ở những quốc gia do những người cộng sản lãnh đạo vừa mới dành được chính quyền, chưa tồn tại một Nhà nước pháp quyền trong lịch sử. Dưới đây chúng tôi ghi lại một phần trích dẫn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn ý kiến Lênin không hài lòng việc toà án nhân dân Mạc Tư Khoa, ngày 2-5-1918 xử nhẹ một vụ án hối lộ: "Không xử bắn lũ ăn của dút lót, mà xử một cách pha trò, mềm mỏng, nhẹ nhàng như vậy, đó là một điều xấu hổ cho đảng viên cộng sản, cho những người cách mạng. Cần phải nêu những đồng chí đã ăn hối lộ ra để cho dư luận quả trách và cần phải đuổi họ ra khỏi Đảng"¹. Cách vài hôm sau Lênin viết thư cho Bộ Tư pháp: "Phải lập tức đề nghị một đạo luật trừng trị những vụ hối lộ (ăn hối lộ, tặng hối lộ và những cách hối lộ khác) ít nhất cũng phải phạt 10 năm giam cầm và 10 năm khổ sai"².

Về cách chống bệnh quan liêu, Lênin viết "cần phải dùng nhiều hình thức và phương pháp kiểm tra từ dưới lên trên... để nhỏ đi nhỏ lại cho sạch hết những cỏ rác bệnh quan liêu"³.

Chúng tôi nghĩ không cần bình luận gì thêm, chính Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, khi đang giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nói: Những lời dạy của Lênin trong tác

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t6, tr 495.

² Sách đã dẫn, t6, tr 496.

³ Sách đã dẫn, t6, tr 497.

phẩm "Nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô Viết" (trong đó có đoạn Bác Hồ đã trích ở trên) như Người đang dạy bảo chúng ta hôm nay vậy.

Để chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu) là phải phát động được phong trào quần chúng đồng lòng và kiên quyết, để ai cũng thấy có trách nhiệm, bốn phận tham gia vào cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp ấy như là một tiêu chí đạo đức của con người mới trong xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cuộc đấu tranh ấy cũng đòi hỏi sự dũng cảm - có chí khí còn hơn cả cuộc đấu tranh ngoài chiến trường chống kẻ thù xâm lược.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "Quan tham vì dân đại" nếu dân hiểu biết không chịu đút lót thì "quan" dù không liêm cũng phải hoá ra liêm"¹.

Người còn nói: "Điều đáng chú ý ở đây không phải là thằng kẻ trộm. Đáng chú ý là những người xung quanh biết nó là kẻ trộm, chẳng những không chống nó mà lại vô hại nó, khen ngợi nó, xem nó như một người anh hùng.

Đó là một điều đáng chú ý, một điều rất nguy hiểm"

"Khi bắt được một tên mật thám, một tên phản quốc thì quần chúng rất căm giận, đòi xử bắn nó đi. Song khi tên giặc hoạt động trước mặt mọi người, thì quần chúng lại hiền lành với nó, vỗ vai nó, khen ngợi nó.

Trộm cắp tiền bạc của nhân dân, tổn hại kinh tế của Chính phủ cũng là mật thám, phản quốc, nếu không phải là tệ hơn nữa.

Cuối cùng tên kẻ trộm "đàng hoàng" kia đã bị bắt. Nhưng bắt một tên trộm ấy, có nghĩa lý gì, vì còn có hàng nghìn người, hàng vạn tên giặc như nó. Cần phải có biện pháp khác, biện pháp nghiêm ngặt hơn, để trừng trị chúng. Biện pháp ấy là gây nên một đạo đức để ngăn ngừa trộm cắp, gây nên một phong trào quần chúng gồm ghét, bao vây lũ giặc ấy. Biện pháp ấy là gây nên một cuộc vận động trong công nông chống trộm cắp; làm cho lũ trộm cắp "đàng hoàng" cũng như trộm cắp kín đáo - không sống còn được"².

Cuối cùng, cần nhấn mạnh một nguyên lý cơ bản rằng mọi phong trào

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, sách đã dẫn, t5, tr 641.

² Hồ Chí Minh toàn tập, t6, tr 501.

của quần chúng chỉ đưa tới thắng lợi tốt đẹp khi có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự gương mẫu của đảng viên, từ trên xuống dưới. Do vậy mà cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu) hoàn toàn phụ thuộc vào kết quả của việc đổi mới, chỉnh đốn và xây dựng Đảng: Để phát động được một phong trào quần chúng đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân một cách có tổ chức (không để nó nổ ra như là một phong trào tự phát thì cần phải ghi nhớ lời dạy sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: "Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc trên ví như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng...)

... Muốn hướng dẫn nhân dân mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Đồng chí ta nhiều người đã làm được nhưng vẫn còn những người hủ hoá. Đảng có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó"¹.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, t6, tr 501.

Chương III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

I. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO VIỆC XÂY DỰNG VÀ CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG NHỮNG NĂM QUA (1987-2005)

1. Vài nét về tình hình đất nước và nền hành chính nhà nước sau ngày thống nhất (1976-1986)

Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời ngày 2 tháng 9 năm 1969. Năm 1975 miền Nam được giải phóng cả nước hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, dân chủ.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 14 đến ngày 20 tháng 12 năm 1976 đã quyết định đổi tên Đảng từ Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam; và đã xác định, cách mạng Việt Nam đã bước sang một giai đoạn phát triển mới với những đặc điểm lớn sau:

"Một là, nước ta đã và đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Hai là, Tổ quốc ta đã hoà bình, độc lập thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra.

Ba là, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh ai thắng ai "giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go quyết liệt (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1977, tr 17-18).

- Về mặt chế độ chính trị và thể chế nhà nước đã được thay đổi coi như là điều kiện quyết định trước tiên để đảm bảo đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng "là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản thực hiện không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của người lao động"¹.

Đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta, được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt Nam xác định là:

"Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học kỹ thuật, cách mạng về tư tưởng văn hoá trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hoá mới; xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ nghèo nàn và lạc hậu"².

- Về mặt kinh tế được xác định "phải xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa và cải tạo chế độ sở hữu cá thể xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới 2 hình thức: Sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể bằng những biện pháp và bước đi thích hợp.

Mọi tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội phải được sử dụng theo phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước, nhằm phục vụ lợi ích của toàn xã hội"³.

Nguồn lao động xã hội, nền sản xuất xã hội và chế độ phân phối đều được qui định phải tổ chức và quản lý theo kế hoạch tập trung của Nhà nước .

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Tổng Bí thư Lê Duẩn, Quốc hội khoá VI được bầu ra sau ngày Tổ quốc thống nhất (25-4-1976) đã quyết định đổi tên nước từ Việt Nam dân chủ cộng hoà

¹ NQ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của ĐCSVN, NXB Sự Thật, H. 1997, tr18.

² NQ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của ĐCSVN, NXB Sự Thật, H. 1997, tr 29.

³ NQ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của ĐCSVN, NXB Sự Thật, H. 1997, tr 22.

thành Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đổi tên Thành phố Sài Gòn - Gia Định thành thành phố Hồ Chí Minh, bầu cụ Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước, các ông Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước, ông Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng. Quốc hội đã thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp do ông Trường Chinh Chủ tịch Quốc hội làm Trưởng ban.

Nhiệm kỳ đầu tiên của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (1976-1980) đã hoạt động theo đường lối, chủ trương và nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị. Nhưng về danh nghĩa vẫn là cơ quan chấp hành của Quốc hội, tổ chức và hoạt động theo qui định của Hiến pháp năm 1959.

Toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, xây dựng kinh tế - xã hội, văn hoá - giáo dục, quốc phòng, an ninh... đã được thực hiện bởi các văn bản của Đảng và của Chính phủ.

- Về mặt an ninh quốc phòng: Đáng chú ý là trong nhiệm kỳ này Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam, đã phải tiến hành 2 cuộc chiến tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ ở biên giới.

Ở Tây Nam (1975). Vì nhiều lý do, nên bản chất xâm lược và diệt chủng của chính quyền Pôn Pốt không được thế giới hiểu biết đầy đủ nên việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia đã bị dự luận quốc tế phản ứng mạnh mẽ (chỉ có Lào, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ủng hộ ta). Mãi đến tháng 2 - 1979 Việt Nam và Campuchia mới ký được hiệp ước hoà bình hữu nghị và hợp tác.

Ở phía Bắc, biên giới Việt Trung, từ cuối 1976 đã nổ ra xung đột ở biên giới Cao Lạng - Quảng Tây, rồi tiếp đến là sự bất đồng giữa 2 Chính phủ về những vấn đề biên giới, người Hoa ở Việt Nam và vấn đề Campuchia... Ngày 17-2-1979, 60 vạn quân Trung Quốc đã tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới dài hơn 1.400 km của 6 tỉnh biên giới phía Bắc. Ngày 5-3-1979 Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã công bố lệnh tổng động viên trong cả nước, Hội đồng Chính phủ đã ra Nghị định 83 - CP về việc thực hiện quân sự hoá toàn dân, vũ trang toàn dân. Ngày 11-3-1979 Thủ tướng Chính phủ ra chỉ thị số 88/TTg yêu cầu mọi công

nhân viên chức làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường của Nhà nước đều chuyển sang chế độ ngày làm việc 10 giờ trong đó có 8 giờ lao động sản xuất hoặc công tác, 2 giờ luyện tập quân sự và làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ. Từ ngày 15-3-1979 trên 3 vạn thanh niên và nhân dân thủ đô Hà Nội, được biên chế thành nhiều trung đoàn thuộc Đoàn Nguyễn Huệ làm đường xây dựng tuyến phòng thủ và phục vụ chiến đấu.

Ngày 5 tháng 3 năm 1979 Trung Quốc rút quân. Cuộc đàm phán Việt Trung đã được tiến hành nhưng do có quá nhiều bất đồng nên đến đầu năm 1980 đàm phán 2 bên đình chỉ.

Nhìn chung, nhiệm kỳ 1976 - 1981 Chính phủ đã cố gắng củng cố xây dựng chính quyền thống nhất từ Trung ương đến cơ sở (xã, phường) trong cả nước; đã chỉ đạo công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đã tiến hành 2 cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc. Những thành tựu là rất đáng kể nhưng vẫn còn mang nặng tư duy thời chiến, nhưng lại nôn nóng, chủ quan duy ý chí muốn nhanh chóng tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Những sai lầm thất bại trong cải tạo công thương nghiệp và thương nghiệp ở miền Nam, những bế tắc của mô hình hợp tác xã ở miền Bắc, cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu bao cấp cùng với hậu quả chiến tranh biên giới và rối ren trong mạng lưới phân phối lưu thông đã đẩy đất nước vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Về mặt tổ chức bộ máy nhà nước: Năm 1980, bản Hiến pháp năm 1959 đã được sửa đổi, ngày 18-12 -1980 Quốc hội khoá VII đã ban hành bản Hiến pháp mới "Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Bản Hiến pháp này là sự thể chế hoá Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam, nó thể hiện mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và nhà nước quản lý trong xã hội Việt Nam" (Lời nói đầu Hiến pháp năm 1980).

Căn cứ vào Hiến pháp năm 1980, tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó có tổ chức bộ máy của Chính phủ có sự thay đổi cơ bản: không có chức danh chủ tịch nước với tư cách cá nhân là nguyên thủ quốc gia và có quyền chủ tọa các phiên họp Hội đồng Chính phủ như Hiến pháp năm 1959, thay vào đó là chế độ nguyên thủ quốc gia tập thể: Hội đồng Nhà nước, trong đó có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Nhà nước.

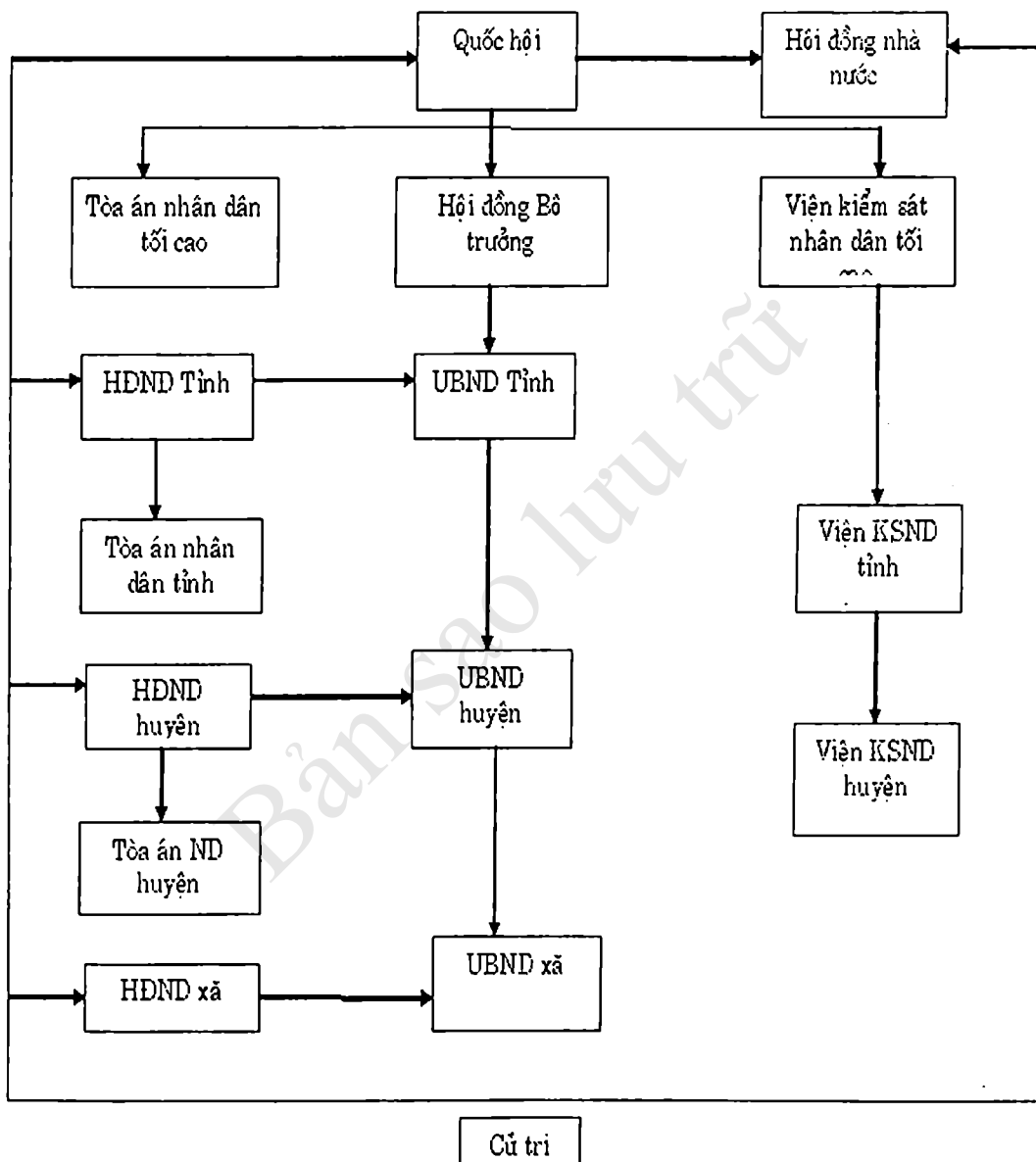
Chính phủ được thay đổi bằng Hội đồng Bộ trưởng với chức năng là cơ quan chấp hành và cơ quan hành chính của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất (Quốc hội) (lưu ý: không phải là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất như 2 bản Hiến pháp 1946, 1959).

Không có chức danh Thủ tướng Chính phủ, với tư cách cá nhân là người đứng đầu cơ quan hành pháp thay bằng chức danh Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Hội đồng Bộ trưởng có một cơ cấu tổ chức đồ sộ gồm 26 Bộ và 8 cơ quan ngang Bộ, 1 Chủ tịch Hội đồng (Phạm Văn Đồng) và 8 Phó Chủ tịch Hội đồng, 1 Bộ trưởng Thư ký Hội đồng Bộ trưởng.

Hội đồng Bộ trưởng thực hiện chức năng hành pháp và chức năng hành chính nhân danh là cơ quan của Quốc hội

Trong những năm 1976 - 1986, Nhà nước ta đã tiến hành sáp nhập nhiều đơn vị hành chính cấp tỉnh trước kia thành tỉnh mới có quy mô rộng lớn. Hội đồng Bộ trưởng cũng điều chỉnh địa giới hành chính các địa phương (huyện, xã, thị xã) theo hướng mở rộng qui mô, nhằm xây dựng cấp huyện thành một đơn vị hành chính kinh tế mạnh.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(THEO HIẾN PHÁP 1980)**



Về quản lý hành chính đối với một số vấn đề của đời sống xã hội.

Giai đoạn 1981 - 1986 , tuy có cố gắng tìm cách tháo gỡ khó khăn , tìm kiếm những biện pháp đổi mới về quản lý kinh tế xã hội, nhưng nhìn chung vẫn tiếp tục theo tinh thần "hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước". (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội ,1982, tr 22).

Sang đến giữa năm 1986 thì vấn đề Giá - Lương - Tiền đã trở thành một vấn đề bức xúc nhất của đời sống xã hội. Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng đã có nhiều biện pháp cấp bách, song lạm phát đã không giảm mà còn tăng đột biến (777%). Giá các mặt hàng thiết yếu tăng cao. Lương thực tăng 512, 8%, thực phẩm 423,2%, hàng tiêu dùng 353%, tư liệu sản xuất 469%. Bội chi ngân sách nhà nước 5,5 tỷ đồng, bội chi tiền mặt 13,6 tỷ đồng.

Nhiệm kỳ thứ 2 của Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Tháng 7-1981 đến tháng 6-1987) là thời kỳ rất khó khăn, có rất nhiều trở trở, tìm kiếm nhưng vẫn chưa bứt ra khỏi lúng túng, bế tắc. Cho tới cuối năm 1986 (trước khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc) tình hình kinh tế xã hội gặp rất nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp tuy có tăng về diện tích, năng suất và sản lượng vụ đông nhưng phần vì do thiên tai nặng nề (Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung) phần vì cơ chế quản lý không phù hợp nên hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch không đạt. Sản lượng lương thực đạt 18,5 triệu tấn, tăng 30 vạn tấn nhưng so với kế hoạch thì hụt 1, 5 triệu tấn ; thu mua lương thực không đạt kế hoạch. Sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng tăng chậm, chất lượng kém, điện, xi măng không đạt kế hoạch. Nhiều mặt hàng xuất khẩu cũng không đạt kế hoạch. Phân phối lưu thông vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Thị trường bị buông lỏng, Nhà nước không làm chủ được tình hình, tư thương tranh mua, lấn át Nhà nước. Ngân sách, tiền mặt đều bội chi nghiêm trọng.

Tóm lại, nhìn vào kết quả đã đạt được, bức tranh của tình hình đất nước cho đến tháng 12 - 1986 về đại thể là "về kinh tế, xã hội, sự trì trệ về sản xuất, sự rối ren về phân phối, lưu thông, những khó khăn trong đời

sống nhân dân, những hiện tượng tiêu cực trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, sự giảm sút niềm tin của nhân dân lao động. Đó là những điều mà Đảng ta cũng như nhân dân ta không thể chấp nhận được... " (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr 7). Riêng về cơ chế quản lý kinh tế - vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng thì "cho tới nay (tháng 12-1986) cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về cơ bản chưa bị xoá bỏ, cơ chế mới chưa được thiết lập đồng bộ, nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời chưa được thay đổi, một số thể chế quản lý mới còn chấp vá, không ăn khớp, thậm chí trái ngược nhau. Tình trạng tập trung quan liêu bao cấp còn nặng, đồng thời những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật cũng khá phổ biến.

Việc chậm đổi mới cơ chế và bộ máy quản lý, việc điều hành không nhạy bén, là những nguyên nhân quan trọng dẫn tới hành động không thống nhất từ trên xuống dưới. Một số người và cơ sở đã lợi dụng sơ hở của cơ chế quản lý để mưu lợi ích cá nhân và lợi ích cục bộ.

Chúng ta mới chỉ nêu ra được phương hướng chủ yếu của cơ chế mới, còn nội dung, hình thức, bước đi, cách làm cụ thể, thì còn nhiều vấn đề chưa giải đáp được thoả đáng cả về lý luận và thực tiễn" (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tài liệu đã dẫn, tr 24).

Đảng lưu ý là "hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm. Những hành vi lạm quyền, tham nhũng của một số cán bộ và nhân viên nhà nước, những hoạt động của bọn phi pháp... chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời.

Thực trạng nói trên làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và các cơ quan nhà nước" (Tài liệu đã dẫn, tr 21).

2. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào cải cách nền hành chính Nhà nước trong những năm qua (1987-2005)

2.1 . Thời kỳ 1987-1991

Công cuộc cải cách hành chính được khởi đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (15-18.12.1986).

Trong 5 năm từ 1987 đến 1991 thực hiện nghị quyết của Đại hội VI, Nhà nước ta đã tiến hành đổi mới toàn diện đất nước, vừa tập trung giải quyết những vấn đề kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, vừa thực hiện đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Về kinh tế xã hội: Hội đồng Bộ trưởng đã đề ra các mục tiêu của ba chương trình kinh tế (lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu) và đã đạt được những tiến bộ rõ rệt. Một thành tựu quan trọng về đổi mới kinh tế là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Bộ máy nhà nước đã từng bước chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh của cơ sở, việc xây dựng pháp luật kinh tế được đẩy mạnh. Hội đồng Bộ trưởng đã cố gắng kiềm chế được một bước lạm phát. Tuy nhiên khả năng điều hành nền kinh tế đang ở quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường của Chính phủ còn nhiều bất cập ở tất cả các khâu (thể chế hành chính nhà nước, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ và đội ngũ công chức, quản lý vật tư, tài sản của Nhà nước và quản lý tài chính công) nên trong đời sống kinh tế - xã hội những yếu kém cũ chưa kịp khắc phục, thì lại xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực mới "Đó là lối làm ăn chạy theo lợi nhuận bất kể giá nào, dẫn đến vi phạm pháp luật, lừa đảo, hối lộ, làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế, xâm phạm nghiêm trọng tài sản xã hội chủ nghĩa và của công dân, nợ nần dây dưa, chiếm dụng vốn của nhau, nhiều trường hợp không có khả năng thanh toán. Đó là xu hướng chạy theo buôn bán nhiều hơn sản xuất, thương mại hoá tràn lan, xâm nhập vào cả các cơ quan văn hoá, y tế, giáo dục, nội chính... kỷ luật, kỷ cương và pháp luật không nghiêm, bất công xã hội tăng lên" (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr. 25).

Về tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước đáng ghi nhận trong thời gian này là bước đầu thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và đổi mới hoạt động của Nhà nước.

Tuy mới chỉ là bước đầu công cuộc đổi mới và cũng chỉ trong vòng 5 năm (1987 - 1991) việc tiến hành đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị,

xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, đã tập trung hướng vào" vấn đề mấu chốt là phân định rõ chức năng và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân; kiên quyết chống quan liêu, chống những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. đồng thời phê phán và khắc phục những khuynh hướng lệch lạc khác" (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1991, Tr 42).

Tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước đã có những chuyển động sau:

- Về mặt thể chế hành chính nhà nước, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước đã ban hành 24 Luật và 33 Pháp lệnh (tính đến hết năm 1990).

- Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp đã có những tiến bộ bước đầu đổi mới phương thức hoạt động, điều hành và quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Hội đồng Bộ trưởng và các Bộ đã coi trọng chỉ đạo các hoạt động ở tầm vĩ mô, đã sắp xếp một bước tổ chức bộ máy các Bộ, Tổng cục và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện.

Tuy nhiên, xét cả về thể chế lẫn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước từ Hội đồng Bộ trưởng đến cơ quan các cấp, từ sự phân công, phân nhiệm và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước đến đội ngũ cán bộ công chức đều còn nhiều bất cập.

Tóm lại, khuyết điểm lớn là đến nay (1991) chưa thực hiện được cuộc cải cách cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước như Đại hội VI đề ra. (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr. 44).

2. 2. Thành tựu và vấn đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào cải cách nền hành chính nhà nước từ năm 1992 tới nay

Những dấu mốc quan trọng:

Công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước chỉ thực sự được tiến hành toàn diện, cả chiều rộng đến bề sâu kể từ khi thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam

Có 3 dấu mốc quan trọng quyết định việc nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước.

Một là, năm 1990 nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO đã có nghị quyết công nhận Người là anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và danh nhân văn hoá kiệt xuất thế giới.

Hai là, tại Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã có sự nhất trí cao quyết định gắn vào điều lệ Đảng: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động". Chính vì vậy, mà việc nghiên cứu tìm hiểu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh lần đầu tiên được tiến hành ở cả trong nước và nước ngoài với một qui mô sâu rộng nhất. Hai cuộc hội thảo quốc tế lớn về tư tưởng Hồ Chí Minh được tiến hành ở thủ đô Hà Nội vào dịp 19-5 -1990. Một chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước được tiến hành, do nhà cách mạng lão thành, người học trò và đồng chí gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Đại tướng Võ Nguyên Giáp - làm cố vấn chương trình (Chương trình KX 02) đồng thời trực tiếp làm chủ nhiệm đề tài tổng quan (KX 02.01) .

Ba là, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh tư duy của Đảng ta về Nhà nước và cải cách bộ máy nhà nước từ Đại hội VII đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, và từng bước được rõ nét hơn cả về quan điểm, lý luận và phương hướng hành động.

** Về quan điểm*

Đại hội VII đã ghi "Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước theo phương hướng Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch, bộ máy tinh giảm, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý" (Văn kiện Đại hội VII Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr 91) .

Trải qua Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ (khoá VII), đến Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và lần thứ IX, một hệ thống quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam làm khuôn khổ cho việc thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ đã được xác định rõ. Đó là:

1/ Cải cách và hoàn thiện nền hành chính nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của

Đảng đối với Nhà nước nói chung và nền hành chính nói riêng, nhằm giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

2/ Nền hành chính phải được tổ chức thành một hệ thống thống nhất ổn định, hoạt động thông suốt, trên cơ sở phân công, phân cấp và chế độ trách nhiệm rành mạch, có kỷ cương nghiêm ngặt, cơ quan hành chính và cán bộ, công chức nhà nước chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân áp dụng các cơ chế biện pháp hữu hiệu nhằm ngăn ngừa những hành vi mất dân chủ, tự do, tự tiện, quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân.

3/ Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải gắn liền chặt chẽ với bước đi của đổi mới kinh tế, với yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, hình thành và hoàn thiện các yếu tố của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững trật tự, kỷ cương trong các hoạt động kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân.

4/ Cải cách hành chính là nhiệm vụ rộng lớn, phức tạp đòi hỏi có tầm nhìn bao quát với những giải pháp đồng bộ, kết hợp chặt chẽ cải cách hành chính với đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách tư pháp.

5/ Cải cách hành chính phải được tiến hành từng bước vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, lựa chọn khâu đột phá trong từng giai đoạn cụ thể.

(Nguồn: trích trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2001-2010. Mục II.2)

** Về mặt lý luận*

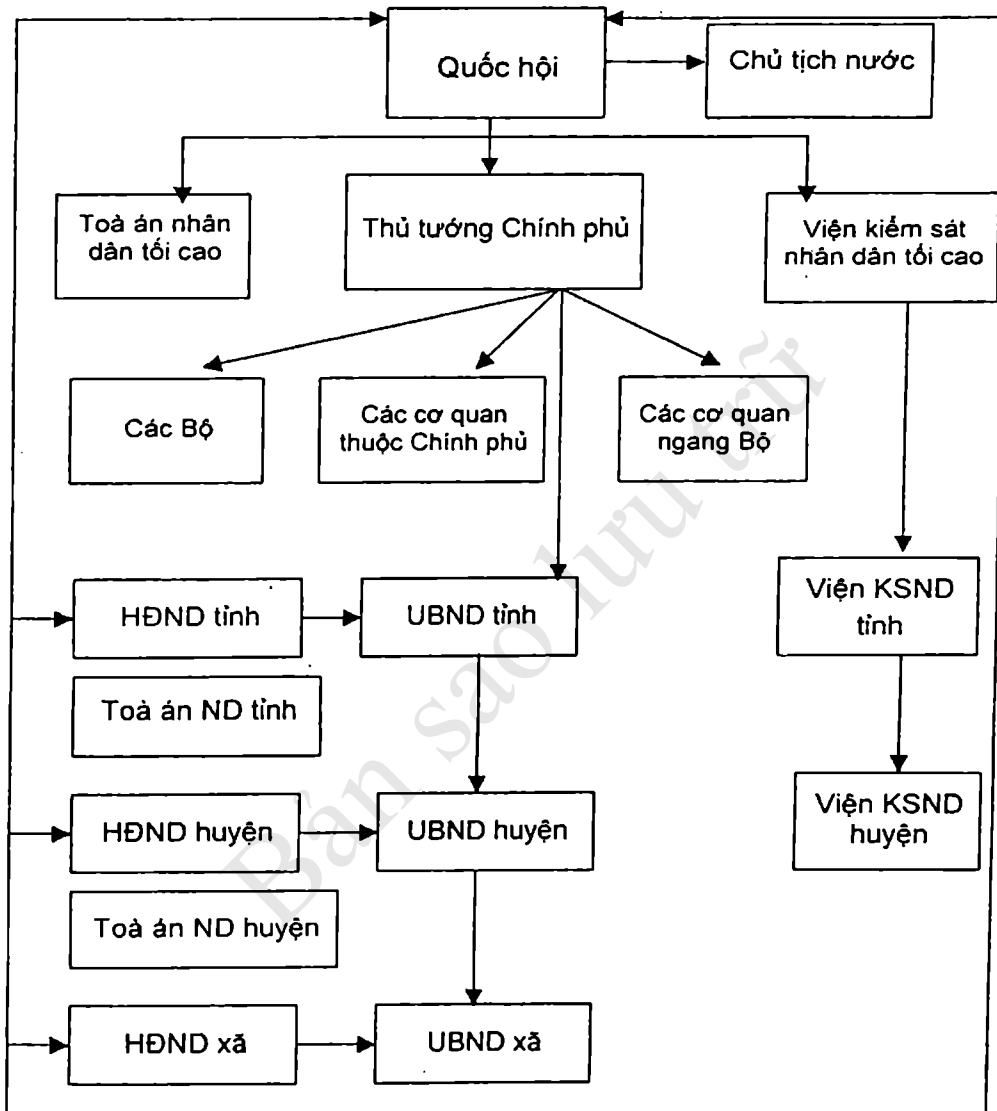
Dưới ánh sáng của việc đổi mới nội dung lý luận, nhất là việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh một cách cơ bản và có hệ thống, đồng thời việc mở cửa, hội nhập và giao lưu quốc tế... lần đầu tiên trong văn kiện của Đảng ta dùng thuật ngữ "Nhà nước pháp quyền" và "cải cách hành chính".

"Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển

theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng lãnh đạo". (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, tr 56). "Xúc tiến cải cách hành chính. Đổi mới và tăng cường hệ thống hành pháp cả về tổ chức, cán bộ, cơ chế hoạt động. Phát huy vai trò điều hành của bộ máy hành pháp. Xác định vai trò và trách nhiệm của chính quyền địa phương trên cơ sở pháp luật thống nhất và sự điều hành tập trung của Chính phủ" (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, tr. 58).

Bản sao lưu trữ

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(THEO HIẾN PHÁP 1992)**



Cử tri

** Về hành động*

+ Có thể coi kết quả to lớn của việc đổi mới tư duy lý luận và việc nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống là: Sửa đổi bản Hiến pháp năm 1980, ban hành bản Hiến pháp năm 1992. Xét về nhiều

mặt nội dung của bản Hiến pháp năm 1992 là thể hiện sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở trong 2 bản Hiến pháp năm 1946 và năm 1959 (đặc biệt là Hiến pháp năm 1946) một cách rất rõ nét.

“Sự kiện nổi bật là việc ban hành Hiến pháp năm 1992 kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng về xây dựng đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa. Việc tổ chức thực hiện các qui định của Hiến pháp về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, về an ninh quốc phòng, về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân với việc ban hành hàng loạt các văn bản luật, và pháp luật mới đã thúc đẩy quá trình dân chủ hóa xã hội (Tài liệu đã dẫn, tr.13).

Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi một số điều (Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X kỳ họp thứ X) tiếp tục khẳng định địa vị pháp lý của Đảng (tại Điều 4). vai trò và trách nhiệm xã hội của Đảng là lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội. Đảng lãnh đạo nhưng Đảng không làm thay Nhà nước. Ngược lại, vai trò của Nhà nước được đề cao, Nhà nước được xác định là trụ cột của hệ thống chính trị (là trung tâm quyền lực của hệ thống chính trị). Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng lãnh đạo Nhà nước để Nhà nước ban hành pháp luật nhưng Đảng và Nhà nước lại tự đặt mình dưới pháp luật, vai trò tối thượng của Hiến pháp và quản lý xã hội bằng pháp luật được khẳng định.

+ Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch vững mạnh, đề cao vai trò của nền hành pháp, xác định cải cách hành chính là trọng tâm, tập trung vào 5 nội dung cơ bản sau:

1/ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng

Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy Nhà nước tinh gọn, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng và Đảng viên trong các cơ quan nhà nước.

2/ Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới qui trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như sử dụng vốn và tài sản nhà nước, chống tham nhũng, quan liêu.

Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới.

Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công.

Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; kiện toàn các cơ quan chuyên môn của uỷ ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn.

Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp trong công tác điều tra, bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra những những trường hợp oan, sai. Viện kiểm soát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm soát hoạt động tư pháp. Sắp xếp lại hệ thống tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của toà án

các cấp. Tăng cường đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân cả về số lượng và chất lượng. Tổ chức lại cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án theo nguyên tắc gọn đầu mối. Thành lập cảnh sát tư pháp.

Thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan nhà nước.

3/ Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế

Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và các cơ cấu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thật sự phát huy dân chủ. Tăng thêm tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Xây dựng Luật Trưng cầu ý dân.

Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Đổi mới cơ chế, xác định trách nhiệm của các cấp, các cơ quan, cán bộ, công chức trong việc giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

4/ Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực

Hoàn thành chế độ công vụ, qui chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức, bảo đảm tính nghiêm túc, trung thực trong thi tuyển cán bộ, công chức. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, về đường lối, chính sách, về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, kịp thời thay thế cán bộ, công chức yếu kém và thoái hóa. Tăng cường cán bộ cho cơ sở. Có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

5/ Đấu tranh chống tham nhũng

Tăng cường tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ Trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, qui chế, qui định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng,

Tiếp tục xoá bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, nhất là ở những lĩnh vực, những khâu xảy ra tham nhũng, sách nhiễu, thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát bảo đảm tính minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính Đảng, đoàn thể, tài chính các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài tài trợ.

Các Đảng viên và chi bộ Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội có trách nhiệm giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo lên án những kẻ tham nhũng. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và theo điều lệ của Đảng những cán bộ, Đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Có những biện pháp cụ thể bảo vệ và khen thưởng những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền đặc lợi.

Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức, cách mạng.

Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ công chức, trước hết là đối với cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà nước kê khai tài sản, của cá nhân và gia đình mình (nhà đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cổ phiếu). Kịp thời kiểm tra và kết luận, có biện pháp xử lý những cán bộ công chức có tài sản bất minh.

Xem xét trách nhiệm hình sự hoặc hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan đơn vị ở nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng.

+ Chính phủ Việt Nam đã xây dựng và ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010, trong đó xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và nội dung cần thực hiện như sau:

1/ Mục tiêu

Mục tiêu chung của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 là: xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hoá, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự chỉ đạo của Đảng: xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Đến năm 2010, hệ thống hành chính về cơ bản được cải cách phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những mục tiêu cụ thể của chương trình là:

1.1 Hoàn thiện hệ thống thể chế hành chính, cơ chế, chính sách phù hợp với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trước hết là các thể chế về kinh tế, về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính. Tiếp tục đổi mới qui trình xây dựng và ban hành văn bản qui phạm pháp luật, khắc phục tính cục bộ trong việc chuẩn bị, soạn thảo các văn bản; đề cao trách nhiệm của từng cơ quan trong quá trình xây dựng thể chế; phát huy dân chủ, huy động trí tuệ của nhân dân để nâng cao chất lượng của văn bản qui phạm pháp luật.

1.2 Xóa bỏ về cơ bản các thủ tục hành chính mang tính quan liêu, rườm rà gây phiền hà cho doanh nghiệp và nhân dân: hoàn thiện các thủ tục hành chính mới theo hướng công khai, đơn giản và thuận tiện cho dân.

1.3 Các cơ quan trong hệ thống hành chính được xác định chức năng, nhiệm vụ thẩm quyền và trách nhiệm rõ ràng, một số công việc và dịch vụ không cần thiết do cơ quan nhà nước thực hiện phải chuyển cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận.

1.4 Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gọn nhẹ, hợp lý theo nguyên tắc bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện chức năng chủ yếu là quản lý quản lý vĩ mô toàn xã hội bằng pháp luật, chính sách, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện.

Bộ máy của các Bộ được điều chỉnh về cơ cấu trên cơ sở phân biệt rõ chức năng, phương thức hoạt động của các bộ phận tham mưu, thực thi chính sách. Cung cấp dịch vụ công.

1.5 Đến năm 2005, về cơ bản xác định xong và thực hiện được các quy định mới về phân cấp quản lý hành chính nhà nước giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; định rõ chức năng, nhiệm vụ thẩm quyền và tổ chức bộ máy chính quyền ở đô thị và nông thôn các cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được tổ chức lại gọn nhẹ, thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước theo nhiệm vụ và thẩm quyền được xác định trong Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân (sửa đổi). Xác định rõ tính chất, cơ cấu tổ chức chế độ làm việc của chính quyền cấp xã.

1.6 Đến năm 2010, đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, hiện đại. Tuyệt đại bộ phận cán bộ, công chức có phẩm chất tốt và đủ năng lực thi hành công vụ, tận tụy với sự nghiệp phát triển đất nước và phục vụ nhân dân.

1.7. Đến năm 2005, tiền lương của cán bộ, công chức được cải cách cơ bản, trở thành động lực của nền công vụ, bảo đảm cuộc sống của cán bộ, công chức và gia đình.

1.8 Đến năm 2005, cơ chế tài chính được đổi mới thích hợp với tính chất của cơ quan hành chính và tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công cộng.

1.9 Nền hành chính nhà nước được hiện đại hóa một bước rõ rệt.

Các cơ quan hành chính có trang thiết bị tương đối hiện đại phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước kịp thời và thông suốt. Hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ được đưa vào hoạt động.

2/ Nội dung

2.1 Cải cách thể chế

- Xây dựng và hoàn thiện các thể chế, trước hết là thể chế kinh tế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể chế, tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước.

Trong năm tới, chú trọng một số thể chế then chốt sau đây:

- Thể chế về thị trường vốn và tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường lao động, thị trường dịch vụ.

- Thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính, trước hết là tổ chức và hoạt động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và uỷ ban nhân dân các cấp.

- Thể chế về quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân, như: thu thập ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương chính sách quan trọng, trưng cầu dân ý, xử lý các hành vi trái pháp luật của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước trong khi thi hành công vụ; về thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành chính và toà án trong việc giải quyết khiếu kiện của nhân dân.

- Thể chế về thẩm quyền quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng; phân biệt giữa quyền và chủ sở hữu, quyền quản lý hành chính nhà nước và quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. Đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản qui phạm pháp luật

- Rà soát và hệ thống hoá các văn bản qui phạm pháp luật theo từng lĩnh vực, loại bỏ những qui định pháp luật không còn hiệu lực, hoặc chồng chéo, trùng lặp. Phát huy hiệu quả của cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản qui phạm pháp luật.

- Tăng cường năng lực của các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương trong việc xây dựng và ban hành văn bản qui phạm pháp luật. Khắc phục tình trạng pháp luật, pháp lệnh chờ Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành.

- Để nâng cao chất lượng và tránh tình trạng thiếu khách quan, cục bộ trong việc xây dựng văn bản qui phạm pháp luật, cần phải nghiên cứu đổi mới phương thức, qui trình xây dựng pháp luật từ khâu đầu cho đến khâu Chính phủ xem xét, quyết định hoặc thông qua để trình Quốc hội.

- Ban hành các qui định bảo đảm sự tham gia có hiệu quả của nhân dân vào quá trình xây dựng pháp luật, tổ chức tốt việc lấy ý kiến đóng góp

của các tầng lớp nhân dân, của những người là đối tượng điều chỉnh của văn bản trước khi ban hành.

– Các văn bản qui phạm pháp luật phải được công bố hoặc yết thị đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ngay sau khi ký ban hành để công dân và các tổ chức có điều kiện tìm hiểu và thực hiện.

1.3. Bảo đảm việc tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh của cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức.

– Cung cấp cho cán bộ, công chức đầy đủ thông tin chính sách, pháp luật của Nhà nước để vận dụng, giải quyết công việc theo chức trách và thẩm quyền.

– Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, chế độ thông tin công khai cho dân về chủ trương, chính sách của Nhà nước, của chính quyền địa phương; chế độ cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

Phát huy hiệu lực của các thiết chế thanh tra, kiểm soát và tài phán để bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước, giữ gìn kỷ cương xã hội. Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan thanh tra và tòa án hành chính trong việc giải quyết các khiếu kiện của dân đối với các cơ quan và cán bộ, công chức.

Mở rộng dịch vụ tư vấn pháp luật cho nhân dân, cho người nghèo, người thuộc diện chính sách và đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa. Tạo điều kiện cho các luật sư hoạt động tư vấn có hiệu quả theo pháp luật.

1.4. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính nhằm đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong khi giải quyết công việc hành chính. Loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho dân. Mở rộng cải cách thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực. Xóa bỏ kịp thời những qui định không cần thiết về cấp phép và thanh tra, kiểm soát, kiểm dịch, giám định.

Mẫu hoá thống nhất trong cả nước các loại giấy tờ mà công dân hoặc doanh nghiệp cần phải làm khi có yêu cầu giải quyết các công việc về sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Ban hành cơ chế kiểm tra cán bộ, công chức tiếp nhận và giải quyết công việc của dân; xử lý nghiêm người có hành vi sách nhiễu, hách dịch,

vô trách nhiệm, khen thưởng những người hoàn thành trách nhiệm được giao.

Mở rộng thực hiện cơ chế “một cửa” trong việc giải quyết công việc của cá nhân và tổ chức ở các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Cơ quan hành chính các cấp có trách nhiệm giải quyết các công việc của cá nhân và tổ chức phải niêm yết công khai, đầy đủ mọi thủ tục, trình tự, lệ phí lịch công tác tại trụ sở làm việc.

Quy trình cụ thể và rõ trách nhiệm cá nhân trong khi thi hành công vụ. Việc xác định quyền hạn và trách nhiệm của cán bộ, công chức trong khi thi hành công việc phải đi liền với việc đánh giá, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức.

2 Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

2.1. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

Chính phủ, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ tập trung thực hiện chức năng xây dựng, ban hành thể chế, kế hoạch, chính sách, quản lý vĩ mô với sự phát triển kinh tế - xã hội, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện.

Phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân trong cơ quan hành chính cá nhân trong cơ quan hành chính các cấp.

Định rõ vai trò chức năng và trách nhiệm của Chính quyền địa phương các cấp để phù hợp với yêu cầu đổi mới phân cấp quản lý hành chính giữa Trung ương và địa phương, gắn liền với các bước phát triển của cải cách kinh tế.

2.2. Từng bước điều chỉnh những công việc mà Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương đảm nhiệm để khắc phục những chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ chuyển cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ hoặc

doanh nghiệp làm những công việc về dịch vụ không cần thiết phải do cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp thực hiện.

2.3. Đến năm 2005 về cơ bản ban hành xong và áp dụng các quy định mới về phân cấp Trung ương - địa phương, phân cấp giữa các cấp chính quyền địa phương, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương, tăng cường mối liên hệ và trách nhiệm của chính quyền trước nhân dân địa phương, gắn phân cấp công việc với phân cấp về tài chính, tổ chức và cán bộ. Định rõ những loại việc địa phương toàn quyền quyết định, những việc trước khi địa phương quyết định phải có ý kiến của Trung ương và những việc phải thực hiện theo quy định của Trung ương.

2.4 Bố trí lại cơ cấu tổ chức của Chính phủ

Xây dựng cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ làm chức năng quản lý nhà nước. Trên cơ sở xác định, điều chỉnh chức năng của Chính phủ, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, về mối quan hệ giữa các ngành, các lĩnh vực trong tình hình mới mà định lại số lượng và cơ cấu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, làm cho bộ máy của Chính phủ gọn nhẹ, chức trách rõ ràng, làm việc khoa học, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Điều chỉnh tổ chức các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước cho phù hợp với cơ cấu của Chính phủ. Đổi tên một số Bộ, cơ quan ngang Bộ cho phù hợp với nội dung và phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước.

Giảm mạnh các cơ quan thuộc Chính phủ và tổ chức trực thuộc Thủ tướng Chính phủ. Chỉ duy trì một số ít cơ quan thuộc Chính phủ có tính chất chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho công việc quản lý vĩ mô của Chính phủ.

Định rõ tính chất, phương thức hoạt động của các tổ chức tư vấn do Thủ tướng Chính phủ thành lập. Chỉ thành lập các tổ chức này khi Chính phủ có yêu cầu chỉ đạo tập trung những nhiệm vụ quan trọng liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Các tổ chức này không có bộ máy chuyên trách và biên chế riêng, bộ phận thường trực đặt tại Bộ hoặc cơ quan ngang Bộ có liên quan nhiều nhất. Trên cơ sở xác định đúng chức năng quản lý nhà nước và phạm vi quản lý của mỗi Bộ, cơ

quan ngang Bộ, tách chức năng quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với toàn ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước với việc chỉ đạo, điều hành các tổ chức sự nghiệp có tính chất dịch vụ công trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

2.5. Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy các Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với ngành trong phạm vi cả nước với chức năng điều hành các tổ chức sự nghiệp công trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Theo đó, tách tổ chức hành chính với tổ chức sự nghiệp công để hoạt động theo các cơ chế riêng, phù hợp, có hiệu quả.

Cơ cấu lại tổ chức Bộ máy bên trong của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ làm cho bộ máy tinh gọn, hợp lý, tương xứng với chức năng nhiệm vụ quản lý của mỗi cơ quan, định rõ tính chất và các loại hình tổ chức trực thuộc về tham mưu và thực thi pháp luật.

2.6. Cải cách bộ máy chính quyền địa phương

Qui định các tiêu chí cụ thể đối với từng loại đơn vị hành chính ở nước ta để đi đến ổn định, chấm dứt tình trạng chia, tách nhiều như thời gian qua.

Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương, phân biệt chức năng, nhiệm vụ của chính quyền ở đô thị với chính quyền ở nông thôn, tổ chức hợp lý Hội đồng nhân dân ở từng cấp căn cứ vào qui định của Hiến pháp (sửa đổi) và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi).

Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp theo hướng trách nhiệm rõ ràng, phân công rành mạch, bộ máy gọn nhẹ, tăng cường tính chuyên nghiệp, giải quyết nhanh công việc của cá nhân và tổ chức.

2.7. Cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc của cơ quan hành chính các cấp.

Xác định rõ các nguyên tắc làm việc và qui chế phối hợp trong sự vận hành bộ máy hành chính. Định rõ phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về kết quả hoạt động của bộ máy do mình phụ

Loại bỏ những việc làm hình thức, không có hiệu quả thiết thực, giảm hội họp, giảm giấy tờ hành chính. Tăng cường trách nhiệm và năng lực của cơ quan hành chính trong việc giải quyết công việc của cá nhân và tổ chức.

2.8. Thực hiện từng bước hiện đại hóa nền hành chính

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chỉ đạo, điều hành hệ thống hành chính nhà nước, áp dụng các công cụ, phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Tăng cường đầu tư để đến năm 2010, các cơ quan hành chính có trang thiết bị tương đối hiện đại, Chính phủ hành chính cấp xã trong cả nước có trụ sở và phương tiện làm việc bảo đảm nhiệm vụ quản lý, mạng tin học diện rộng của Chính phủ được thiết lập tới các xã.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

3.1. Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính;

Tiến hành tổng điều tra, đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức nhằm xác định chính xác số lượng, chất lượng của toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức trên cơ sở đó qui hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ công chức để từng bước chuyển sang quản lý cán bộ, công chức bằng tin học ở các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương.

Sửa đổi, bổ sung hệ thống ngạch, bậc, các qui định hiện hành và tiêu chuẩn nghiệp vụ, chức danh cán bộ, công chức. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh phù hợp với thực tiễn Việt Nam, với yêu cầu công tác chuyên môn của từng đối tượng làm căn cứ cho việc đánh giá năng lực của cán bộ, công chức.

Xác định cơ cấu cán bộ, công chức hợp lý gắn với chức năng, nhiệm vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương,

làm cơ sở cho việc định biên và xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức. Cải tiến phương pháp định biên làm căn cứ cho việc quyết định về số lượng, chất lượng và cơ cấu công chức phù hợp với khối lượng và chất lượng công việc của từng cơ quan hành chính.

Hoàn thiện chế độ tuyển dụng cán bộ, công chức, thực hiện qui chế mới về đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức để nâng cao chất lượng hoạt động công vụ. Cơ chế thi tuyển phải đảm bảo tính dân chủ, công khai, chọn đúng người đủ tiêu chuẩn vào bộ máy nhà nước, chú ý đảm bảo một tỷ lệ thích đáng cán bộ, công chức nữ trong các ngành, lĩnh vực khác nhau.

Xây dựng qui định thống nhất về tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp ở Trung ương và địa phương để thực hiện được việc thường xuyên đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức không đủ năng lực, trình độ, những người vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tạo điều kiện đổi mới, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức.

Đổi mới, nâng lực của cơ quan và cán bộ làm nhiệm vụ quản lý cán bộ, công chức, công vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sửa đổi việc phân cấp trách nhiệm quản lý cán bộ, công chức. Mở rộng quyền và trách nhiệm quản lý cán bộ, công chức của chính quyền địa phương. Phân cấp quản lý về nhân sự đi liền với phân cấp về nhiệm vụ và phân cấp về tài chính.

3.2. Cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ.

Cải cách tiền lương theo quan điểm: coi tiền lương là hình thức đầu tư trực tiếp cho con người, đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và hoạt động công vụ. Những việc chính là:

Nâng cao lương tối thiểu để cán bộ, công chức đủ sống bằng lương. Cải cách hệ thống thang lương, bảng lương trên cơ sở xem xét tính chất và đặc điểm lao động của các loại cán bộ, công chức, điều chỉnh bội số và hệ số tiền lương trong các thang, bảng lương.

Chậm nhất đến năm 2005, thực hiện xong cải cách cơ bản chế độ

tiền lương đối với cán bộ, công chức, thực hiện tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương, điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội.

Sửa đổi, bổ sung các qui định về chế độ phụ cấp ngoài tiền lương theo ngạch, bậc, theo cấp bậc chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, công chức, cho cán bộ, công chức làm việc trong điều kiện khó khăn, nguy hiểm, độc hại.

Ban hành và thực hiện chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và các chế độ đãi ngộ khác ngoài tiền lương đối với cán bộ, công chức.

3.3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Đánh giá lại công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, xây dựng và triển khai kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước theo từng loại, cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tham mưu hoạch định chính sách, cán bộ, công chức các ngạch hành chính, sự nghiệp và cán bộ chính quyền cơ sở.

Tiếp tục đổi mới nội dung chương trình và phương thức đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng nâng cao kiến thức, kỹ năng hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức theo chức trách, nhiệm vụ đang đảm nhận. Mỗi loại cán bộ, công chức tự học có sự giúp đỡ của Nhà nước.

Tổ chức lại hệ thống cơ sở đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, điều chỉnh sự phân công giữa các cơ sở đào tạo. Tạo điều kiện để Học viện Hành chính Quốc gia, các trường đào tạo cán bộ của các tỉnh, thành phố có thể chủ động đào tạo một bộ phận nhân lực phục vụ bộ máy hành chính nhà nước ở Trung ương và địa phương.

3.4. Nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức cán bộ, công chức

Tăng cường các biện pháp giáo dục cán bộ, công chức về tinh thần trách nhiệm, ý thức tận tâm, tận tụy với công việc. Xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cán bộ, công chức. Tôn vinh nghề nghiệp, danh dự của người cán bộ, công chức.

Ban hành và thực hiện nghiêm Qui chế công vụ, gắn với thực hiện Qui chế dân chủ trong các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện triệt

để nguyên tắc công khai hóa hoạt động công vụ, nhất là trong các công việc có quan hệ trực tiếp với công dân, trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, đảm bảo thực hiện kỷ cương của bộ máy, nâng cao trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, công chức.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Thực hiện chế độ kiểm toán và các chế độ bảo vệ công sản và ngân sách nhà nước.

4. Cải cách tài chính công

4.1. Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý tài chính và ngân sách, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và vai trò chỉ đạo của ngân sách Trung ương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của địa phương và các ngành trong việc điều hành tài chính và ngân sách.

4.2. Đảm bảo quyền quyết định ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân các cấp, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương chủ động xử lý các công việc ở địa phương, quyền quyết định của các Bộ, Ban, ngành về phân bổ ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, quyền chủ động của các đơn vị sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt phù hợp với chế độ, chính sách.

4.3. Trên cơ sở phân biệt rõ cơ quan hành chính công quyền với tổ chức nghiệp vụ, dịch vụ công, trong hai năm 2001 và 2002, thực hiện đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính, xóa bỏ chế độ kinh phí theo số lượng biên chế, thay thế bằng cách tính toán kinh phí căn cứ vào kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu của cơ quan hành chính, đổi mới hệ thống định mức chi tiêu cho đơn giản hơn, tăng quyền chủ động của cơ quan sử dụng ngân sách.

4.4. Đổi mới cơ bản cơ chế tài chính đối với khu vực dịch vụ công. Xây dựng quan niệm đúng về dịch vụ công. Nhà nước có trách nhiệm chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, nhưng không phải vì thế mà mọi công việc về dịch vụ công đều do cơ quan nhà nước trực tiếp đảm nhận. Trong từng lĩnh vực, định rõ những công việc mà Nhà

nước phải đầu tư vào trực tiếp thực hiện, những công việc cần phải chuyển để các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

Nhà nước có chính sách, cơ chế tạo điều kiện để doanh nghiệp, tổ chức xã hội và nhân dân trực tiếp làm các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra, kiểm soát của cơ quan hành chính nhà nước.

Xóa bỏ cơ chế cấp phát tài chính theo kiểu "Xin - cho", ban hành các cơ chế chính sách thực hiện chế độ tự chủ và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có điều kiện như trường đại học, bệnh viện, viện nghiên cứu v.v... trên cơ sở xác định nhiệm vụ phải thực hiện, mức hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước và phần còn lại do các đơn vị tự trang trải.

4.5. Thực hiện thí điểm để áp dụng rộng rãi một số cơ chế tài chính mới như: Cho thuê đơn vị sự nghiệp công, cho thuê đất để xây dựng cơ sở nhà trường, bệnh viện, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với chủ nghĩa chuyển từ các đơn vị công lập sang dân lập.

Cơ chế khuyến khích các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo dạy nghề, đại học, trên đại học, cơ sở chữa bệnh có chất lượng cao ở các thành phố, khu công nghiệp, khuyến khích liên doanh và đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào lĩnh vực này.

Thực hiện cơ chế khoán một số loại dịch vụ công cộng như: vệ sinh đô thị, cấp, thoát nước, cây xanh công viên, nước phục vụ công nghiệp...

Thực hiện cơ chế hợp đồng một số dịch vụ công trong cơ quan hành chính.

4.6. Đổi mới công tác kiểm toán đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, xóa bỏ tình trạng nhiều đầu mối thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính công, tất cả các chỉ tiêu tài chính đều được công bố công khai.

Tóm lại, có thể khẳng định hệ thống quan điểm, lý luận, định hướng hành động mà Đảng Cộng sản Việt Nam được trình bày cụ thể và toàn diện trong mục tiêu và nội dung Chương trình tổng thể cải

cách hành chính nhà nước của Chính phủ là thể hiện sự quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào nền hành chính nhà nước trong những năm qua (1991 - 2005).

Những thành tựu đạt được trong 20 năm đổi mới, và lộ trình cải cách hành chính từ năm 1957, nhất là từ năm 1992 (sau khi có bản Hiến pháp 1992) tới nay là rất to lớn. Nó đã làm cho Nhà nước ta thực hiện được một bước quan trọng chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội. Một trong những nguyên nhân của sự thành công đó là sự sáng tạo, tập trung cao và có hiệu quả trong điều hành chỉ đạo của Chính phủ đối với việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010.

Tuy nhiên những thành tựu trong 5 năm đầu thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính còn dưới mức khả năng phát triển của đất nước, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội đang nổi cộm lên cần được khắc phục, nhất là nạn tham nhũng và tệ quan liêu còn rất nghiêm trọng.

II. KHUYẾN NGHỊ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY.

Như trên đã trình bày, "Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010 của Chính phủ đã thể hiện sự cố gắng của Chính phủ Việt Nam trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn nước ta hiện nay. Trên thực tế, Chương trình ấy đã gần qua nửa chặng đường (2001 - 2005), đã có những thành tựu cần ghi nhận và có những vấn đề vẫn cần quán triệt vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh một cách mạnh mẽ, quyết tâm và sáng tạo hơn.

Trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi xin mạnh dạn nêu ra một số vấn đề sau:

1. Quán triệt sâu sắc hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh:... "chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước"... và... "Thực hiện một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời"... là... "phát động chủ nghĩa dân tộc"...¹

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, H.1995, T1 - tr407

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người am hiểu sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng Người không phải là một người sùng tín, giáo điều mà là một nhà cách mạng sáng tạo. Người tiếp thu phép biện chứng duy vật - linh hồn sống của chủ nghĩa Mác - và ý chí cách mạng vô song của Lênin.

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ trước khi các lãnh tụ và các lý luận gia của phong trào cộng sản quốc tế nhấn mạnh đến chủ nghĩa quốc tế vô sản, coi mọi phong trào dân tộc đều phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, kịch liệt phê phán chủ nghĩa dân tộc thì lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã có một cách tiếp cận vấn đề dân tộc theo phương pháp biện chứng và đã lý giải vấn đề dân tộc một cách độc lập, dựa trên sự nghiên cứu sâu sắc cơ sở xã hội ở Việt Nam. Chính vì vậy, Người đã giải quyết thành công nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở Việt Nam, và qua thực tế đã góp phần bổ sung cho chủ nghĩa Mác cơ sở xã hội học ở phương Đông, làm cho nó luôn là một học thuyết sáng tạo và phát triển.

Người đã viết trong "Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ" (Nguyên bản bằng tiếng Pháp lưu tại Matxcova năm 1924) như sau:

"Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm đổi thay phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không? Đại thể là có...

Thật ra là có, vì sự Tây phương hóa ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông - nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đứng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm "Cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được.

Mác xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại...

... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó là nhiệm vụ mà các Xô Viết đảm nhiệm... Và các Xô Viết sẽ thành công, vì rằng, đứng trên các thành kiến chủng tộc, họ sẽ làm cho thế giới được miễn nghe những lời tầm phào..."¹

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, H.1995, T1 - tr 465 - 466

Trong khi Quốc tế III nhấn mạnh đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của mọi xã hội có áp bức giai cấp. Nguyễn Ái Quốc không phản đối nhưng Người bằng thực tiễn đã khẳng định ở nước Việt Nam: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hóa... Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó"¹

Rồi Người chủ trương "phát động chủ nghĩa dân tộc" đó là "một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ".²

Thực hiện thắng lợi chủ nghĩa dân tộc (theo tư tưởng Hồ Chí Minh) "lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế"².

Tư tưởng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh thống nhất với Mác là, trước hết những người vô sản phải trở thành những người theo chủ nghĩa dân tộc.

Xác định động lực vĩ đại của đất nước là chủ nghĩa dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam hướng tới một đường lối cách mạng đúng đắn phù hợp với thực tiễn để giải phóng dân tộc.

Sau những năm hoạt động ở nước ngoài, mùa xuân năm 1941 lãnh tụ Hồ Chí Minh trở về nước, tháng 5-1941 Người chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII. Hội nghị đã nhất trí với tư tưởng của Người về vấn đề dân tộc, coi việc phát động phong trào dân tộc là động lực lớn về dân tộc, coi việc phát động phong trào dân tộc là động lực lớn để giải phóng Tổ quốc. Nghị quyết Hội nghị Trung ương VIII của Đảng đã ghi: "Pháp - Nhật ngày nay không phải chỉ là kẻ thù của công nông mà là kẻ thù của cả dân tộc Đông Dương. Trong lúc này, khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật..

... Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, H.1995, T1 = 466

² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, H.1995, T1 - tr. 467.

quyền lợi bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được" (Văn kiện Đảng 1930 - 1945 - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội 1977. Tr - 195 - 196).

Tư tưởng nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đoàn kết các tầng lớp nhân dân không phân biệt trẻ già, trai gái, dân tộc, giai cấp, tôn giáo, giàu nghèo, sang hèn... tất cả vì độc lập tự do của tổ quốc. Chính vì thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập hợp được toàn dân tộc, phát động được tinh thần dân tộc thành một Mặt trận dân tộc thống nhất giải quyết được tất cả những nhiệm vụ khó khăn của cách mạng.

Chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh thống nhất với chủ nghĩa yêu nước đã trở thành động lực lớn của dân tộc và Người đã cùng Đảng ta lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm nên những kỳ tích ở thế kỷ XX.

"Phát động chủ nghĩa dân tộc" Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra khẩu hiệu "diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm", biến nó thành tiêu điểm mà mọi người dân Việt Nam hướng tới. "Phát động chủ nghĩa dân tộc", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra khẩu hiệu "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và Người đã thành công, dân tộc ta, Tổ quốc ta đã thành công.

Bước sang thế kỷ XXI, chủ nghĩa dân tộc vẫn là "động lực lớn của đất nước", nó vẫn là "một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời" và Nhà nước ta vẫn cần "phát động chủ nghĩa dân tộc" với những nội dung mới, những yêu cầu và nhiệm vụ mới.

Theo chúng tôi, để chủ nghĩa dân tộc mãi mãi là động lực lớn của đất nước, Đảng và Chính phủ Việt Nam hiện nay cần theo phương pháp Hồ Chí Minh để có một hệ thống "chính sách hiện thực tuyệt vời" Đó là:

1) Có chính sách đúng về lĩnh vực, đặc biệt là vấn đề ruộng đất, công nghiệp hóa, nghề rừng, nghề biển và chính sách văn hóa phù hợp với đặc điểm từng dân tộc. Trên cơ sở nghiên cứu sâu sắc dân tộc học và xã hội học, chú trọng đặc điểm văn hóa tộc người, phong tục tập quán của từng dân tộc để theo phương pháp Hồ Chí Minh là "nâng dân chúng" (nâng cả vật chất và tinh thần) lên một trình độ cao hơn. Động lực của sự "nâng dân chúng" là chính sự giác ngộ của bản thân

từng dân tộc. sự tự nguyện "dem sức ta mà giải phóng cho ta" cho đồng bào. Cần tạo dựng trong xã hội một niềm tin vào khả năng phát triển của đất nước.

2) Phát động chủ nghĩa dân tộc trong tình hình mới theo phương pháp Hồ Chí Minh là "giáo dục lại dân ta" để dân tộc Việt Nam biết sống, học tập, lao động và hành xử với chính mình, với mọi người trong nước và người nước ngoài sao cho xứng đáng là một dân tộc độc lập, một dân tộc có văn hóa, để tạo dựng một hình ảnh Việt Nam đẹp trong con mắt nhân dân và các quốc gia trên thế giới.

Nội dung giáo dục không chỉ là giáo dục lòng tự hào - một việc làm không bao giờ xưa cũ - về truyền thống đấu tranh giành độc lập, tự do, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc mà còn phải giáo dục lòng tự trọng, thói quen, biết xấu hổ về sự yếu kém, lạc hậu của chính mình. Một dân tộc biết xấu hổ là một dân tộc có lòng tự trọng cao, có chí tiến thủ, không những chỉ biết chịu đựng sự nghèo khổ khó khăn mà còn biết vượt lên để chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu.

Mỗi người Việt Nam, dù ở cương vị nào, chức phận gì cũng cần phải biết xấu hổ vì chưa làm được nhiều việc cho dân, cho nước đến nỗi đồng bào mình còn phải chịu thiếu thốn, thua thiệt, kém cỏi. Xấu hổ còn đồng nghĩa với lòng vị tha, trắc ẩn, sự cảm thông, đau nỗi đau của đồng bào dân nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đã ở đỉnh cao của công trạng, danh vọng và quyền lực, Người xứng đáng được những người cùng thời ca ngợi khâm phục. Ấy vậy mà, Người đã lấy làm xấu hổ vì nỗi đồng bào miền Nam còn bị dọa dầy đau khổ. Khi báo chí đưa tin mừng thọ nhân ngày sinh, rồi cán bộ miền Nam đến chúc thọ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "... trước các anh, các chị, trước cảnh êm vui ở miền Bắc đây tôi thật lấy làm xấu hổ rằng trong Nam chưa được thái bình"¹. Vì "lấy làm xấu hổ" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xin chưa nhận Huân chương Lênin do Chính phủ Liên Xô trao tặng và Huân chương sao vàng - Huân chương cao quý nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - do Quốc hội trao tặng với lý do: đợi đến ngày toàn thắng miền Nam được giải phóng, hòa bình, tổ quốc thống nhất.

¹ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, T3 - tr 202 - 203

Biết xấu hổ tức là tự biết mình để biết người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: Biết người cố nhiên là khó... tự biết mình cũng không phải dễ. Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái ở người ta thì trước hết phải biết sự phải trái của mình"¹. Biết xấu hổ để biết mình, biết người, biết thế nào là xứng (phẩm hạnh và tài năng có tương xứng với danh vọng, chức quyền không? Sức học có tương xứng với văn bằng, học hàm, học vị không?...), biết thế nào là đủ, biết thế nào là đúng sai, biết tìm ra căn nguyên lỗi lầm, dám nhận lỗi và dũng cảm sửa chữa, biết tiến lên và biết dừng lại, biết trọng người tài đức và biết sử dụng họ đồng thời biết đâu là bọn cơ hội gian manh, biết thiện, biết ác, biết chính, biết tà.

Tóm lại là phải phát động một phong trào để mọi người Việt Nam ai ai cũng biết tự trọng, tự tôn, không những biết tự hào mà còn biết xấu hổ để vươn lên.

- Phạm vi phát động chủ nghĩa dân tộc trong tình hình mới là rộng khắp đến mọi người Việt Nam ở cả trong nước và người nước ngoài, đến mọi công dân nước Việt, những ai mang trong mình dòng máu Việt Nam. Phải giáo dục tinh thần hòa hợp, tự tôn dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, nghi kỵ, công thần, tự ti, hiềm khích. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi viết tác phẩm đầu tiên định ra con đường giải phóng dân tộc, Người cũng đặc biệt chú ý đến sự kết đoàn, hòa hợp này. Người viết: "do bọn thực dân... dùng chính sách chia để trị để dễ bề thống trị dân ta nên... Dân thường bị chia rẽ phái này, bọn kia như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc nên nổi yếu đi, như dưa mỗi chiếc mỗi nơi...². Muốn đoàn kết phải có lòng bao dung độ lượng chân thành, không suy bì tị nạnh người này có nhiều công lao, người kia ít lòng tranh đấu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc việc nước là việc chung, do chung hoàn cảnh khác nhau nên có người đóng góp công sức tiền của được nhiều, người kia có phần ít hơn, nhưng dù ít, dù nhiều thì cũng như năm ngón tay có ngón dài, ngón ngắn, song ngắn dài gì thì cũng đều ở nơi bàn tay, đều là con dân nước Việt Nam. Ngay cả đối với những người vì nhiều lý do khác nhau đã có lúc đứng trong

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T5 - tr 277

² Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T2 - tr 267

hàng ngũ địch, ở về phía bên kia chiến tuyến thì đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh... "ngụy binh cũng là con dân nước Việt, nhưng vì đại mà đi lầm đường, cho nên tôi và Chính phủ sẵn sàng tha thứ những người sớm biết lối quay về với gia đình kháng chiến"...¹. Ngay cả đối với vua Bảo Đại, sau khi đọc tuyên bố thoái vị, vui mừng được làm công dân nước Việt độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị mời công dân Vĩnh Thụy làm Cố vấn tối cao của Chính Phủ. Nhưng rồi "ngựa quen đường cũ"... năm 1947, ông ta lại bỏ dân tộc đi theo Pháp, trở lại làm ông vua bù nhìn, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tỏ lòng khoan dung. Người nói... "Với Vĩnh Thụy, ta vừa giải thích, đồng thời cần có những lời khuyên bảo ông ta..."²

Theo tinh thần đại đoàn kết, đại hòa hợp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ ta đã có chủ trương "... khép lại quá khứ nhìn về tương lai...", đã thay mặt Tổ quốc mở rộng vòng tay chào đón tất cả mọi người Việt Nam, dù quá khứ như thế nào, hiện ở bất cứ nơi đâu, tất cả đều hướng về đất nước, cùng nhau xây dựng Tổ quốc ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong mỏi. Tuy nhiên trong chính sách cụ thể, trong những việc làm của từng cấp, từng ngành cũng cần chú ý: muốn đoàn kết, hòa hợp thì phải bình đẳng, phải thực sự công bằng, minh bạch, nói đi đôi với làm, phải làm cho mọi người Việt Nam đều có cơ hội như nhau trong việc tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước.

Lời chỉ dẫn sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần được quán triệt sâu sắc, thấm thấu vào từng chính sách cụ thể của Nhà nước và vào cả tâm tư, tình cảm của mọi người dân... "Ta đoàn kết lại để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân thì ta đoàn kết với họ..." Người còn nói rõ thêm "Bất kỳ ai mà thật thà chân thành hòa bình, thống nhất độc lập dân chủ thì dù người đó trước đây chống chúng ta bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ..."³

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T6- tr 305 - 306

² Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, T4 - tr 128

³ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T7 - tr 438

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn lưu ý các cấp lãnh đạo, các tổ chức của Đảng và Chính phủ rằng: Xây dựng đất nước là quyền lợi và trách nhiệm của mọi người Việt Nam chứ không riêng gì của Đảng, của Chính phủ hay của bất kỳ ai. Người đã căn dặn điều này ngay từ khi chính quyền của Nhà nước Việt Nam dân chủ công hòa mới ra đời, và lưu ý không ai được quên rằng việc "việc nước... là việc công chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai..."¹

Vận hội và thời cơ của đất nước đã tới để Đảng và Chính phủ ta tiếp tục vươn cao ngọn cờ dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa đất nước Việt Nam đến... "đài vinh quang sánh vai các cường quốc 5 châu...", để bất cứ ai ở bất cứ đâu, hễ mang trong mình dòng máu Việt Nam đều có thể gắng cạo đầu tự hào: "... Tôi là người Việt Nam...!".

2. "Tìm người tài đức... trọng dụng những kẻ hiền năng" để phát huy nguồn lực nội sinh của dân tộc.

Cần phải nhắc lại nhiều lần rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng chỉ coi việc đánh đổ chế độ cũ như là một việc bắt buộc phải làm trên con đường kiến thiết quốc gia, bởi thế độc lập là tiền đề, còn tự do hạnh phúc của nhân dân là mục đích. "Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng tự do, hạnh phúc, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì..."²

Chính vì thế ngay sau khi giành được chính quyền Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt lên hàng đầu là kiến thiết quốc gia song song với việc giữ vững nền độc lập.

Tự do hạnh phúc là một sự nghiệp cực kỳ khó khăn. Nước Việt Nam ta đã xây nền độc lập từ lâu, trải qua bao đời Đinh, Lê, Lý, Trần... sự nghiệp chống ngoại xâm giành và giữ vững chủ quyền quốc gia đã để lại những trang sử muôn ngàn năm sáng chói. Nhưng nói như một nhà thơ:

"... Cha ông ta từng đấm nát cửa cuộc đời

Cửa vẫn đóng mà đời im im khóa...:

(Những pho tượng Chùa Tây Phương... Huy Cận).

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T4 - tr 57

² Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T4 - tr 56

Cánh cửa của cuộc đời mới đã mở ra từ ngày lập nền dân chủ cộng hòa nhưng để đi tới tự do, hạnh phúc thì lại là con đường muôn dặm... Bởi việc quản lý và xây dựng đất nước không thể chỉ bằng nhiệt tình xông lên mà còn phải cần có "những người tài đức...", "những kẻ hiền năng..." để phát huy nguồn lực nội sinh của dân tộc, tiếp nhận những thành tựu văn minh của loài người vào việc kiến thiết quốc gia.

Ngày 20-11-1946, nghĩa là chỉ sau 8 tháng Chính phủ chính thức do Quốc hội Việt Nam dân chủ cộng hòa (khóa đầu tiên), bầu ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhân danh Chủ tịch Chính phủ công bố trước quốc dân đồng bào và lệnh cho chính quyền các địa phương trong toàn quốc phải làm ngay việc "... Tìm người tài đức..."¹

Có thể coi đó là thông điệp gửi tới các Chính phủ tiếp nối sự nghiệp và con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nội dung bức thông điệp đó bao gồm:

- Khẳng định: "... Nước nhà cần phải kiến thiết"... Nhưng kiến thiết quốc gia cần phải có nguồn lực. "... kiến thiết cần phải có nhân tài..."

- Chỉ rõ: Người tài đức ở đâu? Ở trong số đồng bào ta không thiếu. Hãy tin và hãy tìm người tài đức ở trong nhân dân.

- Lực cần "để đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân..." là bởi tại Chính phủ, ở những người lãnh đạo cao nhất quốc gia. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công khai tuyên bố "... khuyết điểm đó tôi xin nhận..."

- Chỉ thị chính quyền các địa phương: "... sửa đổi điều đó và trọng dụng những kẻ hiền năng..." cần phải "lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết..."

- Yêu cầu nội dung: "... Báo cáo phải nói rõ: Tên tuổi nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng, chỗ ở của người đó..."

Thời hạn phải báo cáo cho đủ: một tháng.

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T4 - tr 451

Ở Chương 2 chúng tôi đã trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về... phép dùng người..., nói chung. Ở đây chúng tôi chỉ xin bàn về một khía cạnh của vấn đề: Nhân tài - đôi nét thực trạng và việc cần làm ngay, mà theo thiên nghĩ của chúng tôi, nó đang là một trong những vấn đề vừa cơ bản, vừa nóng bỏng tính thời sự trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào cải cách hành chính nhà nước trong tình hình hiện nay.

1) Con người, không ai sinh ra rồi phát triển tự nhiên thành "người tài". Sự cấu tạo của khối óc, gen di truyền có ảnh hưởng nhất định đến việc thành đạt của mỗi người. Song tất cả những cái đó mới chỉ là những tiềm năng còn đang "ngái ngủ" trong mỗi con người khác nhau. Giáo dục chiếm một tỉ lệ quan trọng nhất trong việc tạo dựng cho con người vốn liếng (trí lực, thể lực, đạo đức, nhân cách...) bước vào cuộc sống, lao động và mưu sinh. Từ thực tiễn, người nào có nghị lực để vượt lên và có những sáng tạo góp vào việc giải quyết một hay một số vấn đề của cuộc sống đương đại, làm cho nó phát triển tiến lên, được xã hội ghi nhận, người đó trở thành nhân tài.

Hoàn cảnh lịch sử, chế độ xã hội, đời sống thực tiễn tựa như đất đai, khí hậu, thời tiết, ánh sáng... để con người có thời cơ (gieo hạt, nảy mầm, cho cây bắt rễ đâm chồi, ra hoa và kết trái...).

Vấn đề nhân tài phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố và nó được đo bằng những yêu cầu của xã hội trong từng giai đoạn lịch sử, từng thời đại nhất định. Trong rất nhiều nhân tố đan xen với nhau thì giáo dục học đường và các quan hệ chính trị - xã hội giữ vai trò quyết định cho việc xuất hiện các nhân tài.

2) Ở mỗi cấp học có vị trí khác nhau. Giáo dục phổ thông đang tiến tới phổ cập toàn dân, nó là cơ hội tốt cho mọi thanh thiếu niên được học tập. Đây vừa là nơi trang bị cho họ những kiến thức phổ thông nền tảng, vừa là nơi để cho những năng khiếu, những khuynh hướng của từng cá nhân phát lộ.

Bước nhảy vọt tạo ra sự biến đổi về chất là ở các trường đại học. Đây là nơi vun đắp, nuôi dưỡng, nâng đỡ, chấp cánh cho các năng khiếu phát triển. Do vậy, cần phải và hoàn toàn có thể làm ngay một cuộc cách mạng ở đại học. Trong những năm qua, khuyết, nhược điểm, "tệ nạn" của giáo dục đại học đã bộc lộ khá rõ và nó cũng tiêu biểu cho

cả nền giáo dục. Ở bậc đại học là khâu không chỉ có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ nền giáo dục và còn đối với sự nghiệp xây dựng đất nước nói chung (cả trước mắt và cơ bản lâu dài). Chính nơi ấy chuẩn bị nguồn nhân lực cho một xã hội phát triển dựa trên cơ sở nền kinh tế tri thức mà đất nước ta đang cần đến. Những "người lao động mới" ấy, qua thực tiễn sẽ xuất hiện những người thực tài, những người anh hùng chân chính của thời kỳ đổi mới.

Giáo dục đại học nước nhà cần phải dũng cảm theo tinh thần thực sự cầu thị nhìn mình và nhìn "thiên hạ" để sửa chữa, loại bỏ chương trình, giáo trình, nội dung giảng dạy đã lạc hậu, xói mòn, trùng lặp giữa các môn học, các cấp học. Phát hiện sau đây của Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Cảnh Toàn là rất đáng chú ý: "Về phía giáo dục, đào tạo thì giáo dục của ta còn lải các "thần đồng" vào mục tiêu hạn hẹp là "giật giải" nên nhìn chung, thì các "thần đồng" ít được chuẩn bị về bề rộng, trước hết là về mặt triết học, nhất là triết học duy vật biện chứng mà ngày nay người ta coi là cơ sở triết học của sự sáng tạo". Hiện tại, chương trình giáo dục các môn lý luận, chính trị, triết học trong các trường đại học của ta đang chiếm một tỷ lệ thời gian cao nhưng nhìn chung còn dàn trải, trùng lặp, chưa tập trung vào việc đào tạo cơ sở phương pháp luận, vào linh hồn của triết học Mác, là phép biện chứng, là sự năng động sáng tạo... Chúng ta còn nặng nề về lý thuyết, ít chú ý gắn nó với cuộc sống thực tiễn, với sự biến đổi vô cùng mau lẹ của thế giới đương đại, chưa nhằm vào việc phát triển trí thông minh của lớp trẻ để họ dám dũng cảm leo lên những đỉnh cao mới đầy khó khăn nhọc nhằn của sự sáng tạo mà đường đời đang đòi hỏi, đang bắt buộc họ phải biết đứng lên vai thế hệ trước mà tiến lên.

Tiếp thay, việc giảng dạy các môn học về phương pháp luận và khoa học luận lại quá lạc hậu về phương pháp. Phần lớn thầy độc thoại. Sinh viên nghe một cách thụ động, rồi sau đó xào xáo sao chép giáo trình để "chữ thầy trả thầy" cho xong chuyện. Trình độ giảng viên còn bất cập chiếm một tỷ lệ không nhỏ, có người như "thợ giảng". Giảng dạy xa thực tế, kiến thức hàn lâm chẳng ra hàn lâm, thực dụng chẳng ra thực dụng... Một số ít "thầy chưa nỗ lực làm thầy", trình độ kiến thức hẹp cả bề rộng, thấp cả chiều sâu nhưng lại không chịu: "thăm lạng mà suy nghĩ. Học không biết chán. Dạy không biết mỏi". Chúng ta còn ít

những giảng viên đại học thực sự có năng lực độc lập nghiên cứu khoa học để tích lũy được vốn liếng cho mình, từ đó đủ khả năng bồi dưỡng những sinh viên giỏi, có năng khiếu. Nói chung, việc bồi dưỡng loại sinh viên có năng khiếu là trao đổi tay đôi giữa thầy và trò, là đối thoại và tranh luận bình đẳng về những vấn đề ít được viết ra trong sách nhưng đòi hỏi vốn liếng, kinh nghiệm lao động, sáng tạo khoa học của người thầy. Rất tiếc, số giảng viên này lại không nhiều có quá ít người hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho sinh viên đích thực là người hướng dẫn, thậm chí còn có thầy lại tham lam, vụ lợi mang tính "thương mại hóa" trong "hướng dẫn". Đó là cách hướng dẫn làm thui chột các tài năng, là tạo ra sự đối trá, lừa dối trong lao động trí tuệ, làm hư hỏng con người.

3) Việc hiện thực hóa các tư tưởng tốt đẹp đã từng được khẳng định trong các văn bản chính trị - pháp lý cao nhất của Đảng và Nhà nước, môi trường xã hội, điều kiện lao động và mưu sinh đối với sinh viên sau khi rời ghế học đường sẽ là "đất dụng võ", là nơi cho họ thi thố tài năng. Vấn đề quan trọng nhất là làm sao cho họ có được cơ hội bình đẳng trong xã hội thị trường có sự quản lý sáng suốt và công minh của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi muốn nhấn mạnh "Cơ hội bình đẳng và một môi trường thuận lợi (vật chất và tinh thần) được kiểm soát bằng pháp luật, được bảo hộ bằng sức mạnh của Nhà nước chứ không phải là một sân chơi bất bình đẳng (trong việc cử tuyển đi đào tạo, tuyển dụng và phân công, giao trách nhiệm và đãi ngộ) trong một trận đồ bát quái của quyền lực nhà nước bị tha hóa và trong ma trận của những quan hệ bất chính (phe cánh, ô dù, tham nhũng, hối lộ...).

Một khi tình trạng gian lận, giả dối còn phổ biến trong xã hội thì dù cho có quốc sách trọng dụng nhân tài, có sự đầu tư rất lớn của Nhà nước cũng vẫn làm cho những người dân có ý thức trách nhiệm với quốc gia không khỏi băn khoăn tự hỏi: "liệu quốc sách ấy, sự đầu tư ấy có được thực thi một cách công minh và hữu hiệu?" Lênin đã nói: "... nếu còn có một hiện tượng như nạn hối lộ, nếu còn có thể hối lộ được, thì cũng không thể nói đến chính trị được. Trong trường hợp này, thậm chí cũng không thể nói đến làm chính trị được, vì mọi biện pháp đều sẽ lơ lửng trên không trung, sẽ hoàn toàn không mang lại kết quả gì

cả. Một đạo luật chỉ có thể đưa đến kết quả xấu hơn, nếu trên thực tiễn được đem áp dụng trong điều kiện nạn hối lộ còn được dung thứ và thịnh hành"¹.

Cũng cần nói thêm: môi trường không lành mạnh sẽ làm cho lớp trẻ bị phân hóa. Người có lòng tự trọng thì hoặc chán nản, nhụt trí tiến thủ, hoặc tìm cách ra nước ngoài làm ăn. Chất xám chảy máu từ chính cơ thể không lành mạnh chứ không phải tất cả những sinh viên ra nước ngoài học thành tài mà không chịu về nước là do chỉ nặng mộng giàu sang, nhẹ lòng yêu nước. Một số khác lại tìm cách tiến thân bằng cách chạy văn bằng, chứng chỉ, học vị, học hàm, chạy chức, chạy quyền, chạy tiền và kiếm tiền bất chính. Không phải là không có các thạc sĩ, tiến sĩ, giáo sư chỉ "hữu danh vô thực" để leo lên và giữ dật lầy chức quyền mưu vinh thân vì gia. Câu nói của người xưa: "lập thân tối hạ thị văn chương" vẫn đang còn nguyên tính thời sự. Tình trạng này đã làm cho khái niệm "trọng dụng nhân tài" bị biến dạng: "trọng" và "dụng" bị tách đôi, thậm chí tỷ lệ nghịch với nhau như Hồ Chủ tịch đã cảnh báo các cấp chính quyền ngay từ ngày đầu tiên lập nền dân chủ Cộng hòa: "Tư túng, kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài đức nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài"².

4) Vấn đề nhân tài và sử dụng nhân tài là niềm vinh quang to lớn và nỗi cay đắng nhọc nhằn của lịch sử dân tộc.

Có những bậc hiền tài đã làm biến đổi cả một thời đại, làm rạng danh non sông tổ quốc ta, có những nhà lãnh đạo anh minh (từ ngày lập quốc tới nay, thời nào cũng có mà tiêu biểu nhất là thời đại Hồ Chí Minh) không những bản thân các vị ấy là những tài năng lỗi lạc mà còn có sức lôi cuốn và làm nảy nở thêm rất nhiều nhân tài mới cho đất nước.

Có biết bao chiến công hiển hách và niềm vinh quang về sự thịnh đạt còn được truyền tụng mãi. Và cũng không ít nỗi đắng cay, tủi nhục do không đủ tài năng - mà tài năng quan trọng nhất là dựng nước và giữ nước - để đến nỗi dân tộc phải rơi vào kiếp ngựa trâu, bị nô lệ, lầm

¹ Lênin Toàn tập, sách đã dẫn, T44 - tr 218

² Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T4 - tr57

than, đói rách cùng cực. Lịch sử đã phải có những bước đi quanh co, gập ghềnh, những sai lầm mất mát chỉ vì khi ấy "đất nước thiếu anh hùng", thiếu người hiền tài làm ngọn cờ quy tụ và nhân lên những tài năng vẫn đang tiềm ẩn trong các tầng lớp dân cư.

Thời cơ và vận hội. Thuận lợi và khó khăn. Những yếu tố khách quan như mưa, như nắng, như gió, như mây, như giông, như bão... nó đến rồi đi, thời nào chả có. Vấn đề là ở nội lực của từng dân tộc, "ở nguyên khí quốc gia", có được nuôi dưỡng, giữ gìn, trân trọng hay không? Chính vì thế mà một trong những việc quan trọng nhất của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khi mới ra đời là chống giặc đói và tìm người tài đức. Người lãnh đạo thiên tài của đất nước tin tưởng sâu sắc rằng trong đồng bào của mình "chắc không thiếu người có tài, có đức", chỉ "e vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân"¹.

Nhân tài vấn đề lớn. Để có nhân tài, có nhiều người tài ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thì có biết bao nhiêu việc phải làm. Đảng và Nhà nước ta đã và đang tích cực làm. Nhưng để làm có hiệu quả thiết thực thì không phải là việc dễ. Hồ Chủ tịch đã dạy: "Kho dễ cũng tại lòng mình" và "vộ luận việc gì đều do người làm ra". Theo thiên nghi của chúng tôi, trong lộ trình cải cách hành chính nhà nước, trước mắt cần:

- Một là, cần và có thể làm ngay việc nâng cao chất lượng của mấy trường Đại học trọng điểm, rà soát và miễn nhiệm ngay những người không đủ trình độ chuyên môn và cả những người thiếu tư cách làm thầy ra khỏi các trường đại học đó. Chúng tôi nói trình độ chuyên môn, là học vấn thực có chứ không phải chỉ căn cứ vào học vị, học hàm bởi vì hiện nay chất lượng tiến sỹ, giáo sư rất không đồng đều.

Theo Giáo sư Hoàng Tụy thì "phải miễn nhiệm 1/3 số Giáo sư, Phó giáo sư đã phong". Còn Giáo sư Đỗ Trần Các, Tổng thư ký Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước thì nói: "nếu so với chất lượng giáo sư ở các nước phát triển đúng là phần lớn giáo sư Việt Nam không xứng

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, T4 - tr 451

đáng lá giáo sư thật, tôi phải nói con số đó không phải là 30% mà là 80%. Vậy thì muốn có nhân tài cho đất nước, chúng ta phải có trường Đại học chất lượng cao với đội ngũ giáo sư đã chọn lọc (khoảng từ 30 - 50% số Phó giáo sư, giáo sư hiện có). Không có sinh viên xuất sắc, không thể có nhân tài. Nhưng không có giáo sư giỏi cũng không thể có nhân tài. Phải từ trọng điểm để từng bước phát triển thành diện, không thể làm đại trà được nhưng cũng không thể "xếp hàng ngang cùng tiến" với những sản phẩm chỉ "lưu hành nội bộ" không có "thương hiệu" và chẳng hội nhập được với ai!

- Hai là, nhân tài không đồng nghĩa với bằng cấp. Thực tế muôn đời, đông tây, kim cổ đều chỉ ra bằng cấp không thể thay thế được thực tài. Nếu có bằng cấp (ở đây là bằng cấp thật) thì cũng chỉ là người có sở đắc một số kiến thức, ở một lĩnh vực nào đó chứ chưa thể hiện được gì chưa có cái gì đo đếm được nếu ta không đưa Sở học vào cuộc sống. Thực tiễn là thước đo tài năng. Ai cũng biết thế nhưng công tác cán bộ của ta thời gian qua và cả hiện nay nữa vẫn chú trọng bằng cấp hơn năng lực thực tế. Hậu quả thế nào thì đã rõ, nó đang là "vấn nạn" của quốc gia.

Cần phải tiêu diệt nạn hư danh, trở lại với quan điểm Mác-xít mà Đảng và Bác Hồ vẫn nhấn mạnh: "chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lý, nghĩa là chứng minh tính hiện thực và sức mạnh, tính trần tục của tư duy của mình". Tôi hiểu rằng, thực tiễn phải được xem xét một cách khách quan và phải được kiểm soát của xã hội thì mới là thước đo, là nơi kiểm nghiệm, chọn lọc, đào thải và sử dụng nhân tài để từ đó "đôi đũa đúng với từng hạng cán bộ" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

Từ các cơ quan công quyền đến các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ, từ cấp trên trở xuống, từ khâu tuyển dụng (đầu vào) đến khâu sử dụng nếu lấy thực tài làm căn cứ, không nệ bằng cấp, chẳng có "ô dù" thì sẽ làm cho cả nước ai ai cũng gắng gỏi học tập tu dưỡng để mỗi nhân tố RAPHAEN trong mỗi con người được tự do phát triển, như C. Mác đã nói, thì đất nước mới có nhân tài bằng người thực tài.

¹ C.Mác và Ph. Ăngghen Tuyển tập, Nhà xuất bản Sự Thật, 1980, t1 - tr 255.

3. Tiếp tục nắm vững và thực hiện có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh: "...Dĩ bất biến, ứng vạn biến..." trong quan hệ quốc tế.

Đã có nhiều công trình khoa học ở trong nước và ngoài nước nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế. Nội dung những thành tựu nghiên cứu có giá trị đều minh chứng cho sự đánh giá đúng đắn của UNESCO về Chủ tịch Hồ Chí Minh: "... Những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

Sau đây chúng tôi cố gắng trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế ở một vài khía cạnh của vấn đề:

* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng tuyên bố: độc lập thống nhất cho tổ quốc, tự do hạnh phúc cho đồng bào. Đó là tất cả những gì Người mong muốn và vì nó Người đã làm tất cả, dẫu có phải "đốt cháy cả dãy Trường Sơn", dẫu cá nhân Người có phải tù đầy, lao khổ, thậm chí tính mạng khó chu toàn. "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Đó là cái bất biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng phép biện chứng duy vật của Chủ tịch Hồ Chí Minh là "dĩ bất biến, ứng vạn biến", nghĩa là nguyên tắc ứng xử trong mọi quan hệ, trong đó có quan hệ quốc tế, là phải trên cơ sở giữ vững chủ quyền quốc gia, đảm bảo xây dựng "một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới" mà xác lập mối bang giao với tất cả các nước. sẵn sàng "làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"¹.

Đây là tư tưởng nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cũng là kim chỉ nam dẫn đường cho Đảng, Nhà nước, dân tộc ta trong tất cả các thời kỳ. Lời tuyên bố sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh (tại Bắc Kinh - Trung Quốc ngày 25 - 6 - 1955) có thể coi là lời tuyên bố "bất biến" của Chính phủ nước ta trước toàn thế giới: "Nước Việt Nam dân chủ công hoà sẵn sàng đặt một quan hệ thân thiện, hợp tác với bất cứ nước nào trên nguyên tắc tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng cùng có lợi và chung sống hoà bình"².

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t.5 - tr 220

² Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t.8 - tr 5)

Cũng cần nhấn mạnh rằng tư tưởng nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh có khởi nguồn từ những năm đầu thế kỷ XX khi Người còn bôn ba ở nước ngoài tìm đường cứu nước đến khi Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), tiếp đến cũng vẫn tư tưởng "bất biến" đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm cách liên hệ với Tổng thống Mỹ Uyn Sơn để nghị ủng hộ những nội dung trong bản - yêu sách của nhân dân Việt Nam trước các đại biểu ở Hội nghị hoà bình.

Rất tiếc, những yêu sách và lời thỉnh cầu của Nguyễn Ái Quốc đã không được người đứng đầu nước Mỹ lúc đó đáp ứng.

* Quyết đem sức ta mà giải phóng cho ta, một mặt. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta lãnh đạo nhân dân chuẩn bị lực lượng để làm cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945. Mặt khác, Người đã cố gắng hết sức để tranh thủ Các lực lượng đồng minh chống phát xít. Nhớ lại tình hình Đông Dương trước và sau khi nổ ra cách mạng tháng Tám 1945 rất khẩn trương, phức tạp, rối ren. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi Côn Minh để thương lượng với các đại biểu quốc tế (đại diện là Mỹ) về giải pháp kiểm soát Đông Dương, trước ngày 2-9-1945, và Người đã tranh thủ được sự ủng hộ từ phía Mỹ. Cũng cần lưu ý là đầu năm 1945 phát xít Nhật hất cẳng Pháp, thống trị Đông Dương, Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quân đội Mỹ ở Côn Minh (Trung Quốc) đã có sự phát hợp, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc chiến của Đồng minh chống phát xít.

Cuộc tổng khởi nghĩa Tháng 8-1945 thành công, ngày 2-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập. Nhưng bọn thực dân Pháp hung hăng trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Như mọi người đã biết, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ ta đã làm hết sức mình để vãn hồi hoà bình cho xứ sở, sẵn sàng nhân nhượng, tôn trọng các quan hệ kinh tế của Pháp ở Việt Nam, sẵn sàng tham gia khối Liên hiệp Pháp với điều kiện Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, toàn vẹn, thống nhất. Rất tiếc phái "diều hâu" trong Chính phủ Pháp lúc đó đã không thức thời nên đã buộc nhân dân ta phải cầm súng để giữ gìn độc lập, tự do. Mặc dầu lúc này bọn thực dân Pháp đã mở đầu sự tấn công chúng ta ở Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn bình tĩnh gửi thư kêu gọi chân thành đến nhân dân Pháp "Hỡi những người Pháp ở Đông Dương! Các bạn

không nghĩ rằng máu nhân loại đã chảy nhiều rằng hoà bình - một nền hoà bình chân chính xây trên công bằng và lý tưởng dân chủ phải thay cho chiến tranh, rằng tự do, bình đẳng, bác ái phải thực hiện trên khắp các nước không phân biệt chủng tộc và màu da ư?"¹. Mặc dù bọn thực dân Pháp lại bắt đầu một cuộc tàn sát sinh mệnh và tài sản của người Việt Nam ở khắp 3 Kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn với một thái độ khoan dung, đại lượng, yêu hoà bình và hoà hợp đã "trình trọng cam đoan rằng những người Pháp làm ăn lương thiện và sống yên ổn sẽ mãi được chúng tôi trọng đãi như bè bạn, anh em. Chúng tôi là một dân tộc hoà bình, trọng quyền lợi và tự do của người khác"².

Như nhiều người Pháp và người Mỹ đã nói khi họ sang Hà Nội để dự lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1990) rằng: lúc ấy cả thế giới đã không hiểu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng chung sống hoà bình của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi trước 1/2 thế kỷ. Cuộc chiến tranh Việt - Pháp đã nổ ra và kết cục như thế nào mọi người đều đã rõ. Quan hệ Việt - Pháp trở lại bình thường và phát triển như ngày nay đã phải trả một giá quá đắt, đã phải đi một con đường vòng sau 30 năm chiến tranh!

*Với nước Mỹ, có lẽ chính thức trao đổi giữa hai nguyên thủ quốc gia Việt - Mỹ đã bắt đầu bằng bức điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Tổng thống Mỹ H.Truman ngày 17/10/1945:

"Về nguyên tắc, nhân dân Việt Nam hoàn toàn ủng hộ việc thành lập Ủy ban tư vấn đối với khu vực Viễn Đông. Trước hết, xét đến tầm quan trọng về chiến lược và kinh tế của Việt Nam, thứ đến là mong muốn thiết tha mà Việt Nam đã cảm nhận và chứng tỏ một cách nhất trí được hợp tác với những nền dân chủ khác trong việc tạo lập củng cố nền hoà bình và phồn vinh trên thế giới"³.

Trong thư đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị ngài tổng thống Mỹ ủng hộ chính phủ Việt Nam dân chủ công hoà trong Ủy ban tư vấn trước Hội nghị Liên hợp quốc, nhưng tiếc rằng đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không được đáp ứng. Mặc dù vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t.1, tr 66 - 67

² Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t.1, tr 67

³ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t.1, tr 52.

rất trân trọng bất cứ một cử chỉ nào có tính chất tiến bộ từ phía Hoa Kỳ và Người luôn bày tỏ quan điểm của mình trong môi quan hệ Việt - Mỹ. Ngày 16-2-1946 nhân danh người đứng đầu nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại giá thư cho Tổng thống Hoa Kỳ với nội dung như sau:

"Nhân dịp này chúng tôi xin được cảm ơn Ngài cùng nhân dân Hoa Kỳ về sự quan tâm có lợi cho các thuộc địa mà các đại diện của Ngài tại tổ chức Liên hợp quốc đã bày tỏ.

Nhân dân Việt Nam chúng tôi, ngay từ năm 1941 đã đứng về phe các nước đồng minh và chiến đấu chống người Nhật và những kẻ cấu kết với họ là bọn thực dân Pháp... Điều mà chúng tôi đề nghị đã được trao cho Philipine một cách quý báu... Cũng như Philipine, mục tiêu của chúng tôi là độc lập hoàn toàn và hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để làm cho nền độc lập và sự hợp tác này trở nên có lợi cho toàn thế giới"¹.

Hai ngày sau (18/2/1946) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có công hàm gửi Chính phủ các nước Trung Quốc (Tướng Giới Thạch), Hoa Kỳ, Liên Xô và Vương quốc Anh nói rõ quá trình đấu tranh vì độc lập của nhân dân Việt Nam và đề nghị các cường quốc lớn nói trên "thực hiện tất cả những bước đi thích hợp... ngăn chặn cuộc đổ máu đang diễn ra ở Nam Việt Nam và đi tới một giải pháp cấp bách và hợp lý cho vấn đề Đông Dương...

... Đưa vấn đề Đông Dương ra trước tổ chức Liên hợp quốc, chúng tôi chỉ đòi hỏi nền độc lập hoàn toàn... nó cho phép chúng tôi hợp tác với quốc gia khác trong việc xây dựng nên một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hoà bình bền vững..."².

Cơ hội hoà bình và hữu nghị của Chính phủ Việt Nam dân chủ công hoà đã đưa ra, nhưng tiếc thay các nước lớn trong đó có Mỹ đã không nắm lấy và càng tiếc cho nước Mỹ, đã có lúc có lời tuyên bố tiến bộ, ủng hộ phong trào độc lập, phản đối sự can thiệp từ bên ngoài vào các quốc gia có chủ quyền nhưng rồi họ lại không thực hiện. Họ từ chỗ làm ngơ cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam, rồi chuyển hẳn sang ủng hộ,

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, t.4, tr 175-177

² Hồ Chí Minh Toàn tập, t.4, tr 182

viện trợ cho thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam, đến khi Pháp thất bại nặng nề thì Mỹ trắng trợn can thiệp vào Việt Nam và sau đó hất cẳng Pháp, trực tiếp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam gần hai thập kỷ.

Năm 1964 khi cuộc chiến tranh đang ở giai đoạn ác liệt nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Chính phủ Mỹ và tất cả bọn tay sai của chúng đều muốn dùng sức mạnh tàn bạo đè bẹp sức kháng chiến của nhân dân ta, để biến Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Nhưng họ đã nhầm. Nhất định chính sách xâm lược của Mỹ càng leo thang thì càng thất bại. Năm 1966 sau những trận bắn phá ác liệt của không quân Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi nhân dân Việt Nam quyết tâm kháng chiến, chống Mỹ đến thắng lợi cuối cùng, đồng thời Người cũng nhiều lần bày tỏ chính kiến của nhân dân Việt Nam với Tổng thống Mỹ và nhân dân Mỹ trước công luận thế giới. Với Tổng thống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ sai lầm và tội ác của Chính phủ Mỹ trong việc mở rộng cuộc xâm lược tấn công bằng máy bay vào miền Bắc và tàn sát dã man nhân dân vô tội ở miền Nam. Người chỉ rõ, đó là những tội ác trời không dung, đất không tha, người người đều căm giận. Đối với nước Mỹ, Hồ Chủ tịch đã nói nhân dân Việt Nam luôn kính trọng nhân dân Mỹ, một dân tộc vĩ đại văn minh, sáng tạo, yêu chuộng tự do và công lý. Người tỏ lòng thông cảm với các bà mẹ, các người vợ Mỹ vì máu của chồng, con họ đã phải đổ xuống một cách vô ích ở Việt Nam cũng như Người đã đau xót vì máu của nhân dân Việt Nam phải đổ vì nền độc lập tự do của mình. Người gửi tới nhân dân Mỹ lời biết ơn vì tất cả những tiếng nói và hành động ủng hộ cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Những năm 60 của thế kỷ trước, Chính phủ Mỹ, máy dời Tổng thống kế tiếp nhau một mặt đã đem quân và vũ khí tối tân sang đánh nước ta, tàn sát nhân dân ta, mặt khác lại ve vãn hoà bình, đòi hỏi một sự hoà bình trong nô lệ cho nhân dân Việt Nam. Hồ Chủ tịch đã thay mặt cho nhân dân ta trả lời rõ ràng về quan hệ của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà với chính phủ Mỹ như sau:

- "Chúng tôi sẵn sàng trải thảm đỏ và rắc hoa cho Mỹ rút. Nhưng nếu Mỹ không rút thì phải đánh đuổi Mỹ đi. Chúng tôi và nhân dân chúng tôi

sẵn sàng nói chuyện với nhà cầm quyền Mỹ và nhân dân Mỹ... Mỹ phải rút khỏi Việt Nam rồi Tổng thống Giônxon đến đây nói chuyện cùng được, hoặc ông ta mời tôi đến Oasinhton tôi cũng sẵn sàng? Nhưng trước hết Mỹ phải để chúng tôi yên, Mỹ phải chấm dứt chiến tranh"¹.

- "Tổng thống Giônxon đã nói rằng ông ta sẽ gặp bất cứ ai, ở đâu và bất cứ lúc nào để nói chuyện hoà bình. Tôi xin mời ông Giônxon đến Hà Nội như là khách của chúng tôi - ông hãy đến với vợ và con gái, thư ký, bác sĩ và người đầu bếp của mình đừng mang theo tướng lĩnh và đô đốc. Tôi xin đảm bảo rằng Tổng thống sẽ an toàn tuyệt đối"²

Bức thư cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trả lời người đứng đầu nhà trắng lúc đó là ông RiSốt M Nichxơn. Thư có đoạn: "trong thư ngài bày tỏ lòng mong muốn hành động cho một nền hoà bình công bằng. Muốn vậy Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam và dân tộc Việt Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài... Với thiện chí của phía Ngài và phía chúng tôi, chúng ta có thể đi đến những cố gắng chung để tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam" (Thư gửi từ Hà Nội ngày 25-8-1969). (1)

Chiến tranh đã kết thúc 30 năm rồi, đúng như lộ trình mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính phủ Việt Nam đã đề ra. Còn về quan hệ kinh tế, văn hoá.... giữa hai nước thì mọi người đều có thể tìm thấy tư tưởng Hồ Chí Minh qua Thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Giêm Biécơ ngày 1-11-1945.

"Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 1945

**Chủ tịch Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà
Hồ Chí Minh**

*Kính gửi Ngài Giêm Biécơ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hợp chúng quốc
Hoa kỳ Oasinhton, D.C.*

Thưa ngài,

¹ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, 18, tr 319.

² Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, 110, tr 24

Nhân danh Hội văn hoá Việt Nam, tôi xin được bày tỏ nguyện vọng của Hội được gửi một phái đoàn khoảng năm mươi thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hoá thân thiết với thanh niên Mỹ và mặt khác để xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác.

Nguyện vọng mà tôi đang chuyển tới ngài là nguyện vọng của tất cả các kỹ sư, luật sư, giáo sư Việt Nam, cũng như các đại biểu trí thức khác của chúng tôi mà tôi đã gặp.

Trong suốt nhiều năm nay họ quan tâm sâu sắc đến các vấn đề (1) Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, tập 12, tr 489 của nước Mỹ và tha thiết mong muốn tạo được mối quan hệ với nhân dân Mỹ là những người mà lập trường cao quý đối với những ý tưởng cao thượng về công lý và nhân bản quốc tế và những thành tựu kỹ thuật hiện đại của họ đã có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với trí thức Việt Nam.

Tôi thành thực hy vọng kế hoạch này sẽ được thuận lợi nhờ sự chấp thuận và giúp đỡ của Ngài và nhân dịp này tôi xin gửi tới Ngài những lời chúc tốt đẹp nhất.

**Chủ tịch
Hồ Chí Minh"¹**

Rõ ràng là tìm chân lý đã khó, hiểu và tin được chân lý càng khó, còn để thực hiện được chân lý ấy trong quan hệ Việt - Mỹ hay Việt - Pháp như hiện nay thì cả hai dân tộc đã phải mất hơn nửa thế kỷ đổi bằng máu, nước mắt để bây giờ là cái bắt tay khép lại quá khứ, nhìn về tương lai và tương lai ấy càng sáng bừng lên tư tưởng "dĩ bất biến, ứng vạn biến" của nhà văn hoá lớn: Chủ tịch Hồ Chí Minh.

* Trong ứng xử với các nước anh em, bè bạn trong phe xã hội chủ nghĩa trước đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn giữ một tình cảm thủy chung, "lý lẽ phân minh, nghĩa tình đầy đủ". Thay mặt nhân dân Việt Nam, Người luôn bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với Chính phủ và

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t4 , tr 80-81

nhân dân các nước đã giúp đỡ nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Người đặc biệt dày công vun đắp tình hữu nghị, thân thiện với các nước láng giềng.

- Với Campuchia, người khẳng định "Thắng lợi của nhân dân Khơme cũng là những thắng lợi chung của nhân dân Việt Nam, của khối liên minh nhân dân Khơ Me - Việt Nam - Pathét Lào đoàn kết chiến đấu để tranh lại tự do, độc lập của ba dân tộc anh em"¹,

- Với Lào, thì "Thương nhau mấy núi cũng trèo. mấy sông cũng lội. mấy đèo cũng qua. Việt - Lào hai nước chúng ta. Tình sâu hơn nước Hồng Hà - Cửu Long"².

- Với Trung Quốc, thì "Mối tình thắm thiết Việt - Hoa, vừa là đồng chí, vừa là anh em"³.

Không chỉ là quan hệ nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn rất chú trọng đặt quan hệ với nhiều chính khách, nhà văn hoá, nhà khoa học và các phong trào yêu chuộng chân lý và hoà bình trên thế giới.

* Một điều nữa, cũng không kém phần quan trọng mà theo chúng tôi những vị lãnh đạo Nhà nước cần lưu ý học tập ở Chủ tịch Hồ Chí Minh là bất cứ trong tình huống nào, hoàn cảnh nào, trong quan hệ quốc tế ứng cần giữ thái độ chủ động, tự tin, khiêm nhường, tôn trọng văn hoá, phong tục tập quán của đối tượng giao tiếp, nhưng tự trọng, giữ vững nguyên tắc, mềm dẻo trong sách lược. Với tư cách là nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại trong con mắt của nhân loại hình ảnh một người đứng đầu nhà nước tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa Việt Nam.

Ngày 15-9-1924. Hoạ sĩ E rich Johanson có ký hoạ chân dung Nguyễn Ái Quốc (bức hoạ đang lưu giữ ở bảo tàng Hồ Chí Minh).

Hơn 40 năm sau, nhớ lại, Hoạ sĩ đã viết! "Cử chỉ văn hoá và thân mật của Người gây một ấn tượng là người có uy tín. Người trở thành lãnh tụ

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t7, tr 297 -188.

² Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, t8, tr 380

³ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, tr11, tr 64

không phải hằng một cái gì bề ngoài mà bằng học thức, bằng trí tuệ của Người"¹.

Ngày 5-2-1958, trong mít tinh của đông đảo nhân dân Ấn Độ chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Niu Đêli. Thủ tướng Ấn Độ đã nói: "Chúng tôi đã có dịp hoan nghênh với lòng kính trọng và yêu quý với nhiều thượng khách từ các nơi đến. Nhưng - Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị thượng khách mà chúng tôi hoan nghênh hôm nay thật đặc biệt. Đặc biệt không phải vì chính trị hay vì lẽ khác, nhưng vì không vị thượng khách nào giản dị như vị thượng khách này và dễ gặp mặt là người ta yêu mến... Ba năm rưỡi trước đây tôi đã gặp vị thượng khách này ở Hà Nội. Và tôi cảm thấy ngay là tôi bị tấn công, tấn công bằng tình yêu thương thật khó mà chống lại sự tấn công như thế"².

- Còn đối với Chủ tịch Mao Trạch Đông, Ủy viên trưởng Chu Đức và Thủ tướng Chu Ân Lai (Trung Quốc), trong bức điện chúc thọ 70 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam là "Người chiến sĩ lỗi lạc nhất của phong trào cộng sản quốc tế và người bạn thân thiết của nhân dân Trung Quốc"³.

Văn hoá, trí tuệ, phong cách Hồ Chí Minh là một yếu tố cấu thành bản lĩnh của người đứng đầu Nhà nước để tạo nên sự thành công trong quan hệ quốc tế, là tấm gương mà các thế hệ tiếp nối cần noi theo và dày công rèn luyện.

4. Chống một số biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trong nền hành chính nhà nước hiện nay

Ở Chương II, chúng tôi đã trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về chống chủ nghĩa cá nhân trong nền hành chính nhà nước.

Dưới đây, chúng tôi xin đề xuất cần tập trung chống một số biểu hiện trầm trọng của chủ nghĩa cá nhân trong nền hành chính nhà nước hiện nay.

¹ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, sách đã dẫn t1, tr:232 -189

² Bác Hồ và phong cách. Nhà xuất bản Lao Động. Hà Nội, 2001, tr:221-222

³ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, t7, tr:197 - 190

4.1 Chóng chạy chức quyền

Đặc điểm của hệ thống công chức trong nền hành chính nhà nước Việt Nam là đều do bổ nhiệm, trừ các chức vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền chung (Ủy ban nhân dân các cấp và Hội đồng Chính phủ). Với các cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền riêng (các Bộ, cơ quan ngang Bộ, xuống tới các cấp sở, phòng ban và chuyên viên,...) thì đều do bổ nhiệm, trừ người đứng đầu (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ).

Theo quy định hiện hành thì Đảng thống nhất quản lý công tác cán bộ và thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp có toàn quyền quyết định vấn đề nhân sự của đơn vị mình phụ trách. Tuy về hình thức, Chính phủ đã có quy định, quy trình tuyển chọn, đề bạt cán bộ một cách công khai, minh bạch, dân chủ. Nhưng trên thực tế việc chạy chức quyền đang diễn ra một cách ráo riết như "những con sóng ngầm". Tình trạng chạy chức quyền đang diễn ra rất phức tạp dưới những hiệu hiện tai quái tinh vi.

- Xây dựng những ê kíp theo kiểu "cánh hầu", "tư túng", "thiên vị" (chữ dùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh), Ô dù... để đưa những người không xứng đáng vào nắm các chức vụ - nhất là các chức vụ mà dân chúng gọi là "béo bở", "màu mỡ". Những "ê kíp" này thường được xây dựng trên cơ sở dòng tộc, quê hương. "bạn bè hoặc là đối chác, có đi có lại Nhưng hầu hết là xây dựng bằng đồng tiền dưới những hình thức "tế nhị" như "quà biếu", "tiền mừng", "tiền phúng viếng", "lễ lạt", "thăm hỏi" yếu đau, để đổi lấy sự ưu ái, quan tâm của người có quyền bố trí, cất nhắc cán bộ.

- Chạy chức quyền là căn nguyên của nạn hối lộ, làm cho tệ hối lộ như là bệnh dịch, lây lan rất nhanh ở hầu khắp các địa phương, các ngành các cấp, và hình như đã thành "thông lệ" của việc ứng xử trong quan hệ nhân sự nội bộ cơ quan hành chính nhà nước và trong quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với công dân.

- Đã xuất hiện cái gọi là "buôn quan bán chức" với những cái giá nhất định dành cho từng chức danh. Việc buôn quan bán chức là tình trạng phổ biến của chế độ cũ, của xã hội Việt Nam trước năm 1945. Từ sau cách mạng tháng 8 - 1945, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nạn buôn bán quan chức đã bị lên án và đã được khắc phục cơ bản.

Năm 1945 khi Chính phủ Lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà mới ra đời, ở một xã nọ còn ấu trĩ, ông Chủ tịch xã bắt chước cách làm của chính quyền cũ "đã bán thứ vi như chánh phó lý, khán thư và đã thu được một món tiền khá lớn" để làm công quỹ cho xã. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát hiện được và Người đã có bài phê phán "Bỏ cách làm tiền ấy đi" đăng trên báo Cứu quốc ngày 17-10-1945. Từ đấy nạn buôn quan bán chức đã được khắc phục.

- Ngày nay, tình hình đã khác, không phải là sự ấu trĩ, là "khối óc đặc sệt", mà là sự cố tình của những người có học vấn, có lý luận, suốt ngày rao giảng về đạo đức cách mạng, về pháp luật nhưng đã chạy theo đồng tiền để làm giàu cho cá nhân, dòng tộc, phe cánh, là những kẻ hủ bại, đem chức quyền của Nhà nước ra để đổi chác, mua bán hoặc trắng trợn, hoặc tinh vi.

- Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phê phán những kẻ buôn quan bán chức là "vì cần tiền mà dè dặt, bóp cổ hay dùng những thủ đoạn không chính đáng để vơ vét lấy tiền..." Tiền lấy như vậy cũng là một thứ tiền "phi nghĩa (tài liệu đã dẫn). Việc buôn bán quan chức khi ấy (1945), tuy chỉ là ở một xã, chỉ bán danh mà không có quyền, người mua danh chỉ là cái danh hão nhưng cũng gây ra nhiều tác hại. Trong bài báo nói trên Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: "Làm tiền bằng cách bán ngôi thứ tức là gây cho dân chúng có óc hiếu danh, trong khi phải trừ tiết óc đó để gây cho mọi người có óc thiết thực, góp sức vào công cuộc giữ gìn và xây dựng đất nước... bán ngôi thứ làm cho óc người ta u tối thêm" (tài liệu đã dẫn).

- Việc buôn quan bán chức hiện nay có tác hại hơn nhiều. Kẻ bán bất chấp kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, đã tạo ra một hậu quả vô cùng tai hại:

+ Làm phá hoại đường lối, chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước, nó tạo dựng một đội ngũ cán bộ bất tài, vô dụng, hám danh và trục lợi. Những cán bộ ấy lấy đồng tiền làm phương tiện thăng, tiến và mục đích hoạt động khi "mua được rồi thì họ phải "kinh doanh", sao cho "có lãi", nạn hối lộ và tham nhũng do đấy mà tích tụ, không thể chấm dứt mà tiếp nối nảy sinh mãi.

+ Nó làm biến dạng và lệch chuẩn, tất cả những quy định về tiêu chuẩn cán bộ (tuổi, bằng cấp) về chính sách luân chuyển cán bộ, về đào

tạo bồi dưỡng,... sẽ chỉ còn là hình thức giả tạo, đạo đức công chức sẽ bị tha hoá bởi một bộ phận cơ hội và gian dối.

+ Nó là căn nguyên của mất đoàn kết nội bộ trong Đảng và trong các cơ quan nhà nước, nó luôn làm phát sinh và tiếp sức cho những việc tranh giành quyền lực gần như không bao giờ dừng. Nó tạo ra một trạng thái đoàn kết, nhất trí ảo, thậm trí đối nghịch nhau, nó chia rẽ tình đồng chí, nó tạo ra sự cách biệt giữa cấp dưới và cấp trên, nó triệt tiêu sáng kiến và lòng hăng hái của mọi người vì công việc chung "rồi sinh ra thói "không nói trước mặt, chỉ nói sau lưng", "trong Đảng im tiếng, ngoài Đảng nhiều mồm", sinh ra thói "thậm thà, thậm thụt" và những thói xấu khác"¹.

+ Nó làm cho "nguyên khí quốc gia" bị lụi tàn. Cha ông ta đã từng nói: "nạn tham nhũng, một khi đã lan đến nơi trường ốc thì đấy là đại hoạ của quốc gia, trong tình trạng ấy thì dẫu có chính sách đầu tư, bồi dưỡng sử dụng nhân tài đúng cũng trở thành vô nghĩa.

Kiến thiết cần có nhân tài đích thực. Trong số 80 triệu đồng bào ta không thiếu nhân tài, nhưng với tệ nạn mua quan bán chức thì làm sao những người tài đức có thể xuất thân và do đấy "tệ chảy máu chất xám" là điều khó tránh khỏi, nhất là trong hoàn cảnh đất nước đang mở cửa, hội nhập và giao lưu quốc tế hiện nay. Người thực tài không thể hoặc không muốn chạy theo sự mua bán "ở chốn quan trường" thì họ sẽ đi đâu? Họ rời khỏi đất nước, họ đi làm với các công ty nước ngoài, các cơ sở kinh tế tư nhân... Như vậy thì làm sao Nhà nước có đội ngũ cán bộ công chức giỏi? Các cơ sở kinh tế quốc doanh làm sao có đội ngũ cán bộ, kỹ thuật và công nhân lành nghề để giữ vững vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc dân?

+ Nó làm băng hoại nền đạo đức xã hội, làm hư hỏng thế hệ trẻ bởi nhìn vào con đường tiến thân trong tình trạng sử dụng đồng tiền để thay thế cho đạo đức và năng lực, nó sẽ tự nhiên hình thành một triết lý nhân sinh: "có tiền là có tất cả", "tiền là tiên là phật"? C. Mác đã nói rằng, những kẻ lấy đồng tiền làm mục đích và sử dụng nó như là phương tiện thay thế đạo đức, tài năng, sức lực, nhân cách thì đồng tiền đã làm tha hoá con người và là sức mạnh chia nhỏ xã hội..., tiền cũng xuất hiện với tính cách là lực lượng có tác dụng xuyên tạc ấy chống lại cá nhân cũng

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t52 , tr 243 – 192.

như chống lại mối liên hệ xã hội... Tức là, những mối liên hệ có tham vọng muốn là những bản chất cho nó. Tiền biến trung thành phản, yêu thành ghét, ghét thành yêu, đức hạnh thành thói xấu thói xấu thành đức hạnh, tớ thành chủ, chủ thành tớ, ngu thành khôn, khôn thành ngu.

Vì tiền, với tính cách là khái niệm đang tồn tại và đang biểu hiện của giá trị, làm lẫn lộn và trao đổi mọi sự vật, cho nên nó là sự lẫn lộn và trao đổi mọi sự vật, cho nên nó là sự lẫn lộn phổ biến và sự thay thế phổ biến mọi sự vật, nghĩa là thế giới lộn ngược, là sự lẫn lộn và sự thay thế tất cả những phẩm chất tự nhiên có tình người"¹.

Thế là tệ nạn chạy chức, chạy quyền đã làm sống lại một tư tưởng xấu xa lỗi thời mà đại thi hào Nguyễn Du đã phạch phui, lên án và đã được cuộc cách mạng của nhân dân ta thẳng tay vứt nó vào sọt rác của lịch sử hàng trăm năm trước:

"Trong tay sẵn có đồng tiền

Mặt lòng đổi trắng thay đen khó gì"

4.2 Thống nhất tư tưởng và hành động từ trên xuống dưới, tập trung sức mạnh của Đảng và Nhà nước để trừng trị, công khai và công minh theo đúng pháp luật tội tham nhũng

Nạn tham nhũng đã bị cả xã hội lên án, Đảng cầm quyền đã có nhiều Nghị quyết, chủ trương tỏ rõ sự quyết tâm chống tham nhũng; Nhà nước đã có một hệ thống văn bản qui phạm pháp luật làm công cụ pháp lý cho việc chống tham nhũng. Có thể nói về mặt chính trị - pháp lý thì từ chủ trương, chính sách đến pháp luật cơ bản đã được chuẩn bị; về mặt xã hội hầu như toàn thể nhân dân nhất là công, nông, binh, trí thức và những người lao động... đều đồng tình ủng hộ và nhiệt liệt hoan nghênh Nhà nước trừng trị đúng người đúng tội, không loại trừ bất cứ ai phạm tội tham nhũng; về mặt công luận báo chí đã vào cuộc và sẵn sàng vào cuộc. Nhưng trên thực tế nạn tham nhũng không những không giảm mà ngược lại còn trầm trọng hơn. Nhìn lại lịch sử của vấn đề, ta thấy việc tham nhũng lúc đầu chỉ là chuyện nhỏ (nhỏ cả về số lượng và qui mô...), người có chức quyền tham nhũng cũng chỉ là cấp thấp, tới nay thì những vụ án

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen tuyển tập, sách đã dẫn, t1, tr135

tham nhũng đã lên tới con số hàng ngàn tỷ đồng, đã ở một qui mô rộng hơn, hầu như ở ngành nào, cấp nào, địa phương nào cũng có, ở đủ các loại cán bộ kể cả những cán bộ cấp cao, nghiêm trọng hơn là có cả những cán bộ giữ vị trí quan trọng trong cơ quan lãnh đạo và cơ quan bảo vệ pháp luật. Tham nhũng và hối lộ đang "có mặt" ở khắp mọi nơi, đang như chuyện hàng ngày của đất nước, đang làm li tán lòng người, phân tâm xã hội. Nó đang thực sự là giặc nội xâm đánh vào cơ thể đất nước, vào hệ thống chính trị. Đúng như Đảng Cộng sản đã từng nhận định: Nó là một nguy cơ, có liên quan đến sự tồn vong của chế độ.

Ấy vậy mà, cho tới nay việc ngăn chặn và đẩy lùi nó vẫn đang là việc "cần làm ngay", làm kiên quyết và có hiệu quả, nếu không lộ trình cải cách hành chính sẽ còn gặp những lực cản không thể vượt qua.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì việc chống tham nhũng chỉ "giáo dục không đủ, phải có kỷ luật, có thưởng, có phạt... phong trào phải luôn từ trên xuống, dưới lên, dân chủ...".¹

Hồ Chủ tịch đã chỉ ra ba khuyết điểm lớn:

Một là, "Trung ương có Hội, có Nghị, có Quyết mà không Hành là do mình không cương quyết"².

Hai là, "cần có một số đồng chí cương quyết tìm ra bài thuốc cho bệnh (tức là giải pháp - Tác giả ghi chú), tìm ra được rồi thì phải cắt thuốc mà chữa (tức là phải hành động, phải làm - Tác giả ghi chú) không thì năm nào cũng nói đi nói lại mãi"³.

Ba là, vấn đề sử dụng và quản lý cán bộ của Trung ương còn có những sơ suất. Trung ương cần phải chịu trách nhiệm một phần vì những cán bộ do Trung ương quản lý mắc tội tham nhũng. Cần lưu ý vụ án Trần Dụ Châu (năm 1950), sau khi xử tử người này về tội tham nhũng và truy lục, trong phiên họp Hội đồng Chính phủ, Hồ Chủ tịch đã nói "Vụ Trần Dụ Châu chúng ta phải chịu một phần trách nhiệm, chúng ta không có chính sách cán bộ đúng"⁴.

^{1,2} Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử. sách đã dẫn, t8, tr197.

³ Sđd, tr 328.

⁴ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử. sách đã dẫn, t4, tr487.

Theo chúng tôi, những chỉ dẫn nói trên của Hồ Chủ tịch rất cần để chúng ta suy nghĩ tìm ra giải pháp hữu hiệu để việc chống tham nhũng không mắc vào tình trạng "nói đi nói lại mãi" về tầm quan trọng mà thực tế thì nạn tham nhũng vẫn không bị đẩy lùi. Về việc này Hồ Chủ tịch đã nói "Kết quả lớn là thấy được khuyết điểm, nhưng kết quả lớn hơn nữa là phải chữa cho được. Đề nghị Bộ Chính trị cử một số đồng chí ngồi lại, cần thì sáu tháng, hàng tuần dành hẳn mấy ngày làm việc để nghiên cứu, tìm ra thuốc đó, phải định những chính sách gì những kỷ luật gì, đều cần phải xem xét chu đáo¹.

Theo phương pháp Hồ Chí Minh, Nhà nước ta cần chọn người tốt, có bản lĩnh cách mạng, có dũng khí, tâm huyết chống tham nhũng để giao cho họ đặc trách công việc, như một vị tướng cầm quân ra trận, đủ sức sáng tạo, dám quyết định và dám chịu trách nhiệm để "đánh chắc thắng" và phải thắng. Chống tham nhũng là chống giặc nội xâm, còn khó khăn hơn cả chống giặc ngoại xâm, do đó cần có "tướng tài" và binh sĩ tinh nhuệ, có tinh thần quyết chiến và quyết thắng. Họ có sự tín nhiệm của nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ thì họ dám phụ trách, và nhất định sẽ thành công. Chúng ta còn nhớ sự lãnh đạo của Đảng Chính phủ và Hồ Chủ tịch đối với chiến dịch Điện Biên Phủ. Kế hoạch tác chiến phải do người cầm quân (Tổng tư lệnh) đề xuất, Bộ Chính trị thông qua. Khi kế hoạch đã được phê duyệt, Hồ Chủ tịch đã chỉ thị: "Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được"².

Và Người đã thay mặt Chính phủ trao nhiệm vụ cho Đại tướng - Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp "Trao chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng! Chắc thắng mới đánh, không chắc không đánh"³.

Chọn đúng người, trao đúng việc, có niềm tin nơi họ và trao họ toàn quyền. Đó là phương pháp Hồ Chí Minh.

¹ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, t8, tr328-329.

² Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Sdd, t5, tr 429.

³ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử. Sdd t5, tr443.

Cuộc đấu tranh chống tham nhũng hiện nay hoàn toàn có thể vận dụng phương pháp Hồ Chí Minh để có một cơ chế tổ chức phù hợp, một chính sách dùng người đúng để có một Tổng tư lệnh có tài thao lược quyết đánh biết đánh và đánh chắc thắng.

Đó cũng chính là sự vận dụng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chứ không phải "tập thể phụ trách" nghĩa là cùng phụ trách mà không có ai phụ trách cả như Hồ Chủ tịch đã từng phê phán.

Những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân có rất nhiều, nó là "tư tưởng mẹ" nó đẻ ra vô vàn tư tưởng xấu. Chúng ta không thể khắc phục nó trong một sớm, một chiều mà là công việc thường xuyên lâu dài. Nhưng theo chúng tôi, muốn đánh "điện" thì phải chọn "điểm", trong một dây xích chằng chịt ta phải chọn một vài mắt xích, coi đó là trọng tâm, trọng điểm để tiến công. Vì vậy, chúng tôi chỉ xin đề xuất tập trung vào mấy vấn đề mấu chốt như trên.

5. Một vài kiến nghị về giải pháp để chống chủ nghĩa cá nhân trong nền hành chính nhà nước hiện nay

Về mặt lý thuyết và tầm quan trọng của vấn đề thì các văn bản của Đảng và Nhà nước ta đã có đầy đủ. Luật Chống tham nhũng đang được Quốc hội thảo luận là căn cứ pháp lý quan trọng nhất để chống tham nhũng. Vấn đề còn lại là thực hiện như thế nào? Hồ Chủ tịch đã từng nói vô luận việc gì đều do người làm ra, việc có thành công hay không là do cán bộ, nhất là cán bộ cao cấp tốt hay kém. Nếu các quy phạm pháp luật là "thước đo" thì cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo phải là người "cầm thước đúng mực". Người "cầm thước" mà không chính đáng thì dù thước tốt vẫn có thể đo sai. Do vậy, mấu chốt của vấn đề là tổ chức bộ máy và cán bộ công chức làm công tác chống tham nhũng. Cần làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh là có cơ chế "phân công rành mạch, phối hợp ăn khớp" trong thực hiện. Do vậy, phải chống quan liêu trong toàn bộ hệ thống chính trị, trước hết là chống quan liêu ngay từ cơ quan lãnh đạo và cơ quan quyền lực trong hoạt động chống tham nhũng.

Tổ chức học tập, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh một cách thiết thực và có hiệu quả cao, tạo ra động lực mới cho cách mạng. Không có ai là

không ít nhiều có kẻ địch ở trong mình là chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chủ tịch đã từng nói "mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng"(1).

Vì vậy, cần phát động một cao trào chống chủ nghĩa cá nhân trong toàn Đảng, toàn quân, trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức kinh tế của Nhà nước bằng cách:

5.1 Tiến hành chỉnh huấn theo tư tưởng Hồ Chí Minh từ trên xuống

Đảng và Nhà nước ta, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch đã từng tiến hành các đợt chỉnh huấn để trước hết thống nhất tư tưởng, để cùng nhau gột rửa chủ nghĩa cá nhân trước khi tiến hành các nhiệm vụ quan trọng của cách mạng. Lâu nay, ta không hề nhắc tới chỉnh huấn mà chỉ nói tự phê bình và phê bình, và trên thực tế tự phê bình rất kém còn phê bình thì chung chung. Loại trừ một vài việc làm có phần ấu trĩ, "tả khuynh" còn về cơ bản các đợt chỉnh huấn trước đây đều rất có kết quả. Chỉnh huấn là giáo dục, là dạy bảo và tự dạy bảo để chỉnh đốn tư tưởng. Hồ Chủ tịch cũng đã chỉ rõ phải chỉnh đốn tư tưởng trước rồi mới chỉnh đốn tổ chức. Chỉnh huấn là phải kiểm thảo. Ai cũng cần kiểm thảo để tự rà xét lại mình và cũng là dịp để tập thể có dịp nói thẳng, nói hết sự thật với từng đồng chí.

Chỉnh huấn phải có lãnh đạo, do đó phải chỉnh huấn cấp trên trước. Ai chỉnh huấn có kết quả, có tinh thần tự chỉ trích, được tập thể công nhận, nhân dân đồng tình mới có đủ Uy và mới có Tín để lãnh đạo chỉ đạo cấp dưới tiến hành chỉnh huấn. Cấp trên là người lãnh đạo chỉ đạo, giáo dục cấp dưới. Do vậy phải làm theo lời C.Mác: Đã đến lúc các nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục, và làm theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: muốn bảo người ta làm cách mạng thì bản thân mình phải cách mạng trước đã.

Chỉnh đốn tư tưởng là một việc làm động đến tâm tư, tình cảm của mọi người, vì vậy phải tạo ra sự đồng thuận của mọi người mà muốn vậy thì phải tạo dựng được niềm tin của cấp dưới, của quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nói tới đặc điểm tâm lý của người Việt Nam chúng ta là trọng sự gương mẫu của cấp trên hơn là những lời nói, những tuyên

ngôn của họ. Điều này rất phù hợp với ý kiến của C.Mác rằng: "nếu anh giả định con người với tính cách là con người và quan hệ của con người với thế giới với tính cách là quan hệ có tính người, thì anh chỉ có thể đổi tình yêu lấy tình yêu, tín nhiệm lấy tín nhiệm... nếu anh muốn ảnh hưởng tới những người khác thì anh phải là một người có một tác dụng thực sự thúc đẩy và kích thích những người khác"¹.

* Phải công khai, minh bạch, chân thành trong kiểm thảo và góp ý kiến của mọi người.

Tất cả các bản kiểm thảo cá nhân của những cán bộ phụ trách, phải gửi tới cơ quan cấp dưới và cấp trên trực tiếp để góp ý.

Những chức vụ chủ chốt (Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân...) và những công chức trực tiếp hàng ngày quan hệ với nhân dân thì cần công khai lấy ý kiến của nhân dân thuộc cấp mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phải thực hiện phê bình theo ba chiều: từ dưới lên, từ ngoài (nhân dân) vào và từ trên xuống.

Làm việc trong các công sở là làm việc chung cho nhân dân, là phục vụ nhân dân, lãnh đạo và hướng dẫn nhân dân. Vì vậy, việc nhân dân góp ý kiến phê bình người lãnh đạo, quản lý mình là lẽ đương nhiên. Công khai, không giấu giếm khuyết điểm mới tạo dựng được uy tín, mới có sức mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói, một Đảng giấu giếm khuyết điểm là một Đảng hỏng. Người cũng đã chỉ rõ, không phải mọi ý kiến nhân dân đều đúng cả, nhưng lắng nghe, bình tĩnh suy xét ta sẽ thấy những điểm hợp lý, những việc phải điều chỉnh, sửa chữa và quan trọng hơn là để cán bộ, công chức và nhân dân, cấp trên và cấp dưới có dịp trao đổi, đối thoại với nhau để hiểu nhau và thông cảm, do đó mới có đoàn kết thực sự. "Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra" phải vừa là nguyên tắc, vừa là phương châm của chỉnh huấn.

* Kiểm thảo theo nội dung chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nội dung tập trung vào những vấn đề đang bức xúc trong đời sống xã hội, trong tâm tư tình cảm của quần chúng. Theo chúng tôi, tùy theo từng chức danh, có những nội dung đậm nhạt khác nhau; nhưng về nguyên tắc

¹ C.Mác và Ph. Ăngghen Tuyển tập, sách đã dẫn, t1, tr 136

tất cả đều phải đề cập đến mười nội dung (những căn bệnh) của nền hành chính nhà nước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra trong hai bức thư của Người "Gửi các Ủy ban nhân - dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng " (ngày 17/10/1945) và " Gửi các đồng chí Bắc Bộ" (ngày 1/ 3/ 1947) mà chúng tôi sắp xếp lại bao gồm 10 vấn đề dưới đây:

Phần I ĐẶT VẤN ĐỀ

1/ Nhờ nhân dân đoàn kết một lòng và Chính phủ lãnh đạo khôn khéo mà chúng ta bẻ gãy được xiềng xích nô lệ, tranh được độc lập tự do. Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì.

2/ "Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc. Trong việc kiến thiết nước nhà, sửa sang mọi việc, phải làm dần dần, không thể một tháng, một năm mà làm được hết. Song ngay từ bước đầu ta phải theo đúng phương châm. Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân như trong thời dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì có lợi cho dân, phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"¹.

Phần II NỘI DUNG KIỂM THẢO

"Vấn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng Chương trình của Chính phủ, và rất được lòng dân. Song cũng có nhiều người phạm những lỗi lầm rất nặng. Những lỗi lầm chính là:

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t4 , tr56 -57.

1. "Trái phép":¹

Ở đây là nói vi phạm pháp luật. (Ở đoạn này Chủ tịch Hồ Chí Minh nói cụ thể tình hình vi phạm pháp luật thời kỳ 1945 -1946. Chúng tôi lược đi, chỉ cần lưu ý là Hồ Chủ tịch phê phán người phạm khuyết điểm nặng nhất là vi phạm pháp luật của Nhà nước tác giả chú giải).

2. "Cậy thế:

Cậy thế mình ở trong ban này, ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân"².

3. "Địa phương chủ nghĩa:

Chỉ chăm chú lợi ích của địa phương mình mà không nhìn đến lợi ích của toàn bộ. Làm việc ở bộ phận nào chỉ biết bênh vực, vun đắp cho bộ phận ấy. Do khuyết điểm đó mà sinh ra những việc xem qua thì như không quan hệ gì mấy, kỳ thực rất có hại đến kế hoạch chung..."³.

4. "Óc bè phái:

Ai hầu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không hầu với mình thì dù có tài cũng dìm họ xuống, họ phải mấy cũng không nghe. Đó là một khuyết điểm rất có hại. Nó làm cho Đoàn thể mất cán bộ, kém nhất trí, thường hỏng việc. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm"⁴.

5. "Óc quân phiệt quan liêu:

Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông "vua con" ở đấy, tha hồ hách dịch, hoành hoặ. Đối với cấp trên thì xem thường (ý nói là không nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, quyết định - tác giả ghi chú giải) đối với cấp dưới cậy quyền lấn át. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách, làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc "ông tướng, bà tướng" ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, đoàn thể xa nhân dân"⁵.

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, t5 , tr 57.

² Hồ Chí Minh Toàn tập, t4 , tr 57-200

^{3,4,5,6,7} Hồ Chí Minh Toàn tập, sách đã dẫn, t5 , tr 71- 72. 5) Hồ Chí Minh Toàn tập, t5 , tr73.

6. "Óc hẹp hòi:

Chúng ta phải nhớ rằng người đời ai cũng có chỗ hay, chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng cong đều tùy chỗ mà dùng được. Tư tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, thì nhiều thù ít bạn. Người mà hẹp hòi thì ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi thì không thể phát triển"⁶.

7. "Ham chuộng hình thức:

Việc gì cũng không xét đến kết quả thiết thực, cần kíp, chỉ nhằm vào hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai.

... Nhiều nơi, những hình thức tuyên truyền cổ động chỉ biết kẻ khẩu hiệu, trưng cờ biển và trang hoàng nhà thông tin tuyên truyền cho đẹp, lập chòi diễn thuyết chỉ làm vì, còn hàng ngày không chịu gần gũi quần chúng để giải thích cho họ hiểu chu đáo những chủ trương của đoàn thể"⁷.

8. "Làm việc lối bàn giấy:

Thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều. Ngồi một nơi chỉ tay năm ngón không chịu xuống địa phương kiểm tra công tác và chỉ vạch những kế hoạch thi hành chỉ thị, nghị quyết của đoàn thể cho chu đáo. Những chỉ thị nghị quyết cấp trên gửi xuống địa phương có thực hiện được hay không, các đồng chí cũng không biết đến. Cái lối làm việc như vậy rất có hại. Nó làm cho chúng ta không đi sát phong trào, không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phần nhiều chủ trương của chúng ta không thi hành được đến nơi đến chốn".¹

9. "Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm:

Nhiều nơi các đồng chí hạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nề nang chỉ phê bình cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau,

^{1,2,3} sách dã dẫn, t5, tr 73-74.

lừa dối cấp trên, giấu giếm đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của Đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại đoàn thể ta”.²

10. “Ích kỷ, hủ hóa:

Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được ủy viên này, chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon, mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận che bai thế nào cũng mặc

Có những đồng chí còn giữ thói quen “một người làm quan cả họ được nhờ” đe bà con, bạn hữu vào chức này, việc kia, làm được hay không mặc kệ. Hồng việc đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được”³ (Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng chữ Đoàn thể là để chỉ đảng và khi ấy Đảng rút vào bí mật. Chữ “hủ hóa” Người dùng có nghĩa rộng, như “tha hoá”, là đánh mất bản chất tốt đẹp biến thành kẻ xấu xa tác giả chú giải).

5.2 Về cách làm

Lâu nay chúng ta đã phát động nhiều đợt học tập, nghiên cứu, tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng mới chỉ là ở lý thuyết, chưa thực sự học đi đôi với hành, chưa bám sát những vấn đề của cuộc sống thực tại để tìm về cội nguồn lý thuyết, tư tưởng và cách giải quyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chúng tôi đề nghị:

- Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

- Có Nghị quyết về việc học tập, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh và tiến hành chỉnh huấn, kiểm thảo trong toàn bộ hệ thống chính trị theo 10 nội dung mà Hồ Chủ tịch đã chỉ ra.

- Thông báo công khai trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng về Nghị quyết của Đảng và của Quốc hội cùng 10 nội dung nổi trên cho toàn Đảng, toàn dân biết.

- Từng bộ phận của hệ thống chính trị tiến hành học tập, chỉnh huấn, kiểm thảo từ trên xuống .

- Sau khi chỉnh huấn tư tưởng sẽ tiến hành chỉnh đốn về tổ chức, có khen thưởng và kỷ luật. Lấy ý kiến của nhân dân về mức độ xử lý những người mắc lỗi lầm. Việc xử lý này không lấy trừng phạt, thanh loại làm cứu cánh mà là thấy việc sai thì sửa chữa, để cứu người, để đặt người đúng việc như Hồ Chủ tịch từng căn dặn.

- Nếu chúng ta tiến hành học tập tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương châm của Người là lấy lý luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành, lời nói đi đôi với việc làm thì sẽ tạo ra một khí thế, một động lực mới trong xã hội, niềm tin của nhân dân, cán bộ, đảng viên với các cấp lãnh đạo sẽ tăng lên gấp bội, uy tín của Đảng và Nhà nước không những không giảm sút mà còn thu phục, thuyết phục được nhân dân, sẽ được nhân dân cảm phục và tin tưởng, khối đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân càng thêm chặt chẽ. Nhờ đó cả nước sẽ đồng một lòng, nắm lấy thời cơ, vượt qua thử thách đưa đất nước tiến lên một giai đoạn phát triển toàn diện và bền vững. Đó chính là cách chúng ta học tập tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có ý nghĩa nhất, thiết thực nhất, hữu ích nhất.

Đó chính là cách để chúng ta thực hiện lời thề khi vĩnh biệt Người: "mang lá cờ bách chiến, bách thắng của Hồ Chủ tịch tới đích cuối cùng". (Điều văn của Ban chấp hành Trung ương Đảng đọc trong lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh).

KẾT LUẬN

1/ Tư tưởng Hồ Chí Minh về nền hành chính nhà nước rất phong phú, không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, phương pháp luận mà quan trọng hơn cả là ở ý nghĩa thực tiễn, là ở sự ứng dụng có tính thời sự cấp bách của nó.

Ngoại trừ một vài tiêu tiết do tình hình thực tế đã thay đổi, còn hầu hết các vấn đề chính trị, pháp lý, thể chế, tổ chức, chế độ công vụ, công chức - nhất là đạo đức công chức... mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói và đã trực tiếp làm thì cho tới nay vẫn còn nguyên giá trị, thậm chí, có một số vấn đề ta đã có phần lơ là hoặc bỏ qua thì nay lại cần phải nghiên cứu vận dụng một cách nghiêm túc hơn.

Có thể nói tư tưởng Hồ Chí Minh về nền hành chính nhà nước và cả thiết chế mà Người đã xây dựng đang soi sáng trực tiếp cho công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước Việt Nam trong tình hình hiện nay.

2/ Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, về nền hành chính nhà nước nói riêng là biểu hiện rực rỡ nhất của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống với hiện đại và nó mang đậm tính nhân văn, tính văn hoá, đạo đức và tính pháp quyền.

Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung về nền hành chính nhà nước nói riêng bắt nguồn từ truyền thống văn hoá lâu đời của Việt Nam, là sự kế thừa cách trị nước của cha ông ta đã ngàn đời xây đắp nên. Có thể thấy rất rõ tinh hoa văn hoá của dân tộc Việt Nam ta được thể hiện qua tất cả những yếu tố cấu thành của nền hành chính nhà nước do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, tổ chức thực hiện và rèn luyện, đặc biệt là mục tiêu của nền hành chính nhà nước, nhân sự hành chính, đạo đức công vụ, hành chính giao tiếp và văn hoá hành chính,...

Mặc dầu tình hình trong nước và thế giới ở vào giữa thế kỷ XX, nền hành chính tiến bộ ở các nước phát triển chưa ảnh hưởng vào nước ta là mấy, và bản thân các nước phát triển cũng chưa ở vào thời kỳ hậu công nghiệp, đất nước họ cũng chưa đạt tới một nền hành chính dịch vụ coi nhân dân là khách hàng của Nhà nước như hiện nay, nhưng nền hành

chính nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập đã tỏ rõ tính kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những giá trị tích cực của nền hành chính của các nước tư bản phát triển nhất như Pháp, Mỹ. Đồng thời qua sự chắt lọc của Chủ tịch Hồ Chí Minh với cái Tâm vô cùng trong sáng - thực sự vì dân - và với Tâm của nhà văn hoá lớn, Người đã xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà với một tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, vừa có những đặc điểm của một nền hành chính nhà nước dân chủ pháp quyền, vừa đồng thời Người đã vượt qua thời đại, để lại trong đó những mầm mống, như là sự dự báo thiên tài về sự phát triển tất yếu của nền hành chính hiện đại.

Chủ nghĩa Mác - Lênin mà linh hồn sống của nó là phép biện chứng duy vật, cùng với tính chính trị - xã hội - mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp - đã nâng tầm tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng của Người về nền hành chính nhà nước nói riêng lên một tầm cao mới, nó không những đặt nền móng cho một nền hành chính nhà nước dân chủ và pháp quyền Việt Nam mà còn hướng tới một nền hành chính phát triển, hiện đại như con đường tất yếu mà nhân loại sẽ đi tới. Chủ tịch Hồ Chí Minh - một người cộng sản - một người cộng sản mang đậm tính dân tộc, tính phương Đông và tính nhân loại đã sáng lập ra nền cộng hoà dân chủ Việt Nam, một nền hành chính nhà nước thể hiện rõ sắc thái chính trị, sắc thái dân tộc và xu hướng phát triển của thế giới. Một nền hành chính hiện đại lấy nhân dân làm đối tượng phục vụ và trung tâm của mọi hoạt động hành chính.

Có thể coi những nhận xét sau đây của nhà báo Nga - Xô Viết và nhà báo Mỹ về Chủ tịch Hồ Chí Minh là tinh tế, sâu sắc có bề sâu và chiều xa của lịch sử văn hoá chính trị - hành chính:

Cách đây gần một thế kỷ, nhà thơ, nhà báo Nga (Xô-Việt) O.Mandenxtam, sau một lần tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã viết trên báo Ogoniok (số 39 ngày 23- 12- 1923):

“Qua Nguyễn Ái Quốc tôi đã hình dung ra một cách rất cụ thể...dân tộc An Nam đáng yêu, một dân tộc rất lịch thiệp và độ lượng, rất ghét những gì thái quá. Dáng dấp của con người đang trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai...”

...Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới "(1).

* Nhà báo Mỹ R.Shaplen, viết từ năm 1969 như sau: "Trong rừng Việt Bắc, cụ Hồ như một ông tiên. Nếu có ai bảo đây là một người cộng sản thì tôi có thể nói là cụ là một người cộng sản khác với quan niệm của chúng ta vẫn thường nghĩ; và theo tôi, có thể dùng một từ mới: Một người cộng sản phương Đông, một người cộng sản Việt Nam" (Chuyển trích theo Trần Hiếu Đức, trong sách "Bác Hồ con người và phong cách" do TS. Nguyễn Văn Khoan chủ biên, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2005, Tr9).

Rõ ràng, việc tiếp tục nghiên cứu quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào cải cách nền hành chính nhà nước hiện nay là rất thiết thực, cần kíp. Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là triết luận hành động trong suốt lộ trình xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam dân chủ và pháp quyền, chính quy, hiện đại, thực sự vì dân trong bối cảnh hội nhập giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng.

3/ Trong quá trình 24 năm (1945-1969) với cương vị là Chủ tịch Chính phủ và nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp tổ chức và điều hành, quản lý nền hành chính nhà nước trên nhiều lĩnh vực cụ thể như: quản lý xã hội, văn hoá, giáo dục, y tế, giao thông vận tải, nông nghiệp, ngoại giao, an ninh, quốc phòng... Đặc biệt là giải quyết các mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo với quyền quản lý của Nhà nước; về mối quan hệ giữa các cơ quan thực hành quyền lập pháp và tư pháp; về vai trò của các tổ chức chính trị xã hội và của nhân dân... ở mỗi lĩnh vực cụ thể, Người đều có những chỉ dẫn quan trọng, thực sự là Di sản quý báu cho Đảng và Nhà nước ta trong việc xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam thực sự của dân, do dân, vì dân.

Tất cả những vấn đề trên cần phải có những đề tài nghiên cứu riêng, phù hợp với từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành và phải có sự tham gia của nhiều nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn trên từng lĩnh vực cụ thể. Cuốn sách này, chúng tôi chỉ mới dừng lại ở sự tìm hiểu một cách khái lược những tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên những vấn đề chung của nền hành chính nhà nước.

Hy vọng rằng, cuốn sách này đồng góp phần thúc đẩy việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về từng lĩnh vực một cách sâu sắc hơn để trong một tương lai gần chúng ta sẽ có một công trình tương đối hoàn chỉnh "Tư tưởng Hồ Chí Minh về nền hành chính nhà nước và quản lý nhà nước".

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

**MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

Bản sao lưu trữ

ĐÔNG DƯƠNG

Tuy rằng Quốc tế Cộng sản đã làm cho vấn đề thuộc địa có được tầm quan trọng xứng đáng với nó bằng cách coi nó là thuộc về những vấn đề thời sự khẩn trương nhất, nhưng trong thực tiễn, các ban thuộc địa ở các cường quốc thực dân, cho đến nay, vẫn chưa quan tâm đến vấn đề này, thậm chí các ban này cũng chưa xem xét vấn đề một cách nghiêm túc!

Sự không hoạt động này thật đáng ngạc nhiên, nhất là khi không còn sự tranh cãi nội bộ trong Đảng đã được thanh trừ, và đáng ngạc nhiên khi vấn đề tuyển mộ người thuộc địa lại được chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc của chính quốc nghiên cứu ráo riết. Sự không hoạt động này có lẽ do các đồng chí chúng ta không hiểu biết tình hình chính xác của những xứ bị áp bức. Do vậy, tôi thấy có ích, nếu phác họa ngắn gọn ở đây tình hình của một trong những thuộc địa lớn nhất của nước Pháp, là Đông Dương.

Nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng ta thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Sự thật là người Đông Dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí và hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm... Việc có những báo hoặc tạp chí mang tư tưởng tiến bộ một chút hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân Pháp là một tội nặng. Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của chính phủ. Máy chém và nhà tù làm hết phần còn lại.

Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bây người ấy cứ mãi mãi bị dìm chìm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bây người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không. Người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ

thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến-đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương. Người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ. Nếu những người xã hội chủ nghĩa lơ là việc giáo dục, thì giai cấp tư sản thực dân và bản xứ -bọn quan lại - cứ phụ trách giáo dục bằng phương pháp của chúng. Người Đông Dương tiến bộ một cách rất mau nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến, bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến.

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi.

Nguyễn Ái Quốc

(*Nguồn: Hồ Chí Minh Toàn tập, xuất bản lần 2, T1-Tr27-28*)

THƯ GỬI TRUNG ƯƠNG CỘNG SẢN PHÁP

Các đồng chí,

Những nghị quyết của Đại hội lần thứ II của Quốc tế về vấn đề thuộc địa đã mang lại hai tác dụng đồng thời nhưng lại hoàn toàn trái ngược nhau. Một mặt, chủ nghĩa đế quốc đi áp bức - giữa trước những kết quả có thể xảy ra của chính sách đó nếu nó được thi hành nghiêm túc đã đề phòng và tăng gấp bội những hoạt động tuyên truyền, ngu dân và đàn áp. Mặt khác, nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa, được tiếng vang của cách mạng thức tỉnh, đã hướng theo bản năng của họ về Quốc tế của chúng ta, một chính đảng duy nhất mà họ hy vọng là sẽ quan tâm đến họ một cách thân thiết, mà họ hoàn toàn mong mỏi là sẽ mang lại cho họ sự giải phóng. Như vậy, chúng ta sẽ có thể không những đánh đổ uy thế của chủ nghĩa thực dân bóc lột và lay chuyển vị trí của chúng, mà còn có thể biến mỗi cảm tình thuần túy tình cảm và thụ động của các dân tộc thuộc địa đối với chúng ta thành mối cảm tình hành động, nếu những nghị quyết của Quốc tế được chấp hành. Khốn nỗi cho đến nay, những nghị quyết ấy chỉ được dùng để tô điểm mặt giấy! Phân bộ Pháp, phân bộ Anh và những phân bộ các nước thực dân khác đã làm gì cho các thuộc địa của chủ nghĩa tư bản nước họ? Những phân bộ ấy đã có một chính sách thuộc địa và một cương lĩnh rõ rệt về thuộc địa, chính xác và liên tục chưa? Những chiến sĩ của các phân bộ ấy có hiểu thuộc địa là gì và tầm quan trọng của thuộc địa là như thế nào không? Người ta có thể trả lời là không.

Đối với các thuộc địa Pháp:

- a) Một ban nghiên cứu thuộc địa đã được thành lập;
- b) Một mục viết về thuộc địa đã được mở ra trên báo L'Humanité.
- c) Những lời tuyên bố ủng hộ dân chúng thuộc địa đã được phát biểu trong các đại hội toàn quốc;
- d) Hai cuộc hành trình tuyên truyền đã được các đại biểu của Đảng tiến hành.

Sau khi được thành lập ít lâu và khi đã giành được không phải là không chật vật những cột báo trên tờ L'Humanité, Ban nghiên cứu thuộc địa đã hoạt động khá tốt. Những tài liệu và tin tức có giá trị đã bắt đầu được gửi từ các thuộc địa đến Ban. Chiến dịch mà Ban tiến hành trên báo Đảng nhằm chống những nhùng lọa và tội ác của bè lũ thực dân, đã nhanh chóng thu hút sự quan tâm mạnh mẽ của dân chúng các thuộc địa và mang lại nỗi lo lắng cho chủ nghĩa đế quốc thực dân và báo chí của nó. Nhưng diễn đàn ấy đột nhiên đã bị báo L'Humanité bỏ đi. Bị tước mất phương tiện công tác và hoạt động, Ban lâm vào tình trạng hoàn toàn bị tê liệt. Điều đó đã làm cho giới báo chí to lớn của giai cấp tư sản rất hài lòng, những báo chí này đã dành rất đều đặn hàng bao nhiêu trang cho công tác tuyên truyền thực dân và luôn luôn sợ bị cải chính và lật mặt nạ.

Điều đó đã đặc biệt gây những ấn tượng rất nặng nề cho dân bản xứ. Mặc dầu là hão huyền, những lời tuyên bố trong các đại hội toàn quốc ủng hộ dân chúng các thuộc địa cũng đã góp phần củng cố mỗi cảm tình mà họ đã có đối với Đảng. *Tuy nhiên thật là không thích đáng nên cứ lặp đi lặp lại mãi một điều mà không làm gì cả. Và những người bị áp bức khôn khéo thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh.* Cuộc hành trình của các đồng chí Vayăng Cutuyariê và ĂngdrêBécông qua Angiêri và Tuynidi, tiến hành hầu như cùng một lúc với các cuộc dạo chơi đế vương của bọn đại biểu tư sản, đã được dân chúng châu Phi rất hoan nghênh. Nếu những cuộc hành trình cùng một tính chất như thế được tiếp tục trong tất cả các thuộc địa thì chắc chắn là kết quả sẽ đáng mừng. Nhưng, đáng lẽ phải tăng cường tuyên truyền thì chúng ta lại đã bỏ dở cái việc đã được bắt đầu, và bỏ mất những cơ hội tốt. Bởi thế, chúng ta đã làm rất ít trong khi xảy ra cuộc bãi công đẫm máu ở Máctiních, cảnh chết đói ở Bắc Phi và cuộc nổi dậy ở Đahômây.

Trong trường hợp sau chót này, chúng ta đã có một bộ mặt thiếu não. Nhiều ngày sau tất cả các báo tư sản và mười ngày sau báo L'Oeuvre, báo Đảng mới đăng tin về cuộc nổi dậy. Trong lúc Chính phủ thuộc địa đã thiết quân luật, tập trung quân đội, huy động chiến hạm, huy động các bộ máy đàn áp, bắt bớ và kết án các nhà hoạt động từ 5 đến 10 năm tù; trong lúc các báo chí viết thuê đã tiến hành một cách có 214 hệ thống một chiến

dịch lừa dối và bung bít dư luận thì chúng ta chỉ viết có hai hay ba bài báo ngắn, rồi thôi. Không phải là không mĩa mai và không đáng buồn khi trong bóng tối của những ngục tù có tính chất khai hoá, những người anh em Đahômây đau khổ của tôi đọc điều thứ 8, trong số 21 điều kiện, nói rằng: "Mỗi đảng cam đoan tiến hành một công tác cổ động có hệ thống trong quân đội nước mình nhằm chống mọi ách áp bức dân chúng thuộc địa; và mỗi đảng phải ủng hộ, không những bằng lời nói mà cả bằng hành động, phong trào giải phóng của các thuộc địa".

Nhưng thật là vô ích nếu buộc tội quá khứ và tiếc rẻ thì giờ đã mất. Tốt nhất là biết sử dụng tốt thì giờ trong tương lai. Vậy chúng tôi yêu cầu Đảng:

- 1) Chính thức thừa nhận liên đoàn Máctiních (nhóm GiảngGiô-rét);
- 2) Mở lại mục viết về thuộc địa trong báo L'Humanité;
- 3) Yêu cầu Ban nghiên cứu thuộc địa cung cấp tài liệu cho phân bộ thuộc địa và cứ hai hoặc ba tháng một, báo cáo công tác của mình với phân bộ;
- 4) Ở những nơi đã thành lập phân bộ thuộc địa thì khuyến khích các phân bộ này tăng cường công tác tuyên truyền và tuyển thêm người bản xứ;
- 5) Trên tất cả báo chí của Đảng, mở một mục viết về thuộc địa để làm cho độc giả làm quen với các vấn đề thuộc địa;
- 6) Nói đến các thuộc địa trong hết thảy các đại hội, mít tinh hoặc hội nghị của Đảng;
- 7) Cử các nghị sĩ đi thăm các thuộc địa, mỗi khi nền tài chính của Đảng cho phép;
- 8) Tổ chức những nghiệp đoàn hoặc thành lập các nhóm tương tự ở các thuộc địa.

Mátxcova, tháng 7 năm 1923,
Nguyễn Ái Quốc

(*Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T1. Tr 194 - 197*)

ĐOÀN KẾT GIAI CẤP

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân hàng hải¹ nổ ra ở Braxin. Một chiếc tàu vừa cập bến Rio Đê Hanây rô. Thủy thủ trên tàu chưa biết rằng bạn của mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ. Một người da đen tham gia đình công, Hôxê Lêandrô Đaxinva, muốn lên tàu báo tin cho các thủy thủ biết. Trên bến, Hôxê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại.

- Tôi có quyền lên tàu gặp các bạn tôi, chứ sao không, Hôxê nói với tay đại diện trật tự chính quyền.

- Không nói năng lằng nhằng! Xéo! Tên này cự lại.

Hôxê cố nài.

Tên cảnh sát chẳng thèm trả lời nữa, rút súng lục ra bắn. Hôxê nhanh nhẹn tránh kịp, và, lẹ như chớp, anh túm lấy thẳng đội, quăng nó xuống nước.

Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đổ xô đến đánh Hôxê. Anh chống cự lại. Săn con dao đi biển, anh đâm chết mấy tên và làm bị thương nhiều tên khác. Cuối cùng anh không chịu nổi số đông, ngã xuống, coi như chết, với 18 viên đạn trong mình.

Tuy vậy anh vẫn còn đủ sức để lảm nhảm bài Quốc tế ca khi được khiêng đến nhà thương. Rồi sau chúng lôi anh ra tòa. Anh bị kết án 30 năm khổ sai.

Vừa được tin xử, anh em công nhân cách mạng lập ngay một ủy ban bảo vệ. Một mặt, họ mượn nhiều trạng sư cãi cho bạn; mặt khác, họ tổ chức những cuộc biểu tình phản đối trong cả nước. Một chiến dịch vận

¹ Do yêu cầu của sự kiểm soát quốc gia và quốc tế, người đi biển phải theo Luật Hàng hải quốc tế, được đăng ký vào một danh bạ Nhà nước. Có đăng bạ mới là công nhân hàng hải chính thức

động đấu tranh ủng hộ Hôxê được tiến hành mạnh mẽ suốt ba năm. Dư luận quần chúng công phần đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét lại.

Ngày mùng 8 tháng 2, Hôxê ra tòa xử lại án. Một vạn rưỡi công nhân dự phiên tòa kéo dài suốt đêm. Bọn chủ không chịu nhả mỗi ra, và biện lý phải mất 5 tiếng đồng hồ mới đọc xong bản cáo trạng dài. Đồng chí Paolô Đê Laxécda và các bạn đồng nghiệp đã hùng biện bác bỏ một cách thẳng lợi mọi lý lẽ của biện lý.

Phiên tòa đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc.

Toà xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm. Và Hôxê, anh chiến sĩ bãi công da đen ngã mình trong cánh tay các đồng chí và các người bảo vệ anh, những đại biểu của công nhân da trắng.

Vậy là dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản.

Nguyễn Ái Quốc

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, T1, Tr: 262-266)

YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN AN NAM

Từ ngày Đồng minh thắng trận, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc Đồng minh đã tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ.

Trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thật sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình với các quý Chính phủ trong Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng, những yêu sách khiêm tốn sau đây:

1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;
2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu; xóa bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;
3. Tự do báo chí và tự do ngôn luận;
4. Tự do tập hội và hội họp;
5. Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương;
6. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;
7. Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật;
8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.

Đưa ra những yêu sách trên đây, nhân dân An Nam trông cậy vào chính nghĩa thế giới của tất cả các cường quốc và đặc biệt tin vào lòng rộng lượng của nhân dân Pháp cao cả, tức là của những người đang nắm vận mệnh của nhân dân An Nam, của những người, do chỗ nước Pháp là một nước Cộng hoà, nên được coi là những người bảo hộ cho nhân dân An Nam. Khi nhân dân An Nam nhắc đến sự "bảo hộ" của nhân dân Pháp, thì không lấy thế làm hổ nhục chút nào mà trái lại còn lấy làm vinh dự: vì nhân dân An Nam biết rằng nhân dân Pháp đại biểu cho tự do và công lý, và không bao giờ từ bỏ lý tưởng cao cả của mình là tình bác ái toàn thế giới. Vì thế, nghe theo tiếng nói của những người bị áp bức, là nhân dân Pháp sẽ làm tròn nhiệm vụ của mình đối với nước Pháp và đối với nhân loại.

Thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam,

Nguyễn Ái Quốc

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T1. Tr 435 - 436)

THƯ GỬI TỔNG THỐNG MỸ

Paris, ngày 18-6-1919

Kính gửi : Ngài tổng thống Cộng hòa Hợp chủng quốc,
Đại biểu ở hội nghị Hòa Bình,

Thưa ngài,

Nhân dịp chiến thắng của Đồng minh, chúng tôi xin mạn phép gửi đến Ngài, kèm theo đây bản ghi các yêu sách của nhân dân An Nam.

Tin tưởng ở độ lượng cao cả của Ngài, chúng tôi mong Ngài ủng hộ trước những người có thẩm quyền.

Xin Ngài vui lòng nhận sự biểu thị lòng kính trọng sâu sắc của chúng tôi.

Thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam

Nguyễn Ái Quốc

55, phố Mơxiơ Lơ Pranhxơ, Paris

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, T1,Tr2 -437)

VIỆT NAM YÊU CẦU CA

“Rằng nay gặp hội Giao hòa,
Muôn dân hèn yếu gần xa vui tình.
Cậy rằng các nước Đồng Minh
Đem gương công lý giết hình dã man
Mấy phen công bố rõ ràng,
Dân nào rồi cũng được trang bình quyền
Việt Nam xưa cũng oai thiêng,
Mà nay đứng dưới thuộc quyền Lang Sa
Lòng thành tỏ nỗi sút sa,
Giám xin đại quốc soi qua chút nào.
Một xin tha kẻ đồng bào,
Vì chưng chính trị mắc vào tù giam.
Hai xin phép luật sửa sang,
Người Tây người Việt hai phương cùng đồng.
Những toà đặc biệt tấn công
Giám xin bỏ dứt rộng dung dân lành
Ba xin rộng phép học hành,
Mở mang kỹ nghệ, lập thành công thương.
Bốn xin được phép hội hàng,
Năm xin nghĩ ngợi nói bàn tự do.
Sáu xin được phép lịch du,
Bốn phương mặc sức năm châu mặc tình.
Bảy xin Hiến pháp ban hành,

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền.
Tám xin được cử nghị viên,
Qua Tây thay mặt giữ quyền thổ dân.
Tám điều cần tỏ xa gần,
Chứng nhờ vạn quốc công dân xét tình.
Riêng nhờ dân Pháp công bình,
Dem lòng đoái lại của mình trong tay.
Pháp dân nức tiếng xưa nay,
Đồng bào, bác ái sánh tày không ai!
Nỡ nào ngảnh mặt ngơ tai,
Để cho mấy ức triệu người bơ vơ.
Dân Nam một dạ ước mơ,
Lâu nay từng núp bóng cờ tự do.
Rộng xin dân Pháp xét cho,
Trong phò tiếng nước, sau phò lẽ công.
Dịch mấy chữ quốc âm bày tỏ.
Để đồng bào lớn nhỏ được hay.
Hoà bình may gặp hội này,
Tôn sùng công lý, đoạ đầy dã man.
Nay gặp hội khải hoàn hỉ hả,
Tiếng vui mừng khắp cả đồng - dân.
Tây vui chắc đã mười phần,
Lẽ nào Nam lại chịu thân tôi đòi.
Hãng mở mắt mà soi cho rõ.
Nào Ai Lao, Ấn Độ, Cao Ly,

Xưa, hèn phải bước suy vi,
Nay, gần độc lập cũng vì dân khôn
Hai mươi triệu quốc hồn Nam Việt.
Thế cuộc này phải biết mà lo.
Đồng bào, bình đẳng, tự do,
Xét mình rồi lại đem so mấy người.
Ngón ngang lời vấn ý dài,
Anh em đã thấu lòng này cho chưa.

Nguyễn Ái Quốc

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, T1. Tr438 - 439)

BÁO CÁO VỀ BẮC KỲ, TRUNG KỲ VÀ NAM KỲ

Mátxcova, 1924

CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP KHÔNG DIỄN RA GIỐNG NHƯ Ở PHƯƠNG TÂY

Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẫn nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùn tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ; không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ làn hững kẻ thực lợi khá giả thôi.

Cho nên, nếu nông dân gàn như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tư tưởng. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được.

Nhưng người ta sẽ bảo: thế là chúng ta ở thời Trung cổ à? Ô! Sẽ là quá đáng nếu so sánh người "nhà quê"¹ với người nông nô. An Nam chưa bao giờ có tăng lữ và thuế mười phần trăm. Hoàng đế tri vì nhưng chẳng lo cai trị gì. Tất nhiên là đã có quan lại rồi. Nhưng có thể so sánh họ với chúa phong kiến không". Không. Trước hết quan lại được tuyển lựa theo con đường dân chủ: con đường thi cử, mở rộng cho mọi người và mọi người có thể chuẩn bị thi mà chẳng tốn kém gì hơn nữa họ mua quyền lực của quan lại được cân bằng bằng tính trị của Ấn Độ - China - và tôi có thể nói:

¹ Những chữ "nhà quê" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây.

Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm đổi thay phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không? Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản.

Thật ra là có, vì sự Tây phương hoá ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý, nhất định của lịch sử so sánh, nhưng sử lịch nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại.

Mác cho ta biết rằng sự tiến triển của các xã hội trải qua ba giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản; và trong mỗi giai đoạn ấy, đấu tranh giai cấp có khác nhau. Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không? Từ nhiều thế kỷ nay, họ chẳng hưởng được thái bình hay sao để đến mức làm cho người châu Âu khinh rẻ họ (lười nhác, mê muội hàng nghìn năm, v.v.)?

Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô Viết đảm nhiệm (ban thuộc địa của chúng tôi vừa nhận được thư mời chúng tôi tham gia công tác này). Và các Xô Viết sẽ thành công; vì rằng, đứng lên trên các thành kiến chủng tộc, họ sẽ làm cho thế giới được miễn nghe các lời tầm phào của những Guýtxtavơ Lơ bốp và những Hăngri Coócđiê.

(...)

Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngấm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917 (1).

Chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc:

1- Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hoá khi chuyển từ giới thượng lưu sang giới thượng lưu khác. Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó.

2- Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng nhờ sự phát triển của các phần tử thành thị và nhất là nhờ sự tuyển mộ và trở về của "lính tình nguyện".

3- Trong chủ nghĩa dân tộc có cả lòng căm ghét bọn xâm lược Trung Quốc và người Ấn Độ sinh cơ lập nghiệp ở trên đất nước này.

4- Nó có xu hướng hợp pháp hoá các hình thức biểu hiện và yêu sách của nó. Một mặt, chính quyền nhượng bộ. Mặt khác, lớp thanh niên từ bỏ phương pháp tiến hành những cuộc nổi dậy bột phát của lớp người đi trước, và ngày nay, người ta thiên về chiến thuật của những nhà cách mạng châu Âu: tuyên truyền, tổ chức và khởi nghĩa quần chúng. Trong khi lớp người già muốn độc lập ngay từ lớp trẻ yêu sách những thiết chế chuẩn bị cho độc lập (tờ La Tribune indigène: cơ quan của phái lập hiến).

(...)

Cương lĩnh của chúng tôi:

Phương hướng chung

Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này, do Mátxcova tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì (1) Cuộc mưu khởi nghĩa diễn ra năm 1916. Được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ Xô Viết hoá và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Trong khi chờ đợi, chủ nghĩa dân tộc sẽ quấy rối chủ nghĩa đế quốc Pháp và bằng việc làm này, Quốc tế Cộng sản sẽ được lợi trực tiếp.

a/ Ở Đông Dương.

Hành động hợp pháp phụ thuộc vào việc nước Pháp thừa nhận các Xô

Viết. Điều đầu tiên phải làm là sẽ thiết lập các lãnh sự quán Nga ở Sài Gòn, Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng. Những lãnh sự quán này tự nhiên sẽ là những trung tâm tuyên truyền chủ nghĩa bôn-sê-vích và lựa chọn các chiến sĩ bản xứ để gửi sang Nga. Hoạt động bất hợp pháp sẽ là trợ cấp cho một tờ báo, rải truyền đơn và nhất là các bài đả kích bằng tiếng bản xứ và chữ Hán, là tổ chức những hội kín. Nhân viên tuyên truyền gồm có: người bản xứ, người Pháp và người Nga, nếu có thể được thì, biết tiếng nước này, và làm một nghề khiến họ tiếp xúc được với dân bản xứ (nữ hộ sinh, nữ giáo viên, thầy thuốc ở nông thôn, dân đồn điền. Một luật sư cho người bản xứ sẽ được mọi người biết tiếng ngay). Thành lập ra ở Chợ Lớn một phân bộ cộng sản Trung Quốc.

b/ Ở Nhật Bản, ở Trung Quốc và ở Xiêm.

Tiếp xúc với những nhóm người di tản. Thành lập một lãnh sự quán ở Vân Nam phủ, thành phố rất quan trọng nằm ở biên giới Bắc Kỳ, trung tâm tuyên truyền đặt ở vị trí đó rất tuyệt. Tranh thủ làm cho các Xô Viết được công nhận ở Xiêm nơi mà Anh, Pháp và Mỹ luôn luôn có mưu đồ. Mỹ có 4 cố vấn trực thuộc Bộ Ngoại giao, Anh và Pháp có hai cố vấn trực thuộc Bộ Tư pháp. Tại sao nước Nga lại không có? Hơn nữa, một lãnh sự quán ở Băng Cốc sẽ tìm thấy các ngã đường đi Ấn Độ thuộc Anh, Giava thuộc Hà Lan và Đông Dương thuộc Pháp.

c/ Ở Pháp.

Nhóm cộng sản ở Nghị viện sẽ có hai nhiệm vụ quan trọng:

1) Thừa nhận các Xô Viết; 2) Xoá chế độ bản xứ. Trong nhiệm kỳ, sẽ yêu cầu-bỏ thuốc phiện ở Đông Dương; nó sẽ tố giác các vụ bê bối như vụ bê bối của độc quyền ở Sài Gòn. Từ Pháp đến Đông Dương quá xa cách vì vậy sẽ không có vấn đề Nghị viện đi xem xét như có thể làm đối với Angiêri và Tuynidi.

Ban thuộc địa sẽ lo trước hết việc tổ chức công đoàn. Hội liên hiệp thuộc địa sẽ làm đúng với danh hiệu của mình. Tờ Le Paria sẽ ra mỗi tuần 2 lần.

Hoạt động thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp hẳn là còn yếu kém nhưng chút ít nó làm được thì chẳng có đảng nào làm được, còn nếu nó chưa quan tâm đến người bản xứ, đó là vì người bản xứ chưa đến với nó

được máy. Nhiệm vụ số một của nó là đào tạo những chiến sĩ bản xứ. Đào tạo không chỉ những nhà tuyên truyền mà cả những nhà cách mạng theo kiểu châu Âu.

d/ Ở Nga.

Muốn thế, đưa đến Mátxcơva hay đến các trung tâm khác, các sinh viên An Nam (còn sớm để có thể coi thường người trí thức). Cũng đưa cả những người lao động chân tay vì phải đào tạo những quán nhân, thợ thủ cho hồng quân bản xứ và các chi bộ xí nghiệp bản xứ, đủ sức thay thế các kỹ thuật viên của chủ nghĩa tư bản (...)

Kết luận: Khả năng khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương. Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương:

1- Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu các cuộc cách mạng ở châu Âu, chứ không phải nổ ra đột ngột ở biên giới Trung Quốc, theo phương pháp của những nhà cách mạng trước đây.

2- Cuộc khởi nghĩa phải được nước Nga ủng hộ. Các Xô Viết sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc và các kỹ thuật viên, các binh sĩ, các thợ thủ bản xứ được đào tạo trước đó ở Mátxcơva. Ngoài ra, nước Nga sẽ có một hạm đội khá mạnh ở Thái Bình Dương, để ngăn cản sự can thiệp của một vài cường quốc có thoả thuận với Pháp trong việc chống người bản xứ.

3- Cuộc khởi nghĩa phải trùng hợp với cách mạng vô sản ở Pháp.

4- Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất là trong một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (nước Đức chẳng hạn) thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, T1, Tr 464 - 469)

CHƯƠNG TRÌNH VIỆT MINH

Việt Nam độc lập đồng minh (nói tắt là Việt Minh) chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc phát xít Nhật, giành quyền độc lập cho nước Việt Nam. Sau khi đánh đuổi được đế quốc phát xít Nhật, sẽ lập lên chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lấy cờ đỏ, sao năm cánh làm quốc cờ. Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Quốc dân đại hội cử lên sẽ thi hành những chính sách sau này:

A. CHÍNH TRỊ

1. Phổ thông đầu phiếu: hễ ai là người Việt Nam, vô luận nam nữ từ 18 tuổi trở lên đều có quyền tuyển cử và ứng cử, trừ bọn Việt gian phản quốc.

2. Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước, tự do xuất dương. Bỏ chế độ bắt phu và các chế độ áp bức do đế quốc đặt ra.

3. Tổ chức Việt Nam cách mạng quân và vũ trang dân chúng, thẳng tay trừng trị bọn phản quốc, giữ vững chính quyền cách mạng.

4. Tịch thu hết thảy tài sản của đế quốc phát xít. Trừng trị và tịch thu tài sản của bọn Việt gian phản quốc.

5. Toàn xá phạm nhân.

6. Nam nữ bình quyền.

7. Tuyên bố dân tộc tự quyết.

8. Liên hiệp và thân thiện với tất cả các dân tộc hèn yếu, nhất là dân tộc Miên, Lào, Tầu, Triều Tiên, Ấn Độ.

B. KINH TẾ

1. Bỏ thuế thân và các thứ thuế do đế quốc đặt ra. Lập lên một thứ thuế rất nhẹ và công bình.
2. Quốc hữu hóa các ngân hàng đã tịch thu của đế quốc phát xít Nhật. Lập lên một ngân hàng quốc gia thống nhất.
3. Mở mang các ngành kỹ nghệ, giúp đỡ thủ công nghiệp làm cho nền quốc dân kinh tế chóng phát đạt.
4. Mở mang dẫn thủy nhập điền, bồi đắp đê điều làm cho nông nghiệp phần thịnh.
5. Nhân dân tự do khai khẩn đất ruộng do Chính phủ giúp đỡ.
6. Quan thuế (thuế đánh hàng hoá xuất cảng, nhập cảng) độc lập.
7. Mở mang các đường giao thông vận tải (như đường xe lửa, đường ô tô, các nhà giấy thép, sông ngòi v.v...).

C. VĂN HÓA GIÁO DỤC

1. Huỷ bỏ nền giáo dục nô lệ. Gây dựng nền quốc dân giáo dục. Cường bức giáo dục từ bậc sơ học. Mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục dân tộc mình.
2. Lập các trường chuyên môn huấn luyện chính trị, quân sự, kỹ thuật để đào tạo(1) các lớp nhân tài.
3. Khuyến khích và giúp đỡ các hạng trí thức được phát triển tài năng của họ.
4. Khuyến khích và giúp đỡ nền giáo dục quốc dân làm cho nòi giống ngày thêm mạnh.

D. ĐỐI VỚI CÁC TẦNG LỚP NHÂN DÂN

1. Công nhân: Ngày làm 8 giờ. Định tiền lương tối thiểu. Công việc làm như nhau nhận tiền lương ngang nhau. Cứu tế thất nghiệp. Xã hội bảo hiểm. Cấm đánh đập, chửi mắng. Thủ tiêu các giấy giao kèo nô lệ, lập các giấy giao kèo chung của chủ và thợ. Công nhân già có lương hưu trí.

2. Nông dân: Nông dân ai cũng có ruộng cày. Giảm địa tô. Cứu tế nông dân trong những năm mất mùa.

3. Binh lính: Hậu đãi binh lính có công giữ gìn Tổ quốc và phụ cấp gia đình binh lính được đầy đủ.

4. Học sinh: Bỏ học phí, bỏ khai sinh hạn tuổi. Mở thêm trường(1). Trong nguyên bản chụp mi-crô phim chỗ này bỏ trống, không có chữ dào tạo.

5. Phụ nữ. Về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá, đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông.

6. Thương nhân và các nhà kinh doanh: Chính phủ hết sức giúp các nhà có vốn tự do kinh doanh. Bỏ thuế môn bài và các thứ tạp thuế do đế quốc đặt ra.

7. Viên chức: Hậu đãi viên chức xứng đáng với công học hành của họ.

8. Người già và kẻ tàn tật: Được chính phủ chăm nom và cấp dưỡng.

9. Nhi đồng: Được chính phủ săn sóc đặc biệt về thể dục và trí dục.

10. Hoa kiều: Được chính phủ bảo chứng tài khoản an toàn: được đối đãi như dân tối huệ quốc.

E. XÃ HỘI

1 Thi hành luật lao động, ngày làm việc 8 giờ.

2. Giúp đỡ các gia đình đông con.

3. Lập ấu trĩ viên để chăm nom trẻ con.

4. Lập các nhà chiếu bóng, diễn kịch, câu lạc bộ, thư viện để nâng cao trình độ trí dục cho nhân dân.

5. Lập thêm nhà thương, nhà đỡ đẻ, nhà dưỡng lão.

G. NGOẠI GIAO

1. Huỷ bỏ hết thảy những điều ước do bọn thống trị cũ ký kết với bất kỳ nước nào. Ký những hiệp ước giao hảo và bình đẳng với mọi nước các phương diện.

2. Chủ trương các dân tộc được bình đẳng. Hết sức giữ gìn hoà bình.
 3. Kiên quyết chống hết thảy những sự xâm phạm đến quyền tự do độc lập của nước Việt Nam.
 4. Liên hiệp với tất cả nhân dân và dân tộc bị áp bức trên thế giới.
- Tài liệu của Bảo tàng cách mạng Việt Nam.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập xuất bản lần 2, Tập 3, Tr583 - 586)

Bản sao lưu trữ

CHỈ THỊ THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

1. Tên đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn lọc trong hàng ngũ nhưng du kích Cao- Bắc- Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực .

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ diu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

2. Đối với đội vũ trang địa phương: đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

3. Về chiến thuật: vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay Đông mai Tây, lai vô ảnh, khứ vô tung .

Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam.

Tháng 12 năm 1944

Hồ Chí Minh

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất lần thứ 2, T3 – tr 507-508)

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh đồng minh, thì bọn thực dân pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng lại thẳng tay khùng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ. Sự thật là mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập lên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do. Dân tộc đó phải được độc lập.

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. Tập 4 - tr. 1-4)

NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Thưa các cụ và các chú,

Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công.

Hiện nay, những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi, có sáu vấn đề:

Một là, nhân dân đang đói – Ngoài những kho chứa thóc mà Pháp, Nhật vơ vét của nhân dân, bọn Pháp, Nhật còn bắt đồng bào chúng ta giảm bớt diện tích cấy lúa để trồng thầu dầu, đay và những thứ cây khác cần thiết cho cuộc chiến tranh của chúng. Hơn nữa, chúng ta còn tìm thấy hai kế hoạch của bọn cầm quyền Pháp với mục đích gây nạn đói, để ngăn phong trào yêu nước và bắt buộc đồng bào chúng ta phải làm việc như nô lệ.

Hơn hai triệu đồng bào chúng ta đã chết đói vì chính sách độc ác này. Vừa rồi nạn lụt đã phá hoại tám tỉnh sản xuất lúa gạo. Điều đó càng làm cho tình hình trầm trọng hơn. Những người thoát chết đói nay cũng bị đói. Chúng ta phải làm thế nào cho họ sống.

Tôi đề nghị với chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất.

Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực phụ khác, phải ba bốn tháng mới có, tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một

lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Vấn đề thứ hai, nạn đói – là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ.

Nhưng chỉ cần ba tháng là đủ để đọc, học viết tiếng nước ta theo văn quốc ngữ. Một dân tộc đói là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Vấn đề thứ ba – trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc **TỔNG TUYỂN** Cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống v.v

Vấn đề thứ tư – Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dung mọi thủ đoạn nhằm hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lừa bịp, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.

Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện cần, kiệm, liêm, chính.

Vấn đề thứ năm – Thuế thân, thuế chợ, thuế đò là một lối bóc lột vô nhân đạo. Tôi đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế đó. Cuối cùng, tôi đề nghị tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Vấn đề thứ sáu – thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết.

(Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t4, tr 7-9).

CHÍNH PHỦ LÀ CÔNG BỘC CỦA DÂN

Non hai tháng trước đây, trước cuộc khởi nghĩa 19-8-1945, nói tới Chính phủ người ta nghĩ ngay tới một bọn đầu đảng, cướp nguy hiểm, xảo quyệt. Trái lại, ai ai đối với Chính phủ nhân dân hiện nay cũng đều có một cảm tình thân mật xen lẫn với một tôn kính sâu xa: Chính phủ đối với ta như người “anh cả” trong gia đình, một đồng chí phụ trách trong một địa phương, một người đứng mũi chịu sào ta có thể vững lòng trông cậy và gửi số mệnh vào. Người xưa nói: quan là công bộc của dân, ta cũng có thể nói: Chính phủ là công bộc của dân vậy. Các công việc của Chính phủ làm phải nhắm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh.

Các ủy ban dân làng, phủ là hình thức Chính phủ địa phương phải chọn trong những người có công tâm, trung thành, sốt sắng với quyền lợi dân chúng, có năng lực làm việc, được đông đảo dân làng tín nhiệm. Không thể nhờ tiền tài hay một thế lực nào khác mà chui lọt vào các ủy ban đó.

Ủy ban nhân dân làng trái với các hội đồng kì mục cũ thối nát, sẽ làm những việc có lợi cho dân, không phạm vào công lý, vào tự do của dân chúng. Nó hết sức tránh những cuộc bắt bớ đánh đập độc đoán, những cuộc tịch thu tài sản không đúng lý. Ủy ban nhân dân thận trọng hết sức trong chỗ chi dùng công quỹ, không dám tùy ý tiêu vào những việc xa phí như ăn uống.

Những nhân viên ủy ban sẽ không lợi dụng danh nghĩa ủy ban để gây bè tì cánh, đưa người “trong nhà trong họ” vào làm việc với mình.

Nói tóm lại, bao nhiêu những cái xấu xa, thối nát, bất công, áp bức của chế độ cũ, của các Hội đồng kì mục trước sẽ không thể tồn tại trong các ủy ban nhân dân bây giờ.

Ủy ban nhân dân là ủy ban có nhiệm vụ thực hiện tự do dân chủ cho dân chúng. Nó phải hành động đúng tinh thần tự do dân chủ đó.

Chiến Thắng

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t4, tr 22-23).

Bản sao lưu trữ

MUỐN THÀNH CÁN BỘ TỐT, PHẢI CÓ TINH THẦN TỰ CHỈ TRÍCH

Có nhiều đồng chí hoặc tự cho mình có trình độ nhận thức cao, có kinh nghiệm đầy đủ về công tác – hoặc vì không có tinh thần tiến thủ, chỉ biết tới đâu hay tới đó, nên không chịu học tập, không biết tự chỉ trích để sửa đổi những lỗi lầm và bồi bổ những thiếu sót. Phải biết rằng tình hình khách quan thay đổi từng giờ từng phút, một chủ trương của ta hôm nay đúng, hôm sau đã không hợp thời, nếu ta không tỉnh táo kiểm điểm những tư tưởng hành vi của ta để bỏ đi những cái quá thời, sai hỏng, nhất định ta sẽ không theo kịp tình thế, ta sẽ bị bỏ rơi, bị các bạn tỉnh táo nhanh nhẹn hơn vượt đi trước. Muốn được thích hợp với tình thế, muốn cùng tiến hay vượt các bạn khác ta cần phải nhận thức và tự giáo dục không ngừng, cần phải có sự thành thực tự vạch ra những khuyết điểm sai lầm để bồi bổ và sửa đổi đi. Sau khi làm xong một công tác gì, hay sau mỗi ngày làm việc, cần phải tự mình kiểm điểm xem có chỗ nào nhầm lẫn, chỗ nào chưa đầy đủ, có được ưu điểm gì nên nhớ, được kinh nghiệm gì quý đáng ghi. Phải bỏ hẳn thái độ “xong việc thì thôi”. Không chịu tự phê bình, tự chỉ trích thì không bao giờ tấn tới được.

Chiến Thắng

(*Nguồn*: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t4, tr 26-28).

GỬI ĐỒNG BÀO NAM BỘ

Hỡi đồng bào Nam bộ!

Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật, thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng, hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai mò lại. Trong 4 năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa.

Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp: “Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”.

Tôi chắc và đồng bào Nam bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sỹ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng.

Tôi chỉ muốn dặn đồng bào Nam Bộ một lời: “Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phía đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng: chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước”.

Nước Nam độc lập muôn năm.

Đồng bào Nam bộ muôn năm.

Hà Nội ngày 26 tháng 9 năm 1945
Hồ Chí Minh

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t4, tr 27-28).

THIẾU ÓC TỔ CHỨC – MỘT KHUYẾT ĐIỂM LỚN TRONG CÁC ỦY BAN NHÂN DÂN

Chính quyền nhân dân thành lập đã được hơn một tháng. Nhưng nhiều nơi cách làm việc vẫn chưa đầu vào đầu cả. Ta có thể nói: một khuyết điểm lớn, chung cho phần đông các ủy ban nhân dân là bệnh lộn xộn, thiếu tổ chức. Về cán bộ hành chính, ta phải thú nhận là thiếu rất nhiều. Người đi tuyên truyền, người chiến đấu thì có. Người ngồi bàn giấy làm việc cai trị rất hiếm. Vào trụ sở một ủy ban nhân dân, người ta nhận ngay thấy sự lộn xộn trong việc xếp đặt bàn giấy: đó ai biết chỗ ông chủ tịch, ông thư ký, ông tài chính ngồi đâu. Nhiều ông chủ tịch ủy ban thường không nhận định những công việc chính của mình phải đem hết tâm lực vào đó, mà thường chỉ dùng thì giờ để xử những vụ kiện vợ vãn, tiếp những không khách vu vơ, hay cặm cụi viết thư, viết báo cáo – việc có thể giao cho người khác làm được. Trong một ủy ban, nhiều khi có người rất rỗi rãi, cả ngày chỉ chạy ra chạy vào cho có chuyện, có người lại bù đầu rối óc vì một mình phải kiêm đến mấy công việc: nào ngoại giao, nào tư pháp, nào tài chính.

Chia công việc không khéo thành ra bao biện: nhiều việc quá thì sao làm được đến nơi đến chốn, vì thì giờ và sức lực người ta chỉ có chừng.

Có kế hoạch làm việc nhưng sắp xếp công việc không khéo, phân công không sáng suốt thì việc cũng đến hỏng. Người nói giỏi lại cho vào việc chỉ cần khéo chân tay, người viết giỏi lại cho làm việc về lao động thì nhất định không thể nào thành công được.

Việc dùng nhân tài, ta không nên căn cứ vào những điều kiện quá khắt khe. Miễn là không phản lại quyền lợi dân chúng, không là Việt gian, thân Pháp, thân Nhật, có lòng trung thành với Tổ quốc là có thể dùng được. Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cất làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy.

Biết dùng người như vậy, ta sẽ không lo gì thiếu cán bộ.

Một điều thiếu sót nữa là trong khi làm công tác, kế hoạch đã sơ sài, phân công đã không sáng suốt, rồi sau khi làm lại không chịu kiểm điểm lại.

Ta thường có tính tới đâu hay đó, xong việc thì thôi không biết ưu điểm hay khuyết điểm của mình, làm như thế mong tiến sao được.

Cán bộ chăm chỉ làm việc chưa đủ, cần phải biết làm việc cho có phương pháp. Phải cần mà phải cần nữa.

Chiến Thắng

(*Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 38-39*)

Bản sao lưu trữ

TINH THẦN TỰ ĐỘNG TRONG ỦY BAN NHÂN DÂN

Tự động là không phải tựa vào ai, là tự mình biết biến báo xoay sở, tự mình biết thực hành công tác theo nhiều hình thức mới mẻ, phong phú.

Nhiều ủy ban nhân dân, một khi nhận được mệnh lệnh gì của cấp trên chỉ cần biết cấm đầu cấm cổ thì hành đúng như vậy, thì hành một cách máy móc. Họ không biết tùy hoàn cảnh địa phương, tùy tình thế từng lúc mà châm chước đi, không biết biến báo, làm khác đi ít nhiều cho được thích hợp. Ví dụ, nhận được chỉ thị phải tổ chức “Tuần lễ vàng”, ủy ban nhân dân xã nọ đã biết chắc làng mình không ai có được một đồng cân vàng hay chỉ có rất ít, mà lại chủ trương chỉ lạc quyên độc một thứ vàng thỏi, thì bảo đào ở đâu ra? Sao không biết quyên thóc, sắt, đồng, nếu làng ấy có nhiều những thứ ấy.

Khi có công tác thì đem thi hành một cách máy móc. Khi làm xong việc lại chỉ ngồi không, không chịu bới việc ra mà làm nữa, cứ ý ra như xe bò lên dốc, không có người đẩy là y như đứng lại.

Nhiều ủy viên trong các ủy ban, đã được phân công rõ ràng, đã nhận phụ trách một việc nhất định, không biết xoay xỏa nghĩ cách thực hành công tác mình cho có hiệu quả, lại nhất nhất điều gì cũng chỉ đòi hỏi chủ tịch hay thượng cấp, không biết tự quyết, tự định cái gì, như vậy làm sao công tác phát triển được. Có mắt ta phải trông, có óc ta phải nghĩ, có tay ta phải làm chứ.

Nhưng tự động không phải là tự tiện. Nhiều bạn lại hiểu nghĩa tự động sai lạc hẳn đi, không coi kỷ luật chính trị vào đâu, muốn làm gì là cứ tự ý làm bừa đi, chẳng bàn hỏi thảo luận với ai, không theo pháp luật Chính phủ ban hành, không dựa vào ý nguyện dân chúng. Những ca bắt bớ, tịch thu tài sản bừa bãi thường xảy ra ở nhà quê.

Hành động như vậy, các ủy ban đó đã vô tình gây nên nhiều chuyện có hại đến uy tín của Chính phủ, làm cho dân chúng oán thán kêu ca.

Nói tóm lại, các nhân viên trong các ủy ban nhân dân phải rèn cho có một tinh thần tự động mạnh mẽ, nhưng phải bỏ tính cái gì cũng tự tiện

Chiến Thắng

(*Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 40-41*)

SAO CHO ĐƯỢC LÒNG DÂN :

Ta nhận thấy xung quanh các ủy ban nhân dân, một vài nơi tiếng phàn nàn oán thán nhiều hơn tiếng người khen. Dân chúng ta tín nhiệm ở Chính phủ Trung ương nhiều hơn các ủy ban địa phương.

Những ủy ban đó không những được dân yêu, còn bị dân khinh, dân ghét là khác nữa.

Thứ nhất dân ghét các ông chủ tịch, các ông ủy viên vì cái tật nông nghênh cây thế cây quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm bắt được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng, có được mấy khẩu súng trong túi lúc nào cũng lăm le muốn bắn, đeo chiếc kiếm bên mình lúc nào cũng chỉ chực muốn chặt người ta. Người ta còn bĩu môi nói đến bà “phủ trưởng” nọ bận quần áo chèn, tóc cắt ngắn cưỡi ngựa đi rong khắp chỗ mà chẳng có việc gì, người ta còn thì thào chỉ chỗ ông tỉnh trưởng kia vác ô tô đưa bà “tỉnh trưởng” đi chơi mát mỗi buổi chiều.

Từ chỗ nông nghênh xa phí đó rất dễ đi đến chỗ ỷ thế cây quyền, làm nhiều điều quá tệ. Thậm chí có ông tư pháp khi xử kiện bắt tội nhân quỳ trước thêm đánh đập, chửi mắng tội nhân, hách dịch đúng như những “ông quan”, “ông thanh tra” dưới thời Pháp thuộc, Nhật thuộc!

Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề đau khổ đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý.

Ngoài ra, đối với tất cả mọi người trong các tầng lớp nhân dân chúng ta phải có một thái độ mềm dẻo khôn khéo, biết nhân nhượng, biết trọng

phân cách người ta. Phải tỏ cho mọi người biết rằng công việc là công việc chung, thiếu người ra gánh vác thì mình ra, nếu có người thay mình sẽ nghỉ để làm việc khác, sẵn sàng nhường lại cho ai muốn làm và làm được.

Nói tóm lại, muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thầy, phải có một tinh thần trí công vô tư.

Chiến Thắng

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, T4, Tr: 47 – 48)

Bản sao lưu trữ

BỎ CÁCH LÀM TIỀN ẤY ĐI

Một ông chủ tịch ủy ban dân xã nọ, sang dự cuộc hội họp tại một thôn bên cạnh, nhân nói chuyện về những việc cải cách trong làng mình lại khoe rằng thôn ông trong tháng vừa qua đã bán thứ vị như chánh phó lý, khám thủ, v.v... và đã thu được một món tiền khá lớn!

Thật là trái ngược! Nói một hội đồng kỳ mục cũ làm tiền cho dân bằng cách bán thứ vị, còn nghe được. Một ủy ban nhân dân tổ chức theo một tinh thần dân chủ mới, rất cấp tiến lại đi làm tiền theo một phương pháp cũ rích chả có ý nghĩa gì, có ảnh hưởng xấu vô cùng là khác.

Các ông nói: miễn sao có tiền cho dân là được?

Không được! Tiền là mạch máu cho mọi công việc, tiền là cần thật nhưng không phải về cần tiền mà cứ đi đề đầu bó cổ hay dùng những thủ đoạn không chính đáng để vơ vét lấy tiền.

Làm tiền bằng cách bán ngôi thứ tức là gây cho dân chúng có óc hiểu danh, trong khi cần phải trè tiết óc đó để gây cho mọi người có óc thiết thực, góp sức vào công cuộc giữ gìn và xây dựng đất nước.

Trong lúc xung quanh mình, người ta mở ngày Vàng, ngày Văn hóa, diễn kịch để lấy tiền giúp quỹ này, quỹ khác, ủy ban nọ còn quay lại lối làm tiền cũ rích, bán ngôi thứ. thật đã tỏ rõ một khối óc độc sệt. Những cuộc “làm tiền” phải đem theo nó một ý nghĩa tuyên truyền nữa mới được. Sao cho người ta nhận thấy rằng đồng tiền của người ta bỏ ra là một viên gạch để góp vào việc xây đắp nền móng quốc gia.

Bán ngôi thứ làm cho óc người ta đen tối thêm! Tiền lấy như vậy cũng là một thứ tiền phi nghĩa.

Lòng sốt sắng làm tiền cho dân của ông chủ tịch nọ đáng hoan nghênh thật, nhưng cách làm tiền của ông có hại cho sự tiến hóa của dân, cần phải bỏ ngay đi, cũng như cần phải phải hết những hủ tục khác: làm rượu ăn mừng được bầu vào ủy ban, dùng chữ nho trong những tờ thông đạt, v.v...

Chiến Thắng

(*Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4, Tr: 54-55*)

THƯ GỬI ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC KỲ, TỈNH, HUYỆN VÀ LÀNG

Hỡi các bạn!

A. Nước ta bị Tây áp bức hơn 80 năm và bốn, năm năm bị Nhật áp bức.

Dân ta đói rét, khổ sở, không thể nói xiết. Ngày nay nhớ lại, còn rất đau lòng.

Nhờ dân ta đoàn kết một lòng và Chính phủ lãnh đạo khôn khéo, mà chúng ta bẻ gãy xiềng xích nô lệ, giành được độc lập tự do.

Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có quyền Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì.

B. Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc. Trong việc kiến thiết nước nhà, sửa sang mọi việc, phải làm dần dần, không thể một tháng, một năm mà làm được hết. Song ngay từ bước đầu, chúng ta phải theo đúng phương châm.

Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta.

C. Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ, và rất được lòng nhân dân. Song cũng nhiều người phạm những lầm lỗi rất nặng nề. Những lầm lỗi chính là:

1. Trái phép- Những kẻ Việt gian phản quốc, chúng cố rõ ràng thì phải trừng trị đã đành, không ai tránh được.

Nhưng cũng có lúc vì tư thù tư oán mà bắt bớ và tịch thu làm cho dân oán thán.

2. Cậy thế- Cậy thế mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân.

3. Hủ hóa- Ăn muốn cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng mạn, thử hỏi tiền bạc ấy ở đâu ra?

Thậm chí lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức. Ông ủy viên đi xe hơi, rồi bà ủy viên, cho đến các cô các cậu ủy viên, cũng dùng xe hơi của công. Thử hỏi những hao phí đó ai phải chịu?

4. Tư túng- Kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài cán gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai.

5. Chia rẽ- Bệnh vực lớp này, chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân nhượng lẫn nhau, hòa thuận với nhau. Thậm chí có đôi nơi để đất ruộng bỏ hoang, nông gia ca thán. Quên rằng lúc này ta phải toàn dân đoàn kết, không gia già trẻ, giàu nghèo để giữ nền độc lập, chống kẻ thù chung.

6. Kiêu ngạo- Tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. Coi khinh dân gian, nói phô, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng” lên. Không biết rằng, thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến oai tín của Chính phủ.

D. Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi

trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung.

Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà, mà tôi phải nói. Chúng ta phải ghi sâu những chữ “công bình, chính trực” vào lòng.

Mong các bạn tiến bộ.

Hồ Chí Minh

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 56-58)

Bản sao lưu trữ

NHÂN TÀI VÀ KIẾN QUỐC

Sau 80 năm bị bọn Pháp thực dân giày vò, nước Việt Nam ta cái gì cũng kém cỏi, chỉ có lòng sốt sắng của dân là rất cao. Nay muốn giữ vững nền độc lập thì chúng ta phải đem hết lòng hăng hái đó vào con đường kiến quốc. Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi. Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều.

Chúng ta cần nhất bây giờ là:

Kiến thiết ngoại giao

Kiến thiết kinh tế

Kiến thiết quân sự

Kiến thiết giáo dục.

Vậy chúng tôi mong rằng đồng bào ta ai có tài năng và sáng kiến về những công việc đó, lại sẵn lòng hăng hái giúp ích nước nhà thì xin gửi kế hoạch rõ ràng cho Chính phủ. Chúng tôi sẽ nghiên cứu kế hoạch ấy một cách kỹ lưỡng có thể thực hành được thì sẽ thực hành ngay.

Hồ Chí Minh

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr:99)

THÔNG ĐẠT

Hà Nội, ngày 3 tháng 1 năm 1946

Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa

Gửi các ông Bộ trưởng.

Xét rằng một vài công sở đã tự tiện hủy bỏ hay bán các công văn và hồ sơ cũ. Hành động ấy có tính cách phá hoại, vì sẽ làm mất những tài liệu có giá trị đặc biệt về phương diện kiến thiết quốc gia.

Vậy yêu cầu các Bộ trưởng ban chỉ thị cho nhân viên các sở phải giữ gìn tất cả các công văn, tài liệu và cấm không được hủy những công văn, tài liệu ấy nếu không có lệnh trên rõ rệt cho phép hủy bỏ.

Xin nhắc rằng những hồ sơ hoặc công văn không cần dùng sau này sẽ phải gửi về những sở lưu trữ công văn thuộc Bộ Quốc gia giáo dục để tàng trữ.

Những viên chức không tuân lệnh này sẽ bị nghiêm nghị.

Hồ Chí Minh

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 144)

BÀI PHÁT BIỂU TẠI CUỘC HỌP ĐẦU TIÊN CỦA ỦY BAN NGHIÊN CỨU KẾ HOẠCH KIẾN QUỐC

Chúng ta đã hy sinh phấn đấu để giành độc lập. Chúng ta đã giành được rồi. Và đang lo củng cố. Lúc này chúng ta có hai nhiệm vụ là kháng chiến và kiến quốc. Các chiến sĩ đã hy sinh cho cách mạng thành công và đang hy sinh để giữ vững đất nước. Còn các ngài, đã đem tài năng trí thức lo bồi bổ về mặt kinh tế và xã hội. Các ngài xứng đáng là những chiến sĩ xung phong. Tôi mong rằng các ngài cũng sẽ đem hết tài năng và trí thức giúp cho Chính phủ về mặt kiến thiết. Các ngài sẽ là những cố vấn có kinh nghiệm, có tài năng của Chính phủ. Chúng ta cố thực hiện khẩu hiệu kháng chiến, kiến quốc để thực hiện: Có sức giúp sức, có tài năng giúp tài năng.

Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích chúng ta đi đến là 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập.

Các ngài làm cố vấn cho Chính phủ, nghĩ ra kế hoạch cũng là hy sinh, phấn đấu và quyết tâm. Muốn làm tròn bốn phận, chúng ta nên lợi dụng mấy khẩu hiệu của người Trung Hoa.

1. Khổ cán.

2. Hạnh cán.

3. Thực cán¹.

Thực hiện được những khẩu hiệu ấy, trong công việc giữ gìn độc lập, tự do cho nước nhà, các ngài sẽ phải gánh một gánh nặng rất nặng nề và sự thành công của các ngài cũng sẽ rất lớn lao. Tôi tin rằng với kinh nghiệm, với học thức, với sự quyết tâm của các ngài, việc kháng chiến nhất định thành công và nền tự do, độc lập nhất định vững vàng.

Kiến quốc thành công.

Việt Nam độc lập muôn năm.

(*Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 152-153*)

¹ Khổ cán, hạnh cán, thực cán: làm việc hết sức mình, làm việc chất lượng, làm việc có hiệu quả, có năng suất.

LỜI KHUYÊN ANH EM VIÊN CHỨC¹

Anh em viên chức hiện giờ đang gặp nhiều nỗi khó khăn vì giá sinh hoạt đắt đỏ. Nhưng ta chớ nên quên rằng nhà đang ở thời kỳ kháng chiến. Anh em viên chức, cũng như toàn thể quốc dân, muốn qua được bước khó khăn hiện tại, phải biết hy sinh một chút về tinh thần để tham dự vào công cuộc kiến quốc. Có chịu kham khổ bây giờ, mai sau mới được hưởng nhiều quyền lợi. Vậy để giúp công việc Chính phủ một cách đắc lực, để nâng cao tinh thần kháng chiến, anh em viên chức bây giờ phải có 4 đức tính là: cần, kiệm, liêm, chính. Cần, anh em viên chức phải tận tâm làm việc, một người làm bằng hai, ba người. Và phải tôn trọng kỷ luật. Anh em phải theo nguyên tắc là có việc mới cần đến người, chứ không phải có sẵn người nên phải tìm việc cho làm. Kiệm, phải biết tiết kiệm đồng tiền kiếm được, cũng như các vật liệu và đồ dùng trong các sở. Rút bớt hết những sự gì không cần thiết, chớ phap phí giấy má và các thứ của công. Phao phí những thứ đó tức là phao phí mồ hôi nước mắt của dân nghèo. Chớ tưởng tiết kiệm những cái cồng cồng như mẩu giấy, ngòi bút mà không có ảnh hưởng. Một người như thế, trăm người như thế, vạn người như thế, công quỹ đã bớt được một số tiền đáng kể, lấy ở mồ hôi nước mắt dân nghèo mà ra.

Có cần, có kiệm, không tiêu đến nhiều tiền, anh em viên chức mới có thể trở nên liêm, chính để cho người ngoài kính nể được.

Anh em viên chức phải gạt bỏ hẳn những ý nghĩ trái với 4 nguyên tắc trên do chính sách của bọn thực dân gây nên trong đám công chức thời Pháp và Nhật thuộc.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 158-159)

¹ Bài nói trong cuộc họp giám đốc và chủ tịch các ủy ban công sở Hà Nội, ngày 17-1-1946.

QUỐC LỆNH

Trong một nước thưởng phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công. Vậy Chính phủ ra Quốc lệnh rõ ràng gồm có 10 điểm thưởng và 10 điểm phạt, cho quân dân biết rõ những tội nên tránh, những việc nên làm.

I. Thưởng

1. Nhà nào có 3 con tòng quân sẽ được thưởng.
2. Ai lập được quân công sẽ được thưởng.
3. Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng.
4. Ai ra trận can đảm phi thường sẽ được thưởng.
5. Ai làm việc công một cách trong sạch, ngay thẳng sẽ được thưởng.
6. Ai làm việc gì có lợi cho nước nhà, dân tộc và được dân chúng mến phục sẽ được thưởng.
7. Ai bỏ tiền ra xây đắp cầu cống, đê, đường sẽ được thưởng.
8. Ai bắt được những kẻ phản quốc sẽ được thưởng.
9. Ai liêu minh về việc công sẽ được thưởng.
10. Ai cứu được người bị nạn sẽ được thưởng.

II. Phạt

1. Thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử.
2. Trái quân lệnh sẽ bị xử tử.
3. Ra trận tự ý rút lui sẽ bị xử tử.
4. Tự ý phá hoại giao thông sẽ bị xử tử.
5. Phá hoại quân khí sẽ bị xử tử.

6. Để cho bộ đội hại dân sẽ bị xử tử.
7. Vô cớ sát hại kiều dân ngoại quốc sẽ bị xử tử.
8. Trộm cắp của công sẽ bị xử tử.
9. Hãm hiếp, cướp bóc sẽ bị xử tử.
10. Can tội bắt cóc, ám sát sẽ bị xử tử.

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 1946

**Chủ tịch Chính phủ Việt Nam
Dân chủ Cộng hòa
Hồ Chí Minh**

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 163-164)

LỜI PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP BẾ MẠC KỶ HỌP THỨ HAI QUỐC HỘI KHÓA I NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Hơn 10 ngày nay, các đại biểu đã khó nhọc làm việc. Quốc hội đã thu được một kết quả làm vẻ vang cho đất nước là đã thảo luận trong bản Hiến pháp. Sau khi nước nhà mới tự do được 14 tháng đã làm thành được bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà. Bản Hiến pháp đó còn là một vết tích lịch sử Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông này nữa. Bản hiến pháp đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của giai cấp.

Chính phủ cố gắng làm theo đúng ba chính sách: Dân sinh, Dân quyền và Dân tộc.

Chúng ta không mong gì hơn nhưng chúng ta không chịu gì kém. Quốc hội đã thông qua bản Luật Lao động. Kiến thiết phải sản xuất. Sản xuất phải cần có sức lao động.

Chính phủ cảm ơn các đại biểu về những công tác đã qua. Và nhờ các đại biểu giúp những công tác sắp tới.

Chính phủ nhờ các đại biểu làm cho sự liên hiệp quốc dân mỗi ngày một thêm vững, một lan rộng hơn nữa. Các đại biểu thực hiện đời sống mới khắp các nơi. Và khuyên nhân dân tăng gia sản xuất, di học các lớp bình dân học vụ.

Toàn cả nhân dân và Chính phủ nhất trí, chúng ta thế nào cũng đạt được độc lập, thống nhất, nước mạnh, dân giàu.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 440-441)

TÌM NGƯỜI TÀI ĐỨC

Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức.

E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận.

Nay muốn sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân; thì phải báo ngay cho Chính phủ biết.

Báo cáo phải nói rõ: tên, tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó.

Hạn trong một tháng, các cơ quan địa phương phải báo cáo cho đủ.

**Chủ tịch Chính phủ Việt Nam
Hồ Chí Minh**

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T.4. Tr: 451)

BÀI NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC HỘI NGHỊ CÁN BỘ CỦA ĐẢNG LẦN THỨ 6

Lần này, Hội nghị có đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc và cán bộ cao cấp của Đảng trong chính quyền, quân sự, kinh tế, tài chính, đảng vụ, dân vận, kiểm tra, v.v... về tự do, đó là một điểm tốt.

Những vấn đề thảo luận thì nhiều, nhưng đều hướng vào một đường đi: kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng đã định, ta nhằm vào phương hướng ấy mà đi, thế nào ta cũng đi tới đích.

Năm nay, những việc chúng ta phải làm là:

1. Đẩy tới quân sự, kháng chiến trên hết, quân sự trên hết. Mọi việc phải nhằm vào điểm làm cho kháng chiến thắng lợi.

2. Chấn chỉnh bộ máy chính quyền từ dưới lên trên, bắt đầu từ xã; dưới làm lên trên, trên làm xuống dưới, tự nhiên mọi việc sẽ thành.

3. Làm ra nhiều, chi dùng ít. Không cần thì không chi dùng. Đó là tất cả chính sách kinh tế, tài chính của ta.

4. Chinh dốn các đoàn thể quần chúng. Ta thắng lợi là nhờ dân mà hiện giờ nhiều đoàn thể dân chúng còn rất kém.

5. Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh dốn nội bộ Đảng. Phải nêu ra những việc chính, nắm lấy đó mà làm.

Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc trên ví như những ngọn đèn, máy lạnh, thì đèn sáng.

Trong Đảng, có những việc khẩn yếu như:

a. Ta thiếu nhiều cán bộ quá: phải đào tạo huấn luyện cho dần dần có đủ. Muốn có nhiều cán bộ, Đảng phải giúp đỡ cho cán bộ tự học tập. Đảng

đã giúp, cán bộ phải chịu khó học. Đồng chí ta nhiều người kinh nghiệm thực hành khá, nhưng về căn hóa thì ít. Những đồng chí trí thức đọc nhiều nhưng không có kinh nghiệm công tác, chưa quen nền nếp làm việc của Đảng.

Vậy phải nâng cao lý luận cho các bộ cũ và dạy cho cán bộ trí thức làm công tác quần chúng.

b. Lỗi làm việc trong Đảng hiện nay mắc hai khuyết điểm:

- Cán bộ cũ làm việc theo lối thủ công nghiệp.

- Cán bộ mới làm việc theo lối khoa học nhưng lại quá trốn, không hợp với hoàn cảnh kháng chiến.

Phải sửa chữa lối làm việc cho hợp lý, vừa với điều kiện của ta, đừng phạm vào hình thức, máy móc.

c. Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Đồng chí ta nhiều người đã làm được nhưng vẫn còn những người hủ hóa. Đảng có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó.

Hồ hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã. Đồng chí ta phải học lấy 4 đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính.

Muốn làm cách mạng, phải cải cách tính nết mình trước tiên.

d. Đồng chí ta, tuy có khi khác nhau về chủng tộc, về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng, chung khổ, cho nên phải thật thà đoàn kết. Muốn đi tới mục đích không phải chỉ tổ chức là đủ, phải chân thành trong tư tưởng nữa.

Ta có hai cách để thực hiện thống nhất tư tưởng, đoàn kết nội bộ là: Phê bình và tự phê bình.

Từ trên xuống dưới ai nấy đều phải dùng nó để càng ngày càng đoàn kết, tiến bộ.

đ. Giữ kỷ luật

Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng.

*

* *

Ta họp trong lúc phong trào cách mạng thế giới đang tiến triển rất mau, nhất là cuộc thắng lợi của nhân dân và Đảng Trung Quốc.

Về thành tích thì Đảng ta là Đảng đầu tiên ở Đông – Nam Á giành được chính quyền. Nói như thế không phải để tự cao, tự đại, mà để cố gắng làm tròn trách nhiệm.

Thế giới ngót 2.000 triệu người, số đảng viên cộng sản có trên 20 triệu, đồ đồng cứ 100 người dân là có một người cộng sản. Ở Đông Dương, theo số liệu hiện nay, cứ 112 người dân là có một người cộng sản. Đó là một điều đáng mừng. Nếu ai cũng làm được đầy đủ nhiệm vụ thì kháng chiến nhất định chóng thành công.

Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm!

Cách mạng thế giới thành công muôn năm!

(Nguồn: *Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T4. Tr: 551-552*)

BÀI NÓI CHUYỆN VỚI CÁN BỘ TỈNH THANH HÓA

CÁN BỘ

A- Cán bộ là gì?

Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được.

B- Vậy cán bộ phải có đức tính thế nào?

1. Mình đối với mình: Đừng tự mãn, tự túc; nếu tự mãn, tự túc thì không tiến bộ. Phải tìm học hỏi cầu tiến bộ. Đừng kiêu ngạo; học lấy điều hay của người ta. Phải siêng năng tiết kiệm.

2. Đối với đồng chí mình phải thế nào? Thân ái với nhau, nhưng không che đậy những điều dở. Học cái hay sửa chữa cái dở. Không nên tranh giành ảnh hưởng của nhau. Không nên ghen ghét đố kỵ và khinh kẻ không bằng mình. Bỏ lối hiếu danh, hiếu vị. Thí dụ: một anh nói giỏi một anh không, khi ra quần chúng anh nói kém anh nói giỏi lên nói sẽ được công chúng vỗ tay hoan nghênh lẫn ảnh hưởng mình đi, nên không cho anh nói giỏi lên nói.

3. Đối với công việc phải thế nào? Trước hết, phải nghĩ cho kỹ. Có việc làm trước mắt thành công nhưng thất bại về sau. Có việc địa phương này làm có lợi nhưng hại cho địa phương khác. Những cái như thế phải tránh. Thí dụ: đối với tù binh Pháp nếu mình giết thì they dân chúng hoan nghênh, nhưng thế giới sẽ cho mình dã man, bất lợi ngoại giao. Phải có kế hoạch bước đầu làm thế nào? Bước thứ hai làm thế nào? Bước thứ ba làm thế nào? Thành công thì thế nào? Nếu thất bại thì thế nào? Mỗi ngày lúc

sáng dậy, tự hỏi mình ngày hôm nay phải làm gì? Tối đi ngủ phải tự hỏi mình ngày hôm nay đã làm gì? Phải cẩn thận, cẩn thận không phải là nhút nhát do dự.

4. Đối với nhân dân: Phải nhớ Đoàn thể làm việc cho dân, Đoàn thể mình mạnh hay yếu là ở dân. Dân nghe theo là mình mạnh. Hiểu nguyện vọng của dân, sự cực khổ của dân. Hiểu tâm lý của dân, học sáng kiến của dân. Nhưng có những việc dân không muốn mà phải làm như tàn cư, nộp thuế, những việc ấy phải giải thích cho dân rõ. Phải tôn kính dân, phải làm cho dân tin, phải làm gương cho dân. Muốn cho dân phục phải được dân tin, muốn cho dân tin phải thanh khiết.

5. Đối với Đoàn thể: Trước lúc mình vào Đoàn thể nào phải hiểu rõ Đoàn thể ấy là gì? Vào làm gì? Mỗi đoàn thể phải vì dân vì nước. Khi vào Đoàn thể, tự do cá nhân phải bỏ. Phải tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của Đoàn thể. Phải tuyệt đối trung thành. Khi bình thời phải hết sức làm việc. Khi nguy hiểm phải hy sinh vì Đoàn thể. Hy sinh tính mạng, lợi quyền, giữ danh giá của Đoàn thể. Muốn giữ danh giá của Đoàn thể phải giữ danh giá mình. Không được báo cáo láo như: Làm thành một việc thì phóng đại, thất bại thì giấu di.

Một Đoàn thể mạnh thì cái tất càng ngày càng phát triển, cái dở càng ngày càng bớt đi. Một điều tất phải đưa ra tất cả mọi người cùng học, một điều xấu phải đưa ra tất cả mọi người cùng biết mà tránh.

KHÁNG CHIẾN

Hai hòn đá cùng chọi nhau thì hai hòn cùng vỡ, hai cái trứng cùng chọi nhau thì hai cái cùng vỡ. Phải một cái cứng, một cái mềm thì khi chọi nhau một cái mới còn. Nên hai bên cùng dùng mưu trí.

Pháp có xe tăng, đại bác, thì ta phá đường. Pháp có máy bay thì ta đào hầm.

Pháp muốn đánh chớp nhoáng thì ta kéo dài. Nhất định ta thắng!

BÀI NÓI CHUYỆN VỚI CÁC ĐẠI BIỂU THÂN SĨ TRÍ THỨC, PHÚ HÀO TỈNH THANH HÓA

Lần này là lần đầu tiên tôi đến thăm Thanh Hoá, được các ngài tới dự đông đúc, tôi lấy làm hân hạnh. Trước tôi tới thăm đồng bào, sau là tôi có nhiệm vụ báo cáo công việc kháng chiến. Đây tuy chưa phải chiến tranh, nhưng ai cũng biết nước ta có chiến tranh, nói gần thì từ ngày 19-12 năm ngoái, xa thì từ ngày 23-9 năm kia. Chắc ai cũng biết rằng ta không muốn chiến tranh, nhưng Pháp muốn gây chiến tranh với nước ta, nên ta phải đánh.

Từ Nam chí Bắc, từ già tới trẻ, từ các dân tộc miền xuôi đến miền ngược, tất cả công dân nước Việt Nam đều phải góp sức đánh thực dân Pháp. Hẳn ta muốn hoà bình, nhưng thực dân Pháp muốn chiến tranh thì ta phải đánh đến cùng và biết cách đánh. Phải tri bỉ, tri kỷ(l), tình hình Pháp thế nào ta phải biết để đối phó.

Ở Pháp: Kinh tế khó khăn, phải vay một triệu tấn lúa mì Mỹ; mỗi tháng thiếu 1 triệu tấn than, nhiều nhà máy đóng cửa. dân đói rét, chứ tình hình không sáng sủa gì.

Chính trị: Từ ngày nhờ Đồng minh thoát khỏi ngoại xâm, thì cũng lồi thòi. Hai năm mới có một Chính phủ mà tả kéo về tả, hữu kéo về hữu. Nhân dân Pháp thì họ đối với Việt Nam thế nào? 56% hoà bình, 34% muốn đánh.

Tuy thế nhưng ta không nên khinh địch, thực dân còn mạnh, còn tàu bay tàu bò, còn viện binh; ta thì thiên thời, địa lợi, nhân hoà, ta đủ để thắng nó.

Thiên thời: ít tháng nữa, trời nóng nực, Pháp không chịu nổi khí hậu, sẽ ngại dân, từ Nam chí Bắc đi tới đâu chỉ có tro tàn gạch vụn. Pháp đánh ban ngày nhưng ta lại đánh ban đêm.

Địa lợi: Ta ở đất ta, Pháp không quen đường đi.

Nhân hòa: Trừ một số Việt gian, còn 25 triệu dân ta đều muốn tự do.

Còn dư luận ở Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Dương, Miến Điện, Tân Gia Ba, đều cho là chính nghĩa, mà đến Pháp cũng đa số ngả về ta.

Cả ba: Thiên thời, địa lợi, nhân hoà đều lợi cho ta. Những cái lợi cho ta là hại cho địch, mà lợi cho địch là hại cho ta.

Địch có tàu bay, tàu bò, tàu thủy nhưng nó có chùng nên nó muốn đánh chớp nhoáng. Sét đánh không trúng, chớp soi không thấu thì hết cơn sấm sét là yên.

Nhưng trong khi sấm sét thì ghê gớm lắm. Nó có thể dùng viện binh để đánh ta. Nó có thể đánh tràn, nhưng số viện binh đó không thể tập trung vào một nơi cho nên nó không làm gì được ta. Nếu nó rải rác từ Nam Quan đến Cà Mau cũng chẳng làm gì được ta, ta càng dễ đánh. Nó dùng vũ khí tối tân thì ta đánh du kích, nó trên trời thì ta dưới đất. Ta trường kỳ kháng chiến thì ta thắng lợi.

Địch muốn làm cho chóng, muốn thắng nó ta phải toàn diện kháng chiến, toàn dân kháng chiến. Nó muốn thắng, nó chia rẽ ta cho lương ghét giáo, giáo ghét lương, xui Nam Bộ ghét Bắc Bộ.

Bây giờ nó lấy vũ lực ta không sợ. Nó lấy chính trị, ta không mắc mưu. Nó lấy kinh tế phong toả, thì ta lấy kinh tế ta đánh nó. Ta tăng gia sản xuất. Ta lợi hơn nó là nó không thể kéo dài được, mà ta thì có thể kéo dài.

Bây giờ ta đã biết mưu mẹo của nó. Ta thử xem kinh nghiệm lúc xưa, tổ tiên ta, đức Lê Lợi, Hưng Đạo trong cuộc chiến đấu nhiều trận thắng, cũng nhiều trận bại, nhưng rồi ta vẫn thắng, vì kiên gan và có sức đoàn kết. Khi kháng chiến rất cực khổ, rất gay go, rất khó khăn, nhưng sẽ thắng lợi.

Trước lúc tôi tới đây, tôi đã được thư cụ Lê Thuộc nói về công việc kiến thiết tỉnh Thanh Hoá thành một tỉnh kiểu mẫu. Trong lúc đang phá hoại nhà cửa, đường sá mà lại nói đến kiến thiết thì có trái nhau không? Không trái nhau, muốn kiến thiết phải phá hoại. Phá hoại để đấu tranh thắng lợi rồi mới kiến thiết.

Nay tôi xin có mấy ý kiến, xin cống hiến về việc kiến thiết. Một tỉnh mô phạm¹, chẳng những mô phạm ở một mặt mà phải ở nhiều mặt; kháng chiến khắp mọi mặt, kiến thiết khắp mọi mặt.

¹ Một tỉnh gương mẫu, kiểu mẫu (B.T)

Tỉnh Thanh Hoá theo tôi, muốn trở thành một tỉnh kiểu mẫu, nhất định được, vì người đông, đất rộng, của nhiều, chỉ còn thiếu sự điều khiển sắp đặt. Có ruộng phải cày cho có lúa, có người nhưng phải phân phối thế r.ào.

Nay tôi xin nói về từng ngành một:

Văn hoá: Không phải tôi chỉ nói điều tốt, điều hay, mà cũng phải nói sự thật, nói thực hay mất lòng.

Tỉnh Thanh Hoá có tiếng là văn vật, nhưng nay xét số người biết chữ còn ít hơn số người chưa biết chữ. Ngày xưa di học biết chữ nho còn hàng 10 năm mới đọc được, chứ nay chữ quốc ngữ chỉ ba tháng mà còn nhiều người chưa biết chữ. Cái đó các nhà văn hoá phải chịu một phần trách nhiệm. Tôi có ý kiến ra kỳ hạn trong một năm phải thanh toán cho xong nạn mù chữ, các ngành thấy có được không?

Chẳng những chỉ biết chữ mà còn phải học đạo đức công dân, phổthông chính trị. Thứ hai, còn cần phải mở mang lớp trung học. Người già thì chết, người trẻ thì già. Chúng ta già thì chúng ta phải chết, ta phải chuẩn bị cán bộ. Trước học một đường, hành một nẻo. Nay phải sửa chương trình làm sao để học thì hành được ngay.

Đồng bào bây giờ phải biết chữ hết để trả lời cho thế giới biết nước ta là nước văn minh, ai cũng biết chữ.

Quân sự: Phá hoại triệt để, đào hầm trú ẩn để tránh nạn tàu bay. Đường sá, đường cái, đường xe lửa phải phá hoại hết. Những nhà cửa chắc chắn khi phá thì tiếc, nhưng nếu không phá thì khi giặc tới, nó lấy đặt đại bác thì nguy. Nhưng chỉ phá không thì nó cũng đánh được ta. Nói tiêu cực và tích cực, phá hoại là tiêu cực nhưng phải làm cả tích cực nữa. Ta phải tổ chức du kích, nó thò ra đầu ta đánh đó. Có người hỏi lấy súng đầu? Đánh du kích hễ có gì cũng được, súng chìm, song kíp, gậy, cày, cuốc.

Tóm lại:

1. Phá hoại.
2. Tổ chức du kích.
3. Đối với chiến sĩ đã lâm trận hay sẵn sàng lâm trận, những người ấy đã hy sinh cho Tổ quốc thì đồng bào phải giúp đỡ cho gia đình.

Chính trị: Cái sức mạnh vô địch mà ta có thể thắng quân địch giành độc lập thống nhất là sự đoàn kết.

Ngày xưa có những sự xích mích phe phái, nhưng ngày nay Tổ quốc lâm nguy mà chia rẽ thì bất lợi.

Ta có cái thù chung là bọn cướp nước thì dù có cái thù hiểm riêng cũng phải bỏ hết. Bỏ thù riêng để trả thù chung, đó là giành thắng lợi.

Hành chính: Chính phủ Cộng hoà Dân chủ là gì? Là dây tổ chung của dân, từ Chủ tịch toàn quốc đến làng. Dân là chủ thì Chính phủ phải là dây tổ. Làm việc ngày nay không phải là để thăng quan, phát tài nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ. Nhưng khi dân dùng dây tổ làm việc cho mình, thì phải giúp đỡ Chính phủ. Nếu Chính phủ sai thì phải phê bình, phê bình nhưng không phải là chửi.

Từ ngày thành lập Chính phủ, trong nhân dân còn có nhiều khuyết điểm.

Có người làm quan cách mạng, chợ đỏ chợ đen, khinh dân, mưu vinh thân, phì gia¹. Từ một năm nay, nội hoạn ngoại xâm không lúc nào không có, nên còn nhiều việc đáng làm cho Chính phủ Trung ương không làm được. Có nhiều cái biết là hay, nhưng còn việc gấp phải làm gấp cái đã.

Xin đồng bào hãy phê bình, giúp đỡ giám sát công việc Chính phủ. Còn những việc làm, mà chưa làm được thì xin đồng bào nguyên lượng. Vì nếu có nấu cơm cũng 15 phút mới chín, hướng chỉ là sửa chữa cả một nước đã 80 năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ thì cũng vài ba giờ mới xong².

Tóm lại chính trị là:

1. Đoàn kết;
2. Thanh khiết từ to đến nhỏ;

Kinh tế: Thực dân Pháp phá kinh tế của ta, phong toả cả trong và ngoài. Ta phải làm tự cấp tự túc, dù nó có phong toả 10 năm, 15 năm ta cũng không sợ. Muốn tăng gia sản xuất phải làm thế nào? Không phải

¹ Mưu làm giàu cho gia đình mình, cho bản thân mình có quyền thế B.T)

² Nội hoạn: Nỗi lo ở bên trong, nguy cơ ở bên trong (B. T).

Chính phủ bỏ 10 - 15 triệu để mở lò máy, làm cái này cái khác. Phải đem hết sức dân, tài dân, của dân làm cho dân. Trước kia, sức dân, của dân làm lợi cho đế quốc, nay đem làm lợi cho dân.

Ban tăng gia sản xuất phải giúp đỡ cho đồng bào, bày kế hoạch cho đồng bào làm thế nào cho đỡ tốn mà lợi nhiều. Thí dụ: một làng dệt vải 10 khung, 10 nhà, tốn dầu, tốn công đánh suốt, nay tổ chức lại làm một nhà dờ dền dầu, v.v...

Về tăng gia sản xuất không phải đại diện chủ, đại thương gia, ai cũng có thể làm được. Thí dụ: một em chăn bò mà chăn cho bò ăn, tìm chỗ có cỏ cho bò ăn, một em bé đi học, trước nó vẽ nhảm vào vở nay nó biết tiết kiệm giấy, trước viết bút chì sau sẽ viết bút mực, đó cũng là tăng gia sản xuất. Một bên cần, một bên kiệm, ở ta nói là mới nhưng thực ra nó rất xưa, ở sách Đại học³ có câu "Làm cho nhiều, tiêu thì ít, làm chóng tiêu chậm, tức là dầy đủ". Nghèo trở nên đủ, đủ trở nên giàu thì giàu thêm.

Nay phải đem ra mà làm ở nhà mình, tỉnh mình, nước mình. Làm cho mình khỏi đói rét, đồng bào mình khỏi đói rét tức là kháng chiến. Thêm một điều nữa: Hiện nay ta đang kháng chiến, từ đây ra Bắc có những nơi, thành thị thành chiến tuyến, có nhiều đồng bào tản cư không chịu ở lại với Pháp mà đi rất cực khổ, phần đông tay không chân rời. Ở Hà Nội có nhiều người tay mình đốt nhà mình, phá nhà mình mà đi. Nay đồng bào hậu phương có ăn mà để họ đói, có áo mà để họ rét, có đúng không? Mong đồng bào ủng hộ đồng bào đó, giúp đỡ đồng bào tản cư tức là giúp đỡ kháng chiến, giúp cho kẻ có vốn để có thể tự lực được kẻ không vốn thì giúp họ có công ăn việc làm, chỗ ở. Theo ý tôi, Thanh Hoá có 1 triệu dân. mỗi gia đình có 10 người tức là có 10 vạn gia đình. Mỗi gia đình giúp một người tản cư tức là có thể được 10 vạn người hay bớt đi một nửa là 5 vạn hay ít nữa đi là 2 vạn rưỡi. Tôi mong đồng bào hết sức giúp đỡ đồng bào tản cư.

³ Sách Đại học là một trong 4 bộ sách của Nho giáo mà ở nước ta vẫn gọi là Tứ thư gồm có các sách Luật ngữ, Mạnh Tử, Trung dung và Đại học. Cũng có thuyết coi sách Đại học là một chương của sách Lễ ký (cũng là một cuốn sách của Nho giáo). Ở đây Chủ tịch Hồ Chí Minh nói theo ý một câu trong sách Đại học: "Sinh tài hữu đại đạo: sinh chi giả chúng. thực chi giả quả, vi chi giả tật, dụng chi giả thư, tắc tài hằng túc hỷ". Nghĩa là: [Muốn] làm ra tiền của [cũng phải] có phương sách cơ bản: làm ra thì nhiều, tiêu thụ thì ít làm thì mau chóng, dùng thì thư thả, như thế thì tiền của thường dầy đủ (B. T).

Kết luận

Tỉnh Thanh Hoá phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu, thì phải làm sao cho mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự, phải là kiểu mẫu. Làm một người kiểu mẫu, một nhà kiểu mẫu, một làng kiểu mẫu, một huyện kiểu mẫu, một tỉnh kiểu mẫu. Quyết tâm làm thì sẽ thành kiểu mẫu. Một tỉnh kiểu mẫu, một nước kiểu mẫu, thì thế giới biết nước ta là một nước đáng được độc lập, thống nhất; dân tộc tự do; kháng chiến thắng lợi Tôi kêu gọi đồng bào trong tỉnh xắn tay áo làm đi, lần sau về đây, tôi sẽ thấy mỗi người là một người kiểu mẫu.

(Nguồn: *Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t5, tr: 5*).

Bản sao lưu trữ

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO THIẾU SỐ THANH HÓA

Cùng đồng bào yêu quý,

Tôi đến thăm Thanh Hoá, tôi định lên thăm đồng bào, nhưng có việc gấp phải trở về ngay, chưa lên được. Tôi lấy làm tiếc. Lần sau tôi sẽ lên thăm đồng bào.

Lúc này toàn thể quốc dân đang ra sức chống giặc cứu nước. Tôi chắc đồng bào Thượng du đều ra sức đoàn kết chuẩn bị tham gia giết giặc cứu nước để giữ vững quyền thống nhất độc lập của Tổ quốc. Việc dìu dắt đồng bào Thượng du, tôi trông cậy lòng ái quốc và sự hăng hái của các vị lang đạo.

Tôi gửi lời chúc mừng các vị lang đạo và toàn thể đồng bào mạnh khoẻ.

Chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 21 tháng 2 năm 1947

**Chủ tịch Chính phủ Việt Nam
Dân chủ Cộng hoà**

Hồ Chí Minh

(Nguồn: *Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t5, tr: 272*).

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ BẮC BỘ

Cùng các đồng chí Bắc Bộ,

Tôi không có thì giờ gặp các đồng chí để phê bình, kiểm thảo và bàn bạc công việc chung. Tiếc vì hoàn cảnh không tiện. Vậy tôi có mấy lời dặn các đồng chí như sau, mong các đồng chí chú ý:

1. Trong lúc dân tộc đang ở ngã tư đường, chết hay sống, mất hay còn, mỗi đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích đánh đuổi thực dân Pháp làm cho nước thống nhất và độc lập. Vì vậy, mỗi đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải: Sáng suốt, khôn khéo, cẩn thận, kiên quyết, siêng năng, nhất trí.

2. Cuộc trường kỳ kháng chiến này tức là dân tộc cách mệnh đến trình độ tối cao. Trong lúc này tư tưởng và hành động của mỗi một đồng chí rất có quan hệ đến toàn quốc. Nếu một người sơ suất, một việc sơ suất là có thể hỏng việc to; sai một ly đi một dặm.

Vì vậy, chúng ta phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm sau đây:

a) Địa phương chủ nghĩa

Chỉ chăm chú lợi ích của địa phương mà mình không nhìn đến lợi ích của toàn bộ. Làm việc ở bộ phận nào chỉ biết bênh vực vun đắp cho bộ phận ấy. Do khuyết điểm đó mà sinh ra những việc, xem qua thì như không quan hệ gì mấy, kỳ thực rất có hại đến kế hoạch chung. Thí dụ: muốn lấy tất cả cán bộ và vật liệu cho địa phương mình, không bằng lòng để cấp trên điều động cán bộ và vật liệu đến những nơi cần thiết.

b) Óc bè phái

Ai hẩu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không hẩu với mình thì dù có tài cũng dìm họ xuống, họ phải máy cũng không nghe.

Đó là một khuyết điểm rất có hại. Nó làm cho Đoàn thể mất cán bộ, kém nhất trí, thường hỏng việc. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm.

c) Óc quân phiệt quan liêu

Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông "vua con" ở đấy, tha hồ hách dịch, hoành hợ. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới cậy quyền lấn áp. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc "ông tướng, bà tướng" ấy đã gây ra ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, Đoàn thể xa nhân dân.

d) Óc hẹp hòi

Chúng ta phải nhớ rằng: người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được.

Tư tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, thì nhiều thù ít bạn. Người mà hẹp hòi ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi không thể phát triển.

e) Ham chuộng hình thức

Việc gì cũng không xét đến kết quả thiết thực, cần kíp, chỉ nhằm về hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai. Thí dụ: ngày nay tập quân sự, cốt là biết bắn súng, dùng dao, ném lựu đạn, dùng địa thế, khéo mò dìm, khéo trình thám. Nói tóm lại, cất tập cho mọi người biết đánh du kích. Thế mà có nhiều nơi chỉ để thì giờ tập "một hai, một hai". Thế thì khác gì tập lễ nhạc để đi chữa cháy.

Nhiều nơi, những hình thức tuyên truyền cổ động chỉ biết kẻ khẩu hiệu, trưng cờ biển và trang hoàng nhà thông tin tuyên truyền cho đẹp, lập chòi diễn thuyết chỉ làm vì, còn hàng ngày không chịu gấn gũi quần chúng để giải thích cho họ hiểu chu đáo những chủ trương của Đoàn thể.

f) Làm việc lười biếng

Thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều. Ngồi một nơi chỉ tay năm ngón không chịu xuống địa phương kiểm tra công tác và để chỉ vạch những kế hoạch thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đoàn thể cho chu đáo. Những chỉ thị, nghị quyết cấp trên gửi xuống các địa phương có thực hiện được hay

không, các đồng chí cũng không biết đến. Cái lối làm việc như vậy rất có hại. Nó làm cho chúng ta không đi sát phong trào, không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phần nhiều chủ trương của chúng ta không thi hành được đến nơi đến chốn.

g) Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm

Trong những vùng chiến tranh lan đến, một số đồng chí đã tự tiện bỏ địa phương mình chạy sang vùng khác làm việc mà không hề có sự quyết định của Đoàn thể, của cấp trên. Như vậy, các đồng chí không những đã biểu lộ tinh thần kém cỏi, việc nào dễ hay ưa thích thì làm, việc nào khó khăn không ưa thích thì bỏ, mà các đồng chí lại còn tỏ ra khinh thường kỷ luật của Đoàn thể, làm rối loạn hàng ngũ của Đoàn thể.

Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm Đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của Đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại Đoàn thể ta.

h) Ích kỷ, hủ hoá

Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được uỷ viên này chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc.

Có những đồng chí hay có tính kiêu ngạo, tự mãn, cho mình là cựa chính trị phạm, là người của Mặt trận thì giỏi hơn ai hết, ai cũng không bằng mình. Vẫn biết nhà pha đế quốc là nơi huấn luyện, vẫn biết Việt Minh là một đoàn thể gồm những người yêu nước, chăm lo việc cứu nước. Nhưng hẳn rằng ngoài Việt Minh còn biết bao nhiêu người hay,

người giỏi mà Việt Minh chưa tổ chức được. Và lại nếu chính trị phạm, nếu người của Mặt trận là giỏi hơn ai hết thì những người không có hân hạnh ở tù, những người chưa vào Mặt trận đó là vô tài vô dụng cả sao?

Mỗi một đồng chí ta phải có thái độ khiêm tốn, càng cụt, càng giỏi càng phải khiêm tốn, phải có lòng cầu tiến bộ, phải nhớ câu nói của ông thầy chúng ta "Phải học, học thêm, học mãi"¹. Tự mãn, tự túc là co mình lại, không cho mình tiến bộ thêm.

Có những đồng chí còn giữ thói "một người làm quan cả họ được nhờ", đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này việc kia, làm được hay không, mặc kệ. Hồng việc, Đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được.

Vẫn biết các đồng chí nói chung có nhiều ưu điểm như: nhẫn nại, chịu khó, tháo vát, nhiều sáng kiến. Đó là những tính rất quý báu. Nó làm căn bản cho những tính tốt khác phát triển. Nhưng trong thời kỳ khó khăn nặng nề này, chỉ có những ưu điểm ấy mà thôi, cũng chưa đủ. Các đồng chí cần phải đem căn bản tốt đó mà kiên quyết khắc phục những khuyết điểm vừa kể trên thì chúng ta mới chắc đi đến hoàn toàn thắng lợi.

3. Các đồng chí phải cố làm sao cho được những điều này

a) Đoàn thể phải quân sự hoá, tư tưởng và hành động phải tuyệt đối nhất trí. Đoàn thể là đạo quân tiên phong. Nếu lúc xung phong mà người nói thế này, kẻ nói thế kia, kèn thổi ngược, trống đánh xuôi thì còn mong gì thắng trận. Chẳng những Đoàn thể ta phải nhất trí mà quân dân, chính cũng phải nhất trí.

b) Trong các cơ quan chỉ huy chọn người phải đích đáng, quyền hạn phải phân minh, phải liên lạc mật thiết, hợp tác chặt chẽ, phải tuyệt đối tránh cái tệ lạm phát, bao biện, xung đột, phù diện và suy ty không phụ trách.

Lúc này, vấn đề cơ quan chỉ huy rất quan trọng. Cử người vào đó phải cẩn thận, nhưng khi đã cử rồi, thì phải tuyệt đối phục tùng, cấp dưới phải nghe cấp trên, có thể công việc mới chạy.²

¹ Ý câu của Lenin. Xem V.I. Lenin Toàn tập. NXB Tiến Bộ, Mátxcova. 1978, tiếng Việt, t45, tr. 444 (B. T).

² Phù diện: Vẽ ngoài: mặt ngoài, ngoài mặt. ở đây nên hiểu Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở là phải tránh lối làm việc hình thức, không có chất lượng, hiệu quả (B. T).

c) Phải giữ vững giao thông, liên lạc giữa các tỉnh, các khu và giữa Trung Bộ với Nam Bộ và Bắc Bộ.

Giao thông là mạch máu của mọi việc, giao thông tắc thì việc gì cũng khó. Giao thông tốt thì việc gì cũng dễ dàng.

Mong các đồng chí mang toàn bộ tinh thần cánh mạng mà khắc phục các khuyết điểm, phát triển các ưu điểm, đồng tâm hiệp lực, đoàn kết nội bộ, mở rộng hàng ngũ, chấn chỉnh công tác để lãnh đạo toàn dân hăng hái kháng chiến để đi đến thắng lợi vẻ vang.

Chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 1 tháng 3 năm 1947

Hồ Chí Minh

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ TRUNG BỘ

Cùng các đồng chí Trung Bộ,

Hôm tôi vào Thanh, tôi có ý đi gặp các đồng chí để phê bình, kiểm thảo và bàn bạc công việc chung. Tiếc vì hoàn cảnh không tiện. Vậy tôi có mấy lời dặn các đồng chí như sau này, mong các đồng chí chú ý:

1. Trong lúc dân tộc đang ở trên ngã tư đường, chết hay sống, mất hay còn, mỗi một đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một đích: đánh đuổi thực dân Pháp, làm cho nước được thống nhất và độc lập .

Vì vậy, mỗi một đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải:

Sáng suốt, khôn khéo;

Cẩn thận, kiên quyết;

Siêng năng, nhất trí.

2. Cuộc trường kỳ kháng chiến này tức là dân tộc cách mệnh đến trình độ tối cao. Trong lúc này, tư tưởng và hành động của mỗi một đồng chí rất quan hệ đến toàn quốc. Nếu một người sơ suất, một việc sơ suất là có thể hỏng việc to; sai một ly đi một dặm.

Vì vậy, ta phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm sau này:

a) Địa phương chủ nghĩa: Chỉ chăm chú lợi ích của địa phương mà không nhìn đến lợi ích của toàn bộ. Do khuyết điểm đó mà sinh ra những việc, xem qua thì hình như không quan hệ gì mấy, kỳ thực rất có hại đến kế hoạch chung. Thí dụ: muốn giữ lấy tất cả cán bộ và vật liệu cho địa phương mình, không bằng lòng để cấp trên điều động cán bộ và vật liệu đến những nơi cần kíp.

b) Ốc bè phái: Ai hấu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không thân với mình thì dù họ có tài cũng tìm cách đìm họ xuống, họ nói phải mấy cũng không nghe.

Đó là một khuyết điểm rất có hại. Nó làm cho Đoàn thể mất cán bộ, kém nhất trí, thường hỏng việc. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm.

c) Cô độc hẹp hòi: Chúng ta phải nhớ rằng: người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người sửa chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được.

Tư tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, thì nhiều thù mà ít bạn (như vấn đề tôn giáo). Người mà hẹp hòi thì ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi thì không phát triển.

d) Ham chuộng hình thức: Việc gì cũng xét đến cái kết quả thiết thực, cần kíp, chỉ chăm về hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai. Thí dụ: ngày nay tập quân sự, cốt nhất là biết bắn súng, dùng dao, ném lựu đạn, dùng địa thế, khéo mò dìm, khéo do thám.

Nói tóm lại, cốt tập cho mọi người biết đánh du kích. Thế mà có nhiều nơi chỉ để thời giờ tập "một hai, một hai". Thế thì khác gì tập lễ nhạc để đi chữa cháy. Lại như chào cờ thì bắt người ta đứng xe lại, bắt mặc áo dài, v.v... Làm hình thức như thế, kết quả chỉ làm cho dân oán.

e) Ích kỷ, kiêu ngạo, v.v.. Thậm chí có nơi, có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh làm cho được uỷ viên này, chủ tịch kia.

Còn có những đồng chí chỉ lo ăn ngon, mặc đẹp, lo phát tài, lo chiếm của công làm của tư, đạo đức cách mệnh thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc.

Có những đồng chí còn giữ thói "một người làm nên cả họ được nhờ", đem bà con bằng hữu vào chức này việc kia, làm được, không được mặc kệ. Hỏng việc đã có Đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được.

Có nơi, các đồng chí chẳng những không phê bình giúp nhau sửa đổi mà lại che đậy cho nhau, tha thứ cho nhau, giấu cả Đoàn thể. Thành thử càng ngày càng hủ hoá, càng hỏng việc.

Còn những đồng chí hay có tính kiêu ngạo, tự mãn, tự túc, cho mình là cự đồng chí, cự chính trị phạm thì giỏi hơn ai hết, ai cũng không bằng mình. Vẫn biết nhà pha đế quốc là một trường huấn luyện. Nhưng công tác thực tế là một trường thi; vả lại, nếu cự chính trị phạm là giỏi hơn

hết, thì những đồng chí không có "hân hạnh" ở tù, những đồng chí mới đều vô tài vô dụng cả sao.

Mỗi một đồng chí ta phải có thái độ khiêm tốn, càng cao, càng giỏi, càng khiêm tốn, phải có lòng cầu tiến bộ. Phải nhớ câu nói của ông thầy chúng ta: "Phải học thêm, phải học mãi". Tự mãn, tự túc là bó mình lại, không cho mình tiến bộ thêm.

Vẫn biết các đồng chí Trung Bộ nói chung thì có nhiều ưu điểm như: nhẫn nại, chịu khó, kiên quyết, tháo vát, nhiều sáng kiến. Đó là những tính rất quý báu. Nó làm căn bản cho những tính tốt khác phát triển. Nhưng trong thời kỳ khó khăn nặng nề này, chỉ có những ưu điểm ấy thôi cũng chưa đủ. Các đồng chí cần phải đem căn bản tốt đó mà kiên quyết khắc phục cho những khuyết điểm vừa kể trên, thì chúng ta mới chắc đi đến hoàn toàn thắng lợi.

Các đồng chí lại phải làm cho được những điều này:

- Đoàn thể phải quân sự hoá, tư tưởng và hành động phải tuyệt đối nhất trí. Đoàn thể là đạo quân tiên phong. Nếu lúc xung phong mà người thế này, kẻ muốn thế khác, kèn thổi ngược, trống đánh xuôi thì còn mong gì thắng trận.

Chẳng những Đoàn thể ta phải nhất trí mà quân, dân, chính cũng phải nhất trí.

- Trong các cơ quan chỉ huy, chọn người phải đích đáng, quyền hạn phải phân minh, liên lạc phải mật thiết, hợp tác phải chặt chẽ, phải tuyệt đối tránh cái lối lạm quyền, bao biện, xung đột, phù diện và suy ty, không phụ trách.

- Phải giữ vững những giao thông liên lạc giữa các tỉnh, các khu và giữa Trung Bộ với Nam Bộ, Bắc Bộ.

Giao thông là mạch máu của mọi việc;

Giao thông tắc thì việc gì cũng khó;

Giao thông tắt thì việc gì cũng dễ dàng.

Mong các đồng chí đem toàn bộ tinh thần cách mệnh mà khắc phục khuyết điểm, phát triển các ưu điểm, đồng tâm hiệp lực, đoàn kết nội bộ,

mở rộng hàng ngũ, chấn chỉnh công tác để lãnh đạo toàn dân hăng hái vào trận kháng chiến đi đến thắng lợi vẻ vang.

Chào thân ái và quyết thắng

Hồ Chí Minh

(Nguồn: *Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t5, tr 76 - 79*).

Bản sao lưu trữ

IV. VẤN ĐỀ CÁN BỘ*

1. Huấn luyện cán bộ

Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng.

Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc.

Vì vậy huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng.

Đảng có mở những lớp huấn luyện cán bộ. Nhưng đại đa số cán bộ, hoặc bận công việc, hoặc xa xôi quá, chưa được huấn luyện. Đối với những cán bộ đó, Đảng cần phải tìm cách huấn luyện họ (hoặc mở lớp ở địa phương, hoặc gửi sách vở cho họ nghiên cứu, v.v...).

Khuyết điểm trong sự huấn luyện - Đã có nơi mở lớp huấn luyện, thế rất tốt. Song những lớp ấy còn nhiều khuyết điểm. Thí dụ: huấn luyện cho cán bộ trong các cơ quan hành chính mà không đụng đến công việc hành chính.

Còn dạy chính trị thì mênh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được.

Phần đông cán bộ là công nhân và nông dân, văn hoá rất kém. Đảng chưa tìm đủ cách để nâng cao trình độ văn hoá của họ.

Huấn luyện lý luận cho những cán bộ cao cấp, đến nay hoặc chưa hoặc làm không đúng, lý luận và thực tế không ăn khớp với dạy theo cách học thuộc lòng.

Đó là những điều Đảng nên sửa chữa ngay, theo cách sau đây:

* Trích tác phẩm "Sửa đổi lỗi làm việc".

a) Huấn luyện nghề nghiệp

Phải thực hành khẩu hiệu: làm việc gì học việc ấy.

Luận ở quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, tổ chức, tuyên truyền, công an, v.v... Cán bộ ở môn nào phải học cho thạo công việc trong môn ấy.

Những cơ quan lãnh đạo và những người phụ trách phải có kế hoạch dạy cho cán bộ trong môn của mình, do các cấp Đảng giúp Cách học tập gồm có 5 môn:

1. Điều tra: tình hình có quan hệ với công tác của mình. Thí dụ: quân sự, thì điều tra, phân tích, nghiên cứu rõ ràng tình hình củ địch, của bạn, của ta, chọn những điểm chính làm tài liệu huấn luyện cho cán bộ.

2. Nghiên cứu: những chính sách, chỉ thị, nghị quyết. Thí dụ: bộ về môn tài chính, phải hiểu rõ chính sách tài chính và những nghị quyết về tài chính của Chính phủ.

3. Kinh nghiệm: Thí dụ: ban tuyên truyền thì gom góp tất cả những kinh nghiệm thành công hoặc thất bại trong công việc tuyên truyền, chép thành tài liệu huấn luyện, cho cán bộ tuyên truyền học.

4. Lịch sử: Thí dụ: môn kinh tế thì đem những sự thay đổi trong nền kinh tế của nước ta trong thời kỳ gần đây làm tài liệu huấn luyện.

5. Khoa học: Thí dụ: các cán bộ quân sự thì phải nghiên cứu khoa học quân sự, cán bộ y tế phải nghiên cứu y học. Cán bộ môn nào thì nghiên cứu lý luận của môn ấy.

Các cơ quan lãnh đạo của mỗi môn phải gom góp tài liệu, sắp xếp cách dạy và học, kiểm tra kết quả, sao cho cán bộ trong môn dần dần đi đến thạo công việc.

b) Huấn luyện chính trị

Có hai thứ: thời sự và chính sách.

Cách huấn luyện thời sự là khuyến khích và đốc thúc các cán bộ xem báo, thảo luận và giải thích những vấn đề quan trọng, và định kỳ khai hội cán bộ, báo cáo thời sự.

Huấn luyện chính sách là đốc thúc các cán bộ nghiên cứu và thảo luận

những nghị quyết, những chương trình, những tuyên ngôn của Đảng, của Chính phủ.

Huấn luyện chính trị, môn nào cũng phải có. Nhưng phải tùy theo mỗi môn mà định nhiều hay ít. Thí dụ: cán bộ chuyên môn về y tế, về văn nghệ thì ít hơn. Cán bộ về tuyên truyền, tổ chức thì phải nghiên cứu chính trị nhiều hơn.

c) Huấn luyện văn hoá

Với những cán bộ còn kém văn hoá, thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Trước hết phải dạy cho họ những thường thức: lịch sử, địa dư, làm tính, khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, cách viết báo cáo, nghĩa vụ và quyền lợi người công dân.

Các bài học do một ban phụ trách sắp xếp.

Lớp học do một hoặc vài ba cơ quan tổ chức với nhau. Những lớp đó cần phải có giáo viên luôn luôn phụ trách và giáo viên ngoài giúp việc.

Các cán bộ có thể thay phiên nhau mà đi học.

Cần phải ưu đãi các giáo viên và khen thưởng những lớp tổ chức tốt

Những cán bộ học trong những lớp này, phải theo trình độ văn hoá cao hay thấp mà đặt lớp, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp.

d) Huấn luyện lý luận

Những cán bộ cao cấp và trung cấp mà có sức nghiên cứu lý luận (trình độ văn hoá khá, ham nghiên cứu), thì ngoài việc học tập chính trị và nghề nghiệp đều cần học thêm lý luận.

Huấn luyện lý luận có hai cách:

Một cách là chỉ đem lý luận khô khan nhét cho đầy óc họ. Rồi bày cho họ viết những chương trình, những hiệu triệu rất kêu. Nhưng đối với việc thực tế, tuyên truyền, vận động, tổ chức, kinh nghiệm chỉ nói qua loa mà thôi. Thế lý luận suông, vô ích.

Một cách là trong lúc học lý luận, phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. Thế lý luận thiết thực, có ích.

Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận.

Nhưng phải biết khéo lợi dụng kinh nghiệm. Nếu thấy người ta làm thế nào mình cũng một mực bắt chước làm theo thế ấy. Thí dụ: nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng.

Trái lại, kinh nghiệm các nước và ở nước ta đều nói: phải gần gũi dân chúng, vào sâu trong dân chúng. Điều này rất đúng. Ta phải kiên quyết thực hành theo kinh nghiệm đó.

Kinh nghiệm các nước và ở nước ta nói: phải kiên quyết chống bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa. Ta cũng phải kiên quyết chống những bệnh đó vì nhận thấy ta thường mắc phải và các bệnh này rất có hại cho công tác, rất hại cho Đảng.

Học tập - Khuôn khổ học tập, chia ra khoa học chính trị, khoa học kinh tế, khoa học lịch sử, mà học dần dần.

Học tập thì theo nguyên tắc: kinh nghiệm và thực tế phải đi cùng nhau. Thí dụ: khoa học chính trị dùng sách vở, bài báo bàn về chiến lược chiến thuật làm tài liệu lý luận; lấy lịch sử và kinh nghiệm tranh đấu của Đảng làm tài liệu thực tế.

Khoa học và kinh tế lấy "kinh tế chính trị học" làm tài liệu lý luận, lấy lịch sử kinh tế của nước ta gần 100 năm nay làm tài liệu thực các môn khác cũng thế.

Cách học tập: Tổ chức từng ban cao cấp hoặc trung cấp. Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào.

- Sắp xếp thời gian và bài học cho những lớp đó, phải cho khéo, phải có mạch lạc với nhau, mà không xung đột với nhau.

- Vô luận công tác môn nào, lớp huấn luyện nào, đều phải tuyệt đối chống bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa. Các tài liệu huấn luyện phải do cơ quan lãnh đạo xét kỹ.

- Cách huấn luyện này là huấn luyện lâu dài. Cho nên nguyên tắc là:

để phát triển nghề nghiệp mà không trở ngại đến nghề nghiệp và sức khoẻ của cán bộ. Ở các cơ quan, mỗi ngày ít nhất phải học tập một tiếng đồng hồ. Những nơi vì hoàn cảnh kháng chiến đặc biệt, thời giờ dài hay ngắn, tùy theo điều kiện mà định. Những giờ học tập đều tính như những giờ làm việc. Khi cất nhắc cán bộ, phải xem kết quả học tập cũng như kết quả công tác khác mà định.

- Cách kiểm tra, thi khảo, thưởng phạt những lớp đó, do Trung ương định.

- Các cơ quan cần phải rất chú ý đến việc huấn luyện cán bộ. Phải lựa chọn rất cẩn thận những nhân viên phụ trách viện huấn luyện đó. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. Không nên bủn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện.

2. Dạy cán bộ và dùng cán bộ

Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém.

Vì vậy, Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người, có ích cho công việc chung của chúng ta.

Đảng ta là một đoàn thể đấu tranh. Trong cuộc tranh đấu thường hao tổn một Bộ cán bộ quý báu. Vì vậy, chúng ta càng phải quý cán bộ, phải bổ sung cán bộ, phải giữ gìn cán bộ cũ và đào tạo cán bộ mới. Mặt trận dân tộc ngày càng rộng, nảy nở ra hàng ngàn hàng vạn người hăng hái, tham gia vào Đảng ta. Họ hăng hái nhưng lý luận còn thiếu, kinh nghiệm còn ít. Trong công tác, họ thường gặp những vấn đề to tát, họ phải tự giải quyết. Vì vậy, chúng ta cần phải đặc biệt chú ý săn sóc những cán bộ đó.

Vì vậy, vấn đề cán bộ là một vấn đề rất trọng yếu, rất cần kíp.

Đối với vấn đề đó, Đảng phải làm thế nào?

1. Phải biết rõ cán bộ

Từ trước đến nay, Đảng ta chưa thực hành cách thường xem xét cán bộ. Đó là một khuyết điểm to. Kinh nghiệm cho ta biết: mỗi lần xem xét lại nhân tài, một mặt thì tìm thấy những nhân tài mới, một mặt khác thì những người hủ hoá cũng lòi ra.

2. Phải cất nhắc cán bộ một cách cho đúng

Cất nhắc cán bộ là một công tác cần kíp.

Khi cất nhắc một cán bộ, cần phải xét rõ người đó có gần gũi quần chúng có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với việc gì. Nếu người có tài mà dùng không đúng tài của họ, cũng không được việc. Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem người bô lô ba la, chỉ nói mà không biết làm, vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại.

3. Phải khéo dùng cán bộ

Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Thường chúng ta không biết tuý tài mà dùng người. Thí dụ: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tuý tài mà dùng người, thì hai người đều thành công.

4. Phải phân phối cán bộ cho đúng - Thí dụ: Trong một nơi quan trọng ở một thành thị to thì phải phái những cán bộ có quan hệ khăng khít với quần chúng. Họ là người trong quần chúng mà ra, có sáng kiến, tinh thần, chắc chắn, chí khí vững vàng. Phải dùng người đúng chỗ, đúng việc.

5. Phải giúp cán bộ cho đúng - phải luôn luôn dùng lòng thân ái mà giúp đỡ, lãnh đạo cán bộ. Giúp họ sửa chữa những chỗ sai lầm. Khen ngợi họ lúc họ làm được việc. Và phải luôn luôn kiểm soát cán bộ.

6. Phải giữ gìn cán bộ - Tại những nơi phải công tác bí mật khi cần thì phải phái cán bộ mới thế cho cán bộ cũ và phái cán bộ cũ đi nơi khác.

Phải tìm mọi cách để giữ bí mật cho cán bộ.

3. Lựa chọn cán bộ

a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc trong lúc đấu tranh.

b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế, thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ.

c) Những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.

Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo.

Người lãnh đạo đúng đắn cần phải: Khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết kiên quyết, gan góc không sợ khó khăn.

d) Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật.

Đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ, chúng ta phải theo cho đúng.

Trong Đảng ta, có những nơi thường dùng những người văn hay nói khéo, nhưng không làm được việc, không ra tranh đấu. Mà những đồng chí viết không hay nói không thạo nhưng rất trung thành, hăng hái, rất gần gũi quần chúng, thì bị chìm xuống. Chúng ta phải sửa chữa ngay những điểm đó.

Đã lựa chọn đúng cán bộ còn cần phải dạy bảo lý luận cho cán bộ. Chỉ thực hành mà không có lý luận như có một mắt sáng, một mắt mù.

4. Cách đối với cán bộ

Phong trào giải phóng sôi nổi, nảy nở ra rất nhiều nhân tài ngoài Đảng. Chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ. Chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước.

Chúng ta phải tẩy sạch các bệnh kiêu ngạo, bệnh hẹp hòi, bệnh bao biện.

Tóm lại, đối với cán bộ có năm cách:

a) Chỉ đạo - Thả cho họ làm, thả cho họ phụ trách, dù sai lầm chút ít cũng không sợ.

Nhưng phải luôn luôn tùy theo hoàn cảnh mà bày vẽ cho họ về phương hướng công tác, cách thức công tác, để cho họ phát triển năng lực và sáng kiến của họ, đúng với đường lối của Đảng.

b) Nâng cao - Luôn luôn tìm cách cho họ học thêm lý luận và cách làm việc, làm cho tư tưởng, năng lực của họ ngày càng tiến bộ.

c) Kiểm tra - Không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm.

Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ.

d) Cải tạo - khi họ sai lầm thì dùng cách "thuyết phục" giúp cho họ sửa chữa.

Không phải một sai lầm to lớn, mà đã vội cho họ là "cơ hội chủ nghĩa", đã "cảnh cáo", đã "tạm khai trừ". Những cách quá đáng như thế đều không đúng:

d) Giúp đỡ - Phải cho họ điều kiện sinh sống đầy đủ mà làm việc. Khi họ đau ốm, phải có thuốc thang. Tùy theo hoàn cảnh mà giúp họ giải quyết vấn đề gia đình. Những điều đó rất quan hệ với tinh thần của cán bộ, và sự thân ái đoàn kết trong Đảng.

5. Mấy điểm lớn trong chính sách cán bộ

Đảng ta gồm có hàng triệu người, hàng vạn cán bộ. Trong đó, sĩ, công, nông, thương, binh đều có. Từng lớp xã hội khác nhau, trình độ, văn hoá khác nhau; tính tình cá nhân cũng không giống hết.

Sao cho đối đãi đúng với mọi người? Đó là một vấn đề rất trọng yếu. Vì vậy, chúng ta cần phải chú ý mấy việc dưới đây:

Hiểu biết cán bộ;

Khéo dùng cán bộ;

Cất nhắc cán bộ;

Thương yêu cán bộ;

Phê bình cán bộ.

a) Hiểu biết cán bộ - Biết người, cố nhiên là khó. Tự biết mình, cũng không phải là dễ.

Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái ở người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái của mình.

Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Người ta thường phạm những chứng bệnh sau này:

1. Tự cao tự đại;
2. Ưa người ta nịnh mình;
3. Do lòng yêu, ghét của mình mà đối với người;
4. Đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau.

Phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông.

Muốn biết rõ cán bộ, muốn đối đãi một cách đúng đắn các hạng người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình. Mình càng khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng.

Trong thế giới, cái gì cũng biến hoá. Tư tưởng của người cũng biến hoá. Vì vậy, cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhất, nó cũng phải biến hoá. Thí dụ: có người khi trước theo cách mạng nay lại phản cách mạng. Có người khi trước không cách mạng và nay lại tham gia cách mạng. Thậm chí có người nay đang theo cách mạng, nhưng sau này có thể phản cách mạng.

Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau.

Xem xét cán bộ, không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử toàn cả công việc của họ. Có người lúc phong trào cách mạng cao, họ vào Đảng, họ làm việc rất hăng. Nhưng lúc phong trào hơi khó khăn thì dậm ra hoang mang. Lúc gặp sự nguy hiểm thậm chí phản cách mạng, làm mặt thám. Muốn làm mặt thám được việc, thì nó lại công tác hăng hơn ai hết. Nếu ta không xem xét rõ ràng, thì lầm nó là cán bộ tốt.

Vì vậy, nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc một việc, mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ.

Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tăng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc cũng không phải cán bộ tốt.

Ai cứ cắm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói ngay thẳng, không che giấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ, tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết làm theo mệnh lệnh của Đảng, vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi, những người như thế, dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt. Người ở đời, ai cũng có chỗ tốt và chỗ xấu. Ta phải khéo nâng cao chỗ tốt, khéo sửa chữa chỗ xấu cho họ.

b) Khéo dùng cán bộ - Lúc dùng cán bộ, nhiều người phạm vào những chứng bệnh sau đây:

1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ lách cách chần hơn người ngoài.

2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3. Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Vì những bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cũng cứ bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho chúng càng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo.

Thế nào là dùng cán bộ đúng? Mình phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không có thành kiến, khiến cho cán bộ khỏi bị bỏ rơi.

Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa.

Phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ những đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ.

Phải sáng suốt, mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây, mà cách xa cán bộ tốt.

Phải có thái độ vui vẻ, thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình.

Mục đích khéo dùng cán bộ, cốt để thực hành đầy đủ chính sách của Đảng và Chính phủ. Nếu cán bộ có ý hoang mang, sợ hãi, buồn rầu, uất ức, hoặc công tác không hợp, chắc không thành công. Vì vậy, muốn cán bộ làm được việc, phải khiến cho họ làm việc, vui thú làm việc. Muốn như thế, phải thực hành những điểm này:

1. Khiến cho cán bộ cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến. Người lãnh đạo muốn biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của mình, muốn biết công tác của mình tốt hay xấu, không gì bằng khuyên cán bộ mình mạnh bạo đề ra ý kiến và phê bình. Như thế, chẳng những không phạm gì đến uy tín của người lãnh đạo mà lại tỏ ra dân chủ thật thà trong Đảng.

Nếu cán bộ không nói năng, không đề ý kiến, không phê bình, thậm chí lại tâng bốc mình, thế là một hiện tượng rất xấu. Vì không phải họ không có gì nổi, nhưng vì họ không dám nói, họ sợ. Thế là mất hết dân chủ trong Đảng. Thế là nội bộ của Đảng âm u, cán bộ trở nên những cái máy, trong lòng uất ức, không dám nói ra, do uất ức mà hoá ra oán ghét, chán nản.

Như thế mà muốn cán bộ công tác cho giỏi thì sao được?

2. Khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc. Cố nhiên việc hay hay dở, một phần do cán bộ đủ năng lực hay không. Nhưng một phần cũng do cách lãnh đạo đúng hay không. Năng lực của người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có. Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hoá ra tài to. Lãnh đạo không khéo, tài to cũng hoá ra tài nhỏ.

Khi giao công tác cho cán bộ cần phải chỉ đạo rõ ràng, sắp đặt đầy đủ vạch rõ những điểm chính và những khó khăn có thể xảy ra. Những vấn đề đã quyết định rồi, thả cho họ làm, khuyên gắng họ cứ cả gan mà làm. Cũng như trong quân đội, khi chiến lược chiến thuật và nhiệm vụ đã quyết định rồi, vị Tổng tư lệnh không cần nhúng vào những vấn đề lật vạt. Phải để cho các cấp chỉ huy có quyền "tuỳ cơ ứng biến", mới có thể phát triển tài năng của họ. Việc gì cấp trên cũng nhúng vào, cán bộ cũng như một cái mây, việc gì cũng chờ mệnh lệnh, sinh ra ý lại, mất hết sáng kiến.

Trước khi trao công tác, cần phải bàn kỹ với cán bộ. Nếu họ gánh không nổi, chớ miễn cưỡng trao việc đó cho họ. Khi đã trao cho họ phải hoàn toàn tin họ. Không nên sớm ra lệnh này, trưa đổi lệnh khác.

Nếu không tin cán bộ, sợ họ làm không được, rồi việc gì mình cũng nhúng vào. Kết quả thành chứng bao biện, công việc vẫn không xong. Cán bộ thì vợ vẫn cả ngày, buồn rầu, nản chí.

Phải đào tạo một mớ cán bộ phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thể Đảng mới thành công.

Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo "đập di, hò đúng" không dám phụ trách. Như thế một việc thất bại cho Đảng.

3. Không nên tự tôn, tự đại, mà phải nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới.

Nếu ý kiến các đồng chí cấp dưới đúng, ta phải nghe theo, khuyên họ thường đề thêm ý kiến, để nâng tinh thần và sáng kiến của họ.

Nếu ý kiến của họ không đúng, ta nên dùng thái độ thân thiết, giải thích cho họ hiểu. Quyết không nên phùng mang trợn mắt, quở trách, giễu cợt họ.

Nếu họ phê bình ta, ta phải vui vẻ thừa nhận. Không nên tỏ vẻ bất bình, để lẩn sau họ không dám phê bình nữa.

Nếu có cán bộ không yên tâm làm việc, ta phải xét rõ cái chỗ lãnh đạo không đúng của ta, để thuyết phục và khuyên gắng người đó. Nếu vì công tác không hợp với năng lực của họ, phải tìm công việc thích hợp hơn cho họ làm.

c. Phải có gan cất nhắc cán bộ - cất nhắc cán bộ, phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế, công việc nhất định chạy.

Nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang, nhất định không ai phục, mà gây nên mối lôi thôi trong Đảng. Như thế, là có tội với Đảng, có tội với đồng bào.

Trước khi cất nhắc cán bộ, phải nhận xét rõ ràng. Chẳng những xem, xét công tác của họ, mà còn phải xét cách sinh hoạt của họ. Chẳng những

xem xét cách viết, cách nói của họ, mà còn phải xem xét việc làm của họ có đúng với lời nói, bài viết của họ hay không. Chẳng những xem xét họ đối với ta thế nào, mà còn phải xem xét họ đối với người khác thế nào. Ta nhận họ tốt, còn phải xem số nhiều đồng chí có nhận họ tốt hay không. Phải biết ưu điểm của họ, mà cũng phải biết khuyết điểm của họ, không nên chỉ xem công việc của họ trong một lúc, mà phải xem cả công việc của họ từ trước đến nay.

Biết rõ ràng cán bộ, mới có thể cất nhắc cán bộ một cách đúng mực.

Cất nhắc cán bộ, không nên làm như "giã gạo". Nghĩa là trước khi cất nhắc không xem xét kỹ. Khi cất nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá, lại cất nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời. Đối với cán bộ, chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi cất nhắc. Mà sau khi đã cất nhắc phải giúp đỡ họ, khuyên gắng họ, vun trồng lòng tự tin, tự trọng của họ.

Ai cũng có lòng tự trọng, tự tin. Không có lòng tự trọng, tự tin là người vô dụng.

Nhưng khoe khoang, kiêu ngạo không phải là tự trọng. Đó là một chứng bệnh. Vì vậy, người lãnh đạo cần phải tôn trọng lòng tự tin, tự trọng của các đồng chí mình.

Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát mới đem ra "chỉnh" một lần, thế là "đập" cán bộ. Cán bộ bị "đập", mất cả lòng tự tin, người hăng hái cũng hoá thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng.

Vì vậy hễ thấy cán bộ sai lầm, phải lập tức sửa chữa ngay. Nếu không việc to quá, họ làm không nổi, tốt nhất là đổi việc khác cho thích hợp với họ, mà không cần cho họ biết vì họ không làm nổi việc kia. Đó là để giữ lòng hăng hái của họ, để cho họ khỏi nản lòng.

d. Yêu thương cán bộ - Không phải vài ba tháng, hoặc vài ba năm, mà đào tạo được một người cán bộ tốt. Nhưng cần phải công tác, tranh đấu, huấn luyện lâu năm mới được. Trái lại, trong lúc tranh đấu, rất dễ mất một người cán bộ. Vì vậy, Đảng phải thương yêu cán bộ.

Nhưng thương yêu không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc. Thương yêu là giúp họ học tập thêm, tiến bộ thêm. Là giúp họ giải quyết những

vấn đề khó khăn sinh hoạt, ngày thường thì điều kiện dễ chịu, khi đau ốm được chăm nom, gia đình họ khỏi khổn quần...

Thương yêu là luôn luôn chú ý đến công tác của họ, kiểm thảo họ. Hễ thấy khuyết điểm thì giúp cho họ sửa chữa ngay, để vun trồng cái thói có gan phụ trách, cả gan làm việc của họ. Đồng thời, phải nêu rõ những ưu điểm, những thành công của họ. Làm thế không phải là làm cho họ kiêu căng, mà cốt làm cho họ thêm hăng hái, thêm gắng sức. Phải vun đắp chí khí của họ, để đi đến chỗ "bại cũng không nản, thắng cũng không kiêu". Lúc phê bình họ, ta chớ có thái độ gay gắt. Lúc khen ngợi họ, ta phải cho họ hiểu rằng: năng lực của mỗi người đều có giới hạn, tuy có thành công cũng chớ kiêu ngạo. Kiêu ngạo là bước đầu của thất bại.

d) Đối với những cán bộ sai lầm người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm.

Chúng ta không sợ có sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm.

Trừ những người cố ý phá hoại, ngoài ra không ai cố ý sai lầm, sai lầm là vì không hiểu, không biết. Vì vậy, đối với cán bộ bị sai lầm, ta quyết không nên nhận rằng họ muốn như thế, mà công kích họ. Trái lại ta phải dùng thái độ thân thiết, giúp họ tìm ra cái cơ vì sao mà sai lầm? Sai lầm như thế, sẽ có hại đến công việc thế nào? Làm thế nào mà sửa chữa? Tóm lại, phải phê bình cho đúng.

Muốn họ thành tâm sửa chữa, phải giải thích rõ ràng, làm cho họ tự trông thấy, tự nhận rõ sự sai lầm đó, làm cho họ vui lòng sửa đổi, chứ không phải bị cưỡng bức mà sửa đổi.

Sự sửa đổi khuyết điểm, một phần cố nhiên là trách nhiệm của cán bộ đó. Nhưng một phần cũng là trách nhiệm của người lãnh đạo.

Sửa chữa sai lầm, cố nhiên cần dùng cách giải thích thuyết phục, cảm hoá, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất luận không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà

Vì vậy, cần phải phân tách rõ ràng cái có sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng.

Cách đối với cán bộ là một điều trọng yếu trong sự tổ chức công việc cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: "Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc".

Phê bình cho đúng, chẳng những không làm giảm thể diện và uy tín của cán bộ, của Đảng. Trái lại, còn làm cho sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn, do đó mà uy tín và thể diện càng tăng thêm.

(Nguồn: *Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t5, tr: 269 - 284*)

Bản sao lưu trữ

V. CÁCH LÃNH ĐẠO

1. Lãnh đạo và kiểm soát

“Chẳng những phải lãnh đạo quần chúng, mà lại phải học hỏi quần chúng”.

Câu đó nghĩa là gì?

Nghĩa là: Người lãnh đạo không nên kiêu ngạo, mà nên hiểu thấu. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình cũng chưa đủ cho sự lãnh đạo đúng đắn. Vì vậy, ngoài kinh nghiệm của mình, người lãnh đạo còn phải dùng kinh nghiệm của đảng viên, của dân chúng, để thêm cho kinh nghiệm của mình.

Nghĩa là một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng.

Nghĩa là phải lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng”.

Lãnh đạo đúng nghĩa là thế nào?

Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà viết kế hoạch, ra mệnh lệnh.

Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi và một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được.

Những người lãnh đạo chỉ trông thấy một mặt của công việc, sự thay đổi của mọi người: trông từ trên xuống. Vì vậy sự trông thấy có hạn.

Trái lại, dân chúng trông thấy công việc sự thay đổi của mọi người: trông từ trên xuống. Vì vậy, sự trông thấy có hạn.

Trái lại, dân chúng trông thấy công việc, sự thay đổi của mọi người, một mặt khác: họ trông thấy từ dưới lên. Nên sự trông thấy cũng có hạn.

Vì vậy, muốn giải quyết vấn đề cho đúng, ắt phải họp kinh nghiệm cả hai bên lại.

Muốn như thế, người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng.

Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi.

Vì vậy cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại.

Chọn người và thay người cũng là một vấn đề quan trọng trong việc lãnh đạo.

Những người mắc phải bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, không làm được việc, phải thải đi. Ngoài ra, còn có hai hạng người, cũng phải chú ý:

Một là, có những người cậy mình là "công thần cách mạng", rồi dẫm ra ngang tàng, không giữ gìn kỷ luật, không thi hành nghị quyết của Đảng và của Chính phủ. Thế là họ kiêu ngạo, họ phá kỷ luật của Đảng, của Chính phủ.

Cần phải mời các ông đó xuống công tác hạ tầng, khép họ vào kỷ luật, để chữa tính kiêu ngạo, thói quan liêu cho họ và để giữ vững kỷ luật của Đảng và của Chính phủ.

Hai là, hạng người nói suông. Hạng người này tuy là thật thà, trung thành, nhưng không có năng lực làm việc, chỉ biết nói suông. Một thí dụ: Hôm nọ tôi hỏi một cán bộ L:

Hỏi: Mùa màng năm nay thế nào?

L trả lời: Việc đó tôi đã động viên nhân dân rồi.

Hỏi: Rồi sao nữa?

L trả lời: Tôi đã bày tỏ vấn đề đó một cách rất đầy đủ.

Hỏi: Rồi sao nữa?

L trả lời: Công tác xem chừng khá.

Hỏi Rồi sao nữa?

L trả lời: Chắc là có tiến bộ.

Hỏi: Nói tóm lại đã cày cấy được mây mầu?

L trả lời: Ở vùng chúng tôi, cày cấy hiện nay chưa dâu ra dâu cả?

Trong Đảng ta, có một số người như thế. Chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được. Những người như thế cũng không thể dùng vào công việc thực tế.

Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách là khéo kiểm soát.

Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lôi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi.

Song, muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín.

Kiểm soát cách thế nào?

Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ.

Vì ba điều mà cần phải có kiểm soát như thế.

1. Có kiểm soát như thế mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu.
2. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan.
3. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết.

Kiểm soát có hai cách: Một cách là từ trên xuống. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình.

Một cách nữa là từ dưới tên. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên.

Còn ở trong Đảng, khi khai hội, các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử đồng chí nọ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung, phê bình và tự phê bình, những nguyên tắc mà Đảng phải thực hành triệt để.

Ở quần chúng, khai hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các ủy ban, các hội đồng, v.v... Đó là những cách quần chúng kiểm soát những người lãnh đạo.

2. Lãnh đạo thế nào?

Bất kỳ công việc gì, cũng phải dùng hai cách lãnh đạo sau đây: một là liên hợp chính sách chung với sự chỉ đạo riêng. Hai là liên hợp người lãnh đạo với quần chúng.

Thế nào là liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng?

Bất kỳ việc gì, nếu không có chính sách chung, kêu gọi chung, không thể động viên khắp quần chúng.

Song, nếu người lãnh đạo chỉ làm chung, làm khắp cả một lúc, mà không trực tiếp nhằm một nơi nào đó, thực hành cho kỳ được, rồi lấy kinh nghiệm nơi đó mà chỉ đạo những nơi khác, thì không thể biết chính sách của mình đúng hay sai. Cũng không thể làm cho nội dung của chính sách đó đầy đủ, thiết thực.

Thí dụ: Việc chỉnh đốn Đảng. Ngoài những kế hoạch chung về việc đó mỗi cơ quan hoặc mỗi bộ đội phải chọn vài ba bộ phận trong cơ quan hay bộ đội mình, nghiên cứu rõ ràng và xem xét kỹ lưỡng sự phát triển (công việc chỉnh đốn Đảng) trong những bộ phận đó.

Đồng thời, trong vài ba bộ phận đó, người lãnh đạo lại chọn năm, ba người cán bộ kiểu mẫu, nghiên cứu kỹ càng lịch sử của họ, kinh nghiệm, tư tưởng, tính nết của họ, sự học tập và công tác của họ.

Người lãnh đạo phải tự mình chỉ đạo những người phụ trách trong bộ phận đó, giúp họ giải quyết những vấn đề thực tế, để rút kinh nghiệm.

Những người phụ trách trong một cơ quan hoặc một bộ đội, cũng chọn vài ba bộ phận, rồi cũng làm theo cách đó.

Đó là một cách vừa lãnh đạo vừa học tập.

Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nói những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới, để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận.

Mỗi cán bộ phụ trách cần phải làm theo cách này cho kỳ được.

Thế nào là liên hợp lãnh đạo với quần chúng?

Bất kỳ việc gì (thí dụ việc chỉnh đốn Đảng), người lãnh đạo phải có một số người hăng hái làm trung kiên cho sự lãnh đạo. Nhóm trung kiên này phải mật thiết liên hợp với quần chúng, công việc mới thành.

Nếu chỉ có sự hăng hái của nhóm trung kiên, mà không liên hợp với sự hăng hái của quần chúng, nhóm trung kiên sẽ phải chạy suet ngày mà không kết quả mấy.

Nếu chỉ có sự hăng hái của quần chúng mà không có sự hăng hái của nhóm trung kiên để tổ chức và điều dắt, thì sự hăng hái của quần chúng sẽ không bền và không thể tiến tới.

Bất kỳ nơi nào có quần chúng, thì nhất định có ba hạng người: hạng hăng hái, hạng vừa vừa và hạng kém. Mà trong ba hạng đó, hạng vừa vừa, hạng ở giữa, nhiều hơn hết, hạng hăng hái và hạng kém đều ít hơn.

Vì vậy, người lãnh đạo phải dùng hạng hăng hái làm trung kiên cho sự lãnh đạo, do trung kiên đó mà nâng cao hạng vừa vừa và kéo hạng kém tiến lên.

Nhóm trung kiên đó phải do công tác và đấu tranh trong đám quần chúng mà nảy nở ra, chứ không phải tự ngoài quần chúng, xa cách quần chúng mà có được.

Mỗi cuộc đấu tranh thường có ba giai đoạn, ba bước: bước đầu, bước giữa và bước cuối cùng. Nhóm trung kiên lãnh đạo trong mỗi cuộc đấu

tranh, không có thể mà cũng không nên luôn luôn y nguyên như cũ Trong mỗi giai đoạn, cần phải luôn luôn cất nhắc những người hăng hái trong giai đoạn đó, để thay thế cho những người cũ bị đào thải hoặc vì tài không xứng chức, hoặc hủ hoá.

Những nơi công việc không chạy đều vì không có nhóm lãnh đạo mật thiết liên hợp với quần chúng. Thí dụ: Trong một trường học, nếu không có một nhóm thầy giáo, chức viên và học sinh hăng hái nhất trong trường, từ mười người đến vài mươi người, đoàn kết thành nhóm trung kiên lãnh đạo, thì công việc của trường đó nhất định uế oải.

Vì vậy, bất kỳ cơ quan nào, bộ đội nào, cũng cần phải chọn một nhóm người hăng hái, trung thành, có năng lực, giữ kỷ luật, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

*
* *

Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng.

Nghĩa là gom góp ý kiến rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, nghiên cứu nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống. Rồi đem nó tuyên truyền, giải thích cho quần chúng và làm cho nó thành ý kiến của quần chúng và làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó. Đồng thời, nhân lúc quần chúng thực hành, ta xem xét lại, coi ý kiến đó đúng hay không. Rồi lại tập trung ý kiến của quần chúng, phát triển những ưu điểm, sửa chữa những khuyết điểm, tuyên truyền, giải thích, làm cho quần chúng giữ vững và thực hành.

Cứ như thế mãi thì lần sau chắc đúng hơn, hoạt bát hơn, dầy dủ hơn lần trước.

Đó là cách lãnh đạo cực kỳ tốt.

Vì không biết đoàn kết những phần tử hăng hái, tổ chức họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo, hoặc vì không biết làm cho trung kiên đó mật thiết liên hợp với quần chúng, cho nên sự lãnh đạo xa rời quần chúng mà sinh ra bệnh quan liêu.

Vì không biết gom góp ý kiến của quần chúng, kinh nghiệm của quần chúng, cho nên ý kiến của những người lãnh đạo thành ra lý luận suông, không hợp với thực tế.

Vì không biết liên hợp chính sách chung với sự thiết thực chỉ đạo riêng (như mục 2 đã nói), cho nên chính sách không có kết quả, mà sự lãnh đạo cũng hoá ra quan liêu.

Vì vậy, trong công việc chỉnh đốn Đảng, cũng như trong mọi công việc khác quyết phải thực hành cách liên hợp sự lãnh đạo với quần chúng và liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng.

Phải dùng cách "từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng".

Gom góp ý kiến và kinh nghiệm trong sự chỉ đạo từng bộ phận, đem làm ý kiến chung. Rồi lại đem ý kiến chung đó để thí nghiệm trong các bộ phận. Rồi lại đem kinh nghiệm chung và mới, đúc thành chỉ thị mới. Cứ như thế mãi.

Biết làm như vậy mới thật là biết lãnh đạo.

*

* *

Bất kỳ công tác gì, chiến tranh, sản xuất, giáo dục, kiểm soát cơ quan lãnh đạo cấp trên chủ nghĩa phải kinh qua những người phụ trách chung của cơ quan lãnh đạo cấp dưới, mỗi khi có việc gì liên quan đến một ngành hoạt động nào đó thuộc cấp dưới. Có như thế mới đạt được mục đích phân công mà thống nhất.

Không nên một bộ phận nào đó thuộc cấp trên chỉ tìm thẳng dọc xuống bộ phận cùng loại thuộc những cơ quan cấp dưới (như ban tổ chức cấp trên chỉ tìm ban tổ chức cấp dưới, ban tuyên truyền cấp trên chỉ tìm ban tuyên truyền cấp dưới...), để liên lạc chỉ đạo theo hệ thống dọc, thành thử người phụ trách chung thuộc cơ quan cấp dưới, như thư ký, chủ tịch, chủ nhiệm... không biết đến hoặc không phụ trách.

Phải cho cả người phụ trách chung và những người phụ trách bộ phận cấp dưới đều biết, đều phụ trách.

Một việc gì do người phụ trách chung chỉ huy, thì nhiều cán bộ hoặc

tất cả cán bộ đều ra làm. Như thế tránh được cái tệ cán bộ không phụ trách, mà mọi người đều thanh ra cán bộ cho công tác đó.

Đó cũng là một cách: người lãnh đạo liên hợp với quần chúng. Thí dụ: việc kiểm soát cán bộ trong trường học. Nếu người lãnh đạo số đông hoặc tất cả nhân viên và học sinh trong trường tham gia công việc kiểm soát, mà nhân viên trong ban kiểm tra cấp trên biết chỉ đạo đúng theo cách "lãnh đạo liên hợp với quần chúng", thì việc kiểm soát nhất định kết quả tốt.

Bất kỳ địa phương nào, cơ quan nào, thường trong một lúc có nhiều công việc trọng yếu. Trong một thời gian đó, lại có một việc trọng yếu nhất và vài ba việc trọng yếu vừa. Người lãnh đạo trong địa phương hoặc cơ quan đó phải xét kỹ hoàn cảnh mà sắp đặt công việc cho đúng. Việc chính, việc gấp thì làm trước. Không nên lộn xộn, không có kế hoạch, gấp việc nào, làm việc ấy, thành thử việc nào cũng là việc chính, lộn xộn, không có ngàn nấp.

Đối với mỗi địa phương, mỗi cơ quan, người lãnh đạo cấp trên cần phải xét cho rõ tình hình, hoàn cảnh và điều kiện cả địa phương hoặc cơ quan đó, mà quyết định việc gì là việc chính của thời kỳ nào. Khi đã quyết định, thì phải thực hành triệt để, cho đạt kết quả đã định.

Đó cũng là cách "lãnh đạo liên hợp với quần chúng", chính sách chung liên hợp với chỉ đạo riêng.

Trên đây là những nguyên tắc lớn trong việc lãnh đạo.

Những cán bộ phụ trách phải theo nguyên tắc đó, đừng lồi lõm mà làm. Đồng thời phải ra sức suy nghĩ, tìm tòi, để tăng thêm sáng kiến của mình.

Công việc càng gay go thì sự lãnh đạo càng phải liên hợp chặt chẽ với quần chúng, càng phải liên hợp chặt chẽ chính sách chung với chỉ đạo riêng, để phá tan cách lãnh đạo lơ mờ, quan liêu, chủ quan, bần giấy.

3. Học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng.

Dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng.

Vì vậy, chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng.

Vì vậy, mỗi một khẩu hiệu, mỗi một công tác, mỗi một chính sách của chúng ta, phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng, phải nghe theo nguyện vọng của dân chúng.

Mà muốn hiểu biết, học hỏi dân chúng, thì ắt phải có nhiệt thành, có quyết tâm, phải khiêm tốn, phải chịu khó. Nếu không vậy, thì dân chúng sẽ không tin chúng ta. Biết, họ cũng không nói. Nói, họ cũng không nói hết lời.

Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được.

Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên.

Làm việc với dân chúng có hai cách:

1. Làm việc theo cách quan liêu. Cái gì cũng dùng mệnh lệnh ép dân chúng làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo.

Có nhiều cán bộ theo cách đó. Họ còn tự đắc rằng: làm như thế, họ vẫn "làm tròn nhiệm vụ", làm được mau, lại không rầy rà.

Họ quên rằng: Đảng ta và Chính phủ ta làm việc là làm cho dân chúng. Việc gì, cũng vì lợi ích của dân mà làm. Làm theo cách quan liêu đó thì dân oán. Dân oán, dù tạm thời may có chút thành công, nhưng về mặt chính trị, là thất bại.

2. Làm theo cách quần chúng. Việc gì cũng hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc. Giải thích cho dân chúng hiểu rõ. Được dân chúng đồng ý. Do dân chúng vui lòng ra sức làm.

Như thế hơi phiền một chút, phiền cho những người biếng học hỏi và giải thích. Nhưng việc gì cũng nhất định thành công.

Có người nói rằng: mọi việc họ đều phụ trách trước Đảng, trước Chính phủ. Thế là đúng, nhưng chỉ đúng một nửa. Họ phụ trách trước Đảng và Chính phủ, đồng thời họ phải phụ trách trước nhân dân. Mà phụ trách trước nhân dân nhiều hơn phụ trách trước Đảng và Chính phủ, vì Đảng và Chính phủ vì dân mà làm việc, và cũng phụ trách trước nhân dân. Vì

vậy, nếu cán bộ không phụ trách trước nhân dân, tức là không phụ trách trước Đảng và Chính phủ, tức là đưa nhân dân đối lập với Đảng và Chính phủ.

Nếu trong những chính sách, những chỉ thị, những khẩu hiệu của cấp trên, có gì khuyết điểm, cán bộ phải có tinh thần phụ trách trước nhân dân mà đề nghị những chỗ nên sửa đổi. Không làm như vậy, tức là cán bộ không phụ trách trước nhân dân, mà cũng không phụ trách trước Đảng và Chính phủ.

Việc gì cũng bàn bạc với nhân dân, giải thích cho nhân dân. Thế là phụ trách trước nhân dân.

Trái lại việc gì cũng dùng cách quan liêu, cũng chỉ ra mệnh lệnh, thế là không phụ trách trước nhân dân. Thế là đem hai chữ "mệnh lệnh" làm thành một bức tường để tách rời Đảng và Chính phủ với nhân dân, tách rời lợi ích của nhân dân với chính sách của Đảng và Chính phủ.

Có nhiều cán bộ không bàn bạc, không giải thích với dân chúng, không để cho dân chúng phát biểu ý kiến, giải quyết các vấn đề, chỉ bắt buộc dân chúng làm theo mệnh lệnh. Thậm chí khi dân chúng đề ra ý kiến và nêu rõ vấn đề, họ cũng tìm cách dìm đi. Họ chỉ làm theo ý kiến của họ. Kết quả làm cho dân chúng nghi ngờ, uất ức, bất mãn.

Làm cách đó, thì dù việc đó có lợi cho dân chúng, nhưng một là vì không có ý kiến và lực lượng của dân chúng giúp đỡ nên làm không đến nơi đến chốn. Hai là vì dân chúng bị miễn cưỡng, nên không vui lòng. Ba là vì dân chúng không hiểu rõ, nên việc đó không được lâu dài, bền vững.

Vì vậy, việc gì cũng phải hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc, và giải thích cho dân chúng.

Có người thường cho dân là dốt không biết gì, mình là thông thái tài giỏi. Vì vậy họ không thêm học hỏi dân chúng, không thêm bàn bạc với dân chúng.

Đó là một sự sai lầm nguy hiểm lắm. Ai có sai lầm đó, phải mau mau sửa đổi. Nếu không sẽ luôn luôn thất bại.

Chúng ta biết rằng: lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng.

Kinh nghiệm trong nước và các nước tỏ cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra.

Kinh nghiệm các địa phương cho biết: nơi nào công việc kém, là vì cán bộ cách xa dân chúng, không cùng dân chúng bàn bạc, không giải thích. Nơi kha khá, là vì cán bộ biết giải thích, biết cùng dân chúng bàn bạc, nhưng chưa hoàn toàn. Nơi nào khá lắm là vì việc gì to nhỏ, cán bộ cũng biết giải thích, biết cùng dân chúng bàn bạc đến nơi đến chốn, dựa vào dân chúng.

Muốn dân chúng thành thật bày tỏ ý kiến, cán bộ phải thành tâm, phải chịu khó, phải khéo khơi cho họ nói. Do ý kiến và đề nghị lễ tễ của dân chúng, ta phải khéo gom góp lại, sắp đặt lại cho có ngăn nắp, thứ tự rồi cùng dân chúng ra sức thi hành. Như vậy, vừa nâng cao trình độ của dân chúng, mà cũng nâng cao kinh nghiệm của mình.

Đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của dân chúng là họ hay so sánh.

Họ so sánh bây giờ và họ so sánh thời kỳ đã qua. Họ so sánh từng việc và họ so sánh toàn bộ phận. Do sự so sánh, họ thấy chỗ khác nhau, họ thấy mối mâu thuẫn. Rồi lại do đó, họ kết luận, họ đề ra cách giải quyết.

Dân chúng so sánh đúng, giải quyết đúng, là vì tai mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy.

Vì sự so sánh kỹ càng đó, mà cách giải quyết của dân chúng bao giờ cũng gọn gàng, hợp lý, công bình.

Đối với cán bộ cũng vậy. Cán bộ nào tốt, cán bộ nào xấu, cán bộ nào có lầm lỗi mà có thể sửa đổi, ai làm việc gì hay, việc gì quấy, dân chúng cũng do cách so sánh đó, mà họ biết rõ ràng.

Vì vậy, để cho dân chúng phê bình cán bộ, dựa theo ý kiến họ mà cất nhắc cán bộ, nhất định không xảy ra việc thiên tư, thiên vị, nhất định hợp lý và công bằng. Đồng thời, do sự dùi mài của dân chúng, cán bộ và dân chúng đều tiến bộ, lại do đó, cán bộ và dân chúng đoàn kết chặt chẽ thêm.

Cố nhiên, dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiên tiến, có lớp chùng chùng, có lớp lạc hậu.

Tuy vậy, khi đem vấn đề ra bàn trước dân chúng, họ đem các ý kiến khác nhau so sánh. So đi sánh lại, sẽ lòi ra một ý kiến mà mọi người đều tán thành, hoặc số đông người tán thành. Ý kiến đó, lại bị họ so sánh tỉ mỉ từng đoạn, họ thêm điểm hay vào, bỏ điểm dở đi. Ý kiến đó trở nên ý kiến đầy đủ, thiết thực.

Sau khi bàn bạc, so sánh, thêm thắt, thành một ý kiến đầy đủ, ý kiến đó tức là cái kích thước nó tỏ rõ sự phát triển trình độ của dân chúng trong nơi đó, trong lúc đó. Theo ý kiến đó mà làm, nhất định thành công. Làm không kịp ý kiến đó, là dẫu cơ, nhứt nhát. Làm quá ý kiến đó là mạo hiểm, hẹp hòi, "tả".

Có nhiều cách hỏi ý kiến dân chúng. Nói chuyện với từng người. Nói chuyện với đông người. Khai hội, nói chuyện với tầng lớp này, nói chuyện với tầng lớp khác, với mọi tầng lớp.

Nếu ta chịu khó, chịu suy nghĩ, bất kỳ nói chuyện với ai cũng có ích cho tư tưởng của ta.

Cố nhiên, không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo. Người cán bộ cũng phải dùng cách so sánh của dân chúng mà tự mình so sánh. Nghĩa là đem các ý kiến khác nhau để so sánh kỹ, phân tích kỹ các nội dung của các tầng lớp xã hội có cái ý kiến đó. Tìm ra một mâu thuẫn trong những ý kiến khác nhau đó. Xem rõ cái nào đúng, cái nào sai. Chọn lấy ý kiến đúng, đưa ra cho dân chúng bàn bạc, lựa chọn lại, để nâng cao dần dần sự giác ngộ của dân chúng.

Thế gọi là: Tập trung ý kiến, ra sức thi hành.

So đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc có khoa học. Mỗi công việc, chúng ta đều phải làm như thế. Làm như thế mới tránh khỏi cái dộc đoán, mới tránh khỏi sai lầm.

Nghĩa là: nói chuyện và bàn bạc với cán bộ như thế cũng chưa đủ, còn phải nói chuyện và bàn bạc với những phần tử hăng hái trong quần chúng. Nói chuyện và bàn bạc với những phần tử hăng hái trong quần

chúng cũng chưa đủ, còn phải nói chuyện và bàn bạc với nhân dân. Đó là một vấn đề rất trọng yếu cho cách làm việc của Đảng.

Từ trước đến nay, nhiều nơi công việc không chạy, chính vì cán bộ không thực hành theo nguyên tắc đó. Nếu không làm theo nguyên tắc đó, thì dù chính sách hay trăm phần trăm, cũng hoá ra vô dụng.

Chúng ta phải kiên quyết bỏ sạch lối quan liêu, lối chật hẹp, lối mệnh lệnh. Chúng ta phải kiên quyết thực hành theo nguyên tắc sau:

1. Việc gì cũng phải học hỏi và bàn bạc với dân chúng, giải thích cho dân chúng.

2. Tin vào dân chúng. Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết. Chúng ta có khuyết điểm, thì thật thà thừa nhận trước mặt dân chúng. Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa. Dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta.

3. Chớ khư khư giữ theo "sáo cũ". Luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ, tùy hoàn cảnh thiết thực trong nơi đó, và lúc đó, đưa ra tranh đấu.

4. Chúng ta tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng. Nhưng phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hoá nó thành cách chỉ đạo nhân dân.

5. "Phải đưa chính trị vào giữa dân gian". Trước kia, việc gì cũng từ trên dội xuống". Từ nay việc gì cũng từ "dưới nhoi lên".

Làm như thế, chính sách, cán bộ và nhân dân sẽ nhất trí, mà Đảng ta sẽ phát triển rất mau chóng và vững vàng.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T.5. Tr: 285-298)

THƯ GỬI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ HUYỆN CỦA BA TỈNH BẮC NINH, BẮC GIANG, LẠNG SƠN

Các đồng chí có sáng kiến đặt kế hoạch ba tháng có đủ các mục chính trị, quân sự, kinh tế, v.v... Như thế là tốt.

Tiếc vì các kế hoạch đó đều là chủ quan, không căn cứ vào thực tế, cho nên một khi gặp sự thử thách - như trận dịch tăn công vừa rồi. thì tăn loạn hết.

Khu XII, nhất là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang là đất khá rộng, người khá đông, dân khá giàu, súng khá nhiều, trình độ cao. Đáng lẽ là một khu kiểu mẫu. Thế mà sự thực thì như thế nào?

Về quân sự: Khi dịch tăn công, ngoài một ít nơi, còn thì bộ đội chạy, du kích chạy, cơ quan chạy, cán bộ chạy. Để dân hoang mang, vất vả. cực khổ thiệt hại, oán giận. Đến nỗi nhân dân làng này không cho đồng bào làng khác vào lánh nạn. Không chịu bán gạo, rau cho bộ đội.

Đó là một tình trạng rất đáng tiếc, đáng đau lòng. Trách nhiệm ấy ai phải chịu?

Về hành chính: Cấp xã là gần gũi nhân dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì mọi công việc đều xong xuôi. Thế mà vì hẹp hòi, bao biện, không biết phân công. Vì nhân dân chưa biết lựa chọn để cử ra những người có năng lực. Vì cấp trên không biết cất nhắc, giúp đỡ, đốc thúc, kiểm tra, huấn luyện. Thành thử phần nhiều cấp xã là uế oải, thiếu năng lực, kém tinh thần.

Về kinh tế. Ba tỉnh ta, ruộng đất phì nhiêu, nhân dân chịu khó. đáng lẽ nông nghiệp được dồi dào. Thế mà dân thiếu vải muốn trồng bông, nuôi nuôi tằm. Nhưng cán bộ không biết tìm hạt, tìm giống cho dân. hoặc tìm phải thứ xấu. Không chịu khó đi tận nơi mà bày vẽ cho dân.

Các đồn điền thì quản lý một cách sơ sài, luộm thuộm, không phát triển mà lại thoái bộ. Không lợi cho Chính phủ, không ích cho đồng bào.

Tín dụng sản xuất thì thi hành sai mục đích. Cho vay để tiêu pha nhiều hơn là cho vay để sản xuất. Cũng không có tổ chức trong đám đồng bào nghèo cần vay để sản xuất.

Hợp tác xã không biết chọn những người có năng lực, có công tâm làm quản lý, để đến nỗi có sự nhùng nhàm, phá sản, thiệt thòi cho dân, mất cả tín nhiệm.

Về văn hoá: Trừ một vài nơi như Tiên Du biết giúp mở trường trung học, làng Song Khê biết mở mang bình dân học vụ, còn các nơi khác thì cách dạy học vẫn cũ kỹ, sự học không thiết thực với sự hành. Bình dân học vụ cũng không được phát triển như các tỉnh khác, khu khác.

Thông tin, tuyên truyền thì chậm chạp, thiếu thốn. Ở các thôn xã nhiều khi hàng tháng không có tin tức.

Báo chí thì đã chậm lại thiếu sự hiểu biết chính trị. Có khi đưa ra những tin không lợi cho đoàn kết và kháng chiến, như mạt sát làng nọ khi họ đã biết nhận sai lầm. Công kích nhảm một vị linh mục kia. Nói rõ tên bộ đội mình, kể rõ địa điểm và sự thiệt hại sau lúc địch ném bom...

Về y tế: Thì không tích cực chủng đậu cho dân, các trạm phát thuốc thì không kiểm soát chặt chẽ, không cố gắng tuyên truyền vệ sinh.

Nói tóm lại: Mọi việc đều còn lúng túng.

Các đồng chí cần phải căn cứ vào những khuyết điểm mình tự nhận thấy, mà lập tức lập một chương trình thiết thực, bệnh nào thuốc ấy để sửa chữa ngay những khuyết điểm đó.

Các đồng chí phải theo sát hoàn cảnh, đi sát với dân chúng. Phải đem cả lòng vì nước vì dân, chí công vô tư, cần kiệm liêm chính mà làm cho ba tỉnh ta mau tiến bộ.

Các đồng chí có thể làm, các đồng chí phải làm cho kỳ được.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 9 tháng 2 năm 1948

Hồ Chí Minh

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2.15, tr: 371 - 373).

CÁCH LÀM VIỆC TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, CÁ NHÂN PHỤ TRÁCH

Chính quyền thì có những hội đồng. Các đoàn thể thì có những uỷ ban. Đó là tập thể lãnh đạo.

Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo?

Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể không thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề.

Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm.

Ý nghĩa của tập thể lãnh đạo rất giản đơn, chân lý của nó rất rõ rệt. Tục ngữ có câu: "Khôn bầy hơn khôn độc" là nghĩa đó.

Vì sao cần phải cá nhân phụ trách?

Việc gì đã được đồng người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho 1 người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy.

Nếu không có cá nhân phụ trách, thì sẽ sinh ra cái tệ người này uỷ cho người kia, người kia uỷ cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong. Tục ngữ có câu: "Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa" là như thế. Vì lẽ đó cho nên lãnh đạo cần phải tập thể, mà phụ trách cần phải cá nhân.

Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bữa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc.

Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Nhưng không phải vấn đề gì nhỏ nhặt, vụn vặt, một người vẫn có thể giải quyết được, cũng đưa ra bàn - mới là tập thể lãnh đạo. Nếu làm như vậy, là hiểu tập thể lãnh đạo một cách máy móc. Kết quả là cứ khai hội mà hết ngày giờ.

Những việc bình thường, một người có thể giải quyết đúng, thì người phụ trách cứ cẩn thận giải quyết đi. Những việc quan trọng, mới cần tập thể quyết định.

Tập thể lãnh đạo là dân chủ.

Cá nhân phụ trách là tập trung.

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là dân chủ tập trung.

Làm việc mà không theo đúng cách đó, tức là làm trái dân chủ tập trung.

Người nào có chân trong một uỷ ban nào mà làm biếng không đến dự mọi cuộc hội nghị của ban ấy, hoặc không cân nhắc suy nghĩ kỹ lưỡng những vấn đề cần phải bàn bạc và giải quyết hoặc không phát biểu ý kiến của mình đối với vấn đề ấy, là trái với nhiệm vụ của mình và không xứng đáng là một người lãnh đạo.

Người nào phụ trách thi hành, mà không làm đúng kế hoạch do đa số đã quyết định, làm trái với nhiệm vụ của mình, và cũng không xứng đáng là một người lãnh đạo.

Vì vậy, những người cán bộ phải thực hành cho kỳ đúng cái chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t5, tr 504 - 506).

BÀI NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC HỘI NGHỊ CÁN BỘ CỦA ĐẢNG LẦN THỨ SÁU

Lần này, Đại hội có đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc và cán bộ cao cấp của Đảng trong chính quyền, quân sự, kinh tế, tài chính, đảng vụ, dân vận, kiểm tra... về dự, đó là một điểm tốt.

Những vấn đề thảo luận thì nhiều, nhưng đều hướng vào một đường đi: kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng đã định, ta nhằm vào phương hướng ấy mà đi, thế nào cũng đi tới đích.

Năm nay, những việc chúng ta phải làm là:

1. Đẩy tới quân sự, kháng chiến trên hết, quân sự trên hết. Mọi việc phải nhằm vào điểm làm cho kháng chiến thắng lợi.

2. Chấn chỉnh bộ máy chính quyền từ dưới lên trên, bắt đầu từ xã; dưới làm lên trên, trên làm xuống dưới, tự nhiên mọi việc sẽ thành.

3. Làm ra nhiều, chi dùng ít. Không cần thì không chi dùng. Đó là tất cả chính sách kinh tế, tài chính của ta.

4. Chỉnh đốn các đoàn thể quần chúng. Ta thắng lợi là nhờ dân mà hiện giờ nhiều đoàn thể dân chúng còn rất kém.

5. Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ. Phải nêu ra những việc chính, nắm lấy đó mà làm.

Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc trên ví như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng.

Trong Đảng, có những việc khẩn yếu như:

a. Ta thiếu nhiều cán bộ quá: phải đào tạo huấn luyện cho dần dần có đủ. Muốn có nhiều cán bộ, Đảng phải giúp đỡ cho cán bộ tự học tập. Đảng

đã giúp, cán bộ phải chịu khó học. Đồng chí ta nhiều người kinh nghiệm thực hành khá, nhưng về văn hóa thì ít. Những đồng chí trí thức đọc nhiều nhưng không có kinh nghiệm công tác, chưa quen nền nếp làm việc của Đảng.

Vậy phải nâng cao lý luận cho cán bộ cũ và dạy cho cán bộ trí thức làm công tác quần chúng.

b. Lỗi làm việc trong Đảng hiện nay mắc hai khuyết điểm;

- Cán bộ cũ làm việc theo lối thủ công nghiệp.

- Cán bộ mới làm theo lối khoa học nhưng lại quá trốn, không hợp với hoàn cảnh kháng chiến.

Phải sửa chữa lỗi làm việc cho hợp lý, vừa với điều kiện của ta, đừng phạm vào hình thức, máy móc.

c. Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, có đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Đồng chí ta nhiều người đã làm được nhưng vẫn còn những người hủ hóa. Đảng có trách nhiệm gột rửa cho những đồng chí đó.

Hồ hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã. Đồng chí ta phải học lấy bốn đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính.

Muốn làm cách mạng, phải cải cách tính nết mình trước tiên.

d. Đồng chí ta, tuy có khác nhau về chủng tộc hay khác nhau về nguồn gốc gia cấp, nhưng là những người cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng, chung khổ, cho nên phải thật thà đoàn kết. Muốn đi tới mục đích, không phải chỉ tổ chức là đủ, phải chân thành trong tư tưởng nữa.

Ta có hai cách để thực hiện thống nhất tư tưởng, đoàn kết nội bộ là: Phê bình và tự phê bình.

Từ trên xuống dưới, ai nấy đều phải dùng nó để ngày càng đoàn kết, tiến bộ.

d. Giữ kỷ luật.

Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng.

*

* *

Ta họp trong lúc phong trào cách mạng thế giới đang tiến triển rất mau, nhất là cuộc thắng lợi của nhân dân và Đảng Trung Quốc .

Về thành tích thì Đảng ta là Đảng đầu tiên ở Đông Nam Á giành được chính quyền. Nói như thế không phải để tự cao, tự đại, mà để gắng làm tròn trách nhiệm.

Thế giới có 2000 triệu người, số đảng viên cộng sản có trên 20 triệu, do đó cứ 100 người dân là có một người cộng sản ở Đông Dương, theo số liệu hiện nay, cứ 112 người dân là có một người cộng sản. Đó là điều đáng mừng. Nếu ai cũng làm được đầy đủ nhiệm vụ thì kháng chiến nhất định thắng lợi, kiến quốc nhất định chóng thành công.

Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm !

Cách mạng thế giới thành công muôn năm !

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t.1, tr551-552).

DÂN VẬN

Vấn đề Dân vận nói đã nhiều, bàn đã kỹ nhưng vì nhiều địa phương, nhiều cán bộ chưa hiểu thấu, làm chưa đúng, cho nên cần phải nhắc lại.

I. NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

II. DÂN VẬN LÀ GÌ ?

Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho.

Dân vận không thể chỉ dùng báo chương, sách vở, mít tinh, khẩu hiệu, truyền đơn, chỉ thị mà đủ. Trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được. Điểm thứ hai là bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành.

Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân.

Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng.

III. AI PHỤ TRÁCH DÂN VẬN

Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v...) đều phải phụ trách dân vận. Thí dụ phong trào thi đua cho đủ ăn, đủ mặc.

Cán bộ chính quyền và cán bộ Đoàn thể địa phương phải cùng nhau bàn tính kỹ càng, cùng nhau chia công rõ rệt, rồi cùng nhau đi giải thích cho dân hiểu, cổ động dân, giúp dân đặt kế hoạch, tổ chức nhân công, sắp xếp việc làm, khuyến khích, đôn đốc, theo dõi, giúp đỡ dân giải quyết những điều khó khăn...

Cán bộ canh nông thì hợp tác mật thiết với cán bộ địa phương, đi sát với dân, thiết thực bày vẽ cho dân cách trồng trọt, chăn nuôi, cách chọn giống, ủ phân, làm cỏ... Những hội viên các đoàn thể thì phải xung phong thi đua làm, để làm kiểu mẫu cho dân, giúp dân làm.

IV. DÂN VẬN PHẢI THỂ NÀO?

Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc. Khuyết điểm to ở nhiều nơi là xem khinh việc dân vận. Cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ. Vận được thì tốt, vận không được cũng mặc. Những cán bộ khác không trông nom, giúp đỡ, tự cho mình không có trách nhiệm dân vận. Đó là sai lầm rất to, rất có hại. Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T5. Tr698 - 700)

BÀI NÓI TẠI BUỔI PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO SẢN XUẤT VÀ TIẾT KIỆM

Năm nay chúng ta cũng có một cuộc Hội nghị cán bộ chính quyền. nhưng năm nay Hội nghị có một ý nghĩa đặc biệt. Trước kia chúng ta đã cố gắng làm công tác sản xuất và tiết kiệm một cách có kế hoạch nhưng còn thiếu sót. Năm nay chúng ta có một kế hoạch sản xuất và tiết kiệm đầy đủ hợp lý hơn.

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ TIẾT KIỆM

Vì ý nghĩa đặc biệt ấy nên có Quốc hội. Mặt trận, Chính phủ Trung ương, có cán bộ từ Nam chí Bắc tham dự Hội nghị này. Do ý nghĩa đặc biệt ấy với sự giúp đỡ của Quốc hội, của Mặt trận, với sự cố gắng của Chính phủ, với sự thi đua thực hiện của bộ đội và nhân dân, kế hoạch sản xuất và tiết kiệm sẽ thành công.

Kế hoạch sản xuất và tiết kiệm là một kế hoạch dân chủ, nghĩa là từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, nghĩa là Chính phủ Trung ương có kế hoạch cho toàn quốc, và địa phương căn cứ theo kế hoạch toàn quốc mà đặt kế hoạch thích hợp với địa phương mình, cho đến mỗi ngành, mỗi gia đình, mỗi người sẽ có kế hoạch riêng của mình, ăn khớp với kế hoạch chung. Vì vậy từ khu đến tỉnh, huyện, cho đến xã phải làm thế nào cho kế hoạch đó thiết thực và nhất định phải làm cho kỳ được. Làm kế hoạch một cách dân chủ như vậy, chúng ta nhất định thành công. Kế hoạch sản xuất và tiết kiệm muốn thành công cần ba điều kiện: thiên thời, địa lợi, nhân hoà, và nhân hoà là chính. Nhân hoà gồm 3 lực lượng:

- Đoàn thể và Chính phủ,
- Bộ đội và nhân dân,
- Cán bộ.

Kinh nghiệm đã tỏ rằng chính sách, phương châm của Chính phủ và Đoàn thể là đúng. Kinh nghiệm cũng đã tỏ rằng bộ đội và nhân dân bao cũng sẵn sàng chịu đến hy sinh, bất kỳ trong mọi việc lớn nhỏ.

Kinh nghiệm cũng tỏ rằng chúng ta có 2 hạng cán bộ: Hạng thứ nhất là những cán bộ nắm vững chính sách, phương châm của Chính phủ và Đoàn thể, học tập kỹ càng và cố gắng làm cho đúng chính sách đó. Vì vậy họ thành công. Thành công vì cán bộ quân dân chính đã đoàn kết nhất trí, phân công rạch ròi, hợp tác chặt chẽ, đi đúng đường lối nhân dân, học hỏi nhân dân, bàn bạc mọi việc với nhân dân và cùng nhân dân quyết định. Trái lại có hạng cán bộ không chịu khó học tập chính sách, phương châm của Chính phủ, của Đoàn thể, có khi tự tiện thay đổi châm chước chính sách và phương châm ấy. Vì quân, dân, chính không đoàn kết chặt chẽ, vì thiếu phối hợp công tác, vì không đi đúng đường lối nhân dân, không cùng nhân dân bàn bạc, quan liêu, mệnh lệnh đối với nhân dân, hoặc theo đuôi nhân dân. Hạng cán bộ này thất bại. Vậy những cán bộ đã làm đúng thì cố gắng mà tiến tới mãi và cán bộ nào chưa làm đúng thì cố sửa chữa làm cho đúng.

II. CHỐNG QUAN LIÊU, THAM Ô, LÃNG PHÍ

Bây giờ Chính phủ, Đoàn thể, nhân dân, bộ đội đang ra sức thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cũng như đang vun trồng một rừng cây. Rừng cây thì chắc chắn nở hoa sinh quả; nhưng cũng có những con sâu một rút lá, cắn hoa, khoét quả. Chúng ta phải tiêu diệt các con sâu một ấy: ấy là bệnh quan liêu, nạn tham ô lãng phí. Cho nên Chính phủ, Đoàn thể đề ra việc chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu và kêu gọi các cơ quan, các ngành, các địa phương tiến hành công tác này. Nói đến tham ô, có người chỉ nghĩ đến ăn cắp của công làm của tư mà không thấy thứ tham ô gián tiếp. Thí dụ một cán bộ, Chính phủ, nhân dân trả lương hàng tháng đều cho, nhưng lại kém lòng trách nhiệm, đứng núi này trông núi nọ, làm việc chậm chạp, ăn cắp giờ của Chính phủ, của nhân dân. Có người lại nói tham ô mới có tội, còn lãng phí thì không có tội. Thực ra việc khác nhau nhưng kết quả vẫn hao tổn của công, của Chính phủ, của nhân dân. Tham ô có hại; nhưng lãng phí có khi còn hại nhiều hơn: nó tai hại

hơn tham ô vì lãng phí rất phổ biến: lãng phí của cải, thì giờ, lực lượng của nhân dân, của Chính phủ. Thí dụ: Lãng phí trong việc huy động dân công phục vụ chiến dịch, lãng phí trong việc tiêu dùng đạn dược, vật liệu, tiền bạc, của cải. Thí dụ ở xã Đại Đồng (Liên khu IV) ăn mừng kết quả thu thuế nông nghiệp, người ta đã thịt 102(1) con bò. Ở Liên Xô lúc lập các nông trường tập thể, nhân dân phải tranh đấu chống bọn phản động giết trâu bò. Ở Trung Hoa cũng vậy. Thế mà ở ta có cán bộ bảo nhân dân giết trâu bò. Tuy dó chỉ à một nơi và giết để ăn mừng, nhưng cũng là lãng phí. Tôi rất đau lòng cho của cải của nhân dân, cho sự khờ dại của cán hộ. Vì đây mà có lãng phí và tham ô? Vì cán bộ phụ trách lãnh đạo các cấp, các ngành quan liêu không đi sát công việc, cán bộ, quần chúng nhân dân. Có thể nói bệnh quan liêu là chỗ gieo hạt vun trồng cho tham ô lãng phí nảy nở được.

Vì thế muốn chống tham ô, lãng phí, phải chống bệnh quan liêu. Nhưng tiến hành phải có chuẩn bị, có kế hoạch, có lãnh đạo, có trọng tâm. Vậy bất kỳ ngành nào, địa phương nào cũng phải giáo dục cho cán bộ nhân dân, chiến sĩ gồm ghét nạn tham ô, lãng phí, bệnh quan liêu. Đối với nơi nào, ngành nào mà 3 bệnh ấy đặc biệt nghiêm trọng thì Chính phủ, Đoàn thể sẽ có chỉ thị giúp nơi ấy, ngành ấy tiến công trước. Nếu tiến công lu bù thì sẽ thất bại. Công, của là của nhân dân thì nhân dân, bộ đội có quyền phê bình cán bộ nếu cán bộ làm sai. Chính quyền, Đoàn thể và các cấp chỉ huy quân đội phải cố gắng giáo dục hướng dẫn nhân dân và chiến sĩ làm việc ấy.

III. THI ĐUA ÁI QUỐC

Bây giờ nói đến thi đua ái quốc.

Chúng ta đã có kinh nghiệm thi đua ái quốc mấy năm. Bộ đội, nhân dân rất cố gắng và có nhiều thành tích. Năm nay việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm là nội dung của thi đua ái quốc. Muốn thành công, cán bộ cần giải thích, tuyên truyền, cổ động theo dõi rút kinh¹ nghiệm, phổ biến kinh nghiệm, thúc đẩy giúp đỡ người lạc hậu, khen thưởng người có công. Điểm ấy cán hộ các nơi còn thiếu sót nhiều. Thí dụ việc khen thưởng, Chính

¹ Theo bản đánh máy lưu trữ tại trung tâm lưu trữ quốc gia I

phủ, Đoàn thể và chính tôi nhắc nhở luôn, nhưng các địa phương quên. Có những ông bà cụ già ngoài bảy tám mươi tuổi, những em bé 11, 15 tuổi thi đua rất dắc lực (như ở Cao Bằng tôi có đi đến nơi hỏi ra mới biết). Tôi chắc tỉnh nào cũng có những người xuất sắc như vậy nhưng các nơi không có báo cáo. Có những gia đình 4 con ở bộ đội, cha mẹ là chiến sĩ lao động, mà địa phương không biết. Lại có những cán bộ anh hùng mà các địa phương cũng không biết. Thí dụ một cô bé 19 tuổi làm giao thông trong vùng địch bị địch bắt 4 lần, bị tra tấn dã man, sau đã thoát được và đã biên thư cho tôi, kể "mỗi khi bị tra tấn thì cháu nhất định không nói, vì nói ra thì làm hỏng việc kháng chiến; mỗi khi đau thì cháu nhớ cháu là một đảng viên". Vì vậy lần nữa tôi yêu cầu cán bộ địa phương phải nhớ và chú ý thúc đẩy người lạc hậu, khen thưởng người dắc lực. Xã, tỉnh, khu tùy thành tích mà khen thưởng, thành tích đặc biệt thì báo cáo lên Chính phủ. Chúng ta phải học kinh nghiệm của Liên Xô và Trung Quốc trong việc khen thưởng, vì khen thưởng khuyến khích rất nhiều, vì khen thưởng là tổng kết và phổ biến kinh nghiệm ra cho mọi ngành hoạt động (thí dụ có người lao động Liên Xô trồng thuốc lá được 3 lần thưởng anh hùng lao động). Về ý nghĩa thi đua thì cán bộ chưa hiểu thật sâu rộng:

1. Các nước tư bản chủ nghĩa không có tài gì thi đua; chỉ có xã hội chủ nghĩa, dân chủ nhân dân mới thi đua được. Ta thắng bọn đế quốc ở chỗ đó.

2. Nhờ thi đua mà nhân tài càng phát triển, của cải càng dồi dào, nhân dân càng sung sướng.

Nay ta kháng chiến để xây dựng một nước dân chủ mới, chỉ có thi đua mới giúp ta tiến bộ trên con đường ấy. Vậy từ đây về sau cán bộ phải làm cho mọi người khác hiểu ý nghĩa ấy của thi đua ái quốc.

IV. KẾT LUẬN

Tóm lại ta có hai việc phải làm và ba điều phải chống

Hai việc phải làm là:

1. Thi đua giết giặc lập công.
2. Thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm.

Ba điều phải chống là:

- 1. Nạn tham ô.**
- 2. Nạn lãng phí.**
- 3. Bệnh quan liêu.**

Chúng ta nhất định làm được. Những cán bộ già còn nhớ thời kỳ bí mật, chúng ta không có tiền, không có nhà ở, không có cơm ăn mà còn làm cách mạng thành công. Nay chúng ta có chính quyền, có mặt trận, có bộ đội, có đoàn thể nhân dân hưởng ứng, hơn nữa, có các nước bạn giúp đỡ cả tinh thần lẫn vật chất, thì nhất định chúng ta sẽ thành công trong hai công tác và ba điều chống nói trên. Vì vậy trước khi ra về, các cán bộ phải hứa với Chính phủ, với Đoàn thể, với chiến sĩ và nhân dân quyết thực hiện cho kỳ được kế hoạch sản xuất và tiết kiệm.

Kết luận:

Tăng gia và tiết kiệm

Ta cố gắng làm mau

Thế là:

Kháng chiến thắng lợi, dân giàu nước sang.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T6 Tr434-439)

TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ
(BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 3 -
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA II)

(Trích)

Chúng ta bước trong việc đặt nền tảng tài chính, mậu dịch, ngân hàng, nhưng cán bộ chưa nắm vững chính sách, chưa thông thạo chuyên môn, chưa chấp hành kỷ luật tài chính một cách nghiêm khắc. Chính trị: Trải qua mấy năm kháng chiến, chúng ta đã cố gắng và tiến bộ về mặt chính trị. Gần đây, tình hình và công tác của chúng ta có sự phát triển mới: Đảng công khai hoạt động, Việt Minh và Liên Việt thống nhất. Ủy ban liên lạc Việt - Miên - Lào thành lập, ta có đại sứ ở Liên Xô và Trung Quốc, chính sách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, các chính sách mới về kinh tế tài chính, chính sách sản xuất và tiết kiệm đã được thi hành và ngày càng được thi hành đầy đủ hơn. Những thắng lợi to lớn trong chiến dịch Hoà Bình, cuộc đấu tranh sau lưng địch dương giữ vững và phát triển. Những việc đó làm cho quân và dân ta thêm hăng hái, làm cho uy tín của Đảng và Chính phủ thêm sâu rộng. Phong trào thi đua ái quốc dần dần có nền nếp. Bộ đội thi đua giết giặc lập công, nhân dân thi đua tăng gia sản xuất, cán bộ thi đua sửa đổi lề lối làm việc, nói chung đều có kết quả.

Phong trào thi đua đã giúp nâng cao trình độ giác ngộ và củng cố thêm một đoàn kết của nhân dân. Cuộc Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc trong tháng 5 là một dịp tốt cho Đảng và Chính phủ động viên toàn quân và toàn dân thực hiện các nhiệm vụ và công tác kháng chiến. Về chính quyền: Chúng ta có tiến bộ nhiều, nhưng vì chúng ta quan niệm chưa đúng tính chất và sự quan trọng của chính quyền nhân dân nên chưa thật sự kiện toàn chính quyền về mặt công tác, tổ chức, cán bộ. Nền tảng mọi công tác là cấp xã, mà cấp xã nhiều nơi còn xộc xệch lắm, nhiều Ủy ban kháng chiến hành chính xã do kỳ hào cũ, hoặc địa chủ, phú nông nắm, công tác sinh hoạt Hội đồng nhân dân không đều, số cán bộ thoát ly sản

xuất quá nhiều, bộ máy công kênh, nhiều giấy tờ hình thức... Từ cấp trên xuống cấp dưới, công việc chậm trễ, nhiều khi không ăn khớp. Chúng ta phải sửa chữa các khuyết điểm kể trên, coi trọng và thật sự kiện toàn chính quyền dân chủ nhân dân về các mặt công tác, tổ chức, cán bộ. Nói đến chính trị, chúng ta phải xét thái độ của các giai cấp và tầng lớp xã hội Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến, để định phương châm, chính sách cho đúng.

Giai cấp công nhân:

Trải qua mấy năm kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân đã đoàn kết toàn dân, lãnh đạo toàn dân kháng chiến cứu nước. Các tầng lớp nhân dân bắt đầu nhận rằng: chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo thì kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công.

Giai cấp nông dân: Nông dân là tối đại đa số trong nhân dân nước ta. là bộ phận chủ chốt trong đội ngũ cách mạng, là giai cấp đóng góp nhiều nhất trong kháng chiến. Nông dân nói chung ủng hộ chính sách của Đảng và Chính phủ như: giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian, chia công điền, thu thuế nông nghiệp. Chính sách ấy đã đem lại lợi ích thiết thực cho quần chúng nông dân. Nhưng trong lúc thi hành, cán bộ chưa nắm vững chính sách, chưa theo đúng đường lối quần chúng, nên chưa phát huy được tính tích cực của quần chúng. chưa cải thiện đời sống nông thôn nhiều hơn, chưa biết tổ chức chặt chẽ và rộng khắp lực lượng to lớn của quần chúng nông dân.

Bần nông và cố nông là bán vô sản và vô sản trong nông thôn, là quần chúng chủ lực của cách mạng, là đồng minh chắc chắn nhất của giai cấp công nhân. Bần cố nông đã góp phần lớn lao nhất vào cuộc kháng chiến, sung vào bộ đội, di dân công, đóng góp thuế nông nghiệp. Trung nông, chẳng những kiên quyết tham gia kháng chiến, tham gia phản đế phản phong, mà còn có thể tham gia cách mạng xã hội chủ nghĩa. Họ là đồng minh vững chắc của giai cấp công nhân. Trải qua mấy năm kháng chiến, trung nông đã đông đảo thêm và địa vị của họ ở thôn quê ngày càng quan trọng.

Phú nông cũng ở trong giai cấp nông dân, họ là tư sản trong nông thôn. Họ có thể đi với giai cấp công nhân trong cách mạng dân tộc và dân

chủ. Chúng ta không thể coi phú nông như địa chủ, cũng không thể coi phú nông như trung, bản, cố nông, không để họ giữ quyền lãnh đạo trong chính quyền và đoàn thể quần chúng ở nông thôn. Chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo, thì nông dân mới được giải phóng. Cũng chỉ có thất chặt liên minh với nông dân thì giai cấp công nhân mới lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi. Cho nên giai cấp công nhân ắt phải chăm chú đến vấn đề nông dân, phải củng cố công nông liên minh. Giai cấp địa chủ là giai cấp áp bức bóc lột nông dân theo lối phong kiến. Một số đại địa chủ phản động dã theo địch, làm Việt gian bù nhìn. Chúng là kẻ thù của nhân dân, chúng phản bội Tổ quốc. Chúng ta phải đánh đổ chúng. Một bộ phận đại địa chủ thì có thái độ lừng chừng. Chúng ta phải kéo họ về phe kháng chiến, đồng thời phải đấu tranh để họ thi hành chính sách của Đảng và Chính phủ.

Còn trung địa chủ và tiểu địa chủ thì hoặc là họ giữ thái độ trung lập hoặc là tham gia kháng chiến. Một số trí thức xuất thân trung, tiểu địa chủ, và những thân sĩ tiến bộ thì hăng hái tham gia kháng chiến. Cho nên chúng ta đoàn kết với họ để kháng chiến. Cũng có một số trung, tiểu địa chủ, vì trọng lợi ích riêng của họ hơn lợi ích trung của kháng chiến, của dân tộc mà có thái độ ngoan cố, như không bằng lòng chính sách giảm tô, giảm tức, thuế nông nghiệp. Đối với họ, chúng ta phải thuyết phục, phải đấu tranh để thực hiện những cải cách dân chủ. Đối với những tầng lớp khác nhau và những phần tử khác nhau trong giai cấp địa chủ, chúng ta phải có những chính sách khác nhau.

Giai cấp tiểu tư sản:

Giai cấp này là một trong những động lực cách mạng, là bạn đồng minh tin cậy của giai cấp công nhân. Nói chung thì họ thừa nhận sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Họ hăng hái kháng chiến cứu nước. Trải qua mấy năm kháng chiến, đời sống của họ gặp nhiều khó khăn, chưa được thiết thực cải thiện. Trong tư tưởng và hành động, họ thường lung lay. Chúng ta phải cố gắng giúp đỡ họ cải thiện đời sống, cải tạo tư tưởng, rèn luyện chí khí và giữ vững lập trường phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến.

Giai cấp tư sản:

Bọn tư sản mại bản, có quyền lợi dính liền với đế quốc Pháp, Mỹ, là bọn phản động, phản quốc. Chúng ta phải đánh đổ chúng.

Tư sản dân tộc thì ủng hộ cách mạng dân tộc và dân chủ, ủng hộ kháng chiến, tán thành chính sách của Đảng và Chính phủ (như chính sách lợi cả chủ và thợ, cả công và tư). Nhưng hoàn cảnh kháng chiến hạn chế hoạt động kinh doanh của họ. Phần nhiều, họ có thái độ "chờ thời" .

Dân tộc thiểu số. Nói chung, đồng bào thiểu số rất hăng hái tham gia kháng chiến, nhờ đó chúng ta đã phá được chính sách chia rẽ dân tộc của địch. Nhưng có nơi thì một phần vì ta chưa có chính sách rõ rệt, một phần do cán bộ địa phương kém, cho nên ở đó có một số đồng bào thiểu số sớm bị địch lợi dụng, chống lại ta. Tôn giáo: Phần lớn đồng bào tôn giáo, nhất là các tầng lớp lao động yêu nước kháng chiến, như công giáo ở nhiều nơi, như Cao Đài kháng chiến... Một phần thì bị địch lợi dụng như ngụy quân Cao Đài, Hoà Hảo, công giáo ở Nam bộ. Một số đồng bào công giáo tuy bản chất thì tốt, nhưng bị bọn cầm đầu phản động lung lạc, nên họ hoài nghi chính sách của Đảng và Chính phủ. Đó là vì, địch dùng chính sách chia rẽ, song một phần cũng vì ta chưa có phương pháp thích hợp để vận động đồng bào tôn giáo. Đồng thời vì cán bộ ta kém, có nơi đã có những hành động lỗ lã, phạm đến tín ngưỡng và quyền lợi của đồng bào tôn giáo. Nói tóm lại, tôi đại đa số nhân dân ta là tốt, yêu nước, căm thù giặc ủng hộ kháng chiến. Nhưng vẫn còn một số vì họ đặt lợi ích cá nhân, lợi ích giai cấp của họ lên trên lợi ích dân tộc, hoặc vì họ bị địch lừa phỉnh, mua chuộc mà có thái độ lừng chừng, hoặc ngoan cố, thậm chí phản động.

Càng ngày địch càng dùng thủ đoạn quỷ quyệt và thâm độc hơn chia rẽ nhân dân ta, hòng phá khối đoàn kết toàn dân của ta. Chúng ta phải thi hành đúng chính sách của Đảng và Chính phủ đối với giai cấp, tầng lớp, đối với đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, để mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, phá âm mưu của địch: dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Về Mặt trận Liên Việt:

Việc thi hành chính sách Mặt trận, cũng như tổ chức và công tác Mặt trận có bề rộng nhưng kém bề sâu, kém củng cố cơ sở của Mặt trận là công nông liên minh, vẫn thiên về đoàn kết một chiều, kém đấu tranh, giúp đỡ, phê bình, giáo dục. Các ban lãnh đạo Mặt trận sinh hoạt không đều, công tác bị động. Các cấp uỷ đối với Mặt trận thì hoặc khoán trắng, hoặc bao biện. Ta chưa phát huy hết khả năng của Mặt trận. Khuyết điểm ấy là do

chúng ta còn coi nhẹ chính sách và công tác Mặt trận. Cán bộ và đảng viên ta phải hiểu: Mặt trận mạnh thì kháng chiến càng mạnh. Mặt trận hoạt động sôi nổi thì công việc kháng chiến càng thuận lợi. Chúng ta phải thi hành đúng chính sách Mặt trận của Đảng, giúp Mặt trận hoạt động mạnh hơn, sâu hơn, thiết thực hơn. Về Đảng: Đảng ta có cơ sở khắp cả nước, Đảng đã thu hút những người cách mạng nhất, ưu tú nhất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng có chính cương, đường lối đúng. Đảng lãnh đạo toàn dân đoàn kết kháng chiến, giành được nhiều thắng lợi. Đó là thành tích vẻ vang của Đảng ta.

Những khuyết điểm của Đảng là: giáo dục và tổ chức kém. cho nên số đảng viên đông (hơn 70 vạn) nhưng chất lượng kém. Nhiều đảng viên và cán bộ ta rất hy sinh tận tụy, làm gương mẫu trong mọi việc. được quần chúng kính phục và yêu mến. Nhưng số đông cán bộ và đảng viên ta chưa được rèn luyện trong đấu tranh, chưa được cải tạo tư tưởng, lập trường giai cấp vô sản không vững (nhất là đảng viên thành phần tiểu tư sản và đảng viên mới), cho nên đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng như:

- Không phân biệt rõ bạn và thù.
- Kém ý thức trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh.
- Không nắm vững, không thi hành đúng chính sách đại đoàn kết của Đảng, khi thì quá "tả", khi thì quá hữu (thường là quá hữu).
- Kém ý thức dân chủ và kỷ luật trong Đảng. Tự phê bình và phê bình không thật thà, không rộng khắp.
- Bệnh quan liêu, hủ hoá, tham ô, lãng phí khá nặng.

Về tổ chức thì các chi bộ, nhất là các chi bộ xã, quá kênh càng. lỏng lẻo, thành thử ít có sinh hoạt chi bộ, hoặc chỉ có hình thức.

Để phát triển những ưu điểm, sửa chữa những khuyết điểm trên. Trung ương quyết định việc chỉnh đốn Đảng là công tác chính phải làm ngay trong năm nay.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÔNG TÁC TRƯỚC MẮT

Để thiết thực chuẩn bị tổng phản công, Trung ương đề ra 3 nhiệm vụ lớn. Để thi hành những nhiệm vụ đó, Trung ương đề ra 4 công tác chính

cho năm nay. Đảng là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc. Để làm tròn nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Đảng phải mạnh, toàn Đảng tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí. Cho nên chính Đảng là việc chính, phải đặc biệt chú trọng.

Xét tình hình thế giới và tình hình trong nước, Trung ương định ra 3 nhiệm vụ lớn và 4 công tác chính như sau:

Ba nhiệm vụ lớn:

Tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Phá chính sách của địch: dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Bồi dưỡng lực lượng của nhân dân, của kháng chiến.

Hai nhiệm vụ trên:

Đánh địch về mặt quân sự và về mặt chính trị là để tiêu hao lực lượng địch. Tiêu hao lực lượng địch, bồi dưỡng lực lượng ta, hai việc ấy phải đi đôi với nhau. Tăng gia sản xuất và tiết kiệm là để bồi dưỡng lực lượng ta, giảm tiêu hao lực lượng địch. Tiêu hao lực lượng địch là để bồi dưỡng lực lượng ta. Cho nên 3 nhiệm vụ ấy phải cùng tiến hành với nhau.

Để hoàn thành 3 nhiệm vụ ấy, chúng ta phải làm 4 công tác chính dưới đây:

1. Thực hiện kế hoạch tăng gia sản xuất và tiết kiệm

Để cho dân hăng hái và có sẵn mà đóng góp cho kháng chiến, phải bồi dưỡng lực lượng của dân. Muốn bồi dưỡng lực lượng của dân, thì phải động viên, tổ chức, giúp đỡ, hướng dẫn dân tăng gia sản xuất và tiết kiệm. Phải dùng lực lượng của dân bồi dưỡng lực lượng cho dân. Phải bồi dưỡng lực lượng cho dân nhiều hơn yêu cầu đóng góp. Đồng thời phải giáo dục nhân dân và cán bộ tiết kiệm và chống những bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí, nếu không thì một phần khá to của dân đóng góp sẽ bị tiêu hao một cách vô ích.

2. Giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh sau lưng địch

Trong giai đoạn cầm cự, cuộc đấu tranh sau lưng địch ngày càng quan trọng. Phải vượt mọi khó khăn để xây dựng, củng cố và phát triển cơ sở

nhân dân trong vùng du kích và vùng tạm bị chiếm. Phải bám chặt lấy nhân dân, phải tổ chức và lãnh đạo nhân dân ở những vùng ấy đấu tranh bằng mọi cách để phá chính sách của địch: dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Phải giữ vững và phát triển chiến tranh du kích, tích cực chống càn quét, ra sức củng cố và mở rộng căn cứ du kích, đẩy mạnh toàn bộ cuộc đấu tranh dẻo dai sau lưng địch. Đó là một công tác rất quan trọng trong việc chuẩn bị chuyển sang tổng phản công.

3. Chấn chỉnh quân đội

Muốn cho quân đội ta quyết chiến quyết thắng hơn nữa thì phải săn sóc đời sống vật chất của họ, nâng cao trình độ chiến thuật và kỹ thuật của họ, nhất là giáo dục chính trị, làm cho có lập trường vững chắc, lập trường quân đội của nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong việc chỉnh huấn bộ đội, phải lấy chính trị làm gốc, phải khởi đầu từ cán bộ dần dần đến toàn thể nhân viên. Phải chú trọng bồi dưỡng và cất nhắc cán bộ công nông. Phải làm cho quân đội ta trở nên thật là một quân đội cách mạng của nhân dân, một quân đội vô địch.

4. Chỉnh Đảng

Đảng phải thật mạnh, thật trong sạch để thiết thực lãnh đạo những nhiệm vụ công tác nói trên. Muốn lãnh đạo vững thì trước hết cán bộ và đảng viên phải có tư tưởng và lập trường vững chắc để lãnh đạo để xung phong làm gương mẫu. Vì vậy, chỉnh Đảng là việc chính mà chúng ta phải làm ngay.

Chỉnh Đảng phải làm từng bước, phải có trọng tâm: Chỉnh huấn cán bộ trước rồi mới chỉnh đốn chi bộ. Chỉnh đốn tư tưởng trước rồi mới chỉnh đốn tổ chức.

- Chỉnh huấn cán bộ cao cấp phải do Trung ương trực tiếp lãnh đạo vì đó là mấu chốt của việc chỉnh đốn toàn Đảng. Chỉnh huấn nhằm vào: nâng cao trình độ tư tưởng và chính trị của cán bộ và đảng viên, tẩy bỏ tư tưởng phi vô sản và tiểu tư sản, thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, đoàn kết toàn Đảng để Đảng làm tròn nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang của mình.

Để làm cho quảng đại quần chúng nhân dân tham gia kháng chiến, để tăng thêm lực lượng của nhân dân hơn nữa và để bảo đảm kháng chiến lâu dài và chuẩn bị đầy đủ chuyển sang tổng phản công, chúng ta cần phải phát động quần chúng mạnh mẽ hơn nữa. Cho nên chính Đảng xong, thì phải chỉnh đốn công tác quần chúng. Trong việc chỉnh đốn này, trước hết là chỉnh đốn công tác nông vận, vì tối đại đa số nhân dân ta là nông dân và nền tảng kinh tế của ta hiện nay là nông nghiệp. Việc chỉnh đốn tổ chức và công tác của chi bộ và của Hội nông dân cứu quốc sẽ cùng làm trong cuộc phát động quần chúng này.

Tình hình quốc tế lợi cho ta, phe hoà bình dân chủ của ta mạnh, Đảng anh em ra sức giúp ta. Nhân dân và bộ đội ta hăng hái. Cán bộ và đảng viên ta cố gắng. Đường lối của Đảng ta đúng. Chúng ta có đủ những điều kiện thắng lợi, vậy cán bộ và đảng viên ta phải có tư tưởng đúng, lập trường vững, quyết tâm nắm chắc và hoàn thành 3 nhiệm vụ và 4 công tác chính. Như thế là chúng ta làm đúng đường lối trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh, thiết thực chuẩn bị tổng phản công để giành thắng lợi cuối cùng.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T6. Tr: 457 - 466)

BÀI NÓI TẠI LỚP CHỈNH HUẤN ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG ƯƠNG

Các đồng chí,

Tôi thay mặt Trung ương thân ái hoan nghênh các đồng chí về nghiên cứu học tập tại lớp chỉnh huấn đầu tiên này. Lớp chỉnh huấn này mở đầu cho cuộc chỉnh Đảng.

VÌ SAO TA PHẢI CHỈNH ĐẢNG?

Đảng ta đã lãnh đạo giai cấp và nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, giải phóng dân ta khỏi ách thực dân và chế độ quân chủ, xây dựng chậm quyền nhân dân. Ngày nay nhiệm vụ của Đảng ta là đoàn kết và lãnh đạo giai cấp cùng nhân dân kháng chiến kiến quốc. Đó là một nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang, chỉ có Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động làm được. Đảng ta có chủ nghĩa Mác- Lênin là chủ nghĩa cách mạng và khoa học nhất. Có đường lối và chính sách đúng nhất. Có cơ sở khắp cả nước. Có những cán bộ và đảng viên tận tụy hy sinh vô cùng oanh liệt. Nhưng vì điều kiện khó khăn, mà số đông cán bộ và đảng viên chưa được huấn luyện hẳn hoi cho nên tư tưởng và trình độ chính trị còn thấp kém và lệch lạc điều đó tỏ rõ ra ở mỗi khuyết điểm như: không nắm vững chính sách trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh; không phân biệt rõ ràng bạn và địch, bệnh quan liêu, công phần và nạn tham ô hủ hoá khá nặng, v.v...

Là một Đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiêu hãnh. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí. đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ v.v... của Đảng.

Mục đích chỉnh Đảng là nâng cao tư tưởng và trình độ chính trị của đảng viên và cán bộ, làm cho đảng viên và cán bộ theo đúng quan điểm và lập trường vô sản.

Nếu chúng ta chỉnh Đảng thành công thì nó sẽ khuếch trương những thắng lợi về quân sự, chính trị, kinh tế, v. v... Do chỉnh Đảng mà Đảng

rèn luyện chính đốn và tăng cường đội ngũ của mình, để giữ vững trường kỳ kháng chiến đến thành công. Đó là ý nghĩa của việc chỉnh Đảng. Chỉnh Đảng phải có trọng tâm. Chỉnh đốn tư tưởng rồi mới chỉnh đốn tổ chức. Chỉnh huấn cán bộ rồi mới chỉnh huấn toàn thể đảng viên. Vì vậy nhiệm vụ của các đồng chí dự lớp chỉnh huấn đầu tiên này là: thành khẩn học tập, thật thà tự phê bình và phê bình, hấp thụ thêm kinh nghiệm và đạo đức cách mạng. Sau khi chỉnh huấn xong thì thi đua giúp Trung ương chỉnh huấn toàn Đảng, toàn quân và chỉnh đốn công tác quần chúng.

Cán bộ quyết định mọi việc. Các đồng chí đều là cán bộ cao cấp, đều giữ những trách nhiệm quan trọng. Công việc thành hay là bại một phần lớn là do nơi tư tưởng đạo đức, thái độ và lề lối làm việc của các đồng chí.

Trung ương rất mong rằng trong cuộc chỉnh huấn này, các đồng chí cố gắng thi đua học tập rèn luyện để trở nên những cán bộ gương mẫu, xứng đáng với lòng trông mong tin cậy của Đảng, của Chính phủ, của quân đội và của nhân dân, trở nên những chiến sĩ đặc lực nhất trong sự nghiệp xây dựng Đảng và giúp Đảng đưa kháng chiến đến thắng lợi, kiến quốc đến thành công. Chúng ta là những người cách mạng, chúng ta có quyết tâm. chúng ta lại có các Đảng bạn giúp đỡ, khó khăn mấy chúng ta cũng quyết tâm làm cho kỳ được.

Mong các đồng chí cố gắng và thành công.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T6. Tr: 479 - 484)

THỰC HÀNH TIẾT KIÊM, CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, CHỐNG BỆNH QUAN LIÊU¹

Các đồng chí,

Chương trình công tác của Chính phủ, của Đoàn thể ta năm nay vẫn gồm trong tám chữ "Trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh". Để thực hiện đúng chương trình đó, Chính phủ và Đoàn thể nêu ra mấy điểm chính, là:

Thi đua giết giặc, thi đua tăng gia, thi đua tiết kiệm, và

Chống nạn tham ô,

Chống nạn lãng phí,

Chống bệnh quan liêu.

Về phong trào Thi đua giết giặc lập công. Bộ Tổng tư lệnh có kế hoạch đầy đủ đưa xuống tận các cán bộ và các chiến sĩ Vệ quốc quân, bộ đội địa phương và dân quân du kích để mọi người học tập, thấm nhuần và thực hiện. Về phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thì Chính phủ có kế hoạch chung đầy đủ. Các ngành, các địa phương và mọi gia đình dựa theo đó mà đặt kế hoạch riêng cho thiết thực, cho ăn khớp với nhau, để thực hiện cho kỳ được. Các đồng chí phụ trách sẽ nói chuyện rõ ràng về hai việc ấy. Đây tôi chỉ nói về vấn đề thi đua tiết kiệm, và chống nạn tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu.

I- TIẾT KIÊM

Trước hết, chúng ta hãy đặt mấy câu hỏi:

- Tiết kiệm là gì?

¹ Nói chuyện năm 1952 nhân dịp có phong trào sản xuất và tiết kiệm.

Vì sao phải tiết kiệm?

Tiết kiệm những gì?

- Ai cần phải tiết kiệm?

1. Tiết kiệm không phải là bủn xỉn, không phải là "xem đồng tiền to bằng cái nóng"¹, gặp việc đáng làm cũng không làm, đáng tiêu cũng không tiêu. Tiết kiệm không phải là ép bộ đội, cán bộ và nhân dân nhịn ăn, nhịn mặc. Trái lại, tiết kiệm cốt để vào tăng gia sản xuất, mà tăng gia sản xuất là để dần dần nâng cao mức sống của bộ đội, cán bộ và nhân dân. Nói theo lối khoa học, thì tiết kiệm là tích cực, chứ không phải là tiêu cực.

2. Trong 80 năm, nước ta bị đế quốc Pháp rồi đến đế quốc Nhật vơ vét hết, vì vậy mà kinh tế của ta nghèo nàn, lạc hậu. Nay chúng ta cần phải có một nền kinh tế khá, để kháng chiến và kiến quốc. Muốn xây dựng kinh tế, thì phải có tiền của để làm vốn. Muốn có vốn, thì các nước tư bản dùng 3 cách: vay mượn nước ngoài, ăn cướp của các thuộc địa, bóc lột công nhân, nông dân. Những cách đó chúng ta đều không thể làm được. Chúng ta chỉ có cách là một mặt tăng gia sản xuất, một mặt tiết kiệm để tích trữ thêm vốn cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế.

3. Chúng ta phải tiết kiệm tiền của. Việc gì trước phải dùng nhiều người, nhiều thời giờ, phải tốn 2 vạn đồng. Nay vì tiết kiệm được sức người và thời giờ, nguyên liệu, cho nên chỉ tốn 1 vạn là đủ.

Nói tóm lại: chúng ta phải tìm cách tổ chức sắp đặt cho hợp lý, để 1 người có thể làm việc như 2 người, 1 ngày có thể làm việc của 2 ngày, 1 đồng có thể dùng bằng 2 đồng.

4. Tất cả mọi người đều phải tiết kiệm

Trước nhất là các cơ quan, các bộ đội, các xí nghiệp.

Có người nói: bộ đội chỉ lo thi đua giết giặc lập công, bộ đội không phải là cơ quan sản xuất, thì tiết kiệm thế nào? Trong quân đội có quân nhu, quân giới, vận tải là những cơ quan cần phải tiết kiệm đã đành. Các chiến sĩ cũng cần tiết kiệm và cũng có thể tiết kiệm. *Thí dụ:* Trước kia tính đồ

¹ Nói chuyện năm 1952 nhân dịp có phong trào sản xuất và tiết kiệm.

đồng mỗi chiến sĩ bắn 50 viên đạn mới hạ 1 tên địch. Nay vì tập luyện siêng năng, bắn khá, tính đồng mỗi chiến sĩ bắn 10 viên đạn thì hạ được 1 tên địch. Thế là chiến sĩ tiết kiệm được 80% đạn. Do đó mà quân giới tiết kiệm được nguyên liệu và nhân công đúc đạn, để chế tạo những vũ khí khác. Trước kia Cục Vận tải phải chở 100 xe đạn, nay chỉ cần chở 20 xe, tiết kiệm được xe cộ và dầu mỡ. Xe chạy ít, thì đường sá phải sửa ít, thêm tiết kiệm được dân công,... Trong các chiến dịch thu được nhiều chiến lợi phẩm (thuốc, đạn, lương thực, súng ống,...), bộ đội biết quý trọng nó, tiết kiệm nó để dùng nó mà đánh giặc. Như thế cũng là tăng gia sản xuất. Có người nói: các cơ quan (thí dụ cơ quan tư pháp) ngoài việc tăng gia để tự túc, thì có gì mà tiết kiệm? Cơ quan nào cũng cần và cũng có thể tiết kiệm. Một thí dụ: cơ quan nào cũng dùng phong bì, nếu mỗi cơ quan đều tiết kiệm, một chiếc phong bì dùng 2, 3 lần, thì mỗi năm Chính phủ có thể tiết kiệm được hàng chục tấn giấy. Nếu cán bộ tư pháp nâng cao năng suất, làm việc mau chóng, thì sẽ giúp cho những đồng bào có việc đến tư pháp tiết kiệm được ngày, giờ để tăng gia sản xuất.

Nói tóm lại: Ai cũng có thể và cũng nên tiết kiệm.

5. Kết quả của tiết kiệm

Những thí dụ trên chứng tỏ rằng, nếu ta khéo tiết kiệm sức người, tiền của và thời giờ, thì với sức lao động, tiền tài của nước ta hiện nay, ta có thể tăng gia sản xuất gấp bội mà lực lượng của ta về mọi mặt cũng tăng gấp bội.

Đó là một sự thực chắc chắn, chứ không phải lý luận cao xa. Kinh nghiệm của các nước bạn đã tỏ rõ như vậy. Ở Liên Xô, do tiết kiệm mà tiền vốn để vào kế hoạch 5 năm (1946-1950) tăng thêm 26 tỷ rúp, tức là 1/3 số tiền vốn. Vài thí dụ nhỏ: một xưởng may áo ở Mạc Tư Khoa năm 1948 đã tiết kiệm được hơn 34.000 thước vải, đủ may 2 vạn chiếc áo lót. Do nâng cao năng suất mà tiết kiệm được nhiều thời giờ: trước kia đóng một chiếc máy bay to, phải 20.000 tiếng đồng hồ, nay chỉ cần 12.500 giờ; đóng một chiếc xe tăng to, trước kia phải 8.000 giờ, nay chỉ cần 3.700 giờ. Ở Trung Quốc, năm 1951 nhân dân khu Đông Bắc do tăng năng suất và tiết kiệm mà đã thêm được 14 triệu tấn lương thực. Khu Tây Bắc do tiết kiệm mà tăng thêm được một triệu tấn lương thực, 60 vạn tạ bông, 35 vạn

con trâu bò.... các khu khác cũng vậy. Tiết kiệm thời giờ di dời với tăng năng suất. Trước kia một người thợ dệt vải đi lại hơn 5.200 bước trong hai tiếng đồng hồ. Nay các nhà máy dệt phổ biến cách Xích Kiến Tú chỉ phải đi lại 2.300 bước. Như vậy người thợ đã bớt một nhọc mà năng suất lại tăng thêm: Xích Kiến Tú là một cô thợ dệt 17 tuổi, đã tìm ra cách hợp lý ấy. Nhân dân Liên Xô vừa thi đua tăng gia, vừa thi đua tiết kiệm, cho nên trong 5 năm sau thế giới chiến tranh thứ hai, kinh tế Liên Xô đã phát triển vượt bậc. Trong lúc ở các nước tư bản, giá sinh hoạt ngày càng đắt đỏ, nhân dân ngày càng túng thiếu, thì ở Liên Xô giá hàng hóa đã giảm bốn lần, nhân dân ngày càng sung sướng.

Cách mạng Trung Quốc thắng lợi mới vài năm nay, cũng nhờ tăng gia sản xuất và tiết kiệm, mà kinh tế tiến bộ, tài chính thống nhất, giá cả ổn định, đời sống nhân dân cải thiện rất mau. Nước ta đang kháng chiến, điều kiện khó khăn hơn. Nhưng chúng ta quyết tâm tăng gia và tiết kiệm, thì nhất định tăng gia được và tiết kiệm được.

II- PHẢI TẨY SẠCH NẠN THAM Ô, LÃNG PHÍ VÀ BỆNH QUAN LIÊU

Muốn lúa tốt thì phải nhổ cỏ cho sạch, nếu không, thì dù cày bừa kỹ, bón phân nhiều, lúa vẫn xấu vì lúa bị cỏ át đi.

Muốn thành công trong việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm cũng phải nhổ cỏ cho sạch, nghĩa là phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Nếu không, thì nó sẽ làm hại đến công việc của ta.

Tham ô là gì?

Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công là của tư

Đục khoét của nhân dân

Ăn bớt của bộ đội.

Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỵ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình, cũng là tham ô. Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế.

Lãng phí là gì?

Lãng phí có nhiều cách:

Lãng phí sức lao động: Vì kém tinh thần phụ trách, vì tổ chức sắp xếp xộc vụng, việc gì ít người cũng làm được mà vẫn dùng nhiều người trong quân đội, các cơ quan, các xí nghiệp đều có khuyết điểm ấy. Trong việc sửa chữa đường cầu, phục vụ chiến dịch, lãng phí dân công khá nhiều, vì tổ chức không khéo - đó là một thí dụ. Lãng phí thời giờ: Việc gì có thể làm trong một ngày một buổi, cũng kéo dài đến mấy ngày. Thí dụ: những cuộc khai hội, vì người phụ trách chuẩn bị chương trình không đầy đủ, người đến dự hội thì không chuẩn bị ý kiến, đáng lẽ chỉ một ngày thì bàn bạc và giải quyết xong vấn đề song cuộc khai hội kéo dài đến 5, 3 ngày.

Lãng phí tiền của: có rất nhiều hình thức, đây chỉ nêu vài thí dụ:

- Các cơ quan dùng vật liệu một cách phí phạm.
- Các xí nghiệp dùng máy móc và nguyên liệu không hợp lý.
- Cục vận tải giữ gìn xe cộ, tiết kiệm dầu mỡ không triệt để.
- Sử kho thóc làm kho tàng không cẩn thận; người giữ kho kém tinh thần trách nhiệm, để thóc ẩm ướt, hao hụt, hư hỏng.
- Mậu dịch không khéo tính toán sắp xếp, để hàng hóa hao hụt, lỗ vốn.
- Ngân hàng không khéo sử dụng tiền bạc, để tiền bạc ứ đọng lại, không bổ ích cho việc tăng gia sản xuất.
- Cơ quan kinh tế làm kế hoạch không thiết thực, không sát với hoàn cảnh, để Chính phủ phải lỗ vốn.
- Bộ đội không biết quý trọng giữ gìn quân trang, quân dụng và chiến lợi phẩm.
- Nhân dân bỏ hoang ruộng đất, đốt vàng mã, bán trâu, cầm ruộng để làm đám cưới, đám ma...

Tham ô là trộm cướp. Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô. Mà có nạn tham ô và lãng phí là bệnh quan liêu. Vì những

người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn.

Nói tóm lại: Vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí. Thế là bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

III. THAM Ô, LÃNG PHÍ VÀ BỆNH QUAN LIÊU LÀ KẸ THÙ CỦA NHÂN DÂN

1. Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ

Kẻ thù khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta.

Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến. Vì nó làm chậm trễ công cuộc kháng chiến và kiến quốc của ta. Nó làm hỏng tinh thần sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính. Để kháng chiến thắng lợi, để xây dựng nước nhà, chiến sĩ thì hy sinh xương máu, đồng bào thì hy sinh mồ hôi nước mắt để đóng góp. Mà những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của nhân dân. Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám. Vì những lẽ đó, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị.

Cũng như ở các mặt trận khác, muốn thắng ở mặt trận này, ắt phải có chuẩn bị, kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên. Cách tổ chức tranh đấu, đại khái như sau:

Bước đầu là đánh thông tư tưởng: Phải khai hội đủ mặt mọi người trong cơ quan, đơn vị, trường học... để giải thích rõ ràng, nói đi nói lại, cho mọi người đều hiểu:

- Tham ô, lãng phí, quan liêu có hại cho dân cho nước thế nào?

- Vì sao phải chống những nạn ấy?

- Để sửa chữa những ý nghĩ sai lầm như: Tham ô là có tội, song lãng phí chỉ là một khuyết điểm.

- Những người có công với cách mạng, thì tham ô, lãng phí chút đỉnh, cũng nên tha thứ họ.

- Nước ta nghèo, không có gì mà tiết kiệm. Cơ quan ta không có gì mà lãng phí.

- Không phải cơ quan kinh tế tài chính, thì không có gì mà tham ô, lãng phí...

Để yên định những lo ngại không đúng, như:

- "Một sự nhện, chín sự lành", kiểm thảo lẫn nhau làm gì.

- Tự nhận sai lầm mình sợ mất thể diện, mất uy tín, sợ bị phạt...

- Chỉ trích lỗi của người sẽ mất đoàn kết.

- Ai tham ô, lãng phí mặc ai, mình không tham ô, lãng phí thì thôi

- Nói thật mất lòng, sẽ bị bầu bạn ghét, bị cấp trên trừ...

Bước thứ hai: Khi mọi người đã hiểu thì chia từng tiểu tổ để nghiên cứu những tài liệu như:

- Những lời dạy của Lênin, Xtalin... nói về tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

- Tuyên ngôn của Đảng lao động, chính sách và chỉ thị của Đảng và của Chính phủ.

- Tài liệu nói về cần, kiệm, liêm, chính, và cách sửa đổi lỗi lầm.

Các tiểu tổ vừa nghiên cứu, vừa thật thà tự kiểm thảo và giúp nhau kiểm thảo. Kiểm thảo nên nhằm vào mấy điểm chính và thiết thực, như:

- Mình có tham ô không?

- Có ăn bớt của công cho đơn vị riêng của mình không ?

- Có lười biếng, có kém lòng trách nhiệm, có đứng núi này trông núi nọ không?

- Có phô trương lãng phí không?

- Có lãng phí của Chính phủ, của Đoàn thể không?

- Có lãng phí của dân và sức dân không?

- Có bệnh quan liêu, xa cách quần chúng không?

Tự kiểm thảo và kiểm thảo người khác phải thật thà, phải dựa vào sự thực, phải đào tận gốc rễ những khuyết điểm. Không nên thoa vờ che giấu. Không nên "ít thớt ra nhiều", càng không nên nói việc nhỏ bỏ việc lớn, nói việc cũ quên việc mới. Vừa nêu rõ khuyết điểm, vừa phân tích tư tưởng. Chỉ trích những khuyết điểm, khen ngợi những ưu điểm. Tiêu tổ kiểm thảo xong, thì chọn người để xung phong tự kiểm thảo trong những buổi khai hội toàn thể đơn vị hoặc cơ quan.

Bước ba: Đơn vị hoặc cơ quan khai hội kiểm thảo chung để giải quyết các vấn đề giải thích các thắc mắc, sửa chữa những khuyết điểm trong phong trào kiểm thảo, khen ngợi những người đã thành thật tự kiểm thảo, khuyến khích những người còn ngập ngừng e ngại, đặt chương trình chung cho đơn vị (chương trình mở rộng kiểm thảo, tăng năng suất...) và bầu cử ban lãnh đạo phong trào. Ban này gồm có những người lãnh đạo như Bộ trưởng, Thứ trưởng, Đoàn trưởng... và những phần tử hăng hái, trung thành nhất trong cơ quan (hoặc đơn vị).

Cơ quan chính như các bộ, các đại đoàn... kiểm thảo xong đợt một, thì phải:

- Tìm cách nâng cao năng suất các cán bộ để phụ trách công việc trong cơ quan.

- Phải một số cán bộ đặc lực chia thành từng tiểu tổ phụ trách điều tra các bộ phận, như điều tra kho tàng, điều tra sổ sách... đồng thời giúp các bộ phận ấy kiểm thảo. Hàng ngày, các tổ trưởng những tiểu tổ ấy phải báo cáo rõ tình hình với Ban lãnh đạo và giúp Ban ấy trong việc kiểm thảo chung. Nói tóm lại: Việc kiểm thảo phải có trọng tâm, phải làm tong bước, phải nắm vững và vào sâu. Phải làm từ cấp trên đến cấp dưới, từ bộ phận chính đến bộ phận phụ.

Những điều cần thiết.

Cán bộ cao cấp mỗi nơi phải:

- Thật thà tự kiểm thảo để làm gương mẫu.
- Thật thà báo cáo tình hình cả đơn vị mình cho mọi người trong toàn đơn vị, toàn ngành biết rõ.
- Phải kiên quyết "nhỏ cỏ".
- Nắm vững trọng điểm.
- Tổ chức nhóm trung kiên để giúp nghiên cứu tình hình và giúp lãnh đạo phong trào kiểm thảo.

Trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu, giáo dục là chính, trừng phạt là phụ, nghĩa là:

- Ai kiểm thảo đúng những người khác, sẽ được khen thưởng.
- Ai có lỗi mà thật thà tự kiểm thảo, thì lỗi nhẹ sẽ được tha thứ, lỗi nặng sẽ được xử nhẹ hoặc lấy công chuộc tội (trừ những tội lỗi đặc biệt nặng).
- Ai có lỗi mà không thật thà nói ra, sẽ bị kỷ luật.
- Ai ngăn cản, đe dọa những người kiểm thảo mình, sẽ bị kỷ luật.
- Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng.

- Cách mạng là tiêu diệt những cái gì xấu, xây dựng những cái gì tốt. Chúng ta làm cách mạng để tiêu diệt chế độ thực dân, phong kiến, để xây dựng dân chủ mới. Thực dân và phong kiến tuy bị tiêu diệt, nhưng cái nọc xấu của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu) vẫn còn, thì cách mạng vẫn chưa hoàn toàn thành công, vì nọc xấu ấy ngấm ngấm ngăn trở, ngấm ngấm phá hoại sự nghiệp xây dựng của cách mạng. Có những người trong lúc tranh đấu thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có công với cách mạng. Song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác mà biến thành người có tội với cách mạng. Chúng ta phải cứu vãn họ, giúp họ khôi phục đạo đức cách mạng. Có những người miệng thì nói: phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân.

nhưng bị vật chất dô dành mà phạm vào tham ô, lãng phí, hại đến Tổ quốc, nhân dân. Chúng ta phải giáo dục họ, đưa họ vào con đường cách mạng.

Tham ô, lãng phí, quan liêu là những xấu xa của xã hội cũ. Nó do lòng tự tư tự lợi, ích kỷ hại nhân mà ra. Nó do chế độ "người bóc lột người" mà ra.

Chúng ta muốn xây dựng một xã hội mới, một xã hội tự do bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính - cho nên chúng ta phải tẩy cho sạch hết những thói xấu của xã hội cũ. Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là dân chủ. Bộ đội không ngại hy sinh xương máu để kháng chiến cứu nước. Đồng bào không ngại hy sinh mồ hôi nước mắt để kháng chiến cứu nước. Chiến sĩ gửi tính mệnh mình, đồng bào gửi công, gửi của mình trong tay Chính phủ và Đoàn thể, để kháng chiến kiến quốc. Đó cũng là một hình thức dân chủ tập trung.

Chính phủ và Đoàn thể giao cho cán bộ cái quyền điều khiển bộ đội sử dụng tiền của trong công cuộc kháng chiến kiến quốc. Nhiệm vụ của cán bộ là chăm nom, yêu mến mỗi một chiến sĩ, quý trọng, tiết kiệm mỗi một đồng tiền, một bát gạo, một giờ công của đồng bào. Đồng thời, chiến sĩ và đồng bào có quyền đòi hỏi cán bộ phải làm tròn nhiệm vụ đó có quyền phê bình chỉ trích những cán bộ nào không làm tròn nhiệm vụ đó.

Dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng thì mới thành công. Quần chúng tức là toàn thể chiến sĩ trong quân đội, toàn thể công dân trong xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan,... rồi đến toàn thể nhân dân. Cũng như mọi việc khác, việc "chống" này phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng.

Nhiệm vụ của quần chúng là phải hăng hái tham gia phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Chiến sĩ xuất công, nhân dân xuất của để đánh giặc, cứu nước. Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ "giặc ở trong lòng". Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống giặc ngoại xâm mà

quên chống giặc nội xâm, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình. Vì vậy, chiến sĩ và nhân dân phải hăng hái tham gia phong trào ấy. Chúng ta từ trên đến dưới phải đồng tâm hiệp lực để thắng lợi trong phong trào này. Mà thắng lợi trong phong trào này sẽ giúp chúng ta đoàn kết hơn nữa, nâng cao năng suất hơn nữa. Nó giúp cán bộ ta cải tạo tư tưởng, nâng cao giác ngộ, thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật thà phụng sự bộ đội và nhân dân. Nó giúp chính quyền ta thành một chính quyền trong sạch, xứng đáng với lòng tin tưởng và sự hy sinh của chiến sĩ và đồng bào. Nó sẽ giúp chúng ta hoàn thành đầy đủ kế hoạch tăng gia sản xuất và tiết kiệm của Chính phủ và của Đoàn thể. Nó sẽ giúp chúng ta chuẩn bị mau đầy đủ để tiến sang tổng phản công. Đồng chí Lênin, Xtalin... rất chú trọng và nói nhiều về vấn đề tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí và chống bệnh quan liêu. Tôi lược dịch vài đoạn sau đây, để giúp các đồng chí nghiên cứu. Lê nin nói: "Tiền bạc phải tính toán một cách rành mạch, thật thà, phải tiết kiệm, chớ lười biếng. Chớ ăn cắp của công là của tư. Phải giữ gìn kỷ luật lao động rất nghiêm ngặt. Đó là những khẩu hiệu chính và rất cần thiết.

Một mặt, quần chúng lao động thiết thực làm đúng những khẩu hiệu ấy. Đó là phương pháp duy nhất để cứu vãn một nước đã bị lũ kẻ cướp đế quốc và lũ bù nhìn làm cho chết dở sống dở như nước Nga. Một mặt khác, chính quyền Xô Viết do phương pháp của mình, căn cứ vào pháp luật của mình, mà thiết thực thi hành khẩu hiệu ấy - Đó lại là điều kiện chủ chất và đầy đủ để đưa chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi hoàn toàn".

(Nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô viết, 28'4-1918) (1) Ngày 2-5-1918, toà án nhân dân Mạc Tư Khoa xử nhẹ một vụ án¹. hồi lộ. Lê nin không bằng lòng, và viết: "Không xử bắn lũ ăn của dút lốt, mà xử một cách pha trò, mềm mỏng nhẹ nhàng như vậy - đó là một điều xấu hổ cho những đảng viên cộng sản, cho những người cách mạng. Cần phải nêu những đồng chí đã ăn hồi lộ ra để cho dư luận quở trách và cần phải đuổi họ ra khỏi Đảng"².

Cách vài hôm sau, Lê nin viết thư cho cán bộ tư pháp: "Phải lập tức đề nghị một đạo luật để trừng trị những vụ hồi lộ (ăn hồi lộ, tặng hồi lộ, và

¹ V.I. Lê nin. Toàn tập, tiếng Việt, NXB Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, t.36. tr.211-212

² Như trên, t.36. tr.346.

là sự thật, không thể lấy nghị quyết nào mà che giấu được nó. Có đôi khi các cơ quan quản lý của ta giống như người nông dân nọ:

Y tiết kiệm được một ít tiền, y không dùng tiền ấy mà sửa chữa cày bừa để tăng gia sản xuất nhưng y đi mua một cái máy hát thật to... Đó là chưa kể đến những việc lãng phí, những vụ ăn cắp của công. Vì vậy cần phải dùng nhiều phương pháp để giữ gìn cho tiền bạc của ta khỏi bị lãng phí, bị phân tán, bị dùng vào những việc không cần thiết, bị dùng ra ngoài công việc xây dựng căn bản.

1. Kế hoạch Bản xuất không định theo cách quan liêu, mà phải liên hệ chặt chẽ với tình hình kinh tế, với nguồn của cải, với sự tính toán rõ rệt sức hậu bị của ta.

Kế hoạch không nên sụt lại sau, nhưng cũng không nên chạy quá trước sự phát triển của công nghệ, không nên xa rời nông nghiệp, không nên quên lãng sức tiết kiệm của ta.

Nền tảng phát triển công nghệ phải dựa trên sự cần thiết cho thị trường trong nước, trước hết là thị trường nông dân, và dựa trên phạm vi của cải của ta. Đó là nền tảng để liên hệ công nghệ với kinh tế của nông dân.

Về tiết kiệm, về cách dùng tiền bạc tiết kiệm được - cũng như vậy.¹ Có người theo ảo tưởng của mình mà định kế hoạch, chứ không nghĩ đến vốn liếng. Họ quên rằng: nếu không có một số vốn tối thiểu, không có một số tiền hậu bị tối thiểu, thì chẳng những không đạt được kế hoạch công nghệ nào, mà cũng không xây dựng được những xí nghiệp "to lớn bao la". Họ quên điều đó, họ chạy trước sự thực.

Thế nào là chạy trước sự thực mà đặt kế hoạch?

Là không cân nhắc lực lượng, mà làm ẩu. Là đặt kế hoạch rất to tát động viên hàng nghìn, hàng vạn công nhân, xem rất oai. Nhưng rồi thấy vốn liếng không đủ, phải để công nhân về, phải cấp lộ phí cho họ về. Kết quả là hao tổn nhiều, gây ra thất vọng cho công cuộc xây dựng, gây mọi khó khăn cho chính trị... Chỉ có liên hệ chặt chẽ với nông nghiệp, không rời xa sức tiết kiệm và ăn khớp với vốn liếng và sức hậu bị của ta - thì

¹ Như trên, t36, tr 220-221

là sự thật, không thể lấy nghị quyết nào mà che giấu được nó. Có đôi khi các cơ quan quản lý của ta giống như người nông dân nọ:

Y tiết kiệm được một ít tiền, y không dùng tiền ấy mà sửa chữa cày bừa để tăng gia sản xuất nhưng y đi mua một cái máy hát thật to... Đó là chưa kể đến những việc lãng phí, những vụ ăn cắp của công. Vì vậy cần phải dùng nhiều phương pháp để giữ gìn cho tiền bạc của ta khỏi bị lãng phí, bị phân tán, bị dùng vào những việc không cần thiết, bị dùng ra ngoài công việc xây dựng căn bản.

1. Kế hoạch Bản xuất không định theo cách quan liêu, mà phải liên hệ chặt chẽ với tình hình kinh tế, với nguồn của cải, với sự tính toán rõ rệt sức hậu bị của ta.

Kế hoạch không nên sụt lại sau, nhưng cũng không nên chạy quá trước sự phát triển của công nghệ, không nên xa rời nông nghiệp, không nên quên lãng sức tiết kiệm của ta.

Nền tảng phát triển công nghệ phải dựa trên sự cần thiết cho thị trường trong nước, trước hết là thị trường nông dân, và dựa trên phạm vi của cải của ta. Đó là nền tảng để liên hệ công nghệ với kinh tế của nông dân.

Về tiết kiệm, về cách dùng tiền bạc tiết kiệm được - cũng như vậy.¹ Có người theo ảo tưởng của mình mà định kế hoạch, chứ không nghĩ đến vốn liếng. Họ quên rằng: nếu không có một số vốn tối thiểu, không có một số tiền hậu bị tối thiểu, thì chẳng những không đạt được kế hoạch công nghệ nào, mà cũng không xây dựng được những xí nghiệp "to lớn bao la". Họ quên điều đó, họ chạy trước sự thực.

Thế nào là chạy trước sự thực mà đặt kế hoạch?

Là không cân nhắc lực lượng, mà làm ẩu. Là đặt kế hoạch rất to tát động viên hàng nghìn, hàng vạn công nhân, xem rất oai. Nhưng rồi thấy vốn liếng không đủ, phải để công nhân về, phải cấp lộ phí cho họ về. Kết quả là hao tổn nhiều, gây ra thất vọng cho công cuộc xây dựng, gây mọi khó khăn cho chính trị... Chỉ có liên hệ chặt chẽ với nông nghiệp, không rời xa sức tiết kiệm và ăn khớp với vốn liếng và sức hậu bị của ta - thì

¹ Như trên, t36, tr 220-221

công nghệ mới làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của nó, là lãnh đạo và cải tạo kinh tế của quốc dân.

Một bộ chỉ huy mà xa rời bộ đội, mất liên lạc với bộ đội; thì bộ chỉ huy ấy không thành bộ chỉ huy nữa. Công nghệ mà xa rời toàn bộ kinh tế của quốc dân, mất liên hệ với nó, thì công nghệ không lãnh đạo được kinh tế của quốc dân. Vì vậy đặt kế hoạch công nghệ cho đúng đắn và hợp lý - là một điều kiện chủ chốt trong việc tiêu dùng tiền của.

2. Các cơ quan chính quyền và đoàn thể, các cơ quan kinh tế và các Ủy ban, cần phải nâng cao năng suất, giảm bớt số người (tinh giản). Hiện nay, các cơ quan của ta người nhiều, việc ít, xài phí lu bù... Lê nin đã nhắc đi nhắc lại hàng chục hàng trăm lần rằng: công nhân và nông dân không thể chịu đựng những cơ quan kênh cang và tốn kém như vậy. Vô luận thế nào cũng phải tìm đủ cách để biên chế các cơ quan lại. Chúng ta phải dùng tinh thần bôn-sê-vích mà thực hành một chế độ tiết kiệm nghiêm ngặt. Nếu chúng ta không muốn dùng vốn liếng của ta vào những việc linh tinh, thì chúng ta phải thực hành ngay chế độ ấy.

Một thí dụ: có người bảo chúng ta xuất cảng lương thực không có lãi không ăn thua. Vì sao không có lãi. Vì các cơ quan phụ trách thu góp lương thực tiêu quá nhiều tiền. Kế hoạch định mua 1 cân lương thực là 8 xu. Nhưng các cơ quan tiêu đến 13 xu, tức là tăng lên 5 xu. Vì sao? Vì trước khi thu góp lương thực, thì các cán bộ đều lấy thêm người vào văn phòng, mua thêm máy đánh chữ và xe hơi... Vì tiêu tiền quá nhiều vào chỗ không sinh lợi, đến khi cộng lại, thì thấy xuất cảng lương thực không có lãi. Thử tính xem: chúng ta thu góp hàng chục triệu cân lương thực. mà mỗi cân dất thêm 5 xu, thì đã lãng phí mất mấy triệu đồng.

Nếu chúng ta không dùng chế độ nghiêm ngặt để ngăn ngừa các cơ quan tiêu dùng bừa bãi, thì chúng ta tiết kiệm được bao nhiêu tiền của cũng bị lãng phí hết bấy nhiêu...

3. Chúng ta phải kiên quyết chống nạn lãng phí ở các cơ quan và trong sự sinh hoạt của chúng ta. Chống cách tiêu dùng bừa bãi tiền của của nhân dân và vốn liếng của Chính phủ. Hiện nay, có những cuộc khai hội, những lễ kỷ niệm, những đám yến tiệc tốn hàng vạn, hàng chục vạn. Cần phải chấm dứt nạn phô trương, lãng phí ấy. Trong lúc công nghệ cần phải

xây dựng, đồng bào đang bị thiếu thốn, chúng ta không thể tha thứ những việc phô trương, lãng phí như vậy. Một điều đáng chú ý: nhiều khi có những người ngoài Đảng họ tiết kiệm của công hơn những đảng viên. Có những đảng viên rất "dũng cảm, kiên quyết" trong trường hợp này: họ âm thầm phát phụ cấp cho nhân viên của họ, mượn tiếng là "hoa hồng" tuy sự thực không có gì là "hoa hồng". Họ âm thầm phớt qua phép luật, trốn tránh và làm trái phép luật. Về điểm này, những người ngoài Đảng cán thận hơn. Vì đảng viên thường xem phép luật, chính quyền... là việc trong nhà. Vì vậy mà có đôi đảng viên như những con lợn, (xin lỗi tiếng dó), họ rúc vào vườn rau của Nhà nước, chén một bữa no say, hoặc họ hy sinh lợi ích của nước nhà, để lên mặt mình là khảng khái.

Chúng ta phải chấm dứt cái thói vô chính phủ ấy.

4. Phải chống nạn ăn cắp của công, mà các cơ quan quen gọi là trộm cắp "đường hoàng". Các báo chí phân biệt: có thứ trộm cắp xấu xa, kín đáo, có thứ trộm cắp "đường hoàng". Vừa rồi, báo Thanh niên cộng sản có nói về thứ trộm cắp "đường hoàng" ấy: một chàng thanh niên bảnh bao, ở một cơ quan nọ, đã trộm cắp của công một cách đường hoàng, một cách có ngăn nắp, và trộm cắp đã nhiều lần. Điều đáng chú ý ở đây, không phải là thằng kẻ trộm. Đáng chú ý là những người xung quanh biết nó là kẻ trộm, chẳng những chống nó, mà lại vỗ vai nó, khen ngợi nó, xem nó như một anh hùng. Đó là một điều đáng chú ý, một điều rất nguy hiểm. Khi bắt được một tên mật thám, một tên phản quốc thì quần chúng rất căm giận, đòi xử bắn nó đi. Song khi tên giặc hoạt động trước mắt mọi người, thì quần chúng lại hiền lành với nó, vỗ vai nó, khen ngợi nó. Trộm cắp tiền bạc của nhân dân, tổn hại kinh tế của Chính phủ, cũng là mật thám, phản quốc, nếu không phải là tệ hơn nữa. Cuối cùng tên kẻ trộm "đường hoàng" kia đã bị bắt. Nhưng bắt một tên trộm ấy, có nghĩa lý gì, vì còn có hàng nghìn hàng vạn tên giặc như nó. Cần phải có biện pháp khác, biện pháp nghiêm ngặt hơn, để trừng trị chúng. Biện pháp ấy là gây nên một đạo đức để ngăn ngừa trộm cắp, gây nên một phong trào quần chúng gồm ghét, bao vây lũ giặc ấy. Biện pháp ấy là gây nên một cuộc vận động trong công nông chống trộm cắp; làm cho lũ trộm cắp "đường hoàng" cũng như trộm cắp kín đáo - không sống còn được. Tiêu diệt trộm cắp, là một cách để bảo vệ, tiết kiệm và tránh lãng phí. Sau cùng, chúng ta cần có một cuộc vận động: tiêu diệt lười biếng, nâng cao năng suất, củng cố kỷ luật lao

động. Công nhân vắng mặt không di làm, đã gây cho công nghệ thiệt mất hàng chục vạn giờ lao động, tổn thất hàng trăm vạn đồng.

Nếu không chấm dứt thói lười biếng, không nâng cao năng suất, thì công nghệ không tiến được, mà lương bổng công nhân cũng không tăng được. Anh chị em công nhân phải hiểu rõ, nhất là những công nhân mới, phải hiểu rõ rằng: lười biếng và không nâng cao năng suất là có hại cho sự nghiệp chung, có hại cho cả giai cấp công nhân, có hại cho công nghệ của ta.

Vì lợi ích của kinh tế, vì lợi ích của giai cấp công nhân - chúng ta phải chống thói lười biếng, phải nâng cao năng suất".

(Hội nghị cán bộ Đảng ở Leningrát, 13-1-1926)(1).

(*Nguồn*: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2. T6. Tr: 484 - 502)

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG

(Trích)

9. SỬA CHỮA NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM SAI LẦM

Đảng ta thành tích khá nhiều, nhưng khuyết điểm cũng không ít. Chúng ta cần phải thật thà tự phê bình để sửa chữa. Phải cố sửa chữa để tiến bộ.

Trước khi nêu những khuyết điểm chúng ta phải nhận rằng Đảng ta có những cán bộ - nhất là cán bộ trong vùng bị tạm chiếm rất dưng cảm, tận tụy, bất kỳ gian nan nguy hiểm thế nào vẫn cứ đi sát với dân, vẫn cứ bám lấy công việc, không than phiền, hy sinh cả tính mệnh cũng không tiếc. Đó là những chiến sĩ kiểu mẫu của dân tộc, những người con xứng đáng của Đảng.

Điểm lại từ ngày thành lập đến nay, nói chung chính sách của Đảng ta đúng. Không đúng sao lập được những thành tích lớn lao như ngày nay? Nhưng có mấy khuyết điểm và nhược điểm lớn dưới đây:

Vì việc học tập chủ nghĩa còn kém, cho nên tư tưởng của nhiều cán bộ và đảng viên chưa thuần thực, trình độ lý luận còn non nớt. Do đó trong khi thi hành chính sách của Đảng và của Chính phủ, đã xảy ra những khuynh hướng sai lầm hoặc "tả" hoặc "hữu" (như trong chính sách ruộng đất, mặt trận, dân tộc thiểu số, tôn giáo, chính quyền v.v.).

Công tác tổ chức cũng còn kém, cho nên nhiều khi không đảm bảo được việc thi hành đúng chính sách của Đảng và của Chính phủ.

Vì vậy học tập chủ nghĩa, dùi mài tư tưởng, nâng cao lý luận, chỉnh đốn tổ chức - là những việc cần kíp của Đảng.

Ngoài ra, các cơ quan lãnh đạo các cấp, về lề lối làm việc, về chủ trương và cách lãnh đạo còn có những khuyết điểm khá phổ thông và

ng nghiêm trọng. ấy là những bệnh chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh, hẹp hòi và bệnh công thần.

Bệnh chủ quan tỏ ra ở tư tưởng cho rằng trường kỳ kháng chiến có thể trở thành đoản kỳ kháng chiến. Bệnh quan liêu tỏ ra ở chỗ thích giấy tờ, xa quần chúng, không điều tra nghiên cứu, không kiểm tra theo dõi việc thi hành, không học tập kinh nghiệm của quần chúng. Bệnh mệnh lệnh tỏ ra ở chỗ hay đưa vào chính quyền mà bắt dân làm. ít tuyên truyền giải thích cho dân tự giác, tự động. Bệnh hẹp hòi tỏ ra ở chỗ đối với người ngoài Đảng nhiều khi quá khắt khe, hoặc phớt người ta đi, không chịu bàn bạc, hỏi han ý kiến.

Còn bệnh công thần thì tỏ ra như thế này:

- Cây mình có một ít thành tích, thì tự kiêu tự đại, cho mình là "cứu tinh" của dân, "công thần" của Đảng. Rồi đòi địa vị, đòi danh vọng. Việc to không làm được, việc nhỏ không muốn làm. Bệnh công thần rất có hại cho đoàn kết ở trong Đảng cũng như ở ngoài Đảng.

- Cây thế mình là người của Đảng, phớt cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ.

Những đồng chí mắc bệnh ấy không hiểu rằng: Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng.

Trong Đảng có những bệnh ấy và bệnh khác. Trung ương cũng phải chịu một phần trách nhiệm. Vì Trung ương chưa chú trọng việc kiểm tra. Sự huấn luyện về chủ nghĩa tuy có, nhưng chưa được khắp chưa được đủ. Dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện rộng rãi. Phê bình và tự phê bình chưa thành nền nếp thường xuyên.

Tuy nhiên, những việc đó đang được chấn chỉnh phần nào. Những cuộc kiểm thảo và phong trào phê bình và tự phê bình gần đây đã mang lại kết quả tốt, mặc dầu có những chỗ lệch lạc.

Đồng chí Xtalin có nói: đảng cách mạng cần phê bình và tự phê bình cũng như người ta cần không khí, và: kiểm tra chặt chẽ thì có thể tránh được nhiều khuyết điểm nặng nề. Từ nay, Đảng phải tìm cách giáo dục

chủ nghĩa cho phổ biến, để nâng cao tư tưởng chính trị của đảng viên. Phải phát triển lối làm việc tập thể. Phải củng cố mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Phải đề cao tinh thần kỷ luật, tinh thần Đảng của mỗi đảng viên. Phải mở rộng phong trào phê bình và tự phê bình ở trong Đảng, ở các cơ quan, các đoàn thể, trên các báo chí cho đến nhân dân. Phê bình và tự phê bình phải thường xuyên, thiết thực, dân chủ, từ trên xuống và từ dưới lên. Sau hết là Đảng phải có sự kiểm tra chặt chẽ. Làm được như thế thì khuyết điểm sẽ bớt, và tiến bộ sẽ mau.

10. TÌNH HÌNH MỚI VÀ NHIỆM VỤ MỚI

A. Tình hình mới

Mỗi người đều biết rằng ngày nay thế giới chia làm hai phe rõ rệt:

- Phe dân chủ do Liên Xô lãnh đạo, gồm nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân chủ mới ở châu Âu và ở châu Á. Nó gồm cả các nước dân tộc bị áp bức đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược, và các đoàn thể dân chủ cùng những nhân sĩ dân chủ ở các nước tư bản. Phe dân chủ là một lực lượng rất mạnh và ngày càng mạnh thêm. Vài điểm dưới đây đủ chứng tỏ điều đó:

Thử xem địa đồ thế giới: nước Liên Xô xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ mới từ Đông Âu sang Đông Á liên thành một khối rộng lớn, gồm 800 triệu nhân dân; trong khối ấy các dân tộc đoàn kết, cùng chung một mục đích, không có chút gì mâu thuẫn. Nó đại biểu cho sự tiến bộ, cho tương lai tươi sáng của loài người. Đó là một lực lượng vô cùng mạnh mẽ.

Trong Đại hội lần thứ hai của Mặt trận hoà bình họp ở Thủ đô nước Ba Lan hồi tháng 11 - 1950, các đại biểu của 500 triệu chiến sĩ hoà bình ở 81 nước đã thể kiên quyết giữ gìn hoà bình thế giới và chống đế quốc chiến tranh. Đó là Mặt trận thống nhất của thế giới hoà bình và dân chủ. Đó là một lực lượng rất mạnh và ngày càng thêm mạnh.

- Phe phản dân chủ do Mỹ cầm đầu. Ngay lúc Chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc, Mỹ đã trở nên trùm đế quốc, trùm phản động thế giới. Anh với Pháp là tay phải tay trái của Mỹ. Các Chính phủ phản động ở phương Đông và phương Tây là lâu la của Mỹ.

Với tham vọng làm chúa thế giới, Mỹ một tay thì cầm đồng đô la để lợi dụ thiên hạ, một tay thì cầm bom nguyên tử để uy hiếp thế giới. Nào chính sách Truman, nào kế hoạch Mác san, nào Hiệp ước Đại Tây Dương, nào chương trình Đông Nam Á. Tất cả những thủ đoạn ấy của Mỹ đều nhằm vào mục đích chuẩn bị chiến tranh thế giới lần thứ ba.

Những tham vọng của Mỹ gặp phải một sức ngăn trở to lớn: sức ấy tức là lực lượng vĩ đại của Liên Xô, phong trào dân chủ, hoà bình và phong trào dân tộc giải phóng đang sôi nổi khắp thế giới.

Chính sách Mỹ hiện nay là: ở châu Á thì giúp bọn phản động như Tưởng Giới Thạch, Lý Thừa Vãn, Bảo Đại, v.v... giúp đế quốc Anh chống kháng chiến của Mã Lai, giúp thực dân Pháp chống kháng chiến của Việt Nam. Mỹ thì tự ra tay chiến tranh xâm lược ở Triều Tiên và chiếm Đài Loan để hòng phá cách mạng Trung Quốc.

Ở châu Âu thì Mỹ do kế hoạch Mác san và Hiệp ước Đại Tây Dương mà nắm quyền quân sự, chính trị, kinh tế của các nước ở Tây Âu đồng thời ra sức vũ trang cho các nước ấy, bắt buộc các nước ấy phải cung cấp lính để làm bia đỡ đạn cho Mỹ, như kế hoạch lập ra 70 sư đoàn ở Tây Âu do một người Mỹ làm tổng tư lệnh.

Nhưng phe Mỹ có rất nhiều chỗ yếu:

Ngoài sức mạnh của phe dân chủ, phe Mỹ còn bị một lực lượng khác đe dọa - ấy là kinh tế khủng hoảng.

Nội bộ phe Mỹ có nhiều mâu thuẫn. Vài thí dụ: Mỹ muốn Tây Đức lập một quân đội gồm 10 sư đoàn, bị nhân dân Pháp phản đối. Anh thì ngầm chống Mỹ vì tranh nhau các mỏ dầu ở Cận Đông và tranh nhau ảnh hưởng ở Viễn Đông.

Nhân dân, nhất là các tầng lớp lao động các nước bị Mỹ "giúp", đều oán ghét Mỹ, vì Mỹ lấn quyền kinh tế của họ, đụng chạm đến quyền độc lập của nước họ.

Mỹ tham quá, muốn lập căn cứ địa khắp hoàn cầu; nhóm phản động nào, chính phủ phản động nào, Mỹ cũng giúp. Mặt trận của Mỹ quá dài, quá rộng, thành thử lực lượng của Mỹ ắt phải mỏng manh. Chứng cứ rõ rệt là Mỹ cùng 40 nước chư hầu của Mỹ đánh với một nước Triều Tiên mà

cũng đang thất bại. Mỹ giúp phe phản động Trung Quốc là Quốc dân đảng do Tưởng Giới Thạch làm trùm, nhưng họ Tưởng vẫn thất bại. Mỹ giúp thực dân Pháp ở Việt Nam, mà kháng chiến Việt Nam vẫn thắng.

Nói tóm lại: Chúng ta có thể đoán chắc rằng phe đế quốc phản động nhất định sẽ thua, phe hòa bình và dân chủ nhất định sẽ thắng.

Việt Nam ta là một bộ phận của phe dân chủ thế giới. Hiện nay lại là một đồn lũy chống đế quốc, chống phe phản dân chủ do Mỹ cầm đầu.

Từ ngày bắt đầu kháng chiến, Anh và Mỹ đã giúp thực dân Pháp. Nhưng từ 1950, Mỹ đã công khai can thiệp vào nước ta.

Cuối năm 1950, Anh cùng Pháp chuẩn bị lập một trận "thống nhất" để cùng nhau hợp sức chống kháng chiến Mã Lai và kháng chiến Việt Nam.

Thế là tình hình thế giới dính dáng mật thiết với nước ta. Thắng lợi của phe dân chủ cũng là thắng lợi của ta, mà ta thắng lợi cũng là phe dân chủ thắng lợi. Vì vậy, mật khẩu chính của ta ngày nay là: nếu diệt thực dân Pháp và đánh đổ bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới.¹

B. Nhiệm vụ mới

Các đồng chí Trung ương sẽ báo cáo rõ về những vấn đề quan trọng như Chính cương, Điều lệ, quân sự, chính quyền, mặt trận dân tộc thống nhất, kinh tế, v.v... Báo cáo này chỉ nêu ra mấy nhiệm vụ chính trong những nhiệm vụ mới của chúng ta:

- Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.
- Tổ chức Đảng Lao động Việt Nam.

1. Chúng ta đã phải ra sức phát triển lực lượng của quân đội và của nhân dân để đánh thắng nữa, đánh thắng mãi, để tiến tới tổng phản công.

Nhiệm vụ này nhằm vào mấy điều chính:

- Trong công việc xây dựng và phát triển quân đội, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố công tác chính trị và quân sự trong bộ đội ta. Phải nâng cao giác ngộ chính trị, nâng cao chiến thuật và

¹ Theo tài liệu chính thức là: Mỹ cùng 14 nước chư hầu.

kỹ thuật, nâng cao kỷ luật tự giác của bộ đội ta. Phải làm cho quân đội ta thành một quân đội chân chính của nhân dân.

Đồng thời, phải phát triển và củng cố dân quân du kích về mặt: tổ chức, huấn luyện, chỉ đạo và sức chiến đấu. Phải làm cho lực lượng của dân quân du kích thành những tấm lưới sắt rộng rãi và chắc chắn, chằng khắp mọi nơi, địch mò đến đâu là mắc lưới đến đó.

- Phát triển tinh thần yêu nước. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra

sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần "vị quốc" của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Liên Xô đã đánh tan bọn phát xít Đức - Nhật và giữ vững Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, và do đó mà giúp đỡ giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chính vì do tinh thần yêu nước mà quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc đã đánh tan bọn bán nước là Tưởng Giới Thạch và đuổi được bọn đế quốc Mỹ. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Triều Tiên cùng quân tình nguyện Trung Quốc đang đánh cho bọn đế quốc Mỹ và phe lũ chạy dài. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta đã mấy năm trường chịu đựng trăm đắng nghìn cay, kiên quyết đánh cho tan bọn thực dân cướp nước và bọn Việt gian phản quốc, kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới.

Đẩy mạnh thi đua ái quốc. Trước hết là bộ đội thi đua diệt giặc lập công; hai là nhân thi đua tăng gia sản xuất. Chúng ta phải đưa tất cả tinh thần và năng lực mà đẩy mạnh hai việc đó. Trong công việc to tát kháng chiến kiến quốc, Mặt trận Liên Việt - Việt Minh, công đoàn, nông hội và các đoàn thể quần chúng có một tác dụng rất to lớn. Chúng ta phải giúp cho các đoàn thể ấy phát triển, củng cố và hoạt động thực sự.

- Về chính sách ruộng đất, ở những vùng tự do, phải triệt để thi hành giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian tạm cấp cho dân cày nghèo và gia đình các chiến sĩ, để cải thiện đời sống cho dân cày và nâng cao tinh thần cùng lực lượng kháng chiến của họ. Về kinh tế tài chính, phải bảo vệ và phát triển nền tảng kinh tế của ta, đấu tranh kinh tế với địch. Thuế khóa phải công bằng hợp lý. Việc thu và chi tài chính phải tiến đến thăng bằng, để đảm bảo sự cung cấp cho bộ đội và nhân dân.

- Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc. Đồng thời, phát triển

những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Chúng ta thắng trận, thì những vùng bị tạm chiếm sẽ được lần lượt giải phóng. Vì vậy, chúng ta phải ra sức chuẩn bị sẵn sàng để củng cố những vùng mới được giải phóng về mọi mặt.

- Tính mệnh và tài sản của kiều dân nước ngoài tuân theo pháp luật Việt Nam, phải được bảo hộ. Đối với Hoa Kiều, thì nên khuyến khích họ tham gia kháng chiến Việt Nam. Nếu họ tình nguyện, thì sẽ được hưởng mọi quyền lợi và làm mọi nghĩa vụ như công dân Việt Nam. Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cũng kháng chiến. Bọn thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là kẻ thù của ta và của dân tộc Miên-Lào; và tiến đến thành lập Mặt trận thống nhất các dân tộc Việt – Miên - Lào.

Chúng ta kháng chiến thắng lợi, một phần là nhờ sự đồng tình của các nước bạn và nhân dân thế giới. Vì vậy, chúng ta phải củng cố tình thân thiện giữa nước ta và các nước bạn, giữa dân ta và nhân dân các nước trên thế giới.

2. Để thực hiện những điểm ấy, chúng ta phải có một Đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và tình hình trong nước, để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi, Đảng đó lấy tên Đảng Lao động Việt Nam.

Về thành phần, Đảng Lao động Việt Nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng.

Về lý luận, Đảng Lao động Việt Nam theo chủ nghĩa Mác-Lê nin.

Về tổ chức, Đảng Lao động Việt Nam theo chế độ dân chủ tập trung.

Về kỷ luật, Đảng Lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác.

Về luật phát triển, Đảng Lao động Việt Nam dùng lối phê bình và tự phê bình để giáo dục đảng viên, giáo dục quần chúng.

Về mục đích trước mắt, Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại thống nhất và độc hoàn toàn; lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây

dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội.

Đảng Lao động Việt Nam phải là một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để.

Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới. Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam. Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa kháng chiến đến thắng lợi. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó. Công việc của chúng ta rất to lớn. Tiền đồ của chúng ta rất vẻ vang. Song chúng ta còn phải kinh qua nhiều khó khăn. Kháng chiến có những khó khăn của kháng chiến. Thắng lợi cũng có những khó khăn của thắng lợi.

Thí dụ:

- Tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa đủ thành thực để đối phó với mọi cuộc biến đổi mới trong nước và ngoài thế giới.

- Đế quốc Mỹ có thể giúp giặc Pháp nhiều hơn nữa, do đó mà giặc Pháp có thể ngông cuồng hơn nữa. Công việc ngày càng nhiều, mà ta còn thiếu cán bộ, cán bộ còn thiếu năng lực và kinh nghiệm. Giải quyết vấn đề kinh tế và tài chính thế nào cho hợp lý, cho lợi dân v.v...

Chúng ta không sợ khó khăn nhưng chúng ta phải trông thấy trước và trông thấy rõ, phải chuẩn bị sẵn sàng để giải quyết những khó khăn ấy. Với sự đoàn kết nhất trí và lòng cương quyết quật cường của Đảng của Chính phủ và của toàn dân, chúng ta nhất định khắc phục được mọi khó khăn để đi đến hoàn toàn thắng lợi.

Cách mạng tháng Mười thành công. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô thành công. Cách mạng Trung Quốc thành công. Những thành công ấy đã mở đường cho sự thành công của cách mạng nước ta và nhiều nước khác trên thế giới.

Ta có một Đảng to lớn, mạnh mẽ. To lớn mạnh mẽ là vì có chủ nghĩa Mác - Lênin, vì sự cố gắng không ngừng của toàn thể đảng viên, vì được toàn

quân và toàn dân thương yêu, tin cậy, ủng hộ. Vì vậy, tôi chắc rằng: chúng ta sẽ làm tròn nhiệm vụ nặng nề mà về vang là:

- Xây dựng một Đảng Lao động Việt Nam rất mạnh mẽ;
- Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn;
- Xây dựng nước Việt Nam dân chủ mới;
- Góp sức vào việc giữ gìn dân chủ thế giới và hoà bình lâu dài.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t6, tr153 - 176).

Bản sao lưu trữ

TRÍCH TỪ TÁC PHẨM 'THƯỜNG THỨC CHÍNH TRỊ'

17. CHẾ ĐỘ NHÀ NƯỚC DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã đánh đổ nền thống trị tối tăm của đế quốc và phong kiến, đã đưa nhân dân ta lên con đường sáng sủa, vẻ vang. Nhà nước ta đã thành Nhà nước của nhân dân.

Nhà nước là gì? Trái mấy muôn năm, xã hội cộng sản nguyên thủy không có chế tư hữu, không có sự bóc lột, không có giai cấp, thì không có Nhà nước.

Từ khi có chế độ tư hữu, người giàu thành giai cấp bóc lột, người nghèo thành giai cấp bị bóc lột. Giai cấp người giàu xây dựng bộ máy thống trị gồm có: Chính phủ, Quân đội, Toà án, Cảnh sát v.v... Bộ máy ấy gọi là Nhà nước để thống trị giai cấp bị bóc lột, Nhà nước Phong kiến là công cụ của địa chủ để thống trị nông dân. Nhà nước tư bản là công cụ của giai cấp tư sản để thống trị giai cấp công nhân.

Song từ Cách mạng Nga thành công, một xã hội mới ra đời, Nhà nước đã trở nên công cụ thống trị của nhân dân lao động.

Nhà nước ta cũng là Nhà nước của đại đa số nhân dân, để thống trị thiểu số phản động, để giữ gìn lợi ích của nhân dân, bằng cách dân chủ chuyên chính của nhân dân.

18. NHÂN DÂN DÂN CHỦ CHUYÊN CHÍNH

Trước kia Việt Nam ta vẫn có Nhà nước và Chính phủ. Song đó là công cụ của đế quốc và phong kiến để áp bức nhân dân.

Cách mạng tháng Tám thành công, ta lập ra Chính phủ mới, quân đội, công an, toà án, pháp luật mới của nhân dân để chống kẻ địch trong và ngoài, và để giữ gìn quyền lợi của nhân dân.

Nhà nước mới của ta và Nhà nước cũ, tính chất khác nhau.

Tính chất của một Nhà nước là: trong Nhà nước ấy, giai cấp nào thống trị, giai cấp nào bị thống trị. Nhà nước ấy bảo vệ lợi ích của giai cấp nào, đàn áp giai cấp nào. Nhà nước cũ nằm trong tay đế quốc và phong kiến, tính chất nó là đế quốc và phong kiến, là phản động.

Nhà nước ta ngày nay là nằm trong tay nhân dân chống đế quốc và phong kiến. Tính chất nó là nhân dân dân chủ chuyên chính.

Nhân dân là: bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng, các giai cấp ấy đoàn kết lại, bầu ra Chính phủ của mình. Đối với nội bộ nhân dân thì thực hành dân chủ. Đối với đế quốc, phong kiến và lũ phản động thì thực hành chuyên chính chống lại chúng, đàn áp chúng.

Trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân, tức là của giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Bốn giai cấp ấy do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm nền tảng, đoàn kết các giai cấp dân chủ và các dân tộc trong nước, để thực hành dân chủ chuyên chính.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, T7, Tr: 216-217)

CHỐNG NẠN GIẤY TỜ

Từ các Bộ ở Trung ương đến cơ quan các xã, nạn giấy tờ rất nặng, làm hại rất nhiều. Như: Bộ Nội vụ: một bản thông tư (biên chế) dài 26 trang; một biên bản (hội nghị củng cố xã) dài hơn 100 trang v.v...

Bộ Tài chính: riêng Vụ Ngân sách, một tháng đòi hỏi hơn 10 báo cáo có báo cáo dài hơn 10 trang; bản thống kê dài 53 cột v.v...

Bộ Canh nông: là một Bộ có quan hệ nhiều nhất với nông dân, cho nên chúng tôi có nhiều thí dụ hơn:

- Giấy tờ quá nhiều, quá dài: Bộ đã gửi công văn (về việc mở trường chuyên nghiệp) cho 38 cơ quan, trong đó nhiều cơ quan không cần nhận công văn ấy. Một biên bản (tổng kết vụ chiêm 1953) kèm thêm tài liệu phụ lục dài 120 trang. Một cơ quan canh nông địa phương đòi hỏi ở xã cung cấp một thống kê dài 153 cột.

- Quá chậm trễ: chỉ thị của Bộ về việc giữ gìn cho trâu bò khỏi rét: mùa rét đã lâu rồi, chỉ thị mới đến. Bộ viết giấy xin giống nấm, Thứ trưởng ký rồi, sau một tháng giấy vẫn còn nằm ở Văn phòng của Bộ.

- Không đúng nguyên tắc: có những công văn gửi lên Ban Kinh tế Trung ương, mà Bí thư ký tên; công văn gửi cho Ủy ban các liên khu, mà Giám đốc ký tên. Những công văn ấy phải do Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng ký tên mới đúng.

- Cách làm luộm thuộm: như chương trình sản xuất, đánh máy luộm thuộm, đến nỗi Quốc hội xem không được, phải gửi trả lại.

- Kém giữ bí mật: Bộ dùng điện thoại đánh điện, phải kinh qua nhiều trạm chuyển, mà nói cả những điều cần giữ bí mật.

- Nguyên nhân: Vì không sát thực tế, không gần gũi quần chúng. Cán bộ chỉ lo viết cho nhiều chỉ thị, thông tư. Nhưng không lo việc làm phải ăn khớp với lời nói, chỉ thị phải có thể thực hành. Cán bộ nhầm tưởng rằng

cứ gửi nhiều thông tư, chỉ thị, là xong việc; mà không theo dõi, đôn đốc giúp đỡ địa phương, không kiểm tra công việc thực tế.

- Cách chống nạn: Mỗi cán bộ cần phải thiết thực phụ trách công việc thực tế, mọi việc phải làm cho có kết quả thiết thực. Phải gần gũi quần chúng, học tập quần chúng, để hướng dẫn và giúp đỡ quần chúng, phải rút bớt thời giờ viết công văn, thêm nhiều thời giờ công tác thực tế. Phải mở rộng dân chủ, thực hiện thật thà tự phê bình và phê bình từ trên xuống, từ dưới lên, nhất là từ dưới lên.

Kết luận: Nạn giấy tờ đã làm tổn của hao công của nhân dân, nó cũng làm hỏng tư tưởng và tác phong của cán bộ. Nó là tàn tích của đế quốc và phong kiến, là hiện tượng tai hại của nạn quan liêu. Mà nạn quan liêu là mẹ đẻ ra nạn tham ô, lãng phí. Nhân dân rất mong các Bộ thi đua tiêu trừ triệt để bệnh giấy tờ và đôn đốc cấp dưới cũng thi đua như vậy. Đó là một cách để thực hiện Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, 17, tr 21)

ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN

Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nhà nước do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân, tức là:

- Tuân theo pháp luật Nhà nước.
- Tuân theo kỷ luật lao động.
- Giữ gìn trật tự chung.
- Đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung.
- Hăng hái tham gia công việc chung.
- Bảo vệ tài sản công cộng.
- Bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm kháng chiến, bộ đội ta anh dũng hy sinh xương máu, đồng bào ta hăng hái góp sức của, sức người. Điều đó chứng tỏ rằng đại đa số nhân dân ta đã tự giác tự động làm tròn nghĩa vụ của người chủ nước nhà.

Nhưng vẫn có một số ít người không làm đúng như vậy. Họ muốn hưởng quyền lợi mà không muốn làm nghĩa vụ. Thậm chí có những người phá hoại pháp luật (như tham ô, buôn gian, lậu thuế, trộm cắp, lưu manh...). Những thói xấu đó là do:

- a) Ảnh hưởng của xã hội cũ, của chế độ thực dân, phong kiến còn lại.
- b) Bọn đế quốc, phong kiến tuyên truyền lừa bịp, xúi giục, phỉnh phờ làm cho một số người lạc hậu trốn tránh nghĩa vụ, làm trái pháp luật, trái đạo đức công dân.

Cho nên chúng ta cần phải có giáo dục đạo đức công dân để mọi người hiểu rõ: Lợi ích chung của nước nhà và lợi ích riêng của người dân là nhất

trí; quyền lợi của công dân và nghĩa vụ của công dân là nhất trí; đã là người chủ của nước nhà thì phải phụ trách đối với Tổ quốc.

Giáo dục có nhiều cách: giúp quần chúng giáo dục quần chúng bằng cách tự phê bình và phê bình để dạy dỗ lẫn nhau. Cán bộ giáo dục quần chúng bằng cách vạch rõ âm mưu của địch, lấy sự thật mà giải thích cho quần chúng rõ địa vị cao quý của người làm chủ nước nhà, lực lượng xây dựng to lớn của ta, tương lai vẻ vang của dân tộc, nâng cao tinh thần yêu nước của mọi người. Giáo dục là chính, nhưng đối với những kẻ ngoan cố không chịu sửa đổi thì chính quyền phải dùng pháp luật. Pháp luật là pháp luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân.

C.B

(*Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t7, tr452 - 453*)

ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

Quyết tâm giúp đỡ loài người ngày càng tiến bộ và thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, luôn luôn giữ vững tinh thần chí công vô tư - đó là đạo đức cách mạng.

Tuy năng lực và công việc của mỗi người khác nhau, người làm việc to người làm việc nhỏ; nhưng ai giữ được đạo đức đều là người cao thượng.

Đại đa số chiến sĩ cách mạng là người có đạo đức: Cả đời hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, sinh hoạt ngày thường thì làm gương mẫu: gian khổ, chất phác, kính trọng của công.... Đạo đức ấy có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp đổi xã hội cũ thành xã hội mới và xây dựng mỹ tục thuần phong.

Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bản cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hy sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng. Nhưng chúng ta biết rằng: Muốn cải thiện đời sống, thì trước phải ra sức thi đua phát triển sản xuất; và trước phải nâng cao mức sống của nhân dân, rồi mới nâng cao mức sống của cá nhân mình. Tức là: "Lo thì trước thiên hạ; hưởng thì sau thiên hạ".

Nhưng chúng ta cũng phải nhận rằng: ảnh hưởng xấu của xã hội cũ làm cho một số đảng viên và cán bộ (trong Đảng và ngoài Đảng) hủ hoá. Họ tưởng rằng cách mạng là cốt để làm cho họ có địa vị, được hưởng thụ. Do đó mà họ mắc những sai lầm: Kiêu ngạo, chững diện, hưởng lạc, lãng phí của công, tự tư tự lợi, không tiết kiệm đồng tiền bát gạo là mồ hôi nước mắt của nhân dân.

Họ quên mất tác phong gian khổ phấn đấu, lạt lẽo với công việc cách mạng, xa rời Đảng, xa rời quần chúng. Dần dần họ mất cả tư cách và đạo đức người cách mạng, sa vào tham ô, hủ bại và biến thành người có tội với Đảng, với Chính phủ, với nhân dân.

Để ngăn ngừa cái xấu ấy, Đảng ta từ trên xuống dưới phải chú trọng việc giáo dục đạo đức cách mạng, tăng cường tinh thần cảnh giác, mở rộng tự phê bình và phê bình.

C.B

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t7, tr 568 - 569).

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ SẢN XUẤT CỨU ĐÓI

Tục ngữ có câu: "Dân dĩ thực vi thiên" nghĩa là dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn thì không có trời. Lại có câu: "Có thực mới vực được đạo", nghĩa là không có ăn thì chẳng làm được việc gì cả.

Vì vậy chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi.

Vì vậy cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới, đều phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân. Phải lãnh đạo, tổ chức, giáo dục nhân dân tăng gia sản xuất và tiết kiệm. Dân đủ ăn đủ mặc thì những chính sách của Đảng và Chính phủ đưa ra sẽ dễ dàng thực hiện. Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được.

Phải biết giáo dục, lãnh đạo, giúp đỡ nhân dân tăng gia sản xuất và tiết kiệm. Phải tiết kiệm là vì nếu được bữa nào xào bữa ấy, thì sẽ thiếu thốn. Nếu cán bộ khéo lãnh đạo và thiết thực giúp đỡ đồng bào và đồng bào cố gắng tăng gia sản xuất và tiết kiệm thì dân sẽ no ấm, mọi việc trôi chảy, thuế khoá dễ thu, tài chính dồi dào, dân no thì nước giàu vì nước ta là nước nông nghiệp, mọi việc đều dựa vào nông nghiệp. Nếu cán bộ không biết lãnh đạo và thiết thực giúp nông dân tăng gia sản xuất và tiết kiệm, nếu đảng viên không xung phong gương mẫu, thì việc gì cũng sẽ khó làm. Cho nên chính sách tăng gia sản xuất và tiết kiệm là một chính sách căn bản của chúng ta. Tăng gia sản xuất và tiết kiệm để nâng cao đời sống của nhân dân, khôi phục kinh tế, mở mang văn hoá và đề phòng đói, chống đói. Trách nhiệm của các cấp uỷ và cán bộ là phải hết sức chú ý đến sản xuất và tiết kiệm. Các đảng viên phải gương mẫu trong việc đó.

Sự thực, chỗ nào mà nhân dân tổ chức giúp đỡ nhau thì kết quả hơn chỗ cấp phát; dân hăng hái hơn, đoàn kết hơn, sản xuất cũng mạnh hơn.

Trung ương có chỉ thị trưng vay, vì chỗ nào đói không phải là ở đó hết gạo đã hết, nhưng vì có bọn địa chủ giấu thóc gạo. Khéo trưng vay thì lấy được thóc gạo, nhưng cán bộ không làm, cứ cho cấp phát. Có chỗ quá tệ hơn nữa, đã không trưng vay, lại cấp phát tràn lan, phát cho cả địa chủ, phú nông. Đó là vì cán bộ không giữ vững lập trường giai cấp.

Cũng do lập trường giai cấp không vững mà sinh ra quan liêu, khi quá tả khi quá hữu. Khi thiếu gạo, cán bộ không biết tổ chức sản xuất, tự cứu, không biết tổ chức nhân dân giúp đỡ nhau, không biết tổ chức trưng vay. Khi nhận được gạo, lại còn cấp phát tràn lan, chậm chạp, gạo đến người đói chậm, người không đói cũng nhận được gạo. Quá tệ hơn nữa là gạo của Chính phủ giúp dân, chừng một nửa đến tay dân đói, còn một nửa bị tham ô, lãng phí.

Tham ô, lãng phí là có tội, mà tham ô lãng phí gạo cứu đói tội lại càng lớn hơn. Không khác gì gián điệp giết hại đồng bào đó. Thế là có tội đối với Đảng và Chính phủ, đối với nhân dân; đối với nước bạn. Đó là tội thật to. Các cấp ủy cùng với cán bộ cần tìm cho ra gốc rễ tham ô, lãng phí và xử trí đúng mức.

Hiện nay, các nơi đã gặp nhiều. Có nhiều cán bộ đã vội cho là hết đói rồi. Thế là chủ quan.

Chúng ta không được chủ quan.

Các cô, các chú phải lãnh đạo tổ chức giúp đỡ nhân dân, một mặt thì tiết kiệm, chống lãng phí lương thực hiện có, một mặt thì tăng gia thêm để phòng đói tháng 8 khỏi xảy ra.

Nói tóm lại, các cô, các chú phải nhớ 3 điểm:

1. Phải nắm vững đường lối chính sách của Trung ương, của Chính phủ.
2. Phải thật thà quan tâm đến đời sống của nhân dân, tin và dựa vào lực lượng, sáng kiến của nhân dân.
3. Phải có lòng tự tin mình, ra sức làm thì nhất định làm được.

Như vậy thì nhất định tăng gia sản xuất và tiết kiệm được, nhất định chống đói và phòng đói được. Phòng đói là hơn cứu đói, cũng như phòng bệnh hơn là chữa bệnh.

Các cô các chú đã đi làm, người có thành tích nhiều, người có thành tích ít, người có khuyết điểm nhiều, người có khuyết điểm ít. Bác tặng cho mấy giải thưởng, các cô các chú sẽ bình nghị người nào, nơi nào có nhiều thành tích nhất thì được.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, (7, tr572 - 574).

Bản sao lưu trữ

BÀI NÓI TẠI LỄ BẾ MẠC LỚP CHỈNH HUẤN CÁN BỘ TRÍ THỨC

Hôm nay, chúng ta vui vẻ kết thúc lớp nghiên cứu. Tôi thay mặt Đảng và Chính phủ trước là cảm ơn cán bộ của lớp và anh em công nhân đã cố gắng hướng dẫn về tinh thần và tiếp tế về vật chất để giúp các cụ và các cô, các chú vui vẻ nghiên cứu.

Thứ hai là cảm ơn các cụ đã không ngại tuổi già, sức yếu, cố gắng xung phong nghiên cứu, làm gương mẫu cho anh em. Đó là một điều đáng quý trọng.

Ba là tôi vui lòng tuyên bố: các cô, các chú đều có tiến bộ, hoặc ít hoặc nhiều. Theo sự nhận xét của tôi thì tiến bộ ấy tỏ ra ở những điểm sau đây:

a. Mọi người đều nhận rõ rằng: Đảng, Chính phủ và nhân dân ta rất yêu quý trí thức. Yêu quý những trí thức gắn liền những lý luận với thực hành, những trí thức thật lòng thật dạ, phụng sự nhân dân, phụng sự kháng chiến. Yêu quý những trí thức đoàn kết thành một khối với nhân dân, những trí thức của nhân dân.

b. Mọi người nhận rõ rằng trước kia, thực dân và phong kiến áp bức bóc lột tàn tệ công nông về vật chất. Nhưng công nông đã giữ vững tinh thần giai cấp và tinh thần dân tộc, giữ vững trí khí quật cường bất khuất. Khi có cơ hội cách mạng và kháng chiến thì công nông hăng hái nổi dậy, đặt lợi ích chung trên lợi ích riêng, hy sinh quên mình, chiến đấu anh dũng. Còn đối với trí thức thì tuy rằng thực dân và phong kiến cũng trực tiếp bóc lột về vật chất, song chúng dành một tí tí cái chúng đã bóc lột được để mua chuộc trí thức. Nhưng chúng áp bức bóc lột trí thức tàn tệ về mặt tinh thần. Chúng đã làm cho trí thức xa rời thực tế, xa rời nhân dân. Chúng đã làm cho một số trí thức mơ màng đến nỗi quên nước mình bị nô lệ, quên tự mình là nô lệ, không phân biệt ai là bạn, ai là thù, không phân biệt được thế nào là sai, là đúng. Đó là thủ đoạn vô cùng thâm độc của thực dân và phong kiến.

c. Mọi người nhận rõ rằng: muốn thoát ách nô lệ, muốn tự lập tự cường thì nhất định phải làm cách mạng, phải kháng chiến. Kháng chiến là tiếp tục công việc cách mạng để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Cách mạng của ta là cách mạng dân tộc giải phóng, cách mạng dân chủ nhân dân, cách mạng phản đế phản phong - căn bản là cách mạng nông dân, cách mạng ruộng đất.

Mọi người nhận rõ rằng: kháng chiến nhất định thắng lợi nhưng phải trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh. Tự lực cánh sinh để vượt mọi khó khăn, chịu đựng gian khổ để chiến đấu trường kỳ. Chiến đấu được trường kỳ là nhất định thắng lợi. Trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh là trách nhiệm chung cả toàn dân, cũng là trách nhiệm riêng của mỗi người, mà cán bộ trí thức cần phải làm gương, phải "tiên ưu hậu lạc".

d. Mọi người nhận rõ rằng: muốn độc lập thành công, kháng chiến thắng lợi thì phải đánh quy đế quốc. Và muốn đạt mục đích ấy thì phải có một lực lượng cực kỳ to lớn mạnh mẽ. Lực lượng ấy sẵn có ở nhân dân ta, mà nhân dân ta tuyệt đại đa số là nhân dân lao động.

Muốn động viên lực lượng ấy, thì phải phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất. Ngoài ra không có cách nào khác.

Trừ bọn thực dân và bọn phong kiến bù nhìn Việt gian phản động, thì người Việt Nam ai mà không muốn kháng chiến thắng lợi, độc lập thành công. Cho nên những người yêu nước, trước hết là cán bộ, cần phải có một lập trường dứt khoát, đứng hẳn về phía nông dân, về phía lực lượng chủ chất, nó đưa kháng chiến đến thắng lợi, độc lập thành công . . .

Những điểm tôi nói trên là một tiến bộ quan trọng, vì nó xoay chuyển tư tưởng và lập trường từ hướng cũ sang hướng mới. Nhưng chúng ta phải nhận rằng khuyết điểm vẫn còn nhiều và tiến bộ ấy chỉ là một bước đầu trong cả đoạn đường cải tạo để đi đến tẩy rửa hết những chứng bệnh mà thực dân và phong kiến đã đầu độc vào tư tưởng và tác phong của chúng ta.

Chúng ta phải biết rằng: chúng ta có vinh dự sống trong một thời đại rất to lớn, sự vật thay đổi và phát triển rất mau chóng. Trong khoảng mấy mươi năm nay, chúng ta đã thấy bao nhiêu phát minh mới mẻ như vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình, sức nguyên tử, v.v... Người đã chinh

phục nhiều lực lượng thiên nhiên để phục vụ cho loài người. Nhưng phát minh vĩ đại nhất và phát triển nhanh chóng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong khoảng mấy mươi năm, chủ nghĩa ấy đã lan rộng, ăn sâu khắp thế giới, đã đánh tan xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên một phần ba quả địa cầu.

Ba mươi sáu năm trước đây, toàn thế giới là một thế giới cũ của tư bản, đế quốc và phong kiến. Ngày nay, một thế giới mới, rộng mênh mông nối liền từ Đông Đức sang Liên Xô, sang Trung Quốc đến Triều Tiên. 300 triệu người đã đoàn kết thành một khối nhất trí về tư tưởng, chính trị, kinh tế và quân sự. Xung quanh khối người ấy lại có hàng trăm triệu nhân dân lao động và dân tộc bị áp bức đang vươn mình chống đế quốc, tư bản, phong kiến, đòi giải phóng tự do.

Đó là phe dân chủ hoà bình thế giới do Liên Xô lãnh đạo. Cùng đứng trong phe ấy, Việt Nam ta tiến bộ thế nào?

9 năm trước, tên tuổi nước ta bị lu mờ, không ai biết đến. Nay vì cách mạng, vì kháng chiến, tên tuổi nước ta lẫy lừng khắp thế giới, địch thì sợ, bạn thì yêu . . .

Sự tiến bộ của nhân dân ta tỏ rõ nhất là quân đội ta. 9 năm về trước, quân đội ta rất non yếu và thiếu thốn mọi bề. Nay quân đội ta đã trưởng thành mau chóng; đã tiến bộ vượt mức về chính trị cũng như về chiến thuật; đã đuổi giặc chạy dài ngót 500 cây số và chắc chắn sẽ quét sạch chúng ra khỏi đất nước yêu quý của chúng ta.

9 năm trước đây, nhân dân ta gồm cả trí thức ta, bị Tây khinh rẻ và gọi là "giống bản thỉu". Ngày nay, ta có những anh hùng như Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị và đang nảy nở hàng trăm chiến sĩ và anh hùng trong phong trào thi đua yêu nước.

Cho đến nhi đồng ta, trước kia chỉ biết chơi đùa hoặc chăn trâu hoặc bị bọn thực dân bắt liếm chảo cho chúng xem trong những ngày hội hè, kỷ niệm. Ngày nay, nhi đồng của chúng ta cũng hăng hái tham gia kháng chiến, giết giặc lập công như cháu Nam, cháu Thư và nhiều cháu khác không kém anh hùng Trần Quốc Toản ngày xưa.

Nói tóm lại, 9 năm trước nhân dân ta bị làm nô lệ, ngày nay nhân dân ta đã là chủ nhân ông. Kết quả ấy cũng vì có chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng con đường cách mạng của chúng ta.

Phấn đấu trong một thời đại vẻ vang, làm cán bộ của một dân tộc anh hùng, đó là một vinh dự của người trí thức, đồng thời cũng là một nhiệm vụ nặng nề. Muốn làm tròn nhiệm vụ thì phải tiến kịp phong trào, tiến với dân tộc; phải cải tạo tư tưởng, giữ vững lập trường.

Chúng ta phải nhớ câu "Chính tâm tu thân" để "trị quốc bình thiên hạ". Chính tâm tu thân tức là cải tạo. Cải tạo tức là trường kỳ gian khổ, vì đó là một cuộc cách mạng trong bản thân của mỗi người. Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một việc rõ ràng, không phải trong một lớp nghiên cứu vài tháng mà hoàn toàn thắng lợi Chúng ta phải cố gắng nữa, cố gắng mãi. Dù khó khăn gian khổ, nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công. Một là tin tưởng vào Đảng, Chính phủ và quần chúng có thể giúp đỡ mình cải tạo. Hai là tự mình phải có quyết tâm cải tạo thì nhất định cải tạo được.

Có hai thứ vũ khí rất sắc bén để chúng ta cải tạo, tức là cố gắng học tập gắn liền với thực hành và không e ngại, không che dấu, thật thà tự phê bình và hoan nghênh quần chúng phê bình mình. Quyết tâm giữ vững hai điều kiện ấy và lợi dụng hai vũ khí ấy thì dù trước đã mắc nhiều khuyết điểm, thậm chí đã phạm tội lỗi, cũng nhất định cải tạo được, nhất định tiến bộ được.

Tôi mong rằng khi về cơ quan, về địa phương, các cô, các chú tiếp tục cố gắng học tập và cải tạo để thành người cán bộ trí thức mới của thời đại mới, của dân tộc mới mà Đảng, Chính phủ và nhân dân đang thiết tha mong chờ nơi các cô, các chú.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t7, tr145 - 149)

HOA SEN

Cải cách ruộng đất là một cuộc cách mạng nông thôn, long trời chuyển đất. Không những nó quan hệ trực tiếp với giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ, mà còn ảnh hưởng lớn đến nhiều tầng lớp khác. Do đó mà có vấn đề thành phần giai cấp và quan hệ gia đình. Những đảng viên và cán bộ (trong Đảng và ngoài Đảng), hoặc bản thân là địa chủ, hoặc là con em địa chủ, đều suy nghĩ và lo lắng về vấn đề ấy.

Đối với giai cấp địa chủ, nông dân cũng không "vơ đũa cả nắm", mà có phân biệt: đối với những địa chủ thật thà tuân theo pháp luật, thì giúp đỡ cải tạo. Đối với những địa chủ cường hào gian ác, đã có nhiều nợ máu, lại ngoan cố phá hoại thì mới trừng trị. Giáo dục cải tạo là chính.

Còn vấn đề thành phần và quan hệ - trước khi ra đời, người ta không thể lựa chọn sinh ra ở giai cấp nào, ở gia đình nào. Thành phần giai cấp nhất định có ảnh hưởng đến tư tưởng của con người. Nhưng nó không phải là một ảnh hưởng quyết định, không khắc phục được. Khi đã đứng vào hàng ngũ cách mạng, đã được Đảng và nhân dân rèn luyện, người ta có thể đấu tranh và thoát ly ảnh hưởng của giai cấp xấu, thoát ly những quan hệ xấu.

Thành phần giai cấp và quan hệ gia đình (địa chủ) có ảnh hưởng thế nào, điều quyết định vẫn là do bản thân mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ. Nếu người đảng viên và người cán bộ có chí khí kiên cường, tư tưởng vững chắc, lập trường dứt khoát, quyết tâm phụng sự cách mạng, phục vụ nhân dân, thật thà thì hành những chính sách của Đảng và Chính phủ, thì nhất định đánh thắng được ảnh hưởng ấy, vẫn được Đảng, Chính phủ và nhân dân tin cậy.

Trước kia, Các Mác là con một nhà quý phái, Ăngghen là con một nhà tư bản. Nhưng hai ông đã hoàn toàn dâng mình cho cách mạng và thành những người sáng lập chủ nghĩa cộng sản. Gần ta đây, ở tỉnh Quảng Đông, người đầu tiên tổ chức và lãnh đạo nông dân kịch liệt chống lại giai

cấp địa chủ là đồng chí Bành Bái, con một nhà đại địa chủ, đại phong kiến. Ở nước ta cũng từng có những địa chủ và con cháu địa chủ, sau khi tham gia cách mạng, đã thật thà cải tạo, dứt khoát với giai cấp cũ và quan hệ cũ; đã trở nên những đảng viên tốt, những cán bộ tốt.

Một thí dụ: Gốc rễ cây sen ở dưới đất bùn hôi hám. Nhưng vươn mình lên mặt nước trong trẻo, hấp thụ ánh sáng mặt trời, thì hoa sen trở nên tươi đẹp, thơm tho:

Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại xen nhị vàng,
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Người ta cũng vậy. Thành phần giai cấp và quan hệ gia đình không thể ảnh hưởng xấu đối với những người thật thà cách mạng.

C.B

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t8, tr139 - 140)

ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

Từ lúc đầu loài người đã phải đấu tranh đối với giới tự nhiên để sống còn, như chống thú dữ, chống mưa nắng... Muốn thắng lợi thì mỗi người phải dựa vào lực lượng của số đông người, tức là của tập thể, của xã hội. Riêng lẻ từng cá nhân thì nhất định không thắng nổi tự nhiên, không sống còn được.

Để sống còn, loài người lại phải sản xuất mới có ăn, có mặc. Sản xuất cũng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội. Chỉ riêng lẻ cá nhân cũng không sản xuất được.

Thời đại của chúng ta là thời đại văn minh, thời đại cách mạng, mọi việc càng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội; cá nhân cũng không thể đứng riêng lẻ mà càng phải hoà mình trong tập thể, trong xã hội.

Do đó, chủ nghĩa cá nhân là trái ngược với chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội nhất định thắng, chủ nghĩa cá nhân nhất định phải tiêu diệt.

Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của người, chế độ xã hội v.v... cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cày, búa đá phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa.

Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được.

Từ khi có chế độ của riêng thì xã hội chia thành giai cấp, giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột do đó có mâu thuẫn xã hội có đấu tranh giữa các giai cấp và từ đó, người nào cũng thuộc vào hoặc giai cấp này hoặc giai cấp khác, không ai có thể đứng ngoài giai cấp. Đồng thời, mỗi người đại biểu cho tư tưởng của giai cấp mình.

Trong xã hội cũ, bọn phong kiến địa chủ, bọn tư bản và đế quốc thẳng tay áp bức, bóc lột những tầng lớp người khác, nhất là công nhân và nông dân. Chúng cướp của chung do xã hội sản xuất ra, làm của riêng của cá nhân chúng, để chúng "ngồi mát ăn bát vàng". Nhưng miệng chúng luôn luôn huênh hoang những danh từ "đạo đức", "tự do", "dân chủ" v.v...

Không thể chịu áp bức, bóc lột mãi, công nhân, nông dân và nhân dân lao động khác nổi lên làm cách mạng để tự giải phóng và để cải tạo xã hội cũ xấu xa thành xã hội mới tốt đẹp, trong đó những người lao động đều được ấm no, sung sướng, không có người bóc lột người.

Để giành lấy thắng lợi, cách mạng nhất định phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân. Cách mạng ở Liên Xô và ở các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa đã chứng thực điều đó, không ai chối cãi được.

Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang.

Sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen. Vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chò díp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng.

Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm.

Muốn gột rửa sạch những vết tích xấu xa của xã hội cũ, muốn rèn luyện đạo đức cách mạng, thì chúng ta phải ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Nếu không cố gắng để tiến bộ, thì tức là thoái bộ, là lạc hậu.

Mà thoái bộ và lạc hậu thì sẽ bị xã hội tiến bộ sa thải.

Không phải chỉ ở tại nhà trường, có lên lớp, mới học tập, tu dưỡng, rèn luyện và tự cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo. Thời kỳ hoạt động bí mật, thời kỳ khởi nghĩa, thời kỳ kháng chiến và ngày nay công việc xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà đều là những trường học rất tốt cho chúng ta rèn luyện đạo đức cách mạng.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước. Vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc và của loài người mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình. Khi cần, thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc. Đó là biểu hiện rất rõ rệt, rất cao quý của đạo đức cách mạng.

Trong Đảng ta, các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và nhiều đồng chí khác đã vì dân, vì Đảng mà oanh liệt hy sinh, đã nêu gương chói lọi của đạo đức cách mạng chí công vô tư cho tất cả chúng ta học tập.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thân, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hoá. Đó cũng là biểu hiện của đạo đức cách mạng.

Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là:

Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Đặt lợi ích của Đảng và nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ.

Mỗi người cách mạng phải hiểu thật sâu sắc rằng: Đảng ta là một đội ngũ tiên tiến nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Hiện nay, giai cấp công nhân ta tuy chưa đông lắm, nhưng nó ngày càng phát triển. Mai sau, hợp tác xã nông nghiệp sẽ được tổ chức khắp nơi, nông thôn sẽ dùng nhiều máy móc, nông dân sẽ biến thành công nhân. Người trí thức dần dần lao động chân tay và sự phân biệt giữa trí thức và công nhân cũng sẽ xoá bỏ dần. Công nghiệp của nước ta ngày càng phát triển. Vì vậy, số công nhân ngày càng thêm đông, sức công nhân ngày càng thêm mạnh, tiền đồ của giai cấp công nhân rất rộng rãi và vẻ vang. Nó vừa cải tạo thế giới vừa cải tạo bản thân mình.

Người cách mạng phải thấy thật rõ điều đó và đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, để hết lòng hết sức đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng. Bản, cho giai cấp công nhân và cho toàn thể nhân dân lao động. Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng với nhân dân.

Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Vì vậy, mục đích trước mắt của Đảng ta là đấu tranh để đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và thực hiện thống nhất nước nhà.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đấu tranh anh dũng, đánh đổ ách thống trị của thực dân và phong kiến, giải phóng hoàn toàn miền Bắc nước ta.

Đó là một thắng lợi to lớn. Nhưng cách mạng chưa phải đã thành công hoàn toàn. Vì mục tiêu hiện nay của Đảng là đấu tranh thống nhất nước nhà, để thực hiện một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh; làm cho cả nước không còn ai bị bóc lột, xây dựng một xã hội mới, trong đó mọi người được sung sướng, ấm no.

Nhưng công nghiệp của ta còn lạc hậu. Nhờ có sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, trước hết là Liên Xô và Trung Quốc, chúng ta đang phát triển công nghiệp. Để giành lấy thắng lợi, công nhân ta phải ra sức thi đua sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ; phải chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật lao động và tích cực tham gia quản lý xí nghiệp; phải chống lãng phí,

tham ô. Cán bộ ta phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, cùng công nhân tham gia lao động.

Nông dân ta đã được chia ruộng đất, đời sống có khá hơn trước một phần. Nhưng cách sản xuất vẫn còn phân tán, lạc hậu; do đó thu hoạch chưa được tăng nhiều, đời sống mới được cải thiện ít. Nông thôn ta cần phải đẩy mạnh phong trào tổ đổi công và hợp tác xã cho rộng khắp và chắc chắn, để thực sự tăng gia sản xuất, có như thế thì đồng bào nông dân mới hoàn toàn thoát khỏi cảnh nghèo khó và được ấm no hơn.

Cho nên đạo đức cách mạng là ra sức phấn đấu để thực hiện mục tiêu của Đảng, hết sức trung thành phục vụ giai cấp công nhân và nông dân lao động, tuyệt đối không thể lưng chừng.

Số đông đảng viên, đoàn viên và cán bộ ta làm đúng như thế. Nhưng cũng có một số không làm đúng. Họ lầm tưởng rằng miền Bắc không còn thực dân và phong kiến nữa thì tức là cách mạng thành công rồi. Do đó mà họ dễ chủ nghĩa cá nhân chớm nở, họ yêu cầu hưởng thụ, yêu cầu nghỉ ngơi, họ muốn lựa chọn công tác theo ý thích của cá nhân mình, không muốn làm công tác mà đoàn thể giao phó cho họ. Họ muốn địa vị cao, nhưng lại sợ trách nhiệm nặng. Dần dần tinh thần đấu tranh và tính tích cực của họ bị kém sút, chí khí anh dũng và phẩm chất tốt đẹp của người cách mạng cũng kém sút; họ quên rằng tiêu chuẩn số một của người cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng.

Chúng ta cần phải biết rằng: những thắng lợi mà chúng ta đã đạt được mới chỉ là bước đầu trên đường đi muôn dặm. Chúng ta phải tiến lên, cách mạng phải tiến lên nữa. Nếu không tiến, tức là thoái. Và nếu thoái thì những thắng lợi đã đạt được sẽ không thể củng cố và phát triển.

Để tiến lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh phải lâu dài và gian khổ. Cần có người cách mạng là vì còn có kẻ địch chống lại cách mạng.

Kẻ địch gồm có ba loại. Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc là kẻ địch rất nguy hiểm.

Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài.

Loại địch thứ ba là chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mình mỗi người chúng ta. Nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy. Nó là bạn đồng minh của hai kẻ địch kia.

Vì vậy đạo đức cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào. cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng.

Sở dĩ Đảng ta có thể lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, là vì Đảng ta có chính sách đúng đắn và lãnh đạo thống nhất. Mà lãnh đạo thống nhất là vì toàn thể đảng viên tư tưởng nhất trí và hành động nhất trí.

Nếu đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mớ cát rời, "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Như vậy thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng.

Lời nói và việc làm của đảng viên rất quan hệ đến sự nghiệp cách mạng, vì nó ảnh hưởng lớn đến quần chúng. Ví dụ: chính sách của Đảng và của Chính phủ ta hiện nay là tổ chức rộng khắp và chặt chẽ các tổ đổi công và hợp tác xã, thực hiện hợp tác hoá nông nghiệp. Nhưng có một số đảng viên và đoàn viên không vào tổ đổi công, không vào hợp tác xã hoặc vào nhưng không tích cực góp phần xây dựng, củng cố tổ đổi công và hợp tác xã. Đó là vì chủ nghĩa cá nhân đã đưa các đồng chí ấy đến chỗ "tự do hành động", trái với tổ chức và kỷ luật của Đảng. Dù muốn hay là không muốn, hành động của những đồng chí ấy làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng, ngăn trở bước tiến của cách mạng.

Những chính sách và nghị quyết của Đảng đều vì lợi ích của nhân dân. Vì vậy, đạo đức cách mạng của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, làm gương mẫu cho quần chúng. Mọi đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng; phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân.

Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào. Điều đó ai cũng biết. Giai cấp công

nhân chẳng những đấu tranh để tự giải phóng, mà còn để giải phóng cả loài người khỏi áp bức, bóc lột. Cho nên lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của nhân dân là nhất trí. Đảng viên là người thay mặt Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, lợi ích của người đảng viên phải ở trong chứ không thể ở ngoài lợi ích của Đảng, của giai cấp. Đảng và giai cấp thắng lợi và thành công, tức là đảng viên thắng lợi và thành công. Nếu rời khỏi Đảng, rời khỏi giai cấp, thì nhân dù tài giỏi mấy, cũng nhất định không làm nên việc gì.

Đạo đức Cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau, thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng.

Vì chưa rửa gột sạch chủ nghĩa cá nhân, cho nên có đảng viên còn "kể công" với Đảng. Có ít nhiều thành tích, thì họ muốn Đảng "cảm ơn" họ. Họ đòi ưu đãi, họ đòi danh dự và địa vị. Họ đòi hưởng thụ. Nếu không thỏa mãn yêu cầu của họ thì họ oán trách Đảng, cho rằng họ "không có tiền đồ", họ "bị hy sinh". Rồi dần dần họ xa rời Đảng, thậm chí phá hoại chính sách và kỷ luật của Đảng.

Nhiều đồng chí hoạt động trong thời kỳ bí mật và nhiều chiến sĩ trong thời kỳ kháng chiến đã oanh liệt hy sinh cả tính mạng; những anh hùng và chiến sĩ lao động hết lòng, hết sức tăng gia sản xuất; những đồng chí ấy không đòi địa vị và danh dự, không bao giờ đòi Đảng cảm ơn.

Đảng ta là một đảng có tính chất quần chúng, có hàng chục vạn đảng viên. Vì hoàn cảnh nước ta mà số đông đảng viên thuộc thành phần tiểu tư sản. Điều đó không có gì lạ. Dù vì ảnh hưởng của tư tưởng tư sản mà lúc đầu có đảng viên lập trường thiếu vững chắc, quan điểm còn mơ hồ, tư tưởng thiếu đúng đắn, nhưng được rèn luyện trong cách mạng và trong kháng chiến, nói chung đảng viên ta là tốt, trung thành với Đảng với cách mạng.

Các đồng chí ấy hiểu rằng: Đảng viên phạm sai lầm thì sẽ đưa quần chúng đến sai lầm, cho nên có sai lầm thì các đồng chí ấy sẵn sàng và kịp thời sửa chữa, không để nhiều sai lầm nhỏ cộng thành sai lầm to. Do đó, các đồng chí ấy biết thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình đồng chí khác để cùng nhau tiến bộ.

Như thế là đúng với đạo đức cách mạng. Trong bao nhiêu năm hoạt động bí mật, dù bị bọn thực dân khủng bố gắt gao và Đảng ta gặp rất nhiều khó khăn, nguy hiểm, nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, càng mạnh mẽ và đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Đó là vì Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén phê bình và tự phê bình.

Nhưng vẫn có một số ít đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân trói buộc mà trở nên kiêu ngạo, công thân, tự cao tự đại. Họ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình họ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Họ sợ tự phê bình thì sẽ mất thể diện, mất uy tín. Họ không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Họ xem khinh những cán bộ ngoài Đảng. Họ không biết rằng: có hoạt động thì khó mà hoàn toàn tránh khỏi sai lầm. Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ. Lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi. Đó là kết quả, tất nhiên của chủ nghĩa cá nhân.

Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đồng thời, Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng, thì cách mạng mới thành công.

Đạo đức cách mạng là hoà bình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ chung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng.

Trong cách mạng và kháng chiến, chúng ta đã làm đúng như vậy.

Nhưng hiện nay, chủ nghĩa cá nhân đang ám ảnh một số đồng chí. Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì.

Miền Bắc nước ta đang tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đó là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động. Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu. Nhưng lại phải thấy rằng chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình.

Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thoả mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn.

Lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể.

Cách mạng tiến lên mãi, Đảng tiến lên mãi. Cho nên người cách mạng cũng phải tiến lên mãi.

Phong trào cách mạng lôi cuốn hàng ức hàng triệu người. Công việc cách mạng là nghìn điều muôn loại phức tạp, khó khăn. Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải cố gắng học tập lý luận Mác – Lênin.

Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình.

Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình, là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm lý luận đi đôi với thực tiễn.

Nhưng có đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ tự cho mình là hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lênin hơn ai hết. Song khi gặp việc thực tế, thì họ hoặc là máy móc, hoặc là lúng túng. Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ học sách vở Mác - Lênin, nhưng không học tinh thần Mác - Lênin. Học để trang sức, chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng. Đó cũng là chủ nghĩa cá nhân.

Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân.

Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó.

Hiện nay nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh cho công cuộc thống nhất nước nhà. Đó là một nhiệm vụ cực kỳ vẻ vang. Chúng ta, tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng, đó là tính Đảng, tính giai cấp, nó bảo đảm cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân.

Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng, để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người.

Rất mong các đồng chí đảng viên, đoàn viên, cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng đều cố gắng, đều tiến bộ.

Tạp chí Học tập, số 12 năm 1958

Trần Lực

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t9, tr282 - 293)

Bản sao lưu trữ

NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ THANH TRA

Năm nay, các ban thanh tra phải chú ý kiểm tra chống lãng phí, tham ô. Phát hiện ra những việc lãng phí, tham ô, chẳng những cần báo cáo với Trung ương và Chính phủ giải quyết mà còn phải giúp các cấp lãnh đạo địa phương tìm ra những biện pháp để tích cực chống lãng phí, tham ô.

Nạn lãng phí, tham ô là do bệnh quan liêu, mệnh lệnh trong công tác của các cấp lãnh đạo ở các cơ quan Nhà nước gây ra.

Hiện nay ta đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, trước hết phải thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Nếu không kiên quyết chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô, thì nó sẽ cản trở, phá hoại ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy các cơ quan thanh tra Nhà nước chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô mà còn phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh để giúp các cơ quan Nhà nước cải tiến công tác, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy Nhà nước.

Về công tác xét các việc khiếu nại, tố giác, nhiệm vụ các ban thanh tra là phải làm cho nghiêm chỉnh, cho kịp thời, làm sớm chừng nào hay chừng ấy. Đồng bào có oan ức, có thắc mắc mới khiếu nại. Ta giải quyết tốt các việc khiếu nại, đồng bào thấy Đảng và Chính phủ quan tâm, lo lắng đến họ, do đó mối quan hệ giữa quần chúng nhân dân với Đảng và Chính phủ được củng cố tốt hơn.

Các ban thanh tra làm việc tốt, nhanh hay làm kém, chậm, trước hết là do bản thân mỗi ban cố gắng nhiều hay ít, nhưng còn do cấp lãnh đạo có quan tâm đến công tác thanh tra hay không. Các cấp lãnh đạo phải giúp đỡ các ban thanh tra làm việc tốt, phải quan tâm lãnh đạo công tác thanh tra. Hiện nay, ở đây không có các đồng chí cấp lãnh đạo ở địa phương, Bác nhờ các cô, các chú về báo cáo lại với các đồng chí đó những điều Bác đã nói ở trên.

Những ban thanh tra làm việc khá, còn phải cố gắng hơn, những ban còn kém thì phải cố gắng nhiều hơn nữa. Phải học tập kinh nghiệm lẫn nhau, học những điều hay và tránh những điều dở.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t10, tr81 - 82)

Bản sao lưu trữ

LỜI PHÁT BIỂU TẠI KỶ HỌP THỨ SÁU QUỐC HỘI KHÓA II

Thưa các đồng chí đại biểu,

Tôi vừa nhận được một tin tức làm cho tôi rất cảm động và sung sướng. Đó là tin Quốc hội có ý định tặng cho tôi Huân chương Sao vàng, Huân chương cao quý nhất của nước ta. Tôi xin tỏ lòng biết ơn Quốc hội.

Nhưng tôi xin Quốc hội cho phép tôi chưa nhận Huân chương ấy. Vì sao? Vì Huân chương là để tặng thưởng người có công huân; nhưng tôi tự xét chưa có công huân xứng đáng với sự tặng thưởng cao quý của Quốc hội.

Tổ quốc ta hiện đang tạm bị chia cắt làm đôi. Bọn đế quốc Mỹ đang tăng cường cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Đồng bào miền Nam đang bị dày dọa dưới chế độ dã man của Mỹ – Diệm. Không một ngày nào mà Mỹ – Diệm không khủng bố, càn quét, giết người, đốt làng, rải rắc thuốc độc, phá hoại mùa màng, dùng bạo lực ép buộc đồng bào vào những trại tập trung, những địa ngục mà chúng gọi là "ấp chiến lược".

Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng, đồng bào miền Nam đang hàng ngày hàng giờ hy sinh xương máu, anh dũng đấu tranh, kiên quyết chống bọn cướp nước hại dân, để giành lấy quyền tự do, quyền sinh sống.

Đoàn kết chặt chẽ chung quanh Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, đồng bào miền Nam không phân biệt gái, trai, già, trẻ; không phân biệt sĩ nông, công, thương; không phân biệt người Kinh, người Thượng; đồng tâm nhất trí, vượt mọi khó khăn gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Trong khi miền Bắc ra sức thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội để ủng hộ đồng bào miền Nam, thì đồng bào miền Nam anh dũng chiến đấu để bảo vệ công cuộc xây dựng hoà bình ở miền Bắc. Cho nên nhân dân miền Bắc từng giờ từng phút nhớ đến đồng bào miền Nam.

Gần 20 năm trường, hết đấu tranh chống thực dân Pháp, lại đấu tranh chống Mỹ - Diệm, đồng bào miền Nam thật là những người con anh hùng của dân tộc anh hùng Việt Nam. Miền Nam thật là xứng đáng với danh hiệu "Thành đồng của Tổ quốc" và xứng đáng được tặng Huân chương cao quý nhất.

Vì những lẽ đó, tôi xin Quốc hội đồng ý thế này:

Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Tổ quốc hoả bình thống nhất. Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng. Nhân dịp này, tôi thách Tổng thống Kennơđi trả lời mấy câu hỏi sau đây:

- Việt Nam xa cách Hoa Kỳ hàng vạn dặm. Nhân dân Việt Nam và nhân dân Hoa Kỳ không thù oán gì nhau. Ông có lý do gì mà gây nên cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam, hoang phí hàng tỉ đôla của nhân dân Hoa Kỳ để ủng hộ một chính quyền thối nát độc tài đã bị nhân dân miền Nam Việt Nam phỉ nhổ ông có quyền gì mà bắt buộc hàng vạn thanh niên con em người Hoa Kỳ sang giết hại người miền Nam Việt Nam vô tội, rồi họ cũng bị chết trong cuộc chiến tranh phi nghĩa, bản thủ ấy?

Năm 1954, là đại biểu Quốc hội Hoa Kỳ, ông đã phê bình Tổng thống Aixenhao như sau:

"Tung tiền bạc, vũ khí và quân lính vào trong vùng rừng núi Đông Dương mà không có một chút hy vọng xa xôi về thắng lợi - có thể là một điều nguy hiểm, vô ích, là một hành động tự sát... Tôi thành thật tin rằng không có một sự tăng cường viện trợ quân sự nào của Mỹ ở Đông Dương có thể chinh phục được một kẻ địch ở đâu cũng có, đồng thời không thấy ở đâu, một kẻ địch... được nhân dân có cảm tình, ủng hộ và che chở..."

"Vi sao Tổng thống Kennơđi lại hành động tự sát một cách u mê, điều mà nghị sĩ Kennơđi đã cảnh cáo một cách sáng suốt?"

- Dự luận chính đáng của nhân dân Mỹ mà các nhân sĩ Hoa Kỳ đã nêu lên trong bức thư gửi cho Tổng thống (1-3-1963) tức là: chấm dứt sự can thiệp quân sự Mỹ vào miền Nam Việt Nam và triệu tập một cuộc hội nghị quốc tế để vạch ra một giải pháp hoà bình.

Tổng thống Kennơđi có muốn hay là không muốn làm theo dự luận chính đáng của nhân dân Mỹ?

Tổng thống Kennơđi phải hiểu lịch sử. Lịch sử đã chứng tỏ rằng: Khi một dân tộc đã đoàn kết nhất trí, đấu tranh giành độc lập tự do (như tổ tiên Tổng thống ngày trước và nhân dân miền Nam Việt Nam hiện nay), thì nhất định họ sẽ thắng lợi. Cho nên chắc chắn rằng:

Đồng bào miền Nam nhất định sẽ thắng.

Nam - Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà.

Tổ quốc yêu dấu của chúng ta nhất định sẽ hoà bình thống nhất.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn Quốc hội.

(*Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t11, tr61 - 63*)

Bản sao lưu trữ

**BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ
PHỔ BIẾN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ
CUỘC VẬN ĐỘNG "NÂNG CAO TÌNH THẬN TRÁCH NHIỆM,
TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI CHÍNH,
CẢI TIẾN KỸ THUẬT, CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ,
QUAN LIÊU"**

Các đồng chí,

Để hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị điều kiện tốt cho những kế hoạch sau, để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, Đảng và Chính phủ đã quyết định bắt đầu tiến hành hai cuộc vận động lớn:

Một là cuộc vận động "Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu". Gọi tắt là "3 xây, 3 chống".

Hai là cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc".

Hai cuộc vận động này liên quan với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Có thể ví hai cuộc vận động như hai bánh xe vững chắc, nó góp phần rất đắc lực vào việc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Hôm nay, chúng ta chỉ nói chuyện về cuộc vận động "3 xây, 3 chống".

Mục đích và yêu cầu của cuộc vận động này là gì? Tổ chức thế nào, chỉ đạo thế nào, tiến hành thế nào cho có kết quả tốt? Những điều đó đã ghi rõ trong Nghị quyết của Bộ Chính trị. Ở đây, tôi chỉ tóm tắt nhấn mạnh mấy điểm.

Từ ngày hoà bình lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, với sự lãnh đạo của Đảng, sự cố gắng của nhân dân và sự giúp đỡ tận tình của các

nước anh em, chúng ta đã thu được nhiều thắng lợi trong công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nhận rõ những thắng lợi đó.

Chắc rằng thắng lợi còn nhiều hơn nữa và to hơn nữa, nếu mỗi người cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức ta có ý thức trách nhiệm cao hơn; nếu chúng ta quản lý kinh tế tài chính khéo hơn; nếu chúng ta biết cải tiến kỹ thuật tốt hơn.

Nhưng chúng ta phải thật thà nhận rõ những khuyết điểm và nhược điểm, để kiên quyết sửa chữa: như ý thức làm chủ nước nhà và tinh thần trách nhiệm còn kém. Chế độ và phương pháp quản lý kinh tế tài chính của chúng ta còn nhiều thiếu sót và lỏng lẻo. Kỷ luật lao động chưa được thật nghiêm túc. sử dụng lao động chưa được hợp lý. Khả năng thiết bị máy móc tuy có khá nhiều nhưng chưa được sử dụng đầy đủ.

Bởi những khuyết điểm đó, mà năng suất lao động bình quân tăng rất chậm, sản xuất phát triển chưa được mạnh mẽ, vững chắc và cân đối. Do đó mà đời sống vật chất của nhân dân chưa được cải thiện nhiều.

Mọi người biết rằng mức sống với sản xuất là như thuyền với nước. Nước cao thì thuyền mới lên cao. Sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ thì đời sống mới được cải thiện, không có cách nào khác.

- Trong cuộc vận động này, điểm 1 là: nâng cao tinh thần trách nhiệm là làm cho mọi người hiểu rõ mình có trách nhiệm cần kiệm xây dựng nước nhà. Mọi người có trách nhiệm tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, để Nhà nước có thể vừa tích lũy thêm tiền vốn xây dựng, vừa cải thiện dần đời sống của nhân dân. Mọi người còn có trách nhiệm lao động sản xuất sao cho xứng đáng với đồng bào miền Nam đang hy sinh xương máu, anh dũng chiến đấu chống chế độ phát xít Mỹ - Diệm.

Trong công cuộc xây dựng nước nhà, việc quản lý kinh tế tài chính là cực kỳ quan trọng. Nếu quản lý không chặt chẽ, thì cái gì thiếu không biết, cái gì thừa không hay, công việc sẽ bị bế tắc.

Cho nên điểm 2 của cuộc vận động là: tăng cường và củng cố các việc quản lý: quản lý sản xuất, quản lý vật tư, quản lý lao động, quản lý kỹ thuật, quản lý tiền bạc, v.v... Phải tăng cường việc quản lý từ Trung ương trên địa phương. Các xí nghiệp, công trường, nông trường... đều phải thực hiện quản lý một cách nghiêm chỉnh.

- Muốn phát triển sản xuất thì phải cải tiến kỹ thuật, nghĩa là: Phải biết học tập để nắm vững kỹ thuật, sử dụng đầy đủ công suất máy móc. Phải tìm tòi sáng kiến để tổ chức lao động cho hợp lý. Phải cải tiến phương tiện, máy móc làm việc để đạt năng suất cao, chất lượng tốt.

Muốn xây dựng một xã hội mới và tốt đẹp, thì cần phải tiêu diệt những thói hư, tật xấu của xã hội cũ còn sót lại. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Số đông cán bộ, đảng viên, đoàn viên, cộng nhân, viên chức ta đều tận tụy và trong sạch. Cho nên chúng ta đã thu được những thành tích trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhưng trong hàng ngũ ta vẫn còn một số người không tốt. Họ tham ô và lãng phí của Nhà nước và của nhân dân.

Vì vậy cuộc vận động này gồm có "3 xây", là xây những cái tốt nói trên và "3 chống" là chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

- Tham ô là hành động xấu xa nhất, tội lỗi đê tiện nhất trong xã hội. Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà, hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân, hại đến đạo đức cách mạng của người cán bộ và công nhân.

- Lãng phí tuy khác với tham ô ở chỗ người gây lãng phí không trực tiếp trộm cắp của công làm của riêng. Nhưng kết quả thì làm tổn hại rất nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân. Lãng phí có nhiều nguyên nhân. Hoặc vì lập kế hoạch không chu đáo. Hoặc vì trong khi thực hiện kế hoạch tính toán không cẩn thận. Hoặc vì bệnh hình thức xa xỉ, phô trương. Hoặc vì thiếu tinh thần bảo vệ của công. Nói tóm lại vì thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức quý trọng sức của, sức người của Nhà nước và của nhân dân.

- Quan liêu là người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng. Đối với công việc thì không điều tra nghiên cứu kỹ lưỡng. Chỉ đạo thì đại khái, chung chung. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng, tác phong không dân chủ. Sợ phê bình và tự phê bình. Không giữ đúng

nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách... Vì vậy, ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham ô, lãng phí.

"3 xây" và "3 chống" quan hệ chặt chẽ với nhau. Làm "3 chống" triệt để nhằm bảo đảm cho công việc "3 xây" thành công. "3 xây" phát triển mạnh mẽ thì đối tượng "3 chống" sẽ được xoá bỏ tận gốc.

Cuộc vận động này lấy giáo dục làm chính: khen ngợi những người tốt, việc tốt; khuyến khích những người có khuyết điểm tự giác tự động cố gắng sửa chữa để trở nên người tốt. Phải tiến hành khẩn trương, nhưng không nóng vội... Làm nơi nào phải thật tốt nơi ấy, để rút kinh nghiệm phổ biến cho nơi khác.

Để thực hiện tốt cuộc vận động cần chú ý mấy điểm sau đây:

- Phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động với phong trào thi đua yêu nước.
- Phải liên hệ chặt chẽ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa cán bộ, đảng viên và quần chúng.
- Cán bộ (trước hết là cán bộ phụ trách), đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu, xung phong, thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình. Có khuyết điểm thì quyết tâm sửa chữa.
- Phải mạnh dạn phát động quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng.
- Đảng uỷ các cấp phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc vận động. Thủ trưởng các ngành phải thật sự phụ trách cuộc vận động.
- Toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức phải hăng hái tham gia cuộc vận động với tinh thần phấn khởi và chí khí quyết thắng.

Đây là một cuộc vận động to lớn, một cuộc vận động cách mạng. Nó sẽ đưa lại sự chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về tư tưởng và tổ chức, về chính trị và kinh tế. Cuộc vận động này kết quả tốt sẽ góp phần rất to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành công và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà thắng lợi. Vì vậy, Đảng đòi hỏi đảng uỷ các cấp, thủ trưởng các ngành và toàn thể anh chị em lao động chân tay cùng lao động trí óc phải có quyết tâm và nghị lực thực hiện cuộc vận động này thắng lợi hoàn toàn.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t.11, tr.108 - 112)

BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1965

Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái hỏi thăm các đồng chí đại biểu.

Mấy hôm nay, các đồng chí đã kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm ngoái, bàn nhận những chỉ tiêu về kế hoạch năm nay và tiến hành thật thà phê bình và nghiêm khắc tự phê bình. Như thế là tốt.

Năm 1964, trung công tác kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng nói chung, đều có kết quả tốt. Nhưng vẫn còn nhược điểm và khuyết điểm. Thấy rõ nhược điểm và khuyết điểm để ra sức sửa chữa, đó cũng là một tiến bộ.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh để thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà là công việc mới mẻ, khó khăn và vĩ đại. Chúng ta có quyết tâm và nghị lực khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, thì nhất định chúng ta sẽ thắng lợi.

Về nội dung kế hoạch, các đồng chí đã bàn bạc kỹ. Bác không đi vào chi tiết như ngành này tăng mấy phần trăm, ngành kia tăng mấy phần trăm v.v... Bác chỉ nêu vài ý kiến sau đây:

Đặt ra kế hoạch thật tốt, thật sát là rất cần, nhưng đó chỉ là bước đầu. Kế hoạch 10 phần thì biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần. Có như thế mới chắc chắn hoàn thành.

Khi đặt kế hoạch phải nhìn xa. Có nhìn xa mới quyết định đúng đắn thời kỳ nào phải làm công việc gì là chính. Phải thấy rộng. Có thấy rộng mới sắp đặt các ngành hoạt động một cách cân đối. Khi đi vào thực hiện thì mỗi ngành, mỗi nghề phải rất tỉ mỉ, chu đáo, thật sát với mỗi cơ sở. Đó là "một bộ ba" để hoàn thành tốt kế hoạch.

Để hoàn thành tốt kế hoạch, điều quan trọng bậc nhất là bồi dưỡng tư tưởng, chính trị cho cán bộ và quần chúng. Phải làm cho mỗi người thấm nhuần tinh thần làm chủ tập thể, ý chí cần kiệm xây dựng nước nhà.

Hiện nay chúng ta đang tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã ở nông thôn, "3 xây, 3 chống" ở các xí nghiệp, vận động đồng bào miền xuôi tham gia phát triển kinh tế và văn hóa miền núi. Chúng ta khéo kết hợp những cuộc vận động đó, thì kế hoạch Nhà nước chắc chắn sẽ hoàn thành thắng lợi.

Một điều rất cần thiết nữa là phải củng cố tốt và phát triển tốt chi bộ và chi đoàn thanh niên lao động. Hiện nay chúng ta có hơn nửa triệu đảng viên và gần một triệu đoàn viên. Đó là một lực lượng rất to lớn. Chi bộ lãnh đạo tốt, đảng viên và đoàn viên đều xung phong gương mẫu trong công tác, thì kế hoạch nhất định sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

Mấy năm qua, kinh nghiệm còn ít, chúng ta phải học tập, mò mẫm, cho nên tuy thành tích không ít, nhưng khuyết điểm cũng nhiều.

Bây giờ chúng ta lịch duyệt đã khá nhiều, chúng ta phải tổng kết những kinh nghiệm đã có, phải có một sự chuyển biến mạnh mẽ, phải cố gắng làm việc cho tốt hơn.

Từng giờ, từng phút, từ cán bộ đến quần chúng đều phải cố gắng thực hiện "mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt". Miền Nam anh dũng đang hy sinh xương máu để đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và bảo vệ miền Bắc. Thì trong công cuộc xây dựng nước nhà, miền Bắc phải quyết tâm vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ và ủng hộ miền Nam.

Năm 1965 là một năm vĩ đại: Đảng thân yêu của chúng ta vừa 35 tuổi. Nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà chẵn 20 năm. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sắp kết thúc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng và cán bộ ta phải kết hợp tinh thần cách mạng với thái độ khoa học, để hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm nay và chuẩn bị tốt cho kế hoạch những năm sau. Khẩu hiệu của chúng ta là: Đoàn kết, đấu tranh, thắng lợi.

Nhân dịp tết Nguyên Đán sắp tới, Bác nhờ các đồng chí đại biểu chuyển lời Bác thân ái chúc đồng bào và cán bộ các địa phương một ngày tết tiết kiệm và vui tươi.

(*Nguyên: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t11, tr366 - 368*)

BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ BỒI DƯỠNG CHÍNH HUẤN DO TRUNG ƯƠNG TRIỆU TẬP

Các đồng chí,

Tết này, chúng ta sung sướng chúc mừng Đảng yêu quý của chúng ta 35 tuổi.

Đảng ta như biển rộng núi cao,

Băm nhăm năm ấy biết bao nhiêu tình?

Đảng ta đã gánh vác nhiệm vụ lịch sử đưa giai cấp vô sản và nhân dân ta anh dũng tiến lên con đường cách mạng.

Từ đó đến nay, trải qua một đoạn đường dài đầy hy sinh gian khổ, cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, đã giành được những thắng lợi to lớn.

Ngày nay, miền Bắc nước ta đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống mới no ấm, vui tươi, khác hẳn cảnh đời nô lệ tối tăm ngày trước.

Đồng bào miền Nam trước đã cùng nhân dân cả nước anh dũng kháng chiến, đánh thắng thực dân Pháp. Mười năm qua lại tiếp tục chiến đấu anh dũng, giương cao ngọn cờ giải phóng, quyết đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược cùng bọn tay sai Và đang giành nhiều thắng lợi to lớn.

Có Đảng lãnh đạo, dân tộc ta đã trở thành một dân tộc anh hùng, được bè bạn khắp năm châu yêu mến và kính trọng. Đó là một thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác- Lênin, đó là điều đáng tự hào của mỗi người yêu nước và cách mạng.¹

Có thắng lợi vĩ đại ấy là vì:

¹ Hội nghị họp từ ngày 22 đến ngày 26-1-1965.

Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng ta đã biết vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta một cách sáng tạo để nêu ra đường lối, chính sách đúng đắn, bảo đảm cho cách mạng phát triển thắng lợi. Cán bộ, đảng viên ta nói chung là những người cộng sản chân chính, trung thành với lợi ích của giai cấp, của nhân dân và được dân mến dân tin. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, thắng lợi của cách mạng là do sự phấn đấu hy sinh và trí thông minh sáng tạo của hàng triệu nhân dân, nhất là công nhân, nông dân và những người trí thức cách mạng.

- Cách mạng Việt Nam luôn luôn được sự đồng tình và ủng hộ của giai cấp công nhân và nhân dân cách mạng thế giới, nhất là của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Tình đoàn kết quốc tế vĩ đại ấy là một điều kiện rất quan trọng cho cách mạng Việt Nam thắng lợi.

Đó là ba bài học lớn mà mỗi cán bộ và đảng viên ta cần ghi sâu vào lòng và phát huy thêm mãi.

Chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu trên con đường muôn dặm. Sự nghiệp cách mạng còn lâu dài gian khổ. Đảng ta còn có trách nhiệm nặng nề đối với 30 triệu đồng bào cả nước ta và phải tích cực gánh vác phần trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng thế giới.

Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới. Một ngày nào miền Nam ta chưa được giải phóng, Tổ quốc ta chưa được thống nhất, nhân dân ta chưa được sung sướng yên vui, thì tất cả chúng ta vẫn phải đem hết tinh thần và nghị lực mà phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp cách mạng hoàn toàn thắng lợi.

Mỗi người chúng ta đều phải biết đặt lợi ích của dân tộc, của giai cấp lên trên lợi ích cá nhân, phải biết quên mình cho nghĩa lớn. Muốn giữ gìn sự trong sáng chủ nghĩa Mác - Lênin thì trước hết tự mình phải trong sáng. Muốn đánh thắng kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc, muốn xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong của mỗi chúng ta là chủ nghĩa cá nhân.

Chính vì đã sẵn sàng quên mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho lý tưởng cộng sản vẻ vang mà 35 năm qua, trong Đảng ta đã có biết bao anh hùng liệt sĩ như các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và hàng vạn đảng viên gương mẫu, "trung với nước, hiếu với dân", khí phách hiên ngang cho đến hơi thở cuối cùng như liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi.

Biết bao đảng viên cộng sản là anh hùng, chiến sĩ trên mặt trận sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và trong các ngành hoạt động khác. Họ không đòi danh, đòi lợi. Họ một lòng một dạ phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Họ là những đảng viên bình thường nhưng phẩm chất cách mạng của họ thật là cao quý. Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng ấy của giai cấp và của dân.

Nhưng trong hàng chục vạn cán bộ và đảng viên xứng đáng, còn lẫn vào một số người thấp kém về tinh thần và đạo đức cách mạng. Họ còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân trong mình.

Đứng trong hàng ngũ chiến đấu của Đảng mà họ không có dũng khí cách mạng, ít lo nghĩ về trách nhiệm của mình, không quyết tâm vươn lên phía trước. Họ hững hờ như những người không có lý tưởng, đến đâu hay đó, qua tháng qua ngày.

Đối với công việc của cách mạng, không có thái độ người làm chủ tập thể, dám nghĩ dám làm, mà thường bị động ngồi chờ.

Số người ấy không hiểu sức mạnh của Đảng chính là ở sự tập trung thống nhất, ở kỷ luật sắt của Đảng. Họ ít gắn bó với tổ chức, không tin ở lực lượng và trí tuệ của tập thể. Họ sống và làm việc một cách riêng rẽ, không đoàn kết và hợp tác với người khác. Hễ có đôi chút hiểu biết, đôi chút thành công thì tự cao tự đại, vênh vang kiêu ngạo, tự cho mình tài giỏi hơn người. Ở cương vị phụ trách thì tự cho mình có quyền hơn hết thấy, định đoạt mọi việc; ở ngành nào, địa phương nào thì coi đó như một giang sơn riêng, không biết đến lợi ích toàn cục. Họ coi thường những quyết định của tổ chức, họ là những "ông quan liêu", chỉ thích dùng mệnh lệnh đối với đồng chí và nhân dân.

Đảng ta là một Đảng phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp vô sản, chứ không vì lợi ích nào khác. Nhưng số

người đó coi Đảng như một cái cầu thang để thăng quan phát tài. Họ không quan tâm đến đời sống của nhân dân mà chỉ lo nghĩ đến lợi ích của riêng mình. Họ quên rằng mỗi đồng tiền, hạt gạo đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân, do đó mà sinh ra phô trương, lãng phí. Họ tự cho mình có quyền sống xa hoa hưởng lạc, từ đó mà đi đến tham ô, trụy lạc, thậm chí sa vào tội lỗi.

Tất cả những lỗi lầm nói trên đều là con đẻ của chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm mà mỗi người chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo đề phòng và kiên quyết tiêu diệt.

Chính vì vậy mà cuộc chỉnh huấn lần này của Đảng ta nhằm mục đích tẩy rửa chủ nghĩa cá nhân và nâng cao đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản.

Các đồng chí,

Lý tưởng vĩ đại của Đảng ta, vận mạng của Tổ quốc ta, đời sống của giai cấp ta và nhân dân ta đòi hỏi toàn Đảng và mỗi người đảng viên phải phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa để xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà và góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để tăng năng suất lao động và tăng sức chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, biết của mình về mọi mặt, mà trước hết phải biết luôn luôn giữ vững và nâng cao đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản. Cuộc chỉnh huấn lần này là một cơ hội tốt để tất cả chúng ta thật thà phê bình và tự phê bình, xem xét lại mình một cách nghiêm chỉnh, thấy rõ những sai lầm để sửa chữa, thấy rõ ưu điểm để phát huy thêm. Muốn vậy, mỗi người phải thật sự tự giác tự nguyện. Nhất là các đồng chí lãnh đạo ở các cấp, các ngành cần phải gương mẫu trong việc tự phê bình và phê bình. Tất cả các đồng chí đều phải đem hết lòng đoàn kết, thương yêu đồng chí và giúp nhau tiến bộ. Những đảng viên nào có khuyết điểm, nếu thật thà tự phê bình, có quyết tâm sửa chữa, vứt bỏ cái ba lô cá nhân chủ nghĩa đi, thì sẽ trở nên đảng viên xứng đáng. Đảng ta là một bà mẹ rất nghiêm ngặt mà cũng rất hiền từ. Chúng ta phải làm sao cho sau cuộc chỉnh huấn này, mỗi đồng chí càng nhận rõ trách nhiệm của mình, càng thêm tin tưởng, phấn khởi

và hăng hái tiến lên; sự đoàn kết nhất trí trong Đảng càng thêm vững chắc, bảo đảm cho Đảng ta càng trong sạch, càng mạnh mẽ, bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại của chúng ta càng giành được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa, trước mắt là trong phong trào thi đua "mỗi người làm việc bằng hai" nhằm hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị tốt để tiến vào kế hoạch 5 năm lần thứ hai, bảo đảm cho Đại hội lần thứ IV của Đảng thành công tốt đẹp.

Các đồng chí, chúng ta hãy giương cao ngọn cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác- Lênin, cùng nhau phấn khởi tiến lên!

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t11, tr366 - 375)

Bản sao lưu trữ

BÀI NÓI TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ BẮC

Các đồng chí,

Bác thay mặt Trung ương thân ái chào mừng Đại hội và cảm ơn các đồng chí chuyên gia Trung Quốc đang hết lòng giúp chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Một số vấn đề, Bác đã nói trong cuộc mít tinh. Ở đây, Bác chỉ góp thêm mấy ý kiến để các đồng chí thảo luận:

Tỉnh ta có một vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị và quân sự. Đồng thời tỉnh ta có hơn 1 triệu dân. Có 153.000 mẫu tây ruộng. Có nhiều của cải thiên nhiên như gỗ, mỏ than, mỏ đồng, v.v... Đồng bào tỉnh ta lao động cần cù và có truyền thống anh dũng trong những năm cách mạng và kháng chiến.

Thế là Hà Bắc người đông, đất rộng, của nhiều, có điều kiện để trở thành một tỉnh giàu mạnh.

Các đồng chí đều biết rằng: Năm 1945, Đảng ta chỉ có non 5.000 đảng viên mà đã lãnh đạo cả nước làm cách mạng tháng Tám thành công. Năm 1946, lúc đầu Đảng ta chỉ có gần 2 vạn đồng chí mà đã lãnh đạo toàn dân kháng chiến thắng lợi. Có thành tích vĩ đại đó là vì Đảng ta đoàn kết nhất trí, nhân dân ta đoàn kết nhất trí.

Hiện nay tỉnh ta có hơn 23.000 đảng viên và 34.000 đoàn viên thanh niên lao động. Đó là một lực lượng khá to và khá mạnh, một lực lượng nhiều gấp mấy lực lượng của Đảng trong thời kỳ trước cách mạng tháng Tám và bắt đầu kháng chiến.

Trong thời kỳ vừa qua, đảng bộ và Đoàn thanh niên Hà Bắc đã có cố gắng và có thành tích. Những thành tích ấy đã nêu rõ trong báo cáo chính trị trước Đại hội, Bác không kể lại nữa mà chỉ nói rằng thành tích đáng lẽ nhiều hơn và to hơn nếu đảng viên và cán bộ thực hiện được những điều sau đây:

Đoàn kết nhất trí đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công. Đảng ta là một Đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Tất cả cán bộ và đảng viên phải đặt quyền lợi của Đảng, của giai cấp và của nhân dân lên trên hết, cao hơn hết.

Đảng ta là một Đảng lãnh đạo. Tất cả cán bộ và đảng viên dù ở cương vị khác nhau, làm công tác khác nhau, cũng đều phải đoàn kết nhất trí để làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao cho. Ví dụ: trong cái đồng hồ có nhiều máy móc khác nhau, nhưng tất cả các bộ phận đều phải ăn khớp với nhau, thì cái đồng hồ mới chạy tốt. Muốn thật sự đoàn kết thì phải có dân chủ thật sự trong Đảng. Phải thường xuyên nghiêm chỉnh phê bình và thật thà tự phê bình để giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, để cùng nhau tiến bộ. Làm cách mạng thì có đúng có sai. Cố nhiên đúng phải là chính, sai là phụ. Có sai thì chúng ta giúp nhau kiên quyết sửa chữa và cùng nhau hăng hái tiến lên.

Giữa đảng viên và cán bộ với nhau, phải kiên quyết bỏ hết thành kiến. Thành kiến là một thói xấu, có hại. Do thành kiến mà sinh ra dè dặt với nhau, đối phó với nhau, kèn cựa lẫn nhau. Nó làm cho trống đánh xuôi kèn thổi ngược, nó làm cho công tác bị tê liệt, hư hỏng.

Ngày nay, hai tỉnh mới nhập thành một. Đảng viên và cán bộ hai tỉnh cũ phải tuyệt đối tránh địa phương chủ nghĩa. Không nên nghĩ rằng tỉnh này bị nhập vào tỉnh kia. Sự thật là hai tỉnh sáp nhập với nhau thành một tỉnh lớn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó là một sự mở rộng tốt đẹp. Sáp nhập tổ chức là về hình thức. Cần phải nhất trí tư tưởng, về hành động, về tình cảm. Đồng thời do nhận thức nhất trí về tình hình và nhiệm vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và trước nhân dân mà tăng cường đoàn kết nhất trí - đó là điều chính.

Phải khắc phục bệnh cá nhân chủ nghĩa, bệnh công thần, óc địa vị. Nó đẻ ra nhiều cái xấu như xích mích, kèn cựa giữa cán bộ và giữa đảng viên, không ai phục ai, không giúp đỡ nhau, không cộng tác chặt chẽ với nhau. Bệnh cá nhân còn dẫn đến tệ bảo thủ, quan liêu, tham ô, lãng phí, sợ khó, sợ khổ, thấy khó khăn thì dậm ra tiêu cực bị quan.

Phải khắc phục những khuyết điểm, sai lầm như cảnh giác cách mạng kém, không tích cực thực hiện đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn,

không ra sức bồi dưỡng lực lượng bản nông và trung nông, lớp dưới, không chấp hành thật đúng các chính sách của Đảng, v.v...

Công việc ngày càng nhiều và càng phức tạp. Xã hội ngày càng phức tạp. Xã hội ngày càng tiến lên. Vì vậy, trình độ của đảng viên và cán bộ cũng phải tiến lên mới làm trọn được nhiệm vụ. Cho nên đảng viên và cán bộ phải cố gắng học tập chính trị, văn hoá và chuyên môn.

Tỉnh uỷ cũng phải ra sức chăm sóc đến cơ sở đảng, phải củng cố chi bộ cho thật tốt. Chi bộ tốt, thì mọi việc sẽ tốt. Hiện nay có 40 chi bộ đạt tiêu chuẩn "4 tốt". Bác thay mặt Trung ương và 40 chi bộ ấy và khuyên tất cả các chi bộ khác phải học tập những chi bộ tốt ấy.

Ở Hà Bắc trong 100 người dân mới chỉ có độ hơn 2 đảng viên. Như thế là ít. Cần phải xem công tác củng cố và phát triển đảng là một công tác quan trọng và thường xuyên. Và phải nắm vững phương châm phát triển đảng là trọng chất, hơn lượng.

Trong số 23.000 đảng viên chỉ có 1.780 đồng chí gái. Như vậy là quá ít. Cần phải lựa chọn và kết nạp thêm đảng viên phụ nữ và đảng viên các dân tộc trên núi.

Đoàn Thanh niên Lao động công tác khá. Các cấp đảng uỷ cần phải lãnh đạo chặt chẽ và ra sức giúp đỡ Đoàn phát triển cho tốt.

Đảng uỷ từ tỉnh đến xã phải thật sự phụ trách làm ba cuộc vận động cho tốt.

Nói tóm lại: Từ nay phải có một sự chuyển biến mạnh mẽ, mới mẻ và vững chắc trong mọi công tác để giành lấy những thắng lợi ngày càng to lớn hơn.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

BÀI NÓI TẠI KỶ HỌP HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ CUỐI NĂM 1966

Chúc Các đồng chí năm mới!

Nhân dịp này Bác nói với các đồng chí một vài câu chuyện.

Năm 1966, trong phe ta có nhiều tin đáng mừng. Liên Xô được mùa lớn. Trung Quốc cũng được mùa về nông nghiệp và được mùa về cả nhiều mặt khác. Mới đây, lần thứ ba trong một năm, Trung Quốc đã thử thành công bom bằng chất liệu hạt nhân nóng và mỗi lần đều có tiến bộ hơn lần trước. Khoa học kỹ thuật có những phát minh quan trọng, ví dụ việc chế tạo được chất insulin một cách đơn giản, tốt và rẻ, khiến cho nhiều nước rất phục.

Về ta, năm 1966 là một năm thắng lợi to lớn. Ở miền Nam, trong 11 tháng đầu năm, quân và dân miền Nam anh dũng đã tiêu diệt 11 vạn tên xâm lược Mỹ, gấp 5 lần năm ngoái. Phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào và các thành thị lên cao, đây là một thắng lợi rất quan trọng. Ở miền Bắc, quân và dân ta đã bắn rơi hơn 1.600 máy bay Mỹ, khiến cho địch lúng túng nhiều, nhất là vì thiếu người lái máy bay.

Thắng lợi to nhất năm 1966 là nhân dân ta tiến bộ nhanh và mạnh. Dân ta rất anh hùng, ở miền Nam cũng như ở miền Bắc. Các tầng lớp nhân dân, gái trai, già trẻ, đều rất dũng cảm, rất giỏi, rất tốt, rất tận tụy với cách mạng, cố gắng nhiều và thu nhiều thành tích trong phong trào thi đua chống Mỹ cứu nước.

Về cán bộ ta thì nói thật và còn nhiều người chưa cố gắng bằng quân chúng nhân dân. Nhiều ngành nhiều người chưa thật chuyển tư tưởng và cách làm việc theo thời chiến. Như thế là chưa xứng đáng với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại và với phong trào sôi nổi, anh dũng của nhân dân. Quân sự và giao thông có nhiều cố gắng, tương đối khá. Nông nghiệp có tiến bộ, ví dụ như năm nay đã có 1 tỉnh đạt năng suất 5 tấn thóc một héc-ta và số huyện, xã, hợp tác xã đạt 5 tấn thóc 1 héc-ta nhiều hơn năm

ngoái rõ rệt. Những công lao ấy nên quy về nhân dân; sự chỉ đạo của Chính phủ, của Bộ Nông nghiệp mà khéo hơn, tốt hơn, thì thành tích còn lớn hơn nữa. Công nghiệp địa phương có khá hơn năm ngoái, nhưng nói chung còn chậm. Một việc nữa rất quan trọng mà làm chưa tốt, là công tác lưu thông phân phối. Có khi vật tư, hàng hóa không thiếu, mà phân phối không đúng, thì gây ra căng thẳng không cần thiết. Trong công tác lưu thông phân phối, có hai điều quan trọng phải luôn luôn nhớ:

"Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng;

Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên".

Ở cấp dưới, ở cơ sở, có những nơi cán bộ phụ trách không tốt, thiếu tinh thần phục vụ nhân dân, làm những điều xấu xa. Những điều ấy, quần chúng đều biết. Nhưng chúng ta còn thiếu kiểm tra chặt chẽ.

Trên đây là nói một số khuyết điểm mà chúng ta phải ra sức khắc phục trong năm 1967.

Bây giờ, Bác nhấn mạnh mấy nhiệm vụ rất quan trọng mà chúng ta phải quyết làm bằng được: Tất cả mọi cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải cố gắng vươn lên cho xứng đáng với nhân dân anh hùng, với sự nghiệp cách mạng vĩ đại. Tất cả các bộ, các ngành phải tìm mọi cách, làm hết sức mình để giúp đỡ tiền tuyến lớn. Phải ra sức nghiên cứu sớm và kiên quyết thực hiện việc cải tiến quản lý kinh tế tài chính cho hợp với hoàn cảnh chiến tranh hiện nay và hợp với hướng tiến lên về sau. Muốn được như vậy, thì phải làm tốt những việc sau đây:

1. Nội bộ phải thật đoàn kết.
2. Phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng.
3. Phải thường xuyên kiểm tra công tác và cán bộ.
4. Phải giữ bí mật Nhà nước. Hiện nay giữ bí mật chưa tốt.
5. Phải thưởng phạt nghiêm minh. Hiện nay, thưởng có khi quá rộng, mà phạt thì không nghiêm. Kỷ luật phải chặt chẽ. Phải kiên quyết chống những việc làm thiếu trách nhiệm, trái kỷ luật.
6. Phải chống tham ô, lãng phí và hết sức thực hành tiết kiệm.

7. Phải đôi dãi rất thành thật và hữu nghị đối với chuyên gia các nước anh em sang giúp nước ta. Các đồng chí chuyên gia đã rời quê hương, xa gia đình sang giúp ta, chịu đựng nhiều gian khổ, khó khăn, có người đã hy sinh, chúng ta phải học hỏi và biết ơn các đồng chí ấy.

Bây giờ nói một vài điểm về tình hình địch. Trước đây một năm, giọng của chúng khác, mà từ một năm nay, giọng của chúng khác hẳn. Tên đầu sỏ của chúng là Giôn sơn gần đây nói thế nào? Nó nói: Không ai biết chiến tranh sẽ kéo dài đến bao giờ; chúng ta (nghĩa là Mỹ) phải hy sinh, phải nhẫn nại; chúng ta (nghĩa là Mỹ) chẳng những có khó khăn ở Việt Nam, mà còn khó khăn ngay ở trong nước Mỹ, vì 20 triệu người da đen đấu tranh đòi quyền lợi của họ. Tờ báo Diễn đàn Nữ ưóc vốn là một tờ báo ủng hộ Chính phủ Mỹ, đã tả Giôn sơn như sau: Tổng thống của chúng ta ở trong tình trạng cực kỳ bối rối; ông ta là Tổng tư lệnh của một cuộc chiến tranh không thắng và không bao giờ thắng.

Trong thời gian gần đây, 8 tên cố vấn cao cấp và trung thành nhất đã bỏ Giôn sơn mà đi. Vì sao chúng bỏ đi? Vì chúng thấy tình hình Mỹ ngày càng nguy khốn.

Cho nên, so sánh tình hình của địch, của ta, có thể kết luận: Giặc Mỹ xâm lược nhất định thua! Nhân dân ta nhất định thắng!

Nhưng thắng lợi không đến một cách dễ dàng. Chúng ta phải cố gắng nhiều hơn nữa. Năm mới, chúc các đồng chí cố gắng vươn lên, xứng đáng với nhân dân và sự nghiệp anh hùng, hết sức góp phần lớn nhất của mình vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CỦA SÁCLO PHUỐCNIO, PHÓNG VIÊN BÁO L'HUMANITÉ (PHÁP)

Hỏi: Thưa đồng chí Chủ tịch rất kính mến, đồng chí đã tìm thấy tư tưởng Lênin bằng cách nào?

Trả lời: Đồng chí biết rằng tôi sang châu Âu từ trước Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tôi đã sống nhiều năm ở Paris, sống chật vật bằng cách làm những nghề vặt: giúp việc cho một người thợ chụp ảnh, sơn "đồ cổ Trung Quốc", dĩ nhiên là đồ giả. Hồi đó nước chúng tôi đang ở dưới ách chủ nghĩa thực dân Pháp, bị bóc lột ghê gớm và khổ sở vô cùng. Tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị, nhưng tôi muốn Tổ quốc tôi được giải phóng, các "dân tộc thuộc địa" được giải phóng. Tôi bắt đầu viết và phát những truyền đơn tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp. Tôi chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào. Nhưng có những "ông bà" - lúc đầu tôi gọi các đồng chí tôi trong Đảng Xã hội như thế - đã tỏ đồng tình với tôi. Vì vậy tôi đã tham gia Đảng Xã hội. Tôi biết rất ít về Cách mạng tháng Mười và về Lênin; về cảm tính tôi thấy mình có một tình đoàn kết với cuộc cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lênin. Cho nên tôi rất lúng túng trước các cuộc bàn cãi sôi nổi xảy ra những năm 1919-1920 trong nội bộ Đảng Xã hội về vấn đề có nên ở lại Quốc tế thứ hai hay tham gia Quốc tế thứ ba? Một số đồng chí lại đề nghị thành lập Quốc tế thứ hai đến Bộ đoàn kết với các dân tộc thuộc địa. Nhưng đó lại là vấn đề mà tôi quan tâm hơn hết và do đó mà tôi đã tìm ra được con đường đúng. Khi tôi nêu câu hỏi: "Ai khẳng định rõ ràng là mình đoàn kết với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức?" thì người ta trả lời: Quốc tế thứ ba. Rồi một đồng chí đưa cho tôi đọc "Luận cương về các vấn đề thuộc địa và dân tộc" của Lênin vừa đăng trên báo Nhân đạo. Bài đó khó hiểu, vì có những từ ngữ mà tôi không biết rõ. Nhưng tôi đọc đi đọc lại và dần dần tôi hiểu ý nghĩa của nó một cách sâu sắc. Bản Luận cương làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi xúc động đến phát khóc

lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta". Từ đó, tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lênin.

Hỏi: Thế là trên cơ sở tin theo Lênin và đấu tranh giải phóng các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức mà đồng chí đã dự vào cuộc đấu tranh tiến hành ở Phu nhằm tham gia Quốc tế thứ ba, cuộc đấu tranh này đưa đến kết quả là việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp tại Đại hội Tua. Đến tháng 12-1970 thì được nửa thế kỷ.

Trả lời: Đúng. Từ ngày Luận cương của Lênin đã hoàn toàn soi sáng cho tôi, tôi không còn chỉ dự các cuộc họp của Đảng một cách thụ động nữa. Tôi lao vào cuộc chiến đấu, hăng hái bàn cãi, tiến công mạnh mẽ những kẻ chống lại Lênin và Quốc tế thứ ba; dĩ nhiên là tôi phải phát biểu bằng tiếng Pháp, như vậy càng thêm khó khăn cho tôi. Nhưng, như tôi đã nói nhiều lần, hồi đó tôi được các đồng chí Mác xen Ca sanh, Vay ăng Cutuyariee, Môngmút-xô giúp đỡ nhiều. Tôi không chỉ tranh luận trong chi bộ tôi, mà còn đi đến các chi bộ khác để nêu câu hỏi: "Nếu các đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu các đồng chí không đoàn kết với các dân tộc thuộc địa, thì các đồng chí làm thứ cách mạng gì?".

Ở Đại hội Tua, tôi tham luận, đặt vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp, tố cáo những tội ác của nó ở Đông Dương. Một nghị sĩ xã hội ngắt lời và nói rằng ông ta đã phát biểu đề "bênh vực dân bán xứ", nhưng tôi bảo im đi và tôi tiếp tục kêu gọi giúp đỡ nhân dân Việt Nam và tất cả các dân tộc thuộc địa. Và dĩ nhiên là tôi đã bỏ phiếu cùng những đồng chí tán thành Quốc tế thứ ba, cùng cái đa số sau đó thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Hỏi: Hồi đó, đôi với đồng chí là một người cách mạng trẻ tuổi và đối với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức, Lênin thể hiện điều gì? Nên hình dung điều đó như thế nào?

Trả lời: Dĩ nhiên là hồi đó các dân tộc châu Á, châu Phi, và Mỹ La Tinh chưa biết thật rõ Lênin là ai, thậm chí còn không biết nước Nga ở đâu. Sự đốt nát là một chỗ dựa chủ yếu của chế độ thực dân. Tuy nhiên, bằng cách truyền miệng, ở châu Phi cũng như ở châu Á và Mỹ La Tinh.

người ta nhắc đi nhắc lại rằng ở một nơi nào đó trên thế giới, có một dân tộc đã lật đổ bọn bóc lột mình và tự quản lý lấy công việc của mình, không có bọn chủ và bọn toàn quyền; họ nói với nhau rằng việc đó xảy ra ở Nga và đứng đầu những con người dũng cảm ấy là người dũng cảm nhất: Lênin. Do đó, người ta được biết Lênin không những đã giải phóng dân tộc mình, mà còn muốn giải phóng các dân tộc khác: Người đang hoạt động để giải phóng người da vàng cũng như người da đen hoặc người da trắng: Người có một cương lĩnh hành động để đạt mục đích ấy. Sự thật là dần dần lọt ra những tin tức về Quốc tế thứ ba đấu tranh cho tất cả những người bị bóc lột, không trừ ai và người ta biết rằng đứng đầu Quốc tế thứ ba là Lênin. Như vậy, thì việc quần chúng nhân dân châu Á, châu Phi và Mỹ La Tinh, tất cả những người bị áp bức đầy thiện cảm và tin tưởng đối với Lênin, có lấy gì làm lạ? Trước con mắt các dân tộc phương Đông, Lênin không phải chỉ là một lãnh tụ, một người chỉ huy. Đó cũng là một người thầy có sức hấp dẫn; tính coi thường sự xa hoa, lòng ham mê công việc, đời sống trong sạch, sự giản dị và tâm hồn cao thượng của Người làm cho quả tim chúng tôi hướng về Người, không gì ngăn nổi. Lòng kính mến của chúng tôi đối với Người gần như lòng hiếu thảo, là một trong những đức tính cơ bản ở nước chúng tôi. Đối với chúng tôi là những người bị ngược đãi, sỉ nhục, Lênin là hiện thân của tình bác ái. Phải trông thấy các học sinh Trường đại học các dân tộc phương Đông khi họ nghe tin Lênin mất mới rõ. Những thanh niên đó, đại diện cho tinh hoa cách mạng của châu Phi và châu Á, đã khóc òa lên, vì họ hết sức thương mến Lênin.

Hỏi: Đồng chí rời nước Pháp lúc nào và đã sống ở đất nước của Lênin như thế nào?

Trả lời: Tôi rời nước Pháp sang nước Nga vào nửa cuối năm 1923. Từ lâu tôi đã muốn tới xứ sở của Cách mạng, nhưng việc đó không giản đơn. Đường biển thì ít bảo đảm, cái chết của Lơphécơ và các bạn cùng đi chúng tôi điều đó. Vậy phải đi đường bộ. Tôi liên hệ với những nhân viên xe lửa để sắp đặt một chuyến đi bí mật. Họ không giấu giếm rằng việc đó không phải dễ, nhưng cuối cùng họ bảo đảm là họ sẽ đưa tôi sang Béclin và từ đây họ sẽ xoay sở để giao tôi cho những đồng chí đáng tin cậy. Nhưng rồi tôi không cần đến những sự sắp đặt ấy vì tôi đã lên đường, ngồi ở toa xe hạng nhất, miệng ngậm xì gà, như một nhà tư sản trẻ tuổi du lịch quanh thế giới. Nhưng trước đó phải vượt qua một sự khó khăn. Hồi đó,

Bộ Thuộc địa cho hai người "bảo vệ" không rời tôi nửa bước. Để xoa dịu sự cảnh giác của họ, trong một thời gian khá lâu, tôi sống một cách đúng mực: buổi sáng đến xưởng, buổi chiều đến thư viện (một nghị sĩ giúp tôi xin được một cái thẻ) và đôi khi, buổi tối dự mít tinh hay đi xem chiếu bóng. Dần dần, sự cảnh giác của những người theo dõi tôi dịu đi. Thêm một buổi tối, tôi ra khỏi nhà, hai tay đút túi và tôi vào một rạp chiếu bóng qua cửa trước, nhưng rồi ra ngay cửa sau, rồi đi lên nhà ga phía Bắc, ở đây một đồng chí đang đợi với chiếc vali của tôi - ồ, chiếc vali rất nhẹ - và tôi lên xe lửa đi Béclin. Mặc dù được Đảng Cộng sản Pháp giúp đỡ, lúc ra đi, tôi không giàu lắm. Nhưng đến Béclin, tôi trở nên triệu phú. Ở đây đang bị nạn lạm phát và khi mua một tờ báo, tôi nhận thấy nó không rộng bằng diện tích của tất cả những tờ giấy bạc mà tôi bỏ ra để mua. Các đồng chí người Đức dẫn tôi đến một bến tàu biển: ở đây tôi lên một chiếc tàu Xô Viết. Tôi lên Xanh Pêtécboa - hồi đó chưa gọi là Leningrát - trong tay không có một giấy tờ gì và không quen biết ai. Tôi phải ở thành phố này một thời gian cho đến khi các đồng chí Liên Xô biết rõ tôi là một người cách mạng chân chính. Khi đó, sự cảnh giác là rất cần thiết. Tôi đến Mátxcova vào mùa đông. Trời rét lắm rồi. Tôi trọ ở một khách sạn, cách điện Cremlin không xa; tại đây, có nhiều đồng chí nước ngoài. Tôi liên hệ với các đồng chí người Philippin và các nước thuộc địa khác, các đồng chí người Ý, v.v... Vào một ngày tháng 1-1924, chúng tôi đang ăn bữa sáng tại quán cơm ở tầng dưới khách sạn thì được tin Lenin mất. Không ai muốn tin điều đó, nhưng khi ngoảnh lại, chúng tôi thấy lá cờ của Xô Viết Mátxcova đã bỏ rủ. Một sự xúc động lớn xâm chiếm tâm hồn chúng tôi, bữa ăn bị bỏ dở, vì không ai thấy đối nữa: Lenin đã mất. Thế là tôi chưa được gặp Lenin và đó là một điều ân hận lớn trong đời tôi. Khi tôi đến nước Nga, Người đã ốm nặng và đang chữa bệnh ở Goócki, cho nên không đến thăm được. Nhưng tôi được biết Crúpcaia là một người đàn bà hết sức hiền từ và giản dị và là vợ của Lenin. Vả lại, hồi đó tôi sống ở Nga trong bầu không khí của Lenin; tôi làm việc ở Quốc tế Cộng sản và học ở Trường đại học Lenin.

Hỏi: Vậy nên gọi lại như thế nào vai trò của Lenin và chủ nghĩa Lenin đối với đồng chí?

Trả lời: Đồng chí biết truyền thuyết của chúng tôi về cái "cắm nang". Khi gặp khó khăn, người ta gỡ cắm nang ra và tìm thấy cách giải quyết.

Chủ nghĩa Lênin cũng gần như cái cảm nang thần kỳ đó. Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu nước mà tôi tin theo Lênin. Rồi từng bước một, tôi đi đến kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới. Và Lênin đã vạch con đường cho chúng tôi một cách cụ thể: năm 1919, tại Đại hội những người cộng sản phương Đông, Người tuyên bố. "Các đồng chí hiện đang có một nhiệm vụ mà trước đây những người cộng sản trên toàn thế giới không có: trong khi dựa vào lý luận chung và thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện riêng biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học cách vận dụng được lý luận và thực tiễn ấy vào nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân, nơi cần phải xác định sự cần thiết không phải là đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, mà là đấu tranh chống những tàn tích phong kiến". Sự thật là cuộc cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lúc đầu và trước hết là một cuộc cách mạng nông dân. Cuộc cách mạng ấy không tách rời cuộc cách mạng chống phong kiến. Sự liên minh giữa quần chúng đông đảo nông dân và giai cấp công nhân làm cái nền tảng trên đó có thể thành lập một mặt trận dân tộc rộng rãi và vững chắc. Cho nên cải cách ruộng đất là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Những kinh nghiệm của chúng tôi chứng tỏ rằng muốn đưa cuộc cách mạng dân chủ đến thắng lợi và mở ra những giai đoạn nối tiếp nhau cho sự phát triển của một Nhà nước dân tộc dân chủ, giai cấp công nhân và đảng của nó phải lãnh đạo cuộc cách mạng. Cuộc cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức và cuộc cách mạng của giai cấp vô sản các nước đi áp bức phải ủng hộ lẫn nhau. Như Lênin đã dự kiến, ngày nay đã đến lúc mà các dân tộc ngẩng cao đầu bước lên vũ đài quốc tế. Nhân dân Việt Nam, về phần mình, đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, dưới ngọn cờ quang vinh của chủ nghĩa Mác- Lênin.

Hỏi: Như vậy là Lênin và những lời dạy của Người luôn luôn có mặt trong cuộc chiến đấu mà nhân dân Việt Nam đang tiến hành chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ?

Trả lời: Dĩ nhiên, đồng chí đã biết, ngay sau khi bọn thực dân Pháp rút đi, bọn Mỹ đã tiến hành xâm lược lúc đầu ở miền Nam nước chúng tôi và sau đó ở tất cả nước Việt Nam như thế nào. Như vậy, chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã làm cho chúng tôi thấy cần thiết phải tiếp tục cuộc chiến đấu.

Cuộc chiến tranh này, diễn biến của nó, những thủ đoạn mà bọn Mỹ đã dùng, xác nhận một lần nữa - nếu điều đó là cần thiết - sự đúng đắn của các Luận cương của Lênin về chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn thối nát của chủ nghĩa tư bản, về bản chất hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc. Về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được những thắng lợi to lớn như đồng chí đã biết. Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin.

(*Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t12, tr470 - 476*)

Bản sao lưu trữ

Ý KIẾN VỀ VIỆC LÀM VÀ XUẤT BẢN LOẠI SÁCH "NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT"¹

Hôm nay, Bác mời các chú đến để bàn cách thực hiện điều mà Bác đã đề nghị với Ban Bí thư Trung ương Đảng. Bác muốn bàn luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Bác thì cứ cãi, nhất trí rồi về làm mới tốt được. Không nên: Bác nói gì, các chú cũng cứ ghi vào sổ mà trong bụng thì chưa thật rõ, rồi các chú không làm, hay làm một cách qua loa.

Bác đề nghị cho Bác được trình bày trước ý kiến của Bác:

Từ năm 1959, Bác có ý định dùng huy hiệu của Bác như thế nào cho tốt. Có người đề nghị cho các nơi được làm huy hiệu của Bác để bán cho nhân dân. Có người lại đề nghị không nên bán, mà nên cho, coi như một phần thưởng. Bác thấy nên cho thì đúng hơn, nhưng cho ai?

Các chú vẫn thường nói: nhân dân ta rất anh hùng, ra ngô gặp anh hùng. Điều đó rất đúng. Có thể nói trong mỗi nhà đều có anh hùng, như thế ra ngô mới gặp anh hùng chứ? Nhìn lại lịch sử mấy nghìn năm của ông cha ta, ta cũng thấy điều đó. Cứ mỗi lần có những thử thách lớn thì nhân dân ta lại tỏ rõ khí phách, nêu cao phẩm chất tốt đẹp của mình. Ngày nay, chúng ta lại đang đứng trước những thử thách rất lớn, truyền thống anh hùng hàng nghìn năm đang được nhân dân ta phát huy đến độ cao chưa từng thấy. Đã có những người làm nên sự tích oanh liệt được Đảng và Nhà nước tuyên dương. Đó là những bông hoa rất đẹp trong vườn hoa chung của dân tộc. Nhưng dù sao, số người và những tập thể được công nhận là anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua, được tặng huân chương, huy chương vẫn chỉ là số ít so với hàng triệu, hàng chục triệu con người hằng ngày góp gió thành bão, đang gánh vác mọi việc nước, việc nhà để đánh thắng giặc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có tập thể vĩ đại ấy mới có Đảng ta vĩ đại, mới có Cách mạng tháng Tám thắng lợi, mới có

¹ Đầu tháng 6-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc với một số cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng về việc làm và xuất bản loại sách "Người tốt việc tốt". Đây là bản lược ghi ý kiến trao đổi và phát biểu của Người.

kháng chiến chống Pháp thành công, mới có sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước được cả thế giới khen ngợi. Đánh thắng giặc Mỹ rồi, cùng với tập thể anh hùng ấy chúng ta sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cho nên Bác nghĩ cần có những phần thưởng để khuyến khích, động viên, cổ vũ mọi người hăng hái làm tròn nhiệm vụ. Từ ngày hoà bình lập lại, Bác có yêu cầu báo của Đảng và của các đoàn thể mở ra mục “Người mới, việc mới” để làm việc đó đi đôi với phong trào thi đua ở các cấp, các ngành.

Bây giờ nên gọi là “Người tốt, việc tốt” cho đúng hơn. Đối với anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua được Đảng và Nhà nước khen thưởng thì phải trải qua nhiều cấp, nhiều ngành cân nhắc, xét duyệt. Còn với người tốt làm những việc tốt thì việc khen thưởng có thể đơn giản hơn. Nếu Trung ương cho phép Bác làm thì Bác nghe báo cáo, đọc báo và chỉ cần điều tra lại một chút cho đúng sự thật là Bác có thể thưởng huy hiệu...

Các chú sẽ xem bản kê này, Bác đã ghi rõ mỗi ngành, mỗi giới, mỗi địa phương, già, trẻ, gái, trai, miền ngược, miền xuôi, Việt kiều mới về nước... Có bao nhiêu người được khen thưởng. Những con số ghi trong này không có nghĩa là ngành này, giới này, tỉnh này anh hùng hơn ngành, giới, tỉnh kia. Nơi nào có ít người được khen là do khuyết điểm của cấp lãnh đạo ở đó. Một số cán bộ ta hình như mãi làm công tác hành chính, sự vụ hơn là để nhiều tâm sức xây dựng con người, xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng, cho nên không chịu theo dõi việc làm hằng ngày của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Ai làm tốt không kịp thời nêu gương, ai làm xấu không kịp thời giúp đỡ sửa chữa. Có nơi khi nhận được huy hiệu của Bác gửi về, đã biết tổ chức trao tặng hân hoan và làm cho mọi người, ít nhất là trong tập thể của người đó, noi gương và làm theo. Nhưng có nơi lại làm theo lối hành chính, chuyển cho người được khen như chuyển một cái công văn. Hoặc cho vào ngăn kéo cất kỹ, quên không trao cho người được thưởng! Đó là những cán bộ không biết làm việc, hoặc có cái nhìn không đúng. Những chiến công và thành tích nổi bật, vang dội thì ai cũng có thể thấy được. Còn những việc nhỏ, bình thường thôi, nhưng ích nước lợi dân, thì hay bị xem thường.

Hình như các chú cũng chưa coi trọng những việc nhỏ như thế.

Các chú có biết biến cả do cái gì tạo nên không?

Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông. Biết bao nhiêu giọt nước nhỏ hợp lại mới thành biển cả. Một pho tượng hay một lâu đài cũng phải có cái nền rất vững chắc mới đứng vững được. Nhưng người ta dễ nhìn thấy pho tượng và lâu đài mà không chú ý đến cái nền. Như thế là chỉ thấy cái ngọn mà quên mất cái gốc.

Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có, ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có. Ví dụ: có cháu gái tên là Xuân ở Quảng Bình đã chiến đấu dũng cảm, góp phần bắn rơi máy bay Mỹ. Nhiều cháu gái cũng làm được như cháu Xuân. Nếu tất cả cháu gái đều dám làm và làm được như thế thì chỉ riêng con gái Việt Nam cũng đủ đánh thắng giặc Mỹ rồi.

Các chú có thấy các cháu bé Việt Nam nhặt được của rồi đem trả có ý nghĩa như thế nào không? Ở nước Mỹ và các nước tư bản, người ta giết nhau chỉ vì đồng bạc giấy. Thế mà ở Việt Nam ta, các cháu bé đã biết sống như thế nào. Có cháu đã bảo mẹ công đi tìm chú công an để trả lại của bắt được. Có cháu bé lên 6 tuổi cùng bạn đi chơi, bạn nó xảy chân ngã xuống ao, nếu chạy về gọi người lớn thì bạn chết mất, cháu liền bám vào bụi cỏ bờ ao, nhào cái chân nhỏ xíu ra, miệng bảo bạn: "Bám vào đây! Bám vào đây!". Cháu tuy nhỏ tuổi mà đã biết thương bạn như vậy. Thương bạn, thông minh và dũng cảm, cháu lại khiêm tốn nữa, cứu được mạng người mà không khoe khoang. Văn minh chiến thắng bạo tàn. Xã hội ta văn minh hơn xã hội Mỹ từ những việc làm của các cháu gái như vậy.

Bộ đội ta không những biết đánh giặc giỏi mà còn biết đỡ đỡ cho dân nữa. Có chú bộ đội đi đường thấy người đàn bà sắp đẻ, thật là khó xử, vì chú ấy chưa học đỡ đẻ bao giờ. Nhưng chú bộ đội vẫn tìm mọi cách giúp đỡ và tụy tàu xe rất khó khăn, vẫn đưa được cả hai mẹ con về tới gia đình. Như thế mới là bộ đội của nhân dân. Các cụ già Việt Nam cũng giỏi lắm, còn sức còn phục vụ.

Các cụ cùng con cháu đánh giặc giữ nước, xung phong chăm sóc sức khoẻ thương bệnh binh, đỡ đầu lớp mẫu giáo, trông nom vườn trẻ, gương mẫu trồng cây, trồng rừng. Có những cụ ông, cụ bà chuyên nhận nuôi những con trâu gẻ, trâu gầy của hợp tác xã thành những con trâu béo khoẻ có thể kéo cày, kéo gỗ được...

Nếu Bác ngồi kể lại những việc làm như thế thì kể mãi cũng không hết được. Bác chỉ muốn nhắc các chú một điều: chớ bỏ qua những việc mà các chú tưởng là tầm thường. Hai cô con gái đi đường thấy cái hố nhỏ ở vĩa hè đã rử nhau đi lấy đất lấp lại cho đồng bào khỏi vấp ngã. Một người nông dân đi giữa trời mưa thấy bao gạo của Nhà nước không có gì che phủ, đã cởi tấm nilông của mình ra đậy gạo cho Nhà nước. Cụ già Việt kiều trở về Tổ quốc để cùng chia sẻ những khó khăn, cùng gánh vác công việc đánh Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội... Tất cả những việc làm như vậy đều nói lên tinh thần yêu nước, đạo đức trong sáng, thuần phong mỹ tục của nhân dân ta. Chúng ta đánh giặc và xây dựng xã hội mới bằng những việc làm muôn hình muôn vẻ của hàng chục triệu con người như thế, chứ không phải chỉ bằng một vài việc làm nổi bật và vang dội của một số cá nhân anh hùng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi có ý kiến gì cần bàn cãi không? Người yêu cầu cho biết kế hoạch dự định làm như thế nào? Một đồng chí trình bày với Người về cách phân công cho các Nhà xuất bản.

Các chú định ngành nào, giới nào thì nêu cao người của ngành ấy, giới ấy có phải như thế không?

Vậy Bác xin hỏi các chú điều này: con gái có cần phải học con trai, học anh em, chồng con mình không? Con trai có cần phải học con gái không? Trẻ em có cần phải học người già không? Bộ đội có cần phải học nhân dân không? Tiên tuyến có cần phải học hậu phương không? Anh hùng chiến sĩ có cần phải học những người bình thường không? Cán bộ, đảng viên có cần phải học quần chúng nhân dân không? Cấp trên có cần phải học cấp dưới không?

Như vậy là các chú cũng đồng ý với Bác: Một người phải biết học nhiều người. Hơn nữa, cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi. Cũng như vào vườn hoa, cần cho mọi người được thấy nhiều loại hoa đẹp. Ta xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc. Định xây dựng ngôi nhà như thế nào rồi mới dùng gạch, vữa, vôi, cát, tre gỗ... mà xây nên. Những gương người tốt làm việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để các chú xây dựng con người. Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần

chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là cách thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục.

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn về cách viết cho quần chúng:

Các chú còn hay mắc cái tật nói chữ nhiều. Người ốm các chú gọi là "bệnh nhân". Làm bệnh nhân thì oai hơn người ốm có phải không? Giúp đỡ thì các chú không thích bằng "tương trợ". Hình như các chú tương trợ Bác thì quan trọng hơn là giúp đỡ Bác! Tiếng Việt của ta rất phong phú, ta phải làm giàu thêm cho tiếng của ta, nhưng không nên vay mượn lu bù để loè thiên hạ. Ngày xưa, ta còn bị thực dân cai trị, có những người không thạo tiếng mẹ đẻ, nói năng chẳng ai hiểu gì, lại cho mình là tri thức cao. Bây giờ ta độc lập rồi, đừng nên bắt chước những thói xấu của thời nô lệ. Ta là cán bộ cách mạng, ta nói và viết cho quần chúng nhân dân mà mọi người không hiểu ta nói cái gì, sao có thể gọi là cán bộ cách mạng được.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại, Người vừa xem báo thấy có tin đã làm xong cuốn Ngữ pháp tiếng Việt, Người nói:

Đã tiếng Việt, lại còn ngữ pháp! Sao không gọi là "Mẹo tiếng Việt"? Cái gì tiếng ta đã có và dễ hiểu rồi thì đặt thêm ra làm gì? Máy chữ cải cách chữ Việt không khéo lại làm cho người ta khó hiểu thêm. Có tiếng ta dùng đã quen rồi, các chú lại tự ý sửa đổi. Tại sao lại viết: Quốc hội họp kỳ thứ bốn? Các chú đi hỏi các cụ mà xem. Xưa nay nhân dân ta vẫn nói thứ tư chứ ai nói thứ bốn bao giờ!

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về việc vẽ cho quần chúng:

Vẽ rất quan trọng, Bác gần tám mươi tuổi rồi mà Bác còn nhớ hình ảnh ông Tử Lộ đội gạo nuôi mẹ trong sách giáo khoa ngày xưa. Nhân dân ta rất thích tranh vẽ, nhưng có những bức vẽ không ai hiểu gì cả. Hình như mấy chú vẽ cho mình chứ không phải vẽ cho quần chúng. Vẽ con gái đi đánh giặc mà các chú bắt người ta phải mặc áo dài tha thướt và đội nón bài thơ? Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa cho xem một tờ báo có hình vẽ ba cô du kích Hà Nội - Huế - Sài Gòn:

Nếu các chú không tin, các chú thử đem hỏi các cháu gái ở mấy thành phố này xem. Chắc các cháu sẽ bảo: Các chú vẽ ai chứ các cháu cầm súng đánh giặc, không bao giờ lại ăn mặc như thế!

Bác không giỏi về mỹ thuật nên có thể không đánh giá đúng tranh vẽ của các chú. Nhưng Bác nghĩ rằng nghệ thuật phải gần với cuộc sống, người vẽ không thể tùy ý muốn tưởng tượng ra thế nào cũng được rồi quần chúng phê bình lại bảo người ta dốt.

Trở lại những cuốn sách sắp làm, Người dặn thêm: Về loại sách này, các chú không nên tham viết dài. Nhân dân ta có truyền thống kể chuyện ngắn gọn mà lại có duyên. Các chú phải học cách kể chuyện của nhân dân, nên kèm theo nhiều tranh vẽ dễ hiểu mà đẹp, nhưng đừng vì vẽ nhiều mà tính giá đắt quá.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi về khuôn khổ cuốn sách, người xem rất kỹ hàng chục cuốn sách loại viết về anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua mà chúng tôi đã đưa cho Người xem. Nói về khuôn khổ cuốn sách mà chúng tôi định lựa chọn, Chủ tịch Hồ Chí Minh khen:

Các chú làm việc khá nhiều và trình bày cũng khá. Nhưng các chú có khuyết điểm là "mặc áo gấm đi đêm". Các chú làm được nhiều, lại không biết tuyên truyền giới thiệu cho nhiều người biết mà đọc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn một cuốn sách đưa làm mẫu:

Loại sách mới, các chú nên làm theo khuôn khổ như thế này, không nên to quá, cũng không nên nhỏ quá. Ngoài bìa còn có dòng chữ: Loại sách "người tốt, việc tốt". Tên sách là gì thì mỗi ngành, mỗi giới chọn, các đồng chí lãnh đạo ngành, giới phải bàn tập thể để đặt tên sách cho đúng, cho hay. Rồi phải có lời tựa nữa. Lời tựa này phải viết tập thể. Sau khi có sách rồi, các chú phải biết tuyên truyền giới thiệu trên báo và giới thiệu bằng mồm nữa.

Ngành, giới nào cũng phải làm công tác tuyên truyền giới thiệu. Và các chú nhớ ở trang đầu mỗi cuốn sách đều phải ghi một câu: Hoan nghênh bạn đọc phê bình. Từ nay trở đi trên sách hay trên báo, các chú nên luôn luôn có câu đó. Bác biết các chú văn hay chữ tốt, nhưng dù tốt, nhân dân trăm tai nghìn mắt vẫn có nhiều ý kiến thông minh có thể giúp cho các chú tiến bộ hơn.

Không riêng gì viết sách viết báo, mà công tác gì muốn làm tốt đều phải coi trọng ý kiến của nhân dân.

Lâu nay, các chú tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin như thế nào? Kết quả ra sao?

Một đồng chí báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh về những việc đang làm: Các chú làm khá nhiều việc đấy. Nhưng có mấy điều Bác muốn biết rõ hơn.

Các chú dạy cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lênin, chắc có nhiều người thuộc, nhưng các chú có làm cho mọi người hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là thế nào không? Theo Bác, hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin tức là cách mạng phân công cho việc gì, làm Chủ tịch nước hay nấu ăn, đều phải làm tròn nhiệm vụ. Không nên đào tạo ra những con người thuộc sách lầu lầu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia, nhưng nhiệm vụ của mình được giao quét nhà lại để cho nhà đầy rác. Đó là điều thứ nhất cần rõ.

Các chú có biết nhân dân ta sống với nhau như thế nào không?

Một đồng chí trả lời: Thưa Bác, nhân dân ta có câu "tối lửa tắt đèn có nhau".

Đúng là như vậy! Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được. Đó là điều thứ hai cần phải rõ.

Mấy chục năm nay, nhân dân ta thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cách ra sức làm tròn nhiệm vụ cách mạng và sống với nhau có tình có nghĩa. Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó chính là một cách tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin thiết thực nhất.

Về giáo dục thanh niên: các chú tuyên huấn có xem xét công tác giáo dục thanh niên không?

Đối với các cháu học ở trong nước và đi học nước ngoài, các chú giáo dục các cháu thế nào?

Một đồng chí báo cáo về những việc đang làm. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét:

Thanh niên ta bây giờ giỏi lắm. Chỉ nói về đánh giặc, so với cuộc kháng chiến chống Pháp hơn mười năm về trước, cũng đã thấy con hơn cha rồi. Ta có câu "con hơn cha là nhà có phúc". Bác mong các cháu bây giờ và sau này ngày càng giỏi thì mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản được. Nhưng bên cạnh những điều đáng khen, vẫn còn những chuyện không xứng đáng với thanh niên ta. Trước đây, Bác và các chú bước vào con đường cách mạng, ai cũng sẵn sàng nhận lấy hai cái này: một là ngồi tù, hai là lên máy chém. Ngoài cái được lớn là độc lập tự do cho nhân dân, Tổ quốc, không ai nghĩ sẽ giành phần danh lợi cho cá nhân mình. Bây giờ ta đã có chính quyền rồi, hoàn cảnh đã khác trước. Một số cháu khi phấn đấu vào Đoàn hay vào Đảng lại có ý nghĩ là để được tín nhiệm, để mau được đề bạt và lên lương! Phải uốn cây từ lúc cây non, đừng để cho tâm hồn các cháu bị vẩn đục vì chủ nghĩa cá nhân như thế.

Đối với các cháu học sinh đại học, sau mấy năm học các cháu sẽ bước vào đời, trở thành những cán bộ có trình độ văn hoá, khoa học khá. Nhưng các cháu ấy có biết cán bộ có nghĩa là gì không? Các chú dạy các cháu rất nhiều điều, nhưng có một điều phải thật rõ: Làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được.

Mấy chục năm nay, nhân dân ta phải tập trung sức lực để đánh giặc cho nên về xây dựng đời sống ta chưa làm được nhiều. Nhưng đánh thắng giặc Mỹ rồi thì những việc chính của cách mạng là làm thế nào giải quyết ngày càng tốt hơn những vấn đề: ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, phòng và chữa bệnh... tóm lại là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những điều lớp người này chưa làm xong thì lớp người sau phải tiếp tục làm. Các chú không nên nói cao xa mà phải nói rất cụ thể cho các cháu hiểu. Ví dụ: các cháu học ngành xây dựng thì phải hiểu rằng nhân dân ta còn thiếu nhiều nhà ở. Đi học ở nước ngoài thì phải học những cái hay cái tốt của bạn, để làm sao xây dựng được nhiều và nhanh những ngôi nhà thoáng mát, thuận tiện, hợp khí hậu và rẻ tiền cho nhân dân. Nếu các cháu tốt nghiệp rồi, việc trước tiên lại chỉ lo sao cho mình có quần áo đẹp, có căn nhà riêng sang trọng, làm tổ ấm, thì công tác giáo dục của các chú không thể coi là có kết quả được.

Bác nghe nói có cháu trước khi vào đại học đã có người yêu hoặc đã có vợ nhưng khi "thành tài" rồi lại chê người cũ. Như thế là không có đạo đức làm sao trở thành cán bộ tốt được.

Tuy vậy, những cái hư hỏng chỉ là số ít. Nhà trường, đoàn thể và gia đình hằng ngày phải biết phòng ngừa và đẩy lùi những cái không tốt đó cho các cháu. Phải thấy phần đông các cháu là tốt. Cần lấy ngay những gương tốt đó của các cháu và những gương người tốt việc tốt trong nhân dân để giáo dục các cháu. Không nên nói lý luận suông.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi về công tác giáo dục lịch sử và nêu ra một số cuốn sách về lịch sử nước ngoài và truyện thần thoại nước ngoài:

Các chú làm loại sách này cho ai đọc?

Bác không phản đối việc giáo dục cho thanh niên ta những hiểu biết về thế giới, về lịch sử các nước, về những cái hay của loài người. Nhưng ta phải phân biệt cái gì nên làm trước, cái gì nên làm sau cho thiết thực và có ích. Trước kia, thực dân Pháp còn cai trị nước ta, có những người trí thức Việt Nam rất thông thuộc lịch sử, địa lý và các truyện thần thoại của nước Pháp, Hy Lạp và La Mã. Nhưng khi hỏi đến các vị anh hùng là tổ tiên, ông cha mình, hỏi đến địa lý nước mình thì mù tịt. Nay ta độc lập, tự do rồi, cố nhiên ta không đào tạo nên những con người như thế.

Tuy vậy, Bác nhắc các chú điều này: Bây giờ do cuộc chống Mỹ, cứu nước của ta có một vị trí rất lớn đối với thế giới, ta lại đánh thắng đế quốc Mỹ, nên ngày càng có nhiều người nước ngoài tìm hiểu rất kỹ về Việt Nam. Coi chừng, có nhiều người Việt Nam lại không hiểu rõ lịch sử, đất nước, con người và những cái vốn rất quý báu của mình bằng những người nước ngoài. Nếu có tình hình như vậy, thì các chú làm công tác tuyên truyền giáo dục phải phụ trách?

Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi về công tác giáo dục cán bộ, đảng viên:

Muốn giáo dục nhân dân, làm cho mọi người đều tốt cả thì cán bộ, đảng viên phải tự giáo dục và rèn luyện hằng ngày. Người xưa còn biết tu thân mỗi buổi tối kiểm điểm mình và dùng hai cái lọ đồ đen, đồ trắng để ghi việc tốt việc xấu. Đảng viên, cán bộ ta từ nhân dân anh hùng mà ra, phải sống cho xứng với nhân dân và Đảng anh hùng.

Bác rất vui mừng thấy phần đông đảng viên, cán bộ ta đã tỏ ra xứng đáng với danh hiệu của mình. Nhưng cũng có một số trường hợp khiến Bác không vui.

Trước đây, khi cách mạng còn trong bóng tối, hoặc khi còn ở chiến khu, chúng ta chỉ có hai bộ quần áo nâu, đi công tác thì ba lô lên vai mà đi bộ.

Khó khăn, thiếu thốn, ốm đau ta đều dựa vào nhân dân. Nay tình hình đã khác trước. Đời sống nhân dân khá hơn xưa, cán bộ ta ăn ở cũng khá hơn, đi công tác có xe đạp, có ô tô nữa. Nhưng có một số người không nhớ lúc hàn vi, lại để cho chủ nghĩa cá nhân nảy nở. Đã có xe rồi lại "phấn đấu để có chiếc xe đẹp hơn, chiếm mất phần của người khác. Đã có nhà ở rồi, lại "phấn đấu theo kiểu như thế để có nhà đẹp hơn. Làm như vậy là trái với đạo đức cách mạng. Các chú có biết rằng dân tộc ta vĩ đại, Đảng ta vĩ đại, ta được anh em bầu bạn khắp năm châu yêu mến và ca ngợi là vì cái gì không?

Vì cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta do Đảng ta lãnh đạo là chí công vô tư, mình vì mọi người.

Từ nay về sau, nhân dân ta và Đảng ta phải giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức trong sáng ấy. Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Cho nên trong khi ta kiên trì và đẩy mạnh cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, làm cho văn minh chiến thắng bạo tàn thì đồng thời phải loại trừ những cái xấu xa do chế độ cũ để lại trong xã hội và trong mỗi con người.

Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời. Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quay sang hỏi một đồng chí:

Chú có biết người xưa đã có những cách giáo dục sâu sắc như thế nào không? Chú còn nhớ những chuyện "Nhị thập tứ hiếu" không?

Bác gần tám mươi tuổi mà vẫn còn nhớ chuyện ông Lão Lai, vợ chồng Quách Cự, chú bé Hán Lục Tích... hiếu thảo với cha mẹ như thế nào. Những chuyện như thế ngày xưa cả những người không biết chữ cũng thuộc. Các chú phải biết rút kinh nghiệm. Học tập cách giáo dục của ông cha ta. Các chú có thể làm tốt hơn, vì đạo đức ngày nay cao rộng hơn: không phải chỉ có hiếu với bố mẹ; mà trung với nước, hiếu với dân. Đạo lý ngày xưa các cụ nêu lên không phải ai cũng làm được, vì con người sống trong xã hội cũ là xã hội người đi áp bức bóc lột người, quan hệ giữa người với người là thường xấu. Bây giờ xã hội mới, không có áp bức bóc lột, ai cũng có thể vươn tới đỉnh cao của đạo đức cách mạng. Những gương thánh hiền ngày xưa chỉ có mấy chóc và là chuyện của nước ngoài, chuyện tưởng tượng ra. Còn thánh hiền ngày nay bao gồm hàng triệu con người có thật trong nhân dân Việt Nam ta, ở trong nhà hay ra ngõ đều có thể gặp được. Đó là những anh hùng dũng sĩ chiến đấu thi đua. Đó là hàng triệu "người tốt, việc tốt" đang chống Mỹ, cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đang cùng nhau viết nên những trang sử vô cùng oanh liệt mà con cháu ta sẽ mãi mãi tự hào.

Nếu có điều gì chưa rõ thì các chú cứ nói. Ta sẽ bàn nữa. Nếu về thấy có điều gì nữa thì báo Bác biết, rồi lại bàn tiếp:

- Thế bao giờ thì các chú làm xong những cuốn sách đầu tiên?

Các đồng chí hứa với Người, đến ngày 2 tháng 9: Trước khi in, các chú gửi cho Bác xem một số bài. Viết giản dị thôi và phải đúng sự thật. Không được bịa ra. Gửi cho Bác xem cả bìa sách và một số tranh vẽ các chú định làm. Ta làm những cuốn đầu tiên, rồi rút kinh nghiệm để làm tốt hơn những cuốn sau này.

(Nguồn: Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần 2, t12, tr547 - 559)

**Phụ lục II –
MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI**

**QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
KHÓA HỌP THỨ V - NGÀY 15- 20 THÁNG 9 NĂM 1955**

**BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN NGHIÊN CỨU BA VẤN ĐỀ
QUỐC KỶ, QUỐC CA, QUỐC HUY¹**

*Bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng
Trưởng tiểu ban đọc*

Thưa Chủ tịch đoàn

Thưa các vị đại biểu

Trong khoá họp này, Chính phủ có trình Quốc hội xét và Quốc hội có giao cho tiểu ban chúng tôi nghiên cứu các vấn đề thuộc Quốc kỳ, Quốc ca và Quốc huy, tượng trưng cho cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc cho chế độ dân chủ cộng hoà, cho Tổ quốc Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu báo cáo của Chính phủ, thảo luận trong Tiểu ban, lấy ý kiến của một số các vị đại biểu và của nhân dân, đồng thời cũng xét lại quá trình xây dựng mẫu Quốc huy trong mấy năm nay, Tiểu ban chúng tôi xin trình bày trước Quốc hội kết quả của việc nghiên cứu đó như sau:

1. VẤN ĐỀ QUY ĐỊNH RÕ MỘT VÀI CHI TIẾT VỀ QUỐC KỶ

Tiểu ban chúng tôi hoàn toàn đồng ý với đề nghị của Chính phủ quy định rằng hình những cánh sao của Quốc kỳ sẽ thon lại, năm nét thẳng đều nhau. Tiểu ban chúng tôi cũng nhận thấy rằng những nét vẽ thẳng, trông đẹp hơn, khoẻ hơn là những cánh sao góc rộng, vả lại trong thực tế, nhân dân từ trước đến nay vẫn vẽ ngôi sao với cánh hình thon, và ngôi

¹ Khoá họp thứ năm Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ngày 15-20 tháng 9 năm 1955.

sao vàng xuất hiện năm 1940 ở Nam Kỳ và ngày 17 - 8 - 1945. Ở Thủ đô cũng hình thon. Bởi vậy, Tiểu ban chúng tôi đề nghị Quốc hội thông qua bản dự án quy định về Quốc kỳ của Chính phủ.

2. VẤN ĐỀ SỬA LỜI CỦA BÀI QUỐC CA

Chính phủ đề nghị Quốc hội cho sửa một vài chỗ về lời của bài Quốc ca. Tiểu ban chúng tôi đã nghiên cứu và thảo luận những đề nghị của Chính phủ theo hai nguyên tắc sau đây;

a) Tôn trọng ý nghĩa và tính chất lịch sử của bài Quốc ca. Lịch sử bài Tiến quân ca đã dính liền với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, trong những ngày thành lập Khu giải phóng chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Vì cần giữ nguyên tính chất lịch sử của bài Quốc ca, cho nên lời ca, nếu vì một lý do gì cần phải sửa chữa, thì nên sửa chữa thật ít.

b) Việc sửa chữa phải căn cứ vào âm hưởng nhịp điệu của nhạc.

Để tiến hành việc sửa lời ca cho thích đáng, Tiểu ban chúng tôi có mời tác giả bài Tiến quân ca là nhạc sĩ Văn Cao đến góp ý kiến với Tiểu ban.

Sau đây là những ý kiến của Tiểu ban chúng tôi: Toàn thể Tiểu ban đều nhìn nhận rằng, với những chỗ sửa chữa mà Chính phủ đề nghị, lời của bộ Quốc ca đã súc tích, rõ ràng và mạnh mẽ hơn trước.

Về căn bản Tiểu ban đồng ý với những đề nghị sửa chữa của Chính phủ. Nhưng chúng tôi nhận thấy còn một vài điểm chi tiết mà Tiểu ban chúng tôi đề nghị sửa lại như sau:

- Đoạn 1, câu thứ 7: "Thắng gian lao bền gan lập chiến khu" hai tiếng "bền gan" xin đổi là "cùng nhau" cho được giản dị, và có ý nghĩa đồng tâm nhất trí, tin tưởng ở sức mạnh đoàn kết trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, vả lại trong giai đoạn này, chiến khu đã thành lập rồi, chứ "cùng nhau" thích hợp hơn là chữ "bền gan", nó có tính cách việc đang làm.

- Đoạn 1, câu 8: "Thê vì dân chiến đấu không sờn" xin đổi là: "Vì nhân dân chiến đấu không ngừng". Bản thân câu này đã là một lời thề, nên không cần để chữ thê ở đầu câu. Vả lại, nếu để chữ "thê vì dân" thì lúc hát sẽ phải hát "Thê vì dân" không đúng nhạc.

"Vì nhân dân chiến đấu không ngừng" hợp với âm hưởng, giản dị, biểu hiện được tinh thần đấu tranh kiên quyết, bền bỉ liên tục. Chữ "sờn" chỉ áp dụng với lòng với chí, chứ không áp dụng vào cuộc chiến đấu. Chữ "không sờn" chỉ tả được lòng kiên quyết, mà không tả được cuộc chiến đấu liên tục. Vả lại vần "ngừng" ăn với vần "trường" của câu sau: tiến mau ra xa trường. Toàn bộ lời ca, chúng tôi đề nghị sẽ như sau:

- Đoạn thứ nhất:

Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc
Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa
Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước
Súng ngoài xa chen khúc quân hành ca
Đường vinh quang xây xác quân thù
Thắng gian lao cùng nhau lập chiến khu
Vì nhân dân chiến đấu không ngừng
Tiến mau ra sa trường
Tiến lên! Cùng tiến lên!
Nước non Việt Nam ta vững bền.

- Đoạn thứ hai:

Đoàn quân Việt Nam đi, sao vàng phấp phới
Đất giống nòi quê hương qua nơi lầm than
Cùng chung sức phấn đấu xây đời mới
Đứng đều lên gông xích ta đập tan
Từ bao lâu ta nuốt căm hờn
Gắng hy sinh đời ta tươi thắm hơn
Vì nhân dân chiến đấu không ngừng
Tiến mau ra sa trường
Tiến lên! Cùng tiến lên!
Nước non Việt Nam ta vững bền.

3. VẤN ĐỀ QUỐC HUY

Quốc huy là một vấn đề mới đặt ra trước Quốc hội, cho nên các vị đại biểu cũng như nhân dân góp rất nhiều ý kiến.

Tiểu ban chúng tôi đã cân nhắc ý kiến của từng người, và trong khi thảo luận về mẫu Quốc huy của Chính phủ, Tiểu ban có mời họa sĩ Trần Văn Cẩn là tác giả của mẫu Quốc huy đến để góp ý kiến với chúng tôi về mặt thực hiện.

Mẫu Quốc huy mà Chính phủ trình bày trước Quốc hội, theo một số các vị đại biểu và nhân dân, vẫn còn thiếu một hình ảnh có tính chất và màu sắc dân tộc.

Có một số các vị đại biểu muốn đưa vào nội dung Quốc huy những hình ảnh của các di tích lịch sử như Chùa Một Cột, Tháp Rùa, Cột Cờ, Đền Hùng Vương, Núi rừng Việt Bắc, Đồng Tháp Mười, hoặc những thắng cảnh của đất nước như Vịnh Hạ Long, Núi Tam Đảo, giải Trường Sơn, Đồng ruộng, biển Đông, hay những đặc sản của nước Việt Nam như cây dừa, cây tre, con trâu, v.v...

Tiểu ban chúng tôi đã nghiên cứu các mặt đó của vấn đề, và nhận thấy như sau: Trước hết nói đến Tháp Rùa, toàn bộ Hồ Gươm mới có ý nghĩa lịch sử. Nhưng lấy riêng Tháp Rùa mà nói, thì theo những tài liệu hiện có Tháp Rùa là một công trình mới xây dựng trong thời Pháp đô hộ. Hơn nữa, Tháp Rùa về kiến trúc có phần ngoại lai. Vì những lẽ đó Tháp Rùa không thể để vào Quốc huy được.

Nói về Chùa Một Cột, thì đây là một công trình kiến trúc có đặc tính dân tộc, nhưng ngoài hình thức mỹ thuật ra, Chùa Một Cột chưa có được một đặc điểm tiêu biểu cho lịch sử chiến đấu của dân tộc, mà cũng không có một quy mô kiến trúc rộng lớn để có thể đưa hình ảnh lên Quốc huy tượng trưng cho nước Việt Nam.

Cột cờ khi kiến trúc cũng không thuần túy dân tộc.

Đền Hùng Vương là một di tích lịch sử mà toàn dân tôn kính nhưng tiếc rằng kiến trúc quá sơ sài, thể hiện lên Quốc huy khó khăn và không đẹp mắt.

Núi rừng Việt Bắc, Đồng Tháp Mười, giải Trường Sơn, biển Đông không có đặc điểm về hình thể để đưa lên Quốc huy.

Vịnh Hạ Long, Núi Tam Đảo chỉ là những phong cảnh không có tính chất lịch sử.

Cây tre, cây dừa, hay con trâu thì không riêng gì Việt Nam ta mới có.

Ở đây chúng tôi cũng cần nói thêm rằng, theo chỗ chúng tôi được biết, thì mấy năm nay, Chính phủ, Ban Thường trực Quốc hội cũng đã đặt vấn đề, và đã xét mấy trăm mẫu Quốc huy mà giới mỹ thuật Việt Nam đã dày công nghiên cứu và trình bày.

Có mẫu được về hình thức mà không được về nội dung như Tháp Rùa, Chùa Một Cột. Có những nội dung có thể chấp nhận được, ví dụ Đền Hùng Vương, Việt Bắc, Đồng Tháp Mười, hay Bản đồ nước Việt Nam, nhưng thể hiện không được trên hình thức.

Vì những lẽ trên kia, Tiểu ban chúng tôi thấy rằng, mẫu Quốc huy mà Chính phủ đưa ra để Quốc hội thông qua trong khoá họp này, lấy Quốc kỳ làm nội dung, là có ý nghĩa hơn cả. Chúng tôi nhận thấy ngôi sao vàng trên nền đỏ thắm là tượng trưng cho lịch sử cách mạng của dân tộc ta, cho tiền đồ sáng lớn của nước ta, là hình ảnh tươi thắm nhất và tiêu biểu nhất cho dân tộc ta cũng như cho chính thể dân chủ cộng hoà của chúng ta. Đó là hình ảnh đẹp nhất và xứng đáng nhất để làm nền cho Quốc huy của chúng ta.

Còn khung ngoài, gồm bông lúa và bánh xe răng, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với bản mẫu mà Chính phủ đã đưa trình Quốc hội.

Về màu sắc, thì hai màu vàng và son đã in sâu vào mỹ cảm của nhân dân Việt Nam, cần được dùng để tô điểm cho Quốc huy, mà không cần phải thêm một màu nào khác. Như thế vừa giản đơn, mà lại không kém phần rực rỡ.

Kết luận, Tiểu ban chúng tôi đồng ý với mẫu Quốc huy mà Chính phủ đã đưa trình Quốc hội và đề nghị Quốc hội thông qua Quốc huy của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, trên nội dung, và trên đại thể bố cục của hình thức về chi tiết thể hiện, Chính phủ có thể điều chỉnh lại cho hoàn mỹ hơn.

Trên đây chúng tôi đã trình bày những ý kiến của Tiểu ban về ba vấn đề Quốc kỳ, Quốc ca và Quốc huy. Chúng tôi đề nghị Quốc hội thông qua. Và nếu được Quốc hội thông qua, chúng tôi đề nghị Chính phủ quy định thể thức công bố và thực hiện cho thống nhất trong toàn quốc Và quy định những trường hợp sử dụng Quốc kỳ, Quốc ca và Quốc huy.

Phụ lục III

HIẾN PHÁP NĂM 1946

CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
(ĐƯỢC QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
THÔNG QUA NGÀY 9 -11-1946)

LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc Cách mạng tháng Tám đã giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hoà.

Sau tám mươi năm tranh đấu, dân tộc Việt Nam đã thoát khỏi vòng áp bức của chính sách thực dân, đồng thời đã gạt bỏ chế độ vua quan Nước nhà đã bước sang một quãng đường mới.

Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ.

Được quốc dân giao cho trách nhiệm thảo bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Quốc hội nhận thấy rằng Hiến pháp Việt Nam phải ghi lấy những thành tích vẻ vang của cách mạng và phải xây dựng trên những nguyên tắc dưới đây:

- Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo;
- Đảm bảo các quyền tự do dân chủ; Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Với tinh thần đoàn kết, phấn đấu sẵn có của toàn dân, dưới một chính thể dân chủ rộng rãi, nước Việt Nam độc lập và thống nhất tiến bước trên đường vinh quang, hạnh phúc, cùng nhịp với trào lưu tiến bộ của thế giới và ý nguyện hòa bình của nhân loại.

CHƯƠNG I CHÍNH THỂ

Điều thứ 1. Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo.

Điều thứ 2. Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia.

Điều thứ 3. Cờ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nền đỏ, giữa có sao vàng năm cánh.

Quốc ca là bài Tiến quân ca.

Thủ đô đặt ở Hà Nội.

CHƯƠNG II NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CÔNG DÂN

MỤC A - NGHĨA VỤ

Điều thứ 4: Mỗi công dân Việt Nam phải:

- Bảo vệ tổ quốc;
- Tôn trọng Hiến pháp;
- Tuân theo pháp luật.

Điều thứ 5. Công dân Việt Nam có nghĩa vụ phải đi lính.

MỤC B - QUYỀN LỢI

Điều thứ 6. Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa.

Điều thứ 7. Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc theo tài năng và đức hạnh của mình.

Điều thứ 8. Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung.

Điều thứ 9. Đàn bà ngang quyền đàn ông về mọi phương diện.

Điều thứ 10. Công dân Việt Nam có quyền:

- Tự do ngôn luận;
- Tự do xuất bản;

- Tự do tổ chức và hội họp;
- Tự do tín ngưỡng;
- Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài.

Điều thứ 11. Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam.

Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam, không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật.

Điều thứ 12. Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm.

Điều thứ 13. Quyền lợi các giới cần lao trí thức và chân tay được bảo đảm.

Điều thứ 14. Những người công dân già cả hoặc tàn tật, không làm được việc thì được giúp đỡ. Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dục.

Điều thứ 15.

Nền sơ học cưỡng bách và không học phí ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiểu số có quyền học bằng tiếng của mình. Học trò nghèo được Chính phủ giúp. Trường tư được mở tự do và phải dạy theo chương trình Nhà nước.

Điều thứ 16. Những người ngoại quốc tranh đấu cho dân chủ và tự do phải trốn tránh thì được ngu trên đất Việt Nam.

MỤC - BẦU CỬ, BÃI MIỄN VÀ PHÚC QUYẾT

Điều thứ 17. Chế độ bầu cử là phổ thông đầu phiếu. Bỏ phiếu phải tự do, trực tiếp và kín.

Điều thứ 18. Tất cả công dân Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người mất công quyền. Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi và phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Công dân tại ngũ cũng có quyền bầu cử và ứng cử.

Điều thứ 19. Cách thức tuyển cử phải do luật định.

Điều thứ 20. Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra, theo Điều thứ 41 và 61 .

Điều thứ 21. Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia, theo Điều thứ 32 và 70.

CHƯƠNG III NGHỊ VIỆN NHÂN DÂN

Điều thứ 22. Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Điều thứ 23. Nghị viện nhân dân giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài.

Điều thứ 24. Nghị viện nhân dân do công dân Việt Nam bầu ra. Ba năm bầu một lần. Cứ 5 vạn dân thì có một nghị viện. Số nghị viện của những đô thị lớn và các địa phương có quốc dân thiểu số sẽ do luật định.

Điều thứ 25. Nghị viện không phải chỉ thay mặt cho địa phương mình mà còn thay mặt cho toàn thể toàn dân.

Điều thứ 26. Nghị viện nhân dân tự thẩm tra xem các nghị viện có được bầu hợp lệ hay không.

Điều thứ 27. Nghị viện nhân dân bầu một Nghị trưởng, hai Phó Nghị trưởng, 12 uỷ viên chính thức, 3 uỷ viên dự khuyết để lập thành Ban thường vụ. Nghị trưởng và phó Nghị trưởng kiêm chức Trưởng và Phó trưởng ban thường vụ.

Điều thứ 28. Nghị viện nhân dân mỗi năm họp hai lần do Ban thường vụ triệu tập vào tháng 5 và tháng 11 dương lịch. Ban thường vụ có thể triệu tập hội nghị bất thường nếu xét cần.

Ban thường vụ có thể triệu tập Nghị viện nếu một phần ba tổng số nghị viện hoặc Chính phủ yêu cầu.

Điều thứ 29. Phải có quá nửa tổng số nghị viện tới họp, hội nghị mới được biểu quyết. Nghị viện quyết nghị theo quá nửa số nghị viên có mặt. Nhưng muốn tuyên chiến thì phải có hai phần ba số nghị viên có mặt bỏ phiếu thuận.

Điều thứ 30. Nghị viện họp công khai, công chúng được vào nghe. Các báo chí được phép thuật lại các cuộc thảo luận và quyết định của Nghị viện. Trong những trường hợp đặc biệt, Nghị viện có thể quyết nghị họp kín.

Điều thứ 31. Những luật đã được nghị viên biểu quyết, Chủ tịch nước Việt Nam phải ban bố chậm nhất là mười hôm sau khi nhận được thông tri. Nhưng trong hạn ấy, Chủ tịch có quyền yêu cầu nghị viên thảo luận lại. Những luật đem ra thảo luận lại, nếu vẫn được nghị viên ưng chuẩn thì bắt buộc Chủ tịch phải ban bố.

Điều thứ 32. Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết, nếu hai phần ba tổng số nghị viên đồng ý. Cách thức phúc quyết sẽ do luật định.

Điều thứ 33. Khi nào hai phần ba tổng số nghị viên đồng ý, nghị viện có thể tự giải tán. Ban thường vụ thay mặt nghị viện tuyên bố tự giải tán ấy.

Điều thứ 34. Khi Nghị viện nhân dân đã hết hạn hoặc chưa hết hạn mà tự giải tán, thì Ban thường vụ giữ chức quyền cho đến khi bầu lại Nghị viện nhân dân mới.

Điều thứ 35. Hai tháng trước khi Nghị viện nhân dân hết hạn, Ban thường vụ tuyên bố cuộc bầu cử lại. Cuộc bầu cử mới phải làm xong trong hai tháng trước ngày Nghị viện hết hạn.

Khi Nghị viện nhân dân tự giải tán, Ban thường vụ tuyên bố ngay cuộc bầu cử lại. Cuộc bầu cử mới làm xong trong hai tháng sau ngày Nghị viện tự giải tán.

Chậm nhất là 1 tháng sau cuộc bầu cử, Ban thường vụ phải họp Nghị viện nhân dân mới. Trong khi có chiến tranh mà Nghị viện hết hạn thì Nghị viên hoặc Ban thường vụ có quyền gia hạn thêm một thời gian không nhất định. Nhưng chậm nhất là sáu tháng sau khi chiến tranh kết thúc thì phải bầu lại Nghị viện.

Điều thứ 36. Khi Nghị viện không họp, Ban thường vụ có quyền:

a) Biểu quyết những dự án sắc luật của Chính phủ. Những sắc luật đó phải đem trình Nghị viện vào phiên họp gần nhất để Nghị viện ứng chuẩn hoặc phế bỏ.

b) Triệu tập Nghị viện nhân dân.

c) Kiểm soát và phê bình Chính phủ.

Điều thứ 37. Phải có quá nửa tổng số nhân viên bỏ phiếu thuận, những nghị quyết của Ban thường vụ mới có giá trị.

Điều thứ 38. Khi Nghị viện không họp được, Ban thường vụ cùng với Chính phủ có quyết định tuyên chiến hay đình chiến.

Điều thứ 39. Đầu mỗi khoá họp, sau khi Ban thường vụ báo cáo công việc, vấn đề bỏ phiếu tín nhiệm Ban thường vụ có thể nêu ra, nếu có một phần tư tổng số Nghị viên yêu cầu. Toàn ban thường vụ cũ có thể được bầu lại.

Điều thứ 40. Nếu chưa được Nghị viện nhân dân đồng ý trong lúc Nghị viện không họp mà chưa được Ban thường vụ đồng ý thì Chính phủ không được bắt giam và xét xử những nghị viên. Nghị viên không bị truy tố vì lời nói hay biểu quyết trong Nghị viện. Trong trường hợp phạm pháp quả tang, Chính phủ có thể bắt giam nghị viên ngay nhưng chậm nhất là 24 giờ phải thông tri cho Ban thường vụ. Ban thường vụ hoặc Nghị viên sẽ định đoạt. Khi một nghị viên mất quyền ứng cử thì đồng thời mất cả tư cách nghị viên.

Điều thứ 41. Nghị viện phải xét vấn đề bãi miễn một nghị viên khi nhận được đề nghị của một phần tư tổng số cử tri tỉnh hay thành phố đã bầu ra nghị viên đó. Nếu hai phần ba tổng số nghị viên ưng thuận đề nghị bãi miễn thì nghị viên đó phải từ chức.

Điều thứ 42. Phụ cấp của các nghị viên sẽ do luật định.

CHƯƠNG IV CHÍNH PHỦ

Điều thứ 43. Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Điều thứ 44. Chính phủ gồm có Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Phó Chủ tịch và Nội các. Nội các có Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thứ trưởng. Có thể có Phó Thủ tướng.

Điều thứ 45. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chọn trong Nghị viện nhân dân và phải được hai phần ba tổng số nghị viên bỏ phiếu thuận. Nếu bỏ phiếu lần đầu mà không đủ số phiếu ấy, thì lần thứ nhì sẽ theo đa số tương đối. Chủ tịch nước Việt Nam được bầu ra trong thời hạn 5 năm và có thể được bầu lại. Trong vòng một tháng trước khi hết nhiệm kỳ của Chủ tịch, Ban thường vụ phải triệu tập Nghị viện để bầu Chủ tịch mới.

Điều thứ 46. Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chọn trong nhân dân và bầu theo lệ thường. Nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch theo nhiệm kỳ của Nghị viện. Phó Chủ tịch giúp đỡ Chủ tịch.

Khi Chủ tịch từ trần hay từ chức thì Phó Chủ tịch tạm quyền Chủ tịch. Chậm nhất là hai tháng phải bầu Chủ tịch mới.

Điều thứ 47. Chủ tịch nước Việt Nam chọn Thủ tướng trong Nghị viện và đưa ra Nghị viện biểu quyết. Nếu được Nghị viện tín nhiệm, Thủ tướng chọn các Bộ trưởng trong Nghị viện và đưa ra Nghị viện biểu quyết toàn thể danh sách. Thứ trưởng có thể chọn ngoài Nghị viện và do Thủ tướng đề ra Hội đồng Chính phủ duyệt ý. Nhân viên Ban thường vụ Nghị viện không được tham dự vào Chính phủ.

Điều thứ 48. Nếu khuyết Bộ trưởng nào thì Thủ tướng thỏa thuận với Ban thường vụ để chỉ định ngay người tạm thay cho đến khi Nghị viện họp và chuẩn ý.

Điều thứ 49. Quyền hạn của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà:

a) Thay mặt cho nước.

b) Giữ quyền Tổng chỉ huy quân đội toàn quốc, chỉ định hoặc cách chức các tướng soái trong lục quân, hải quân, không quân.

c) Ký sắc lệnh bổ nhiệm Thủ tướng, nhân viên Nội các và nhân viên các cấp thuộc các cơ quan Chính phủ.

d) Chủ tọa Hội đồng Chính phủ.

đ) Ban bố các đạo luật đã được Nghị viện quyết nghị.

e) Thương huy chương và các bằng cấp danh dự.

g) Đặc xá.

h) Ký hiệp ước với các nước.

i) Phái đại biểu Việt Nam đến nước ngoài và tiếp nhận đại biểu ngoại giao của các nước.

k) Tuyên chiến hay đình chiến theo như Điều 38 đã định.

Điều thứ 50. Chủ tịch nước Việt Nam không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc.

Điều thứ 51. Mỗi khi truy tố Chủ tịch, Phó Chủ tịch hay một nhân viên nội các về tội phản quốc, Nghị viện sẽ lập một toà án đặc biệt để xét xử. Việc bắt bớ và truy tố trước toà án một nhân viên Nội các và thường tội phải có sự ưng thuận của Hội đồng Chính phủ.

Điều thứ 52. Quyền hạn của Chính phủ:

a) Thi hành các đạo luật và quyết nghị của Nghị viện.

b) Đề nghị những dự án luật ra trước Nghị viện.

c) Đề nghị những dự án sắc luật ra trước Ban thường vụ, trong lúc Nghị viện không họp mà gặp trường hợp đặc biệt.

d) Bãi bỏ những mệnh lệnh và nghị quyết của cơ quan cấp dưới nếu cần.

đ) Bổ nhiệm hoặc cách chức các nhân viên trong các cơ quan hành chính hoặc chuyên môn.

e) Thi hành luật động viên và mọi phương sách cần thiết để giữ gìn đất nước.

g) Lập dự án ngân sách hàng năm.

Điều thứ 53. Mỗi sắc lệnh của Chính phủ phải có chữ ký của Chủ tịch nước Việt Nam và tùy theo quyền hạn các Bộ, phải có một hay nhiều vị Bộ trưởng tiếp ký. Các vị Bộ trưởng ấy phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện.

Điều thứ 54. Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải

từ chức. Toàn thể Nội các không phải chịu liên đới trách nhiệm về hành vi một Bộ trưởng. Thủ tướng phải chịu trách nhiệm về con đường chính trị của Nội các Nhưng Nghị viện chỉ có thể biểu quyết vấn đề tén nhiệm Thủ tướng, Ban thường vụ hoặc một phần tư tổng số nghị viên nêu vấn đề ấy ra.

Trong hạn 24 giờ sau khi Nghị viện biểu quyết không tén nhiệm Nội các thì Chủ tịch nước Việt Nam có quyền đưa vấn đề tén nhiệm ra Nghị viện thảo luận lại. Cuộc thảo luận lần thứ hai phải cách cuộc thảo luận lần thứ nhất là 48 giờ. Sau cuộc biểu quyết này, Nội các mất tén nhiệm phải từ chức.

Điều thứ 55. Các Bộ trưởng phải trả lời bằng thư từ hoặc trả lời bằng lời nói những điều chất vấn của Nghị viện hoặc của Ban thường vụ Kỳ hạn trả lời chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận được thư chất vấn.

Điều thứ 56. Khi Nghị viện hết hạn hoặc tự giải tán, Nội các giữ chức quyền cho đến khi họp Nghị viện mới.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN HÀNH CHÍNH

Điều thứ 57. Nước Việt Nam về phương diện hành chính, gồm có 3 bộ: Bắc, Trung, Nam. Mỗi bộ chia thành tỉnh, mỗi tỉnh chia thành huyện, mỗi huyện chia thành xã.

Điều thứ 58. Ở tỉnh, thành phố, thị xã, và xã có Hội đồng nhân dân do đầu phiếu phổ thông, trực tiếp bầu ra.

Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, thị xã hay xã cử ra ủy ban hành chính. Ở bộ và huyện, chỉ có ủy ban hành chính. Ủy ban hành chính bộ do Hội đồng các tỉnh và thành phố bầu ra. Ủy ban hành chính huyện do Hội đồng các xã bầu ra.

Điều thứ 59. Hội đồng nhân dân quyết định về những vấn đề thuộc địa phương mình. Những nghị quyết ấy không được trái với chỉ thị của các cấp trên ủy ban hành chính có trách nhiệm:

a) Thi hành các mệnh lệnh của cấp trên;

b) Thi hành các nghị quyết của Hội đồng nhân dân địa phương mình sau khi được cấp trên chuẩn y;

c) Chỉ huy công việc hành chính trong địa phương.

Điều thứ 60. Ủy ban hành chính chịu trách nhiệm đối với cấp trên và đối với Hội đồng nhân dân địa phương mình.

Điều thứ 61. Nhân viên Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính có thể bị bãi miễn. Cách thức bãi miễn sẽ do luật định.

Điều thứ 62. Một đạo luật sẽ định rõ những chi tiết tổ chức các Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính.

CHƯƠNG VI CƠ QUAN TƯ PHÁP

Điều thứ 63. Cơ quan tư pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm có:

a) Tòa án tối cao;

b) Các tòa án phúc thẩm;

c) Các tòa án đệ nhị cấp và sơ cấp.

Điều thứ 64. Các nhân viên thẩm phán đều do Chính phủ bổ nhiệm.

Điều thứ 65. Trong khi xử việc hình thì phải có phụ thẩm nhân dân để tham gia ý kiến nếu là việc tiểu hình, hoặc cùng quyết định với thẩm phán nếu là việc đại hình.

Điều thứ 66. Quốc dân thiểu số có quyền dùng tiếng nói của mình trước tòa án.

Điều thứ 67. Các phiên tòa án đều phải công khai, trừ những trường hợp đặc biệt. Người bị cáo được quyền tự bào chữa lấy hoặc mượn luật sư.

Điều thứ 68. Cấm không được tra tấn, đánh đập, ngược đãi những bị cáo và tội nhân.

Điều thứ 69. Trong khi xét xử, các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp.

CHƯƠNG VII SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Điều thứ 70.

Sửa đổi Hiến pháp phải theo cách thức sau đây:

- a) Do hai phần ba tổng số nghị viên yêu cầu.
- b) Nghị viện bầu ra một ban dự thảo những điều thay đổi.
- c) Những điều thay đổi khi đã được Nghị viện ưng thuận thì phải đưa ra toàn dân phúc quyết.

Bản sao lưu trữ

HIẾN PHÁP NĂM 1959

CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

(Đã được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khoá thứ nhất kỳ họp thứ 11, thông qua ngày 31 tháng 12 năm 1959 và chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà công bố ngày 1 tháng 1 năm 1960)

LỜI NÓI ĐẦU

Nước Việt Nam ta là một nước thống nhất từ Lạng Sơn đến Cà Mau.

Dân tộc Việt Nam trải qua mấy nghìn năm lịch sử là một dân tộc lao động cần cù luôn luôn anh dũng đấu tranh xây dựng đất nước và giữ gìn độc lập của Tổ quốc.

Trong hơn 80 năm nước ta bị thực dân Pháp đô hộ và 5 năm bị phát xít Nhật chiếm đóng, nhân dân Việt Nam đã không ngừng đoàn kết đấu tranh chống ách thống trị của bọn xâm lược nước ngoài để giải phóng đất nước.

Từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, ngày nay là Đảng Lao động Việt Nam, cách mạng Việt Nam đã tiến lên một giai đoạn mới. Cuộc đấu tranh bền bỉ gian khổ và hy sinh dũng cảm của nhân dân ta chống ách thống trị của đế quốc và phong kiến đã giành được thắng lợi vĩ đại: Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập, ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nước Việt Nam độc lập trước quốc dân và toàn thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân dân Việt Nam đã xây dựng một nước Việt Nam độc lập và dân chủ.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, toàn dân Việt Nam từ Bắc chí Nam đã nhiệt liệt tham gia cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội. Quốc hội đã thông qua Hiến pháp đầu tiên ghi rõ những thắng lợi to lớn của nhân dân ta, nêu cao ý chí của toàn thể dân tộc kiên quyết giữ gìn nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc, bảo vệ tự do và quyền lợi dân chủ của nhân dân.

Nhưng đế quốc Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức lại gây chiến tranh xâm lược hòng cướp nước ta và bắt nhân dân ta làm nô lệ một lần nữa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, toàn thể nhân dân ta đoàn kết một lòng đứng lên đánh giặc cứu nước. Đồng thời nhân dân ta đã tiến hành giảm tô và cải cách ruộng đất nhằm đánh đổ giai cấp địa chủ, đem lại ruộng đất cho dân cày. Cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và vô cùng anh dũng của nhân dân Việt Nam, được các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới đồng tình ủng hộ, đã thắng lợi vẻ vang. Với chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân Việt Nam đã đánh bại đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ. Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 được ký kết, hoà bình được lập lại ở Đông Dương trên cơ sở công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta.

Thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam cũng là thắng lợi chung của phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức, của mặt trận hoà bình thế giới và của phe xã hội chủ nghĩa.

Từ khi hoà bình lập lại, ở miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhưng miền Nam còn bị đế quốc và phong kiến thống trị, nước nhà tạm thời còn bị chia làm hai miền.

Cách mạng Việt Nam chuyển sang một hình thế mới. Nhân dân ta cần ra sức củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và tiếp tục đấu tranh để hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Mấy năm qua, nhân dân ta ở miền Bắc đã thu được nhiều thành tích to lớn trong việc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa. Hiện nay, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đang tiến hành thắng lợi.

Trong khi ấy, ở miền Nam, đế quốc Mỹ và bọn tay sai đàn áp dã man phong trào yêu nước của nhân dân ta. Chúng tăng cường binh bị, thực hiện âm mưu biến miền Nam nước ta thành thuộc địa và căn cứ quân sự chuẩn bị chiến tranh của đế quốc Mỹ. Chúng ra sức phá hoại hiệp nghị Giơnevơ, phá hoại hoà bình, phá hoại sự nghiệp thống nhất của nước Việt Nam. Nhưng đồng bào miền Nam luôn luôn anh dũng đấu tranh, không

chịu khuất phục. Nhân dân cả nước đoàn kết một lòng, giương cao ngọn cờ hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, kiên quyết tiến lên giành lấy thắng lợi cuối cùng. Sự nghiệp hoà bình thống nhất Tổ quốc nhất định sẽ thành công.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, Quốc hội ta cần sửa đổi bản Hiến pháp năm 1946 cho thích hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Hiến pháp mới ghi rõ những thắng lợi cách mạng to lớn đã giành được trong thời gian qua và nêu rõ mục tiêu phấn đấu của nhân dân ta trong giai đoạn mới. Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo, Hiến pháp mới quy định chế độ chính trị, kinh tế và xã hội của nước ta, quan hệ bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc trong nước, bảo đảm đưa miền Bắc nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, xây dựng miền Bắc vững mạnh làm cơ sở cho cuộc đấu tranh hoà bình, thống nhất nước nhà.

Hiến pháp mới quy định trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan Nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, nhằm phát huy sức sáng tạo to lớn của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng nước nhà, thống nhất và bảo vệ Tổ quốc. Hiến pháp mới là một Hiến pháp thực sự dân chủ. Hiến pháp mới là sức mạnh động viên nhân dân cả nước ta phấn khởi tiến lên giành những thắng lợi mới. Nhân dân ta quyết phát huy hơn nữa tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết, chí khí đấu tranh và nhiệt tình lao động. Nhân dân ta quyết tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí với các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô vĩ đại tăng cường đoàn kết với nhân dân các nước Á - Phi và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta đoàn kết rộng rãi trong Mặt trận dân tộc thống nhất, nhất định sẽ giành được thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà. Nhân dân ta nhất định xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào công cuộc bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam châu Á và thế giới.

CHƯƠNG I

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Điều 1. Đất nước Việt Nam là một khối Bắc Nam thống nhất không thể chia cắt.

Điều 2. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thành lập và củng cố do thắng lợi mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong cách mạng tháng Tám vẻ vang và kháng chiến anh dũng, là một nước dân chủ nhân dân.

Điều 3. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc.

Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Nhà nước có nhiệm vụ gìn giữ và phát triển sự đoàn kết giữa các dân tộc. Mọi hành vi khinh miệt, áp bức, chia rẽ dân tộc đều bị nghiêm cấm.

Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục, tập quán, dùng tiếng nói, chữ viết, phát triển văn hóa dân tộc của mình. Những địa phương có dân tộc thiểu số sống tập trung thì có thể thành lập khu vực tự trị. Khu vực tự trị là bộ phận không thể tách rời được của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Nhà nước ra sức giúp đỡ các dân tộc thiểu số mau tiến kịp trình độ kinh tế và văn hóa chung.

Điều 4. Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan nhà nước khác đều thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ.

Điều 5. Việc tuyển cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đều tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có thể bị cử tri bãi miễn trước khi hết nhiệm kỳ nếu tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Điều 6. Tất cả các cơ quan Nhà nước đều phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Tất cả các nhân viên cơ quan Nhà nước đều phải trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, tuân theo Hiến pháp và pháp luật, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân.

Điều 7. Nhà nước nghiêm cấm và trừng trị mọi hành động phản quốc, chống lại chế độ dân chủ nhân dân, chống lại sự nghiệp thống nhất Tổ quốc.

Điều 8. Lực lượng vũ trang của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là của nhân dân, có nhiệm vụ bảo vệ thành quả của cách mạng, bảo vệ độc lập chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn và an ninh Tổ quốc, bảo vệ tự do, hạnh phúc và sự nghiệp lao động hòa bình của nhân dân.

CHƯƠNG II CHẾ ĐỘ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Điều 9. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Mục đích cơ bản của chính sách kinh tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là không ngừng phát triển sức sản xuất nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Điều 10. Nhà nước lãnh đạo hoạt động kinh tế theo một kế hoạch thống nhất. Nhà nước dựa vào các cơ quan Nhà nước, tổ chức công đoàn, hợp tác xã và các tổ chức khác của nhân dân lao động để xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế.

Điều 11. Ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong thời kỳ quá độ, các hình thức sở hữu chủ yếu về tư liệu sản xuất hiện nay là hình thức sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân, hình thức sở hữu của hợp tác xã tức là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, hình thức sở hữu của người lao động riêng lẻ, và hình thức sở hữu của nhà tư sản dân tộc.

Điều 12. Kinh tế quốc doanh thuộc hình thức sở hữu của toàn dân, giữ vai trò lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân và được Nhà nước bảo đảm phát triển ưu tiên.

Các hầm mỏ, sông ngòi, và những rừng cây, đất hoang, tài nguyên khác mà pháp luật quy định là của Nhà nước, đều thuộc quyền sở hữu của toàn dân.

Điều 13. Kinh tế hợp tác xã thuộc hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động.

Nhà nước đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ sự phát triển của kinh tế hợp tác xã.

Điều 14. Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của nông dân.

Nhà nước ra sức hướng dẫn, giúp đỡ nông dân cải tiến kỹ thuật canh tác, phát triển sản xuất, và khuyến khích nông dân tổ chức hợp tác xã sản xuất, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã vay mượn theo nguyên tắc tự nguyện.

Điều 15. Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất của những người làm nghề thủ công và những người lao động riêng lẻ khác.

Nhà nước ra sức hướng dẫn, giúp đỡ những người làm nghề thủ công và những người làm ăn riêng lẻ khác cải tiến cách làm ăn và khuyến khích họ tổ chức hợp tác xã sản xuất và hợp tác xã mua bán theo nguyên tắc tự nguyện.

Điều 16. Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của nhà tư sản dân tộc.

Nhà nước ra sức hướng dẫn các nhà tư sản dân tộc hoạt động có lợi cho quốc kế dân sinh, góp phần phát triển kinh tế quốc dân phù hợp với kế hoạch kinh tế của Nhà nước. Nhà nước khuyến khích và hướng dẫn các nhà tư sản dân tộc đi theo con đường cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng hình thức công tư hợp doanh và những hình thức cải tạo khác.

Điều 17. Nhà nước nghiêm cấm việc lợi dụng tài sản tư hữu để làm rối loạn sinh hoạt kinh tế của xã hội, phá hoại kế hoạch kinh tế Nhà nước.

Điều 18. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu của công dân về của cải thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở và các thứ vật dụng riêng khác.

Điều 19. Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền thừa kế tài sản tư hữu của công dân.

Điều 20. Chỉ khi nào cần thiết vì lợi ích chung. Nhà nước mới trưng mua, hoặc trưng dụng, trưng thu có bồi thường thích đáng các tư liệu sản xuất ở thành thị và nông thôn, trong phạm vi và điều kiện do pháp luật quy định.

Điều 21. Lao động là cơ sở để phát triển kinh tế quốc dân và nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Lao động là nghĩa vụ và vinh dự của người công dân.

Nhà nước khuyến khích tính sáng tạo và tinh thần tích cực trong lao động của những người lao động chân tay và lao động trí óc.

CHƯƠNG III QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Điều 22. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều bình đẳng trước pháp luật.

Điều 23. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, không phân biệt dân tộc, nòi giống, nam nữ, thành phần xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tình trạng tài sản, văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người bị toà án hoặc pháp luật tước quyền bầu cử và ứng cử.

Công dân đang ở trong quân đội có quyền bầu cử và ứng cử.

Điều 24. Phụ nữ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình. Cùng việc làm như nhau, phụ nữ được hưởng lương ngang với nam giới. Nhà nước bảo đảm cho phụ nữ công nhân và phụ nữ viên chức được nghỉ trước và sau khi đẻ mà vẫn hưởng nguyên lương.

Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và của trẻ em, bảo đảm phát triển các nhà đỡ đẻ, nhà giữ trẻ và vườn trẻ.

Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình.

Điều 25. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình. Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó.

Điều 26. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền tự do tín ngưỡng, hoặc không theo một tôn giáo nào.

Điều 27. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được bảo đảm. Không ai có thể bị bắt nếu không có sự quyết định của Toà án nhân dân hoặc sự phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân.

Điều 28. Pháp luật bảo đảm nhà ở của công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không bị xâm phạm, thư tín được giữ bí mật.

Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền tự do cư trú và đi lại.

Điều 29. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền khiếu nại và tố cáo với bất cứ cơ quan Nhà nước nào về những hành vi phạm pháp của nhân viên cơ quan Nhà nước. Những việc khiếu nại và tố cáo phải được xét và giải quyết nhanh chóng. Người bị thiệt hại vì hành vi phạm pháp của nhân viên cơ quan Nhà nước có quyền được bồi thường.

Điều 30. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền làm việc. Nhà nước dựa vào sự phát triển có kế hoạch của nền kinh tế quốc dân, dần dần mở rộng công việc làm, cải thiện điều kiện lao động và lương bổng, để bảo đảm cho công dân được hưởng quyền đó.

Điều 31. Người lao động có quyền nghỉ ngơi. Nhà nước quy định thời giờ làm việc và chế độ nghỉ ngơi của công nhân và viên chức, mở rộng dần những điều kiện vật chất về nghỉ ngơi và an dưỡng, để bảo đảm cho người lao động được hưởng quyền đó.

Điều 32. Người lao động có quyền được giúp đỡ về vật chất khi già yếu, bệnh tật, hoặc mất sức lao động. Nhà nước mở rộng dần các tổ chức bảo hiểm xã hội, cứu tế và y tế để đảm bảo cho người lao động được hưởng quyền đó.

Điều 33. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền học tập. Nhà nước thực hiện từng bước chế độ giáo dục cưỡng bách, phát triển dần các trường học và cơ quan văn hóa, phát triển các hình thức giáo dục bổ túc văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ, tại các cơ quan, xí nghiệp và các tổ chức khác ở thành thị và nông thôn, để bảo đảm cho công dân được hưởng quyền đó.

Điều 34. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền tự do nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học, nghệ thuật, và tiến hành các hoạt động văn hóa khác. Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ tính sáng tạo của những công dân theo đuổi sự nghiệp khoa học, văn học, nghệ thuật và các sự nghiệp văn hóa khác.

Điều 35. Nhà nước chú trọng đặc biệt việc giáo dục thanh niên về đức dục, trí dục, thể dục.

Điều 36. Nhà nước bảo hộ quyền lợi chính đáng của Việt kiều.

Điều 37. Những người nước ngoài vì đấu tranh cho tự do, cho chính nghĩa, cho hoà bình và sự nghiệp khoa học mà bị bức hại đều được Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho phép trú ngụ.

Điều 38.

Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của nhà nước và của nhân dân.

Điều 39. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng, và những quy tắc sinh hoạt xã hội.

Điều 40. Tài sản công cộng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là thiêng liêng không thể xâm phạm. Công dân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản công cộng.

Điều 41. Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có nghĩa vụ đóng thuế theo pháp luật.

Điều 42. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý nhất của công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Công dân có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc.

CHƯƠNG IV QUỐC HỘI

Điều 43. Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Điều 44. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Điều 45. Nhiệm kỳ của mỗi khoá Quốc hội là bốn năm. Hai tháng trước khi Quốc hội hết nhiệm kỳ thì phải bầu xong Quốc hội mới.

Thế lệ tuyển cử và số đại biểu Quốc hội do luật định. Trong trường hợp xảy ra chiến tranh hoặc các trường hợp bất thường khác, Quốc hội có thể quyết định kéo dài nhiệm kỳ của mình và những biện pháp cần thiết để bảo đảm sự hoạt động của Quốc hội và của đại biểu Quốc hội.

Điều 48. Quốc hội mỗi năm họp hai lần, do ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể triệu tập Quốc hội họp bất thường theo quyết định của mình hoặc theo yêu cầu của Hội đồng Chính phủ hay của ít nhất là một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải triệu tập Quốc hội mới chậm nhất là hai tháng sau khi tuyển cử.

Điều 47. Khi Quốc hội họp thì bầu Chủ tịch đoàn để điều khiển cuộc họp.

Điều 48. Các đạo luật và các nghị quyết của Quốc hội phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định ở Điều 112 của Hiến pháp.

Điều 49. Các đạo luật phải được công bố chậm nhất là mười lăm ngày sau khi Quốc hội đã thông qua.

Điều 50. Quốc hội có những quyền hạn sau đây;

1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp;
2. Làm pháp luật;
3. Giám sát việc thực hành Hiến pháp;
4. Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa;

5. Theo đề nghị của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định cử Thủ tướng Chính phủ; theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ quyết định cử Phó thủ tướng và các thành viên khác của Hội đồng quốc phòng;

6. Bầu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

7. Bầu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

8. Bãi miễn Chủ tịch, Phó chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Thủ tướng, Phó thủ tướng và những thành viên khác của Hội đồng Chính phủ, Phó Chủ tịch và những thành viên khác của Hội đồng quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

9. Quyết định kế hoạch kinh tế Nhà nước;

10. Xét duyệt và phê chuẩn dự toán và quyết toán ngân sách của Nhà nước;

11. Ấn định các thứ thuế,

12. Phê chuẩn việc thành lập và bãi bỏ các Bộ và các cơ quan ngang Bộ;

13. Phê chuẩn việc phân vạch địa giới các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương;

14. Quyết định đại xá;

15. Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình;

16. Những quyền hạn cần thiết khác do Quốc hội định.

Điều 51. Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội do Quốc hội bầu ra.

Ủy ban Thường vụ gồm có:

- Chủ tịch;

- Các phó chủ tịch;

- Tổng thư ký;

- Các ủy viên.

Điều 52. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Quốc hội có quyền bãi miễn các thành viên của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 53.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội có những quyền hạn sau đây:

1. Tuyên bố việc chủ trì tuyên cử đại biểu Quốc hội.
2. Triệu tập Quốc hội;
3. Giải thích pháp luật;
4. Ra pháp lệnh;
5. Quyết định việc trưng cầu ý kiến nhân dân;
6. Giám sát công tác của Hội đồng Chính phủ, của Tòa án nhân dân tối cao và của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
7. Sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị định, nghị quyết, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ trái với Hiến pháp, pháp luật, pháp lệnh; sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết không thích đáng của Hội đồng nhân dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, và giải tán các Hội đồng nhân dân nói trên trong trường hợp các Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại đến quyền lợi nhân dân một cách nghiêm trọng;
8. Trong thời gian Quốc hội không họp, quyết định việc bổ nhiệm hoặc bãi miễn Phó Thủ tướng và những thành viên khác của Hội đồng Chính phủ;
9. Bổ nhiệm hoặc bãi miễn Phó chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
10. Bổ nhiệm hoặc bãi miễn Phó Viện trưởng, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
11. Quyết định việc bổ nhiệm hoặc bãi miễn các đại diện toàn quyền ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở nước ngoài;
12. Quyết định việc phê chuẩn hoặc bãi bỏ những hiệp ước ký với nước ngoài, trừ trường hợp mà ủy ban Thường vụ Quốc hội xét cần phải trình Quốc hội quyết định;
13. Quy định hàm và cấp quân sự, ngoại giao và những hàm và cấp khác;

14. Quyết định đặc xá;

15. Quy định và quyết định việc tặng thưởng huân chương và danh hiệu vinh dự của Nhà nước;

16. Trong thời gian Quốc hội không họp, quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh trong trường hợp nước nhà bị xâm lược;

17. Quyết định việc tổng động viên hoặc động viên cục bộ;

18. Quyết định việc giới nghiêm trong toàn quốc hoặc từng địa phương.

Ngoài những quyền hạn trên, Quốc hội có thể trao cho ủy ban Thường vụ Quốc hội những quyền hạn khác khi xét thấy cần thiết.

Điều 54. Những nghị quyết của ủy ban Thường vụ Quốc hội phải được quá nửa tổng số ủy viên biểu quyết tán thành.

Điều 55. Ủy ban Thường vụ Quốc hội làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội mới bầu xong ủy ban thường vụ mới.

Điều 56. Quốc hội bầu ra ủy ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại biểu Quốc hội. Quốc hội căn cứ vào báo cáo của ủy ban thẩm tra mà quyết định xác nhận tư cách đại biểu của đại biểu Quốc hội.

Điều 57. Quốc hội thành lập ủy ban dự án pháp luật, ủy ban kế hoạch và ngân sách, và những ủy ban khác mà Quốc hội xét thấy cần thiết để giúp Quốc hội và ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 58. Nếu Quốc hội nhận thấy cần thiết, và trong thời gian Quốc hội không họp, nếu ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy cần thiết, thì có thể tổ chức các ủy ban điều tra về những vấn đề nhất định. Trong khi ủy ban điều tra làm việc, các cơ quan Nhà nước, đoàn thể nhân dân và công dân có nhiệm vụ cung cấp tài liệu cần thiết cho ủy ban điều tra.

Điều 59. Các đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Hội đồng Chính phủ và các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ.

Cơ quan bị chất vấn phải trả lời trong thời hạn năm ngày; trường hợp cần phải điều tra thì thời hạn trả lời là một tháng.

Điều 60. Nếu không có sự đồng ý của Quốc hội, và trong thời gian Quốc hội không họp, nếu không có sự đồng ý của ủy ban Thường vụ Quốc hội thì không được bắt giam và truy tố đại biểu Quốc hội.

CHƯƠNG V

CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Điều 61. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là người thay mặt cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mặt đối nội và đối ngoại.

Điều 62. Do Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bầu ra. Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa từ ba mươi lăm tuổi trở lên có quyền ứng cử Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhiệm kỳ của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Điều 63. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa căn cứ vào quyết định của Quốc hội hoặc của ủy ban Thường vụ Quốc hội mà công bố pháp luật pháp lệnh, bổ nhiệm, bãi miễn Thủ tướng. Phó thủ tướng và các thành viên khác của Hội đồng Chính phủ; bổ nhiệm, bãi miễn Phó chủ tịch, và các thành viên khác của Hội đồng quốc phòng; công bố lệnh đại xá và lệnh đặc xá; tặng thưởng huân chương và danh hiệu vinh dự của Nhà nước; tuyên bố tình trạng chiến tranh; công bố lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố lệnh giới nghiêm.

Điều 64. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp nhận đại diện toàn quyền ngoại giao của nước ngoài cử đến; căn cứ vào quyết định của Quốc hội hoặc của ủy ban Thường vụ Quốc hội mà phê chuẩn hiệp ước ký với nước ngoài, cử và triệu hồi đại diện toàn quyền ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở nước ngoài.

Điều 65. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thống lĩnh các lực lượng vũ trang toàn quốc, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quốc phòng.

Điều 66. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khi xét thấy cần thiết có quyền tham dự và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ.

Điều 67. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khi xét thấy cần thiết thì triệu tập và chủ tọa Hội nghị chính trị đặc biệt.

Hội nghị chính trị đặc biệt gồm có Chủ tịch và Phó chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và những người hữu quan khác. Hội nghị chính trị đặc biệt xét những vấn đề lớn của nước nhà. Những ý kiến của Hội nghị chính trị đặc

biệt do Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuyển đến Quốc hội, ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Chính phủ hoặc các cơ quan hữu quan khác để thảo luận và ra quyết định.

Điều 68. Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giúp Chủ tịch làm nhiệm vụ, có thể được Chủ tịch ủy nhiệm thay thế Chủ tịch trong tong bộ phận chức quyền.

Việc tuyển cử và nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch quy định như việc tuyển cử và nhiệm kỳ của Chủ tịch.

Điều 69. Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa làm nhiệm vụ cho đến khi Chủ tịch mới và Phó chủ tịch mới nhận chức.

Điều 70. Khi Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vì tình hình sức khỏe mà không làm việc được trong một thời gian dài thì Phó Chủ tịch quyền Chủ tịch.

Khi Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khuyết thì Phó Chủ tịch quyền Chủ tịch cho đến khi bầu xong Chủ tịch mới.

CHƯƠNG VI HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Điều 71. Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, và là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 72.

Hội đồng Chính phủ gồm có:

- Thủ tướng;
- Các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ trưởng;
- Các Chủ nhiệm các ủy ban Nhà nước;

- Tổng giám đốc ngân hàng Nhà nước.
- Tổ chức của Hội đồng Chính phủ do luật định.

Điều 73. Hội đồng Chính phủ căn cứ vào Hiến pháp, pháp luật và pháp lệnh mà quy định những biện pháp hành chính, ban bố những nghị định, nghị quyết, chỉ thị và kiểm tra việc thi hành những nghị định, nghị quyết và chỉ thị ấy.

Điều 74. Hội đồng Chính phủ có những quyền hạn sau đây:

1. Trình dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác ra trước Quốc hội và ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Thống nhất lãnh đạo công tác của các Bộ và các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ;

3. Thống nhất lãnh đạo công tác của ủy ban hành chính các cấp;

4. Sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của các Bộ, các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ; sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của ủy ban hành chính các cấp;

5. Đình chỉ việc thi hành những nghị quyết không thích đáng của.

Hội đồng nhân dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương và đề nghị ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết ấy;

6. Chấp hành kế hoạch kinh tế và ngân sách Nhà nước;

7. Quản lý nội thương và ngoại thương;

8. Quản lý công tác văn hóa, xã hội;

9. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, duy trì trật tự công cộng, bảo hộ quyền lợi công dân;

10. Lãnh đạo việc xây dựng lực lượng vũ trang của Nhà nước;

11. Quản lý công tác đối ngoại;

12. Quản lý công tác dân tộc;

13. Phê chuẩn sự phân vạch địa giới của các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh;

14. Thi hành lệnh động viên, lệnh giới nghiêm và mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ đất nước;

15. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các nhân viên cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Ngoài những quyền hạn trên, Quốc hội hoặc ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể trao cho Hội đồng Chính phủ những quyền hạn khác khi xét thấy cần thiết.

Điều 75. Thủ tướng Chính phủ chủ tọa Hội đồng Chính phủ và lãnh đạo. Các thành phố có thể chia thành khu phố có Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính theo quyết định của Hội đồng Chính phủ.

Điều 80. Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương.

Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương.

Điều 81. Nhiệm kỳ của mỗi khoá Hội đồng nhân dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương là ba năm. Nhiệm kỳ của mỗi khoá Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, thị xã, xã, thị trấn, khu phố là hai năm.

Nhiệm kỳ của mỗi khoá Hội đồng nhân dân các cấp trong khu vực tự trị do luật định.

Điều 82. Hội đồng nhân dân bảo đảm sự tôn trọng và chấp hành pháp luật của Nhà nước ở địa phương; đặt kế hoạch xây dựng kinh tế, văn hóa và những sự nghiệp lợi ích công cộng ở địa phương; xét duyệt và phê chuẩn dự toán và quyết toán ngân sách của địa phương; duy trì trật tự an ninh ở địa phương, bảo vệ tài sản công cộng, bảo hộ quyền lợi của công dân, bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc.

Điều 83. Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên, Hội đồng nhân dân ra những nghị quyết thi hành ở địa phương.

Điều 84. Hội đồng nhân dân bầu ra ủy ban hành chính và có quyền bãi miễn các thành viên của ủy ban hành chính.

Hội đồng nhân dân bầu và bãi miễn Chánh án Tòa án nhân dân cấp mình.

Điều 85. Hội đồng nhân dân có quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của ủy ban hành chính cấp mình, có quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết không thích đáng của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp và những quyết định không thích đáng của ủy ban hành chính cấp dưới trực tiếp.

Điều 86. Hội đồng nhân dân các Chính phủ có quyền giải tán Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp khi Hội đồng nhân dân này làm thiệt hại đến quyền lợi nhân dân một cách nghiêm trọng. Nghị quyết giải tán được Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn trước khi thi hành. Nghị quyết giải tán của Hội đồng nhân dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương phải được ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn trước khi thi hành.

Điều 87. Ủy ban hành chính các cấp là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân địa phương, là cơ quan hành chính của Nhà nước ở địa phương.

Điều 88. Ủy ban hành chính gồm có Chủ tịch, một hoặc nhiều Phó chủ tịch, ủy viên Thư ký và các ủy viên. Nhiệm kỳ của ủy ban hành chính theo Hội đồng nhân dân đã bầu ra mình.

Khi Hội đồng nhân dân đã hết nhiệm kỳ hoặc bị giải tán, ủy ban hành chính tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân mới bầu ra ủy ban hành chính mới.

Tổ chức của ủy ban hành chính các cấp do luật định.

Điều 89. Ủy ban hành chính các cấp quản lý công tác hành chính của địa phương, chấp hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình và nghị quyết, mệnh lệnh của cơ quan hành chính Nhà nước cấp trên.

Ủy ban hành chính các cấp chiếu theo quyền hạn do luật định mà ra quyết định, chỉ thị và kiểm tra việc thi hành những quyết định chỉ thị ấy.

ĐIỀU 90. Ủy ban hành chính các cấp lãnh đạo công tác của các ngành thuộc quyền mình và các ủy ban hành chính cấp dưới.

Ủy ban hành chính các Chính phủ có quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của các ngành công tác thuộc quyền mình và của ủy ban hành chính cấp dưới.

Ủy ban hành chính các cấp có quyền đình chỉ việc thi hành những nghị quyết không thích đáng của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp và

đề nghị Hội đồng nhân dân cấp mình sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết ấy.

Điều 91. Ủy ban hành chính các cấp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cấp mình và trước cơ quan hành chính Nhà nước cấp trên trực tiếp.

Ủy ban hành chính các cấp chịu sự lãnh đạo của ủy ban hành chính cấp trên và sự lãnh đạo thống nhất của Hội đồng Chính phủ. Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính ở các khu vực tự trị.

Điều 92. Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính ở các khu vực tự trị phải căn cứ vào những nguyên tắc cơ bản về tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp quy định ở trên.

Điều 93. Trong những khu vực tự trị có nhiều dân tộc sống xen lẫn. Hội đồng nhân dân sẽ có số đại biểu thích đáng của các dân tộc.

Điều 94. Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các khu vực tự trị chiếu theo phạm vi quyền hạn tự trị do pháp luật quy định mà đặt kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa thích hợp với tình hình địa phương, quản lý tài chính, tổ chức các lực lượng dân quân tự vệ và công an của địa phương.

Điều 95. Trong phạm vi quyền hạn tự trị, Hội đồng nhân dân các khu vực tự trị có thể chiếu theo những đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa của các dân tộc ở địa phương mà đặt ra điều lệ tự trị và những điều lệ về những vấn đề riêng biệt để thi hành ở địa phương sau khi đã được ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Điều 96. Cơ quan Nhà nước cấp trên phải bảo đảm cho Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các khu vực tự trị sử dụng quyền tự trị và giúp đỡ các dân tộc thiểu số tiến hành thuận lợi việc xây dựng chính trị, kinh tế và văn hóa của mình.

CHƯƠNG VIII TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Điều 97. Tòa án nhân dân tối cao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự là những cơ quan

xét xử của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong trường hợp cần xét xử những vụ án đặc biệt, Quốc hội có thể quyết định thành lập toà án đặc biệt.

Điều 98. Các toà án nhân dân thực hành chế độ Thẩm phán bầu theo quy định của pháp luật.

Nhiệm kỳ của Chánh án Toà án nhân dân tối cao là năm năm.

Tổ chức của các Toà án nhân dân do luật định.

Điều 99. Việc xét xử ở các toà án nhân dân có Hội thẩm nhân dân tham gia theo quy định của pháp luật. Khi xét xử, Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán.

Điều 100. Khi xét xử, Toà án nhân dân có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 101. Việc xét xử tại các Toà án nhân dân đều công khai, trừ những trường hợp đặc biệt do luật định.

Quyền bào chữa của người bị cáo được bảo đảm.

Điều 102. Toà án nhân dân bảo đảm cho công dân nước Việt Nam Dân chủ

Cộng hoà thuộc các dân tộc thiểu số có thể dùng tiếng nói và chữ viết của mình trước tòa án.

Điều 103. Toà án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Toà án nhân dân tối cao giám đốc việc xét xử của các Toà án nhân dân địa phương, Toà án quân sự và Toà án đặc biệt.

Điều 104. Toà án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các Toà án nhân dân địa phương chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân địa phương.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Điều 105. Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan thuộc Hội

đồng Chính phủ, cơ quan Nhà nước địa phương, các nhân viên cơ quan Nhà nước và công dân.

Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương và Viện kiểm sát quân sự có quyền kiểm sát trong phạm vi do luật định.

Điều 106. Nhiệm kỳ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là năm năm.

Tổ chức của các Viện kiểm sát nhân dân do luật định.

Điều 107. Viện kiểm sát nhân dân các cấp chỉ chịu sự lãnh đạo của Viện kiểm sát nhân dân cấp trên và sự lãnh đạo thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 108. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước ủy ban Thường vụ Quốc hội.

CHƯƠNG IX QUỐC KỶ - QUỐC HUY - THỦ ĐỒ

Điều 109. Quốc kỳ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Điều 110. Quốc huy nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng cưa và dòng chữ: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Điều 111. Thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Hà Nội.

CHƯƠNG X SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Điều 112. Chỉ có Quốc hội mới có quyền sửa đổi Hiến pháp. Việc sửa đổi phải được ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 . Tài liệu tham khảo

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội I đến Đại hội IX.
2. Dự thảo Đề cương các văn kiện trình Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam
3. Công trình khoa học cấp Nhà nước. nghiên cứu "Lịch sử Chính phủ". 3tập: Tập 1 (1945-1955), tập 2 (1955-1975), tập 3 (1975-2002)
4. Từ điển giải nghĩa thuật ngữ hành chính, NXB Lao Động 2002.
5. Phan Ngọc Liên, Hồ Chí Minh những hoạt động quốc tế, NXB QĐND, H.1994.
6. Song Thành, Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Hồ Chí Minh, NXB CTQG, H, 1997.
7. Đặng Xuân Kỳ, Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh, NXB CTQG, H. 1997.
8. Võ Nguyên Giáp, Tư tưởng Bác Hồ soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta, NXB Sự thật, H, 1990.
9. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay (Chương trình KX02, "Tư tưởng Hồ Chí Minh")
10. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, truyền thống dân tộc và nhân loại (Chương trình KX 02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh"), NXB KHXH, H, 1993.
11. Hồ Chủ tịch ở Pháp năm 1946 (Bảo tàng Cách mạng Việt Nam và NXB Hà Nội 1995).
12. Trần Văn Giàu, Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB CTQG, H, 1997.
13. Phùng Hữu Phú, Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh, NXB CTQG, H, 1995.
14. Tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại, ban Khoa học xã hội, thành ủy Tp Hồ Chí Minh 1992.

15. Jonh Lê Văn Hoá. Tìm hiểu nền tảng văn hoá dân tộc trong tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh.
16. Furuta Motoo: Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới.
17. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn: Các tham luận của các học giả trong nước trong Hội thảo Việt Nam học. "Việt Nam trong thế kỷ XX".
18. Văn phòng Quốc hội: Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội và Hội đồng nhân dân. NXB CTQG, H. 1996.
19. Đỗ Quang Hưng. Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh. NXB Lao Động, H. 1999.
20. Nguyễn Văn Khoan. Bác Hồ - con người và phong cách. NXB Trẻ, H. 2005.
21. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật (chương trình KX 02 "Tư tưởng Hồ Chí Minh").
22. Phạm Thành - Nguyễn Khắc Mai. Tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh. NXB Sự thật, H.1991.
23. Vũ Kỳ. Bác Hồ viết Di chúc. NXB CTQG, H. 1999.
24. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: Từ Đà Lạt đến Paris. NXB Hà Nội.1996.
25. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh những sự kiện. NXB TTLL.
26. Bùi Đình Phong. Đỉnh cao tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá. NXB Lao Động H. 2001.
27. Nguyễn Việt Hồng, Vụ án Hongkong năm 1931. NXB Lao Động, H.1996.
28. Đoàn Trọng Truyền, Nhà nước và tổ chức hành pháp của các nước tư bản, NXB KHKT, H, 1993.
29. Nguyễn Hữu Khiển, Tìm hiểu về hành chính nhà nước. NXB KHXH, H,1999.
30. Nguyễn Cơ Thạch, Thế giới trong 50 năm qua (1945-1995) và thế giới trong 25 năm tới (1996-2020), NXB CTQG, H. 1998.
31. Nguyễn Văn Thám, Soạn thảo và xử lý văn bản.... NXB CTQG, H, 1995.

2. Công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh của tác giả đã công bố liên quan đến nội dung khoa học của cuốn sách này

1. Trần Đình Huỳnh. Mạch Quang Thắng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng của chúng ta. Nhà xuất bản Lao Động, 1993.

2. Trần Đình Huỳnh. Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng (Chủ biên). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.

3. Trần Đình Huỳnh. Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh (viết chung). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.

4. Trần Đình Huỳnh. Hồ Chí Minh - Về Đảng Cộng sản Việt Nam (sách công cụ) trọn bộ 2 tập Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.

5. Trần Đình Huỳnh. Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền (viết chung với Phan Hữu Tích). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

6. Trần Đình Huỳnh. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng lãnh đạo Nhà nước. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

7. Trần Đình Huỳnh. Gìn vàng giữ ngọc - Nhà xuất bản Lao Động, 1997 và tái bản Nhà xuất bản Hà Nội, 2000.

8. Trần Đình Huỳnh. Lược sử các học thuyết chính trị. Học viện Hành chính Quốc gia, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.

9. Trần Đình Huỳnh. Học thuyết chính trị Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.

10. Trần Đình Huỳnh. Cơ sở lý luận chính trị - hành chính (viết chung với Nguyễn Hữu Khiển và Trần Minh Đoàn, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1998.

11. Trần Đình Huỳnh. Mênh mông trái tim Người. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

12. Trần Đình Huỳnh. Đạo đức, phong cách, lễ lối làm việc của cán bộ công chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh (viết chung), Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

13. Trần Đình Huỳnh. Danh nhân Hồ Chí Minh (trọn bộ 2 tập, viết chung) Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội, 2000.

14. Trần Đình Huỳnh, Phương thức Đảng lãnh đạo. Nhà nước, Nhà xuất bản Hà Nội, 2001.

15. Trần Đình Huỳnh, Danh nhân Hồ Chí Minh - Cuộc đời và những sự kiện, Nhà xuất bản Hà Nội, 2001.

16. Trần Đình Huỳnh, Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá (trọn bộ 2 tập) Chủ biên và đồng tác giả, Nhà xuất bản Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh, 2002.

17. Trần Đình Huỳnh, Danh nhân Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn hóa, năm 2002.

18. Trần Đình Huỳnh, Từ C. Mác đến Hồ Chí Minh - một dòng chảy văn hoá (viết chung với Trịnh Quang Cảnh) Nhà xuất bản Hà Nội, 2003.

19. Trần Đình Huỳnh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền (viết chung với Ngô Kim Ngân), Nhà xuất bản Hà Nội, 2004.

20. Trần Đình Huỳnh, Lý luận chính trị - hành chính, Học viện Hành chính Quốc gia, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2004.

21. Trần Đình Huỳnh, Bàn về khoa học và nghệ thuật lãnh đạo (viết chung) Bộ Nội vụ, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.

22. Trần Đình Huỳnh, Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (giáo trình chuẩn quốc gia) Đồng tác giả, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

MỤC LỤC

* Unesco ra Nghị quyết về tổ chức kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh	5
* Trích lời của Tiến sĩ Modgat Ahmet	7
* Trích lời của GS. TS Sêaphin Quyson	9
Lời tác giả	11

Chương 1

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH TRỊ CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

I. SỰ THỐNG NHẤT VỀ MỤC TIÊU GIỮA CHÍNH TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	13
1. Chính trị	13
2. Hành chính nhà nước	15
3. Sự thống nhất về mục tiêu giữa chính trị và hành chính nhà nước.....	16
II. BẢN CHẤT CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	19
1. Dân chủ và chuyên chính trong hoạt động hành chính nhà nước.....	19
2. Bản chất của Chính phủ	21
3. Bản chất của Ủy ban nhân dân các cấp	22

Chương 11

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI SÁNG LẬP NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC DÂN CHỦ CỦA VIỆT NAM

I KHÁI LƯỢC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC.....	24
1. Cơ sở xã hội của Nhà nước Việt Nam là dân tộc	24

2. Quan niệm về dân chủ. Giải quyết sự lựa chọn giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Xử lý mối quan hệ giữa dân chủ hình thức và dân chủ thực tế	32
3. Phạm vi hoạt động của Nhà nước	34
4. Đặt cơ sở vững chắc cho việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.....	35
5. Thiết kế cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Nhà nước	38
II XÁC LẬP ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CỦA ỦY BAN HÀNH CHÍNH CÁC CẤP	45
1. Cơ quan hành chính nhà nước trước khi có bản Hiến pháp 1946.....	47
2. Cơ quan hành chính các cấp theo quy định của bản Hiến pháp 1946....	54
III GIẢI QUYẾT THÀNH CÔNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VỚI CƠ QUAN LẬP PHÁP VÀ CƠ QUAN TƯ PHÁP TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT	55
IV XÂY DỰNG THỂ CHẾ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM.....	61
V. NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH	75
1. Triết luận dùng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh	76
2. Xây dựng đội ngũ công chức hành chính	96
VI. ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN VÀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG (đạo đức công chức).....	99
1. Đạo đức công dân.....	99
2. Đạo đức cách mạng (đạo đức công chức).....	104
VII. CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA NÓ TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	112
1. Chủ nghĩa cá nhân	114
2. Những biểu hiện chính của chủ nghĩa cá nhân.....	116
3. Chống chủ nghĩa cá nhân và những biểu hiện của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu) trong tổ chức hoạt động của nền hành chính nhà nước.....	131

Chương III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

I VIỆC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO VIỆC XÂY DỰNG
VÀ CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG NHỮNG
NĂM QUA (1987-2005) 138

1 Vài nét về tình hình đất nước và nền hành chính nhà nước
sau ngày thống nhất (1976-1986)..... 138

2. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào cải cách nền hành chính
nhà nước trong những năm qua (1987-2005)..... 145

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức 163

4. Cải cách tài chính công..... 166

II KHUYẾN NGHỊ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH VÀO CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY 168

1 Quán triệt sâu sắc hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh...
"Chủ nghĩa dân tộc là động lực của đất nước"... và "
Thực hiện một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời.. là.
"Phát động chủ nghĩa dân tộc"... 168

2. "Tìm người tài đức... trọng dụng những kẻ hiền năng"
để phát huy nguồn lực nội sinh của dân tộc 175

3. Tiếp tục nắm vững và thực hiện có hiệu quả tư tưởng
Hồ Chí Minh "...Dĩ bất biến, ứng vạn biến trong quan hệ quốc tế 183

4. Chống một số biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trong
tình hình hiện nay 191

4.1. Chống chạy chức quyền 192

4.2. Thống nhất tư tưởng và hành động từ trên xuống dưới,
tập trung sức mạnh của Đảng và Nhà nước để trừng trị công khai
và công minh theo đúng pháp luật tội tham nhũng 195

5. Một vài kiến nghị về giải pháp để chống chủ nghĩa cá nhân trong nền hành chính nhà nước hiện nay.....	198
Kết luận Trích lời của Tiến sĩ Modgat Ahmet.....	206

MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

* Đông Dương	212
*Thư gửi Trung ương Đảng cộng sản Pháp	214
* Đoàn kết giai cấp	217
*Yêu sách của nhân dân An Nam.....	219
*Thư gửi tổng thống Mỹ.....	221
* Việt Nam Yêu cầu Ca	222
* Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ	225
* Chương trình Việt Minh	230
* Chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân	234
* Tuyên ngôn độc lập.....	235
* Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà	238
* Chính phủ là công bộc của dân	240
* Muốn thành cán bộ tốt, phải có tinh thần tự chỉ trích	242
* Gửi đồng bào Nam bộ	243
* Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn trong các ủy ban nhân dân	244
* Tinh thần tự động trong ủy ban nhân dân	246
* Sao cho được lòng dân?.....	247
* Bỏ cách làm tiên ấy đi!	249
* Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng.....	250
* Nhân tài và kiến quốc	253

* Thông đạt	254
* Bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc	255
* Lời khuyên anh em viên chức	257
* Quốc lệnh	258
* Lời phát biểu tại phiên họp bế mạc kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá I nước Việt Nam dân chủ cộng hoà	260
* Tìm người tài đức	261
* Bài nói chuyện trong buổi bế mạc hội nghị cán bộ của đảng lần thứ sáu	262
* Bài nói chuyện với cán bộ tỉnh Thanh Hoá	265
* Bài nói chuyện với các đại biểu thân sĩ trí thức, phú hào tỉnh Thanh Hoá	267
* Thư gửi đồng bào thiếu số Thanh Hoá	273
* Thư gửi các đồng chí Bắc bộ	273
* Thư gửi các đồng chí Trung bộ	279
* Vấn đề cán bộ	283
* Cách lãnh đạo	298
* Thư gửi ủy ban nhân dân tỉnh và huyện ba tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn	311
* Cách làm việc tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách	313
* Bài nói chuyện trong buổi bế mạc hội nghị cán bộ của Đảng lần thứ sáu	315
* Dân vận	318
* Bài nói tại buổi phát động phong trào sản xuất và tiết kiệm	320
* Tình hình và nhiệm vụ (báo cáo tại hội nghị lần thứ 3 – BCHTW Đảng khoá II) (Trích)	325
* Bài nói tại lớp chỉnh huấn đầu tiên của Trung ương	333

* Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu	335
* Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (Trích)	351
* Trích từ tác phẩm "Thường thức chính trị"	361
* Chống nạn giấy tờ.....	363
* Đạo đức công dân	365
* Đạo đức cách mạng.....	367
* Bài nói chuyện tại hội nghị sản xuất cứu đói	368
* Bài nói tại buổi lễ bế mạc lớp chỉnh huấn cán bộ trí thức	371
* Hoa Sen	375
* Đạo đức cách mạng.....	377
* Nói chuyện tại hội nghị cán bộ thanh tra.....	388
* Lời phát biểu tại kỳ họp thứ sáu Quốc hội khoá II.....	390
* Bài nói tại hội nghị phổ biến nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động "nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.....	393
* Bài nói tại hội nghị phổ biến kế hoạch Nhà nước năm 1965	397
* Bài nói tại hội nghị bồi dưỡng chỉnh huấn do Trung ương triệu tập	399
* Bài nói tại đại hội đảng bộ tỉnh Hà Bắc	404
* Bài nói tại kỳ họp hội đồng chính phủ cuối năm 1966	407
* Trả lời phỏng vấn của Sác lơ Phuốcniô, phóng viên báo L'humanité (Pháp)	410
* Ý kiến về việc làm và xuất bản loại sách "Người tốt, việc tốt"	416
* Báo cáo của Tiểu ban nghiên cứu ba vấn đề quốc kỳ, quốc ca, quốc huy	427
* Hiến Pháp năm 1946.....	432
* Hiến Pháp năm 1959.....	443

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tham khảo464
2. Công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh của tác giả
đã công bố liên quan đến nội dung khoa học của cuốn sách này 166

Bản sao lưu trữ

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
TRONG CÔNG CUỘC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC HIỆN NAY**

80 03

*PGS. TRẦN ĐÌNH HUỖNH
TS. TRỊNH QUANG CẢNH*

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

175 Giảng Võ, Hà Nội

ĐT: (04) 8.515380 – Fax: (04) 8.515381

CHI NHÁNH PHÍA NAM

85 Cách Mạng Tháng Tám, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8.390970 – Fax: (08) 9.257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHAN ĐÀO NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

LÊ HUY HÒA

Biên tập:

HỒ PHƯƠNG LAN

LAN PHƯƠNG - BÍCH NGUYỆT

Trình bày:

NGUYỄN THỊ TÁM

Bìa:

HS. ĐÌNH DŨNG

Sửa bản in:

TÁC GIẢ

In 1.000 cuốn, khổ 19x27cm tại XN in Công Ty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình

Giấy phép xuất bản số: 980 – 2007/CXB/49 – 100/LĐ

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2008

**PHÁT HÀNH TẠI TRUNG TÂM
GIỚI THIỆU SÁCH PHÁP LUẬT**

ĐT: 08.9492100 - 0983 815669

Giá : 290.000Đ